

QUYÊN 5

(Quyên Lớn)

(MAHĀ-VAGGA)

VỀ BẢN DỊCH SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Đây là bản dịch chính xác nhất từng câu chữ của kinh văn nguyên thủy với đủ các chú-giải cần thiết. Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Đề hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 *QUYỂN lớn* (*Vagga*); mỗi *QUYỂN* được đặt tên theo tên của *CHƯƠNG đầu tiên* của nó. Toàn bộ kinh có 56 *CHƯƠNG*. Mỗi chương là đồng nghĩa với một *LIÊN-KẾT* (tương ứng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết về *Nhập-Lưu*, liên-kết về *Ca-Diếp*, liên-kết về *Citta* ...). Bản dịch Việt này đánh số *CHƯƠNG* trùng với số *LIÊN-KẾT* luôn. Trong nhiều *CHƯƠNG* lại có các *NHÓM kinh* (*vagga*).

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBD]).

- Còn các chú-giải của các luận giảng (như **Spk**, **Spk-Pt**, **Vism** ...) thì đã được ghi rõ tên ngay đầu câu.

- Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như **12:08**, **56:34** có nghĩa chúng thuộc bộ kinh SN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là AN, MN, hay DN ... trước số kinh. Người dịch Việt cũng ghi luôn số của Quyển để dễ dàng tra chiếu, ví dụ **12:08** (Quyển 2), **56:34** (Quyển 5).

- Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: ***người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!*** vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Với các tăng và ni đã bỏ một đời để đi tu lẽ nào không bỏ ra thời gian một hai tháng để đọc qua hết các kinh của Phật. Ví dụ trong bộ kinh SN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một *Liên-kết* (chương, tương ứng) dài hay vài *Liên-kết* ngắn, thì trong một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một *QUYỂN*, rồi hết

Bộ Kinh. *Số kinh tóm-lược* theo các “*khuôn mẫu*” là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng *tiếng Việt phổ thông* nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có nhiều *liên-kết theo chủ-đề* khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ *QUYỂN* nào và trong đó có thể chọn những *liên-kết* nào mình quan tâm hơn để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc *Liên-kết ‘Nhập-Lưu’*, về lý duyên-khởi và vòng nhân-duyên thì đọc *Liên-kết ‘Nhân-Duyên’*, về ngài Ca-Điếp thì đọc *Liên-kết ‘Ca-Điếp’* ...

+ *Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa). **ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH**, vì nếu cứ dừng lại để tra những chú-thích về các chữ thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc xong bài kinh mới nên tra các chú-thích để hiểu.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Tôi cũng có tham vọng như thầy: tham vọng lớn nhì là để cho Tăng, Ni và Phật tử nhiều đời đọc đúng lời Phật dạy để tu hành giải thoát, và tham vọng lớn nhất là để bảo tồn các kinh nguyên thủy khỏi bị mai một mỗi ngày qua nhiều người diễn dịch.

Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562)
(hiệu đính lần cuối 2024)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch SN Error! Bookmark not defined.

MỤC LỤC iii

Chương 45 Liên Kết (BÁT THÁNH) ĐẠO 1

NHÓM 1. NHÓM 'VÔ MINH' (*Avijjā-vagga*).....3

1 (1) Vô Minh.....3

2 (2) Một Nửa Đời Sống Tâm Linh4

3 (3) Xá-lợi-phất5

4 (4) Ông Bà-la-môn.....6

5 (5) Vì Mục Đích Gì?7

6 (6) Một Tỳ kheo (1).....9

7 (7) Một Tỳ kheo (2).....9

8 (8) Phân Tích9

9 (9) Đầu Hột Lúa12

10 (10) Nandiya13

NHÓM 2. NHÓM 'AN TRÚ' (*Vihāra-vagga*)15

11 (1) An Trú (1).....15

12 (2) An Trú (2).....16

13 (3) Một Học Nhân.....17

14 (4) Khởi Sinh (1).....17

15 (5) Khởi Sinh (2).....18

16 (6) Được Thanh Lọc (1)18

17 (7) Được Thanh Lọc (2)18

18 (8) Khu Vườn Gà (1)19

19 (9) <i>Khu Vườn Gà (2)</i>	19
20 (10) <i>Khu Vườn Gà (3)</i>	20
NHÓM 3. NHÓM ‘SAI LẠC’ (<i>Micchatta-vagga</i>)	22
21 (1) <i>Sự Sai Lạc</i>	22
22 (2) <i>Những Điều Bất Thiện</i>	22
23 (3) <i>Con Đường (1)</i>	23
24 (4) <i>Con Đường (2)</i>	23
25 (5) <i>Người Nhược (1)</i>	24
26 (6) <i>Người Nhược (2)</i>	24
27 (7) <i>Cái Chậu</i>	25
28 (8) <i>Sự Định Tâm</i>	26
29 (9) <i>Cảm Giác</i>	26
30 (10) <i>Uttiya</i>	26
NHÓM 4. NHÓM ‘SỰ TU TẬP’ (<i>Paṭipatti-vagga</i>)	28
31 (1) <i>Sự Tu Tập (1)</i>	28
32 (2) <i>Sự Tu Tập (2)</i>	28
33 (3) <i>Bỏ Lơ</i>	29
34 (4) <i>Vượt Qua Bờ Kia</i>	29
35 (5) <i>Đời Sống Sa-Môn (1)</i>	30
36 (6) <i>Đời Sống Sa-Môn (2)</i>	31
37 (7) <i>Đời Sống Bà-La-Môn (1)</i>	31
38 (8) <i>Đời Sống Bà-La-Môn (2)</i>	32
39 (9) <i>Đời Sống Tâm Linh (1)</i>	32
40 (10) <i>Đời Sống Tâm linh (2)</i>	32
NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DU SĨ KHÁC ĐẠO’ (<i>Aññatitthiya-</i>	

<i>vagga</i>)	34
41 (1) <i>Sự Phai Biến Tham Dục</i>	34
42 (2) – 48 (8) <i>Sự Đẹp Bỏ Các Gông-Cùm ...</i>	34
NHÓM 6. NHÓM ‘MẶT TRỜI’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (<i>Sūriya Peyyāla-vagga</i>)	36
49 (1) <i>Sự Có Đạo Hữu Tốt</i>	36
50 (2) – 55 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...</i>	36
56 (1) <i>Sự Có Đạo Hữu Tốt</i>	37
57 (2) – 62 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...</i>	38
NHÓM 7. NHÓM ‘MỘT THỨ’ THỨ NHẤT LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (<i>Ekadhamma-Peyyāla-vagga</i>)	39
63 (1) <i>Sự Có Đạo Hữu Tốt</i>	39
64 (2) – 69 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...</i>	39
70 (1) <i>Sự Có Đạo Hữu Tốt</i>	40
71 (2) – 76 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...</i>	40
NHÓM 8. NHÓM ‘MỘT THỨ’ THỨ HAI LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (<i>Dutiyaekadhamma-Peyyāla-vagga</i>)	42
77 (1) <i>Sự Có Đạo Hữu Tốt</i>	42
78 (2) – 83 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...</i>	42
84 (1) <i>Bạn Tốt</i>	43
85 (2) – 90 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...</i>	44
NHÓM 9. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ NHẤT LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (<i>Gaṅgā-Peyyāla-vagga</i>).....	45
91 (1) <i>Đổ Về Hướng Đông ... (1)</i>	45
92 (2) – 96 (6) <i>Đổ Về Hướng Đông</i>	45

97 (7) – 102 (12) <i>Đổ Về Đại Dương</i> ...	46
NHÓM 10. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ HAI LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (<i>Dutiyagaṅgā-Peyyāla-vagga</i>)	47
103 (1) – 108 (6) <i>Đổ Về Hướng Đông</i>	47
109 (7) – 114 (12) <i>Đổ Về Đại Dương</i> ...	47
NHÓM 11. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ BA LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (<i>Tatiya-Peyyāla-vagga</i>)	48
115 (1) – 120 (6) <i>Đổ Về Hướng Đông</i>	48
121 (7) – 126 (12) <i>Đổ Về Đại Dương</i> ...	48
NHÓM 12. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ TƯ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (<i>Catuttha-Peyyāla-vagga</i>)	49
127 (1) – 132 (6) <i>Đổ Về Hướng Đông</i>	49
133 (7) – 138 (12) <i>Đổ Về Đại Dương</i> ...	49
NHÓM 13. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (<i>Appamāda-vagga</i>)	50
139 (1) <i>Như Lại</i>	50
140 (2) <i>Dấu Chân</i>	51
141 (3) <i>Đỉnh Mái Nhà</i>	52
142 (4) <i>Rễ Cây</i>	52
143 (5) <i>Gỗ Lõi</i>	52
144 (6) <i>Hoa Lài</i>	53
145 (7) <i>Vị Vua</i>	53
146 (8) <i>Mặt Trăng</i>	53
147 (8) <i>Mặt Trời</i>	53
148 (10) <i>Vải</i>	54
NHÓM 14. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (<i>Balakaraṇīya-</i>	

<i>vagga</i>).....	55
149 (1) <i>Khó Nhọc</i>	55
150 (2) <i>Hạt Giống</i>	55
151 (3) <i>Rồng Nāga</i>	56
152 (4) <i>Cây Cối</i>	57
153 (5) <i>Bình Nước</i>	57
154 (6) <i>Đầu Hạt Lúa</i>	58
155 (7) <i>Trong Bầu Trời</i>	58
156 (8) <i>Mây Mưa (1)</i>	59
157 (9) <i>Mây Mưa (2)</i>	60
158 (10) <i>Con Thuyền</i>	60
159 (11) <i>Nhà Khách</i>	61
160 (12) <i>Dòng Sông</i>	62
NHÓM 15. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (<i>Esanā-vagga</i>)	64
161 (1) <i>Sự Tìm Kiếm</i>	64
162 (2) <i>Sự Phân Biệt</i>	65
163 (3) <i>Những Ô Nhiễm</i>	66
164 (4) <i>Sự Hiện Hữu</i>	66
165 (5) <i>Sự Khổ</i>	67
166 (6) <i>Sự Cắn Cối</i>	67
167 (7) <i>Những Sự Ó Nho</i>	67
168 (8) <i>Những Phiền Rối</i>	68
169 (9) <i>Những Cảm Giác</i>	68
170 (10) <i>Dục Vọng</i>	68
170 (11) <i>Sự Thèm Khát</i>	68

NHÓM 16. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (<i>Ogha-vagga</i>).....	70
171 (1) <i>Những Dòng-Lũ</i>	70
172 (2) <i>Những Sự Trói Buộc</i>	70
173 (3) <i>Những Sự Chấp Thủ</i>	70
174 (4) <i>Những Gút Mắc</i>	71
175 (5) <i>Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn</i>	71
176 (6) <i>Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan</i>	72
177 (7) <i>Năm Chướng Ngại</i>	72
178 (8) <i>Năm Uẩn Chấp Thủ Thủ</i>	73
179 (9) <i>Năm Gông Cùm Thấp Hơn</i>	73
180 (10) <i>Năm Gông Cùm Cao Hơn</i>	73
Chương 46. Liên Kết (BẢY) CHI GIÁC-NGỘ	75
NHÓM 1. NHÓM ‘NÚI’ (<i>Pabbata-vagga</i>)	77
1 (1) <i>Núi Himalaya</i>	77
2 (2) <i>Thân</i>	78
3 (3) <i>Giới Hạnh</i>	81
4 (4) <i>Quần Áo</i>	85
5 (5) <i>Một Tỳ Kheo</i>	86
6 (6) <i>Kuṇḍaliya</i>	87
7 (7) <i>Ngôi Nhà Mái Nhọn</i>	90
8 (8) <i>Upavāṇa</i>	91
9 (9) <i>Khởi Sinh (1)</i>	92
10 (10) <i>Khởi Sinh (2)</i>	92
NHÓM 2. NHÓM ‘BỆNH’ (<i>Gilāna-vagga</i>)	93
11 (1) <i>Chúng Sinh</i>	93

12 (2) <i>Ví Dụ Mặt Trời (1)</i>	93
13 (3) <i>Ví Dụ Mặt Trời (2)</i>	94
14 (4) <i>Bệnh (1)</i>	94
15 (5) <i>Bệnh (2)</i>	95
16 (6) <i>Bệnh (3)</i>	96
17 (7) <i>Vượt Qua Bờ</i>	97
18 (8) <i>Bỏ Lơ</i>	97
19 (9) <i>Thánh Thiện</i>	97
20 (10) <i>Sự Ghê Sợ</i>	98
NHÓM 3. NHÓM ‘UDĀYĪ’ (<i>Udāyi-vagga</i>)	99
21 (1) <i>Dẫn Tới Sự Giác Ngộ</i>	99
22 (2) <i>Một Giáo Lý</i>	99
23 (3) <i>Một Cơ Sở</i>	99
24 (4) <i>Sự Chú Tâm Không Kỹ Càng</i>	100
25 (5) <i>Sự Không Sa Sút</i>	101
26 (6) <i>Sự Tiêu Diệt Dục Vọng</i>	102
27 (7) <i>Sự Chấm Dứt Dục Vọng</i>	103
28 (8) <i>Góp Phần Thâm Nhập</i>	103
29 (9) <i>Một Thứ</i>	104
30 (10) <i>Udāyī</i>	105
NHÓM 4. NHÓM ‘CHƯƠNG NGẠI’ (<i>Nīvaraṇa-vagga</i>)	107
31 (1) <i>Thiện Lành (1)</i>	107
32 (2) <i>Thiện Lành (2)</i>	107
33 (3) <i>Sự Hư Nhiễm</i>	108
34 (4) <i>Sự Không Hư Nhiễm</i>	109

35 (5) <i>Sự Chú Tâm Kỹ Càng</i>	109
36 (6) <i>Sự Tăng Trưởng</i>	110
37 (7) <i>Những Trở Ngại</i>	110
38 (8) <i>Không Có Những Chương Ngại</i>	111
39 (9) <i>Cây Cối</i>	111
40 (10) <i>Những Chương Ngại</i>	113
NHÓM 5. NHÓM ‘CHUYỂN LUÂN VƯƠNG’ (<i>Cakkavatti-vagga</i>)	114
41 (1) <i>Những Phân Biệt</i>	114
42 (2) <i>Chuyển Luân Vương</i>	114
43 (3) <i>Ma Vương</i>	115
44 (4) <i>Vô Trí</i>	115
45 (5) <i>Có Trí</i>	115
46 (6) <i>Nghèo Nàn</i>	116
47 (7) <i>Giàu Có</i>	116
48 (8) <i>Mặt Trời</i>	116
49 (9) <i>Yếu Tố Bên Trong</i>	117
50 (10) <i>Yếu Tố Bên Ngoài</i>	117
NHÓM 6. NHÓM ‘NHỮNG THẢO LUẬN’ (<i>Sākaccha-vagga</i>) ..	118
51 (1) <i>Dưỡng Chất</i>	118
52 (2) <i>Một Phương Pháp Thuyết Giảng</i>	124
53 (3) <i>Lửa</i>	128
54 (4) <i>Cùng Với Tâm-Từ ...</i>	131
55 (5) <i>Bà-La-Môn Saṅgāra</i>	136
56 (6) <i>Abhaya</i>	140

NHÓM 7. NHÓM ‘THỞ VÔ–THỞ RA’ (*Ānāpāna-vagga*)143

57 (1) <i>Bộ Xương</i>	143
58 (2) <i>Xác Chết Bị Giòi Đục</i>	145
59 (3) <i>Xác Chết Bị Xanh Tím</i>	145
60 (4) <i>Xác Chết Bị Bung Rữa</i>	145
61 (5) <i>Xác Chết Bị Sinh Chấy</i>	145
62 (6) <i>Tâm Từ</i>	145
63 (7) <i>Tâm Bi</i>	146
64 (8) <i>Tâm Hỷ</i>	146
65 (9) <i>Tâm Xả</i>	146
66 (10) <i>Sự Thở-Vô Thở-Ra</i>	146

NHÓM 8. NHÓM ‘SỰ CHẤM DỨT’ (*Nirodha-vagga*)147

67 (1) <i>Sự Không Sạch</i>	147
68 (2) <i>Cái Chết</i>	147
69 (3) <i>Sự Góm Ghiếc của Thức Ăn</i>	147
70 (4) <i>Sự Không Gì Thích Thú Trong Toàn Bộ Thế Gian</i>	147
71 (5) <i>Vô Thường</i>	147
72 (6) <i>Khổ</i>	148
73 (7) <i>Vô Ngã</i>	148
74 (8) <i>Sự Dẹp Bỏ</i>	148
75 (9) <i>Sự Chán Bỏ</i>	148
76 (10) <i>Sự Chấm Dứt</i>	148

NHÓM 9. NHÓM ‘SÔNG HẰNG LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’

(*Gaṅgā-peyyāla-vagga*)151

77 (1) – 88 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông</i>	151
--	-----

NHÓM 10. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (<i>Appamāda-vagga</i>).....	152
89 (1) — 98 (10) <i>Như Lai</i> ...	152
NHÓM 11. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (<i>Balakaraṇīya-</i>	
<i>vagga</i>).....	153
99 (1) — 110 (12) <i>Khó Nhọc</i> ...	153
NHÓM 12. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (<i>Esanā-vagga</i>)	154
111 (1) — 120 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> ...	154
NHÓM 13. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (<i>Ogha-vagga</i>).....	155
121 (1) — 129 (9) <i>Những Dòng Lũ</i> ...	155
130 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i>	155
NHÓM 14. NHÓM ‘SÔNG HẰNG LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’	
(<i>Gaṅgā-peyyāla-vagga</i>).....	157
131 (1) <i>Sông Hằg—Đổ Về Hướg Đòg</i> ...	157
132 (2) — 142 (12) <i>Đổ Về Hướg Đòg</i>	157
NHÓM 15. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (<i>Appamāda-vagga</i>).....	158
143 (1) — 152 (10) <i>Như Lai</i> ...	158
NHÓM 16. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (<i>Balakaraṇīya-</i>	
<i>vagga</i>).....	159
153 (1) — 164 (10) <i>Khó Nhọc</i> ...	159
NHÓM 17. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (<i>Esanā-vagga</i>)	160
165 (1) — 174 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> ...	160
NHÓM 18. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (<i>Ogha-vagga</i>).....	161
175 (1) — 183 (10) <i>Những Dòng Lũ</i> ...	161
184 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i> ...	161

Chương 47. Liên Kết (BỐN) NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM. 163

NHÓM 1. NHÓM ‘AMBAPĀLĪ’ (*Ambapālī*).....165

1 (1) <i>Ambapālī</i>	165
2 (2) <i>Có Chánh Niệm</i>	166
3 (3) <i>Một Tỳ Kheo</i>	167
4 (3) <i>Ở Sālā</i>	169
5 (5) <i>Một Đồng Thiện</i>	170
6 (6) <i>Điều Hâu</i>	171
7 (7) <i>Con Khỉ</i>	173
8 (8) <i>Người Đầu Bếp</i>	174
9 (9) <i>Bệnh</i>	177
10 (10) <i>Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni</i>	179

NHÓM 2. NHÓM ‘NĀLANDĀ’ (*Nālanda-vagga*)183

11 (1) <i>Vĩ Nhân</i>	183
12 (2) <i>Nālandā</i>	184
13 (3) <i>Ngài Cunda</i>	186
14 (4) <i>Ở Ukkacelā</i>	188
15 (5) <i>Ngài Bāhiya</i>	190
16 (6) <i>Ngài Uttiya</i>	192
17 (7) <i>Thánh Thiện</i>	192
18 (8) <i>Vị Trời</i>	193
19 (9) <i>Ở Làng Sedaka</i>	194
20 (10) <i>Hoa Hậu Của Vùng Đất</i>	195

**NHÓM 3. NHÓM ‘GIỚI HẠNH & TỒN TẠI’ (*Sīlaṭṭhiti-vagga*)
.....197**

21 (1) <i>Giới Hạnh</i>	197
22 (2) <i>Tồn Tại Lâu</i>	198
23 (3) <i>Sự Sa Sút</i>	199
24 (4) <i>Bản Kinh Ngẩn Gọn</i>	199
25 (5) <i>Một Bà-La-Môn</i>	199
26 (6) <i>Một Phần</i>	201
27 (7) <i>Hoàn Thành</i>	201
28 (8) <i>Thế Giới</i>	202
29 (9) <i>Gia Chủ Sirivaḍḍha</i>	202
30 (10) <i>Gia Chủ Mānadinna</i>	204
NHÓM 4. NHÓM ‘CHƯA TỪNG NGHE’ (<i>Ananussuta-vagga</i>) .205	
31 (1) <i>Chưa Từng Nghe</i>	205
32 (2) <i>Sự Chán Bỏ ...</i>	205
33 (3) <i>Bỏ Quên</i>	206
34 (4) <i>Sự Tu Tập</i>	206
35 (5) <i>Có Chánh Niệm</i>	207
36 (6) <i>Trí Biết Cuối Cùng</i>	207
37 (7) <i>Dục</i>	208
38 (8) <i>Hoàn Toàn Hiểu</i>	208
39 (9) <i>Sự Tu Tập</i>	209
40 (10) <i>Phân Tích</i>	209
NHÓM 5. NHÓM ‘BẮT TỬ’ (<i>Amata-vagga</i>)211	
41 (1) <i>Sự Bắt Tử</i>	211
42 (2) <i>Sự Khởi Sinh</i>	211
43 (3) <i>Con Đường</i>	212

44 (4) <i>Có Chánh Niệm</i>	213
45 (5) <i>Một Đồng Thiện</i>	213
46 (6) <i>Sự Kiểm Chế Của Pātimokkha [Giới Bản]</i>	214
47 (7) <i>Hành Vi Sai Trái</i>	215
48 (8) <i>Những Bạn Hữu ...</i>	216
49 (9) <i>Những Cảm Giác</i>	216
50 (10) <i>Những Ô Nhiễm</i>	217
NHÓM 6. NHÓM ‘SÔNG HẰNG LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’ (Gaṅgā-peyyāla-vagga).....	218
51 (1) – 62 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...</i>	218
NHÓM 7. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga).....	219
63 (1) – 72 (10) <i>Như Lai ...</i>	219
NHÓM 8. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya- vagga).....	220
73 (1) – 84 (12) <i>Khó Nhọc ...</i>	220
NHÓM 9. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esaṇā-vagga)	221
85 (1) – 94 (10) <i>Sự Tìm Kiếm ...</i>	221
NHÓM 10. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (Ogha-vagga).....	222
95 (1) – 103 (10) <i>Những Dòng Lũ ...</i>	222
104 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn ...</i>	222
Chương 48. Liên Kết (NĂM) CĂN.....	225
NHÓM 1. NHÓM ‘BẢN KINH NGẮN GỌN’ (Suddhika-vagga)	227
1 (1) <i>Bản Kinh Ngắn Gọn</i>	227
2 (2) <i>Bậc Nhập Lưu (1)</i>	227

3 (3) <i>Bậc Nhập Lưu (2)</i>	227
4 (4) <i>Bậc A-la-hán (1)</i>	228
5 (5) <i>Bậc A-la-hán (2)</i>	228
6 (6) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i>	229
7 (7) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i>	229
8 (8) <i>Được Nhìn Thấy</i>	230
9 (9) <i>Phân Tích (1)</i>	231
10 (10) <i>Phân Tích (2)</i>	232
NHÓM 2. NHÓM ‘YẾU HON’ (<i>Mudutara-vagga</i>)	235
11 (1) <i>Đạt Được</i>	235
12 (2) <i>Ngăn Gọn (1)</i>	236
13 (3) <i>Ngăn Gọn (2)</i>	236
14 (4) <i>Ngăn Gọn (3)</i>	236
15 (5) <i>Chi Tiết (1)</i>	237
16 (6) <i>Chi Tiết (2)</i>	237
17 (7) <i>Chi Tiết (3)</i>	238
18 (8) <i>Đang Thực Hành</i>	238
19 (9) <i>Được Trang Bị</i>	239
20 (10) <i>Tiêu Diệt Ô Nhiễm</i>	239
NHÓM 3. NHÓM ‘SÁU CĂN’ (<i>Chalindriya-vagga</i>)	241
21 (1) <i>Sự Tái Hiện Hữu</i>	241
22 (2) <i>Căn Mạng Sống</i>	241
23 (3) <i>Căn Trí Biết Cuối Cùng</i>	241
24 (4) <i>Người Gieo Giống Một Lần</i>	242
25 (5) <i>Bản Kinh Ngăn Gọn</i>	242

26 (6) <i>Bậc Nhập-Lưu</i>	243
27 (7) <i>Bậc A-la-hán</i>	243
28 (8) <i>Phật</i>	243
29 (9) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i>	244
30 (10) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i>	245
NHÓM 4. NHÓM ‘CĂN SƯỚNG’ (<i>Sukhindriya-vagga</i>)	246
31 (1) <i>Bản Kinh Ngẩn Gọn</i>	246
32 (2) <i>Bậc Nhập Lưu</i>	246
33 (3) <i>Bậc A-la-hán</i>	246
34 (4) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i>	247
35 (5) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i>	247
36 (6) <i>Phân Tích (1)</i>	248
37 (7) <i>Phân Tích (2)</i>	249
38 (8) <i>Phân Tích (3)</i>	249
39 (9) <i>Ví Dụ Que Mồi Lửa</i>	249
40 (10) <i>Thứ Tự Bất Thường</i>	251
NHÓM 5. NHÓM ‘GIÀ’ (<i>Jarā-vagga</i>).....	255
41 (1) <i>Phải Bị Già</i>	255
42 (2) <i>Bà-La-Môn Uṇṇābha</i>	256
43 (3) <i>Sāketa</i>	257
44 (4) <i>Nhà Ở Cổng Đông</i>	259
45 (5) <i>Khu Vườn Phía Đông (1)</i>	260
46 (6) <i>Khu Vườn Phía Đông (2)</i>	261
47 (7) <i>Khu Vườn Phía Đông (3)</i>	261
48 (8) <i>Khu Vườn Phía Đông (4)</i>	262

49 (9) <i>Ngài Piṇḍola</i>	263
50 (10) <i>Ở Āpaṇa</i>	264
NHÓM 6. NHÓM ‘HANG HEO RỪNG’ (<i>Sūkarakhata-vagga</i>) ..266	
51 (1) <i>Làng Sālā</i>	266
52 (2) <i>Mallika</i>	266
53 (3) <i>Học Nhân</i>	267
54 (4) <i>Những Dấu Chân</i>	269
55 (5) <i>Gỗ Lõi</i>	270
56 (6) <i>Được Thiết Lập</i>	270
57 (7) <i>Vị Trời Sahampati</i>	271
58 (8) <i>Hang Heo Rừng</i>	272
59 (9) <i>Khởi Sinh (1)</i>	273
60 (10) <i>Khởi Sinh (2)</i>	273
NHÓM 7. NHÓM ‘HỘ DẪN TỚI GIÁC-NGỘ’ (<i>Bodhipakkhiya-</i> <i>vagga</i>).....275	
61 (1) <i>Những Gông Cùm</i>	275
62 (2) <i>Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn</i>	275
63 (3) <i>Sự Hoàn Toàn Hiểu</i>	275
64 (4) <i>Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm</i>	275
65 (5) <i>Hai Thánh Quả</i>	276
66 (6) <i>Bảy Ích Lợi</i>	276
67 (7) <i>Cây (1)</i>	277
68 (8) <i>Cây (2)</i>	278
69 (9) <i>Cây (3)</i>	278
70 (10) <i>Cây (4)</i>	278

NHÓM 8. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga).....	280
71 (I) – 82 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...</i>	280
NHÓM 9. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga).....	281
83 (I) – 92 (10) <i>Như Lai ...</i>	281
NHÓM 10. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya- vagga).....	282
93 (I) – 104 (12) <i>Khó Nhọc ...</i>	282
NHÓM 11. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)	283
105 (I) – 114 (10) <i>Sự Tìm Kiếm ...</i>	283
NHÓM 12. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (Ogha-vagga).....	284
115 (I) – 123 (10) <i>Những Dòng Lũ ...</i>	284
124 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn ...</i>	284
NHÓM 13. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga).....	286
125 (I) – 136 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...</i>	286
NHÓM 14. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga).....	287
NHÓM 15. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya- vagga).....	288
147 (I) – 158 (10) <i>Khó Nhọc ...</i>	288
NHÓM 16. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)	289
159 (I) – 168 (10) <i>Sự Tìm Kiếm ...</i>	289
NHÓM 17. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (Ogha-vagga).....	290
169 (I) – 177 (10) <i>Những Dòng Lũ ...</i>	290

178 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn ...</i>	290
Chương 49. Liên Kết (BỐN) SỰ CHUYÊN-CÀN TU ĐÚNG ĐẮN	293
NHÓM 1. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga).....	295
1 (1) – 12 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...</i>	295
NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga).....	297
13 (1) – 22 (10) <i>Như Lai ...</i>	297
NHÓM 3. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga).....	298
14 (1) – 34 (12) <i>Khó Nhọc ...</i>	298
NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)	300
35 (1) – 44 (10) <i>Sự Tìm Kiếm ...</i>	300
NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (Ogha-vagga).....	302
45 (1) – 53 (9) <i>Những Dòng Lũ ...</i>	302
54 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn ...</i>	302
Chương 50. Liên Kết (NĂM) NĂNG-LỰC.....	305
NHÓM 1. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga).....	307
1 (1) – 12 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...</i>	307
NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga).....	309
13 (1) – 22 (10) <i>Như Lai ...</i>	309
NHÓM 3. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-vagga).....	310

23 (1) – 34 (12) <i>Khó Nhọc</i> ...	310
NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (<i>Esanā-vagga</i>)	311
35 (1) – 44 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> ...	311
NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (<i>Ogha-vagga</i>)	312
45 (1) – 53 (9) <i>Những Dòng Lũ</i> ...	312
54 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i> ...	312
NHÓM 6. NHÓM ‘SÔNG HẰNG LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’ (<i>Gaṅgā-peyyāla-vagga</i>)	314
55 (1) – 66 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông</i> ...	314
NHÓM 7. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (<i>Appamāda-vagga</i>)	315
67 (1) – 76 (10) <i>Như Lai</i> ...	315
NHÓM 8. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (<i>Balakaraṇīya-</i> <i>vagga</i>)	316
77 (1) – 88 (12) <i>Khó Nhọc</i> ...	316
NHÓM 9. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (<i>Esanā-vagga</i>)	317
89 (1) – 98 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> ...	317
NHÓM 10. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (<i>Ogha-vagga</i>)	318
99 (1) – 107 (9) <i>Những Dòng Lũ</i> ...	318
108 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i> ...	318
Chương 51. Liên Kết (BÓN) CƠ-SỞ THẦN THÔNG	321
NHÓM 1. NHÓM ‘ĐÈN CĀBĀLA’ (<i>Cābāla-vagga</i>)	323
1 (1) <i>Khởi Bờ Này</i> ...	323
2 (2) <i>Bỏ Lơ</i>	323
3 (3) <i>Thánh Thiện</i>	324

4 (4) <i>Sự Ghê Sợ</i>	324
5 (5) <i>Tùng Phần</i>	325
6 (6) <i>Toàn Bộ</i>	326
7 (7) <i>Các Tỳ Kheo</i>	326
8 (8) <i>Phật</i>	327
9 (9) <i>Sự Biết</i>	328
10 (10) <i>Ngôi Đền</i>	329
NHÓM 2. NHÓM ‘RUNG CHUYỂN LÂU ĐÀI’ (<i>Pāsādakampana-</i> <i>vagga</i>).....	334
11 (1) <i>Trước Khi ...</i>	334
12 (2) <i>Có Kết Quả Lớn</i>	337
13 (3) <i>Sự Định Tâm Nhờ Sự Mong Muốn ...</i>	338
14 (4) <i>Mục-Kiền-Liên</i>	340
15 (5) <i>Bà-la-môn Uṇṇābha</i>	343
16 (6) <i>Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (1)</i>	345
17 (7) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i>	345
18 (8) <i>Một Tỳ Kheo</i>	346
19 (9) <i>Một Giáo Lý</i>	347
20 (10) <i>Phân Tích</i>	348
NHÓM 3. NHÓM ‘HÒN SẮT’ (<i>Ayoguḷa-vagga</i>)	354
21 (1) <i>Con Đường</i>	354
22 (2) <i>Hòn Sắt</i>	355
23 (3) <i>Một Tỳ Kheo</i>	356
24 (4) <i>Bản Kinh Ngắn Gọn</i>	357
25 (5) <i>Những Thánh Quả (1)</i>	357

26 (6) <i>Những Thánh Quả (2)</i>	357
27 (7) <i>Ānanda (1)</i>	358
28 (8) <i>Ānanda (2)</i>	359
29 (9) <i>Một Số Tỳ Kheo (1)</i>	359
30 (10) <i>Một Số Tỳ Kheo (2)</i>	359
31 (11) <i>Mục-Kiền-Liên</i>	360
32 (12) <i>Như Lai</i>	361
NHÓM 4. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC (Gaṅgā-Peyyāla-vagga).....	362
33 (1) – 44 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...</i>	362
NHÓM 5. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (Appamāda-vagga).....	363
45 (1) – 54 (10) <i>Như Lai ...</i>	363
NHÓM 6. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya- vagga).....	364
55 (1) – 66 (12) <i>Khó Nhọc ...</i>	364
NHÓM 7. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)	365
67 (1) – 76 (10) <i>Sự Tìm Kiếm ...</i>	365
NHÓM 8. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (Ogha-vagga).....	366
77 (1) – 85 (9) <i>Những Dòng Lũ ...</i>	366
86 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn ...</i>	366
Chương 52. Liên Kết A-NẬU-LÂU-ĐÀ.....	369
NHÓM 1. NHÓM ‘MỘT MÌNH’ (Rahogata-vagga).....	371
1 (1) <i>Một Mình (1)</i>	371
2 (2) <i>Một Mình (2)</i>	374
3 (3) <i>Bên Bờ Sông Sutanu</i>	375

4 (4) <i>Khu Rừng Gai Nhọn (1)</i>	376
5 (5) <i>Khu Rừng Gai Nhọn (2)</i>	377
6 (6) <i>Khu Rừng Gai Nhọn (3)</i>	377
7 (7) <i>Sự Tiêu Diệt Dục Vọng</i>	378
8 (8) <i>Chòi Cây Salaḷa</i>	378
9 (9) <i>Tất Cả (hay Khu Vườn của cô Ambapālī)</i>	379
10 (10) <i>Bệnh Yếu Gân Chết</i>	380
NHÓM 2. NHÓM ‘THỨ HAI’ (MỘT NGÀN) (<i>Dutiya-vagga</i>)....382	
11 (1) <i>Một Ngàn Đại Kiếp</i>	382
12 (2) <i>Thần thông</i>	382
13 (3) <i>Tại Thiên Thánh</i>	383
14 (4) <i>Bao Trùm Tâm (của người khác)</i>	383
15 (5) <i>Điều Có Thể</i>	383
16 (6) <i>Sự Nhận Lãnh Nghiệp</i>	384
17 (7) <i>Dẫn Tới Nơi Đâu</i>	384
18 (8) <i>Những Yếu Tố Đa Dạng Khác Nhau</i>	384
19 (9) <i>Những Căn Cơ Khác Nhau</i>	384
20 (10) <i>Những Mức Độ Của Các Căn</i>	385
21 (11) <i>Các Tầng Thiên Định ...</i>	385
22 (12) <i>Túc Mạng [Minh]</i>	385
23 (13) <i>Thiên Nhân [Minh]</i>	385
24 (14) <i>Lậu Tận [Minh]</i>	386
Chương 53 Liên Kết THIÊN ĐỊNH.....	387
NHÓM 1. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẬP LẠI & TÓM LƯỢC	
(<i>Gaṅgā-Peyyāla-vagga</i>).....	389

1 (1) – 12 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông</i>	389
NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’ (<i>Appamāda-vagga</i>)	391
13 (1) – 22 (10) <i>Như Lai</i>	391
NHÓM 3. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (<i>Balakaraṇīya-vagga</i>)	392
23 (1) – 34 (12) <i>Khó Nhọc</i>	392
NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (<i>Esanā-vagga</i>)	393
35 (1) – 44 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i>	393
NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’ (<i>Ogha-vagga</i>)	394
45 (1) – 53 (9) <i>Những Dòng Lũ</i>	394
54 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i>	394
Chương 54. Liên Kết THỎ-VÔ THỎ-RA	397
NHÓM 1. NHÓM ‘MỘT THỨ’ (<i>Ekadhamma-vagga</i>)	399
1 (1) <i>Một Thứ</i>	399
2 (2) <i>(Bảy) Chi Giác Ngộ</i>	400
3 (3) <i>Bản Kinh Ngắn Gọn</i>	401
4 (4) <i>Những Thánh Quả (1)</i>	401
5 (5) <i>Những Thánh Quả (2)</i>	402
6 (6) <i>Ariṭṭha</i>	403
7 (7) <i>Ngài Đại Kappina</i>	404
8 (8) <i>Ví Dụ Ngọn Đèn</i>	405
9 (9) <i>Ở Vesālī</i>	409
10 (10) <i>Kimbila</i>	411
NHÓM 2. NHÓM ‘ĀNANDA’ (<i>Dutiya-vagga</i>)	415
11 (1) <i>Ở Icchānaṅgala</i>	415

12 (2) <i>Có Nghi Ngờ</i>	416
13 (3) <i>Ānanda (1)</i>	418
14 (4) <i>Ānanda (2)</i>	424
15 (5) <i>Các Tỳ Kheo (1)</i>	425
16 (6) <i>Các Tỳ Kheo (2)</i>	425
17 (7) <i>Những Gông Cùm</i>	425
18 (8) <i>Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn</i>	425
19 (9) <i>Hành Trình</i>	426
20 (10) <i>Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm</i>	426
Chương 55. Liên Kết NHẬP-LUÛ	427
NHÓM 1. NHÓM ‘CỔNG TRE’ (<i>Veḷudvāra-vagga</i>)	429
1 (1) <i>Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe</i>	429
2 (2) <i>Đã Nhập Cứ</i>	430
3 (3) <i>Dīghāvu</i>	431
4 (4) <i>Xá-Lợi-Phất (1)</i>	434
5 (5) <i>Xá-Lợi-Phất (2)</i>	434
6 (6) <i>Các Quan Thị Vệ</i>	436
7 (7) <i>Những Người Làng Cổng Tre</i>	440
8 (8) <i>Hội Trường Gạch (1)</i>	444
9 (8) <i>Hội Trường Gạch (2)</i>	445
10 (10) <i>Hội Trường Gạch (3)</i>	446
NHÓM 2. NHÓM ‘TỊNH XÁ HOÀNG GIA’ hay ‘MỘT NGÀN’ (<i>Rājakārāma-vagga</i>)	448
11 (1) <i>Một Ngàn</i>	448
12 (2) <i>Những Bà-La-Môn</i>	448

13 (3) <i>Ānanda</i>	449
14 (4) <i>Nơi Đến Xấu Dữ (1)</i>	451
15 (5) <i>Nơi Đến Xấu Dữ (2)</i>	452
16 (6) <i>Bạn Bè và Đồng Sự ... (1)</i>	452
17 (7) <i>Bạn Bè và Đồng Sự ... (2)</i>	453
18 (8) <i>Thăm Các Thiên Thần (1)</i>	453
19 (9) <i>Thăm Các Thiên Thần (2)</i>	454
20 (10) <i>Thăm Các Thiên Thần (3)</i>	455
NHÓM 3. NHÓM ‘SARAKĀNI’ (<i>Sarakāni-vagga</i>).....	456
21 (1) <i>Mahānāma (1)</i>	456
22 (2) <i>Mahānāma (2)</i>	457
23 (3) <i>Godhū</i>	458
24 (4) <i>Sarakāni (1)</i>	460
25 (5) <i>Sarakāni (2)</i>	462
26 (6) <i>Cấp Cô Độc (1)</i>	466
27 (7) <i>Cấp Cô Độc (2)</i>	470
28 (8) <i>Sự Thù Oán Đáng Sợ (1) [hay Cấp Cô Độc (3)]</i>	472
29 (9) <i>Sự Thù Oán Đáng Sợ (2)</i>	473
30 (10) <i>Nadaka Người Licchavi</i>	473
NHÓM 4. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨC’	
(<i>Paṭhamapuññābhisanda-vagga</i>).....	475
31 (1) <i>Những Dòng Phước Đức (1)</i>	475
32 (2) <i>Những Dòng Phước Đức (2)</i>	476
33 (3) <i>Dòng Chảy Phước Đức (3)</i>	476
34 (4) <i>Những Vết Chân Thiên Thánh (1)</i>	476

35 (5) <i>Những Vết Chân Thiên Thánh (2)</i>	477
36 (6) <i>Giống Nhau Với Những Thiên Thân</i>	478
37 (7) <i>Mahānāma</i>	479
38 (8) <i>Mura</i>	481
39 (9) <i>Kāligodhā</i>	481
40 (10) <i>Nandiya</i>	482
NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨC—CÓ THI KỆ’ (<i>Sagāṭhakapuññābhisanda-vagga</i>)	485
41 (1) <i>Những Dòng Chảy Phước Đức (1)</i>	485
42 (2) <i>Những Dòng Chảy Phước Đức (2)</i>	486
43 (3) <i>Những Dòng Chảy Phước Đức (3)</i>	487
44 (4) <i>Giàu Có (1)</i>	487
45 (5) <i>Giàu Có (2)</i>	488
46 (6) <i>Bản Kinh Ngấn Gợn</i>	488
47 (7) <i>Nandiya</i>	489
48 (8) <i>Bhaddiya</i>	489
49 (9) <i>Mahānāma</i>	489
50 (10) <i>Những Yếu Tố</i>	489
NHÓM 6. NHÓM ‘NGƯỜI CÓ TRÍ’ (<i>Sappañña-vagga</i>)	490
51 (1) <i>Có Thi Kệ</i>	490
52 (2) <i>Người Trú Xong Kỳ An Cư Mùa Mưa</i>	490
53 (3) <i>Dhammadinna</i>	492
54 (4) <i>Bị Bệnh</i>	493
55 (5) <i>Quả Nhập Lưu</i>	496
56 (6) <i>Nhất Lai</i>	496

57 (7) <i>Quả Bất Lai</i>	496
58 (8) <i>Quả A-La-Hán</i>	497
59 (9) <i>Sự Đạt Được Trí Tuệ</i>	497
60 (10) <i>Sự Tăng Trưởng Trí Tuệ</i>	497
61 (11) <i>Sự Mở Rộng Trí Tuệ</i>	497
NHÓM 7. NHÓM ‘ĐẠI TRÍ’ (<i>Mahapañña-vagga</i>)	498
62 (1) <i>Sự Lớn Lao Của Trí-Tuệ</i>	498
63 (2) – 74 (13) <i>Sự Lớn Mạnh Của Trí-Tuệ</i>	498
Chương 56. Liên Kết (BỐN) ĐIỀU ĐỂ	499
NHÓM 1. NHÓM ‘ĐỊNH TÂM’ (<i>Samādhi-vagga</i>)	501
1 (1) <i>Sự Định Tâm</i>	501
2 (2) <i>Sự Tách Ly</i> (ân dật)	501
3 (3) <i>Những Người Họ Tộc (1)</i>	502
4 (4) <i>Những Người Họ Tộc (2)</i>	503
5 (5) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i>	503
6 (6) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i>	504
7 (7) <i>Những Ý Nghĩ</i>	505
8 (8) <i>Sự Suy Xét</i>	505
9 (9) <i>Nói Chuyện Tranh Cãi</i>	506
10 (10) <i>Nói Chuyện Vô Bổ</i>	507
NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYỂN DỊCH BÁNH XE GIÁO PHÁP’	
(<i>Dhamma-cakkappvattana-vagga</i>)	509
11 (1) <i>Chuyển Dịch Bánh Xe Giáo Pháp</i> [<i>Chuyển Pháp Luân</i>]	509
12 (2) <i>Những Như Lai</i>	513
13 (3) <i>Các Uẩn</i>	514

14 (4) <i>Những Giác Quan</i>	515
15 (5) <i>Nhớ (1)</i>	515
16 (6) <i>Nhớ (2)</i>	516
17 (7) <i>Vô Minh</i>	517
18 (8) <i>Trí Biết Đích Thực [Minh]</i>	518
19 (9) <i>Hàm Ý</i>	518
20 (10) <i>Là Thực</i>	519
NHÓM 3. NHÓM ‘LÀNG KOTI’ (<i>Koṭigāma-vagga</i>)	520
21 (1) <i>Làng Koti (1)</i>	520
22 (2) <i>Làng Koti (2)</i>	521
23 (3) <i>Bậc Toàn Giác</i>	522
24 (4) <i>A-La-Hán</i>	523
25 (5) <i>Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm</i>	523
26 (6) <i>Bạn Hữu</i>	524
27 (7) <i>Là Thực</i>	524
28 (8) <i>Thế Giới</i>	525
29 (9) <i>Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu</i>	525
30 (10) <i>Gavampati</i>	526
NHÓM 4. NHÓM ‘RỪNG SIMSAPĀ’ (<i>Simsapā-vagga</i>)	527
31 (1) <i>Rừng Simsapā</i>	527
32 (2) <i>Lá Cây Keo [Acacia]</i>	528
33 (3) <i>Khúc Cây</i>	529
34 (4) <i>Quần Áo</i>	529
35 (5) <i>Một Trăm Ngọn Giáo</i>	530
36 (6) <i>Những Sinh Vật</i>	531

37 (7) <i>Mặt Trời (1)</i>	532
38 (8) <i>Mặt Trời (2)</i>	532
39 (9) <i>Cột Đá Của Trời Indra</i>	533
40 (10) <i>Kiểm Chuyện Tranh Cãi</i>	534
NHÓM 5. NHÓM ‘VỰC NÚI’ (<i>Papāta-vagga</i>)	536
41 (1) <i>Suy Xét Về Thế Giới</i>	536
42 (2) <i>Vực Núi</i>	537
43 (3) <i>Đại Hỏa Ngục</i>	539
44 (4) <i>Ngôi Nhà Mái Nhọn</i>	541
45 (5) <i>Tóc</i>	542
46 (6) <i>Sự Mùi Tối</i>	543
47 (7) <i>Khúc Gõ Có Đục Lỗ (1)</i>	545
48 (8) <i>Khúc Gõ Bị Đục Lỗ (2)</i>	545
49 (9) <i>Núi Tu-Di (1)</i>	546
50 (10) <i>Núi Tu-Di (2)</i>	547
NHÓM 6. NHÓM ‘SỰ ĐỘT-PHÁ’ (<i>Abhsamaya-vagga</i>)	549
51 (1) <i>Móng Tay</i>	549
52 (2) <i>Hồ Nước</i>	549
53 (3) <i>Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1)</i>	550
54 (4) <i>Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2)</i>	551
55 (5) <i>Trái Đất (1)</i>	552
56 (6) <i>Trái Đất (2)</i>	552
57 (7) <i>Đại Dương (1)</i>	553
58 (8) <i>Đại Dương (2)</i>	553
59 (9) <i>Núi (1)</i>	554

60 (10) <i>Núi (2)</i>	555
NHÓM 7. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ NHẤT & LẶP LẠI’	
(Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga)	556
61 (1) <i>Cõi Khác</i>	556
62 (2) <i>Những Vùng Xa Xôi</i>	556
63 (3) <i>Trí Tuệ</i>	557
64 (4) <i>Rượu Nặng Rượu Nhẹ</i>	557
65 (5) <i>Sinh Trong Nước</i>	557
66 (6) <i>Kính Hiếu Mẹ</i>	558
67 (7) <i>Kính Hiếu Cha</i>	558
68 (8) <i>Tôn Kính Các Tu Sĩ</i>	558
69 (9) <i>Tôn Kính Những Bà-la-môn</i>	558
70 (10) <i>Kính Trọng Người Lớn Tuổi</i>	559
NHÓM 8. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ HAI & LẶP LẠI’	
(Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga)	560
71 (1) <i>Sát Sinh</i>	560
72 (2) <i>Gian Cấp</i>	560
73 (3) <i>Tà Dâm</i>	560
74 (4) <i>Nói Dối</i>	560
75 (5) <i>Nói Lời Gây Chia Rẽ</i>	561
76 (6) <i>Nói Lời Gắt Gông</i>	561
77 (7) <i>Nói Lời Tầm Phào Vô Ích</i>	561
79 (9) <i>Không Đúng Thời</i>	562
80 (10) <i>Nước Hoa và Sơn Phấn</i>	562
NHÓM 9. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ BA & LẶP LẠI’	

(Tatiyaāmakadhañña Peyyāla-vagga)563

81 (1) <i>Múa Hát</i> ...	563
82 (2) <i>Giường Cao</i> ...	563
83 (3) <i>Vàng Bạc</i>	563
84 (4) <i>Gạo Sống</i> ...	564
85 (5) <i>Thịt Sống</i>	564
86 (6) <i>Con Gái</i>	564
87 (7) <i>Nô Tỳ</i>	564
88 (8) <i>Dê và Cừu</i>	565
89 (9) <i>Gia Cầm và Heo</i>	565
90 (10) <i>Voi</i>	565

NHÓM 10. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ TƯ & LẶP LẠI**(Catutthaaāmakadhañña Peyyāla-vagga)566**

91 (1) <i>Ruộng Đất</i>	566
92 (2) <i>Buôn Bán</i>	566
93 (3) <i>Báo Tin Tức</i> ...	566
94 (4) <i>Cân Đo Gian Lận</i>	566
95 (5) <i>Đút Lót Hối Lộ</i> ...	567
96 (6) – 101 (11) <i>Làm Tổn Hại</i>	567

NHÓM 11. NHÓM ‘NĂM NƠI ĐẾN & LẶP LẠI’ (Pañcagati**Peyyāla-vagga)568**

102 (1) <i>Là Người Chết Đi thành người (1)</i>	568
103 (2) <i>Là Người Chết Đi thành người (2)</i>	568
104 (3) <i>Là Người Chết Đi thành người (3)</i>	569
105 (4) – 107 (6) <i>Là Người Chết Đi thành thiên thần (4–6)</i>	569

<i>108 (7) – 110 (9) Là Thiên Thần Chết Đi thành thiên thần (1–3).....</i>	<i>569</i>
<i>111 (10) – 113 (12) Là Thiên Thần Chết Đi thành người (4–6).....</i>	<i>570</i>
<i>114 (13) – 116 (15) Từ Địa Ngục Chết Đi thành người (1–3)</i>	<i>570</i>
<i>117 (16) – 119 (18) Từ Địa Ngục Chết Đi thành thiên thần (4–6)</i>	<i>570</i>
<i>120 (19) – 122 (21) Từ Cõi Sinh Chết Đi thành người (1–3)</i>	<i>570</i>
<i>126 (25) – 128 (27) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành người (1–3)</i>	<i>571</i>
<i>129 (28) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (4)</i>	<i>571</i>
<i>130 (29) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (5)</i>	<i>572</i>
<i>131 (30) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (6)</i>	<i>572</i>
BẢNG VIẾT TẮT	575
CHÚ THÍCH.....	581

*Kính lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

Chương 45

Liên Kết (BÁT THÁNH) ĐẠO

(45 Magga-saṃyutta)

(45 Tương ưng Đạo)

NHÓM 1

NHÓM ‘VÔ MINH’

(*Avijjā-vagga*)

1 (I) Vô Minh

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các Tỷ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỷ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(I) “Này các Tỷ kheo, vô-minh—đi kèm với sự không biết xấu-hổ về lương tâm (vô tầm) và sự không biết sợ-hãi làm điều sai xấu (vô quý)—là thứ dẫn dắt bước vào những trạng thái bất-thiện.¹ (1) Đối với người ngu bị chìm đắm trong vô-minh thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) cứ phát sinh. (2) Người có cách-nhìn sai lạc thì ý-định sai lạc (tà tư duy) phát sinh. (3) Người có ý-định sai lạc thì lời-nói sai trái (tà ngữ) phát sinh. (4) Người có lời-nói sai trái thì hành-động sai trái (tà nghiệp) phát sinh. (5) Người có hành-động sai trái thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) phát sinh. (6) Người có sự mưu-sinh sai trái thì sự nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) phát sinh. (7) Người có sự nỗ-lực tu sai lạc thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) phát sinh. (8) Người có sự tâm-niệm sai lạc thì sự định-tâm sai lạc (tà định) phát sinh.

(II) “Này các Tỷ kheo, trí-biết đích thực (minh, chân trí)]—đi kèm với sự biết xấu-hổ về lương tâm (tâm) và sự biết sợ-hãi làm điều sai xấu (quý)—là thứ dẫn dắt bước vào những trạng thái thiện-lành.² (1) Đối với người có trí đã đạt tới sự-biết đích thực thì cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) khởi sinh. (2) Người có cách-nhìn đúng đắn thì ý-định đúng đắn (chánh tư duy) khởi sinh. (3) Người có ý-định đúng đắn thì lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) khởi sinh. (4) Người có lời-nói đúng đắn thì hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) khởi sinh. (5) Người có hành-động đúng đắn thì

sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) khởi sinh. (6) Người có sự mưu-sinh đúng đắn thì sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh tấn) khởi sinh. (7) Người có sự nỗ-lực tu đúng đắn thì sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) khởi sinh. (8) Người có sự tâm-niệm đúng đắn thì sự định-tâm đúng đắn (chánh định) khởi sinh.”³

(SN 45:01)

2 (2) Một Nửa Đời Sống Tâm Linh

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân xứ Thích-Ca, trong một thị trấn của họ có tên là Nāgaraka.⁴ Rồi ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa đức Thế Tôn, đây là một-nửa của đời sống tâm linh (phạm hạnh, đời sống tu hành), đó là: sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt.”⁵

“Không phải vậy, này Ānanda! Không phải như vậy, này Ānanda! Này Ānanda, đó chính là toàn-bộ đời sống tâm linh, đó là: sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, điều đó có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”⁶

“Và, này Ānanda, theo cách nào một Tỷ kheo với sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này Ānanda, một Tỷ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (i) dựa trên sự tách-ly (sự ẩn dật, lánh trần, ẩn tu, thiên trú), sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát [= sự thoát-ly]. Người đó tu tập ý-định đúng đắn (chánh tư duy) ... lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) ... hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) ... sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) ... sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh tấn) ... sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.”⁷ Này Ānanda, theo cách này là một Tỷ kheo với sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường

Bát Thánh Đạo.

“Này Ānanda, cũng bằng phương pháp sau đây thì có thể hiểu được cách mà toàn-bộ đời sống tâm linh chính là sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, đó là: bằng cách dựa vào Ta (tức Phật) như một đạo-hữu tốt cho nên những chúng sinh phải bị (tái) sinh sẽ được giải thoát khỏi sự-sinh; những chúng sinh phải bị già được sẽ giải thoát khỏi sự-già; những chúng sinh phải bị chết sẽ được giải thoát khỏi sự-chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng buồn sẽ được giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này Ānanda, bằng phương pháp này thì có thể hiểu được cách mà toàn-bộ đời sống tâm linh chính là sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt.”

(SN 45:02)

3 (3) *Xá-lợi-phát*

Ở Sāvathī.

Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phát đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, đây là toàn-bộ đời sống tâm linh, đó là: sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt.”⁸

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phát! Đây chính là toàn-bộ đời sống tâm linh, đó là: sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và, này Xá-lợi-phát, theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, thì người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo?”

[Phần còn lại giống kinh kể trên, chỉ khác là thầy Ānanda đổi thành thầy Xá-lợi-phát.]

4 (4) Ông Bà-la-môn

Ở Sāvattthī.

Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī (Xá-vệ) để khát thực. Thầy Ānanda nhìn thấy ông bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đang đi ra khỏi thành Sāvattthī trong một chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi mấy con ngựa cái. Những con ngựa kéo đều lông trắng, những đồ trang trí của chúng đều trắng, cỗ xe màu trắng, nệm yên trắng, dây cương, roi ngựa, và mái che cũng đều màu trắng; khăn đóng, quần áo, và giày dép của ông ta đều trắng, và ông ta được hầu quạt bởi cái quạt màu trắng.⁹

Sau khi nhìn thấy vậy, người ta nói: “Đúng thực là cỗ xe thiên thánh! Nó trông đúng là một cỗ xe thiên thánh!”¹⁰

Rồi, sau khi thầy Ānanda đã đi khát thực trong thành Sāvattthī và trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng, con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī để khát thực. Con nhìn thấy bà-la-môn Jāṇussoṇi đang đi ra khỏi thành Sāvattthī trong một chiếc xe ngựa toàn trắng.... Sau khi nhìn thấy vậy, người ta nói: ‘Đúng thực là cỗ xe thiên thánh! Nó trông đúng là một cỗ xe thiên thánh!’ Thưa Thế Tôn, có thể nào đức Thế Tôn chỉ ra một cỗ xe thiên thánh trong Giáo Pháp và Giới Luật này?”

“Có thể, này Ānanda”, đức Thế Tôn nói.

“Đây là một cách gọi để chỉ con-đường Bát Thánh Đạo là: ‘cỗ xe thiên thánh’ và ‘cỗ xe Giáo Pháp’, và ‘cỗ xe tối thắng trong chiến trận’.

“Này Ānanda, cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), khi được tu tập và tu dưỡng, có sự dẹp bỏ tham, sự dẹp bỏ sân, sự dẹp bỏ si là mục-tiêu cuối

cùng của nó. Ý-định đúng đắn (chánh tư duy) ... Sự định-tâm đúng đắn (chánh định), khi được tu tập và tu dưỡng, có sự dẹp bỏ tham, sự dẹp bỏ sân, sự dẹp bỏ si là mục-tiêu cuối cùng của nó.

“Này Ānanda, theo cách này thì có thể hiểu một cách gọi để chỉ con-đường Bát Thánh Đạo này là: ‘cỗ xe thiên thánh’ và ‘cỗ xe Giáo Pháp’ và ‘cỗ xe tối thắng trong chiến trận’.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Những phẩm chất của nó là niềm-tin và trí-tuệ,
Luôn được kết nối [ách chung] ngang nhau.¹¹
Sự biết xấu-hổ là cán xe, tâm là cái đòn ách,
Sự chánh-niệm là người lái xe luôn quán sát.

“Trang hoàng của xe là giới-hạnh,
Trục bánh xe là thiên-định [jhāna],¹²
Sự nỗ-lực tu (tinh tấn) là những bánh xe;
Sự buông-xả giữ tải trọng của xe được cân bằng,
Sự vô-tham như nệm yên xe.

“Sự thiện-ý, sự vô-hại, và sự sống tách-ly (ẩn dật):
Đó là những vũ khí của cỗ xe,
Sự nhẫn-nghĩ là áo giáp và tấm khiêng bảo hộ,¹³
Và nó lăn bánh tới ‘sự an-toàn khỏi sự trôi-buộc’.

“Đây là cỗ xe thiên thánh tối thượng,
Xuất phát từ chính bên-trong mình.¹⁴
Người có trí đi thoát khỏi thế giới bên trong nó,
Hiển nhiên sẽ dành được chiến thắng.”

(SN 45:04)

5 (5) Vì Mục Đích Gì?

Ở Sāvathī.

Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Ồ đây, thưa Thế Tôn, những du sĩ các giáo phái khác hỏi chúng con: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?’ Thưa Thế Tôn, khi được hỏi như vậy, chúng con đã trả lời các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, vì mục đích để hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sự khổ cho nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn’. Thưa Thế Tôn, chúng con hy vọng khi chúng con trả lời như vậy là đã nói đúng điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời đức Thế Tôn bằng điều gì trái với thực tế; rằng chúng con đã giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không để lại cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình.”

“Chắc chắn là vậy, này các Tỳ kheo, khi các thầy trả lời như vậy là các thầy là đã nói đúng điều ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với thực tế; rằng các thầy đã giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không để lại cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình. Bởi vì, này các Tỳ kheo, mục đích là để hoàn-toàn hiểu sự khổ nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới ta.

“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ các giáo phái khác còn hỏi các thầy như vậy: ‘Nhưng, này các bạn, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ này?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời như vậy: ‘Có một con-đường, có một đường-đi để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ này.’

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ này? Đó là con-đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Đây là con-đường, đây là đường-đi dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ.

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời những du sĩ các giáo phái khác đó theo cách như vậy.”

(SN 45:05)

6 (6) Một Tỳ kheo (1)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘đời sống tâm linh, đời sống tâm linh’. Thưa Thế Tôn, cái gì là đời sống tâm linh? Cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống tâm linh?”

“Này Tỳ kheo, con-đường Bát Thánh Đạo này chính là đời sống tâm linh; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây là mục-tiêu cuối cùng của đời sống tâm linh.”

(SN 45:06)

7 (7) Một Tỳ kheo (2)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự đẹp bỏ tham, sự đẹp bỏ sân, sự đẹp bỏ si’. Thưa Thế Tôn, đây là một cách gọi để chỉ cái gì?”

“Này Tỳ kheo, đây là một cách gọi để chỉ yếu-tố của Niết-bàn (Niết-bàn giới), đó là: sự đẹp bỏ tham, sự đẹp bỏ sân, sự đẹp bỏ si. Sự tiêu diệt những ô-nhiễm được nói theo cách như vậy.”¹⁵

Sau khi điều này được nói ra, Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự Bất Tử, sự Bất Tử’. Thưa Thế Tôn, bây giờ cái gì là sự Bất Tử? Cái gì là con-đường dẫn tới sự Bất Tử?”

“Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự Bất Tử. Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự Bất Tử; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.”

(SN 45:07)

8 (8) Phân Tích

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường Bát Thánh Đạo và ta sẽ phân tích nó cho các thầy. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Bát Thánh Đạo? Đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.¹⁶

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn]? Đó là sự biết về khổ, sự biết về nguồn-gốc khổ, sự biết về sự chấm-dứt khổ, sự biết về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ: đây được gọi là chánh-kiến.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh tư-duy [ý-định đúng đắn]? Đó là ý định từ-bỏ (vô tham), ý định không ác-ý (vô sân), ý định không gây-hại (vô hại): đây được gọi là chánh tư-duy.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-ngữ [lời-nói đúng đắn]? Sự kiêng cử sự nói-dối nói láo, kiêng cử sự nói lời gây chia-rẽ, kiêng cử sự nói lời nói gắt-gồng nạt nộ, kiêng cử sự nói chuyện tầm-phào tán dóc: đây được gọi là chánh-ngữ.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-nghiệp [hành-động đúng đắn]? Sự kiêng cử sát-sinh, kiêng cử gian-cấp, kiêng cử tà-dâm:¹⁷ đây được gọi là chánh-nghiệp.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-mạng [sự mưu-sinh đúng đắn]? Ở đây một người thánh đệ tử, sau khi đã dẹp bỏ sự mưu-sinh sai trái, chỉ kiếm sống nuôi thân bằng sự mưu-sinh đúng đắn: đây được gọi là chánh-mạng.

(6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh tinh-tấn [sự nỗ-lực tu đúng đắn]? Ở đây, này các Tỳ kheo, Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn (dục) không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh

tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó phát tạo mong-muốn *trừ bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) Người đó phát tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó phát tạo mong-muốn *duy trì* liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ sự tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Đây được gọi là chánh tinh-tấn.

(7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-niệm [sự tâm-niệm đúng đắn]? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo an trú quán sát *thân* trong thân [*thân*], nhiệt thành, rõ-biết [tỉnh giác], có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (ii) Người đó an trú quán sát *những cảm-giác* trong những cảm-giác [*thọ*], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. (iii) Người đó an trú quán sát *tâm* trong tâm [*tâm*], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. (iv) Người đó an trú quán sát *pháp* trong pháp [*pháp*: những hiện-tượng thuộc tâm, những đối-tượng của tâm, những thứ thuộc tâm, những hiện-tượng tâm, tâm pháp, các pháp, các giáo pháp], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là chánh-niệm.

(8) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chánh-định [sự định-tâm đúng đắn]? Ở đây, này các Tỳ kheo: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’

(ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-

tâm.’

(iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: “Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”.’

(iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khỏ (không còn lạc hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ hết ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’”

(SN 45:08)

9 (9) *Đầu Hột Lúa*

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ một đầu nhọn hột lúa hay hột lúa mì được đặt sai hướng và được ấn vào tay hay chân. Vậy nó có thể đâm thủng tay hay chân làm chảy máu, hay không? – Không thể được. Vì lý do gì? Vì đầu hột lúa bị đặt sai hướng. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có cách-nhìn theo hướng sai lạc (theo tà kiến), với sự tu-tập con-đường [đạo] theo hướng bị sai lạc (theo tà đạo), thì có thể chọc thủng (bức màn) vô-minh, có thể phát khởi trí-biết đích thực (minh) và chứng ngộ Niết-bàn, hay không? – Không thể được. Vì lý do gì? Bởi vì cách-nhìn của người đó đã bị theo hướng sai lạc.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ một đầu nhọn hột lúa hay hột lúa mì được đặt đúng hướng và được ấn vào tay hay chân. Vậy nó có thể đâm thủng tay hay chân làm chảy máu, hay không? – Có thể được. Vì lý do gì? Vì đầu nhọn của nó được đặt giữ đúng hướng. Cũng giống như vậy, này các

Tỳ kheo, một Tỳ kheo có cách-nhìn theo hướng đúng đắn (theo chánh kiến), với sự tu-tập con-đường [đạo] theo hướng được đúng đắn (theo chánh đạo), thì có thể chọc thủng (bức màn) vô-minh, hay không? – Có thể được. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn của người đó đã được theo hướng đúng đắn.

“Và một Tỳ kheo làm như vậy theo cách nào? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn], [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập chánh-tu-đuy [ý-định đúng đắn] ... chánh-định [sự định-tâm đúng đắn], dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có cách-nhìn theo hướng đúng đắn, với sự tu-tập con đường [đạo] theo hướng được đúng đắn, sẽ chọc thủng (bức màn) vô-minh, phát khởi trí-biết đích thực (minh), và chứng ngộ Niết-bàn.”

(SN 45:09)

10 (10) Nandiya

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có du sĩ tên là Nandiya đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, có bao nhiêu thứ gì, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới Niết-bàn, có Niết-bàn là đích-đến của chúng, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của chúng?”

“Này Nandiya, có tám phần, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới Niết-bàn, có Niết-bàn là đích-đến của chúng, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của chúng. Đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Tám phần này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới Niết-bàn, có Niết-bàn là đích-đến của

chúng, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của chúng.”

Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Nandiya đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! ... Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 45:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘AN TRÚ’

(*Vihāra-vagga*)

11 (I) An Trú (I)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta muốn đi vô chỗ tách-ly (đi ẩn dật, nhập thất) trong nửa tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang cho ta thức ăn khát thực.”¹⁸

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại, và không ai đến gặp đức Thế Tôn, trừ người đưa thức ăn khát thực.

Rồi, nửa tháng đã trôi qua, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ tách-ly, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta đã an trú trong một phần của sự thiên trú mà ta đã an trú trong đó ngay sau khi ta mới giác-ngộ toàn thiện.¹⁹ Ta đã hiểu được như vậy: ‘Có cảm-giác do cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên), cũng có cảm-giác do cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là điều-kiện ... Có cảm-giác do sự định-tâm sai lạc (tà định) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự định-tâm đúng đắn (chánh định) là điều-kiện. Có cảm-giác do tham-muốn (dục) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do ý-nghĩ (tâm) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do nhận-thức (tưởng) là điều-kiện.’²⁰

“(a) Khi tham-muốn (dục) chưa lắng lặn, và những ý-nghĩ (tâm) chưa lắng lặn, và nhận-thức (tưởng) chưa lắng lặn, thì có cảm-giác với chúng là điều-kiện (duyên). [(b) Khi tham-muốn đã lắng lặn, và những ý-nghĩ chưa lắng lặn, và nhận-thức chưa lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với chúng là điều-kiện. (c) Khi tham-muốn đã lắng lặn, và những ý-nghĩ đã lắng lặn, và nhận-thức chưa lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với chúng là điều-kiện.] Khi tham-muốn đã lắng lặn, và những ý-nghĩ đã lắng lặn, và nhận-thức đã lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với chúng là điều-kiện. Có sự

nỗ-lực tu (tinh tấn) để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Khi giai đoạn đó đã được chứng đắc, thì cũng có cảm-giác với đó là điều-kiện.”²¹

(SN 45:11)

12 (2) An Trú (2)

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, ta muốn đi vô chỗ tách-ly (đi ẩn dật, nhập thất) trong nửa tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang cho ta thức ăn khát thực.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại, và không ai đến gặp đức Thế Tôn, trừ người đưa thức ăn khát thực.

Rồi, ba tháng đã trôi qua, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ tách-ly, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta đã an trú trong một phần của sự thiền trú mà ta đã an trú trong đó ngay sau khi ta mới giác-ngộ toàn thiện. Ta đã hiểu được như vậy: ‘Có cảm-giác do cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên), cũng có cảm-giác do có sự lảng lạn cách-nhìn sai lạc là điều-kiện.²² Có cảm-giác do cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lảng lạn của cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện ... Có cảm-giác do sự định-tâm sai lạc (tà định) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lảng lạn của sự định-tâm sai lạc là điều-kiện. Có cảm-giác do sự định-tâm đúng đắn (chánh kiến) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lảng lạn của sự định-tâm đúng đắn là điều-kiện. Có cảm-giác do tham-muốn (dục) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lảng lạn của tham-muốn (vắng dục) là điều-kiện (là cảm-giác trong Nhất thiền). Có cảm-giác do ý-nghĩ (tâm) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lảng lạn của ý-nghĩ (vắng tâm) là điều-kiện (là cảm-giác trong Nhị thiền). Có cảm-giác do nhận-thức (tưởng) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lảng lạn của nhận-thức (vắng tưởng) là điều-kiện (là cảm-giác trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ).

“(a) Khi tham-muốn (dục) *chưa* lắng lặn, và những ý-nghĩ (tâm) *chưa* lắng lặn, và nhận-thức (tưởng) *chưa* lắng lặn, thì có cảm-giác với chúng là điều-kiện (duyên). [(b) Khi tham-muốn *đã* lắng lặn, và những ý-nghĩ *chưa* lắng lặn, và nhận-thức *chưa* lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với chúng là điều-kiện. (c) Khi tham-muốn *đã* lắng lặn, và những ý-nghĩ *đã* lắng lặn, và nhận-thức *chưa* lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với với chúng là điều-kiện.] (d) Khi tham-muốn *đã* lắng lặn, và những ý-nghĩ *đã* lắng lặn, và nhận-thức *đã* lắng lặn, thì cũng có cảm-giác với chúng là điều-kiện. Có sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Khi giai đoạn đó đã được chứng đắc, thì cũng có cảm-giác với đó là điều-kiện.”

(SN 45:12)

13 (3) *Một Học Nhân*

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... Sau khi ngồi xuống một bên, thầy ấy thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một học nhân, một học nhân’. Theo cách nào một người là một học-nhân?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, một người có được chánh-kiến của một học nhân ... chánh-định của một học-nhân. Đây là cách người đó là một học nhân.”

(SN 45:13)

14 (4) *Khởi Sinh (I)*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh nếu không có sự xuất hiện của một Như

Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Tám đó là gì? Đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Tám phần này ...”

(SN 45:14)

15 (5) Khởi Sinh (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có Giới Luật của bậc Phúc Lành (Thiện Thệ). Tám đó là gì? Đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Tám phần này ...”

(SN 45:14)

16 (6) Được Thanh Lọc (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn khuyết điểm, không còn những suy đồi, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Tám đó là gì? Đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Tám phần này ...”

(SN 45:16)

17 (7) Được Thanh Lọc (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn khuyết điểm, không còn những suy đồi, nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có Giới Luật của bậc Phúc Lành (Thiện Thệ). Tám đó là gì? Đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Tám phần này ...”

(SN 45:17)

18 (8) Khu Vườn Gà (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Ānanda và Ngài Bhadda đang sống ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị), trong khu Vườn Gà (hay Tịnh xá Gà). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Bhadda ra khỏi sự tách-ly (chỗ tách-ly, ẩn dật, thiền trú), đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy Bhadda ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói ‘đời sống không thánh thiêng, đời sống không thánh thiêng’ (không phải đời sống tâm linh; phi phạm hạnh). Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống không thánh thiêng?”

“Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc,²³ này đạo hữu Bhadda, sự tài giỏi của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Bởi vì thầy đã hỏi tôi câu hỏi này: ‘Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói “đời sống không thánh thiêng, đời sống không thánh thiêng”. Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống không thánh thiêng?’”

“Dạ, đạo hữu?”

“Này đạo hữu, con-đường tám phần sai lạc (bát tà đạo) này là không thánh thiêng; đó gồm: tà-kiến ... tà-định.”

(SN 45:18)

19 (9) Khu Vườn Gà (2)

Ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị).

“Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói ‘đời sống thánh thiêng, đời sống thánh thiêng’ (đời sống tâm linh, phạm hạnh). Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống thánh thiêng và cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời

sống thánh thiêng?”

“Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, này đạo hữu Bhadda, sự tài giỏi của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Bởi vì thầy đã hỏi tôi câu này: ‘Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói “đời sống thánh thiêng, đời sống thánh thiên”. Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống thánh thiêng và cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng?’”

“Dạ, đạo hữu.”

“Này đạo hữu, con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) chính là đời sống thánh thiêng; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.. Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng.”

(SN 45:19)

20 (10) Khu Vườn Gà (3)

Ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị).

“Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói ‘đời sống thánh thiêng, đời sống thánh thiên’ (đời sống tâm linh, phạm hạnh). Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống thánh thiêng và cái gì là một người đi theo đời sống thánh thiêng, và cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng đó?”

“Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, này đạo hữu Bhadda, sự tài giỏi của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Bởi vì thầy đã hỏi tôi câu này: ‘Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói “đời sống thánh thiêng, đời sống thánh thiên”. Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống thánh thiêng và cái gì là một người đi theo đời sống thánh thiêng, và cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng đó?’”

“Dạ, đạo hữu.”

“Này đạo hữu, con-đường Bát Thánh Đạo chính là đời sống thánh thiêng; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Người có được con-đường Bát Thánh Đạo này thì được gọi là người sống đời sống thánh thiêng. Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiêng.”

(SN 45:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘SAI LẠC’

(*Micchatta-vagga*)

21 (1) Sự Sai Lạc

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự sai lạc (tà) và sự đúng đắn (chánh). Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là sự sai lạc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là sự đúng đắn.”

(SN 45:21)

22 (2) Những Điều Bất Thiện

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những điều (phẩm chất, trạng thái, sự thực hành) bất thiện và những điều thiện. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều bất thiện? Chúng là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là những điều bất thiện.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều thiện? Chúng là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là những điều thiện.”

(SN 45:22)

23 (3) Con Đường (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường sai lạc (tà đạo) và con-đường đúng đắn (chánh đạo). Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là con-đường sai lạc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là con-đường đúng đắn.”

(SN 45:23)

24 (4) Con Đường (2)

Ở Sāvattihī.

- “Này các Tỳ kheo, cho dù đối với người tại gia hay xuất gia, ta không đề cao con-đường sai lạc (tà đạo). Cho dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách sai lạc, thì bởi do con-đường tu tập sai lạc người đó sẽ không đạt được phương pháp, đó là Giáo Pháp thiện lành. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là con-đường sai lạc. Cho dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách sai lạc, thì bởi do con-đường tu tập sai lạc người đó sẽ không đạt được phương pháp, là Giáo Pháp thiện lành.

- “Này các Tỳ kheo, cho dù đối với người tại gia hay xuất gia, ta luôn đề cao con-đường đúng đắn (chánh đạo). Cho dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách đúng đắn, thì bởi nhờ con-đường tu tập đúng đắn người đó sẽ đạt được phương pháp, đó là Giáo Pháp thiện lành.²⁴ Và, này

các Tỷ kheo, cái gì là con-đường đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là con-đường đúng đắn. Cho dù đó là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách đúng đắn, thì bởi nhờ con-đường tu tập đúng đắn người đó sẽ đạt được phương pháp, là Giáo Pháp thiện lành.

(SN 45:24)

25 (5) Người Nhược (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỷ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy người nhược [thấp kém] và người ưu [cao hơn, giỏi hơn, ưu hơn]. Hãy lắng nghe điều đó ...

- “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là người nhược? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự muu-sinh sai trái, sự nỗ-lực tu sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc (tà kiến ... tà định). Đây được gọi là người nhược.

- “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là người ưu? Ở đây có người có cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn (chánh kiến ... chánh định). Đây được gọi là người ưu.”

(SN 45:25)

26 (6) Người Nhược (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỷ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy người nhược và người tệ hơn người nhược. Ta sẽ dạy cho các thầy người ưu và người tốt hơn người ưu. Hãy lắng nghe điều đó ...

- “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là người nhược? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây là được

gọi là người nhược.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người còn tệ hơn người nhược? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... sự định-tâm sai lạc (tà định), sự-biết sai lạc (tà tri), sự giải-thoát sai lạc (ngụy giải-thoát).²⁵ Đây là được gọi là người tệ hơn người nhược.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người ưu? Ở đây có người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây là được gọi là người ưu.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người còn tốt hơn người ưu? Ở đây có người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), sự-biết đúng đắn (chánh tri), sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát). Đây là được gọi là người tốt hơn người ưu.

(SN 45:26)

27 (7) *Cái Chậu*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, như cái chậu không có chân đứng dễ bị ngã đổ, còn chậu có chân đứng thì khó bị ngã đổ; cũng giống như vậy, cái tâm không có chân đứng dễ bị ngã đổ, còn cái tâm có chân đứng khó bị ngã đổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chân đứng của tâm? Đó là con-đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Đây là chân đứng của tâm.

“Này các Tỳ kheo, như cái chậu ... cũng giống như vậy, cái tâm không có chân đứng dễ bị ngã đổ, còn cái tâm có chân đứng khó bị ngã đổ.”

(SN 45:27)

28 (8) *Sự Định Tâm*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự định-tâm đúng đắn thánh thiện (thánh chánh-định) với những sự hỗ-trợ của/cho nó và những điều-kiện tiên quyết của/cho nó. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự định-tâm đúng đắn thánh thiện với những sự hỗ-trợ cho nó và những điều-kiện tiên quyết cho nó? Đó là (07 chi phần): chánh-kiến ... chánh-niệm. Sự nhất-điểm của tâm được trang bị với bảy chi phần này thì được gọi là sự định-tâm đúng đắn thánh thiện ‘cùng với những sự trợ-giúp của nó’, và ‘cùng với những điều-kiện tiên quyết của nó.’”²⁶

(SN 45:28)

29 (9) *Cảm Giác*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng [dễ chịu; lạc thọ], cảm-giác khổ [khó chịu; khổ thọ], cảm-giác trung tính [không khổ không sướng; vô ký thọ, xả thọ]. Đó là ba cảm-giác.”

“Này các Tỳ kheo, Bát Thánh Đạo được tu tập để đạt tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) ba cảm-giác này. Cái gì là Bát Thánh Đạo? Đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Bát Thánh Đạo được tu tập để đạt tới sự hoàn-toàn hiểu ba cảm-giác này.”

(SN 45:29)

30 (10) *Uttiya*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Uttiya đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, khi con ở một mình trong sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú) thì một sự suy xét (quán chiếu) đã khởi lên trong tâm con như vậy: ‘Năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc) đã được nói bởi đức Thế Tôn’. Nhưng giờ cái gì là năm dây khoái-lạc giác quan?”

“Tốt, tốt, này Uttiya! Năm dây khoái-lạc giác quan này đã được nói bởi ta. Năm đó là gì? Những hình-sắc [sắc] được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Những âm-thanh [thanh] được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương [hương] được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị [vị] được nhận biết bởi lưỡi ... Những chạm-xúc [xúc] được nhận biết bởi thân ... Những hiện-tượng thuộc tâm [pháp] được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan.

“Này Uttiya, Bát Thánh Đạo được tu tập để đạt tới sự dẹp-bỏ năm dây khoái-lạc giác quan này. Và cái gì là Bát Thánh Đạo? Đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Bát Thánh Đạo này được tu tập để đạt tới sự dẹp-bỏ năm dây khoái-lạc giác quan này.”

(SN 45:30)

NHÓM 4

NHÓM ‘SỰ TU TẬP’

(*Paṭipatti-vagga*)

31 (1) *Sự Tu Tập (1)*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tu-tập sai lạc và sự tu-tập đúng đắn. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu-tập sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là sự tu-tập sai lạc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu-tập đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định).”

(SN 45:31)

32 (2) *Sự Tu Tập (2)*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người tu-tập một cách sai lạc và người tu-tập một cách đúng đắn. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người tu-tập một cách sai lạc? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... sự định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là người tu-tập một cách sai lạc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người tu-tập một cách đúng đắn? Ở đây có người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là người tu-tập một cách đúng đắn.”²⁷

(SN 45:32)

33 (3) *Bỏ Lơ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ lơ (bỏ lỡ, bỏ mặc, bỏ mắt, không tu tập) con-đường Bát Thánh Đạo là bỏ lơ con-đường thánh thiện (thánh đạo)²⁸ dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đảm nhận con-đường Bát Thánh Đạo là đảm nhận con-đường thánh thiện dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Những ai đã bỏ lơ con-đường Bát Thánh Đạo là bỏ lơ con-đường thánh thiện dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đảm nhận con-đường Bát Thánh Đạo là đảm nhận con-đường thánh thiện dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 45:33)

34 (4) *Vượt Qua Bờ Kia*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có tám chi phần, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự vượt khỏi bờ này (thử ngạn) qua bờ kia (bỉ ngạn). Tám đó là gì? Đó là: Chánh-kiến ... chánh-định. Tám chi phần này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự vượt khỏi bờ này qua bờ kia.”²⁹

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Chỉ ít người trong nhân gian,
Qua được bên bờ kia (đáo bỉ ngạn).
Mọi người chỉ đi lên đi xuống
Lẩn quẩn bên bờ này.

“Khi Giáo Pháp được giảng bày một cách đúng đắn,
Những ai tu tập theo Giáo Pháp,

Là những người sẽ vượt qua khỏi cõi Chết,
Vốn rất khó vượt qua.

“Sau khi bỏ lại những phẩm chất tối,
Người có trí tu dưỡng những phẩm chất sáng.
Sau khi bỏ lại đời tại gia để sống đời xuất gia:
Là chỗ khó tìm sự thích thú, khoái lạc—

“Tìm sự vui thích trong sự tách-ly (ẩn dật),
Sau khi đã từ bỏ những khoái-lạc giác quan.
Không còn vướng nợ gì, người có trí tu tập,
Để thanh tẩy bản thân hết những ô-nhiễm (lậu hoặc) trong tâm.

“Những ai có tâm được khéo tu tập
Về những chi giác-ngộ (giác chi),
Ai nhờ không còn chấp-thủ (thủ diệt) tìm thấy niềm vui
Trong sự từ-bỏ sự nắm-giữ (phá chấp):
Những bậc tột sáng đó, với ô-nhiễm đã diệt sạch (lậu tận),
Đã hoàn toàn nguội tắt trong thế gian.”

(SN 45:34)

35 (5) Đời Sống Sa-Môn (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống sa-môn [tu sĩ] và những kết quả của đời sống sa-môn [sa-môn quả]. Hãy lắng nghe ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống sa-môn? Chính là con-đường Bát Thánh Đạo này; đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là đời sống tu sĩ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những kết quả của đời sống sa-môn? Đó là kết quả Nhập-lưu, kết quả Nhất-lai, kết quả Bất-lai, kết quả A-la-hán. Đây là được gọi là những kết quả của đời sống sa-môn.”

(SN 45:35)

36 (6) Đời Sống Sa-Môn (2)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống sa-môn [tu sĩ] và mục tiêu của đời sống sa-môn [sa-môn quả]. Hãy lắng nghe ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống sa-môn? Chính là con-đường Bát Thánh Đạo này; đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là đời sống tu sĩ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những mục tiêu của đời sống sa-môn? Đó là sự tiêu-diệt tham, sự tiêu-diệt sân, sự tiêu-diệt si. Đây là được gọi là mục tiêu của đời sống tu sĩ.”

(SN 45:36)

37 (7) Đời Sống Bà-La-Môn (1)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống bà-la-môn (đích thực) và những kết quả của đời sống bà-la-môn. Hãy lắng nghe ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống bà-la-môn? Chính là con-đường Bát Thánh Đạo này; đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là đời sống bà-la-môn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những kết quả của đời sống bà-la-môn? Đó là kết quả Nhập-lưu, kết quả Nhất-lai, kết quả Bất-lai, kết quả A-la-hán. Đây là được gọi là những kết quả của đời sống bà-la-môn.”

(SN 45:37)

38 (8) Đòi Sống Bà-La-Môn (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đòi sống bà-la-môn (đích thực) và mục tiêu của đòi sống bà-la-môn. Hãy lắng nghe ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đòi sống bà-la-môn? Chính là con-đường Bát Thánh Đạo này; đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là đòi sống bà-la-môn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mục tiêu của đòi sống bà-la-môn? Đó là sự tiêu-diệt tham, sự tiêu-diệt sân, sự tiêu-diệt si. Đây là được gọi là mục tiêu của đòi sống bà-la-môn.”

(SN 45:38)

39 (9) Đòi Sống Tâm Linh (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đòi sống tâm linh (phạm hạnh, đòi sống tu hành) và những kết quả của đòi sống tâm linh (phạm hạnh quả). Hãy lắng nghe ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đòi sống tâm linh? Chính là con-đường Bát Thánh Đạo này; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là đòi sống tâm linh.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những kết quả của đòi sống tâm linh? Đó là kết quả Nhập-lưu, kết quả Nhất-lai, kết quả Bất-lai, kết quả A-la-hán. Đây là được gọi là những kết quả của đòi sống tâm linh.”

(SN 45:39)

40 (10) Đòi Sống Tâm linh (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống tâm linh và mục tiêu của đời sống tâm linh. Hãy lắng nghe ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống tâm linh? Chính là con-đường Bát Thánh Đạo này; đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là đời sống tâm linh.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mục tiêu của đời sống tâm linh? Đó là sự tiêu-diệt tham, sự tiêu-diệt sân, sự tiêu-diệt si. Đây là được gọi là mục tiêu của đời sống tâm linh.”

(SN 45:40)

NHÓM 5

NHÓM ‘NHỮNG DU SĨ KHÁC ĐẠO’

(*Aññatitthiya-vagga*)³⁰

41 (1) Sự Phai Biến Tham Dục

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, đó là để dẫn tới *sự phai biến của tham-dục* nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo hỏi các thầy: ‘Nhưng, này các bạn, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẫn tới sự phai biến của tham dục đó?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, có một con-đường, có một đường-đi để dẫn tới sự phai biến của tham-dục.’

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để dẫn tới sự phai biến đó của tham-dục? Chính là Bát Thánh Đạo; đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Đây là con-đường, đây là đường-đi để dẫn tới sự phai biến của tham-dục.

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ theo cách như vậy.”

(SN 45:41)

42 (2) — 48 (8) Sự Dẹp Bỏ Các Gông-Cùm ...

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh dưới sa-môn Cồ-

đàm?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, đó là để dẫn tới *sự dẹp-bỏ những gông-cùm* (kiết sử) ... để dẫn tới *sự bùng-bỏ những khuynh-hướng tiềm ẩn* (tùy miên) ... để dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu cái hành trình* (quá trình, đường đi của luân hồi sinh tử) ... để dẫn tới *sự tiêu-diệt những ô-nhiễm* (lậu diệt) ... để dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (*minh*) và *sự giải-thoát* ... để đạt tới *sự-biết và sự-thấy* (tri và kiến) ... để đạt tới *Niết-bàn không còn chấp-thủ* (thủ diệt) nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.’³¹

“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Nhưng, này các bạn, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm đó ... để đạt tới Niết-bàn không còn chấp-thủ đó—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, có một con-đường, có một đường-đi để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm ... để đạt tới Niết-bàn không còn sự chấp-thủ (thủ diệt).

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm đó ... để đạt tới Niết-bàn không còn chấp-thủ đó. Chính là Bát Thánh Đạo; đó là: chánh-kiến ... chánh-định. Đây là con-đường, đây là đường-đi để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm ... để đạt tới Niết-bàn không còn chấp-thủ.

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ theo cách như vậy.” **

(SN 45:42–48)

NHÓM 6

NHÓM ‘MẶT TRỜI’ LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Sūriya Peyyāla-vagga*)

[*(i)* THEO MẪU ‘SỰ TÁCH-LY ...’]

49 (1) Sự Có Đạo Hữu Tốt

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có đạo-hữu tốt (đồng đạo, đồng môn, sư huynh, sư thầy tốt) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo.³² Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (*i*) dựa trên *sự tách-ly* (sự ắt dật, lánh trần, ắt tu, thiên trú), sự chán-bỏ và sự chắm-dứt, dần chín muối tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập ý-định đúng đắn (chánh tư duy) ... lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) ... hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) ... sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) ... sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh tấn)... sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm)... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (*i*) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chắm-dứt, dần chín muối tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách này là một Tỳ kheo với sự có đạo-hữu tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.” (*lời kinh lập lại giống đoạn thứ ba kinh 45:02 ở đầu chương*)

(SN 45:49)

50 (2) — 55 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần tu ... sự thành-tựu về như lý tác ý [sự chú-tâm kỹ càng, sự chú-tâm khôn khéo, sự tác-ý thiện khéo]³³ là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Khi một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:50–55)

[(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM ...’]

56 (1) *Sự Có Đạo Hữu Tốt*

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có đạo-hữu tốt là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng

con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:56)

57 (2) — 62 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về như lý tác ý là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Khi một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:57–62)

NHÓM 7

NHÓM ‘MỘT THỨ’ THỨ NHẤT

LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Ekadhamma-Peyyāla-vagga*)

[(i) THEO MẪU ‘SỰ TÁCH-LY ...’]

63 (1) *Sự Có Đạo Hữu Tốt*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có *một thứ (một pháp)* là *rất hữu ích* cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự có đạo-hữu tốt. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:51)

64 (2) — 69 (7) *Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có *một thứ là rất hữu-ích* cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về như lý tác ý. Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường

Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:50–55)

[(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM ...’]

70 (1) *Sự Có Đạo Hữu Tốt*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có *một thứ là rất hữu ích* cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự có đạo-hữu tốt. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:56)

71 (2) — 76 (7) *Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có *một thứ là rất hữu-ích* cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về như lý tác ý. Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:59—62)

NHÓM 8

NHÓM ‘MỘT THỨ’ THỨ HAI LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Dutiyaekadhamma-Peyyāla-vagga*)

[(i) THEO MẪU ‘SỰ TÁCH-LY ...’]

77 (1) *Sự Có Đạo Hữu Tốt*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, *ta không thấy một thứ (một pháp) nào* thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi-sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự có đạo-hữu tốt (đồng đạo, đồng môn, đạo hữu tốt). Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:53)

78 (2) — 83 (7) *Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, *ta không thấy một thứ nào* thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi-sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về như lý tác ý. Khi một

Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:78—83)

[(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM ...’]

84 (I) *Bạn Tốt*

Ở Sāvattī.

“Này các Tỳ kheo, *ta không thấy một thứ nào* thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi-sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự có đạo-hữu tốt. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:84)

85 (2) — 90 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh ...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, *ta không thấy một thứ nào* thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi-sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về như lý tác ý. Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về như lý tác ý tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:85—90)

NHÓM 9
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ NHẤT
LẬP LẠI & TÓM LƯỢC
(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)³⁴

[(i) THEO MẪU ‘SỰ TÁCH-LY ...’]

91 (1) Đổ Về Hướng Đông ... (1)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i), [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 45:91)

92 (2) — 96 (6) Đổ Về Hướng Đông ...

“Này các Tỳ kheo, như sông Yamunā ...sông Aciravatī ... sông Sarabhū ... sông Mahī ... hay bất kỳ sông lớn nào—tất cả đều đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[*Tiếp tục đoạn 2 như kinh 91 kể trên.*]

(SN 45:92—96)

97 (7) — 102 (12) Đổ Về Đại Dương ...

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng ... hay bất kỳ sông lớn nào—tất cả đều đổ về, nghiêng về, và chảy ra đại dương; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[Tiếp tục các đoạn 2 như kinh 91—96 ở trên.]

(SN 45:92—102)

NHÓM 10
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ HAI
LẬP LẠI & TÓM LƯỢC
(*Dutiyagaṅgā-Peyyāla-vagga*)

[(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM ...’]

103 (1) — 108 (6) *Đổ Về Hướng Đông ...*

109 (7) — 114 (12) *Đổ Về Đại Dương ...*

[Trong phiên mẫu [*LOẠI-BỎ THAM ...*] này, các kinh 103—108 là giống hệt các kinh 91—96, và các kinh 109—114 giống hệt các kinh 97—102, ngoại trừ chỉ đổi đoạn “phiên mẫu” thành như sau:]

“Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm (chánh định), [sự tu tập đó] (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si.*”

(SN 45:103—108)

(SN 45:109—114)

NHÓM 11
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ BA
LẬP LẠI & TÓM LƯỢC
(Tatiya-Peyyāla-vagga)

[(iii) THEO MẪU ‘CÓ SỰ BẮT-TỬ LÀ NỀN-TẢNG ...’]

115 (1) — 120 (6) *Đỗ Về Hướng Đông ...*

121 (7) — 126 (12) *Đỗ Về Đại Dương ...*

[Trong phiên mẫu [*SỰ BẮT-TỬ LÀ NỀN TẢNG ...*] này, các kinh **115—120** là giống hệt các kinh **91—96**, và các kinh **121—126** giống hệt các kinh **97—102**, ngoại trừ chỉ đổi đoạn “phiên mẫu” thành như sau:]

“Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm (chánh định), (iii) [sự tu tập đó] có sự *Bắt-tử là nền-tảng của nó*, sự *Bắt-tử* là đích-đến của nó, sự *Bắt-tử* là mục-tiêu cuối cùng của nó.”³⁵

(SN 45:115—120)

(SN 45:121—126)

NHÓM 12
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ TƯ
LẬP LẠI & TÓM LƯỢC
(*Catuttha-Peyyāla-vagga*)

[(iv) THEO MẪU ‘ĐỒ VỀ NIẾT-BÀN ...’]

127 (1) — 132 (6) Đồ Về Hướng Đông ...

133 (7) — 138 (12) Đồ Về Đại Dương ...

[Trong phiên mẫu [ĐỒ VỀ NIẾT-BÀN ...] này, các kinh **127—132** là giống hệt các kinh **91—96**, và các kinh **133—138** giống hệt các kinh **97—102**, ngoại trừ chỉ đổi đoạn “phiên mẫu” thành như sau:]

“Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm (chánh định), (iii) [sự tu tập đó] đồ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 45:127—132)

(SN 45:133—138)

NHÓM 13

NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’

(*Appamāda-vagga*)³⁶

139 (I) *Như Lai*

[(i) THEO MẪU ‘SỰ TÁCH-LY ...’]

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, trong mọi loài chúng sinh—dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có sắc-thân (sắc) hay không có sắc-thân (vô sắc), có nhận-thức (tưởng) hay không có nhận-thức (phi tưởng), hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng)—thì Như Lai [Tathāgata], bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, được tuyên bố là đứng đầu trong tất cả mọi loài. Cũng giống như vậy, mọi phẩm-chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-chú (chuyên tâm tu tập, chú tâm tu hành), hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng.³⁷ Khi một Tỳ kheo chuyên-chú, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên-chú, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người chuyên-chú, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.”

[(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM ...’]

... “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối

cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si ...*”

[**(iii) THEO MẪU ‘CÓ SỰ BẤT-TỬ LÀ NỀN-TẢNG ...’**]

... “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), **(iii)** có sự *Bất-tử là nền tảng* của nó, sự Bất-tử là đích đến của nó, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

[**(iv) THEO MẪU ‘ĐỔ VỀ NIẾT-BÀN ...’**]

... “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), **(iv)** *đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.*”

(SN 45:139)

► [*Mỗi bài kinh sau đây, từ 140–148, lặp lại theo 04 “phiên mẫu” giống như kinh 139 kể trên:*]

140 (2) Dấu Chân

“Này các Tỳ kheo, giống như những dấu chân của mọi loài chúng sinh biết đi đều lợt lờng trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu trong tất cả chúng, đó là, về mặt kích cỡ. Cũng giống như vậy, mọi phẩm-chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-chú, hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo chuyên-chú, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên-chú, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), **(i)** dựa trên sự *tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt,

dân chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người chuyên-chú, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

[*Tiếp tục đoạn 2 lần lượt theo 04 “phiên mẫu” (i)-(iv) giống như trong kinh 139 kể trên. ▶ Từ kinh 141—148 cũng tương tự như vậy.*]

(SN 45:140)

141 (3) Đỉnh Mái Nhà

“Đây các Tỳ kheo, giống như tất cả những thanh xà của căn nhà mái nhọn đều dựa vào đỉnh mái nhà, đổ về đỉnh mái nhà, hội tụ về đỉnh mái nhà, và đỉnh mái nhà được tuyên bố là đứng đầu (nắm đầu) trong số chúng.³⁸ Cũng giống như vậy ... [*Tiếp tục đoạn 2 lần lượt theo 04 “phiên mẫu” như trong kinh 139 ở trên*] ...” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:141)

142 (4) Rễ Cây

“Đây các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loại rễ cây có hương thơm, thì rễ cây ô-rít đen được tuyên bố là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:142)

143 (5) Gỗ Lõi

“Đây các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loại gỗ lõi có hương thơm, gỗ cây chiên-đàn đỏ được cho là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:143)

144 (6) Hoa Lài

“Này các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loài hoa có hương thơm, hoa lài được tuyên bố là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:144)

145 (7) Vị Vua

“Này các Tỳ kheo, giống như tất cả những hoàng tử nhỏ đều là hạ thần của vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), vị vua quay chuyển bánh xe được tuyên bố là đứng đầu trong số họ. Cũng giống như vậy ...” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:145)

146 (8) Mặt Trăng

“Này các Tỳ kheo, giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng một phần mười sáu sự chiếu sáng của mặt trăng, cho nên sự chiếu sáng của mặt trăng (như đối với mắt người đứng nhìn từ trái đất vào ban đêm) được tuyên bố là sáng đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:146)

147 (8) Mặt Trời

“Này các Tỳ kheo, giống như vào mùa thu, khi trời quang và mây tạnh, mặt trời mọc lên, xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng (ý nói ánh sáng mặt trời được tuyên bố là đứng đầu trong bầu trời đó). Cũng giống như vậy ...” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:147)

148 (10) Vải

“Này các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loại vải dệt, vải Kāsi được tuyên bố là tốt đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy, mọi phẩm-chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-chú, hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo chuyên-chú, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên-chú, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người chuyên-chú, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:148)

NHÓM 14

NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’

(*Balakaraṇīya-vagga*)

► [*Mỗi bài kinh sau đây, từ 149–160, cũng được lặp lại theo 04 “phiên mẫu” giống như kinh 139 ở trên.*]

149 (1) Khó Nhọc

Ở Sāvattḥī.

“Này các Tỳ kheo, giống những việc làm khó nhọc (nặng nhọc, cần nhiều công sức) được làm, thì tất cả đều được làm dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện lành].

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:149)

150 (2) Hạt Giống

“Này các Tỳ kheo, giống như tất cả mọi hạt giống và cây cối đạt được sự lớn lên, sự tăng trưởng và sự gia tăng, tất cả đều làm như vậy dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu

dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện lành].

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện lành].”
... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:150)

151 (3) *Ròng Nāga*

“Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya, vua của các ngọn núi, những con rồng nāga đã nuôi dưỡng thân thể của chúng và đạt được sức mạnh.³⁹ Sau khi chúng đã nuôi dưỡng thân thể của chúng và đạt được sức mạnh, chúng tiến vào những ao nước. Từ những ao nước chúng tiến vào những hồ nước; từ những hồ nước chúng tiến vào những suối, rồi những sông, và cuối cùng chúng tiến ra biển. Ở đó chúng đạt tới sự to lớn và lớn rộng của thân. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự mở rộng trong những trạng thái [thiện lành].

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện lành].”

... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:151)

152 (4) Cây Cối

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây đang đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông. Nếu nó bị chặt ở gốc, thì nó sẽ đổ xuống hướng nào?”

“Nó sẽ đổ xuống theo bất cứ hướng nó đang đổ về, nghiêng về, và ngã về, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo người tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo là đang đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:152)

153 (5) Bình Nước

“Này các Tỳ kheo, giống như một cái bình đã được trở đầu trút bỏ nước ra và không chứa nước lại. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo là từ bỏ những trạng thái xấu ác bất thiện và không thu nhập chúng trở lại.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-

dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo là từ bỏ những trạng thái xấu ác bất thiện và không thu nhập chúng trở lại.”
... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:153)

154 (6) *Đầu Hột Lúa*

“Nay các Tỳ kheo, ví dụ có đầu hột lúa hay đầu hột lúa mỳ được giữ thẳng và được ấn vào bàn tay hay bàn chân. Như vậy nó có thể đâm bàn tay hay bàn chân và làm chảy máu: điều này là có thể. Vì lý do gì? Bởi vì đầu nhọn được giữ hướng đâm thẳng. Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có cách-nhìn được giữ một cách đúng đắn, với sự tu tập con-đường [đạo] một cách đúng đắn, thì có thể chọc thủng (bức màn) vô-minh, phát khởi trí-biết đích thực (chân trí, minh), và chứng ngộ Niết-bàn: điều này là có thể. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn của người đó được giữ một cách đúng đắn (thuộc loại chánh-kiến).

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, nay các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.”

“Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo có cách-nhìn được giữ một cách đúng đắn, với sự tu tập con đường đạo một cách chánh thẳng, thì có thể đâm thủng vô-minh, phát khởi trí-biết đích thực, và chứng ngộ Niết-bàn.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:154)

155 (7) *Trong Bầu Trời*

“Nay các Tỳ kheo, như nhiều thứ gió thổi trong bầu trời: gió từ phía

nam, gió từ phía bắc, gió từ phía tây, gió từ phía nam, gió bụi và gió không bụi, gió lạnh và gió nóng, gió nhẹ và gió mạnh⁴⁰—cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, thì đối với người đó “*bốn nền tảng chánh-niệm*” (tứ niệm xứ) ... “*sự chuyên-cần tu đúng đắn*” (tứ chánh cần) ... “*bốn cơ-sở năng-lực tâm linh*” (tứ thần túc) ... “*năm căn tâm linh*” (ngũ căn) ... “*năm năng-lực*” (ngũ lực) ... “*bảy chi giác-ngộ*” (thất giác chi) sẽ đi đến hoàn-thiện nhờ sự tu-tập.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.”

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, thì đối với người đó “*bốn nền tảng chánh niệm*” ... “*bảy chi giác-ngộ*” sẽ đi đến hoàn-thiện nhờ sự tu-tập.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:155)

156 (8) *Mây Mưa (I)*

“Này các Tỳ kheo, ví dụ vào tháng cuối của mùa nóng, khi một đồng bụi đất vừa cuốn bay lên, một đám mây mưa lớn sẽ phá tan và dập tắt đồng bụi đất ngay tại chỗ. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, thì mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ dẹp tan chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.”

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo để cho mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ giải

tán chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:156)

157 (9) Mây Mưa (2)

“Này các Tỳ kheo, ví dụ, khi một đám mây mưa lớn vừa khởi sinh, thì một cơn gió mạnh thổi xen ngang sẽ giải tán và dập tan nó; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, thì mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ dẹp tan chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.”

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo để cho mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ giải tán chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:157)

158 (10) Con Thuyền

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một con thuyền đi biển có những trang thiết bị (cột buồm, các loại dây căng buồm ...) đã bị mòn hao trong nước biển qua sáu tháng. Rồi nó được kéo lên bờ khô trong mùa lạnh và những trang thiết bị đó lại bị tấn công thêm bởi gió và nắng. Rồi tới khi bị ngập ướt vì mưa rào, những trang thiết bị đó càng dễ dàng bị tàn mục và gãy rớt. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, thì (dần dần) những gông-cùm trói buộc của người đó sẽ dễ dàng bị tàn rụi và gãy rớt.”⁴¹

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Ở đây, này các

Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo để cho những gông-cùm trói buộc của người đó sẽ dễ dàng bị tàn rụi và gãy rớt.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:158)

159 (11) Nhà Khách

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nhà khách. Có những người từ phía đông, tây, nam, bắc đến và trọ ở đó; những người giai cấp chiến-sĩ, những người giai cấp bà-la-môn, những người giai cấp nông-thương, những người giai cấp bần-lao đến và trọ ở đó.⁴² Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, thì người đó sẽ hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) bằng sự-biết trực tiếp (liễu tri) những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp; người đó sẽ dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp; người đó sẽ chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp; người đó sẽ tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp? Nên nói rằng đó là: *năm-uẩn dính chấp-thủ* (năm thủ uẩn). Năm đó là gì? *Sắc uẩn dính chấp-thủ ... thức uẩn dính chấp-thủ*. Đây là những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp. (uẩn dính chấp-thủ: uẩn bị chấp-thủ, uẩn bị tác động bởi sự chấp-thủ)

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp? Đó là: *vô-minh* và *dục-vọng muốn được hiện-hữu* (hữu ái). Đây là những điều nên được dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp? Đó là: *trí-biết đích thực* (minh, chân trí) và *sự giải-*

thoát. Đây là những điều nên được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp? Đó là: *sự vắng-lặng* (thiền định; định) và *sự minh-sát* (thiền quán; tuệ). Đây là những điều nên được tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo thì người đó sẽ hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp ... người đó sẽ tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo để cho người đó hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp ... người đó tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp những điều nên được tu dưỡng bằng sự-biết trực tiếp.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:159)

160 (12) Dòng Sông

“Này các Tỳ kheo, ví dụ, khi sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, một đám người tới mang theo cuốc và giỏ đựng, trong đầu nghĩ: ‘Chúng ta sẽ làm (đào) cho sông Hằng này đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây’. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, liệu đám người đó có thể làm cho sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây được không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì sông Hằng (tự hồi nào giờ) đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, và không dễ gì làm cho nó đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây cho được. Đám người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và ưu phiền mà thôi.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo, nếu vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó về nhận lấy của cải, họ nói rằng: ‘Này thiện nhân, sao phải để mấy cái áo cà sa dè dặt nặng (làm vướng lụy) mình như vậy? Tại sao cứ đi lang thang với cái đầu trọc và bình bát ăn xin như vậy? Này, hãy trở lại đời sống trần tục, sau đó mặc sức mà hưởng thụ của cải và làm những việc công đức’. Nhưng sự thực thì, không thể nào người đó từ bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục. Vì lý do gì? Vì từ lâu giờ tâm của người đó đã đổ về, nghiêng về, và ngã về sự (sống) tách-ly (ẩn dật, lánh trần). Vì vậy, không thể nào người đó từ bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục.”⁴³

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con-đường Bát Thánh Đạo.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:160)

NHÓM 15

NHÓM ‘TÌM KIẾM’

(*Esanā-vagga*)

161 (I) Sự Tìm Kiếm

Ở Sāvathī.

[I. Sự-Biết Trực Tiếp]

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm (tầm cầu) này. Ba đó là gì? Sự tìm kiếm khoái-lạc giác quan (dục lạc), sự tìm kiếm sự hiện-hữu (được tái sinh phúc lành), sự tìm kiếm đời-sống tâm linh (đời sống thánh thiêng; phạm hạnh).⁴⁴ Đây là ba sự tìm-kiếm. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba sự tìm-kiếm này.

— “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Con-đường Bát Thánh Đạo này nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* ba sự tìm-kiếm này.”

— ... “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si* ...”

— ... “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (iii) có sự *Bất-tử là nền-tảng* của nó, sự Bất-tử là đích-đến của nó, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó ...”

— ... “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (iv) *đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn*. Con-đường Bát Thánh Đạo này nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* ba sự tìm-

kiếm này.”

► [Mỗi chi-mục tiếp theo [II.], [III.] và [IV.] dưới đây được lặp lại tương tự phần mẫu kể trên về [I. Sự-Biết Trực Tiếp].]

[II. Sự Hoàn-Toàn Hiểu]

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác quan, tìm kiếm sự hiện-hữu, tìm kiếm đời-sống tâm linh. Đây là ba sự tìm-kiếm. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) ba sự tìm-kiếm này ...

[III. Sự Diệt-Sạch]

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác quan, tìm kiếm sự hiện-hữu, tìm kiếm đời-sống tâm linh. Đây là ba sự tìm-kiếm. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự phá-bỏ* ba sự tìm-kiếm này ...

[IV. Sự Dẹp-Bỏ]

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác quan, tìm kiếm sự hiện-hữu, tìm kiếm đời-sống tâm linh. Đây là ba sự tìm-kiếm. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự dẹp-bỏ* ba sự tìm-kiếm này ... **

(SN 45:161)

► [Mỗi bài kinh sau đây, từ 162—180, lặp lại theo khuôn mẫu “04-mục” [I.], [II.], [III.] và [IV.] như kinh 161 kể trên.]

162 (2) Sự Phân Biệt

“Này các Tỳ kheo, có ba sự phân-biệt này. Ba đó là gì? Sự phân biệt ‘Ta hơn tốt hơn’, sự phân biệt ‘Ta kém hơn’, sự phân biệt ‘Ta ngang

bằng’. Đây là ba sự phân-biệt. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba sự phân-biệt này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng.

— “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Con-đường Bát Thánh Đạo này nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* ba sự phân-biệt này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* ba sự phân-biệt này; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:162)

163 (3) Những Ô Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có ba sự ô-nhiễm (lậu hoặc) này. Ba đó là gì? Ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Đây là ba sự ô-nhiễm. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba sự ô-nhiễm này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng ...

(SN 45:163)

164 (4) Sự Hiện Hữu

“Này các Tỳ kheo, có ba loại sự hiện-hữu (hữu) này. Ba đó là gì? Sự hiện-hữu thuộc cõi dục-giới, sự hiện-hữu thuộc cõi sắc-giới, sự hiện-hữu thuộc cõi vô-sắc-giới. Đây là ba sự hiện-hữu. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba loại sự hiện-hữu này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng ...

(SN 45:164)

165 (5) Sự Khổ

“Này các Tỳ kheo, có ba loại sự khổ này. Ba đó là gì? Khổ do đau khổ (khổ khổ), khổ do những sự tạo-tác (hành khổ), khổ do sự thay đổi biến đổi (hoại khổ, vô thường khổ). Đây là ba loại sự khổ. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba loại sự khổ này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng ... ⁴⁵

(SN 45:165)

166 (6) Sự Cắn Cối

“Này các Tỳ kheo, có ba loại sự cắn-cối này. Ba đó là gì? Đó là sự cắn cối là tham, sự cắn cối là sân, sự cắn cối là si. Đây là ba sự cắn-cối. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba loại sự cắn-cối này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng ...

(SN 45:166)

167 (7) Những Sự Ó Nơ

“Này các Tỳ kheo, có ba sự ó-nơ (vét ó, ó nhiễm, ó rỉ) này. Ba đó là gì? Đó là ó-nơ của (do, là) tham, sự ó-nơ là (do, là) sân, sự ó-nơ của (do, là) si. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba sự ó-nơ này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng ...

(SN 45:167)

168 (8) Những Phiền Rối

“Này các Tỳ kheo, có ba loại sự phiền-rối (vấn nạn, khó khổ) này. Ba đó là gì? Đó là sự phiền-rối của/do tham, sự phiền-rối của/do sân, sự phiền-rối của/do si. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba loại sự phiền-rối này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng ...

(SN 45:168)

169 (9) Những Cảm Giác

“Này các Tỳ kheo có ba loại cảm-giác (thọ) này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng (dễ chịu; lạc thọ), cảm-giác khổ (khó chịu; khổ thọ), cảm-giác trung tính (không khổ không sướng; vô ký thọ, xả thọ). Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba loại cảm-giác này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng ...

(SN 45:169)

170 (10) Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo có ba loại dục-vọng (ái) này. Ba đó là gì? Dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục-vọng muốn/vì diệt-vong (phi hữu ái). Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba loại dục-vọng này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng ...

(SN 45:170)

170 (11) Sự Thèm Khát ⁴⁶

“Này các Tỳ kheo có ba sự thèm-khát này. Ba đó là gì? Sự thèm-khát khoái-lạc giác quan, sự thèm-khát được hiện hữu, sự thèm-khát muốn/vì diệt-vong. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba loại sự thèm khát này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng.

“Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Con-đường Bát Thánh Đạo này nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* ba sự phân-biệt này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* ba sự phân-biệt này; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng.” ... (ii) ... (iii) ... (iv)

(SN 45:170)

NHÓM 16

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’

(*Ogha-vagga*)

171 (1) Những Dòng-Lũ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng-lũ này. Bốn đó là gì? Dòng-lũ là/của những tham-dục (dục), dòng-lũ là/của sự hiện-hữu (hữu), dòng-lũ của những quan-điểm này nọ (tà kiến), dòng-lũ là/của vô-minh (vô minh). Đây là bốn dòng-lũ. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) bốn dòng-lũ này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng ...

(SN 45:171)

172 (2) Những Sự Trói-Buộc

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự trói-buộc này. Bốn đó là gì? Sự trói-buộc bởi tham-dục (dục), sự trói-buộc bởi sự hiện-hữu (hữu), sự trói-buộc bởi những quan-điểm này nọ (tà kiến), sự trói-buộc bởi vô-minh (vô minh). Đây là bốn sự trói-buộc. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) bốn sự trói-buộc này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng ...

(SN 45:172)

173 (3) Những Sự Chấp Thủ

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự chấp-thủ (thủ) này. Bốn đó là gì? Sự chấp-thủ vào tham-dục (dục thủ), sự chấp-thủ vào sự hiện-hữu (hữu thủ), sự chấp-thủ vào những quan-điểm này nọ (kiến thủ), sự chấp-thủ sai lạc

mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện’ (giới-cấm thủ). Đây là bốn sự chấp-thủ. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) bốn sự chấp-thủ này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng ...

(SN 45:173)

174 (4) Những Gút Mắc

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự gút-mắc này. Bốn đó là gì? Sự gút-mắc thuộc thân là sự thèm-khát (tham), sự gút-mắc thuộc thân là sự ác-ý (sân), sự gút-mắc thuộc là sự chấp-thủ sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái và những thệ nguyện (giới-cấm thủ), sự gút-mắc thuộc thân là sự cố-chấp những giáo-điều (giáo thuyết, giáo lý) này nọ [chấp rằng chúng là đúng, là phải đúng].⁴⁷ Đây là bốn sự gút-mắc. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) bốn sự gút-mắc này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự dẹp-bỏ* chúng ...

(SN 45:174)

175 (5) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn

“Này các Tỳ kheo, có bảy khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên). Bảy đó là gì? Khuynh-hướng tiềm ẩn (tạo ra) tham,⁴⁸ khuynh-hướng tiềm ẩn (tạo ra) sân, khuynh-hướng tiềm ẩn (tạo ra) những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh-hướng tiềm ẩn (tạo ra) sự nghi-ngờ, khuynh-hướng tiềm ẩn (tạo ra) sự tự-ta (ngã mạn), khuynh-hướng tiềm ẩn (tạo ra) tham-muốn được hiện-hữu (hữu tham), khuynh-hướng tiềm ẩn (tạo ra) sự vô-minh. Đây là bảy khuynh-hướng tiềm ẩn. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) bảy khuynh-hướng tiềm ẩn này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự*

đẹp-bỏ chúng ...

(SN 45:175)

176 (6) Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan

“Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc) này. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... Những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... Những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) năm dây khoái-lạc giác quan này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự đẹp-bỏ chúng ...*

(SN 45:176)

177 (7) Năm Chướng Ngại

“Này các Tỳ kheo, có năm chướng-ngại (ngũ triền cái) này. Năm đó là gì? Chướng-ngại là tham-dục (tham), chướng-ngại là sự ác-ý (sân), chướng-ngại là sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), chướng-ngại là sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá), chướng-ngại là sự nghi-ngờ (nghi). Đây là năm chướng-ngại. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) năm chướng-ngại này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự đẹp-bỏ chúng ...*

(SN 45:177)

178 (8) Năm Uẩn Dính Chấp

“Này các Tỳ kheo, có năm-uẩn dính chấp-thủ (ngũ thủ uẩn) này. Năm đó là gì? Uẩn sắc-thân bị chấp-thủ (sắc), uẩn cảm-giác bị chấp-thủ (thọ), uẩn nhận-thức bị chấp-thủ (tưởng), uẩn những sự tạo-tác bị chấp-thủ (hành), uẩn thức bị chấp-thủ (thức). Đây là năm-uẩn dính chấp-thủ. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) năm-uẩn dính chấp-thủ này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự đẹp-bỏ* chúng ...

(SN 45:178)

179 (9) Năm Gông Cùm Thấp Hơn

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm thấp hơn (nhẹ hơn; hạ phần kiết sử) này.⁴⁹ Năm đó là gì? Cách-nhìn danh-tính (thân kiến), sự nghi-ngờ (nghi), sự chấp-thủ sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ), tham-dục (tham), và sự ác-ý (sân). Đây là năm gông-cùm thấp hơn. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) năm gông-cùm thấp hơn này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự đẹp-bỏ* chúng ...

(SN 45:179)

180 (10) Năm Gông Cùm Cao Hơn

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này.⁵⁰ Năm đó là gì? Tham-dục (tái sinh) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-dục cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Con-đường Bát Thánh Đạo nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) năm gông-cùm thấp hơn này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn tới *sự đẹp-bỏ* chúng.

— “Cái gì là con-đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si ... (iii) có sự Bất-tử là nền-tảng của nó, sự Bất-tử là đích-đến của nó, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó ... (iv) đổ về, nghiêng về, và hướng về Niết-bàn. Con-đường Bát Thánh Đạo này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này; dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 45:180)

Chương 46

Liên Kết (BẢY) CHI GIÁC-NGỘ

(46 *Bojjhaṅga-samyutta*)

(46 *Tương ứng Giác-Chi*)

NHÓM 1

NHÓM ‘NÚI’

(*Pabbata-vagga*)

1 (I) *Núi Himalaya*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya, vua của các ngọn núi, những con rồng nāga đã nuôi dưỡng thân thể của chúng và đạt được sức mạnh. Sau khi chúng đã nuôi dưỡng thân và đạt được sức mạnh, chúng tiến vào các ao hồ. Từ các ao hồ chúng tiến vào các hồ lớn, rồi các suối, các sông, và cuối cùng tiến ra đại dương. Ở đó chúng đạt tới sự to lớn và lớn rộng của thân. Sau khi chúng đã nuôi dưỡng thân thể của chúng và đạt được sức mạnh, chúng tiến vào những ao nước. Từ những ao nước chúng tiến vào những hồ nước; từ những hồ nước chúng tiến vào những suối, rồi những sông, và cuối cùng chúng tiến ra biển. Ở đó chúng đạt tới sự to lớn và lớn rộng của thân.⁵¹ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’ (thất giác chi), và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự mở rộng trong những trạng thái [thiện lành].⁵²

“Và theo cách nào một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập ‘bảy chi giác-ngộ’? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm giác chi), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng-thái* (trạch pháp giác chi) ... chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn giác chi) ... chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* (hỷ giác chi) ... chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* (khinh an giác chi) ... chi giác-ngộ là *sự định-tâm* (định giác chi) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả giác chi), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên

giới-hạnh, tu tập ‘bảy chi giác-ngộ’, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự mở rộng trong những trạng thái [thiện lành].”

(SN 46:01)

2 (2) Thân

[i. Dưỡng-Chất cho ‘Năm Chướng-Ngại’]

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng-chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất. Cũng giống như vậy, *năm chướng-ngại* (ngũ triền cái) được duy trì nhờ dưỡng-chất, phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất.⁵³

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh *tham-dục* (*kāmacchanda*; nhục dục, dục tham) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường tham-dục đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu đẹp* (tướng đẹp, sắc đẹp, vẻ đẹp):⁵⁴ sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ (phi như lý tác ý; sự tác ý không đúng pháp, không thiện khéo) tới nó chính là dưỡng-chất làm khởi sinh nhục-dục chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường tham-dục đã khởi sinh.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh *sự ác-ý* (sân) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự ác-ý đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu xấu* (tướng xấu, đáng chê, khó ưa):⁵⁵ sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới nó chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự ác-ý chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự ác-ý đã khởi sinh.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* (hôn trầm thụy miên) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có sự không hài lòng, sự lờ đờ, sự lười biếng, sự buồn ngủ sau khi ăn, sự lười

biếng của tâm:⁵⁶ sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự đờ-dẫn và buồn-ngủ chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự đờ-dẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm khởi sinh *sự bất-an và hối-tiếc* (trạo cử hối quá) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có sự bất an ổn của tâm:⁵⁷ sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới nó chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh *sự nghi-ngờ* chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự nghi-ngờ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có những thứ là cơ-sở tạo ra cho sự nghi-ngờ: sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự nghi-ngờ chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự nghi-ngờ đã khởi sinh.

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng-chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất. Cũng giống như vậy, *năm chướng-ngại* được duy trì nhờ dưỡng-chất, phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất.

[ii. Dưỡng-Chất cho ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’]

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng-chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất. Cũng giống như vậy, *bảy chi giác-ngộ* (thất giác chi) được duy trì nhờ dưỡng-chất, phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua (nhờ) sự tu-

tập? Nay các Tỳ kheo, do có những thứ là cơ-sở (giúp, trợ, duyên) cho chi giác-ngộ là sự chánh-niệm:⁵⁸ sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ (như lý tác ý; tác ý một cách đúng pháp, thiện khéo) tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* (trạch-pháp giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, do có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái nhược (tệ hơn) và trạng thái ưu (tốt hơn), những trạng thái thuộc bên tối và trạng thái thuộc bên sáng, và những trạng thái ứng với chúng:⁵⁹ sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* (tinh-tấn giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, có những yếu tố khởi-sự (phát khởi, chủ động, tự phát), yếu tố cố-gắng, yếu tố nỗ-lực.⁶⁰ sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* (hỷ giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi

giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* (khinh-an giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có sự tĩnh-lặng của thân, sự tĩnh-lặng của tâm:⁶¹ sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự định-tâm* (định giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có dấu-hiệu của sự vắng-lặng (định), dấu-hiệu của sự không phân-tán (hội tụ, hợp nhất, nhất điểm; của tâm):⁶² sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự định-tâm chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những cơ-sở cho chi giác-ngộ là sự buông-xả: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng-chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất. Cũng giống như vậy, *bảy chi giác ngộ* được duy trì nhờ dưỡng-chất, phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất.”

(SN 46:02)

3 (3) Giới Hạnh

“Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự định-tâm, thành tựu về trí-tuệ, thành tựu về sự giải-thoát, thành tựu về trí-biết và tâm-nhìn của sự giải-thoát: ngay cả việc nhìn thấy những Tỳ kheo đó cũng là hữu ích, ta nói vậy; ngay cả việc lắng nghe họ ... ngay cả việc đến gặp họ ... ngay cả việc kính lễ họ ... ngay cả việc tưởng nhớ họ ... ngay cả việc xuất gia theo họ cũng là hữu ích, ta nói vậy. Vì lý do gì? Bởi vì khi một người đã nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo đó thì họ sẽ thu thúc theo cách của hai sự thu thúc—sự thu thúc về thân và sự thu thúc về tâm.

(1) “Sau khi sống thu thúc như vậy, họ tưởng niệm Giáo Pháp đó và suy nghĩ kỹ về nó. Này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào một Tỳ kheo sống thu thúc như vậy và tưởng niệm Giáo Pháp đó và suy nghĩ kỹ về nó, thì trong thời đó chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm; trong thời đó chi giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.⁶³

(2) “Sau khi an trú một cách có chánh-niệm như vậy, người đó phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, soi xét nó, điều tra về nó. Này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào một Tỳ kheo sống một cách có chánh-niệm như vậy phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, soi xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó chi giác-ngộ là *sự phân-biệt những trạng thái* (trạch-pháp giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng thái; trong thời đó chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng thái sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(3) “Trong khi vị Tỳ kheo đó phân biệt Giáo Pháp đó, xem xét nó, điều tra về nó, thì sự nỗ-lực tu (tinh tấn) của người đó được phát khởi mà không hề gia giảm. Này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào *sự nỗ-lực tu* của một Tỳ kheo được phát khởi mà không hề gia giảm khi người đó phân-biệt Giáo Pháp bằng trí-tuệ, soi xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* (tinh-tấn giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ

kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự nỗ-lực; trong thời đó chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(4) “Sau khi sự nỗ-lực tu của người đó được phát khởi, sẽ khởi sinh trong người đó niềm hoan-hỷ về mặt tâm linh. Nay các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào *sự hoan-hỷ* về mặt tâm linh khởi sinh bên trong một Tỳ kheo có sự nỗ-lực tu được phát khởi, thì trong thời đó chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* (hỷ giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ; trong thời đó chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(5) “Đối với người tu có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ thì thân trở nên tĩnh-lặng và tâm trở nên tĩnh-lặng. Nay các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào thân được *tĩnh-lặng* và tâm được *tĩnh-lặng* bên trong một Tỳ kheo có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* (khinh-an giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng; trong thời đó chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(6) “Đối với người tu có thân được tĩnh-lặng và người đó hạnh phúc thì tâm trở nên đạt-định.⁶⁴ Nay các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào tâm được *đạt-định* trong một Tỳ kheo có thân được tĩnh-lặng và người đó hạnh phúc, thì trong thời đó chi giác-ngộ là *sự định-tâm* (định giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự định-tâm; trong thời đó chi giác-ngộ là sự định-tâm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(7) “Người đó chỉ ngồi nhìn sát sao vào cái tâm đã đạt-định như vậy với một sự buông-xả. Nay các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào một Tỳ kheo nhìn sát sao vào cái tâm đã đạt-định như vậy, thì trong thời đó chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả giác chi) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả; trong thời đó chi giác-ngộ là sự buông-xả sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó

thông qua sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, khi ‘bảy chi giác-ngộ’ này đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi. Cái gì là bảy thánh quả và ích lợi đó?

(i) “Người tu *chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này.*

(ii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, thì người đó *sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay lúc chết.*

(iii) “Nếu người tu không chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này hoặc vào lúc chết, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), người đó *sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp).*

(iv) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này ... hoặc trong khoảng-giữa, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó *sẽ chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay sau tái sinh).*

(v) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này ... hoặc ngay khi đáp-xuống, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó *sẽ chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm.*

(vi) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó *sẽ chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm.*

(vii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó (sẽ tái sinh hưởng thượng trong 05 cõi Tịnh cư thiên, và) *cuối cùng sẽ chứng ngộ*

Niết-bàn ở cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong 05 cõi Tịnh cư thiên dành cho các bậc thánh Bất-lai).⁶⁵

“Này các Tỳ kheo, khi ‘bảy chi giác-ngộ’ này được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi này.”

(SN 46:03)

4 (4) Quân Áo

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvattṭhī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó thầy Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa đạo hữu”, họ đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, có bảy chi giác-ngộ. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*; chi giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái*; chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực*, chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ*; chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng*; chi giác-ngộ là *sự định-tâm*; và chi giác-ngộ là *sự buông-xả sự chánh-niệm* (niệm giác chi; trạch-pháp giác chi; tinh-tấn giác chi; hỷ giác chi; khinh-an giác chi; định giác chi; và xả giác chi). Đây là ‘bảy chi giác-ngộ’.⁶⁶

“Nếu tôi muốn thiền trú trong bất kỳ chi nào của ‘bảy chi giác-ngộ’ trong buổi sáng, thì tôi thiền trú trong chi đó trong buổi sáng. Nếu tôi muốn thiền trú trong bất kỳ chi nào của ‘bảy chi giác-ngộ’ trong buổi trưa, thì tôi thiền trú trong chi đó trong buổi trưa. Nếu tôi muốn an trú trong bất kỳ chi nào của ‘bảy chi giác-ngộ’ trong buổi chiều, thì tôi thiền trú trong chi đó trong buổi chiều.

(1) “Này các đạo hữu, [tùy duyên] nếu đó là chi *chánh-niệm*, tôi biết ‘nó là vô-lượng’; tôi biết ‘nó được hoàn-thiện một cách tròn đầy’. Nếu nó còn (duy trì), tôi hiểu ‘nó vẫn còn’. Nếu nó lắng xuống trong tôi, tôi hiểu ‘nó lắng xuống trong tôi vì có lý do nào đó’.”

(7) “Này các đạo hữu, [tùy duyên] nếu đó là chi *buông-xả*, tôi biết ‘nó

là vô-lượng’; tôi biết ‘nó được hoàn-thiện một cách tròn đầy’. Nếu nó vẫn còn, tôi hiểu ‘nó vẫn còn’. Nếu nó lắng xuống trong tôi, tôi hiểu ‘nó lắng xuống trong tôi vì có lý do nào đó’.

“Này các đạo hữu, ví dụ có một ông vua [hay quan đại thần] có đầy một tủ quần áo đủ màu khác nhau. Buổi sáng ông ta có thể mặc bộ quần áo nào ông ta thích mặc trong buổi sáng; buổi trưa ông ta có thể mặc bộ quần áo nào ông ta thích mặc trong buổi trưa; buổi chiều ông ta có thể mặc bộ quần áo nào ông ta thích mặc trong buổi chiều. Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, nếu tôi muốn thiền trú trong bất kỳ chi nào của ‘bảy chi giác-ngộ’ trong buổi sáng ... trong buổi trưa ... trong buổi chiều, thì tôi thiền trú trong chi đó trong buổi chiều.

(1) “Này các đạo hữu, [tùy duyên] nếu đó là chi *chánh-niệm*

(7) “Này các đạo hữu, [tùy duyên] nếu đó là chi *buông-xả*, tôi biết ‘nó là vô-lượng’; tôi biết ‘nó được hoàn-thiện một cách tròn đầy’. Nếu nó vẫn còn, tôi hiểu ‘nó vẫn còn’. Nếu nó lắng xuống trong tôi, tôi hiểu ‘nó lắng xuống trong tôi vì có lý do nào đó’.”

(SN 46:04)

5 (5) Một Tỳ Kheo

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘các chi giác-ngộ, các chi giác-ngộ’. Theo nghĩa nào chúng được gọi là các chi giác-ngộ?”

“Này Tỳ kheo, do chúng dẫn tới sự giác-ngộ, nên chúng được gọi là các chi giác-ngộ. Ở đây, này Tỳ kheo, (1) người tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... (7) người tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Trong khi người tu

đang tu tập ‘bảy chi giác-ngộ’ này, thì tâm người đó được giải-thoát khỏi ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), khỏi ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Sau khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Đây Tỳ kheo, do chúng dẫn tới sự giác-ngộ, nên chúng được gọi là các chi giác-ngộ.”

(SN 46:05)

6 (6) Kuṇḍaliya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāketa, trong khu (tịnh xá) Vườn Nai, trong khu rừng Añjana. Lúc đó có bà-la-môn tên là Kuṇḍaliya đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và thưa với Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, tôi là người sống gần các khu tịnh xá và thường xuyên ghé tới các buổi hội họp của các tu sĩ. Sau bữa ăn, sau khi tôi ăn sáng xong, thói quen của tôi là đi dạo vòng quanh và ghé thăm từ tịnh xá này tới tịnh xá khác, từ khu vườn này tới khu vườn khác. Ở đó tôi nhìn thấy nhiều tu sĩ và bà-la-môn tham gia thảo luận vì những ích-lợi là bào chữa những luận thuyết của mình và bác bỏ những luận thuyết của những người khác.⁶⁷ Còn Thầy Cồ-đàm thì sống vì ích-lợi gì?”

1- “Này Kuṇḍaliya, Như Lai sống vì ích-lợi và kết-quả là ‘trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát’.”⁶⁸

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu ‘trí-biết đích thực và sự giải-thoát’?”

2- “Này Kuṇḍaliya, đó là ‘bảy chi giác-ngộ’ (thất giác chi), nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu ‘trí-biết đích thực và sự giải-thoát’.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu ‘bảy chi giác-ngộ’ đó?”

3- “Này Kuṇḍaliya, đó là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ), nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu ‘bảy chi giác-ngộ’.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu ‘bốn nền tảng chánh-niệm’?”

4- “Này Kuṇḍaliya, đó là ‘ba loại hành-vi thiện’ (ba thiện nghiệp), nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu ‘bốn nền-tảng hánh-niệm’.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu ‘ba loại hành-vi thiện’ đó?”

5- “Này Kuṇḍaliya, đó là ‘sự kiềm-chế các căn cảm-nhận’ (thu thúc lục căn, phòng hộ sáu căn) nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu ba loại hành-vi thiện.

5-4 “Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào ‘sự kiềm-chế các căn cảm nhận’ được tu tập và tu dưỡng để nó thành tựu được ‘ba loại hành-vi thiện’? Ở đây, này Kuṇḍaliya, khi nhìn thấy một *hình-sắc dễ chịu* bằng mắt, một Tỷ kheo không ham muốn nó, không thích thú, không phát sinh tham-dục đối với nó (*không tham*). Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, bên trong (nội tâm) được khéo bình-tĩnh và được khéo giải-thoát khéo léo. Khi nhìn thấy một *hình-sắc khó chịu*, người đó không ghê sợ bởi nó, không khó chịu, không kháng cự, không ác ý gì với nó (*không sân*).⁶⁹ Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, bên trong khéo bình tĩnh và khéo được giải thoát.

“Cũng tương tự như vậy, này Kuṇḍaliya, khi nghe thấy một *âm-thanh dễ chịu* bằng tai ... khi ngửi thấy một *mùi-hương dễ chịu* bằng mũi ... khi nếm thấy một *mùi-vị dễ chịu* bằng lưỡi ... khi cảm nhận một *chạm-xúc dễ chịu* bằng thân ... khi nhận biết *hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu* bằng tâm, người đó không ham muốn nó, không thích thú nó, không phát sinh tham-dục đối với nó (*không tham*). Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, bên trong khéo bình tĩnh và khéo được giải thoát. Khi nghe thấy một *âm-thanh khó chịu* ... một *hiện-tượng thuộc tâm khó chịu*, người đó không ghê sợ bởi nó, không khó chịu, không kháng cự, không ác ý gì với

nó (*không sân*). Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, bên trong khéo bình tĩnh và khéo được giải thoát.

- “Này Kuṇḍaliya, nếu mà, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, thân của một Tỳ kheo ổn định và tâm người đó ổn định, bên trong khéo bình tĩnh và khéo được giải thoát đối với cả những hình-sắc dễ chịu và những hình-sắc khó chịu, thì ‘sự kiềm-chế các căn cảm-nhận’ của người đó đã được tu tập và tu dưỡng theo một cách để nó thành tựu được ‘ba loại hành-vi thiện’.

- Nếu mà, sau khi nghe thấy một mùi-hương bằng tai ... ngửi thấy một mùi-vị bằng mũi ... nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, thân của một Tỳ kheo ổn định và tâm người đó ổn định, bên trong khéo bình tĩnh và khéo được giải thoát đối với cả những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu, thì ‘sự kiềm-chế các căn cảm-nhận’ của người đó đã được tu tập và tu dưỡng theo một cách để nó thành tựu được ‘ba loại hành-vi thiện’.

4-3 “Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào ‘ba loại hành-vi thiện’ được tu tập và tu dưỡng để nó thành tựu được ‘bốn nền tảng chánh-niệm’? Ở đây, này Kuṇḍaliya, sau khi đã dẹp bỏ hành-vi thân bất thiện, một Tỳ kheo tu tập hành-vi thân thiện lành; sau khi đã dẹp bỏ hành-vi lời-nói bất thiện, một Tỳ kheo tu tập hành-vi lời-nói thiện lành; sau khi đã dẹp bỏ hành-vi tâm bất thiện, một Tỳ kheo tu tập hành-vi tâm thiện lành. Chính theo cách như vậy là ‘ba loại hành-vi thiện’ được tu tập và tu dưỡng để nó thành tựu được ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.

3-2 “Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng để thành tựu được ‘bảy chi giác-ngộ’? Ở đây, này Kuṇḍaliya, một Tỳ kheo an trú quán sát (quán niệm, thiền quán) (i) *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác) và có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và phiền-buồn (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán niệm (ii) *những cảm-giác trong những-cảm giác* ... (iii) *tâm trong tâm* ... (iv) *pháp trong pháp*, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham)

và phiền-buồn (ưu) đối với thế giới. Chính theo cách như vậy là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng để thành tựu được ‘bảy chi giác-ngộ’.

2-1 “Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng để thành tựu ‘trí-biết đích thực và sự giải-thoát’? Ở đây, này Kuṇḍaliya, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm), [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ* và *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* (trạch pháp) ... *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... *sự hoan-hỷ* (hỷ) ... *sự tĩnh-lặng* (khinh an) ... *sự định-tâm* (định) ... *sự buông-xả* (xả), (i) dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ* và *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.”

Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Kuṇḍaliya đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu, thưa thầy Cồ-đàm! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đang dựng đứng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 46:06)

7 (7) Ngôi Nhà Mái Nhọn

“Này các Tỳ kheo, cũng như tất cả thanh xà dọc của một ngôi nhà mái nhọn đều đổ về, nghiêng về, và ngã về đỉnh mái nhà; cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ thì người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và theo cách nào có được điều này? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm), [sự tu tập đó] (i) dựa

trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ và sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 46:07)

8 (8) *Upavāṇa*

Trong một lần có Ngài Upavāṇa và Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi sự tách-ly (sự ẩn dật, thiền trú) và đến gặp thầy Upavāṇa. Thầy ấy chào hỏi với thầy Upavāṇa, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Upavāṇa:

“Này đạo hữu Upavāṇa, liệu một Tỳ kheo có thể tự mình biết được: ‘Nhờ sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), bảy chi giác-ngộ đã được ta hoàn thiện theo cách để chúng dẫn tới sự an trú trong sự an ổn thư thái?’”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo có thể tự mình biết được điều đó. Này đạo hữu, khi phát khởi chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm), một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm ta đã khéo được giải thoát; ta đã búng bỏ (chướng ngại) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ và đã hoàn toàn loại bỏ sự bất-an và hối-tiếc. Sự nỗ-lực tu (tinh tấn) của ta đã được phát khởi. Ta chú-tâm (tác ý) một cách như vấn đề sống-còn, không hề lo lắng sợ là.’ ... Khi phát khởi chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả), người đó hiểu: ‘Tâm ta đã khéo được giải thoát; ta đã búng bỏ (chướng ngại) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ và đã hoàn toàn loại bỏ sự bất-an và hối-tiếc. Sự nỗ-lực tu (tinh tấn) của ta đã được phát khởi. Ta chú-tâm (tác ý) một cách như vấn đề sống-còn, không hề lo lắng sợ là.’

“Này đạo hữu, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tự mình biết được: ‘Nhờ sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), bảy chi giác-ngộ đã được

ta hoàn thiện theo cách để chúng dẫn tới sự an trú trong sự an ổn thư thái.”

(SN 46:08)

9 (9) Khởi Sinh (1)

“Này các Tỳ kheo, bảy chi giác-ngộ, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả). Bảy chi giác-ngộ này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

(SN 46:09)

10 (10) Khởi Sinh (2)

“Này các Tỳ kheo, bảy chi giác-ngộ, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi không có Giới Luật của một bậc Phúc Lành (Thiện Thệ). Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả). Bảy chi giác-ngộ này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi không có Giới Luật của một bậc Phúc Lành.”

(SN 46:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘BỆNH’

(*Gilāna-vagga*)

11 (1) *Chúng Sinh*

“Này các Tỳ kheo, mọi loài chúng sinh dùng bốn tư thế—lúc đi, lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm—thì tất cả đều dùng bốn tư thế đó dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.

“Và theo cách nào người đó làm điều đó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, (i) dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’.”

(SN 46:11)

12 (2) *Ví Dụ Mặt Trời (1)*

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có đạo-hữu tốt (đồng đạo, đồng môn, sư huynh, sự thầy tốt) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của bảy chi giác-ngộ. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo, là người có đạo-hữu tốt, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-

bỏ, sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người có đạo-hữu tốt, tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.”

(SN 46:12)

13 (3) Ví Dụ Mặt Trời (2)

“Đây các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, đây các Tỳ kheo, sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của bảy chi giác-ngộ. Khi một Tỳ kheo thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo, là người thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ? Ở đây, đây các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, tu tập và tu dưỡng ‘bảy chi giác-ngộ’.”

(SN 46:13)

14 (4) Bệnh (1) ⁷⁰

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Đại Ca-diếp (Mahākassapa) đang sống ở Hang Động Pippali—đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đến gặp thầy Đại Ca-diếp.

Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và nói với thầy Đại Ca-diếp:

“Này Ca-diếp, ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn. Ta hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.”

“Này Ca-diếp, *bảy chi giác-ngộ* này đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới sự-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ dẫn tới sự-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn ... Chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả) đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ dẫn tới sự-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy chi giác-ngộ này đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới sự-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.”

“Chắc chắn là vậy, thưa Thế Tôn, chúng là những chi giác-ngộ! Chắc chắn như vậy, thưa bậc Phúc Lành, chúng là những chi giác-ngộ!”

“Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ca-diếp đã vui mừng với lời tuyên tuyền của đức Thế Tôn. Và thầy Đại Ca-diếp đã phục hồi khỏi sự bệnh đau đó.⁷¹ Theo cách như vậy thầy Đại Ca-diếp đã được trị khỏi bệnh.”

(SN 46:14)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) ... (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) đang sống trên Đỉnh Núi Kền Kền—đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi sự tách-ly (sự ẩn dật, thiền trú) và đi đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên ... [*Phần còn lại giống kinh kể trên, chỉ khác tên người bệnh*] ... Theo cách như vậy thầy Đại Mục-kiền-liên đã được trị khỏi bệnh.”

(SN 46:15)

16 (6) Bệnh (3)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) ... (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Lúc đó có Ngài Đại Cunda (Mahācunda) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Đại Cunda.

“Này Cunda, hãy tụng đọc bảy chi giác-ngộ.”

“Thưa đức Thế Tôn, bảy chi giác-ngộ này đã được đức Thế Tôn giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới sự-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ dẫn tới sự-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn ... Chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả) đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới sự-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy chi giác-ngộ này đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới sự-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.”

“Chắc chắn là vậy, này Cunda, chúng là những chi giác-ngộ! Chắc chắn là vậy, này Cunda, chúng là những chi giác-ngộ!”

“Đây là lời thầy Đại Cunda đã nói. Vị Thầy chấp thuận. Và đức Thế Tôn đã phục hồi khỏi sự bệnh đau. Theo cách như vậy đức Thế Tôn đã được trị khỏi bệnh.”

(SN 46:16)

17 (7) *Vượt Qua Bờ*

“Này các Tỳ kheo, bảy chi giác-ngộ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới vượt khỏi bờ này (thử ngạn) đến bờ kia (bỉ ngạn). Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả). Đây là bảy chi giác-ngộ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới vượt khỏi bờ này qua bờ kia.”

[*Tiếp theo là bài thi kệ giống cuối kinh SN 45:34 ở trên.*]

(SN 46:17)

18 (8) *Bỏ Lơ*

“Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ lơ (lơ là, không tu tập, không biết) bảy chi giác-ngộ là (coi như) đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận (tu tập) bảy chi giác-ngộ là (coi như) đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả).

“Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ lơ ... những ai đã đảm nhận bảy chi giác-ngộ là (coi như) đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 46:18)

19 (9) *Thánh Thiện*

“Này các Tỳ kheo, bảy chi giác-ngộ này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh thiện và mang tính giải thoát; chúng sẽ dẫn dắt người thực hiện được chúng tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả). Bảy chi giác-ngộ này ... sẽ dẫn dắt người thực hiện được chúng tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 46:19)

20 (10) *Sự Ghê Sợ*

“Này các Tỳ kheo, bảy chi giác-ngộ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, dẫn tới sự chán-bỏ, dẫn tới sự chấm-dứt, dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả). Bảy chi giác-ngộ này ... dẫn tới Niết-bàn.”

(SN 46:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘UDĀYĪ’

(*Udāyi-vagga*)

21 (1) Dẫn Tới Sự Giác Ngộ

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘các chi giác-ngộ, các chi giác-ngộ’. Theo nghĩa nào chúng được gọi là các chi giác-ngộ?”

“Này Tỳ kheo, chúng dẫn tới sự giác-ngộ, do vậy chúng được gọi là các chi giác-ngộ. Ở đây, này Tỳ kheo, người tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm), [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này Tỳ kheo, chúng dẫn tới sự giác-ngộ, do vậy chúng được gọi là các chi giác-ngộ.”

(SN 46:21)

22 (2) Một Giáo Lý

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy chi giác-ngộ. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy chi giác-ngộ? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả). Đây là bảy chi giác-ngộ.”

(SN 46:22)

23 (3) Một Cơ Sở

“Này các Tỳ kheo, (i) do sự thường xuyên chú-tâm (tác ý) đến những thứ là cơ-sở tạo ra (chương-ngại) *tham-dục*, cho nên tham-dục chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (ii) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ-sở tạo ra *sự ác-ý*, cho nên sự ác-ý chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự ác-ý đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (iii) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ-sở tạo ra *sự đờ-dẫn* và *buồn-ngủ*, cho nên sự buồn-ngủ và đờ-dẫn chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự đờ-dẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (iv) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ-sở tạo ra *sự bất-an* và *hối-tiếc*, cho nên sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (v) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ-sở tạo ra *sự nghi-ngờ*, cho nên sự nghi-ngờ chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự nghi-ngờ đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường.

“Này các Tỳ kheo, (1) bằng cách thường xuyên chú-tâm vào những thứ là cơ-sở tạo ra chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) cho nên chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh thì khởi sinh và chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thì đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập ... (vii) Bằng cách thường xuyên chú-tâm vào những thứ là cơ-sở tạo ra chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả) cho nên chi giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh thì khởi sinh và chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thì đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

(SN 46:23)

24 (4) *Sự Chú Tâm Không Kỹ Càng*

(1) “Này các Tỳ kheo, (i) khi người tu chú-tâm một cách không kỹ-càng (không đúng pháp, không thiện khéo; phi như lý tác ý): (chương-ngại) *tham-dục* chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (ii) Khi người tu chú-tâm một cách không kỹ-càng: *sự ác-ý* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự ác-ý đã khởi sinh thì gia

tăng và tăng cường. (iii) Khi người tu chú-tâm một cách không kỹ-càng: *sự buồn-ngủ và đờ-dẫn* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự đờ-dẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (iv) Khi người tu chú-tâm một cách không kỹ-càng: *sự bất-an và hối-tiết* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự bất-an và hối-tiết đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường. (v) Khi người tu chú-tâm một cách không kỹ-càng: *sự nghi-ngờ* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự nghi-ngờ đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường.

- “Cũng do bởi như vậy, cho nên (i) chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* chưa khởi sinh thì không khởi sinh và chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* đã khởi sinh thì bị mất đi ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh thì không khởi sinh và chi giác-ngộ là *sự buông-xả* đã khởi sinh thì bị mất đi.”

(2) “Này các Tỳ kheo, (i) khi người tu cách chú-tâm một cách kỹ-càng (đúng pháp, thiện khéo; như lý tác ý): *tham-dục* chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. (ii)-(v) Khi người tu chú-tâm một cách kỹ-càng: *sự ác-y ... sự buồn-ngủ và đờ-dẫn ... sự bất-an và hối-tiết ... sự nghi-ngờ* chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sự nghi-ngờ đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ.

- “Cũng do bởi như vậy, cho nên (i) chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* chưa khởi sinh thì khởi sinh và chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* đã khởi sinh thì đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh thì khởi sinh và chi giác-ngộ là *sự buông-xả* đã khởi sinh thì đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

(SN 46:24)

25 (5) *Sự Không Sa Sút*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy thứ dẫn tới sự không sa-sút. Hãy lắng nghe điều đó ... ⁷²

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy thứ dẫn tới sự không sa-sút? Đó

là: bảy chi giác-ngộ. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả). Đây là bảy thứ dẫn tới sự không sa-sút.”

(SN 46:25)

26 (6) Sự Tiêu Diệt Dục-Vọng

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập con-đường (đạo) và phương-cách dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt). Và cái gì là con-đường và phương-cách dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng? Đó là: bảy chi giác-ngộ. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả).”

Khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã hỏi đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào bảy chi giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng để chúng dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng?”

“Ở đây, này Udāyī, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát; [sự tu tập đó] là rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn sự ác-ý. Khi người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, (i) dựa trên *sự tách-ly* ... không còn sự ác-ý, thì dục-vọng sẽ được dẹp bỏ. Khi dục-vọng được dẹp-bỏ, thì nghiệp được dẹp bỏ. Khi nghiệp được dẹp bỏ, thì sự khổ được dẹp bỏ.”

(7) “Người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát; [sự tu tập đó] là rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn sự ác-ý. Khi người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, (i) dựa trên *sự tách-ly* ... không còn sự ác-ý, thì dục-vọng sẽ được dẹp bỏ. Khi dục-vọng được dẹp-bỏ, thì nghiệp được dẹp bỏ. Khi nghiệp được dẹp bỏ, thì sự khổ được dẹp bỏ.”

“Nhu vậy đó, này Udāyī, do có sự tiêu diệt dục-vọng cho nên có sự

tiêu-diệt nghiệp; do có sự tiêu-diệt nghiệp cho nên có sự tiêu-diệt khổ.”

(SN 46:26)

27 (7) Sự Chấm Dứt Dục Vọng

Này các Tỳ kheo, hãy tu tập con-đường (đạo) và phương-cách dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng (ái diệt). Và cái gì là con-đường và phương-cách dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng? Đó là: bảy chi giác-ngộ. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả).”

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào bảy chi giác-ngộ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chấm-dứt dục-vọng?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (7) chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính là, khi bảy chi giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy thì chúng dẫn tới sự chấm-dứt dục-vọng.”

(SN 46:27)

28 (8) Góp Phần Thâm Nhập

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường (đạo) góp phần vào sự thâm-nhập.⁷³ Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường góp phần vào sự thâm-nhập? Đó là: bảy chi giác-ngộ. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả).”

Khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã hỏi đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào bảy chi giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng để chúng có thể dẫn tới sự thâm-nhập?”

“Ở đây, này Udāyī, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-*

niệm, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát; [sự tu tập đó] là rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vợi], vô lượng, không còn sự ác-ý. Với một cái tâm đã được tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, người đó có thể thâm nhập và phá vỡ *đống tham* (tham uẩn) mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây; người đó thâm nhập và phá vỡ *đống-sân* (sân uẩn) mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây; người đó thâm nhập và phá vỡ *đống-si* (si uẩn) mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây.”

(7) “Người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát; [sự tu tập đó] là rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vợi], vô lượng, không còn sự ác-ý. Với một cái tâm đã được tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, người đó có thể thâm nhập và phá vỡ *đống-tham* ... *đống-sân* ... *đống-si* mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây.”

“Chính là vậy, này Udāyī, khi bảy chi giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy là chúng dẫn tới sự thâm-nhập.”

(SN 46:28)

29 (9) Một Thứ

“Này các Tỳ kheo, ta không thấy có một thứ (một pháp) nào khác, mà khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự dẹp-bỏ những thứ gông cùm (trói buộc) một cách thật hiệu quả như thứ này: đó là bảy chi giác-ngộ. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả).

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào bảy chi giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng để chúng có thể dẫn tới sự dẹp-bỏ những thứ gông cùm? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín

muỗi tới sự buông bỏ giải thoát ... (7) Người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muỗi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính là vậy, khi bảy chi giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy là chúng dần tới sự dẹp-bỏ những thứ gông cùm.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm? *Mắt* là một thứ gông cùm; chính tại đây những gông-cùm, những xiềng-xích, những kiềm-kep này khởi sinh. *Tai* là một thứ gông cùm ... *Tâm* là một thứ gông cùm; chính tại đây những gông-cùm, những xiềng-xích, những kiềm-kep này khởi sinh. Đó được gọi là những thứ gông cùm.”

(SN 46:29)

30 (10) *Udāyī*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Sumbha, trong một thị trấn của họ tên là thị trấn Sedaka. Lúc đó Ngài Udāyī đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn, là cách sự kính mộ của con đối với đức Thế Tôn thật là hữu ích; sự biết xấu-hổ lương tâm (tâm) và sự biết sợ-hãi làm điều sai xấu (quý) của con thật là hữu ích. Thưa Thế Tôn, trong quá khứ, khi con còn là một gia chủ, con không quan tâm (coi trọng) nhiều đến Giáo Pháp hay Tăng Đoàn.⁷⁴ Nhưng sau khi con đã suy xét về sự kính mộ của con đối với đức Thế Tôn, và sự biết xấu-hổ lương tâm và sự biết sợ-hãi làm điều sai xấu, con đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Đức Thế Tôn đã dạy cho con Giáo Pháp như vậy: ‘Này là sắc-thân (sắc), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến diệt của nó; này là cảm-giác (thọ) ... này là nhận-thức (tưởng) ... này là những sự tạo-tác (hành) ... này là thức (thức), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến diệt của nó.’

“Rồi, thưa Thế Tôn, trong khi con đang ở trong chòi trống theo dõi sự trôi lên và sụt xuống (sinh diệt)⁷⁵ của năm-uẩn dính chấp-thủ (năm thủ

uẩn), con đã trực-tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là khô’; con trực-tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khô’; con trực-tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chắm-dứt khô’; con trực-tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chắm-dứt khô’. Thưa Thế Tôn, con đã làm-nên sự đột-phá tới Giáo Pháp (ngộ Pháp) và đã chứng đắc đạo (đắc đạo),⁷⁶ mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó (đạo), và trong khi con đang an trú một cách phù hợp, thì nó sẽ dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

(1) “Con đã chứng đắc chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó (sự chánh-niệm), và trong khi con đang an trú một cách phù hợp, thì nó dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: ‘Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

(vii) “Con đã chứng đắc chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó (sự buông-xả), và trong khi con đang an trú một cách phù hợp, thì nó dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: ‘Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Thưa Thế Tôn, đây là con-đường (đạo) mà con đã chứng đắc, mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó ... thì nó dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: ‘Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

“Tốt, tốt, này Udāyī! Đúng thực vậy, này Udāyī, đây là con-đường (đạo) mà thầy đã chứng đắc, và sau khi thầy đã tu tập và tu dưỡng nó, và trong khi thầy đang an trú một cách phù hợp, thì nó sẽ dẫn dắt thầy tới một trạng thái mà thầy hiểu được: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 46:30)

NHÓM 4

NHÓM ‘CHƯƠNG NGẠI’

(*Nīvaraṇa-vagga*)

31 (1) *Thiện Lành (1)*

“Này các Tỳ kheo, mọi phẩm chất thiện lành nếu có, góp phần trong sự thiện lành,⁷⁷ thuộc về sự thiện lành, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ *sự chuyên-chú* (chú tâm tu tập), hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo chuyên-chú, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên cần, tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người chuyên-chú, tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.”

(SN 46:31)

32 (2) *Thiện Lành (2)*

“Này các Tỳ kheo, mọi phẩm chất thiện lành nếu có, góp phần trong sự thiện lành, thuộc về sự thiện lành, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ *sự chú-tâm kỹ càng* (như lý tác ý), hội tụ ở sự chú-tâm kỹ càng, và sự chú-tâm kỹ càng được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ? Ở đây ... [*tiếp tục giống kinh kể trên*] ...”

(SN 46:32)

33 (3) Sự Hư Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có năm thứ ô nhiễm của vàng, do bị hư nhiễm như vậy nên vàng là không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể gãy (cứng giòn, không tinh dẻo), và không thích hợp để sử dụng. Năm đó là gì? Sắt ... đồng ... thiết ... chì ... bạc là một thứ hư nhiễm của vàng. Đây là năm thứ hư nhiễm của vàng, do bị hư nhiễm như vậy nên vàng là không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không ánh kim, mà dễ bị bể gãy và không thích hợp để sử dụng (ché tác).

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm thứ làm ô nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn (cứng lý), không dễ điều khiển, không phát sáng, mà dễ bị bể gãy (hư, bại), và không đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. Năm đó là gì? (chương-ngại) *Tham-dục* là một thứ hư nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn (cứng lý), không dễ điều khiển, không phát sáng, mà dễ bị bể gãy (hư, bại), và không đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. [*Sự ác-ý* là một thứ hư nhiễm của tâm ... *sự đờ-đần* và *buồn-ngủ* là một thứ hư nhiễm của tâm ... *sự bất-an* và *hối-tiếc* là một thứ hư nhiễm của tâm ... *sự nghi-ngờ* là một thứ hư nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn (cứng lý), không dễ điều khiển, không phát sáng, mà dễ bị bể gãy (hư, bại), và không đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm.]⁷⁸ Đây là năm thứ hư nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn (cứng lý), không dễ điều khiển, không phát sáng, mà dễ bị bể gãy (hư, bại), và không đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm.”

(SN 46:33)

34 (4) *Sự Không Hư Nhiễm*

“Này các Tỳ kheo, bảy chi giác-ngộ là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* là sự không trở-ngại ... Chi giác-ngộ là *sự buông-xả* là sự không trở-ngại ... sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Bảy chi giác-ngộ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.”

(SN 46:34)

35 (5) *Sự Chú Tâm Kỹ Càng*⁷⁹

(1) “Này các Tỳ kheo, khi một người tu chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý): (i) (chướng ngại) *tham-dục* chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường; (ii) *sự ác-ý* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự ác-ý đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường; (iii) *sự đờ-đẫn* và *buồn-ngủ* chưa khởi sinh thì khởi sinh và *sự đờ-đẫn* và *buồn-ngủ* đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường; (iv) *sự bất-an* và *hối-tiếc* chưa khởi sinh thì khởi sinh và *sự bất-an* và *hối-tiếc* đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường; (v) *sự nghi-ngờ* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự nghi-ngờ đã khởi sinh thì gia tăng và tăng cường.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi một người tu chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý): (i) chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* chưa khởi sinh sẽ khởi sinh và chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* đã khởi sinh sẽ đi đến sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh sẽ khởi sinh và chi giác-ngộ là *sự buông-xả* đã khởi sinh sẽ đi đến sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

(SN 46:35)

36 (6) Sự Tăng Trưởng

“Này các Tỳ kheo, bảy chi giác-ngộ, sau khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tăng-trưởng, sự không sa-sút. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả). Đây là bảy chi giác-ngộ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tăng-trưởng, sự không sa-sút.”

(SN 46:36)

37 (7) Những Trở Ngại

(1) “Này các Tỳ kheo, có năm thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ hư-nhiễm của tâm, là những thứ (tác nhân) làm suy yếu trí-tuệ. Năm đó là gì? (i) *Tham-dục* là một thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ hư-nhiễm của tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. (ii) *Sự ác-y* là một trở-ngại ... (iii) sự đờ-đần và buồn-ngủ là một trở-ngại ... (iv) sự *bất-an* và *hối-tiếc* là một trở-ngại ... (v) *sự nghi-ngờ* là một thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ hư-nhiễm của tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. Đây là năm thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ.

(2) “Này các Tỳ kheo, bảy chi giác-ngộ là những thứ không trở-ngại, những thứ không chướng-ngại, những sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* là một thứ không trở-ngại, thứ không chướng-ngại, thứ không hư-nhiễm của tâm ... (vii) Chi giác-ngộ là *sự buông-xả* là một thứ không trở-ngại, thứ không chướng-ngại, thứ không hư-nhiễm của tâm, sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Bảy chi giác-ngộ này là những thứ không trở-ngại, những thứ không chướng-ngại, những sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được

tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.”

(SN 46:37)

38 (8) Không Có Những Chướng Ngại⁸⁰

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử lắng nghe Giáo Pháp bằng cả hai tai nhiệt thành, chú tâm lắng nghe một cách như vấn đề sống-còn, hướng toàn bộ tâm trí vào nó, thì trong thời đó năm chướng-ngại không có mặt trong người đó; trong thời đó bảy chi giác-ngộ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(1) “Và cái gì là năm chướng-ngại không có mặt trong thời (lúc) đó? Đó là, chướng-ngại là *tham-dục* không có mặt trong thời đó; chướng-ngại là *sự ác-ý* ... chướng-ngại là *sự đờ-đẫn* và *buồn-ngủ* ... chướng-ngại là *sự bất-an* và *hối-tiếc* ... chướng-ngại là *sự nghi-ngờ* không có mặt lúc đó. Đây là năm chướng-ngại không có mặt trong thời đó.

(2) “Và cái gì là bảy chi giác-ngộ trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? (i) Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập ... (vii) Chi giác-ngộ là *sự buông-xả* trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. Đây là bảy chi giác-ngộ trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử lắng nghe Giáo Pháp bằng cả hai tai nhiệt thành, chú tâm lắng nghe một cách như vấn đề sống-còn, hướng toàn bộ tâm trí vào nó, thì trong thời đó năm chướng-ngại không có mặt trong người đó; trong thời đó bảy chi giác-ngộ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

(SN 46:38)

39 (9) Cây Cối

“Này các Tỳ kheo, có những cây to lớn có hạt nhỏ và thân to, bao quanh những cây khác, và những cây bị bao quanh thì bị ép cong, bị vặn vẹo, và bị chẻ đôi. Và cây nào là những cây to lớn có hạt nhỏ và thân to? Đó là cây bồ-đề, cây đa, cây vả, và cây sung:⁸¹ đây là những cây to lớn có hạt nhỏ và thân to, bao che những cây khác, và những cây bị bao che thì bị ép cong, bị vặn vẹo, và bị chẻ đôi. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một người họ tộc ở đây bỏ lại sau lưng những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì người đó (thường vẫn còn) bị ép cong, bị vặn vẹo, và bị chẻ đôi bởi những khoái-lạc giác quan đó, hoặc bởi những thứ còn tệ hại hơn chúng.

(1) “Này các Tỳ kheo, năm thứ này là những thứ trở-ngại, những thứ chướng-ngại, những thứ bao-che của cái tâm, là những thứ (tác nhân) làm suy yếu trí-tuệ. Năm đó là gì? (i) *Tham-dục* là một thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ bao-che của cái tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. (ii) *Sự ác-ý ...* (iii) *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ...* (iv) *sự bất-an và hối-tiếc ...* (v) *sự nghi-ngờ* là một thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ bao-che của cái tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. Đây là năm thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ bao-che của cái tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ.

(2) “Này các Tỳ kheo, bảy chi giác-ngộ này là những thứ không trở-ngại, những thứ không chướng-ngại, những thứ không bao-che của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* là một thứ không trở-ngại, thứ không chướng-ngại, thứ không bao-che của tâm ... (vii) Chi giác-ngộ là *sự buông-xả* là một thứ không trở-ngại, thứ không chướng-ngại, thứ không bao-che của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Bảy chi giác-ngộ này là những thứ không trở-ngại, những thứ không chướng-ngại, những thứ không bao-che của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.”

(SN 46:39)

40 (10) Những Chương Ngại

(1) “Này các Tỳ kheo, năm chương-ngại này là những thứ (tác nhân) làm ra sự mù-quáng, gây ra sự thiếu sự-thấy (không thấy), gây ra sự thiếu sự-biết (không biết), gây hại tới trí-tuệ, dẫn tới sự phiền-não (ưu), dẫn lạc hướng khỏi Niết-bàn. Năm đó là gì? (i) Chương-ngại *tham-dục* là một thứ làm ra sự mù-quáng ... (ii) Chương-ngại *sự ác-ý* ... (iii) Chương-ngại *sự đờ-đần và buồn-ngủ* ... (iv) Chương-ngại *sự bất-an và hối-tiếc* ... (v) Chương ngại *sự nghi-ngờ* là một thứ làm ra sự mù-quáng ... dẫn lạc hướng khỏi Niết-bàn. Năm chương-ngại này là những thứ làm ra sự mù-quáng, gây ra sự thiếu sự-thấy, gây ra sự thiếu sự-biết, gây hại tới trí-tuệ, dẫn tới sự phiền-bực (ưu), dẫn lạc hướng khỏi Niết-bàn.

(2) “Này các Tỳ kheo, bảy chi giác-ngộ này là những thứ (tác nhân) làm nên sự-thấy, những thứ làm nên sự-biết, phát huy sự tăng trưởng trí-tuệ, thoát khỏi sự phiền-não (ưu), dẫn hướng tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* là một thứ làm nên sự-thấy ... (vii) Chi giác-ngộ là *sự buông-xả* là một thứ làm nên sự-thấy ... Bảy chi giác-ngộ này là những thứ làm nên sự-thấy, những thứ làm nên sự-biết, phát huy sự tăng trưởng trí-tuệ, thoát khỏi sự phiền-bực, dẫn hướng tới Niết-bàn.”

(SN 46:40)

NHÓM 5

NHÓM ‘CHUYỂN LUÂN VƯƠNG’

(*Cakkavatti-vagga*)

41 (1) Những Phân Biệt

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã đẹp bỏ ba sự phân-biệt,⁸² tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ đẹp bỏ ba sự phân-biệt, tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại đẹp bỏ ba sự phân-biệt, tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả). Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại đẹp bỏ ba sự phân-biệt, tất cả họ làm được vậy là nhờ họ có tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.”

(SN 46:41)

42 (2) Chuyển Luân Vương

“Này các Tỳ kheo, với sự xuất hiện của một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương) thì xuất hiện bảy thứ báu. Bảy đó là gì? Đó là sự xuất hiện của bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, phụ nữ báu, người tài quản báu, và tướng lĩnh báu.⁸³

“Này các Tỳ kheo, với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì xuất hiện bảy thứ báu. Bảy đó là gì? Đó là sự xuất hiện của (i) thứ báu là chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) thứ báu là chi giác-ngộ là *sự buông-xả*. Với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì xuất hiện bảy thứ báu là bảy chi giác-ngộ này.”

(SN 46:42)

43 (3) Ma Vương

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường (đạo) để nghiên nát đội quân của Ma Vương. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường nghiên nát đội quân của Ma Vương? Đó là bảy chi giác-ngộ. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả*. Đây là con đường để nghiên nát đội quân của Ma Vương.”

(SN 46:43)

44 (4) Vô Trí

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘kẻ ngu vô trí, kẻ ngu vô trí’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người bị gọi là một ‘kẻ ngu vô trí’?”

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một người chưa tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ này nên người đó bị gọi là kẻ ngu vô trí. Bảy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả*. Chính bởi vì một người chưa tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ này nên người đó bị gọi là ‘kẻ ngu vô trí’.”

(SN 46:44)

45 (5) Có Trí

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người có trí và tỉnh thức, người có trí và tỉnh thức’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người được gọi là một người có trí và tỉnh thức?”

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một người đã tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ này nên người đó được gọi là người có trí và tỉnh thức. Bảy

đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả*. Chính bởi vì một người đã tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ này nên người đó được gọi là người có trí và tỉnh thức.”

(SN 46:45)

46 (6) Nghèo Nàn

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘kẻ nghèo nàn, kẻ nghèo nàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người bị gọi là một kẻ nghèo nàn?”

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một người chưa tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ này nên người đó bị gọi là kẻ nghèo nàn. Bấy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả*. Chính bởi vì một người chưa tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ này nên người đó bị gọi là kẻ nghèo nàn.”

(SN 46:46)

47 (7) Giàu Có

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người giàu có, người giàu có’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người được gọi là một người giàu có?”

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một người đã tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ này nên người đó được gọi là người giàu có. Bấy đó là gì? (i) Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả*. Chính bởi vì một người đã tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ này nên người đó được gọi là người giàu có.”

(SN 46:47)

48 (8) Mặt Trời

“Này các Tỳ kheo, như rạng đông là cái đi trước và tiên thân của sự

mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có đạo-hữu tốt (đồng đạo, đồng môn, sư huynh, sự thầy tốt) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của bảy chi giác-ngộ. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo, là người có đạo-hữu tốt, tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) Người đó tu tập và tu dưỡng chi giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người có đạo-hữu tốt, tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.”

(SN 46:48)

49 (9) *Yếu Tố Bên Trong*

“Này các Tỳ kheo, khi nói về yếu-tố bên trong, ta không thấy có yếu-tố nào khác thật hữu ích để giúp khởi sinh bảy chi giác-ngộ như thứ này, đó là: sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.”

[*Tiếp tục đoạn sau giống kinh 46:13 ở trên.*]

(SN 46:49)

50 (10) *Yếu Tố Bên Ngoài*

“Này các Tỳ kheo, khi nói về yếu-tố bên ngoài, ta không thấy có yếu-tố nào khác thật hữu ích để giúp khởi sinh bảy chi giác-ngộ như thứ này, đó là: sự có đạo-hữu tốt. Khi một Tỳ kheo có đạo-hữu tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ.”

[*Tiếp tục đoạn sau giống kinh 46:12 ở trên.*]

(SN 46:50)

NHÓM 6

NHÓM ‘NHỮNG THẢO LUẬN’

(Sākaccha-vagga)

51 (1) Dưỡng Chất

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về dưỡng-chất và sự phi dưỡng-chất đối với ‘năm chướng-ngại’ và ‘bảy chi giác-ngộ’. Hãy lắng nghe điều đó ...

[i. Dưỡng-Chất cho ‘Năm Chướng-Ngại’]⁸⁴

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh *tham-dục* (*kāmacchanda*; nhục dục, dục tham) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường tham-dục đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu đẹp* (tướng đẹp, sắc đẹp, vẻ đẹp): sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ (phi như lý tác ý; sự tác ý không đúng pháp, không thiện khéo) tới nó chính là dưỡng-chất làm khởi sinh nhục-dục chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường tham-dục đã khởi sinh.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh *sự ác-ý* (sân) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự ác-ý đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu xấu* (tướng xấu, đáng chê, khó ưa): sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới nó chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự ác-ý chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự ác-ý đã khởi sinh.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh *sự đờ-dẫn và buồn-ngủ* (hôn trầm thụ miên) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự đờ-dẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có sự không hài lòng, sự lờ đờ, sự lười biếng, sự buồn ngủ sau khi ăn, sự lười biếng của tâm: sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự đờ-dẫn và buồn-ngủ chưa khởi sinh và làm

gia tăng và tăng cường sự đờ-dẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm khởi sinh *sự bất-an và hối-tiếc* (trạo cử hối quá) chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có sự bất an ổn của tâm: sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới nó chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất làm khởi sinh *sự nghi-ngờ* chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự nghi-ngờ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có những thứ là cơ-sở tạo ra cho sự nghi-ngờ: sự thường xuyên ‘chú-tâm không kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất làm khởi sinh sự nghi-ngờ chưa khởi sinh và làm gia tăng và tăng cường sự nghi-ngờ đã khởi sinh.

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng-chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất. Cũng giống như vậy, *năm chướng-ngại* được duy trì nhờ dưỡng-chất, phụ thuộc vào dưỡng-chất, và không tồn tại mà không có dưỡng-chất.

[ii. Dưỡng-Chất cho ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua (nhờ) sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có những thứ là cơ-sở (giúp, trợ, duyên) cho chi giác-ngộ là sự chánh-niệm: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ (như lý tác ý; tác ý một cách đúng pháp, thiện khéo) tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.⁸⁵

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* (trạch-pháp giác chi) chưa khởi

sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, do có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái nhược (tệ hơn) và trạng thái ưu (tốt hơn), những trạng thái thuộc bên tối và trạng thái thuộc bên sáng, và những trạng thái ứng với chúng: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.⁸⁶

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* (tinh-tấn giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, có những yếu tố khởi-sự (phát khởi, chủ động, tự phát), yếu tố cố-gắng, yếu tố nỗ-lực: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.⁸⁷

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* (hỷ giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ*: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.⁸⁸

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* (khinh-an giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, có sự tĩnh-lặng của thân, sự tĩnh-lặng của tâm: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.⁸⁹

(6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự định-tâm* (định giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là *sự định-tâm* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có dấu-hiệu của sự vắng-lặng (định), dấu-hiệu của sự không phân-tán (hội tụ, hợp nhất, nhất điểm; của tâm): sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự định-tâm* chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là *sự định-tâm* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.⁹⁰

(7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả giác chi) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là *sự buông-xả* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những cơ-sở cho chi giác-ngộ là *sự buông-xả*: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là dưỡng-chất giúp làm khởi sinh chi giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện chi giác-ngộ là *sự buông-xả* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.⁹¹

[iii. Cắt Dưỡng-Chất của ‘Năm Chướng-Nại’]⁹²

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *tham-dục* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của *tham-dục* đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu sự ô-uế* (tướng dơ, không sạch, bất tịnh: như của thân thể ...): sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ (như lý tác ý) tới nó chính là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *tham-dục* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của *tham-dục* đã khởi sinh.⁹³

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *sự ác-ý* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của *sự ác-ý* đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ*: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới nó chính là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh *sự ác-ý* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của *sự ác-ý* đã khởi sinh.⁹⁴

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự

khởi sinh của *sự đờ-đẫn* và *buồn-ngủ* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh? Nay các Tỳ kheo, do có yếu tố khởi-sự (phát khởi, chủ động, tự phát), yếu tố cố-gắng, yếu tố nỗ-lực: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự đờ-đẫn và buồn-ngủ chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh.⁹⁵

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *sự bất-an* và *hối-tiếc* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh? Nay các Tỳ kheo, do có sự bình-an của tâm: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới nó chính là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh.⁹⁶

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *sự nghi-ngờ* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự nghi-ngờ đã khởi sinh? Nay các Tỳ kheo, do có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái nhược (tệ hơn) và trạng thái ưu (tốt hơn), những trạng thái thuộc bên tối và trạng thái thuộc bên sáng, và những trạng thái đối ứng của chúng: sự thường xuyên ‘chú-tâm kỹ càng’ tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự nghi-ngờ chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và tăng cường của sự nghi-ngờ đã khởi sinh.⁹⁷

[iv. Cắt Dưỡng-Chất của ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở (giúp, trợ, duyên) cho chi giác-ngộ là sự chánh-niệm: sự không thường xuyên

‘chú-tâm’ (không tác ý) tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ chánh-niệm đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* (trạch pháp) chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái nhược và những trạng thái ưu, những trạng thái sáng và những trạng thái tối, và những trạng thái ứng với chúng: sự không thường xuyên ‘chú-tâm’ (tác ý) tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những yếu tố khởi-sự, yếu tố cố-gắng, yếu tố nỗ-lực: sự không thường xuyên ‘chú-tâm’ tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* (hỷ) chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ: sự không thường xuyên ‘chú-tâm’ tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi

sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* (khinh an) chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có sự tĩnh-lặng của thân, có sự tĩnh-lặng của tâm: sự không thường xuyên ‘chú-tâm’ tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là *sự định-tâm* (định) chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có dấu hiệu sự vắng-lặng (tướng định), có dấu hiệu sự không phân-tán (sự hợp nhất, tướng nhất tâm): sự không thường xuyên ‘chú-tâm’ tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự định-tâm chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả) chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho chi giác-ngộ là sự buông-xả: sự không thường xuyên ‘chú-tâm’ tới chúng chính là sự cắt dưỡng-chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của chi giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh và làm ngăn chặn chi giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

(SN 46:51)

52 (2) Một Phương Pháp Thuyết Giảng

Lúc đó, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình

bát và cà sa, đi vô thành Sāvattḥī (Xá-vệ) để khát thực. Rồi ý nghĩ này xảy đến với họ: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khát thực trong thành Sāvattḥī. Hay chúng ta ghé qua khu ở (tịnh xá, khu trú) của các du sĩ giáo phái khác.”

Rồi các Tỳ kheo đó đã đi đến khu ở của các du sĩ khác đạo ở đó. Họ chào hỏi với các du sĩ đó, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Các du sĩ đã nói với họ:

“Này các bạn, sa-môn Cồ-đàm dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của mình như vậy: ‘Này, này các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ năm chướng-ngại, là những sự hư-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ, và hãy tu tập một cách chánh đúng bảy chi giác-ngộ. Bên chúng tôi cũng dạy Giáo Pháp cho các đệ tử của mình như vậy: ‘Này, này các đạo hữu, hãy dẹp bỏ năm chướng-ngại, là những sự hư-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ, và hãy tu tập một cách chánh đúng bảy chi giác-ngộ. Như vậy, này các bạn, ở đây, cái gì là sự khác nhau, sự khác biệt, sự không tương đồng giữa sa-môn Cồ-đàm và chúng tôi về ‘một sự chỉ-dạy Giáo Pháp’ và về ‘một cách-thức chỉ dạy?’”⁹⁸

Lúc đó các Tỳ kheo không hài lòng cũng không phản đối câu nói của các du sĩ đó. Rồi không hài lòng cũng không phản đối, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi ra; trong đầu nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ học ý nghĩa của câu nói này khi có mặt (khi gặp) đức Thế Tôn.” Rồi, sau khi các Tỳ kheo đó đã đi khát thực trong thành và đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện giữa họ và các du sĩ khác đạo đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, các thầy nên hỏi họ: ‘Này các bạn, có một phương-pháp thuyết giảng nào thông qua nó ‘năm chướng-ngại’ trở thành mười, và bảy chi giác-ngộ trở thành mười bốn, hay không?’ - Khi được hỏi như vậy, các du sĩ đó chắc không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ thấy phiền bức. Vì lý do gì? Bởi vì điều đó chắc chắn không thuộc lĩnh vực (trú xứ, chuyên môn) của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy có ai trong thế gian này có các thiên thần, Ma Vương,

và trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai hoặc các đệ tử của Như Lai hoặc người đã nghe được câu trả lời từ các vị đệ tử đó.

[i. Năm Trở Thành Mười]

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương-pháp thuyết giảng thông qua nó năm chướng-ngại trở thành mười?”

(1) “Mọi *tham-dục* [có] đối với *bên-trong* đều là một chướng-ngại. Mọi *tham-dục* đối với *bên-ngoài* cũng là một chướng-ngại.⁹⁹ Như vậy cái được nói gọn là ‘chướng-ngại *tham-dục*’ là trở thành (gồm có) hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(2) “Mọi *sự ác-y* đối với *bên-trong* đều là một chướng-ngại. Mọi *sự ác-y* đối với *bên-ngoài* cũng là một chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chướng-ngại *sự ác-y*’ là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(3) “Mọi *sự đờ-đẫn* đều là một chướng-ngại. Mọi *sự buồn-ngủ* cũng là một chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chướng ngại *sự đờ-đẫn* và *buồn-ngủ*’ là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(4) “Mọi *sự bất-an* đều là một chướng-ngại. Mọi *sự hối-tiếc* cũng là một chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chướng ngại *sự bất-an* và *hối-tiếc*’ là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(5) “Mọi *sự nghi-ngờ* về *bên-trong* đều là một chướng-ngại. Mọi *sự nghi-ngờ* về *bên-ngoài* cũng là một chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là ‘chướng ngại *sự nghi-ngờ*’ là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

“Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp thuyết giảng thông qua nó năm chướng-ngại trở thành mười.”

[ii. Bảy Trở Thành Mười Bốn]

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương pháp thuyết giảng thông qua nó bảy chi giác-ngộ trở thành mười bốn?”¹⁰⁰

(1) “Mọi sự chánh-niệm [có] về những thứ *bên-trong* đều là chi giác-ngộ là sự chánh-niệm [niệm giác chi]. Mọi sự chánh-niệm về những thứ *bên-ngoài* cũng là chi giác-ngộ là sự chánh-niệm. Như vậy, cái được nói gọn là chi giác-ngộ là sự chánh-niệm là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(2) “Mỗi khi người tu phân biệt những thứ *bên-trong* bằng trí-tuệ, xem xét chúng, điều tra về chúng, thì đó là chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái [trạch-pháp giác chi]; mỗi khi người tu phân biệt những thứ *bên-ngoài* bằng trí-tuệ, xem xét chúng, điều tra về chúng, thì đó cũng là chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái. Như vậy, cái được nói gọn là chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(3) “Mỗi khi có sự nỗ-lực tu *thuộc thân*, thì đó là chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu [tinh-tấn giác chi]; mỗi khi có sự nỗ-lực tu *thuộc tâm*, đó cũng là chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu. Như vậy, cái được nói gọn là chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(4) “Mỗi khi có sự hoan-hỷ *đi kèm* bởi ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), đó là chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ [hỷ giác chi] (thuộc nhất thiên); mỗi khi có sự hoan-hỷ *không còn* ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm, hết tứ), đó cũng là chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (thuộc nhị thiên).¹⁰¹ Như vậy, cái được nói gọn là chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(5) “Mỗi khi có sự tĩnh-lặng *của thân*, đó là chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng [khinh-an giác chi]; mỗi khi có sự tĩnh-lặng *của tâm*, đó cũng là chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng.¹⁰² Như vậy, cái được nói gọn là chi giác-ngộ tĩnh-lặng là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(6) “Mỗi khi có sự định-tâm *đi kèm* bởi ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), đó là chi giác-ngộ là sự định-tâm [định giác chi] (thuộc nhất thiên);

mỗi khi có sự định-tâm *không còn* ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm, hết tứ), đó cũng là chi giác-ngộ là sự định-tâm (thuộc nhị thiên trở lên).¹⁰³ Như vậy, cái được nói gọn là chi giác-ngộ định-tâm là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(7) “Mỗi khi có sự buông-xả đối với những thứ *bên-trong*, đó là một chi giác-ngộ là sự buông-xả [xả giác chi]; mỗi khi có sự buông-xả đối với những thứ *bên-ngoài*, đó cũng là chi giác-ngộ là sự buông-xả. Như vậy, cái được nói gọn là chi giác-ngộ là buông-xả là trở thành hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

“Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp thuyết giảng thông qua nó bảy chi giác-ngộ trở thành mười bốn.”

(SN 46:52)

53 (3) *Lửa*

Lúc đó, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattihī (Xá-vệ) để khát thực ...¹⁰⁴ [*Tiếp tục như kinh 46:52 kể trên, cho tới:*] ... [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, các thầy nên hỏi họ rằng: ‘Này các bạn, (1) khi tâm trở nên thụ-động (chậm chạp, nặng nề, chìm ngìm, bị động, lười nhát, lu mờ) thì (i) tu tập những chi giác-ngộ nào là không hợp lúc và (ii) tu tập những chi giác-ngộ nào là hợp lúc? Rồi nữa, này các bạn, (2) khi tâm trở nên khích-động (phấn khích, dao động, tăng động) thì (i) tu tập những chi giác-ngộ nào là không hợp lúc và (ii) tu tập những chi giác-ngộ nào là hợp lúc?’ - Khi được hỏi như vậy, các du sĩ đó chắc không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ thấy phiền bức. Vì lý do gì? Bởi vì điều đó chắc chắn không thuộc lĩnh vực (trú xứ, chuyên môn) của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy có ai trong thế gian này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, có thể làm thỏa mãn

tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai hoặc các đệ tử của Như Lai hoặc người đã nghe được câu trả lời từ các vị đệ tử đó.

[i. Khi Tâm Thụ-động: Chi Không Hợp Lúc]

“Trong trường hợp, này các Tỳ kheo, khi tâm trở nên thụ-động, thì lúc đó không hợp lúc để tu tập chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng, sự định-tâm, và sự buông-xả [khinh an, định, xả]. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì tâm đang thụ-động và lúc đó khó phát khởi nó bằng những chi đó.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ một người muốn nhóm lửa nhỏ thành đồng lửa lớn. Nếu người đó quăng cỏ ướt, phân bò ướt, và củi cây ướt vô đó, còn rưới thêm nước vô đó, và rải đất lên đó, vậy người đó có thể nhóm thành đồng lửa lớn hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp khi tâm trở nên thụ-động, thì lúc đó không hợp lúc để tu tập chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng, sự định-tâm, và sự buông-xả. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì tâm đang thụ-động và lúc đó khó phát khởi nó bằng những chi đó.

[ii. Khi Tâm Thụ-động: Chi Hợp Lúc]

“Trong trường hợp, này các Tỳ kheo, khi tâm trở nên thụ-động, thì lúc đó là hợp lúc để tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái, sự nỗ-lực, và sự hoan-hỷ [trạch pháp, tinh tấn, hỷ]. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì tâm đang thụ-động và lúc đó dễ phát khởi nó bằng những chi đó.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ một người muốn nhóm lửa nhỏ thành đồng lửa lớn. Nếu người đó quăng cỏ khô, phân bò khô, và củi cây khô vô đó, còn thổi gió thêm vô đó, và không rải đất lên đó, vậy người đó có thể nhóm thành đồng lửa lớn hay không?”

“Có, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp khi tâm trở

nên thụ-động, thì lúc đó là hợp lúc để tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái, sự nỗ-lực, và sự hoan-hỷ. Vì lý do gì? Đây các Tỳ kheo, vì tâm đang thụ-động và lúc đó dễ phát khởi nó bằng những chi đó.

[iii. Khi Tâm Khích-Động: Chi Không Hợp Lúc]

“Trong trường hợp, này các Tỳ kheo, khi tâm trở nên khích-động, thì lúc đó không hợp lúc để tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái trạch pháp, sự nỗ-lực, và sự hoan-hỷ [trạch pháp, tinh tấn, hỷ]. Vì lý do gì? Đây các Tỳ kheo, bởi vì tâm đang bị khích-động và lúc đó khó làm nó tĩnh tại bằng những chi đó

“Đây các Tỳ kheo, ví dụ một người muốn đập tắt đồng lửa lớn. Nếu người đó quăng cỏ khô, phân bò khô, và củi cây khô vô đó, và còn thổi gió thêm vô đó, và không rải đất lên đó, vậy người đó có thể đập tắt đồng lửa hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp khi tâm trở nên khích-động, thì lúc đó không hợp lúc để tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái, sự nỗ-lực, và sự hoan-hỷ. Vì lý do gì? Đây các Tỳ kheo, bởi vì tâm đang bị khích-động và lúc đó khó làm nó tĩnh tại bằng những chi đó

[iv. Khi Tâm Khích-Động: Chi Hợp Lúc]

“Trong trường hợp, này các Tỳ kheo, khi tâm trở nên khích-động, thì lúc đó là hợp lúc để tu tập chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng, sự định-tâm, và sự buông-xả [khinh an, định, xả]. Vì lý do gì? Đây các Tỳ kheo, vì tâm đang khích-động và lúc đó dễ làm nó tĩnh tại bằng những chi đó

“Đây các Tỳ kheo, ví dụ một người muốn đập tắt đồng lửa lớn. Nếu người đó quăng cỏ ướt, phân bò ướt, và củi cây ướt vô đó, và còn rưới nước thêm vô đó, và rải đất lên đó, vậy người đó có thể đập tắt đồng lửa hay không?”

“Có, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp khi tâm trở nên khích-động, thì lúc đó là hợp lúc để tu tập chi giác-ngộ là sự tĩnh lặng, sự định-tâm, và sự buông-xả. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì tâm đang khích-động và lúc đó dễ làm nó tĩnh tại bằng những chi đó

— “Nhưng, này các Tỳ kheo, ta nói, riêng *sự chánh-niệm* thì luôn luôn hữu-dụng.” (trong mọi tình huống trên)¹⁰⁵

(SN 46:53)

54 (4) Cùng Với Tâm-Từ ...

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Koliya (Câu-lợi), ở một thị trấn của họ tên là thị trấn Haliddavasana. Lúc đó, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thị trấn Haliddavasana để khát thực. Rồi ý này đã xảy đến với họ: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khát thực trong thị trấn Haliddavasana. Hay chúng ta ghé qua khu ở của các du sĩ giáo phái khác.”¹⁰⁶

Rồi các Tỳ kheo đó đi đến khu ở của các du sĩ khác đạo ở đó. Họ chào hỏi với các du sĩ, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Các du sĩ đã nói với họ:

“Này các bạn, sa-môn Cồ-đàm dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của mình như vậy: ‘Này, các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ *năm chướng-ngại*, đó là những sự hư-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ, và hãy an trú bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm *sự từ-ái* (tâm từ), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả mọi chúng sinh và đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm thắm đẫm *sự từ-ái*, rộng lớn, bao la [được khuếch đại, cao vợi], vô lượng, không còn hung dữ, không còn sự ác-ý.

‘... Hãy an trú bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm *sự bi-*

mãn (tâm bi), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả mọi chúng sinh và đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm thắm đẫm *sự bi-mãn*, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung dữ, không còn sự ác-ý.

‘... Hãy an trú bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm *sự tùy-hỷ* (tâm hỷ), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả mọi chúng sinh và đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm thắm đẫm *sự tùy-hỷ*, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung dữ, không còn sự ác-ý.

‘... Hãy an trú bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm *sự buông-xả* (tâm xả), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả mọi chúng sinh và đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm thắm đẫm *sự buông-xả*, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung dữ, không còn sự ác-ý.*

“Này các bạn, chúng tôi cũng vậy, cũng chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử của mình giống y như vậy: ‘Này, các đạo hữu, hãy dẹp bỏ *năm chướng-ngại* ... [*giống hệt đoạn kể trên*] ... không còn sự ác-ý.’* Như vậy, này các bạn, ở đây, cái gì là sự khác nhau, sự khác biệt, sự không tương đồng giữa sa-môn Cồ-đàm và chúng tôi về ‘một sự chỉ-dạy Giáo Pháp’ và về ‘một cách-thức chỉ dạy?’” ¹⁰⁷

Lúc đó các Tỳ kheo không hài lòng cũng không phản đối câu nói của các du sĩ đó. Rồi không hài lòng cũng không phản đối, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi ra; trong đầu nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ học ý nghĩa của câu nói này khi có mặt (khi gặp) đức Thế Tôn.” Rồi, sau khi các Tỳ kheo đó đã đi khát thực trong thị trấn Haliddavasana và đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện giữa họ và các du sĩ khác đạo đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, các thầy nên hỏi họ: ‘Này các bạn, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-từ*? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó?’¹⁰⁸

‘Theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-bi*? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó?’

‘Theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-hỷ*? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó?’

‘Theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-xả*? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó?’

- Khi được hỏi như vậy, các du sĩ đó chắc không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ thấy phiền bức. Vì lý do gì? Bởi vì điều đó chắc chắn không thuộc lĩnh vực (trú xứ, chuyên môn) của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy có ai trong thế gian này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai hoặc các đệ tử của Như Lai hoặc người đã nghe được câu trả lời từ các vị đệ tử đó.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-từ* [từ]? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) chỉ giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) có đi kèm bởi *tâm-từ* ... (vii) chỉ giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả) có đi kèm bởi *tâm-từ*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.¹⁰⁹

▪ “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê (đáng ghê tởm, không hấp dẫn, đáng ghét) trong những thứ không đáng-chê

(đáng thích, dễ chịu, đáng ước)’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. **(ii)** Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong đó. **(iii)** Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ đáng-chê và cả những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. **(vi)** Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê và cả những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong đó. **(v)** Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác)’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.¹¹⁰ — Hoặc khác, người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của thứ đẹp. Đây các Tỳ kheo, *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ có sự-đẹp là tuyệt-đỉnh của nó*, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo có trí ở đây là người chưa thâm nhập tới một sự giải-thoát cao siêu hơn.¹¹¹

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-bi* [bi]? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) chỉ giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) có đi kèm bởi *tâm-bi* ... (vii) chỉ giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả) có đi kèm bởi *tâm-bi*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

▪ “**(i)** Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. **(ii)** ... **(iii)** ... **(vi)** ... **(v)** Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. — Hoặc khác: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-

thức về sự đa-dạng (sự khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của không gian].’ Nay các Tỳ kheo, *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi có không vô biên xứ là tuyệt-đỉnh của nó*, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo có trí ở đây là người chưa thâm nhập tới sự giải-thoát cao siêu hơn.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-hỷ* [hỷ]? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) có đi kèm bởi *tâm tùy-hỷ* ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả) có đi kèm bởi *tâm tùy-hỷ*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

▪ “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. (ii) ... (iii) ... (vi) ... (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. — Hoặc khác: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức].’ Nay các Tỳ kheo, *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-hỷ có thức vô biên xứ là tuyệt-đỉnh của nó*, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo có trí ở đây là người chưa thâm nhập tới sự giải-thoát cao siêu hơn.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-xả* [xả]? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) có đi kèm bởi *tâm-xả* ... (ii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả* có đi kèm bởi *tâm-xả* (xả), [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

▪ “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. (ii) ... (iii) ... (vi) ... (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. — Hoặc khác: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ Nay các Tỳ kheo, *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả có vô sở hữu xứ là tuyệt-đỉnh của nó*, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo có trí ở đây là người chưa thâm nhập tới sự giải-thoát cao siêu hơn.”

(SN 46:54)

55 (5) Bà-La-Môn Saṅgārava

Ở Sāvattihī.¹¹²

{Lúc đó có bà-la-môn tên là Saṅgārava đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cò-đàm, (I) cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có nhiều lúc các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày lại không nhớ được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng? (II) Và tại sao nhiều lúc các kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn nhớ được lâu trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày?”

(I) [*Tại sao một người không nhớ được những kinh kệ?*]

(1) “Này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm **bị** ám muội bởi (chương-ngại) *tham-dục* (tham), bị chiếm ngự bởi *tham-dục*, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi *tham-dục*’ đúng như nó thực là,¹¹³ thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người

khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu đựng nước có pha thuốc nhuộm màu đỏ, vàng, xanh, hay màu gấc (*hàm chỉ đủ loại tham-dục*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó (khuôn mặt) đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *tham-dục* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(2) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý* (sân), bị chiếm ngự bởi *sự ác-ý*, và người đó không hiểu ‘*sự thoát-khỏi sự ác-ý*’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy *sự tốt-lành* của mình, hoặc *sự tốt-lành* của người khác, hoặc *sự tốt-lành* của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước được nấu bằng lửa, đang nổi bọt và sôi sục (*hàm chỉ sự ác-ý, sân*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(3) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* (hôn trầm thụ miên), bị chiếm ngự bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*, và người đó không hiểu ‘*sự thoát-khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy *sự tốt-lành* của mình, hoặc *sự tốt-lành* của

người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, ví dụ có chậu nước bị che phủ bởi rong rêu và tảo (*hàm chỉ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(4) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự bất-an và hối-tiếc* (trạo cử hồi quá), bị chiếm ngự bởi sự bất-an và hối-tiếc, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự bất-an và hối-tiếc’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, ví dụ có một cái chậu nước bị thổi bởi gió, chao động, xoáy động, khuấy động thành sóng nhỏ (*hàm chỉ sự bất-an và hối-tiếc*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự bất-an và hối-tiếc* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

(5) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi-ngờ* (nghi), bị chiếm ngự bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ’ đúng như nó thực là, thì trong

trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước đục ngầu, không lắng trong, đầy bùn đất, được đặt trong chỗ tối (*hàm chi sự nghi-ngờ, sự chưa thấy rõ*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi-ngờ* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

(II) [Tại sao một người nhớ được những kinh kệ?]

(1)-(5) “Này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm **không bị** ám muội bởi (chướng-ngại) *tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc*, và *sự nghi-ngờ*, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

“Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước *không bị* pha tạp bởi thuốc nhuộm; không nổi bọt và sôi sục; không bị che phủ bởi rong rêu và tảo; không bị khuấy động bởi gió và chao động thành sóng; được trong sạch, lắng trong, trong suốt, được đặt ở chỗ sáng. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ biết và thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm *không bị* ám muội bởi *tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc*, và *sự nghi-ngờ*, thì

trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

“Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày. }

(III) “Này bà-la-môn, có bảy chi giác-ngộ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? Chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) là sự không trở-ngại ... Chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả) là sự không trở-ngại ... sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Bảy chi giác-ngộ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.

Sau khi lời tuyên thuyết này được nói ra, bà-la-môn Saṅgārava đã thưa với đức Thế Tôn rằng: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! ... Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 46:55)

56 (6) *Abhaya*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó Hoàng tử Abhaya đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:¹¹⁴

“Thưa Thế Tôn, (đạo sư) Pūraṇa Kassapa (Phú-lan-na Ca-diếp) nói rằng: ‘Không có nhân và duyên [nguyên-nhân và điều-kiện] nào gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; sự thiếu sự-biết và sự-thấy là không có nhân và duyên. Không có nhân và duyên nào làm ra sự-biết và sự-thấy; sự-biết và

sự-thấy là không có nhân và duyên.¹¹⁵ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

- “Này hoàng tử, có nhân và duyên gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nhân và duyên. Có nhân và duyên làm ra sự-biết và sự-thấy; sự-biết và sự-thấy có nhân và duyên.”

[i. Nhân của sự thiếu sự-biết và sự-thấy]

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nhân và duyên gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy? Theo cách nào thì sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nhân và duyên?”

- “Này hoàng tử, trong trường hợp khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *tham-dục*, bị chiếm ngự bởi *tham-dục*, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi *tham-dục*’ đúng như nó thực là: đây là nhân và duyên gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nhân và duyên.

“Lại nữa, này hoàng tử, trong trường hợp khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý ... sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ... sự bất-an và hối-tiếc ... sự nghi-ngờ*, bị chiếm ngự bởi *sự nghi-ngờ*, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi *sự nghi-ngờ*’ đúng như nó thực là: đây là nhân và duyên gây ra sự thiếu sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự thiếu sự-biết và sự-thấy là có nhân và duyên.”

“Thưa Thế Tôn, lời giảng giải Giáo Pháp này được gọi là gì?”

- “Này hoàng tử, đây được gọi là *những chương-ngại* (ngũ cái).”

“Chắc chắn chúng là những *chương-ngại*, thưa Thế Tôn! Chắc chắn chúng là những *chương-ngại*, thưa Bạc Phúc Lành! Người bị chi phối thậm chí bởi một trong những *chương-ngại* đó cũng không biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, nói chi đến người bị chi phối bởi cả năm *chương-ngại*.

[ii. Nhân của Sự-Biết và Sự-Thấy]

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nhân và duyên của sự-biết và sự-

thấy? Theo cách nào sự-biết và sự-thấy là có nhân và duyên?”

- (1) “Ở đây, này hoàng tử, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm), [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Với một cái tâm đã tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm, người đó biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Đây là nguyên nhân làm nên sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự-biết và sự-thấy là có nhân và duyên

- (7) “Lại nữa, này hoàng tử, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả), (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Với một cái tâm đã tu tập chi giác-ngộ là sự buông-xả, người đó biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Đây là nhân và duyên làm nên sự-biết và sự-thấy; chính theo cách như vậy sự-biết và sự-thấy là có nhân và duyên.”

“Thưa Thế Tôn, lời giảng giải Giáo Pháp này được gọi là gì?”

“Này hoàng tử, đây được gọi là *những chi giác-ngộ* (thất giác chi).”

“Chắc chắn chúng là những chi giác-ngộ, thưa Bạc Phúc Lành! Chắc chắn chúng là những chi giác-ngộ, thưa Bạc Phúc Lành! Người có-được thậm chí một chi giác-ngộ cũng thấy và biết mọi sự đúng như chúng thực là, nói chi đến người có-được bảy chi giác-ngộ. Sự mệt mỏi của thân và sự mệt mỏi của tâm mà con đã ném trái khi leo lên Đỉnh Núi Kền Kền này giờ đã lặn mất. Con đã thâm nhập vào Giáo Pháp.”¹¹⁶

(SN 46:56)

NHÓM 7

NHÓM ‘THỞ VÔ–THỞ RA’

(*Ānāpāna-vagga*)

57 (1) Bộ Xương

[i. Có Kết-Quả Lớn Lao]

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *một bộ xương* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.¹¹⁷

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? ► Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) có kèm theo *nhận-thức về một bộ xương* ... (7) người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả) có kèm theo *nhận-thức về một bộ xương*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.”

[ii. Một trong hai Thánh Quả]

“Này các Tỳ kheo, khi nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự chấp-thủ (thủ)¹¹⁸ thì trạng thái Bất-lai.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư của sự chấp-thủ thì trạng thái Bất-lai? ... [*Tiếp tục y hệt đoạn [i.] kể trên từ* ►] ... Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng

ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự chấp-thủ thì trạng thái Bất-lai.”

[iii. Sự Tốt-Lành Lớn Lao]

“Này các Tỳ kheo, khi nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao? ... [*Tiếp tục y hệt đoạn [i.] kể trên từ* ►] ... Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao.”

[iv. Sự An-Toàn khỏi Sự Trói-Buộc]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao khỏi sự trói-buộc (của vòng luân-hồi ...).

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao thoát khỏi sự trói-buộc? ... [*Tiếp tục y hệt đoạn [i.] ở trên từ* ►] ... Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao khỏi sự trói-buộc.

[v. Cảm-Nhận về Sự Cấp-Bách]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới cảm-nhận về sự cấp-bách (tức nhìn thấy sắc-thân là mong manh và vô thường, người nên mau chóng tìm đường thoát khỏi sự tái hiện-hữu đầy khổ đau).

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới cảm-nhận về sự cấp-bách? ... [*Tiếp tục y hệt đoạn [i.] ở trên từ* ►] ...

[vi. An-Trú trong Sự An-Ổn]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và

tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-ôn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-ôn? ... [*Tiếp tục y hệt đoạn [i.] ở trên từ ▶*] ...

(SN 46:57)

▶ [*Mỗi kinh sau đây (từ 58—76) đều lặp lại theo mẫu kinh 57 gồm sáu-phần ([i.]—[vi.]).*]

58 (2) Xác Chết Bị Giò Đục

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *một xác chết bị giò đục* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao ...”

59 (3) Xác Chết Bị Xanh Tím

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *một xác chết bị xanh tím* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

60 (4) Xác Chết Bị Bung Rữa

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *một xác chết bị bung rữa* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

61 (5) Xác Chết Bị Sinh Chảy

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *một xác chết bị sinh chảy* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

62 (6) Tâm Từ

“Này các Tỳ kheo, khi *tâm-từ* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

63 (7) Tâm Bi

“Này các Tỳ kheo, khi *tâm-bi* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

64 (8) Tâm Hỷ

“Này các Tỳ kheo, khi *tâm-hỷ* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

65 (9) Tâm Xả

“Này các Tỳ kheo, khi *tâm-xả* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

66 (10) Sự Thở-Vô Thở-Ra

“Này các Tỳ kheo, khi *sự thở-vô thở-ra* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

(SN 46:58—66)

NHÓM 8

NHÓM ‘SỰ CHẤM DỨT’

(Nirodha-vagga) ¹¹⁹

67 (1) Sự Không Sạch

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự không-sạch ô-úế của thân* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao ...”

[*Tiếp tục theo mẫu kinh 76 gồm sáu-phần ([i.]—[vi.]) lời kinh và 04 phân đoạn giống như kinh 76 ở cuối NHÓM này (tức = y theo mẫu kinh 57 ở đầu NHÓM 7 kể trên); và tất cả các kinh tiếp theo 68—75 cũng đều tiếp tục như vậy.*]

68 (2) Cái Chết

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *cái chết* được tu tập và tu dưỡng ...”

69 (3) Sự Gớm Ghé của Thức Ăn

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự gớm-ghé của thức ăn* được tu tập và tu dưỡng ...”

70 (4) Sự Không Gì Thích Thú Trong Toàn Bộ Thế Gian

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự không còn thích-thú trong toàn-bộ thế gian* được tu tập và tu dưỡng ...”

71 (5) Vô Thường

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự vô-thường* được tu tập và tu dưỡng ...”

72 (6) Khổ

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự khổ* được tu tập và tu dưỡng ...”

73 (7) Vô Ngã

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự vô-ngã* được tu tập và tu dưỡng ...”

74 (8) Sự Đẹp Bỏ

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự đẹp-bỏ* được tu tập và tu dưỡng ...”

75 (9) Sự Chán Bỏ

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chán-bỏ* được tu tập và tu dưỡng ...”

76 (10) Sự Chấm Dứt

[i. Có Kết-Quả Lớn Lao]

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chấm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? ► Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) có kèm theo *nhận-thức về sự chấm-dứt* ... (7) người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả) có kèm theo *nhận-thức về sự chấm-dứt*, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi

tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là nhận-thức về sự chắm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.”

[ii. Một trong hai Thánh Quả]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chắm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự chấp-thủ (thủ) thì trạng thái Bất-lai.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chắm-dứt được tu tập và tu dưỡng để có thể trông đợi một trong hai thánh quả ... [Tiếp tục y hết đoạn [i.] kể trên từ ►] ...”

[iii. Sự Tốt-Lành Lớn Lao]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chắm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào nhận-thức về sự chắm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao? ... [Tiếp tục y hết đoạn [i.] ở trên từ ►] ...”

[iv. Sự An-Toàn khỏi Sự Trói-Buộc]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chắm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao thoát khỏi sự trói-buộc(của vòng luân-hồi ...).

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào nhận-thức về sự chắm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao thoát khỏi sự trói-buộc? ... [Tiếp tục y hết đoạn [i.] ở trên từ ►] ...”

[v. Cảm Nhận về Sự Cấp-Bách]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chắm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới cảm-nhận về sự cấp-bách.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chắm-dứt

được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới cảm nhận về sự cấp-bách? ... [*Tiếp tục y hết đoạn [i.] ở trên từ ►*] ...”

[vi. An-Trú trong Sự An-Ôn]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chấm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-nhiên.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-nhiên? ... [*Tiếp tục y hết đoạn [i.] ở trên từ ►*] ...”

(SN 46:67—76)

NHÓM 9
NHÓM ‘SÔNG HẰNG
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’
(*Gaṅgā-peyyāla-vagga*)

77 (1) — 88 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? ► Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... (7) chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả), [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[*Các kinh còn lại của NHÓM này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92—102 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘bảy chi giác-ngộ’ (thay vì theo ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 46:78—88)

Sáu đổ ra hướng đông,
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

NHÓM 10
NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’
(*Appamāda-vagga*)

89 (1) — 98 (10) Như Lai ...

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, trong mọi loài chúng sinh—dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có sắc-thân (sắc) hay không có sắc-thân (vô sắc), có nhận-thức (tưởng) hay không có nhận-thức (phi tưởng), hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng)— ...

[*Tiếp tục các kinh NHÓM này là lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139–148 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘bảy chi giác-ngộ’ (thay vì với ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 46:89–98)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

NHÓM 11

NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’

(*Balakaraṇīya-vagga*)

99 (1) — 110 (12) Khó Nhọc ... ¹²⁰

“Này các Tỳ kheo, giống những việc làm khó nhọc (nặng nhọc, cần nhiều công sức) được làm, thì tất cả đều được làm dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng bảy chi giác-ngộ, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện lành] ...

[*Tiếp tục với các kinh NHÓM này là lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149–160 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘bảy chi giác-ngộ’ (thay vì với ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 46:99–110)

Khó Nhọc, Hạt Giống, Và Ròng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, Và Hai Loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, Và Dòng Sông.

NHÓM 12
NHÓM ‘TÌM KIẾM’
(*Esanā-vagga*)

111 (1) — 120 (10) Sự Tìm Kiếm ...

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm (tầm cầu) này. Ba đó là gì? Sự tìm kiếm khoái-lạc giác quan (dục lạc), sự tìm kiếm sự hiện-hữu (được tái sinh phúc lành), sự tìm kiếm đời-sống tâm linh (đời sống thánh thiêng, phạm hạnh). Đây là ba sự tìm-kiếm. Bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) nên được tu tập để dẫn tới *sự-biết trực tiếp* (liễu tri) ba sự tìm-kiếm này ...

[*Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161—170 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘bảy chi giác-ngộ’ (thay vì với ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 46:111—120)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cần cỗi, Những sự ó nơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.

NHÓM 13

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’

(Ogha-vagga)

121 (1) — 129 (9) Những Dòng Lũ ...

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng-lũ này. Bốn đó là gì? Dòng-lũ của tham-dục (dục), dòng-lũ của sự hiện-hữu (hữu), dòng-lũ của quan-điểm này nọ (tà kiến), dòng-lũ của vô-minh (vô minh) ...

[Tất cả các kinh **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:171—179** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘bảy chi giác-ngộ’ (thay vì với ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 46:121—129)

130 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Bảy chi giác-ngộ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp (liễu tri) năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

— “Bảy đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... (7) chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả), [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Bảy chi giác-ngộ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 46:130)

Những Dòng-lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Chấp Thủ, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

NHÓM 14
NHÓM ‘SÔNG HẰNG
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’
(*Gaṅgā-peyyāla-vagga*)

[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM ...’]

131 (1) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập bảy chi giác-ngộ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và theo cách nào người đó làm được như vậy? Ở đây, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... (7) chi giác-ngộ là *buông-xả* (xả), [sự tu tập đó] (ii) có mục-tiêu của nó là sự *loại-bỏ tham*, *loại-bỏ sân*, *loại-bỏ si*. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo ... ngã về Niết-bàn.”

(SN 46:131)

132 (2) — 142 (12) Đổ Về Hướng Đông ...

[Tiếp tục lần lượt lặp lại theo mẫu kinh **131** kể trên, với ‘bảy chi giác-ngộ’ và theo phiên mẫu [*Loại Bỏ Tham ...*].]

(SN 46:132—142)

Sáu đổ ra hướng đông
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

NHÓM 15
NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’
(*Appamāda-vagga*)

[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM ...’]

143 (1) — 152 (10) Như Lai ...

[*Tiếp tục lần lượt lặp lại theo mẫu kinh 131 ở trên, với ‘bảy chi giác-ngộ’ và theo phiên mẫu [Loại Bỏ Tham ...].*]

(SN 46:143—152)

Như Lai, Dầu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

NHÓM 16
NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’
(*Balakaraṇīya-vagga*)

[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM ...’]

153 (1) — 164 (10) Khó Nhọc ...

[*Tiếp tục lần lượt lặp lại theo mẫu kinh 131 ở trên, với ‘bảy chi giác-ngộ’ và theo phiên mẫu [Loại Bỏ Tham ...].*]

(SN 46:153—164)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Ròng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

NHÓM 17
NHÓM ‘TÌM KIẾM’
(*Esanā-vagga*)

[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM ...’]

165 (1) — 174 (10) Sự Tìm Kiếm ...

[*Tiếp tục lần lượt lặp lại theo mẫu kinh 131 ở trên, với ‘bảy chi giác-ngộ’ và theo phiên mẫu [Loại Bỏ Tham ...].*]

(SN 46:165—174)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cần cỗi, Những sự ó nhor, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.

NHÓM 18

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’

(*Ogha-vagga*)

[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM ...’]

175 (1) — 183 (10) Những Dòng Lũ ...

[Tiếp tục lần lượt lặp lại theo mẫu kinh **131** ở trên, với ‘bảy chi giác-ngộ’ và theo phiên mẫu [*Loại Bỏ Tham ...*].]

(SN 46:175—183)

184 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn ...

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Bảy chi giác-ngộ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp (liễu tri) năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

— “Bảy đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) ... (7) chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả), [sự tu tập đó] (ii) có mục-tiêu của nó là *sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si* ..., [sự tu tập đó] (iii) có *sự Bất-tử là nền-tảng của nó, sự Bất-tử là đích-đến của nó, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó* ..., [sự tu tập đó] (iv) là *đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn*. Bảy chi giác-ngộ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”¹²¹

(SN 46:184)

Những Dòng-lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Chấp Thủ, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chương Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

Chương 47

Liên Kết (BỐN) NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM

(47 *Satīpaṭṭhāna-saṃyutta*)

(47 *Tương ưng Niệm Xứ*)

NHÓM 1

NHÓM ‘AMBAPĀLĪ’

(*Ambapālī*)

1 (1) *Ambapālī*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi cô) Ambapālī (về sau trở thành Tỳ kheo ni Ambapālī). Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:¹²²

“Này các Tỳ kheo, đây là con đường một-chiều (trực dẫn) để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn-sầu và ai-oán (sầu bi), để làm phai biến sự khổ và buồn-phiền (khổ ưu), để thành tựu một phương-pháp, để chứng ngộ Niết-bàn, đó là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ).¹²³ Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân* [*thân*], nhiệt thành, rõ-biết [tỉnh giác], có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.¹²⁴ Người đó an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác* [*thọ*], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Người đó an trú quán sát *tâm trong tâm* [*tâm*], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Người đó an trú quán sát *pháp trong pháp* [*pháp*: những hiện-tượng thuộc tâm, những đối-tượng của tâm, những thứ thuộc tâm, những hiện-tượng tâm, tâm pháp, các pháp, các giáo pháp], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, đây là con đường một-chiều để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn-sầu và ai-oán, để làm phai biến

sự khổ và buồn-phiền, để thành tựu một phương-pháp, để chứng ngộ Niết-bàn, đó là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.

(SN 47:01)

2 (2) Có Chánh Niệm

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong Tịnh Xá Ambapālī. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên an trú có chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác): đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.¹²⁵

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là có chánh-niệm? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết [tỉnh giác], có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... *tâm trong tâm* ... *pháp trong pháp*, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo thực tập sự rõ-biết? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một người hành động (làm) với sự rõ-biết (tỉnh giác) khi đang đi tới và đang đi lui; khi đang nhìn thẳng và đang nhìn ngang; khi đang co hay đang duỗi tay chân; khi đang mặc quần áo và khi đang mang cà sa và bình bát; khi đang ăn, khi đang uống, khi đang nhai thức ăn, và khi đang nếm; khi đang đại tiện và khi đang tiểu tiện; khi đang đi, khi đang đứng, khi đang nằm, khi đang ngồi, khi đang đi ngủ, khi đang thức dậy, khi đang nói, và khi đang im lặng. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo thực tập sự rõ-biết.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”

(SN 47:02)

3 (3) Một Tỳ Kheo

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

- “Có mấy người ngu ở đây cũng thỉnh cầu ta theo kiểu này, nhưng sau khi Giáo Pháp đã được nói cho họ, họ chỉ nghĩ tới việc quanh quẩn đi theo ta mà thôi; (chứ không chịu lui về tìm chỗ tu tập).”¹²⁶

“Mong đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn! Mong bậc Phúc Lành chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn! Có lẽ con có thể hiểu được ý nghĩa của lời dạy của đức Thế Tôn; có lẽ con có thể trở thành người thừa hưởng lời dạy của đức Thế Tôn.”

- “Vậy được rồi, này Tỳ kheo, hãy thanh lọc ngay điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành. Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Giới-hạnh phải được thanh lọc tốt và cách-nhìn phải được chánh trực.¹²⁷ Rồi, này Tỳ kheo, sau khi phần giới-hạnh của thầy được thanh lọc tốt và cách-nhìn của thầy được chánh trực, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách ba-phần.

- “Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, hãy an trú quán sát thân trong thân ở (i) bên-trong, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế

giới. Hãy an trú quán sát thân trong thân ở (ii) *bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát thân trong thân ở (iii) *bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.¹²⁸

- “Hãy an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác* ... ở (iii) *bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát *tâm trong tâm* ... ở (iii) *bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát *pháp trong pháp* [*pháp*: những hiện-tượng thuộc tâm, những đối-tượng của tâm, những thứ thuộc tâm, những hiện-tượng tâm, tâm pháp, các pháp, các giáo pháp] ... ở (iii) *bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

- “Này Tỳ kheo, khi, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách ba-phần (bên-trong, bên-ngoài, và bên-trong và bên ngoài) như vậy, thì, dù là ngày hay đêm, có thể trông đợi sự gia tăng những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự gia giảm.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, và đi ra.

Rồi, sau khi sống tu một mình, thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, vị Tỳ kheo đó, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chính rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 47:03)

4 (3) Ở Sālā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kosala (Kiều-tát-la) trong ngôi làng của những bà-la-môn là làng Sālā. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

(1) “Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là *những người mới thụ giới*, chưa xuất gia lâu ngày, vừa mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật, các thầy nên khởi xướng (giáo giới, chỉ giáo) cho họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì?

- “(Các thầy nên khởi xướng cho họ như vậy:) ‘Này các đạo hữu, hãy an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, thường rõ-biết, được hợp nhất, với một cái tâm sáng rõ, đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, để biết thân đúng như nó thực là. Hãy an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác* ... để biết những cảm-giác đúng như chúng thực là. Hãy an trú quán sát *tâm trong tâm* ... để biết tâm đúng như nó thực là. Hãy an trú quán sát *pháp trong pháp* ... để biết những giáo pháp đúng như chúng thực là.’

(2) “Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là *những học-nhân* (đã bước vào dòng thánh đạo), là những người chưa đạt tới lý tưởng của tâm, những người sống tâm nguyện đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trôi-buộc’: thì họ cũng vậy, họ cũng an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, thường rõ-biết, được hợp nhất, với một cái tâm sáng rõ, đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, để biết thân đúng như nó thực là. Họ cũng an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác* ... để biết những cảm-giác đúng như chúng thực là. Họ cũng an trú quán sát *tâm trong tâm* ... để biết tâm đúng như nó thực là. Họ cũng an trú quán sát *pháp trong pháp* ... để biết những giáo pháp đúng như chúng thực là.’

(3) “Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là *những A-la-hán* (vô học nhân), là những người đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: thì họ cũng vậy, họ cũng an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, thường rõ-biết, được hợp nhất, với một cái tâm sáng rõ, đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, đã tách-ly khỏi thân. Họ cũng an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác* ... đã tách-ly khỏi những cảm-giác. Họ cũng an trú quán sát *tâm trong tâm* ... đã tách-ly khỏi tâm. Họ cũng an trú quán sát *pháp trong pháp* ... đã tách-ly khỏi những giáo pháp.

“Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là *những người mới thụ giới*, chưa xuất gia lâu ngày, vừa mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật, các thầy nên khởi xướng cho họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

(SN 47:04)

5 (5) Một Đồng Thiện

Ở Sāvattihī.

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu ai nói ‘một đồng bất thiện’ mà chỉ ‘*năm chướng-ngại*’ (ngũ cái) thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn bất thiện, đó là, ‘*năm chướng-ngại*’. Năm đó là gì? Chướng ngại là tham-dục, chướng ngại là sự ác-ý, chướng ngại là sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, chướng ngại là sự bất-an và hối-tiếc, chướng ngại là sự nghi-ngờ. Nếu ai nói ‘một đồng bất thiện’ mà chỉ ‘*năm chướng-ngại*’ thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn bất thiện, đó là, ‘*năm chướng-ngại*’.”

(2) “Này các Tỳ kheo, nếu ai nói ‘một đồng thiện’ mà chỉ ‘*bốn nền*”

tăng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ) thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn thiện, đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân* trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.¹²⁹ Nếu ai nói ‘một đồng thiện’ mà chỉ ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn thiện, đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

(SN 47:05)

6 (6) Điều Hâu

“Này các Tỳ kheo, ngày xưa có một con điều hâu đột kích bay xuống và gắp bắt một con chim.¹³⁰ Rồi, trong khi chim cút đang bị gắp đi bởi điều hâu, nó mới than khóc: ‘Tôi thật xui xẻo, thật ít phước đức (nên mới bị như vậy)! Tôi đã ra khỏi khu vực (lãnh địa, trú xứ) của mình, đã lạc qua lãnh địa của người khác. Nếu hôm nay tôi ở trong khu vực của tôi, trong lãnh địa của tổ tiên tôi, thì điều hâu không có cơ hội nào thắng tôi, nếu có đánh nhau.’

- ‘Nhưng, này chim cút, khu vực của ngươi là đâu, lãnh địa của tổ tiên ngươi ở đâu?’

- ‘Là đồng cỏ mới cày có những ụ đất lồi lõm’.

“Rồi con điều hâu, tin tưởng vào sức mạnh của mình, không khoác lác về sức mạnh của mình,¹³¹ mới thả con chim cút ra và nói: ‘Ê, chim cút, giờ thì chạy đi, coi thử ở (lãnh địa) đó ngươi có trốn thoát khỏi ta hay không.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, lúc đó con chim cút liền chạy tới đồng cỏ mới

cây có những ụ đất lồi lõm. Sau khi trèo lên một ụ đất lớn, nó đứng đó và nói với điều hâu: ‘Đến bắt ta đi, điều hâu! Đến bắt ta đi, điều hâu!’

“Rồi con điều hâu, tin tưởng vào sức mạnh của mình, không khoác lác về sức mạnh của mình, mới xếp đôi cánh lại và lao nhanh xuống và gấp lấy con chim cú. Nhưng khi chim cú biết ‘Điều hâu đã áp sát’, trong giây khắc đó nó lũi ngay xuống bên dưới ụ đất, và con điều hâu lỡ trớn đập vào ụ đất, bị bẻ ngực ngay tại chỗ. Như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong bất cứ thời nào ai (lần này là điều hâu) ra khỏi khu vực của mình và lạc qua lãnh địa của người khác thì sẽ bị như vậy.

(1) “Do vậy, này các Tỳ kheo, đừng đi ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác. Ma Vương sẽ đạt được sự tiếp cận vào (nhập vào, chụp được, bắt được) những ai đi ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác; Ma Vương sẽ bắt được họ ngay.¹³²

- “Và cái gì không phải là trú xứ của một Tỳ kheo mà là lãnh địa của người khác? Đó là *năm dây khoái-lạc giác quan* (ngũ dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc [sắc] được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Những âm-thanh [thanh] được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương [hương] được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị [vị] được nhận biết bởi lưỡi ... Những đối-tượng chạm xúc [xúc] được nhận biết bởi thân thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan. Đây là những thứ không phải là trú xứ của các Tỳ kheo mà thuộc lãnh địa của người khác.

(2) “Này các Tỳ kheo, hãy đi trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình. Ma Vương không thể đạt được sự tiếp cận vào những người ở trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình; Ma Vương sẽ không bắt được họ.

- “Và cái gì là trú xứ của các Tỳ kheo? Đó là ‘*bốn nền tảng chánh-niệm*’ (tứ niệm xứ). Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân* trong thân [thân], nhiệt thành, rõ-biết (tinh giác), có

chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác* [thọ] ... *tâm trong tâm* [tâm] ... *pháp trong pháp* [pháp], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây là trú xứ của một Tỳ kheo, là trú xứ của tổ tiên mình.”

(SN 47:06)

7 (7) Con Khí

“Này các Tỳ kheo, trên dãy núi Himalaya, vua của các ngọn núi, có những vùng gập ghềnh và hiểm trở mà những con khí và con người không thể đi qua; có những vùng gập ghềnh và hiểm trở khí có thể đi qua, nhưng người không thể đi qua; có những vùng bằng phẳng và đáng thích cả khí và người đều có thể đi lại được. Ở đó, dọc theo đường mòn khí đi, những thợ săn đã đặt nhiều bẫy keo dính (trét nhựa thông, nhựa keo) để bắt khí.

“Một con khí không ngu dại thấy được cái bẫy và tránh nó từ xa. Nhưng con khí ngu dại thì sờ tay vào bẫy dính và bị dính tay. Nó nghĩ “Ta phải gỡ tay ra”, nó dùng tay kia để gỡ và bị dính tay đó luôn. Nó nghĩ “Ta phải gỡ hai tay của ta ra”, dùng chân để đạp cái bẫy và bị dính chân luôn. Nó nghĩ “Ta phải gỡ hai tay và hai chân”, nó dùng miệng để đẩy cái bẫy và nó bị dính miệng luôn ở đó.

“Này các Tỳ kheo, con khí nằm đó kêu la, với năm-chỗ bị dính chặt. Nó đã bị dính vào tai nạn và thảm họa, và giờ người thợ săn muốn làm gì nó thì làm. Lúc đó thợ săn chỉ việc đâm chết con khí, cột nó vào tấm gỗ dính đó,¹³³ rồi (mang, vác nó) đi về đâu tùy ý mình. Như vậy đó, này các Tỳ kheo, nếu ai đi ra khỏi trú xứ của mình và đi lạc vào lãnh địa của người khác thì sẽ bị như vậy.

(1) “Do vậy, này các Tỳ kheo, đừng ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác. Ma Vương sẽ đạt được sự tiếp cận vào (nhập vào, chụp được, bắt được) những ai ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua

lãnh địa của người khác; Ma Vương sẽ bắt được họ ngay.

“Và cái gì không phải là trú xứ của một Tỳ kheo mà là lãnh địa của người khác? Đó là *năm dây khoái-lạc giác quan* (ngũ dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc [sắc] được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Những âm-thanh [thanh] được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương [hương] được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị [vị] được nhận biết bởi lưỡi ... Những đối-tượng chạm xúc [xúc] được nhận biết bởi thân thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan. Đây là những thứ không phải là trú xứ của các Tỳ kheo mà thuộc lãnh địa của người khác.

(2) “Này các Tỳ kheo, hãy đi trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình. Ma Vương không thể đạt được sự tiếp cận vào những người ở trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình; Ma Vương sẽ không bắt được họ.

- “Và cái gì là trú xứ của các Tỳ kheo? Đó là ‘*bốn nền tảng chánh-niệm*’ (Tứ niệm xứ). Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân* trong thân [thân], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác* [thọ] ... *tâm trong tâm* [tâm] ... *pháp trong pháp* [pháp], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây là trú xứ của một Tỳ kheo, là trú xứ của tổ tiên mình.”

(SN 47:07)

8 (8) Người Đầu Bếp

[i. Đầu Bếp Dở]

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đầu bếp dở, ngu dại, không

khéo léo, dâng lên một nhà vua hay một đại thần nhiều món cà-ri khác nhau: chua, đắng, cay, ngọt, nặng mùi, nhẹ mùi, mặn, lạt.

“Người đầu bếp dở, ngu dại, không khéo léo đó không tiếp thu dấu-hiệu về chủ của mình thích món nào,¹³⁴ như: ‘Bữa nay món cà-ri này làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món này, hoặc chủ mình ăn món này nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món này; hoặc món cà-ri chua làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món cà-ri chua, hoặc chủ mình ăn món cà-ri chua nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món cà-ri chua; hoặc món cà-ri đắng ... hoặc món cà-ri cay ... hoặc món cà-ri ngọt ... hoặc món cà-ri nặng mùi ... hoặc món cà-ri ... hoặc món cà-ri nhẹ mùi ... hoặc món cà-ri mặn ... hoặc món cà-ri lạt.’

“Người đầu bếp dở, ngu dại, không khéo léo đó sẽ không được nhận [ban thưởng] quần áo, lương bổng, và tiền thưởng. Vì lý do gì? Vì người đầu bếp dở, ngu dại, không khéo léo đó không nắm bắt được (không biết được, không tiếp thu) dấu-hiệu chủ mình thích món nào. (để nấu và phục vụ những món mà chủ mình ưa thích)

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có mấy Tỳ kheo dở, ngu dại, không thiện khéo an trú quán sát *thân trong thân*—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Trong khi họ an trú quán sát *thân trong thân*, tâm của họ không đạt-định, những hư-nhiễm của họ không được dẹp-bỏ, nhưng họ không nắm bắt được dấu-hiệu đó.¹³⁵ Họ an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi họ an trú *quán sát pháp trong pháp*, tâm của họ không đạt-định, những hư-nhiễm của họ không được dẹp-bỏ, họ không nắm bắt được dấu-hiệu đó.

“Mấy Tỳ kheo dở, ngu dại, không thiện khéo đó không đạt được những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này, cũng không có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, mấy Tỳ kheo đó không nắm bắt dấu-hiệu của tâm mình.

[ii. Đầu Bếp Giỏi]

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo, dâng lên một nhà vua hay một đại thần nhiều món cà-ri khác nhau: chua, đắng, cay, ngọt, nặng mùi, nhẹ mùi, mặn, lạt.¹³⁶

“Người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo đó bắt được dấu-hiệu về chủ của mình thích món nào, như: ‘Bữa nay món cà-ri này làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món này, hoặc chủ mình ăn món này nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món này; hoặc món cà-ri chua làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món cà-ri chua, hoặc chủ mình ăn món cà-ri chua nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món cà-ri chua; hoặc món cà-ri đắng ... hoặc món cà-ri cay ... hoặc món cà-ri ngọt ... hoặc món cà-ri nặng mùi ... hoặc món cà-ri ... hoặc món cà-ri nhẹ mùi ... hoặc món cà-ri mặn ... hoặc món cà-ri lạt.’

“Người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo đó sẽ được nhận [ban thưởng] quần áo, lương bổng, và tiền thưởng. Vì lý do gì? Vì người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo đó biết bắt được dấu-hiệu chủ mình thích món nào.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có mấy Tỳ kheo giỏi, khôn trí, thiện khéo, an trú quán sát *thân trong thân*—nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi họ an trú quán sát *thân trong thân*, tâm của họ đạt-định, những hư-nhiễm của họ được dẹp-bỏ, họ bắt được dấu-hiệu đó. Họ an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*—nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi họ an trú *quán sát pháp trong pháp*, tâm của họ đạt-định, những hư-nhiễm của họ được dẹp-bỏ, họ bắt được dấu-hiệu đó.

“Mấy Tỳ kheo giỏi, khôn trí, thiện khéo đó có được những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này, họ cũng có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, mấy Tỳ kheo đó biết bắt được dấu-

hiệu của tâm mình.”

(SN 47:08)

9 (9) Bệnh

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong một ngôi làng nhỏ tên là Làng Tre (Beluvagāma). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Nào, này các Tỳ kheo, hãy nhập trú kỳ an cư Mùa Mưa (kiết hạ) ở chỗ nào các thầy có đạo hữu, hay người quen biết, hay người thân ở lân cận thành Vesālī. Còn ta sẽ nhập trú kỳ an cư Mùa Mưa trong Làng Tre này.”¹³⁷

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại, và họ đã đi trú qua kỳ an cư Mùa Mưa ở nơi họ có đạo hữu, hay người quen biết, hay người thân ở lân cận thành Vesālī, trong khi đức Thế Tôn nhập trú mùa mưa ngay trong Làng Tre đó.

Rồi, sau khi đức Thế Tôn nhập trú kỳ an cư mùa mưa, một cơn bệnh nặng đã phát sinh trong đức Thế Tôn và những sự đau đớn kinh khủng gần như chết đã tấn công đức Thế Tôn. Nhưng đức Thế Tôn đã chịu đựng chúng, có chánh-niệm và thường rõ-biết, không để bị sàu não. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với đức Thế Tôn: “Thật không phù hợp với ta nếu ta Bát niết-bàn mà không nói cho những người phụ cận và không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Vậy ta sẽ khống chế cơn bệnh bằng sự nỗ-lực tu (tinh tấn) và sống tiếp, sau khi đã ổn định sự tạo-tác sự-sống (hành sinh mạng).”¹³⁸ Rồi đức Thế Tôn đã khống chế cơn bệnh bằng phương tiện là sự nỗ-lực, và sống tiếp, sau khi đã ổn định sự tạo-tác sự-sống.

Rồi đức Thế Tôn đã phục hồi khỏi cơn bệnh. Ngay sau khi hồi phục, đức Thế Tôn ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật, thiên trú) và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn dưới mái hiên phía sau chỗ ẩn trú. Rồi Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với

đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời rằng Thế Tôn, đang chịu đựng tốt; thật tuyệt vời rằng Thế Tôn đã hồi phục!¹³⁹ Nhưng, thưa Thế Tôn, khi Thế Tôn bị bệnh thì thân con như bị trúng thuốc vậy, con bị mất phương hướng, các thứ đều không rõ ràng với con. Tuy nhiên con vẫn còn nhiều sự an ủi này: ‘Chắc đức Thế Tôn sẽ không Bát niết-bàn mà không nói vài lời tuyên bố (di huấn, di chúc, chỉ thị, căn dặn ...) với Tăng Đoàn các Tỳ kheo.’”

- “Này Ānanda, Tăng Đoàn các Tỳ kheo còn trông đợi gì ở ta nữa? Này Ānanda, ta đã chỉ dạy Giáo Pháp mà không phân biệt bên trong và bên ngoài.¹⁴⁰ Đối với những giáo lý, Như Lai đâu còn giấu gì trong nắm tay của người thầy. Này Ānanda, nếu có ai nghĩ rằng ‘Mình sẽ lãnh đạo Tăng Đoàn Tỳ kheo’ hoặc ‘Tăng Đoàn Tỳ kheo sẽ chịu sự chỉ đạo của mình’, thì đó mới là người nên nói mấy lời tuyên bố liên quan tới Tăng Đoàn Tỳ kheo. Nhưng, này Ānanda, đối với Như Lai điều đó là không có, không có cái sự ‘Ta sẽ lãnh đạo Tăng Đoàn Tỳ kheo’ hay ‘Tăng Đoàn Tỳ kheo sẽ theo sự chỉ đạo của ta’, do vậy, tại sao Như Lai phải nói mấy lời tuyên bố liên quan đến Tăng Đoàn Tỳ kheo? Này Ānanda, giờ ta đã già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã gần hết cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối. Giờ ta đã tám mươi tuổi. Giống như một cỗ xe già cỗi còn chạy được nhờ một sự kết hợp của những dây chằng giữ (để khỏi bị bung rã),¹⁴¹ cũng vậy dường như thân của Như Lai còn vận hành được nhờ một sự kết hợp của những dây chằng.

- “Này Ānanda, khi nào, nhờ *sự không chú-tâm* (không tác-ý) tới mọi dấu-hiệu (tướng) và nhờ *sự chấm-dứt* một số cảm-giác, Như Lai chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu của tâm (vô tướng định), thì trong thời đó, này Ānanda, thân của Như Lai được dễ chịu an ổn hơn.¹⁴² Vì vậy, này Ānanda, hãy sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác. Và, này Ānanda, theo cách nào một Tỳ kheo sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa

mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác? [Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... *tâm trong tâm* ... *pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.] (*thiền tứ niệm xứ*)

“Này Ānanda, những Tỳ kheo nào, bây giờ hoặc sau khi ta mất, là những người sống (an trú) lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác— thì đối với ta, này Ānanda, chính những Tỳ kheo đó là bậc cao nhất trong số những người thiết tha tu tập.”¹⁴³

(SN 47:09)

10 (10) Khu Ở Cửa Các Tỳ Kheo Ni

Lúc đó, vào buổi sáng Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo cà sa và bình bát, thầy ấy đi đến khu ở của các Tỳ kheo ni, và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi một số Tỳ kheo ni đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy Ānanda, ở đây có một số Tỳ kheo ni sống với tâm được khéo thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’, nhận thức (chứng ngộ) lần lượt những giai đoạn khác-biệt cao hơn.¹⁴⁴

“Phải vậy, này các ni, phải là vậy! Điều đó có thể trông đợi từ bất cứ ai, này các ni—dù là Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni—ai sống với một cái tâm được khéo thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’, thì người đó sẽ lần lượt đạt tới những giai đoạn khác-biệt cao hơn.”

Rồi thầy Ānanda đã chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan

hỷ các Tỳ kheo ni bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi thầy Ānanda đi khát thực trong thành Sāvattthī. Sau khi đã đi một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, thầy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn mọi chuyện đã xảy ra. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Phải vậy, này Ānanda, phải là vậy! Điều đó có thể trông đợi từ bất cứ ai—dù là Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni—ai sống với một cái tâm được khéo thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’, thì người đó sẽ lần lượt đạt tới những giai đoạn khác-biệt cao hơn.”

(1) “Bốn đó là gì? Này Ānanda, ở đây một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Trong khi người đó đang quán sát thân trong thân, thì trên cơ sở thân, có khởi sinh trong người đó cơn-sốt trong thân hoặc sự trì-trệ của tâm, hoặc cái tâm bị xao lãng ra bên ngoài. Vậy thì Tỳ kheo đó nên hướng tâm mình tới một ‘dấu-hiệu tạo cảm hứng’ nào khác.¹⁴⁵ Khi người đó hướng tâm mình tới một dấu-hiệu tạo cảm hứng, thì sự vui-mừng (vui) sinh ra. Khi người đó được vui-mừng, thì sự hoan-hỷ (hỷ) sinh ra. Khi tâm được nâng bổng bởi sự hoan-hỷ, thì thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người được tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm niềm hạnh-phúc (tâm lạc). Tâm của một người hạnh-phúc thì trở nên đạt-định (định). Người đó quán chiếu như vậy: ‘*Cái mục-đích, vì nó mà ta đã chuyển hướng tâm mình, giờ đã đạt được. Giờ ta rút lui khỏi nó.*’¹⁴⁶ Vì vậy người đó rút (thu) tâm lại, và không nghĩ (tâm) hay soi xét (tứ) nữa. Người đó hiểu rằng: ‘Không còn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm, hết tứ), có chánh-niệm bên trong, ta hạnh-phúc (tâm lạc).’¹⁴⁷

“Lại nữa, một Tỳ kheo an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi người đó đang quán sát thân trong thân, thì trên cơ sở thân, có khởi sinh trong người đó cơn-sốt trong thân hoặc sự trì-trệ của

tâm, hoặc cái tâm bị xao lãng ra bên ngoài. Vậy thì Tỳ kheo đó nên hướng tâm mình tới một ‘dấu-hiệu tạo cảm hứng’ nào khác. Khi người đó hướng tâm mình tới một dấu-hiệu tạo cảm hứng, thì sự vui-mừng (vui) sinh ra. Khi người đó vui-mừng, thì sự hoan-hỷ (hỷ) sinh ra ... Người đó hiểu rằng: ‘Không còn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm, hết tứ), có chánh-niệm bên trong, ta hạnh-phúc (tâm lạc).’

“Này Ānanda, chính theo cách như vậy là có sự thiền-tập có đối-hướng (đối hướng chú tâm qua đối-tượng thiền khác).¹⁴⁸

(2) “Và bây giờ, này Ānanda, theo cách nào thì có sự thiền-tập không đối-hướng (không đối hướng chú tâm qua đối-tượng thiền khác)?

(i) “Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm của ta không bị chuyển hướng ra bên ngoài’. Rồi người đó hiểu: ‘Tâm trước và sau không bị thu hẹp (o ép, gò bó), được giải thoát, không bị chuyển hướng’.¹⁴⁹ Rồi người đó hiểu thêm: ‘Ta an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm; ta hạnh phúc (tâm lạc).’

(ii) “Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm của ta không bị chuyển hướng ra bên ngoài’. Rồi người đó hiểu: ‘Tâm trước và sau không bị thu hẹp, được giải thoát, không bị chuyển hướng’. Rồi người đó hiểu thêm: ‘Ta an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm-giác*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, ta hạnh phúc (tâm lạc).’

(iii) “Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm của ta không bị chuyển hướng ra bên ngoài’. Rồi người đó hiểu: ‘Tâm trước và sau không bị thu hẹp, được giải thoát, không bị chuyển hướng’. Rồi người đó hiểu thêm: ‘Ta an trú quán sát *tâm trong tâm*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, ta hạnh phúc (tâm lạc).’

(iv) “Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm của ta không bị chuyển hướng ra bên ngoài’. Rồi người đó hiểu: ‘Tâm trước và sau không bị o ép, được giải thoát, không bị chuyển hướng’. Rồi người đó hiểu thêm: ‘Ta an trú quán sát *pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm; ta hạnh phúc (tâm lạc).’

“Này Ānanda, chính theo cách như vậy là có sự thiền-tập không đỗi-hướng.

“Như vậy, này Ānanda, ta đã chỉ dạy sự thiền-tập có đỗi-hướng, ta đã chỉ dạy sự thiền tập không đỗi-hướng. Này Ānanda, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử, mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong. Này Ānanda, đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Hãy thiền tập, này Ānanda, đừng lơ tâm xao lãng để sau này phải hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.

(SN 47:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘NĀLANDĀ’

(*Nālanda-vagga*)

11 (1) *Vĩ Nhân*

Ở Sāvathī. Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một vĩ nhân, một vĩ nhân’.¹⁵⁰ Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là vĩ nhân?”

“Này Xá-lợi-phất, với một cái tâm được giải-thoát, một người là một vĩ nhân, ta nói vậy. Không có một cái tâm được giải-thoát, một người không phải là một vĩ nhân, ta nói vậy.

“Và, này Xá-lợi-phất, theo cách nào một người có một cái tâm được giải-thoát? Ở đây, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát thân trong thân, tâm trở nên chán-bỏ, và nhờ sự không còn chấp-thủ, tâm được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm.

“Người đó an trú quán sát *những cảm-giác trong những cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Khi người đó an trú *quán sát pháp trong pháp*, tâm trở nên chán-bỏ, và nhờ sự không còn chấp-thủ, tâm được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm.

“Này Xá-lợi-phất, chính theo cách như vậy là một người có tâm được giải-thoát. Với một cái tâm được giải-thoát, này Xá-lợi-phất, một người là một vĩ nhân, ta nói vậy. Không có một cái tâm được giải-thoát, một người không phải là một vĩ nhân, ta nói vậy.”

(SN 47:11)

12 (2) *Nālandā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā trong khu Vườn Xoài của Pāvārika. Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: ¹⁵¹

“Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại có hiểu-biết hơn đức Thế Tôn về phương diện giác-ngộ.”

“Này Xá-lợi-phất, lời của thầy cất lên thật cao quý, thầy đã cất tiếng gầm sư tử đồng đạc, dứt khoát, ¹⁵² rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại có hiểu-biết hơn đức Thế Tôn về phương diện giác-ngộ.’ Này Xá-lợi-phất, thầy đã bao giờ bằng tâm mình bao trùm các tâm của tất cả những A-la-hán, những bậc Toàn Giác, đã xuất hiện trong *quá khứ*, và thầy đã biết rõ như vậy: ‘Những bậc Thế Tôn đó với giới-hạnh (giới) như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh (hạnh) như vậy, hoặc với trí-tuệ (tuệ) như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải-thoát như vậy’, ¹⁵³ hay chưa?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”,

“Rồi, này Xá-lợi-phất, thầy đã bao giờ bằng tâm mình bao trùm các tâm của tất cả những A-la-hán, những bậc Toàn Giác, sẽ xuất hiện trong *tương lai*, và thầy đã biết rõ như vậy: ‘Những bậc Thế Tôn đó với giới-hạnh (giới) như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh (hạnh) như vậy, hoặc với trí-tuệ (tuệ) như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải-thoát như vậy’, hay chưa?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”,

“Rồi, này Xá-lợi-phất, thầy đã bao giờ bằng tâm mình bao trùm tâm của ta—ta hiện tại là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác—và thầy đã biết rõ như vậy: ‘Ta (Đức Phật, Như Lai) với giới-hạnh (giới) như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh (hạnh) như vậy, hoặc với trí-tuệ (tuệ) như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải-thoát như vậy’, hay

chưa?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”,

“Này Xá-lợi-phất, trong khi thầy chưa có sự-biết bằng cách bao trùm các tâm của những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, vậy tại sao thầy có thể cất lên lời phát biểu đó và cất lên tiếng gầm sư tử một cách đồng dạng rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại có hiểu-biết hơn đức Thế Tôn về phương diện giác-ngộ’ như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, con không có sự-biết bằng cách bao trùm các tâm của những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, nhưng con vẫn hiểu được điều này *bằng cách suy luận từ Giáo Pháp*.¹⁵⁴ Thưa Thế Tôn, ví dụ có một thành trì ở biên cương của một nhà vua, có những thành lũy và tháp canh được xây trên những nền móng kiên cố, và chỉ có một cổng ra vào. Và người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi việc, và thông minh, kinh nghiệm và cảnh giác, người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Khi người gác cổng đi rảo hết con đường bao bọc tường thành, ông ấy không nhận thấy có một lỗ hổng hay kẽ hở nào thậm chí đủ lớn để một con mèo có thể chui qua được. Do vậy ông ấy (suy luận) biết chắc rằng: ‘Mọi sinh vật lớn hơn (như người và vật lớn hơn mèo) muốn ra vào thành trì này thì phải đi qua một cổng chính đó mà thôi.’”

“Cũng giống như vậy, thưa Thế Tôn, con đã hiểu được điều đó bằng cách suy luận từ Giáo Pháp như vậy: Những A-la-hán, bậc Toàn Giác đã xuất hiện trong *quá khứ*, tất cả những bậc Thế Tôn đó đều trước hết đã (i) dẹp bỏ *năm chướng-ngại* (ngũ triền cái), đó là những hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ; và sau đó, (ii) với tâm họ được thiết-lập vững chắc trong ‘*bốn nền tảng chánh-niệm*’ (tứ niệm xứ), (iii) họ đã tu tập ‘*bảy chi giác-ngộ*’ (thất giác chi) một cách chánh đúng; và nhờ đó họ đã tỉnh thức tới một mức độ giác-ngộ hoàn thiện vô thượng.¹⁵⁵

“Và, thưa Thế Tôn, những A-la-hán, bậc Toàn Giác sẽ xuất hiện trong tương lai, tất cả những bậc Thế Tôn đó đều trước hết sẽ (i) dẹp bỏ năm chướng-ngại, đó là những hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ; và sau đó, (ii) với tâm họ được thiết-lập vững chắc trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ), (iii) họ sẽ tu tập ‘bảy chi giác-ngộ’ (thất giác chi) một cách chánh đúng; và nhờ đó họ sẽ tỉnh thức tới một mức độ giác-ngộ hoàn thiện vô thượng.

“Và, thưa Thế tôn, đức Thế Tôn, là một A-la-hán, bậc Toàn Giác đang xuất hiện trong hiện tại, đức Thế Tôn cũng trước hết đã (i) dẹp bỏ năm chướng-ngại, đó là những hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ; và sau đó, (ii) với tâm mình được thiết-lập vững chắc trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ), đức Thế Tôn đã (iii) tu tập ‘bảy chi giác-ngộ’ (thất giác chi) một cách chánh đúng; và nhờ đó đức Thế Tôn đã tỉnh thức tới một mức độ giác-ngộ hoàn thiện vô thượng.

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phát! Vậy thì, này Xá-lợi-phát, thầy nên lặp lại lời thuyết giảng Giáo Pháp này một cách đều đặn cho các Tỷ kheo và Tỷ kheo ni, cho những người đệ tử tại gia nam và nữ. Ngay cả những người ngu si có thể có sự nghi-ngờ hay sự không chắc-chắn về Như Lai, khi họ nghe lời thuyết giảng này, sự nghi-ngờ hay sự không chắc-chắn đối với Như Lai sẽ được dẹp bỏ.”¹⁵⁶

(SN 47:12)

13 (3) Ngài Cunda

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.¹⁵⁷ Bảy giờ, lúc đó có Ngài Xá-lợi-phát đang sống giữa xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha), trong làng Nālaka (Nālakagāma)—đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết—và sa-di Cunda là người hầu cận của thầy ấy. Rồi do cơn bạo bệnh đó, thầy Xá-lợi-phát đã bát niết-bàn.¹⁵⁸

Sa-di Cunda đã mang bình bát và cà sa của thầy Xá-lợi-phát đi đến

Sāvattthī (Xá-vệ), đến Khu Vườn Jeta, chỗ Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Rồi thầy ấy gặp Ngài Ānanda, kính lễ, ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Thưa thầy, thầy Xá-lợi-phất đã bát niết-bàn. Đây là bình bát và cà-sa của thầy ấy.”

“Này đạo hữu Cunda, về tin tức này chúng ta nên đến gặp đức Thế Tôn. Này, đạo hữu Cunda, chúng ta hãy cùng đến chỗ đức Thế Tôn và báo lại sự việc này cho đức Thế Tôn.”

“Được, thưa thầy”, sa-di Cunda đáp lại.

Rồi thầy Ānanda và sa-di Cunda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ‘sa-di Cunda’ này mới nói thầy Xá-lợi-phất đã bát niết-bàn, và đây là bình bát và cà-sa của thầy ấy. Thưa Thế Tôn, từ lúc con nghe thầy Xá-lợi-phất đã bát niết-bàn, thân con như bị dính thuốc, con bị mất phương hướng, các thứ không còn rõ ràng đối với con.” ¹⁵⁹

- “Tại sao vậy, này Ānanda, khi thầy Xá-lợi-phất bát niết-bàn thầy ấy có lấy đi ‘mớ [đống, uản] giới-hạnh’ nào của thầy, hay ‘mớ thiền-định’ nào của thầy, hay ‘mớ trí-tuệ’ nào của thầy, hay ‘mớ giải-thoát’ nào của thầy, hay ‘mớ trí-biết và tầm-nhìn’¹⁶⁰ nào của thầy, hay không?”

“Không, không có vậy, thưa Thế Tôn. Nhưng đối với con thầy Xá-lợi-phất là người cố vấn và người chỉ giáo, người đã chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ con.¹⁶¹ Thầy ấy đã không biết mệt mỏi trong việc chỉ dạy Giáo Pháp; thầy ấy giúp ích cho các huynh đệ trong đời sống tâm linh. Chúng con tưởng nhớ dưỡng chất Giáo Pháp, tài sản Giáo Pháp, sự giúp ích của Giáo Pháp đã được thầy Xá-lợi-phất ban cho.”

- “Nhưng, này Ānanda, bộ ta đã chưa từng nói rằng chúng ta đều sẽ bị chia cách, bị xa lìa, và bị cắt đứt với tất cả mọi người thân thuộc và mọi thứ mình yêu thích, hay sao? Này Ānanda, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện (hữu vi) và phải bị tan hoại sẽ

không bị tan hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể. Giống như một nhánh lớn nhất đã rụng khỏi của một cây lớn đang đứng có được gỗ lõi: cũng giống như vậy, này Ānanda, trong Tăng Đoàn lớn đang đứng có được cốt-lõi, thầy Xá-lợi-phất đã (lìa khỏi) bát niết-bàn. Này Ānanda, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện, và phải bị tan hoại sẽ không bị tan hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể.

“Do vậy, này Ānanda, hãy sống (an trú) lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác. Và, này Ānanda, theo cách nào một Tỳ kheo sống lấy chính mình là hòn đảo của mình ... không nương tựa chỗ khác. [Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... *tâm trong tâm* ... *pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.] (*thiền tứ niệm xứ*)

“Này Ānanda, những Tỳ kheo nào, bây giờ hoặc sau khi ta mất, là những người sống (an trú) lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác— thì đối với ta, này Ānanda, chính những Tỳ kheo đó là bậc cao nhất trong số những người thiết tha tu tập.”

(SN 47:13)

14 (4) Ở Ukkacelā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Vajji (Bạt-kỳ) ở Ukkacelā, bên bờ sông Hằng, cùng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo, không lâu

sau khi Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Mục-kiền-liên đã bát niết-bàn.¹⁶² Bây giờ, lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi ở ngoài trời, xung quanh là Tăng đoàn Tỳ kheo.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi quan sát sự im lặng của đoàn Tỳ kheo, đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, đối với ta hội chúng này giờ như trống-không khi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã bát niết-bàn. Khi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên còn sống, hội chúng này không bao giờ là trống-không đối với ta,¹⁶³ và ta không quan tâm đến phương nào mà Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đang trú trong đó.

“Những bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong quá khứ cũng có cặp đệ tử kiệt xuất như ta có Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Những bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong tương lai cũng có cặp đệ tử kiệt xuất như ta có Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

“Này các Tỳ kheo, thật tuyệt vời về phần của các đệ tử, thật kỳ diệu về phần các đệ tử: rằng họ sẽ làm đúng theo những sự chỉ dạy của Vị Thầy (Phật) và tuân thủ theo những lời khuyên bảo của Vị Thầy, rằng họ sẽ được quý mến và hài lòng bởi bốn hội chúng, rằng họ sẽ được tôn trọng và kính trọng bởi bốn hội chúng.¹⁶⁴ Này các Tỳ kheo, thật tuyệt vời về phần của Như Lai, thật kỳ diệu về phần của Như Lai: rằng sau khi cặp đệ tử như vậy đã bát niết-bàn, không có sự buồn sầu hay ai oán (sầu bi) trong Như Lai.

“Này các Tỳ kheo, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện (hữu vi) và phải bị tan hoại sẽ không bị tan hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể. Giống như một nhánh lớn nhất đã rụng khỏi của một cây lớn đang đứng có được gõ lõi: cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong Tăng Đoàn lớn đang đứng có được cốt-lõi, thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã (liạ khỏi) bát niết-bàn. Này các Tỳ kheo, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện, và phải bị tan hoại sẽ không bị tan hoại!’ thì làm sao

có được? Điều đó là không thể.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, hãy sống (an trú) lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo sống lấy chính mình là hòn đảo của mình ... không nương tựa chỗ khác. [Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... *tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.] (*thiền tứ niệm xứ*)

“Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào, bây giờ hoặc sau khi ta mất, là những người sống (an trú) lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác— thì đối với ta, này các Tỳ kheo, chính những Tỳ kheo đó là bậc cao nhất trong số những người thiết tha tu tập.”

(SN 47:14)

15 (5) Ngài Bāhiya

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Bāhiya đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Được rồi, này Bāhiya, hãy thanh lọc ngay điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành.¹⁶⁵ Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Giới-hạnh phải được thanh lọc tốt và cách-nhìn phải được chánh trực. Rồi, này Bāhiya, sau khi phần giới-hạnh của thầy được thanh lọc tốt và cách-nhìn của thầy được chánh trực, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách ba-phần.

- “Bốn đó là gì? Ở đây, này Bāhiya, hãy an trú *quán sát thân trong thân ở (i) bên-trong*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Hãy an trú quán sát thân trong thân ở *(ii) bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát thân trong thân ở *(iii) bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

- “Hãy an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác ... ở bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát *tâm trong tâm ... ở bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy an trú quán sát *pháp trong pháp ... ở bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

- “Này Bāhiya, khi, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách ba-phần (bên-trong, bên-ngoài, và bên-trong và bên ngoài) như vậy, thì, dù là ngày hay đêm, có thể trông đợi sự gia tăng những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự gia giảm.”

Rồi thầy Bāhiya, sau khi hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, và đi ra.

Rồi, sau khi ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Bāhiya, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chính rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

Và thầy Bāhiya đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 47:15)

16 (6) Ngài Uttiya

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Uttiya đến gặp đức Thế Tôn ... [*tiếp tục giống kinh kể trên cho đến:*] ... sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

- “Này Uttiya, khi thầy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách như vậy, thì thầy sẽ vượt khỏi cõi Chết.”

Rồi thầy Uttiya, sau khi hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi ... [*tiếp tục đoạn cuối giống kinh kể trên*] ...

Và thầy Uttiya đã trở thành một trong những A-la-hán.

(SN 47:16)

17 (7) Thánh Thiện

“Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh-thiện và mang tính giải-thoát; chúng sẽ dẫn dắt người

thực hành chúng đi đến sự hoàn toàn diệt-khô. Bốn đó là gì? [Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... *tâm trong tâm* ... *pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.]

“Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh-thiện và mang tính giải-thoát; chúng dẫn người tu tập chúng đi đến sự hoàn toàn diệt-khô.”

(SN 47:17)

18 (8) Vị Trời

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên-thiền), dưới gốc cây Đa (Banyan) của người Chấn Dê, ngay sau khi giác-ngộ toàn thiện. Rồi, khi đức Thế Tôn đang ở một mình trong sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú), một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vậy:

đây là con đường một-chiều (trực dẫn) để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn-sầu và ai-oán (sầu bi), để làm phai biến sự khổ và buồn-phiền (khổ ưu), để thành tựu một phương-pháp, để chứng ngộ Niết-bàn, đó là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ). Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-khát (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... *tâm trong tâm* ... *pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-khát (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.”

Lúc đó vị Trời Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán

chiều trong tâm đức Thế Tôn, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn.¹⁶⁶

Vị trời chỉnh lại y áo trên một vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, và thưa:

“Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, đây là con-đường một-chiều để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh ... [*như đoạn trên*] ... đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

Đây là lời vị Trời Sahampati đã nói. Sau khi nói xong, vị Trời nói thêm như vậy:

“Bậc nhìn thấy sự tiêu diệt sự-sinh,
 Đây bi-mẫn, biết rõ con-đường một-chiều,
 Nhờ đó, trong quá khứ họ đã vượt qua con lũ,
 Nhờ đó, họ đang và sẽ vượt qua con lũ.”

(SN 47:18)

19 (9) Ở Làng Sedaka

Trong một lần đức Thế Tôn sống giữa xứ dân Sumbha, ở một thị trấn của họ tên là Sedaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, trước kia có một người thợ xiếc nhào lộn dựng cây tre và nói với người học nghề (thợ phụ) của ông tên là Medakathālikā như vậy:¹⁶⁷ ‘Này con Medakathālikā, hãy trèo lên cây tre và đứng trên vai ta’. Người học nghề đáp lại ‘Dạ, thưa thầy’, và leo lên cây tre và đứng trên hai vai thầy. Rồi người thợ xiếc nói với Medakathālikā: ‘Này Medakathālikā, con canh chừng [phòng hộ, bảo vệ] cho ta và ta sẽ canh chừng cho con. Như vậy đó, mỗi người được canh chừng bởi người kia, được phòng hộ bởi người kia, chúng ta sẽ biểu diễn các kỹ năng, thu tiền, và leo xuống một cách an toàn’. Khi điều này được nói ra, cô gái học nghề Medakathālikā mới trả lời: ‘Thưa thầy, đó không phải là cách đúng. Thầy canh chừng cho thầy, và con sẽ canh phòng cho con. Như vậy, mỗi người được tự mình canh chừng và tự mình phòng hộ, chúng ta sẽ biểu diễn các kỹ

năng, thu tiền, và leo xuống khỏi cây tre an toàn’.¹⁶⁸

“Đó mới đúng là phương pháp”, đức Thế Tôn nói. “Đúng như lời của cô gái học nghề nói với người thầy. ‘Ta sẽ phòng hộ chính mình’, này các Tỳ kheo: như vậy ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập. ‘Ta sẽ phòng hộ người khác’: như vậy ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập. Này các Tỳ kheo, phòng hộ chính mình là phòng hộ người khác; phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào thì phòng hộ chính mình là phòng hộ người khác? Bằng cách theo đuổi, tu tập và tu dưỡng [‘bốn nền tảng chánh-niệm’]. Chính theo cách như vậy thì phòng hộ chính mình là phòng hộ người khác.¹⁶⁹

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào thì phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình? Bằng sự nhẫn-nghĩ, sự vô-hại, tâm-từ, và tâm-bi. Chính theo cách như vậy thì phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình.¹⁷⁰

“Này các Tỳ kheo, ‘Ta sẽ phòng hộ chính mình’: như vậy ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập. Này các Tỳ kheo, ‘Ta sẽ phòng hộ người khác’: như vậy ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập. Này các Tỳ kheo, phòng hộ chính là phòng hộ người khác; phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình.”

(SN 47:19)

20 (10) Hoa Hậu Của Vùng Đất

Trong một lần đức Thế Tôn sống giữa xứ dân Sumbha, ở đó có một thị trấn của họ tên là Sedaka. Ở đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”.

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:¹⁷¹

“Này các Tỳ kheo, ví dụ khi nghe có ‘Hoa hậu của vùng đất! Hoa hậu

của vùng đất!’ thì đám đông thường tụ tập đến. Giờ cô gái hoa hậu đó múa tuyệt vời và ca hát tuyệt vời. Khi nghe có ‘Hoa hậu của vùng đất đang múa! Hoa hậu của vùng đất đang hát!’ thì đám đông tụ tập đến càng lớn hơn.¹⁷² Rồi có một người đến, đang muốn sống, không muốn chết, thích sống, ghét khổ. Có người nói với anh ta: ‘Này thiện hữu, anh phải mang cái chén đồ đầy dầu đến miệng chén này đi chén qua đám đông đến chỗ cô hoa hậu đang múa. Có một người đi sát sau lưng anh với kiếm đã rút ra sẵn, nếu anh làm đổ một giọt dầu nào thì người đó sẽ chém đầu anh ngay.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, người đó có dám lơ tâm khỏi chén dầu và để tâm trí xao lãng ra ngoài (đám đông và hoa hậu) hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Này các Tỳ kheo, ta làm ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: ‘Chén đồ đầy dầu’: đây là một cách chỉ ‘*sự chánh-niệm hướng vào thân*’. Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng “*sự chánh-niệm hướng vào thân*”, làm nó thành một cỗ xe (tu thừa), làm nó thành một căn bản, ổn định nó, thực tập bản thân mình trong đó, và hoàn thiện nó tròn vẹn.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 47:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘GIỚI HẠNH & TÒN TẠI’

(*Sīlaṭṭhiti-vagga*)

21 (1) Giới Hạnh

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Ānanda và Ngài Bhadda đang sống ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị), trong Tịnh xá Con Gà. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Bhadda ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú), đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy Bhadda ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:¹⁷³

- “Này đạo hữu Ānanda, đối với những giới-hạnh thiện lành được nói ra bởi đức Thế Tôn, cái gì là mục-đích khi chúng được nói ra bởi đức Thế Tôn?”

“Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, này đạo hữu Bhadda, sự tài giỏi của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Vì thầy đã hỏi tôi: ‘Này đạo hữu Ānanda, đối với những giới-hạnh thiện lành được nói ra bởi đức Thế Tôn, cái gì là mục-đích khi chúng được nói ra bởi đức Thế Tôn?’”

- “Dạ, đạo hữu.”

“Những giới-hạnh thiện lành đó được nói ra bởi đức Thế Tôn là vì mục-đích để tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? [Ở đây, một Tỷ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... *tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.]

“Những giới-hạnh thiện lành đó được nói ra bởi đức Thế Tôn là vì mục-đích để tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

(SN 47:21)

22 (2) Tôn Tại Lâu

Tình huống như kinh kể trên. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Bhadda đã nói với thầy Ānanda:

- “Này đạo hữu Ānanda, cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực (chân pháp, chánh pháp) không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn? Và cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn?”

“Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, sự tài giỏi của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Vì thầy đã hỏi tôi: ‘Này đạo hữu Ānanda, cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn? Và cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn?’”

- “Dạ, đạo hữu.”

“Này đạo hữu, chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ *không được* tu tập và tu dưỡng cho nên Giáo Pháp đích thực *sẽ không* tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ *được* tu tập và tu dưỡng cho nên Giáo Pháp đích thực *sẽ* tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Bốn đó là gì? [Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... *tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.]

“Chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không được tu tập và tu dưỡng cho nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng cho nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn.”

(SN 47:22)

23 (3) Sự Sa Sút

[Giống kinh kể trên, cho đến:]

- “Này đạo hữu Ānanda, cái gì là nguyên nhân và lý do gây ra sự sa sút của Giáo Pháp đích thực (chân pháp, chánh pháp)? Và cái gì là nguyên nhân và lý do làm nên sự không sa sút của Giáo Pháp đích thực?” ... [tiếp tục tương tự kinh kể trên] ...

“Này đạo hữu, chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực bị sa sút. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực không bị sa sút.”

(SN 47:23)

24 (4) Bản Kinh Ngẩn Gọn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

(SN 47:24)

25 (5) Một Bà-La-Môn

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao Giáo Pháp đích thực (chân pháp, chánh pháp) không tồn tại lâu sau khi một Như Lai Bát-niết-bàn? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao Giáo Pháp đích thực tồn tại lâu sau khi một Như Lai Bát-niết-bàn?”

“Này bà-la-môn, chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không được tu tập và tu dưỡng cho nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng cho nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Bốn đó là gì? [Ở đây, này bà-la-môn, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.]

“Chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ không được tu tập và tu dưỡng cho nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn. Và chính do ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng cho nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã bát niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, Bà-la-môn đó đã thưa với đức Thế Tôn: ‘Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! ... Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.’

(SN 47:25)

26 (6) Một Phần

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Mục-kiền-liên và Ngài A-nậu-lâu-đà đang sống ở Sāketa, trong Khu Rừng Bụi Gai. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật, thiên trú), đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, hai thầy ấy ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, thường nghe nói ‘Một học nhân, một học nhân’. Này đạo hữu, theo cách nào một người là một học nhân?”

“Này đạo hữu, chính do một người có tu tập một phần ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên người đó (được gọi) là một học-nhân. Bốn đó là gì? [Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.] Chính do một người tu tập một phần ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên người đó là một học-nhân.”

(SN 47:26)

27 (7) Hoàn Thành

Tình huống như kinh kể trên. Sau khi hai thầy ấy ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, thường nghe nói ‘Một bậc vô học nhân, một bậc vô học nhân’. Theo cách nào một người là một bậc vô học nhân?”

“Này đạo hữu, chính do một người đã tu tập hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên người đó (được gọi) là một bậc vô học nhân. Bốn đó là gì? [Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự

thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.] Chính do một người đã tu tập hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên người đó là một bậc vô học nhân.”

(SN 47:27)

28 (8) Thế Giới

Tình huống như kinh kể trên. Sau khi hai thầy ấy ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Nhờ đã tu tập và tu dưỡng những điều gì mà thầy A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp (đại liễu tri)?”

“Này đạo hữu, do tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? [Ở đây, này đạo hữu, tôi an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.] Này đạo hữu, do tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này nên tôi trực-tiếp biết (liễu tri) hệ một ngàn thế giới.”¹⁷⁴

(SN 47:28)

29 (9) Gia Chủ Sirivaḍḍha

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó có gia chủ tên Sirivaḍḍha đang bị bệnh, đau đốn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Sirivaḍḍha đã nói với một người như vậy:

“Này, người tốt, hãy đến gặp Ngài Ānanda, nhân danh ta cúi đầu dưới chân thầy ấy để kính lễ, và thưa: ‘Thưa thầy, gia chủ Sirivaḍḍha đang bị bệnh, đau đốn, bệnh yếu như gần chết; ông ấy xin cúi đầu dưới chân thầy

đề kính lễ.’ Rồi thưa tiếp rằng: ‘Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Ānanda đến gia cư để thăm gia chủ Sirivaḍḍha, vì lòng bi-mẫn.’”

“Dạ được, thưa ông chủ”, người đó đáp lại, và ông ta đi đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn của gia chủ. Thầy Ānanda đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi sáng, thầy Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà gia chủ Sirivaḍḍha. Rồi thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với gia chủ Sirivaḍḍha:

“Này gia chủ, tôi hy vọng chú đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng chú đang đỡ hơn. Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của chú đang lắng lặn, chứ không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.”

“Này gia chủ, vậy chú nên tu tập bản thân như vậy: ‘Ta sẽ an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (uỷ) đối với thế giới. Ta sẽ an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.’ Chú nên tu tập bản thân theo cách như vậy.”

“Thưa thầy, đối với ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn—những điều đó (những sự chánh-niệm đó) có mặt ở trong con, và con sống đúng theo những điều đó. Thưa thầy, con an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Và đối với năm công-cụ thấp hơn (hạ phần kiết sử) đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy còn cái nào chưa được dẹp-bỏ trong con.”

“Đó là ích lợi [sự đạt được] cho chú, này gia chủ! Đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ! Này gia chủ, như vậy là chú đã tuyên bố thánh quả Bất-lai.”

(SN 47:29)

30 (10) Gia Chủ Mānadinna

Tình huống như kinh kể trên. Bây giờ, lúc đó có gia chủ tên Mānadinna đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Mānadinna đã nói với một người như vậy:

“Này, người tốt, hãy đến gặp Ngài Ānanda ... [*tiếp tục như kinh kể trên, cho đến:*]

“Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ. Nhưng, thưa thầy, khi con *đang* bị tiếp xúc bởi cảm-giác đau đớn như vậy, con an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Và đối với năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy còn cái nào chưa được dẹp bỏ trong con.”

“Đó là ích lợi [sự đạt được] cho chú, này gia chủ! Đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ! Này gia chủ, như vậy là chú đã tuyên bố thánh quả Bất-lai.”

(SN 47:30)

NHÓM 4

NHÓM ‘CHƯA TỪNG NGHE’

(*Ananussuta-vagga*)

31 (1) Chưa Từng Nghe

Ở Sāvattihī.

(i) “Đây là sự quán sát thân trong thân”—vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.¹⁷⁵

“Sự quán sát thân trong thân *cần* được tu tập” ... “Sự quán sát thân trong thân *đã* được tu tập”—vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

(ii) “Đây là sự quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác” ... (iii) “Đây là sự quán sát tâm trong tâm” ... (iv) “Đây là sự quán sát pháp trong pháp”— vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

“Sự quán sát pháp trong pháp đó *cần* được tu tập” ... “Sự quán sát pháp trong pháp đó *đã* được tu tập”—vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.”

(SN 47:31)

32 (2) Sự Chán Bỏ ...

“Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, sự chán bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.”

(SN 47:32)

33 (3) Bỏ Quên

“Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ quên (bỏ lơ, lơ là, không tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này là (coi như) đã bỏ quên con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận (tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này là đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Bốn đó là gì? ... [*như kinh 32 kể trên*] ... Những ai đã bỏ quên ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là đã bỏ quên con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này là đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 47:33)

34 (4) Sự Tu Tập

“Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn (người tu) vượt khỏi bờ này (thử ngạn) đến bờ kia (bỉ ngạn). Bốn đó là gì? ... [*như kinh 32 ở trên*] ... ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn vượt khỏi bờ này đến bờ kia.”

(SN 47:34)

35 (5) Có Chánh Niệm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác). Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo là có chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là thường rõ-biết? Ở đây, này các Tỳ kheo, đối với một Tỳ kheo *những cảm-giác* (thọ) được hiểu khi chúng khởi sinh (sinh), được hiểu khi chúng có mặt (trụ), được hiểu khi chúng phai biến (diệt). *Những ý-nghĩ* (hành) được hiểu khi chúng khởi sinh, được hiểu khi chúng có mặt, được hiểu khi chúng phai biến. *Những nhận-thức* (tưởng) được hiểu khi chúng khởi sinh, được hiểu khi chúng có mặt, được hiểu khi chúng phai biến. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo thường rõ-biết.¹⁷⁶

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”

(SN 47:35)

36 (6) Trí Biết Cuối Cùng

“Này các Tỳ kheo, có ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự

thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, khi ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư của sự chấp-thủ (thủ) thì trạng thái Bất-lai.”

(SN 47:36)

37 (7) Dục

“Này các Tỳ kheo, có ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát thân trong thân như vậy, thì mọi dục người đó có đối với thân đều bị dẹp-bỏ. Với sự dẹp-bỏ dục, thì sự Bất-tử được chứng ngộ.”

“Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát pháp trong pháp như vậy, thì mọi dục người đó có đối với các pháp đều bị dẹp-bỏ. Với sự dẹp-bỏ dục, thì sự Bất-tử được chứng ngộ.”

(SN 47:37)

38 (8) Hoàn Toàn Hiểu

“Này các Tỳ kheo, có ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát thân trong thân như vậy, thì thân được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ).”

Bởi vì thân đã được hoàn-toàn hiểu, nên sự Bất-tử được chứng ngộ.

“Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Khi người đó an trú quán sát pháp trong pháp như vậy, thì những giáo pháp được hoàn-toàn hiểu. Bởi những giáo pháp đã được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ), nên sự Bất-tử được chứng ngộ.”

(SN 47:38)

39 (9) Sự Tu Tập

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tinh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, đây là sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

(SN 47:39)

40 (10) Phân Tích

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy ‘sự thiết lập chánh-niệm’,¹⁷⁷ và sự tu tập ‘sự thiết lập chánh-niệm’, và con-đường dẫn tới sự tu tập ‘sự thiết lập chánh-niệm’. Hãy lắng nghe điều đó ...

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘sự thiết lập chánh-niệm’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành,

rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là ‘sự thiết lập chánh-niệm’.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập ‘sự thiết lập chánh-niệm’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát bản chất sinh [khởi sinh] trong thân; người đó an trú quán sát bản chất diệt [biến diệt] trong thân; người đó an trú quán sát bản chất sinh và diệt [khởi sinh và biến diệt] trong thân—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.¹⁷⁸

“Người đó an trú quán sát bản chất sinh trong những cảm-giác ... Người đó an trú quán sát bản chất sinh trong tâm ... Người đó an trú quán sát bản chất sinh trong các pháp; người đó an trú quán sát bản chất diệt trong các pháp; người đó an trú quán sát bản chất sinh và diệt trong các pháp—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là sự tu tập ‘sự thiết lập chánh-niệm’.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự tu tập ‘sự thiết lập chánh-niệm’? Đó chính là con-đường Bát Thánh Đạo, đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự tu tập ‘sự thiết lập chánh-niệm’.”

(SN 47:40)

NHÓM 5

NHÓM ‘BÁT TỬ’

(Amata-vagga)

41 (1) Sự Bất Tử

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, hãy an trú với cái tâm được khéo (giỏi, tốt) thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Đừng để mất sự Bất-tử cho các thầy.¹⁷⁹

“Trong bốn gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, hãy an trú với cái tâm được khéo thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này. Đừng để mất sự Bất-tử cho các thầy.”

(SN 47:41)

42 (2) Sự Khởi Sinh

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự khởi-sinh và sự biến-diệt của ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (= bốn đối-tượng để chánh-niệm).¹⁸⁰ Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự khởi-sinh của *thân*? Khi có sự khởi sinh của *dưỡng-chất* thì có sự khởi sinh của thân. Khi chấm dứt dưỡng-chất thì thân biến diệt.

“Khi có sự khởi sinh *sự tiếp-xúc* (xúc) thì có sự khởi sinh *cảm-giác* (thọ). Khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì cảm-giác biến diệt.

“Khi có sự khởi sinh *danh-sắc* thì có sự khởi sinh của *tâm*. Khi chấm dứt danh-sắc thì tâm biến diệt.¹⁸¹

“Khi có sự khởi sinh *sự chú-tâm* (tác ý) thì có sự khởi sinh *những hiện-tượng* (các pháp). Khi chấm dứt sự chú-tâm thì những hiện-tượng biến diệt.”¹⁸²

(SN 47:42)

43 (3) Con Đường

Ở Sāvattthī.

Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy.¹⁸³

Trong một lần ta đang ở Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên-thiền), dưới gốc cây Đa (Banyan) của người Chấn Dê ngay sau khi ta giác-ngộ toàn thiện. Rồi, khi ta đang ở một mình trong sự tách-ly đó, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm ta như vậy: “Đây là con đường một-chiều (trực dẫn) để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn-sầu và ai-oán (sầu bi), để chấm dứt sự khổ và buồn-phiền (khổ ưu), để thành tựu một phương-pháp, để chứng ngộ Niết-bàn, đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì?”

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát *những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.”

Lúc đó vị Trời Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm ta, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt ta. Vị trời chỉnh lại y áo trên một vai, chấp tay kính lễ ta, và thưa:

“Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, đây là con-đường một-chiều để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh ... *[như đoạn trên]* ... đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

Đây là lời vị Trời Sahampati đã nói. Sau khi nói xong, vị Trời nói thêm như vậy:

“Bậc nhìn thấy sự tiêu diệt sự-sinh,
Đầy bi-mẫn, biết rõ con-đường một-chiều,
Nhờ đó, trong quá khứ họ đã vượt qua cơn lũ,
Nhờ đó, họ đang và sẽ vượt qua cơn lũ.”

(SN 47:43)

44 (4) Có Chánh Niệm

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo có chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”

(SN 47:44)

45 (5) Một Đồng Thiện

“Này các Tỳ kheo, nếu ai có nói ‘một đồng thiện’ mà chỉ ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng đồng toàn thiện, đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân

... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, nếu ai có nói ‘một đồng thiện’ mà chỉ ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn thiện, đó là, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

(SN 47:45)

46 (6) Sự Kiểm Chế Của Pātimokkha [Giới Bốn]

Lúc đó một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, trong trường hợp đó, hãy thanh lọc ngay điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành. Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Ở đây, này Tỳ kheo, hãy sống được kiểm chế bởi sự kiểm-chế của Pātimokkha [Giới Bốn Tỳ Kheo, Giới Luật Xuất Gia, Giới Luật Tăng Đoàn], được đi kèm bởi hành-vi thiện và nơi nương-tựa đúng đắn [phù hợp], nhìn thấy sự nguy-hại trong những tội lỗi nhỏ nhất. Sau khi thụ lãnh (nhận lấy, chấp nhận) những giới luật tu hành, thầy hãy nên tu tập bản thân trong những giới luật đó. Này Tỳ kheo, khi thầy sống được kiểm chế bởi sự kiểm-chế của Pātimokkha ... nhìn thấy sự nguy-hại trong những tội lỗi nhỏ nhất, rồi, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi

đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này Tỳ kheo, khi thầy đã, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách như vậy, thì dù là ngày hay đêm, thầy có thể trông đợi chỉ có sự tăng trưởng trong những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự sa sút.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi ...

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những A-la-hán.

(SN 47:46)

47 (7) Hành Vi Sai Trái

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, trong trường hợp đó, hãy thanh lọc ngay điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành. Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Ở đây, sau khi đã dẹp bỏ hành-vi *thân* sai trái, thầy nên tu tập hành-vi *thân* thiện lành. Sau khi đã dẹp bỏ hành-vi *lời-nói* sai trái, thầy nên tu tập hành-vi *lời-nói* thiện lành. Sau khi đã dẹp bỏ hành-vi *tâm* sai trái, thầy nên tu tập hành-vi *tâm* thiện lành. Này Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ hành-vi *thân* sai trái ... *lời-nói* sai trái ... *tâm* sai trái, thầy đã tu tập hành-vi *thân* thiện lành ... *lời-nói* thiện lành ... *tâm* thiện lành, thì, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ...

pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này Tỳ kheo, khi thầy đã, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ theo cách như vậy, thì dù là ngày hay đêm, thầy có thể trông đợi chỉ có sự tăng trưởng trong những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự sa sút.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi ...

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những A-la-hán.

(SN 47:47)

48 (8) Những Bạn Hữu ...

“Này các Tỳ kheo, đối với những người mà các thầy có lòng bi-mẫn với họ và những người nghĩ các thầy nên được chú ý (lắng nghe)—dù họ là bạn hữu hay đồng sự, người thân hay họ hàng—những người đó các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, đối với những người mà các thầy có lòng bi-mẫn với họ và những người nghĩ các thầy nên được chú ý ... những người đó các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong sự tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

(SN 47:48)

49 (9) Những Cảm Giác

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sừng (dễ chịu; lạc thọ), cảm-giác khổ (khó chịu; khổ thọ), và cảm-giác trung tính (không khổ không sừng; vô ký thọ, xả thọ). Đây là ba loại cảm-giác. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) ba loại cảm-giác này.

“Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này nên được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba loại cảm-giác này.”

(SN 47:49)

50 (10) Những Ô Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có ba loại ô-nhiễm này. Ba đó là gì? Ô nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), ô nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), ô nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Đây là ba loại ô-nhiễm. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ nên được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) ba loại ô-nhiễm này.

“Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này nên được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba loại ô-nhiễm này.”

(SN 47:49)

NHÓM 6
NHÓM ‘SÔNG HẰNG
LẬP LẠI & TÓM LƯỢC’
(Gaṅgā-peyyāla-vagga)

51 (1) — 62 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[*Các kinh còn lại của NHÓM này đều được lập lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92—102.*]

(SN 47:51—62)

Sáu đổ ra hướng đông

Và sáu đổ ra đại dương.

Hai lần sáu là mười hai:

NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

NHÓM 7

NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’

(*Appamāda-vagga*)

63 (1) — 72 (10) Như Lai ...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, trong mọi loài chúng sinh—dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có sắc-thân (sắc) hay không có sắc-thân (vô sắc), có nhận-thức (tưởng) hay không có nhận-thức (phi tưởng), hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng) ...

[Các kinh còn lại của NHÓM này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139–148 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 47:63–72)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

NHÓM 8
NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’
(*Balakaraṇīya-vagga*)

73 (1) — 84 (12) Khó Nhọc ... ¹⁸⁴

[*Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149—160 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 47:73—84)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

NHÓM 9
NHÓM ‘TÌM KIẾM’
(*Esanā-vagga*)

85 (1) — 94 (10) Sự Tìm Kiếm ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:161—170** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 47:85—94)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khô,
Sự cần cỗi, Những sự ó nơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.¹⁸⁵

NHÓM 10

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’

(Ogha-vagga)

95 (1) – 103 (10) Những Dòng Lũ ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:171–179** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 47:95–103)

104 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn ...

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muôn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muôn cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ này (tứ niệm xứ) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

— “Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muôn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 47:103)

Những Dòng-lũ, Những Sự Trói Buộc,

Những Sự Chấp Thủ, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chương Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

[▶] Những bài kinh trong **Chương 47** được lặp lại theo cách song hành tương tự những kinh trong **Chương 45**, chỉ khác là với ‘*Bốn nền tảng chánh-niệm*’ thay vì ‘*Bát Thánh Đạo*’ trong **Chương 45**. ¹⁸⁶

Chương 48

Liên Kết (NĂM) CĂN

(48 *Indriya-samyutta*)

(48 *Tương ứng Căn*)

NHÓM 1

NHÓM ‘BẢN KINH NGẮN GỌN’

(*Suddhika-vagga*)

1 (1) Bản Kinh Ngắn Gọn

Ở Sāvattthī.

Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin (tín căn), căn nỗ-lực tu (tán căn), căn chánh-niệm (niệm căn), căn định-tâm (định căn), và căn trí-tuệ (tuệ căn). [tín, tán, niệm, định, tuệ] ¹⁸⁷

(SN 48:01)

2 (2) Bạc Nhập Lưu (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.”

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.” ¹⁸⁸

(SN 48:02)

3 (3) Bạc Nhập Lưu (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong

trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một người thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

(SN 48:03)

4 (4) Bậc A-la-hán (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, sau khi *đã* hiểu sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt), thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, người đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.” ¹⁸⁹

(SN 48:04)

5 (5) Bậc A-la-hán (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, sau khi *đã* hiểu nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán ... đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.”

(SN 48:05)

6 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ (sa-môn hạnh) hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh).

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 48:06)

7 (7) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được căn niềm-tin, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó;¹⁹⁰ người không hiểu căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 48:07)

8 (8) Được Nhìn Thấy

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, căn niềm-tin được nhìn thấy ở đâu? Căn niềm-tin được nhìn thấy ở đây trong *bốn yếu-tố Nhập-lưu* (tứ chi dục-lưu)¹⁹¹

(2) “Và, này các Tỳ kheo, căn nỗ-lực tu được nhìn thấy ở đâu? Căn nỗ-lực tu được nhìn thấy ở đây trong *sự chuyên-cần tu đúng đắn* (tứ chánh cần).¹⁹²

(3) “Và, này các Tỳ kheo, căn chánh-niệm được nhìn thấy ở đâu? Căn chánh-niệm được nhìn thấy ở đây trong *bốn nền tảng chánh-niệm* (tứ niệm xứ).

(4) “Và, này các Tỳ kheo, căn định-tâm được nhìn thấy ở đâu? Căn định-tâm được nhìn thấy ở đây trong *bốn tầng thiền định* (tứ thiền sắc giới; *jhāna*).

(5) “Và, này các Tỳ kheo, căn trí-tuệ được nhìn thấy ở đâu? Căn trí-tuệ được nhìn thấy ở đây trong *Bốn Diệu Đế* (tứ diệu đế).

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”

(SN 48:08)

9 (9) Phân Tích (I)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn niềm-tin (tín căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người có lòng-tin, là người đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]”

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn nỗ-lực tu (tấn căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử sống với sự nỗ-lực tu được phát khởi để dẫn tới sự trừ-bỏ những trạng thái bất thiện và sự thu-nạp (tích thêm) những trạng thái thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự chuyên-cần tu (tinh cần), không lơ tâm xao lãng trách nhiệm tu dưỡng những trạng thái thiện lành. Đây được gọi là căn nỗ-lực tu.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-niệm (niệm căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử có chánh-niệm, có-được sự chánh-niệm cao nhất và sự cẩn-trọng cao nhất; là người nhớ được và nhớ lại những điều đã làm và đã nói từ lâu. Đây được gọi là căn chánh-niệm.¹⁹³

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn định-tâm (định căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử có sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm, sau khi đã lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’ (thoát ly) làm đối-tượng (của thiền định).¹⁹⁴ Đây được gọi là căn định-tâm.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn trí-tuệ (tuệ căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử là có trí; người đó có được trí-tuệ chú hướng tới (để nhìn thấy) sự khởi-sinh và biến-qua (sinh và diệt), (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn

diệt-khô.¹⁹⁵ Đây được gọi là căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”¹⁹⁶

(SN 48:09)

10 (10) Phân Tích (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn niềm-tin (tín căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử là người có lòng tin, là người đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: [*Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành, bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện) ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.*’]

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn nỗ-lực tu (tấn căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử sống với sự nỗ-lực tu (tinh tấn) được phát khởi để dẫn tới sự trừ-bỏ những trạng thái bất thiện và sự thu-nạp những trạng thái thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự chuyên-cần tu (tinh cần), không lơ tâm xao lãng trách nhiệm tu dưỡng những trạng thái thiện lành. (i) Người đó khởi tạo mong-muốn (dục) *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn *trừ bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh.... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, tăng cường, và hoàn thiện nhờ sự tu-tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Đây được gọi là căn nỗ-lực tu.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-niệm (niệm căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử có chánh-niệm, có-được sự

chánh-niệm cao nhất và sự cần-trọng cao nhất, người đó nhớ được và hồi nhớ những điều đã làm và đã nói từ lâu. Người đó an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Đây được gọi là căn chánh-niệm.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn định-tâm (định căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử có chánh-định, đạt được sự nhất-điểm của tâm, sau khi đã lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’ làm đối-tượng (của thiền-định). (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.

(ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’

(iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’

(iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sượng-khô (không còn lạc hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sượng hay khô, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn trí-tuệ (tuệ căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử là có trí; người đó có-được trí-tuệ chú hướng tới (để nhìn thấy) sự khởi-sinh và sự biến-qua (sinh và diệt), (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Người đó hiểu: ‘Đây là khổ’ đúng như nó thực là. Người đó hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ đúng như nó thực là. Người đó hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ đúng như nó thực là. Người đó hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’ đúng như nó thực là. Đây được gọi là căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”

(SN 48:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘YẾU HƠN’

(*Mudutara-vagga*)

11 (1) Đạt Được

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn niềm-tin (tín căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử là người có lòng tin, là người đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: [*Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện) ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.*] Đây được gọi là căn niềm-tin.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn nỗ-lực tu (tấn căn)? Sự nỗ-lực tu (tinh tấn) người tu đạt được trên cơ-sở là¹⁹⁷ *sự chuyên-cần tu đúng đắn* (tứ chánh cần). Đây được gọi là sự căn nỗ-lực tu.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-niệm (niệm căn)? Sự chánh-niệm người tu đạt được trên cơ-sở là *bốn nền tảng chánh-niệm* (tứ niệm xứ). Đây được gọi là căn chánh-niệm.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn định-tâm (định căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm, sau khi lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’ làm đối-tượng (của thiền định). Đây được gọi là sự căn định-tâm.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn trí-tuệ (tuệ căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử là có trí; người đó có-được trí-tuệ chú hướng tới (để nhìn thấy) sự khởi-sinh và sự phai-biến (sinh và diệt), (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khô. Đây là căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”

(SN 48:11)

12 (2) Ngắn Gọn (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Người đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là bậc Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, là bậc Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, là bậc Nhập-lưu; nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo Giáo Pháp (người căn trí); nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo niềm-tin (người căn tín).”¹⁹⁸

(SN 48:12)

13 (3) Ngắn Gọn (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Người đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là bậc Bất-lai ... Nhất-lai ... Nhập-lưu ... người tu theo Giáo Pháp (người căn trí) ... người tu theo niềm-tin (người căn tín).

“Như vậy, này các Tỳ kheo, do có sự khác biệt về các căn nên có sự khác biệt về các đạo quả; do có sự khác biệt về các đạo quả¹⁹⁹ nên có sự khác biệt giữa những người tu.”

(SN 48:13)

14 (4) Ngắn Gọn (3)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Người đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la-hán.

Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là bậc Bất-lai ... Nhất-lai ... Nhập-lưu ... người tu theo Giáo Pháp (người căn trí) ... người tu theo niềm-tin (người căn tín).

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ai kích hoạt (tu tập, phát huy) chúng một cách toàn vẹn sẽ thành công một cách toàn vẹn; ai kích hoạt chúng từng phần sẽ thành công từng phần. Này các Tỳ kheo, năm căn này không bị cần cỗi, ta nói vậy.”²⁰⁰

(SN 48:14)

15 (5) Chi Tiết (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này *là một A-la-hán*. (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn *trong khoảng-giữa* (giữa 02 kiếp); (iii) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn *ngay khi đáp-xuống*; (iv) nếu còn yếu hơn nữa, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm*; (v) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm*; (vi) nếu còn yếu hơn nữa, là người đang hưởng thượng lưu, *hướng tới cõi trời Akaniṭṭha* (tức lần lượt tái sinh từ thấp lên cao qua 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên); cõi thứ năm là *Akaniṭṭha* (Sắc cứu kính thiên), là cõi trời cao nhất và thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch đó dành cho những thánh Bất-lai); (vii) nếu còn yếu hơn nữa, *là bậc Nhất-lai*; (viii) nếu còn yếu hơn nữa, *là bậc Nhập-lưu*; (ix) nếu còn yếu hơn nữa, *là một người tu theo Giáo Pháp (người căn trí)*; (x) nếu còn yếu hơn nữa, *là một người tu theo niềm-tin (người căn tín)*.”²⁰¹

(SN 48:15)

16 (6) Chi Tiết (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này *là một A-la-hán*. (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn *trong khoảng-giữa* (giữa 02 kiếp)... [*tiếp tục như kinh 48:15 kể trên*] ... (x) nếu còn yếu hơn nữa, *là một người tu theo niềm-tin (người căn tín)*.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, do có sự khác biệt về các căn nên có sự khác biệt về các đạo quả; do có sự khác biệt về các đạo quả nên có sự khác biệt giữa những người tu.”

(SN 48:16)

17 (7) Chi Tiết (3)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này *là một A-la-hán*. (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn *trong khoảng-giữa* (giữa 02 kiếp) ... [*tiếp tục như kinh 48:15 kể trên*] ... (x) nếu còn yếu hơn nữa, *là một người tu theo niềm-tin (người căn tín)*.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ai kích hoạt (tu tập, phát huy) chúng một cách toàn vẹn sẽ thành công một cách toàn vẹn; ai kích hoạt chúng từng phần sẽ thành công từng phần. Này các Tỳ kheo, năm căn này không bị căn cỗi, ta nói vậy.”

(SN 48:17)

18 (8) Đang Thực Hành

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả A-la-hán; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Nhập-lưu; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, ta nói rằng những ai trong mình hoàn toàn và tất thảy trông-vắng năm căn này, thì đó là ‘người ngoài cuộc, người đứng trong thành phần phạm phu tục chúng.’” ²⁰²

(SN 48:18)

19 (9) Được Trang Bị

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người được trang bị các căn, người được trang bị các căn’.²⁰³ Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người được trang bị các căn?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin, điều đó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ. Người đó tu tập căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ, điều đó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ.

“Này Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người được trang bị các căn.”

(SN 48:19)

20 (10) Tiêu Diệt Ô Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng năm căn này nên người đó, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ nó bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 48:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘SÁU CĂN’

(*Chalindriya-vagga*)

21 (1) *Sự Tái Hiện Hữu* ²⁰⁴

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự khởi-sinh và biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả chúng, đúng như chúng thực là, ta đã tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này ... có những thiên thần và loài người.

“Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

(SN 48:21)

22 (2) *Căn Mạng Sống*

“Này các Tỳ kheo, có ba căn này? Ba đó là gì? Căn nữ, căn nam, và căn sinh mạng. Đây là ba căn.” ²⁰⁵

(SN 48:22)

23 (3) *Căn Trí Biết Cuối Cùng*

“Này các Tỳ kheo, có ba căn này? Ba đó là gì? Căn ‘Ta sẽ biết điều hiện-chưa-biết (chưa và sẽ giác ngộ)’; căn của trí-biết cuối cùng (trí giác ngộ); căn của người được phú với trí-biết cuối cùng (người giác ngộ). Đây là ba căn.”²⁰⁶

(SN 48:23)

24 (4) Người Gieo Giống Một Lần ...

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một A-la-hán. (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp); (iii) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay sau tái sinh); (iv) nếu còn yếu hơn nữa, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm; (v) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm; (vi) nếu còn yếu hơn nữa, là người đang hướng thượng lưu, hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (tức lần lượt tái sinh từ thấp lên cao qua 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên); cõi thứ năm là Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên), là cõi trời cao nhất và thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch đó dành cho những thánh Bất-lai); (vii) nếu còn yếu hơn nữa, là bậc Nhất-lai; (viii) nếu còn yếu hơn nữa, là một người gieo hạt giống một-lần; (ix) nếu còn yếu hơn nữa, là người họ tộc này thành họ tộc khác; (x) nếu còn yếu hơn nữa, là người còn tái sinh tối đa là bảy kiếp; (xi) nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo Giáo Pháp (người căn trí); (xii) nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo niềm-tin (người căn tín)”²⁰⁷

(SN 48:24)

25 (5) Bản Kinh Ngán Gọn

“Này các Tỳ kheo, có sáu căn này (sáu căn cảm-nhận, sáu giác quan).

Sáu đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân, căn tâm. Đây là sáu căn.”²⁰⁸

(SN 48:25)

26 (6) *Bậc Nhập-Lưu*

“Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt ... căn tâm.

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử *hiếu được* sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một thánh đệ tử là bậc thánh Nhập-lưu, là người đang hướng thượng lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

(SN 48:26)

27 (7) *Bậc A-la-hán*

“Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt ... căn tâm.

“Này các Tỳ kheo, *sau khi đã hiếu được* sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt),²⁰⁹ người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán, là người đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.”

(SN 48:27)

28 (8) *Phật*

“Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt ... căn tâm.

“Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự khởi-sinh và biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả chúng, đúng như chúng thực là, ta đã tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này ... có những thiên thần và loài người.

“Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

(SN 48:28)

29 (9) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt ... căn tâm.”

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-

tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 48:29)

30 (10) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được căn mắt, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; họ không hiểu căn tai ... căn tâm, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 48:30)

NHÓM 4

NHÓM ‘CĂN SƯỚNG’

(*Sukhindriya-vagga*)

31 (1) Bản Kinh Ngẩn Gợn

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng (lạc căn), căn khổ (khổ căn), căn vui (hỷ căn), căn buồn (ưu căn), căn xả (xả căn). Đây là năm căn.” ²¹⁰

(SN 48:31)

32 (2) Bạc Nhập Lưu

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn xả.

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử *hiểu được* sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một thánh đệ tử là bậc thánh Nhập-lưu, là người đang hưởng thượng lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

(SN 48:32)

33 (3) Bạc A-la-hán

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn xả.

“Này các Tỳ kheo, *sau khi đã hiểu được* sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (diệt thủ), thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán, là người đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những

gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.”

(SN 48:33)

34 (4) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn xấu.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 48:34)

35 (5) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được căn sướng, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó; họ không hiểu được căn khổ ... căn vui ... căn buồn ... căn xấu, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ

hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 48:35)

36 (6) *Phân Tích (1)*

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn xả.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn sướng? Mọi sự sướng thuộc *thân*, mọi sự dễ chịu thuộc *thân*,²¹¹ cảm-giác sướng dễ chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của *thân*: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn sướng.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn khổ? Mọi sự khổ thuộc *thân*, mọi sự khó chịu thuộc *thân*, cảm-giác khổ khó chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của *thân*: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn khổ.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn vui? Mọi sự vui thuộc *tâm*, mọi sự dễ chịu thuộc *tâm*, cảm-giác vui dễ chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của *tâm*: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn vui.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn buồn? Mọi sự buồn thuộc *tâm*, mọi sự khó chịu thuộc *tâm*, cảm-giác buồn khó chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của *tâm*: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn buồn.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn xả? Mọi cảm-giác trung tính (không sướng không khổ), dù thuộc *thân* hay *tâm*: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn xả.²¹²

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”

(SN 48:36)

37 (7) Phân Tích (2)

[Giống kinh 48:36 kể trên, sau đoạn (5) thêm vào đoạn này:]

“Trong đó, này các Tỳ kheo, căn sướng và căn vui nên được nhìn thấy là cảm-giác sướng (lạc thọ). Căn khổ và căn buồn nên được nhìn thấy là cảm-giác khổ (khổ thọ). Sự buông-xả nên được nhìn thấy như cảm-giác trung tính (vô ký thọ, xả thọ).

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”

(SN 48:37)

38 (8) Phân Tích (3)

[Giống kinh 48:36 kể trên, sau đoạn (5) thêm vào đoạn này:]

“Trong đó, này các Tỳ kheo, căn sướng và căn vui nên được nhìn thấy là cảm-giác sướng (lạc thọ). Căn khổ và căn buồn nên được nhìn thấy là cảm-giác khổ (khổ thọ). Sự buông-xả nên được nhìn thấy như cảm-giác trung tính (vô ký thọ, xả thọ).

“Như vậy, này các Tỳ kheo, theo phương pháp giảng giải này thì năm căn này, có năm được gom thành ba; và có ba được mở thành năm.”

(SN 48:38)

39 (9) Ví Dụ Que Mồi Lửa

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn xả.

(1) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là

sương, nên có căn *sương* khởi sinh.²¹³ Khi trong trạng thái *sương*, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái *sương*’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *sương* đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn *sương* khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *sương* đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’

(2) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là *khổ*, nên có căn *khổ* khởi sinh. Khi trong trạng thái *khổ*, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái *khổ*’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *khổ* đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn *khổ* khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *khổ* đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’

(3) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là *vui*, nên có căn *vui* khởi sinh. Khi trong trạng thái *vui*, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái *vui*’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *vui* đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn *vui* khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *vui* đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’

(4) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là *buồn*, nên có căn *buồn* khởi sinh. Khi trong trạng thái *buồn*, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái *buồn*’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *buồn* đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn *buồn* khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *buồn* đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’

(5) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là *buông-xả*, nên có căn *xả* khởi sinh. Khi trong trạng thái *buông-xả*, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái *buông-xả*’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *buông-xả* đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn *xả* khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là *buông-xả* đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’

“Này các Tỳ kheo, cũng giống như nhiệt được tạo ra và lửa được sinh

ra từ sự tiếp-xúc của hai que môi lửa, nhưng khi hai que môi lửa bị tách rời và bỏ ra thì nhiệt đó cũng chấm dứt và lặn mất; cũng giống như vậy, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng ... một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ ... một tiếp-xúc được trải nghiệm là vui ... một tiếp-xúc được trải nghiệm là buồn ... một tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả, nên có căn xả khởi sinh ... Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn xả khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’”

(SN 48:39)

40 (10) Thứ Tự Bất Thường ²¹⁴

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn xả.

[i. Căn Khổ]

“Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống (tu) chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn khổ. Người đó hiểu như vậy: ‘Có khởi sinh trong ta căn khổ này. Nó có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện (duy-ên).²¹⁵ Căn khổ không thể khởi sinh mà không có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện’. Người đó hiểu căn khổ; người đó hiểu nguồn-gốc của căn khổ; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn khổ; và người đó hiểu nơi mà ‘căn khổ đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].

“Và ‘căn khổ đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu?²¹⁶ Ở đây, này các Tỳ kheo: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Và chính ở đây ‘căn khổ đã khởi sinh’ chấm dứt sạch

sẽ.²¹⁷

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm-dứt của căn khổ. Người đó hướng tâm mình theo đó.”²¹⁸

[ii. Căn Buồn]

“Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn buồn. Người đó hiểu như vậy: ‘Có khởi sinh trong ta căn buồn này. Nó có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện (duyên). Căn buồn không thể khởi sinh mà không có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện’. Người đó hiểu căn buồn; người đó hiểu nguồn-gốc của căn buồn; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn buồn; và người đó hiểu nơi mà ‘căn buồn đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt sạch sẽ.

“Và ‘căn buồn đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu? (2) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Và chính ở đây ‘căn buồn đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ.”²¹⁹

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm-dứt của căn buồn. Người đó hướng tâm mình theo đó.

[iii. Căn Sướng]

“Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn sướng. Người đó hiểu như vậy: ‘Có khởi sinh trong ta căn sướng này. Nó có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện (duyên). Căn sướng không thể khởi sinh mà không có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện’. Người đó hiểu căn sướng; người đó hiểu nguồn-gốc của căn sướng; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn sướng; và người đó hiểu nơi mà ‘căn sướng đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt

sạch sẽ.

“Và ‘căn sướng đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu? (3) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’ Và chính ở đây ‘căn sướng đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ.”²²⁰

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm-dứt của căn sướng. Người đó hướng tâm mình theo đó.

[iv. Căn Vui]

“Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn vui. Người đó hiểu như vậy: ‘Có khởi sinh trong ta căn vui này. Nó có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện (duyên). Căn vui không thể khởi sinh mà không có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện’. Người đó hiểu căn vui; người đó hiểu nguồn-gốc của căn vui; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn vui; và người đó hiểu nơi mà ‘căn vui đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt sạch sẽ.

“Và ‘căn vui đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu? (4) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn lạc hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Và chính ở đây ‘căn vui đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ.”²²¹

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm dứt của căn sướng. Người đó hướng tâm mình theo đó.

[v. Căn xả]

“Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên

chú, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn xả. Người đó hiểu như vậy: ‘Có khởi sinh trong ta căn xả này. Nó có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện (duyên). Căn xả không thể khởi sinh mà không có một cơ-sở, một nguồn-gốc, một sự tạo-tác theo nhân, một điều-kiện’. Người đó hiểu căn xả; người đó hiểu nguồn-gốc của căn xả; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn xả; và người đó hiểu nơi mà ‘căn xả đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt sạch sẽ.

“Và ‘căn xả đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu? Ở đây, này các Tỳ kheo: (5) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức], một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’ Và chính ở đây ‘căn xả đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm dứt của căn xả. Người đó hướng tâm mình theo đó.

(SN 48:40)

NHÓM 5

NHÓM ‘GIÀ’

(*Jarā-vagga*)

41 (1) Phải Bị Già

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông (tịnh xá Đông Viên), trong Lôu Đài của Mẹ của Migāra (tức là đại nữ thí chủ Visākkhā). Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn đã ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú) vào buổi cuối chiều, và đang ngồi sưởi ấm lưng bằng những tia nắng cuối cùng.

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp và kính lễ, và trong khi đang xoa bóp chân cho đức Thế Tôn, thầy ấy thưa: “Thật kỳ lạ, thưa Thế Tôn! Thật đáng ngạc nhiên, thưa Thế Tôn. Da của Thế Tôn không còn tươi sáng, chân cẳng của Thế Tôn đều mềm nhão và nhăn nheo, thân thì khom còm, và các căn thay đổi thấy rõ—trong căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân.” ²²²

“Đúng là vậy, này Ānanda! Trong lúc trẻ người ta phải bị già đi; trong sức khỏe người ta phải bị bệnh yếu đi; trong khi đang còn sống người ta phải bị chết đi; (trong trẻ đã có sẵn sự già, trong khỏe đã có sẵn sự bệnh, trong sự sống đã có sẵn sự chết). Da không còn tươi sáng, chân cẳng mềm nhão và nhăn nheo, thân khom còm, và các căn thay đổi thấy rõ—trong căn mắt ... căn thân.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Tuổi già khôn khổ này
Làm vẻ đẹp phai biến!
(Thân này) giống như búp bê kiềng xinh đẹp, ²²³
Bị nghiền nát bởi bánh xe tuổi già.
Dù có sống đến trăm năm

Thì cái chết cũng là đích đến.
Cát chết chẳng chừa một ai dọc đường đi,
Mà nghiền nát mọi thứ.”²²⁴

(SN 48:41)

42 (2) Bà-La-Môn Uṇṇābha

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có bà-la-môn tên Uṇṇābha đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, năm căn này có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực của lẫn nhau. Năm đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân. Bây giờ, Thầy Cồ-đàm, khi năm căn có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực của lẫn nhau, thì chúng nương dựa vào cái gì? Và cái gì trải nghiệm trú xứ và khu vực của chúng?”²²⁵

“Này bà-la-môn, năm căn này có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực của lẫn nhau. Năm đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân. Bây giờ, này bà-la-môn, khi năm căn có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; không trải nghiệm trú xứ và khu vực của lẫn nhau—thì chúng nương dựa vào tâm, và tâm trải nghiệm trú-xứ và khu-vực khác nhau của chúng.”²²⁶

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, tâm thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, tâm nương dựa vào sự chánh-niệm.”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, sự chánh-niệm thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, sự chánh-niệm nương dựa vào sự giải-thoát.”²²⁷

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, sự giải-thoát thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, sự giải-thoát nương dựa vào Niết-bàn.”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, Niết-bàn thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, ông đã đi quá phạm vi của sự hỏi. Ông đã không nắm được giới hạn của sự hỏi. Bởi vì, này bà-la-môn, đời sống tâm linh được sống với Niết-bàn là nền-tảng, Niết-bàn là đích-đến, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của nó.”²²⁸

Rồi bà-la-môn Uṇṇābha, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải mình và đi ra.

Rồi, không lâu sau sau khi bà-la-môn Uṇṇābha đã đi, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ví dụ trong một ngôi nhà hay hội trường mái nhọn, có cửa sổ nhìn phía đông, mặt trời đang mọc lên. Khi những tia nắng chiếu qua cửa sổ, chúng ổn định (nằm, đậu, nương) ở đâu?”

“Trên bức tường phía tây, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, bà-la-môn Uṇṇābha đã đạt được niềm-tin vào Như Lai, (niềm-tin đó) được ổn định, được bắt rễ, được thiết lập, vững chắc. Nó không thể bị phá bỏ bởi tu sĩ hay bà-la-môn nào, hay bởi những thiên thần hay Ma Vương hay trời Brahmā hay bởi bất cứ ai trong thế gian. Này các Tỳ kheo, nếu bây giờ bà-la-môn Uṇṇābha chết thì cũng không còn gông-cùm trói buộc ông ta quay lại thế gian này nữa.” (tức ông đã là bậc Bất-lai)²²⁹

(SN 48:42)

43 (3) Sāketa

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāketa, trong Khu Vườn Añjana, ở khu Vườn Nai. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có phương pháp thuyết giảng nào qua đó năm căn (ngũ căn) trở thành năm năng-lực (ngũ lực) và năm năng-lực (ngũ lực) trở thành năm căn (ngũ căn)?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Này các Tỳ kheo, có một phương pháp thuyết giảng qua đó năm căn trở thành năm năng-lực và năm năng-lực trở thành năm căn. Và cái gì là phương pháp thuyết giảng đó? Rằng qua đó tín-căn trở thành tín-lực; qua đó tín-lực trở thành tín-căn. Rằng qua đó (tinh) tấn-căn trở thành (tinh) tấn-lực; qua đó tấn-lực trở thành tấn-căn. Rằng qua đó niệm-căn trở thành niệm-lực; niệm-lực trở thành niệm-căn. Rằng qua đó định-tâm trở thành định-lực, định-lực trở thành định-căn. Rằng qua đó tuệ-căn trở thành tuệ-lực, tuệ-lực trở thành tuệ-căn. ²³⁰

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một dòng sông đổ về, nghiêng về, chảy về phía đông, có một hòn đảo giữa sông. Có phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có một dòng chảy, nhưng cũng có phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có hai dòng chảy (hai bên đảo).

“Và cái gì là phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có một dòng chảy? Nếu xét hướng nước chảy tới phía đông và phía tây của hòn đảo, thì chỉ có một dòng chảy—đây là phương pháp thuyết giảng qua đó sông được coi là một dòng chảy. (theo góc nhìn chỉ một dòng chảy về đông, không có chảy về tây hay khác)

“Và cái gì là phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có hai dòng chảy? Nếu xét hướng nước chảy tới phía nam và phía bắc của hòn đảo, thì có hai dòng chảy—đây là phương pháp thuyết giảng qua đó sông được coi là hai dòng chảy. (vì nước gặp đảo bị rẽ thành hai dòng khác nhau qua mạn nam và mạn bắc của hòn đảo)

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, rằng qua đó tín-căn trở thành

tín-lực ... qua đó tuệ-lực trở thành tuệ-căn.

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng năm căn này, cho nên người đó, bằng cách tiêu diệt mọi ô-nhiễm, trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ nó bằng sự-biết trực tiếp.”

(SN 48:43)

44 (4) Nhà Ở Công Đông

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong căn Nhà Trạm ở công phía Đông; (tức nhà nhỏ ở đầu công vào một khu nhà hay khu thành, dùng làm chỗ ở cho những người quản gia hay bảo vệ). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất như vậy:

“Này Xá-lợi-phất, thầy có được niềm-tin rằng: căn niềm-tin, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó, hay không? ... căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền tảng của nó, sự Bất-tử là đích đến của nó, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó, hay không?”

“Thưa Thế Tôn, con không phải tin nhờ vào đức Thế Tôn²³¹ về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó. Chỉ những người chưa tự mình biết, thấy, hiểu, chứng ngộ, và tiếp xúc điều này bằng trí-tuệ—thì họ mới tin nhờ vào người khác về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó. Nhưng những ai đã tự mình biết, thấy, hiểu, chứng ngộ, và tiếp xúc điều này bằng trí-tuệ—thì họ không còn lờ mờ hay nghi ngờ về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.

“Thưa Thế Tôn, con là một người đã tự mình biết, thấy, hiểu, chứng ngộ, và tiếp xúc điều này bằng trí-tuệ—nên con không còn lờ mờ hay nghi ngờ về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Những ai chưa tự mình biết ... thì họ mới tin nhờ vào người khác ... Những ai đã tự mình biết ... thì họ không còn lờ mờ hay nghi ngờ về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

(SN 48:44)

45 (5) Khu Vườn Phía Đông (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ Đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng một-căn nên người đó tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Một căn đó là gì? Đó là căn trí-tuệ. Bởi vì một người thánh đệ tử có-được trí-tuệ, thì căn niềm-tin theo sau sẽ được củng cố, căn nỗ-lực tu theo sau sẽ được củng cố, căn chánh-niệm theo sau sẽ được củng cố, căn định-tâm theo sau sẽ được củng cố.²³²

“Này các Tỳ kheo, chính do một căn này đã được tu tập và tu dưỡng

nên Tỳ kheo đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 48:45)

46 (6) Khu Vườn Phía Đông (2)

[Tình huống như kinh kể trên]

“Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng hai căn nên người đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Hai căn đó là gì? Đó là trí-tuệ thánh thiện và sự giải-thoát thánh thiện. Bởi vì trí-tuệ thánh thiện của người đó là căn trí-tuệ của người đó; sự giải-thoát thánh thiện của người đó là căn định-tâm của người đó.

“Này các Tỳ kheo, chính do hai căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên Tỳ kheo đó đã tiêu diệt ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 48:46)

47 (7) Khu Vườn Phía Đông (3)

[Tình huống như kinh kể trên]

“Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng bốn căn nên người đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Bốn căn đó là gì? Đó là căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, chính do bốn căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên Tỳ kheo đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 48:47)

48 (8) Khu Vườn Phía Đông (4)

Tình huống như kinh kể trên.

“Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng năm-căn nên người đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Năm căn đó là gì? Đó là căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, chính do năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên Tỳ kheo đó đã tiêu diệt những ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 48:48)

49 (9) Ngài Piṇḍola

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Trong dịp đó có Ngài Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng của mình như vậy: “Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Rồi một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận ...’ Xét theo lý gì mà thầy Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy?

“Này các Tỳ kheo, chính do thầy ấy đã tu tập và tu dưỡng ba căn nên Tỳ kheo Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Ba căn đó là gì? Đó là căn chánh-niệm, căn định-tâm, căn trí-tuệ. Chính do thầy ấy đã tu tập ba căn này nên Tỳ kheo Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, ba căn đó kết thúc trong sự gì? Ba căn đó kết thúc trong sự hủy-diệt. Kết thúc trong sự hủy-diệt của gì? Sự hủy-diệt của ‘sinh, già, chết’. Sau khi xét thấy ba căn đó đã kết thúc trong sự hủy-diệt của ‘sinh, già, chết’,²³³ cho nên Tỳ kheo Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 48:49)

50 (10) Ở Āpaṇa

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Aṅga, trong một thị trấn của họ tên là thị trấn Āpaṇa. Ở đó đức Thế Tôn đã nói Ngài Xá-lợi-phất như vậy:

“Này Xá-lợi-phất, một người thánh đệ tử, là người hết lòng kính-mộ đối với Như Lai và có niềm-tin trọn vẹn vào Như Lai, có còn dung dưỡng sự lờ-mờ hay nghi-ngờ nào đối với Như Lai hoặc giáo lý của Như Lai hay không?”

“Thưa Thế Tôn, một người thánh đệ tử, là người hết lòng kính-mộ đối với Như Lai và có niềm-tin trọn vẹn vào Như Lai, thì không còn dung dưỡng sự lờ-mờ hay nghi-ngờ nào đối với Như Lai hoặc giáo lý của Như Lai. (1) Thưa Thế Tôn, thực sự có thể trông đợi rằng một người thánh đệ tử, là người (i) có niềm-tin (tín), thì sẽ sống với sự nỗ-lực tu (tán) được phát khởi để dẫn tới sự trừ-bỏ những trạng thái bất thiện và sự thu-nạp (tích đạt) những trạng thái thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự chuyên-cần tu (tinh cần), không lơ tâm xao lãng trách nhiệm tu dưỡng những trạng thái thiện lành. Sự nỗ-lực tu đó của người đó chính là *căn nỗ-lực tu* của người đó, thưa Thế Tôn.

(2) “Thưa Thế Tôn, thực sự có thể trông đợi rằng một người thánh đệ tử, là người (i) có niềm-tin (tín), và (ii) sự nỗ-lực tu (tán) của người đó được phát khởi như vậy, thì sẽ có sự chánh-niệm (niệm), có-được sự chánh-niệm cao nhất và sự cần-trọng cao nhất, là người nhớ được và nhớ lại những điều đã làm và đã nói từ lâu. Sự chánh-niệm đó của người đó chính là *căn chánh-niệm* của người đó, thưa Thế Tôn.

(3) “Thưa Thế Tôn, thực sự có thể trông đợi rằng một người thánh đệ tử, là người (i) có niềm-tin (tín), và (ii) sự nỗ-lực tu (tán) của người đó được phát khởi như vậy, và (iii) sự chánh-niệm (niệm) của người đó được thiết lập, thì sẽ đạt được sự định-tâm, sẽ đạt tới sự nhất-điểm của tâm, sau

khi lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’ làm đối-tượng (của thiên định). Sự định-tâm đó của người đó chính là *căn định-tâm* của người đó, thừa Thế Tôn.

(4) “Thực sự có thể trông đợi, thừa Thế Tôn, rằng một người thánh đệ tử, là người (i) có niềm-tin (tín), và (ii) sự nỗ-lực tu (tấn) của người đó được phát khởi như vậy, và (iii) sự chánh-niệm (niệm) của người đó được thiết lập, và (iii) tâm của người đó đạt sự định-tâm (định), thì sẽ hiểu được như vậy: [‘Vòng luân-hồi là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy). Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Nhưng với sự phai-biến và chấm-dứt sạch sẽ của sự vô-minh, của cái đồng (uẩn) tâm-tối đó: thì đây là trạng thái bình-an, đây là trạng thái siêu-phàm, đó là, sự làm lắng-lặn mọi sự tạo-tác (các hành), sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn.’] Trí-tuệ đó của người đó chính là *căn trí-tuệ* của người đó, thừa Thế Tôn.

(5) “Và, thừa Thế Tôn, khi người thánh đệ tử đã đó liên tục và liên tục *chuyên-cần tu* (tinh cần) theo cách như vậy, đã liên tục và liên tục *tưởng-niệm* (nhớ lại, niệm) theo cách như vậy, đã liên tục và liên tục *đạt-định* (định) trong tâm mình theo cách như vậy, đã liên tục và liên tục *hiểu được bằng trí-tuệ* theo cách như vậy, thì người đó đạt được niềm-tin trọn vẹn như vậy: [‘Đối với những điều trước đây ta chỉ nghe, giờ ta an trú sau khi đã tiếp xúc với chúng bằng thân, và sau khi đã chọe thủng chúng bằng trí-tuệ, ta nhìn thấy.’] Niềm-tin đó của người đó chính là *căn niềm-tin* của người đó, thừa Thế Tôn.”²³⁴

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phát! Này Xá-lợi-phát, người thánh đệ tử, là người hết lòng kính-mộ đối với Như Lai và có niềm-tin trọn vẹn vào Như Lai, thì không còn dung dưỡng sự lờ mờ hay nghi ngờ nào đối với Như Lai hoặc giáo lý của Như Lai.”

[... Và Phật lặp lại toàn bộ lời của thầy Xá-lợi-phát ở trên.]

(SN 48:50)

NHÓM 6

NHÓM ‘HANG HEO RỪNG’

(*Sūkarakhata-vagga*)

51 (1) Làng Sālā

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) ở làng Sālā, một ngôi làng của những bà-la-môn. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, giống như trong những loài thú thì sư tử, vua của các loài thú, được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt sức mạnh, tốc độ, và sự gan hùng. Cũng giống như vậy, trong những trạng-thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ²³⁵ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin (tín) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn nỗ-lực tu (tán) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn chánh-niệm (niệm) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn định-tâm (định) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn trí-tuệ (tuệ) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, giống như trong những loài thú thì sư tử được tuyên bố là đứng đầu. Cũng giống như vậy, trong những trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới giác-ngộ.”

(SN 48:51)

52 (2) Mallika

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân

Mallika, trong một ngôi làng của họ là làng Uruvelakappa. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, chừng nào sự-biết thánh thiện (thánh tri) chưa khởi sinh trong người thánh đệ tử, thì chưa có sự ổn định của bốn căn [kia], chưa có sự vững chắc của bốn căn [kia].²³⁶ Nhưng khi sự-biết thánh thiện đã khởi sinh trong người thánh đệ tử, thì có sự ổn định của các căn [kia], có sự vững chắc của các căn [kia].

“Này các Tỳ kheo, như vậy, giống như trong một ngôi nhà mái nhọn: chừng nào đỉnh mái nhọn chưa được lắp ráp đúng chỗ, thì chưa có sự ổn định của các thanh xà, chưa có sự vững chắc của các thanh xà; nhưng khi đỉnh mái nhà đã được lắp ráp đúng chỗ, thì có sự ổn định của các thanh xà, có sự vững chắc của các thanh xà. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào sự-biết thánh thiện chưa khởi sinh trong người thánh đệ tử, thì chưa có sự ổn định của bốn căn [kia], chưa có sự vững chắc của bốn căn [kia]. Nhưng khi sự-biết thánh thiện đã khởi sinh trong người thánh đệ tử, thì có sự ổn định của các căn [kia], có sự vững chắc của các căn [kia].

“Bốn căn kia là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm. Trong trường hợp người thánh đệ tử có-được trí-tuệ, thì niềm-tin theo sau sẽ được ổn định, sự nỗ-lực tu theo sau sẽ được ổn định, sự chánh-niệm theo sau sẽ được ổn định, sự định-tâm theo sau sẽ được ổn định.”

(SN 48:52)

53 (3) Học Nhân ...

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có phương pháp nào qua đó một Tỳ kheo là một

học nhân, đang đứng trong cảnh của học nhân, có thể hiểu: ‘Ta là một học nhân’, trong khi đó một Tỳ kheo là một vô học nhân (A-la-hán), đang đứng trong cảnh vô học nhân, có thể hiểu: ‘Ta là một vô học nhân?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này các Tỳ kheo, có một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương pháp đó qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân ...

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học nhân hiểu được đúng như chúng thực là: ‘Đây là khô’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khô’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô’. Đây là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân ... hiểu được: ‘Ta là một học-nhân’.

“Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học nhân thì biết suy xét như vậy: ‘Bên ngoài²³⁷ có tu sĩ hay bà-la-môn nào chỉ dạy Giáo Pháp là thực, đúng thực, thực tế như đức Thế Tôn đang làm hay không?’ Và người đó hiểu: ‘Không có tu sĩ hay bà-la-môn nào chỉ dạy Giáo Pháp là thực, đúng thực, thực tế như đức Thế Tôn đang làm.’ Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân ... hiểu được: ‘Ta là một học nhân.’

“Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học nhân thì hiểu được năm căn tâm linh—căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ. Người đó *chưa an trú sau khi đã bằng thân tiếp-xúc* cái mục-tiêu của năm căn, đỉnh-cao của chúng, đạo-quả của chúng, mục-tiêu cuối cùng của chúng; nhưng sau khi đã chọc thủng nó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy.²³⁸ Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học nhân ... hiểu được: ‘Ta là một học nhân.’

(2) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một vô học nhân hiểu

được năm căn tâm linh—căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ. Người đó đã *an trú sau khi bằng thân tiếp-xúc* cái mục-tiêu của năm căn, đỉnh-cao của chúng, đạo-quả của chúng, mục-tiêu cuối cùng của chúng; và sau khi đã chọc thủng nó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy. Đây là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một vô học nhân ... hiểu được: ‘Ta là một vô học nhân.’

“Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một vô học nhân hiểu sáu căn cảm-nhận—căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân, căn tâm. Người đó hiểu: ‘Sáu căn này sẽ chấm-dứt hoàn toàn và sạch sẽ [không còn tàn dư] và không còn sáu căn khác nào sẽ khởi sinh ở đâu theo cách nào nữa. Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một vô học nhân ... hiểu được: ‘Ta là một vô học nhân.’

(SN 48:53)

54 (4) Những Dấu Chân

“Này các Tỳ kheo, cũng như những dấu chân của các loài chúng sinh đều có thể nằm lợt trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt kích thước. Cũng giống như vậy, trong những bước dẫn dắt tới sự giác-ngộ,²³⁹ căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt đề đạt tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những bước dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, đó là căn niềm-tin (tín căn) là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn nỗ-lực tu (tấn căn) là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn chánh-niệm (niệm căn) là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn định-tâm (định căn) là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn trí-tuệ (tuệ căn) là một bước dẫn tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, cũng như ... dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt kích thước. Cũng giống như vậy, trong những bước dẫn dắt tới sự giác-ngộ, căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt đề

đạt tới sự giác-ngộ.

(SN 48:54)

55 (5) Gõ Lỗi

“Này các Tỳ kheo, như trong số những gỗ lỗi có hương thơm, gỗ đàn hương đỏ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hương thơm. Cũng giống như vậy, trong những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ, căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ ...”

(SN 48:55)

56 (6) Được Thiết Lập

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo được thiết lập trong một thứ thì năm căn được tu tập, được khéo tu tập trong người đó. Trong một thứ gì? Trong sự chuyên-chú.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chuyên-chú? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo phòng hộ cái tâm khỏi những ô-nhiễm và khỏi những trạng thái bị ô-nhiễm.²⁴⁰ Trong khi người đó phòng hộ cái tâm như vậy, căn niềm-tin đi tới hoàn-thiện thông qua sự tu-tập; căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ đi tới hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo khi được thiết lập trong một thứ thì năm căn được tu tập, được khéo tu tập trong người đó.”

(SN 48:56)

57 (7) Vị Trời Sahampati

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên-thiên), dưới gốc cây Đa (Banyan) của người Chấn Dê, ngay sau khi giác-ngộ toàn thiện (thành Phật). Rồi, khi đức Thế Tôn đang ở một mình trong sự tách-ly đó, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vậy:

“Năm căn, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ. Năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

Lúc đó vị Trời Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm đức Thế Tôn, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn. Vị trời chĩnh lại y áo trên một vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng ... có sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của chúng.

“Thưa Thế Tôn, trong quá khứ con đã sống đời sống tâm linh dưới bậc Toàn Giác là (Đức Phật) Ca-diếp (Kassapa). Ở đó mọi người biết con là Tỳ kheo Sahaka. Nhờ con đã tu tập và tu dưỡng năm căn này, nên con đã loại bỏ dục đối với những khoái-lạc giác quan (dục lạc), và nhờ vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, con đã được tái sinh trong một nơi-đến phúc lành, trong cõi trời. Ở đó mọi người biết con là Trời Sahampati (Phạm thiên Sa-ham-ba-ti). Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

(SN 48:57)

58 (8) *Hang Heo Rừng*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền, trong chỗ Hang Heo Rừng. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất như vậy:

“Này Xá-lợi-phất, vì xem xét lợi ích gì mà một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm (A-la-hán) hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất (tối cao, tối thượng) đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai?” ²⁴¹

“Thưa Thế Tôn, chính là do xem xét lợi ích là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi sự trói-buộc’ cho nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, do xem xét lợi ích là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi sự trói-buộc’ cho nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.

“Và, này Xá-lợi-phất, cái gì là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi sự trói-buộc’ mà vì nó một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai?”

“Thưa Thế Tôn, ở đây một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm tu tập căn niềm-tin, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ. Người đó tu tập căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ. Thưa Thế Tôn, chính ‘sự an-toàn tối thượng khỏi sự trói-buộc’ đã được xem xét là lợi ích cho nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, bởi do xem xét lợi ích là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi sự trói-buộc’ cho nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh cao nhất đối với Như

Lai và giáo lý của Như Lai.”

“Và, này Xá-lợi-phất, cái gì là sự tôn vinh cao nhất (tối thượng) mà một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện nó đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai?”

“Ồ đây, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm sống tôn trọng và kính trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, đối với sự tu-học và sự định-tâm.²⁴² Thưa Thế Tôn, đây chính là sự tôn vinh cao nhất mà một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện nó đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, bởi do xem xét ích lợi là ‘sự an-toàn tối thượng khỏi sự trói-buộc’ cho nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm hành xử theo cách để thể hiện sự tôn vinh tối cao đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.”

(SN 48:58)

59 (9) Khởi Sinh (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Năm đó là gì? Đó là: căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ. Năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

(SN 48:59)

60 (10) Khởi Sinh (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có Giới Luật của bậc Phúc Lành (Thiện Thệ). Năm đó là gì? Đó là căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ. Năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi không có Giới Luật của bậc Phúc Lành.”

(SN 48:60)

NHÓM 7

NHÓM ‘HỘ DẪN TỚI GIÁC-NGỘ’

(*Bodhipakkhiya-vagga*)

61 (1) Những Gông Cùm

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới đẹp bỏ những gông-cùm (kiết sử). Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ. Năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới đẹp bỏ những gông-cùm.”

(SN 48:61)

62 (2) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn

“Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới bùng bỏ những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên). Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Năm căn này ...”

(SN 48:62)

63 (3) Sự Hoàn Toàn Hiểu

“Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) hành-trình (đường đi của luân hồi sinh tử; quá trình luân hồi). Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Năm căn này ...”

(SN 48:63)

64 (4) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm ...

“Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ.

“Năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự dẹp bỏ những gông-cùm (kiết sử), dẫn tới sự bùng bỏ những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên), dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) đường-đi, dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ.”

(SN 48:64)

65 (5) Hai Thánh Quả

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Đây là năm căn.

“Này các Tỳ kheo, khi năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (A-la-hán), hoặc nếu còn chút tàn dư của sự chấp-thủ (thủ) thì trạng thái Bất-lai.”

(SN 48:65)

66 (6) Bảy Ích Lợi ...

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Đây là năm căn.

“Này các Tỳ kheo, khi năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy kết quả và ích lợi. Cái gì là bảy kết quả và ích lợi?

“(i) Người tu chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) *ngay trong kiếp này*. (ii) Nếu người đó không chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, thì sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng *ngay lúc chết*. (iii) Nếu người đó không chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hay ngay lúc chết, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó là người chứng ngộ Niết-bàn trong *trong khoảng-giữa* (giữa 02 kiếp)

... (iv) chứng ngộ Niết-bàn *ngay khi đáp-xuống* (ngay sau tái sinh) ... (v) chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm* ... (vi) chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm* ... (vii) đang hưởng thượng lưu, *đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha* (tức lần lượt tái sinh từ thấp lên cao qua 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên); cõi thứ năm là *Akaniṭṭha* (Sắc cú kính thiên), là cõi trời cao nhất và thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch đó dành cho những thánh Bất-lai).

“Này các Tỳ kheo, khi năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi này.”

(SN 48:66)

67 (7) Cây (1)

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối ở cõi Diêm-phù-đề (Jambudīpa, nghĩa là: đại lục Táo Hồng) thì cây táo hồng được tuyên bố là đứng đầu. Cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ. Căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối ở cõi Diêm-phù-đề thì cây táo hồng được tuyên bố là đứng đầu. Cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.”

(SN 48:67)

68 (8) Cây (2)

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối của những thiên thần ở cõi trời Tāvātimsa (cõi trời Đao-lợi, Ba Mươi Ba) thì cây san-hô²⁴³ được tuyên bố là đứng đầu. Cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin ... căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, cũng như ... căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.”

(SN 48:68)

69 (9) Cây (3)

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối của những quỷ thần a-tu-la (asura) thì cây hoa loa-kèn²⁴⁴ được tuyên bố là đứng đầu. Cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin ... căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, cũng như ... căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.”

(SN 48:69)

70 (10) Cây (4)

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối của những chim thần supanna (kim xí điều) thì cây bông-lụa được tuyên bố là đứng đầu. Cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin ... căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, cũng như ... căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.”

(SN 48:70)

NHÓM 8
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’
LẬP LẠI & TÓM LƯỢC
(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)

71 (1) — 82 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘năm căn tâm linh’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm căn tâm linh? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin ... căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ, [sự tu tập đó] (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘năm căn tâm linh’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 48:71)

[*Tất cả các kinh của NHÓM này lập lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92—102 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Căn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 48:71—82)

Sáu đổ ra hướng đông
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

NHÓM 9
NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’
(*Appamāda-vagga*)

83 (1) — 92 (10) Như Lai ...

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, trong mọi loại chúng sinh— dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có sắc-thân hay không có sắc-thân, có nhận-thức hay không có nhận-thức, hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức”

[*Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139—148 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Căn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 48:83—92)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

NHÓM 10
NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’
(*Balakaraṇīya-vagga*)

93 (1) — 104 (12) Khó Nhọc ...

[*Tất cả các kinh của NHÓM này lập lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149—160 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Căn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 48:93—104)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

NHÓM 11
NHÓM ‘TÌM KIẾM’
(*Esanā-vagga*)

105 (1) — 114 (10) Sự Tìm Kiếm ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:161—170** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Căn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:105—114)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cần cỗi, Những sự ó nơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.

NHÓM 12

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’

(Ogha-vagga)

115 (1) — 123 (10) Những Dòng Lũ ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:171—179** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Căn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:115—123)

124 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn ...

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. ‘Năm căn tâm linh’ này (ngũ căn) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp (liễu tri) năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

— “Năm đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin ... căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ, [sự tu tập đó] (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. ‘Năm căn tâm linh’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 47:124)

Những Dòng-lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Chấp Thủ, Những Gút Mắc,

Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

NHÓM 13
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’
LẬP LẠI & TÓM LƯỢC
(*Gaṅgā-Peyyāla-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham ...’]

125 (I) — 136 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘năm căn tâm linh’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘năm căn tâm linh’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin ... căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ, [sự tu tập đó] (ii) có mục-tiêu cuối-cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘năm căn tâm linh’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 48:125)

[Các kinh còn lại của **NHÓM** này lập lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:92—102** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Căn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:126—136)

NHÓM 14
NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’
(*Appamāda-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham ...’]

(1) — 146 (10) Như Lai ...

[Các kinh của **NHÓM** này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:139–148** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Căn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:137–146)

Như Lai, Dầu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

NHÓM 15
NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’
(*Balakaraṇīya-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham ...’]

147 (1) — 158 (10) Khó Nhọc ...

[*Tất cả các kinh của NHÓM này lập lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149–160 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Căn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 48:147–158)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

NHÓM 16
NHÓM ‘TÌM KIẾM’
(*Esanā-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

159 (1) — 168 (10) Sự Tìm Kiếm ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:161—170** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Căn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:159—168)

Sự tìm-kiếm, Sự Ô-Nhiễm, Những ô-nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự Cần Cối, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối,
Những Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm Khát.

NHÓM 17
NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’
(*Ogha-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

169 (1) – 177 (10) Những Dòng Lũ ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:171–179** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Căn’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 48:169–177)

178 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn ...

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. ‘Năm căn tâm linh’ (ngũ căn) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp (liễu tri) năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng (liễu ngộ), dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

— “Năm đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin ... căn nỗ-lực tu ... căn chánh-niệm ... căn định-tâm ... căn trí-tuệ, [sự tu tập đó] (ii) có mục-tiêu cuối-cùng của nó là sự *loại-bỏ tham*, *loại-bỏ sân*, *loại-bỏ si*.

“Này các Tỳ kheo, ‘năm căn tâm linh’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 48:178)

Những Dòng-lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Chấp Thủ, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

[► Nghĩa là: Tất cả các kinh từ **NHÓM 13-17** đều lặp lại theo phiên-mẫu [Loại Bỏ Tham...] với ‘**Năm Căn**’ (thay vì bằng ‘**Bát Thánh Đạo**’ như trong Chương 45.)

Chương 49

Liên Kết (BỐN) SỰ CHUYÊN-CẦN TU ĐÚNG ĐẮN

(49 *Sammappadhāna-saṃyutta*)

(49 *Tương ưng Chánh Cần*)

NHÓM 1

NHÓM ‘SÔNG HẰNG’

LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Gaṅgā-Peyyāla-vagga*)

1 (I) — 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

Ở Sāvattihī.

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn này (tứ chánh cần). Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (dục) *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn *dep-bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Đây là bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn.²⁴⁵

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn’ (tứ chánh cần) là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-

muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn *đẹp-bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Đây là bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 49:01)

[*Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92—102 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn’ [Tứ chánh cần] (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 49:02—12)

Sáu đổ ra hướng đông
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

NHÓM 2
NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’
(*Appamāda-vagga*)

13 (1) — 22 (10) Như Lai ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:139—148** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn’ [Tứ chánh cần] (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 49:13—22)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

NHÓM 3

NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’

(*Balakaraṇīya-vagga*)

14 (1) — 34 (12) *Khó Nhọc ...*

“Này các Tỳ kheo, giống như việc làm khó nhọc (nặng nhọc, cần nhiều công sức) được làm, thì tất cả đều được làm dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần).”

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần)? Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn *đẹp-bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Đây là bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn.”

(SN 49:23)

► [Các kinh còn lại của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành với các kinh 45:149—160 trong Chương 45, nhưng với ‘Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn’ [Tứ chánh cần] (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 49:24—34)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

NHÓM 4

NHÓM ‘TÌM KIẾM’

(*Esanā-vagga*)

35 (1) — 44 (10) Sự Tìm Kiếm ...

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm (tầm cầu) này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác quan (dục lạc), tìm kiếm sự hiện-hữu (tái sinh), tìm kiếm đời-sống tâm linh (đời sống thánh thiêng; phạm hạnh). Đây là ba sự tìm-kiếm. Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn này (tứ chánh cần) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp (liễu tri) ba sự tìm-kiếm này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn *dẹp-bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Đây là bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn.

“Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự tìm-kiếm này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 49:35)

[*Các kinh còn lại của NHÓM này cũng lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:161—170 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn [Tứ chánh cần] (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 49:36—44)

Sự tìm-kiếm, Sự Ô-Nhiễm, Những ô-nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự Căn Cỗi, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối,
Những Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm Khát.

NHÓM 5

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’

(Ogha-vagga)

45 (1) – 53 (9) Những Dòng Lũ ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:171–179** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn [Tứ chánh cần] (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 49:45–53)

54 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn ...

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn này (tứ chánh cần) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp ba sự tìm-kiếm này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng.

— “Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn đẹp-bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu, áp dụng tâm, và chuyên-cần tu. Đây là bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn.

“Bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn này nên được tu tập để dẫn tới sự-

biết trực tiếp ba sự tìm-kiếm này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 49:54)

Những Dòng-lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Chấp Thủ, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

Chương 50

Liên Kết (NĂM) NĂNG-LỰC

(50 *Bala-samyutta*)

(50 *Tương ứng Lực*)

NHÓM 1
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’
LẬP LẠI & TÓM LƯỢC
(*Gaṅgā-Peyyāla-vagga*)

[Theo mẫu ‘Sự Tách-Ly ...’]

1 (I) — 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

“Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực này. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin (tín lực), năng lực nỗ-lực tu (tấn lực), năng lực chánh-niệm (niệm lực), năng lực định-tâm (định lực), năng lực trí-tuệ (tuệ lực). Đây là năm năng-lực (ngũ lực).

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm năng-lực này là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, tu tập năng lực niềm-tin (tín), [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập năng lực nỗ-lực tu (tấn) ... năng lực chánh-niệm (niệm) ... năng lực định-tâm (định) ... năng lực trí tuệ, [sự tu tập đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 50:01)

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lập lại một cách song hành tương ứng

với các kinh 45:92—102 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:02—12)

Sáu đồ ra hướng đông
Và sáu đồ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

NHÓM 2
NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’
(*Appamāda-vagga*)

13 (1) — 22 (10) Như Lai ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lập lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:139–148** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:13–22)

Như Lai, Dầu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

NHÓM 3
NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’
(*Balakaraṇīya-vagga*)

23 (1) — 34 (12) Khó Nhọc ...

[*Tất cả các kinh còn lại của NHÓM này lập lại một cách song hành với các kinh 45:149—160 trong Chương 45, nhưng với ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 50:23—34)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

NHÓM 4
NHÓM ‘TÌM KIẾM’
(*Esanā-vagga*)

35 (1) — 44 (10) Sự Tìm Kiếm ...

[Tất cả các kinh còn lại của **NHÓM** này cũng lập lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:161–170** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:35–44)

Sự tìm-kiếm, Sự Ô-Nhiễm, Những ô-nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khô,
Sự Cắn Cối, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối,
Những Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm Khát.

NHÓM 5

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’

(Ogha-vagga)

45 (1) — 53 (9) Những Dòng Lũ ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:171–179** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:45–53)

54 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn...

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Năm năng-lực này (ngũ lực) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

— “Năm đó là gì? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin, [sự tu tập đó] (i) dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập năng lực sự nỗ-lực tu ... năng lực chánh-niệm ... năng lực định-tâm ... năng lực trí tuệ, [sự tu tập đó] (i) dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

“Năm năng-lực này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 50:54)

Những Dòng-lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Chấp Thủ, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

NHÓM 6
NHÓM ‘SÔNG HẰNG
LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’
(*Gaṅgā-peyyāla-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham ...’]

55 (1) — 66 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ, [sự tu tập đó] (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 50:55—66)

[*Tất cả các kinh của NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92—102 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

NHÓM 7
NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’
(*Appamāda-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham ...’]

67 (1) — 76 (10) Như Lai ...

[Các kinh của **NHÓM** này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:139–148** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:67–76)

NHÓM 8
NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’
(*Balakaraṇīya-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham ...’]

77 (1) — 88 (12) Khó Nhọc ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:149—160** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:77—88)

NHÓM 9
NHÓM ‘TÌM KIẾM’
(*Esanā-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham ...’]

89 (1) — 98 (10) Sự Tìm Kiếm...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:161–170** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:89–98)

NHÓM 10
NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’
(*Ogha-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham ...’]

99 (1) – 107 (9) Những Dòng Lũ ...

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:171–179** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Năm Năng-Lực’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 50:99–107)

108 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn ...

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Năm năng-lực (ngũ lực) này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp (liễu tri) năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

— “Năm đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin ... năng lực sự nỗ-lực tu ... năng lực chánh-niệm ... năng lực định-tâm ... năng lực trí-tuệ, [sự tu tập đó] (ii) có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*.

“Năm năng-lực này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 50:108)

Những Dòng-lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Chấp Thủ, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

Chương 51

Liên Kết (BỐN) CƠ-SỞ THẦN THÔNG

(51 Iddhīpāda-saṃyutta)

(51 Tương ứng Thần Túc)

NHÓM 1

NHÓM ‘ĐÈN CĀBĀLA’

(*Cābāla-vagga*)

1 (I) Khởi Bờ Này ...

“Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở (đề tu đạt) thần thông [thần thông = năng-lực tâm linh] này, khi tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn dắt vượt khỏi bờ này qua bờ kia. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu. (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ tâm* (tâm) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu. (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.²⁴⁶ Bốn cơ-sở thần thông này (tứ thần túc), khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn dắt vượt khỏi bờ này (thử ngạn) qua bờ kia (bỉ ngạn).”

(SN 51:01)

2 (2) Bỏ Lơ

“Này các Tỳ kheo, ai đã bỏ lơ (lơ tâm, bỏ quên, bỏ mất, không tu tập) bốn cơ-sở thần thông là (coi như) đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Ai đã đảm nhận (tu tập) bốn cơ-sở thần thông là đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ tâm* (tâm)

... (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

“Này các Tỳ kheo, ai đã bỏ lơ bốn cơ-sở thần thông là đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Ai đã đảm nhận bốn cơ-sở thần thông là đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 51:02)

3 (3) Thánh Thiện

“Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh thiện và mang tính giải thoát; chúng sẽ dẫn dắt người tu tập chúng đi tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ tâm* (tâm) ... (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu. Bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh thiện và mang tính giải thoát; chúng sẽ dẫn dắt người tu tập chúng đi tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 51:03)

4 (4) Sự Ghê Sợ

“Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, dẫn tới sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần

túc, như-ý túc) vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ tâm* (tâm) ... (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu. Bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng ... dẫn tới Niết-bàn.”

(SN 51:04)

5 (5) Từng Phần

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ tu đạt phần nào của thần thông, tất cả họ làm được vậy là do họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ tu đạt phần nào thần-thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại tu đạt phần nào thần thông, tất cả làm được vậy là do họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ tâm* (tâm) ... (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại tu đạt phần nào thần thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.”

(SN 51:05)

6 (6) Toàn Bộ

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ tu đạt toàn bộ thần thông, tất cả họ làm được vậy là do họ *đã* có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai *sẽ* tu đạt toàn bộ thần thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại tu đạt toàn bộ thần thông, tất cả làm được vậy là do họ *đã* có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ tâm* (tâm) ... (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại tu đạt toàn bộ thần thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.”

(SN 51:06)

7 (7) Các Tỳ Kheo

“Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào trong *quá khứ*, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp đó *đã* chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, tất cả họ làm được vậy là do họ đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những Tỳ kheo nào trong *tương lai*, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp đó *sẽ* chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, tất cả họ làm

được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những Tỳ kheo nào trong *hiện tại*, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, tất cả họ làm được vậy là do họ đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ tâm* (tâm) ... (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

“Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại, chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm ... tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.”

(SN 51:07)

8 (8) Phật

“Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở này (để tu đạt) thần thông. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc, như-ý túc) vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ tâm* (tâm) ... (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu. Đây là bốn cơ-sở thần thông. Chính do Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông cho nên Như Lai được gọi là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

(SN 51:08)

9 (9) Sự Biết

(i) “‘Đây là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành)’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh, chân trí), và ánh-sáng.²⁴⁷

“‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu *nên được tu tập*’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

“‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu *đã được tu tập*’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

(ii) “‘Đây là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành)’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

“‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực tu* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu *nên được tu tập*’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

“‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực tu* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu *đã được tu tập*’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

(iii) “‘Đây là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *tâm* (tâm) và

những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành)’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

““Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *tâm* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu *nên* được tu tập’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

““Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *tâm* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu *đã* được tu tập’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

(iv) ““Đây là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành)’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

““Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu *nên* được tu tập’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.

““Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-sự điều-tra nhờ *sự điều-tra* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu *đã* được tu tập’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (minh), và ánh-sáng.”

(SN 51:09)

10 (10) Ngôi Đền

Tôi nghe như vậy.²⁴⁸ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Bấy giờ,

vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Vesālī để khát thực. Sau khi đã xong một vòng đi khát thực trong thành Vesālī và trở về, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn nói với Ngài Ānanda như vậy:

“Này Ānanda, hãy lấy tấm lót ngồi. Chúng ta đi tới chỗ Ngõ Đền Cây Cāpāla để an trú ban ngày.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và sau khi mang theo tấm lót ngồi, thầy ấy đi sát sau đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đi đến Đền Cāpāla và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Thầy Ānanda, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, cũng ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda:

“Thật đáng thích là Vesālī, này Ānanda, thật đáng thích là Đền Udena, thật đáng thích là Đền Gotamaka, thật đáng thích là Đền Sattamba, thật đáng thích là Đền Bahuputta, thật đáng thích là Đền Sārandada, thật đáng thích là Đền Cāpāla. Này Ānanda, ai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc), làm chúng thành một cỗ-xe (tu thừa), làm chúng thành một căn-bản, ổn định chúng, thực hành bản thân trong chúng, và hoàn thiện chúng tròn đầy, và nếu người đó muốn, người đó có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này. Này Ānanda, Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, đã làm chúng thành một cỗ-xe, đã làm chúng thành một căn-bản, ổn định chúng, đã thực hành bản thân mình trong chúng, và đã hoàn thiện chúng tròn đầy, và nếu Như Lai muốn, Như Lai có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này.”²⁴⁹

Nhưng mặc dù thầy Ānanda đã được đức Thế Tôn cho tín-hiệu rõ ràng như vậy, mặc dù thầy đã được đức Thế Tôn gợi-ý rõ ràng như vậy, thầy ấy vẫn không thể thấu hiểu (thâm nhập) điều đó. Thầy ấy đã không thỉnh cầu đức Thế Tôn như vậy: “Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn sống một đại kiếp! Kính mong bậc Phúc Lành sống một đại kiếp, vì phúc lợi của đại chúng, vì hạnh phúc của đại chúng, vì lòng bi mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của những thiên thần và loài

người.” Tâm trí của thầy ấy đã bị ám muội bởi Ma Vương đến mức như vậy.²⁵⁰

Lần thứ hai ... Lần thứ ba đức Thế Tôn nói lại với thầy Ānanda: “Thật đáng thích là Vesālī, này Ānanda Này Ānanda, ai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông ... và nếu người đó muốn, người đó có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này ... Nếu Như Lai muốn, Như Lai có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này.”

Nhưng cũng vậy, mặc dù thầy Ānanda đã được đức Thế Tôn cho tín-hiệu rõ ràng như vậy, mặc dù thầy đã được đức Thế Tôn gợi-ý rõ ràng như vậy, thầy ấy vẫn không thể thấu hiểu điều đó ... Tâm trí của thầy ấy đã bị ám muội bởi Ma Vương đến mức như vậy.

Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: “Giờ thầy có thể đi đâu tùy ý, này Ānanda”. (tức không cần phải ngồi bên cạnh hay hầu cận Phật lúc này nữa)

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, và giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, thầy ấy đi đến ngồi dưới một gốc cây gần đó.

Rồi, không lâu sau khi thầy Ānanda đi, Ma Vương Ác Ma đã tới gặp đức Thế Tôn và nói với đức Thế Tôn:

- “Này bậc Thế Tôn, vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát niết-bàn! (tức niết-bàn và qua đời). Giờ bậc Phúc Lành hãy bát niết-bàn! Giờ là lúc bát niết-bàn của bậc Thế Tôn!

- “Này bậc Thế Tôn, xưa bậc Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này:²⁵¹ [‘Này Ác Ma, ta sẽ không Bát Niết-bàn cho đến khi ta có những đệ tử Tỳ kheo là những người có hiền-trí, có kỷ-luật, tỵ-tin, an-toàn khỏi sự trói-buộc (của luân hồi ...), đã học-hiểu, là những người hộ trì của Giáo Pháp, đang thực hành đúng theo Giáo Pháp, đang thực hành theo cách phù hợp đúng đắn, đang dẫn dắt bản thân đúng theo vậy; là những người đã học được giáo pháp của thầy mình và có thể giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên

bỏ nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm rõ nó; là những người có thể bác bỏ những giáo thuyết của những người khác (tà giáo, ngoại giáo) một cách xuyên suốt bằng những cách hợp-ly (hữu lý, đúng lý) và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu nghiệm.]²⁵² Nhưng bây giờ, thưa ngài, bậc Thế Tôn đã có được rồi những Tỳ-kheo là những người hiền-trí ... và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu nghiệm. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát Niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy bát Niết-bàn! Giờ là lúc bát Niết-bàn của bậc Thế Tôn!

- “Này bậc Thế Tôn, xưa bậc Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này: [‘Này Ác Ma, ta sẽ không bát Niết-bàn cho tới khi ta có *những đệ tử Tỳ kheo ni ... những đệ tử tại gia nam ... những đệ tử tại gia nữ* là những người có hiền-trí, có kỷ-luật ... họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu nghiệm.] Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, bậc Thế Tôn đã có được rồi những đệ tử Tỳ kheo ni ... những đệ tử tại gia nam ... những đệ tử tại gia nữ là những người có hiền-trí ... và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hữu hiệu. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát Niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy bát Niết-bàn! Giờ là lúc bát Niết-bàn của bậc Thế Tôn!

- “Này bậc Thế Tôn, xưa bậc Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này: [‘Này Ác Ma, ta sẽ không bát Niết-bàn cho tới khi đời-sống tâm linh (phạm hạnh) của ta đã thành công và phát đạt, được mở rộng, phổ biến, truyền rộng, được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người.’]²⁵³ Nhưng bây giờ, thưa ngài, đời-sống tâm linh của đức Thế Tôn đã thành công và phát đạt, đã được mở rộng, phổ biến, truyền rộng, được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát Niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy bát Niết-bàn! Giờ là lúc bát Niết-bàn của bậc Thế Tôn!”

Sau khi Ma Vương nói ra những điều này, đức Thế Tôn đã nói với Ma Vương như vậy: “Cứ an nhàn đi, này Ác Ma (= đừng bận tâm, đừng manh động làm chi). Cũng không lâu nữa là tới lúc bát Niết-bàn của Như Lai. Trong vòng ba tháng tới Như Lai sẽ bát Niết-bàn.”

Rồi đức Thế Tôn, ở Đền Cāpāla đó, một cách có chánh-niệm và rõ-

biết, đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự sống’ (mạng hành, hành sinh mạng).²⁵⁴ Và sau khi đức Thế Tôn đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự sống’ của mình, một trận động đất đã xảy ra, làm kinh sợ và khiếp sợ, và tiếng gầm nổ của sấm sét làm rung chuyển khắp trời.

Rồi, sau khi đã hiểu được ý nghĩa của sự kiện này, đức Thế Tôn nhân lúc đó đã thốt ra lời cảm hứng này:

“Sau khi so sánh ‘điều bất khả so sánh’ với ‘sự tiếp tục hiện-hữu’,
Bậc mâu-ni đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự hiện-hữu’.
Hân hoan ở bên-trong, đạt-định; bậc ấy phá bỏ
‘Sự tiếp tục sự hiện-hữu của mình’ như (cởi bỏ) một áo giáp.”²⁵⁵

(SN 51:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘RUNG CHUYỀN LÂU ĐÀI’

(*Pāsādakampana-vagga*)

11 (1) Trước Khi ...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý đã xảy đến với ta: ‘Giờ cái gì là nguyên-nhân (nhân) và điều-kiện (duyên) để tu tập bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc)?’ Rồi điều này đã xảy đến với ta:

(i) ‘Ở đây, một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục, ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: “Như vậy *sự mong-muốn* của ta sẽ không quá xiù [yếu, lỏng] cũng không quá bốc [mạnh, căng]; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó an trú nhận-thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc (bao kín, bao nhốt), người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.²⁵⁶

(ii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu, (người đó) nghĩ rằng: “Như vậy *sự nỗ-lực tu* của ta sẽ không quá xiù cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó an trú nhận-thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(iii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *tâm*

(tâm) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu, (người đó) nghĩ rằng: “Nhu vậy *tâm* của ta sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó an trú nhận-thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Nhu vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(iv) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu, (người đó) nghĩ rằng: “Nhu vậy *sự điều-tra* của ta sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó an trú nhận-thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Nhu vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(1) ““Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*biến hóa thông*), như:²⁵⁷ “Biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; người đó hiện hình và biến hình; người đó đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi trên chân; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và uy hùng như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.”

(2) ““Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: “Với yếu-tố tai thiên-thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người*, ở xa và ở gần.”

(3) ““Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách

này, thì một Tỳ kheo: “*Có thể hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông)*. Người đó hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vọt] là bao la, và tâm không bao la là không bao la; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát.”

(4) “*Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: “Có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh)*; đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (người đó nhớ rõ) ‘Ở (kiếp) đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’ Như vậy đó, người đó có thể nhớ lại những phương diện và những đặc điểm của những cõi kiếp quá khứ của mình.”

(5) “*Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: “Với yếu-tố với mắt thiên-thánh (thiên nhãn minh)*,

đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vậy: [‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’] Như vậy đó, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những nghiệp của họ như vậy.”

(6) “‘Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (lậu tận minh).’”

(SN 51:11)

12 (2) Có Kết Quả Lớn

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này (Tứ thần túc) được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào bốn cơ-sở thần thông được tu tập và tu dưỡng để mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?

(i) “Ở đây, một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục, ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: ‘Như vậy *sự mong-muốn* của ta sẽ không quá xiù [yếu, lỏng] cũng không quá bốc [mạnh, căng]; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.’ Và người đó an trú nhận-thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.’ Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(ii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) sự định-tâm nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) ... người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. (*như kinh kể trên*)

(1) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*biến hóa thông*), như: “Biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.”

(2) – (5) ... (*Tiếp tục các loại thần thông (2)-(5) như kinh kể trên*)

(6) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (*lậu tận minh*).”

[*Sáu loại trí được lập lại như cuối kinh 51:11 kể trên.*]

(SN 51:12)

13 (3) *Sự Định Tâm Nhờ Sự Mong Muốn ...*

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm dựa trên *sự mong-muốn* (dục, ý muốn),²⁵⁸ đây

được gọi là *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn*. (i) Người đó khởi tạo mong-muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong muốn *trừ bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) ... mong muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) ... mong muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng cường, và hoàn thiện nhờ sự tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). Những đây được gọi là ‘những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu’ (tinh cần hành).²⁵⁹ Như vậy *sự mong-muốn* này, và *sự định-tâm* này nhờ ‘những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu’: đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

(2) “Nếu một Tỳ kheo đạt được *sự định-tâm*, đạt được *sự nhất-điểm* của tâm dựa trên *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn), đây được gọi là *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu*. (i) Người đó khởi tạo mong *muốn không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) ... mong muốn *trừ bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) ... mong muốn *làm khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) ... mong muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). Những đây được gọi là ‘những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu’ (tinh cần hành). Như vậy *sự nỗ-lực tu* này, và *sự định-tâm* này nhờ ‘những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu’: đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

(3) “Nếu một Tỳ kheo đạt được *sự định-tâm*, đạt được *sự nhất-điểm* của tâm dựa trên *tâm* (tâm), đây được gọi là *sự định-tâm nhờ tâm*.²⁶⁰ (i) Người đó khởi tạo mong muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện

xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) ... mong muốn *trừ bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) ... mong muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) ... mong muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). Những đây được gọi là ‘những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu’ (tinh cần hành). Như vậy *tâm* này, và sự định-tâm này nhờ ‘những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu’: đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *tâm* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

(4) “Nếu một Tỳ kheo đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm dựa trên *sự điều-tra* (trạch pháp), đây được gọi là *sự định-tâm nhờ sự điều-tra*.²⁶¹ (i) Người đó khởi tạo mong muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) ... mong muốn *trừ bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) ... mong muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) ... mong muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). Những đây được gọi là ‘những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu’ (tinh cần hành). Như vậy *sự điều-tra* này, và sự định-tâm này nhờ ‘những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu’: đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

(SN 51:13)

14 (4) Mục-Kiền-Liên

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn Phía Đông (Đông Viên), trong Lâu Đài của mẹ của Migāra (tức là đại nữ thí chủ Visākkhā). Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ

kheo đang ở tầng trệt của lâu đài cảm thấy bất an, bồn chồn, bản thân vô tích sự, nói nhiều, nói lan man, có tâm mờ rôi (thất niệm), không rõ-biết (thiếu tỉnh giác), không đạt định, với một cái tâm lang thang, lơ lửng các căn (các căn không phòng hộ).²⁶²

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với ngài Mục-kiền-liên như vậy:

“Này Mục-kiền-liên, những huynh đệ trong đời sống tâm linh, đang ở tầng trệt của Lâu Đài của mẹ của Migāra, đang thấy bất an ... lơ lửng các căn cảm-nhận. Này, Mục-kiền-liên, hãy đến khuấy động một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ trong những Tỳ kheo đó.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Đại Mục-kiền-liên đáp lại. Rồi thầy thực hiện một màn thần thông dùng ngón chân làm rung chuyển, chấn động, và rung động Lâu Đài của mẹ của Migāra. Lúc đó những Tỳ kheo đó, bị giật mình và hoảng sợ, đứng qua một bên và nói: “Đúng thực kỳ diệu, này các thầy! Đúng thực kỳ lạ, này các thầy! Không có gió, và Lâu Đài này của mẹ Migāra có nền móng sâu và được xây một cách chắc chắn, bất dịch, bất động; nhưng nó lại bị rung chuyển, bị chấn động, và bị rung động.”

Lúc đó đức Thế Tôn đến chỗ các Tỳ kheo và nói với họ:

“Này các Tỳ kheo, tại sao các thầy lại đứng qua một bên, giật mình và hoảng sợ như vậy?”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật kỳ lạ, thưa Thế Tôn! Không có gió, và Lâu Đài này của mẹ Migāra có nền móng sâu và được xây một cách chắc chắn, bất dịch, bất động; nhưng nó lại bị rung chuyển, bị chấn động, và bị rung động.”

“Này các Tỳ kheo, do Tỳ kheo Mục-kiền-liên muốn khuấy động một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ bên trong các thầy, nên thầy ấy đã dùng ngón chân làm rung chuyển, chấn động, và rung động Lâu Đài của mẹ của Migāra.²⁶³ Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, bằng cách đã tu tập những thứ gì mà Tỳ kheo Mục-kiền-liên trở thành uy lực và uy dũng như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế

Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói. Chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc), cho nên thầy ấy đã trở thành uy lực và uy dũng như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) Tỳ kheo Mục-kiền-liên đã tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục) ... (ii) ... sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) sự định-tâm nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành), (thầy ấy) nghĩ rằng: ‘Như vậy *sự mong-muốn* ... *sự điều-tra* của ta sẽ không quá xiù cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài’ ... Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, thầy ấy tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

“Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này, cho nên thầy ấy đã trở thành uy lực và uy dũng như vậy.

(1) “Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này, cho nên thầy ấy đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*biến hóa thông*), như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā ... (*Tiếp tục các loại thần thần thông (2)-(5) như kinh 51:11 ở trên*)²⁶⁴

(6) “Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này, cho nên thầy ấy, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (*lậu tận minh*).”

(SN 51:14)

15 (5) Bà-la-môn Uṇṇābha

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó có bà-la-môn tên Uṇṇābha đến gặp thầy Ānanda và chào hỏi với thầy ấy.²⁶⁵ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Thầy Ānanda, vì mục đích gì mà đi sống đời sống tâm linh (đi tu) theo/dưới sa-môn Cồ-đàm như vậy?”

“Đó là vì mục đích đẹp bỏ dục [ham muốn, tham muốn] nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.”

“Nhưng, Thầy Ānanda, có con-đường nào (đạo), có đường-đi nào dẫn tới sự đẹp bỏ dục này?”

“Này bà-la-môn, có một con-đường, có một đường-đi dẫn tới sự đẹp bỏ dục này.”

“Nhưng, Thầy Ānanda, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi dẫn tới sự đẹp bỏ dục này?”

“Ở đây, này bà-la-môn, (i) một Tỷ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý-muốn*) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.”

“Thầy Ānanda, trong trường hợp như vậy thì đường tu đó là vô cùng, không có kết cục (tức là vô ích, tu hoài cũng chẳng xong, chẳng đi tới đâu).²⁶⁶ Vì làm sao một người có thể đẹp bỏ dục bằng chính dục (ý-muốn*) nói trên.”

“Vậy thì, này bà-la-môn, tôi sẽ hỏi ông về vấn đề này. Cứ trả lời nếu ông thấy đúng. Này bà-la-môn, ông nghĩ sao, trước đó ông đã từng có *mong-muốn* (dục) ‘Ta sẽ đi tới tịnh xá’, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải mong-muốn ban đầu [tương ứng] đó đã lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Trước đó ông đã từng phát khởi *sự nỗ-lực* (tinh tấn), nghĩ rằng ‘Ta sẽ đi tới tịnh xá’, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải sự nỗ-lực ban đầu đó đã lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Ông đã từng *quyết định tâm mình* (tâm), nghĩ rằng ‘Ta sẽ đi tới tịnh xá’, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải sự quyết định tâm²⁶⁷ ban đầu đó đã lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Trước đó ông đã từng có *sự điều-tra* (trạch pháp), để biết “Liệu ta có nên đi đến tịnh xá hay không?”, và sau khi ông đã đến tịnh xá, có phải sự điều-tra ban đầu đó đã lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Điều tôi đã nói cũng tương tự như vậy, này bà-la-môn, với một Tỷ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt hết ô-nhiễm (lậu tận), là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đạt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá hủy những gông-cùm trói buộc hiện-hữu, và đã được hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng. (i) Vị đó trước đây đã từng có *mong-muốn* (dục) chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị ấy đã đạt tới A-la-hán, sự mong-muốn (dục) ban đầu đó đã lặn mất (sau khi đã đạt tới mục-tiêu). (ii) Vị đó trước đây đã từng phát khởi *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, sự nỗ-lực tu ban đầu đó đã lặn mất. (iii) Vị đó trước đây đã từng *quyết-định tâm mình* (tâm) để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, sự quyết-định tâm ban đầu đó đã lặn mất. Vị đó trước đây đã từng có *sự điều-tra* (trạch pháp) để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, sự điều-tra ban đầu đó đã lặn mất.²⁶⁸

“Này bà-la-môn, ông nghĩ sao, trong trường hợp như vậy thì đường tu

là có kết cục hay là vô cùng?”

“Chắc chắn có, thưa thầy Ānanda, trong trường hợp như vậy thì đường tu là có kết cục, không phải là vô cùng.²⁶⁹ Thật kỳ diệu! Thưa Thầy Ānanda! ... Kể từ hôm nay mong thầy Ānanda ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 51:15)

16 (6) Những Tu Sĩ và Bà-La-Môn (1)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ* đã có được đại thần thông và đại uy lực, thì tất cả họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc). Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *tương lai* sẽ có được đại thần thông và đại uy lực, thì tất cả họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *hiện tại* có được đại thần thông và đại uy lực, thì tất cả họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Bốn đó là gì? Này bà-la-môn, ở đây (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ tâm (tâm) ... (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại có được đại thần thông và đại uy lực, thì tất cả họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này.”

(SN 51:16)

17 (7) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ* đạt

được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*biến hóa thông*), như: biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā—thì do tất cả họ *đã* tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *trương lai* sẽ đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā—thì do tất cả họ *có* tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *hiện tại* đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā—thì do tất cả họ *đã* tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ tâm (tâm) ... (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại đạt được và dụng được những loại thần thông khác nhau ... thì do tất cả họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này.”

(SN 51:17)

18 (8) Một Tỳ Kheo

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc), cho nên người đó, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ tâm (tâm) ... (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, cho nên người đó, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự biết trực tiếp.”

(SN 51:18)

19 (9) Một Giáo Lý

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy thần thông, các cơ-sở (để tu đạt) thần thông (tứ thần túc), sự tu-tập các cơ-sở thần thông, và con-đường dẫn tới sự tu tập các cơ-sở thần thông.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thần thông? Ở đây, một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā. Đây được gọi là thần thông.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cơ-sở thần thông? Đó chính là con-đường và sự tu-tập dẫn tới đạt được thần thông, dẫn tới chứng đắc thần thông.²⁷⁰ Đây được gọi là cơ-sở thần thông.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu-tập các cơ-sở thần thông? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ tâm (tâm) ... (iv) sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác

của sự chuyên-cần tu.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự tu tập các cơ-sở thần thông? Đó là Bát Thánh Đạo, đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tân, chánh-niệm, và chánh-định. Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự tu tập các cơ-sở thần thông.”

(SN 51:19)

20 (10) Phân Tích

“Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở thần thông này (tứ thần túc), khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào bốn cơ-sở thần thông được tu tập và tu dưỡng để chúng mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được (sở hữu) sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục, ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: ‘Như vậy sự mong-muốn của ta sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài.’ Và người đó an trú nhận-thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.’ Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(ii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* (tâm) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

[i. Phân tích cơ-sở là *sự mong-muốn* (dục)]

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự mong-muốn quá xù*? Đó là sự mong-muốn có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác.²⁷¹ Đây được gọi là sự mong-muốn quá xù.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự mong-muốn quá bốc*? Đó là sự mong-muốn có đi kèm sự bắt-an (trạo cử), có dính kèm sự bắt-an. Đây được gọi là sự mong-muốn quá bốc.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự mong-muốn bị co ép* (kìm hãm) ở bên trong? Đó là sự mong-muốn có đi kèm sự đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), có dính sự đờ-dẫn và buồn-ngủ. Đây được gọi là sự mong-muốn bị co ép bên trong.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự mong-muốn bị phân tán ở bên ngoài*? Đó là sự mong-muốn cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy nhiễu, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Đây được gọi là sự mong-muốn bị phân tán ở bên ngoài.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo *an trú nhận-thức sau và trước*: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy’? Ở đây, này các Tỳ kheo, sự nhận-thức về sau và trước được nắm-bắt một cách khéo léo bởi một Tỳ kheo, được chú-tâm (tác ý) một cách khéo léo, được xem-xét một cách khéo léo, được thâm-nhập bằng trí-tuệ. Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo an trú nhận-thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy’.²⁷²

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo *an trú nhận-thức dưới và trên*: ‘Dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy, dưới cũng vậy’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo quán xét lại hết thân này từ gót chân lên đỉnh đầu, từ đỉnh đầu xuống gót chân, được bao bọc trong da, chứa đầy những thứ không sạch ô uế: [‘Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhớt các khớp xương, và nước tiểu.’] Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo an trú nhận-thức: ‘Dưới vậy, trên cũng vậy;

trên vậy, dưới cũng vậy.’

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo *an trú nhận-thức đêm và ngày*: ‘Ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy’? Ở đây, này các Tỳ kheo, ban đêm một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (tứ thần túc) vốn có-được sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành) với cùng những tính chất, cùng những tướng nét, cùng những phương diện như người đó tu tập cơ-sở thần thông đó vào ban ngày. Hay nói khác, vào ban ngày người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu với cùng những tính chất, cùng những tướng nét, cùng những phương diện như người đó tu tập cơ-sở thần thông đó vào ban đêm. Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo an trú nhận-thức: ‘Ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.’

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, *với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc*, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng? Ở đây, này các Tỳ kheo, sự nhận-thức về ánh sáng được khéo nắm-bắt bởi một Tỳ kheo; sự nhận-thức về ngày được khéo giải-quyết.²⁷³

“Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

[ii. Phân tích cơ-sở là *sự nỗ-lực tu (tinh tấn)*]

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự nỗ-lực tu quá xù*? Đó là sự nỗ-lực tu có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác. Đây được gọi là sự nỗ-lực tu quá xù.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự nỗ-lực tu quá bốc*? Đó là sự nỗ-lực tu có đi kèm sự bắt-an (trạo cử), có dính kèm sự bắt-an. Đây được gọi là sự nỗ-lực tu quá bốc.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự nỗ-lực tu bị co ép ở bên trong*? Đó là sự nỗ-lực tu có đi kèm sự đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thuy miên), có dính sự đờ-dẫn và buồn ngủ. Đây được gọi là sự nỗ-lực tu bị co

ép bên trong.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nỗ-lực tu bị phân tán ở bên ngoài? Đó là sự nỗ-lực tu cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy nhiễu, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Đây được gọi là sự nỗ-lực tu bị phân tán ở bên ngoài ...

[*Tiếp tục giống đoạn [i.] ở trên chỉ thay chữ “sự mong-muốn” bằng chữ “sự nỗ-lực tu”.*] ...

“Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

[iii. Phân tích cơ-sở là *tâm* (tâm)]

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *tâm quá xù*? Đó là tâm có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác. Đây được gọi là tâm quá xù.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *tâm quá bốc*? Đó là tâm có đi kèm sự bất-an (trạo cử), có dính kèm sự bất-an. Đây được gọi là tâm quá bốc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *tâm bị co ép ở bên trong*? Đó là tâm có đi kèm sự đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụ miên), có dính sự đờ-dẫn và buồn-ngủ. Đây được gọi là tâm bị co ép ở bên trong.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *tâm bị phân tán ở bên ngoài*? Đó là tâm cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy nhiễu, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Đây được gọi là tâm bị phân tán ở bên ngoài....

[*Tiếp tục giống đoạn [i.] ở trên chỉ thay chữ “sự mong-muốn” bằng chữ “tâm”.*] ...

“Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

[iv. Phân tích cơ-sở là *sự điều-tra* (trạch pháp)]

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự điều-tra quá xù*? Đó là sự điều-

tra có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác. Đây được gọi là sự điều-tra quá xiu.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự điều-tra quá bốc*? Đó là sự điều-tra có đi kèm sự bất-an (trạo cử), có dính kèm sự bất-an. Đây được gọi là sự điều-tra quá bốc.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự điều-tra bị co ép ở bên trong*? Đó là sự điều-tra có đi kèm sự đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), có dính sự đờ-dẫn và buồn-ngủ. Đây được gọi là sự điều-tra bị co ép ở bên trong.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự điều-tra bị phân tán ở bên ngoài*? Đó là sự điều-tra cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy nhiễu, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Đây được gọi là sự điều-tra bị phân tán ở bên ngoài....

[*Tiếp tục giống đoạn [i.] ở trên chỉ thay chữ “sự mong-muốn” bằng chữ “sự nỗ-lực”.*] ...

“Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cõi mở và không bị bao bọc, tu tập cái tâm thâm nhuần sự tỏa-sáng.

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì chúng sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*biến hóa thông*), như: “Biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.”

(2) ... (*Tiếp tục các loại thần thần thông (2)-(5) như kinh kể trên*)

(6) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (*lậu tận minh*).”

[Lặp lại 06 loại siêu trí, gồm 03 thông và 03 minh, như cuối kinh **51:11** dẫn đầu chương này.]

(SN 51:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘HÒN SẮT’

(*Ayogula-vagga*)

21 (1) *Con Đường*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là con-đường [đạo] và sự thực-hành để tu tập bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc).’ Rồi điều này đã xảy đến với ta: ‘Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý muốn) ... (ii) ... nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) ... nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) nhờ *sự điều tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị bao bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*biến hóa thông*), như: “Biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.”

(2) ... (*Tiếp tục các loại thần thần thông (2)-(5) như kinh kể trên*)

(6) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (*lậu tận minh*).”

[*Lặp lại 06 loại siêu trí, gồm 03 thông và 03 minh, như cuối kinh 51:11 dẫn đầu chương này.*]

(SN 51:21)

22 (2) Hòn Sắt

Ở Sāvathī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời (brahmā, phạm thiên giới) bằng thần thông với một thân được làm bằng tâm?”²⁷⁴

“Này Ānanda, ta có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời bằng thần thông với thân làm bằng tâm”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời bằng thần thông với thân này gồm bốn yếu-tố lớn (tứ đại)?”²⁷⁵

“Này Ānanda, ta có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời bằng thần thông với thân này gồm bốn yếu-tố lớn.”

“Vậy là đức Thế Tôn có khả năng²⁷⁶ đi đến cõi trời bằng thần thông với một thân làm bằng tâm, và đức Thế Tôn đã nhớ lại mình đã đi đến cõi trời bằng thần thông với thân này gồm bốn yếu-tố lớn: điều đó thật kỳ diệu và tuyệt vời về phần đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn.”

“Này Ānanda, những Như Lai là kỳ diệu và có được những phẩm-chất kỳ diệu; những Như Lai là tuyệt vời và có được những phẩm-chất tuyệt vời.

(a) “Này Ānanda, khi Như Lai định [nhấn chìm, đắm chìm] thân trong tâm và định tâm trong thân,²⁷⁷ và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội (nặng nổi, trội lên) đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai trở nên càng nổi trội, dễ uốn nắn, dễ điều khiển, và tỏa sáng (như sáng lên trong bóng tối).

“Này Ānanda, ví dụ một hòn sắt được nung đỏ cả ngày, trở thành nổi trội (dễ nổi lên), dễ uốn nắn (ché tác), dễ điều khiển, và tỏa sáng (đỏ rực), Cũng giống như vậy, khi Như Lai định thân trong tâm và định tâm trong

thân, và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai sẽ càng nổi trội, dễ uốn nắn, dễ điều khiển, và tỏa sáng.

(b) “Này Ānanda, khi Như Lai định thân trong tâm và định tâm trong thân, và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai phi bồng từ dưới đất lên không trung một cách không khó khăn gì. Như Lai đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*biến hóa thông*), như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.

“Này Ānanda, ví dụ một nắm sợi bông vải hay bông gòn, nhẹ tênh, được nâng lên bởi gió, sẽ bay khỏi mặt đất lên không trung một cách không khó khăn gì. Cũng giống như vậy, khi Như Lai định thân trong tâm và định tâm trong thân, và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai phi bồng từ dưới đất lên không trung một cách không khó khăn gì. Như Lai đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*biến hóa thông*), như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.”

(SN 51:22)

23 (3) Một Tỳ Kheo

“Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này (tứ thần túc). Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý muốn) ... (ii) ... nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) ... nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) nhờ *sự điều tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông.

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, cho nên người đó, bằng sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu

tận), ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.” ²⁷⁸

(SN 51:23)

24 (4) Bản Kinh Ngẩn Gợn

“Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này (tứ thần túc). Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý muốn) ... (ii) ... nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) ... nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) nhờ *sự điều tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông.”

(SN 51:24)

25 (5) Những Thánh Quả (1)

“Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này (tứ thần túc). Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý muốn) ... (ii) ... nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) ... nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) nhờ *sự điều tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông.

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (A-la-hán), hoặc nếu còn chút tàn dư của sự chấp-thủ (thủ) thì trạng thái Bất-lai.”

(SN 51:25)

26 (6) Những Thánh Quả (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này (tứ thần túc). Bốn đó

là gì? Ở đây, (i) một Tỷ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý muốn) ... (ii) ... nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) ... nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông.

“Này các Tỷ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy kết quả và ích lợi. Cái gì là bảy kết quả và ích lợi?

“(i) Người tu chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) *ngay trong kiếp này*. (ii) Nếu người đó không chứng ngộ trí-biết cuối cùng sớm ngay trong kiếp này, thì sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng *ngay lúc chết*. (iii) Nếu người đó không chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay lúc chết, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử) người đó là người chứng ngộ Niết-bàn *trong khoảng-giữa* (giữa hai kiếp) ... (iv) ... là người chứng ngộ Niết-bàn *ngay khi đáp-xuống* (ngay sau tái sinh) ... (v) ... là người chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm* ... (vi) là người chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm* ... (vii) là người đang hướng thượng lưu, *hướng tới cõi trời Akaniṭṭha* (tức lần lượt tái sinh từ thấp lên cao qua 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên); cõi thứ năm là *Akaniṭṭha* (Sắc cứu kính thiên), là cõi trời cao nhất và thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch đó dành cho những thánh Bất-lai).

“Này các Tỷ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi như vậy.”

(SN 51:26)

27 (7) Ānanda (I)

Ở Sāvattṭhī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là thần thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là

các cơ-sở (đề tu đạt) thần thông? Cái gì là sự tu-tập các cơ-sở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?”

[Phật trả lời y hệt như trong kinh 51:19 ở trên.]

(SN 51:27)

28 (8) Ānanda (2)

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Ānanda:

“Này Ānanda, cái gì là thần thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là các cơ-sở (đề tu đạt) thần thông? Cái gì là sự tu-tập các cơ-sở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?”

[Phật tự trả lời luôn y hệt như trong kinh 51:19 ở trên.]

(SN 51:28)

29 (9) Một Số Tỳ Kheo (1)

Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là thần thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là các cơ-sở (đề tu đạt) thần thông? Cái gì là sự tu-tập các cơ-sở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?”

[Phật trả lời y hệt như trong kinh 51:19 ở trên.]

(SN 51:29)

30 (10) Một Số Tỳ Kheo (2)

Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo đó như vậy:

“Này các Tỳ kheo, cái gì là thần thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là

các cơ-sở (để tu đạt) thần thông? Cái gì là sự tu-tập các cơ-sở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?”

[*Phật tự trả lời luôn y hết như trong kinh 51:19 ở trên.*]

(SN 51:30)

31 (11) Mục-Kiên-Liên

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các Tỷ kheo, các thầy nghĩ sao, bằng cách đã tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Tỷ kheo Mục-kiên-liên trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Đó là bởi vì thầy ấy đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc) cho nên thầy ấy đã trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỷ kheo, (i) Tỷ kheo Mục-kiên-liên đã tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (dục, ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành), (thầy ấy) nghĩ rằng: ‘Như vậy *sự mong-muốn* của ta sẽ không quá xiù [yếu, lỏng] cũng không quá bốc [mạnh, căng]; và nó sẽ không bị co ép bên trong, cũng không bị phân tán bên ngoài.’ Và thầy ấy an trú nhận-thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.’ Như vậy, với một cái tâm cõi mở và không bị bao bọc, thầy ấy tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

“(ii) Thầy ấy tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) ... *sự định-tâm nhờ tâm* (tâm) ... (iv) *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành), (thầy ấy) nghĩ rằng: ‘Như vậy *sự điều-tra* của ta sẽ không quá xiù cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài’ ... Như vậy, với một cái tâm cõi mở và

không bị bao bọc, thầy ấy tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì thầy ấy đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này nên thầy ấy đã trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy.

(1) “Này các Tỳ kheo, chính bởi vì Tỳ kheo Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, cho nên thầy ấy đã đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*biến hóa thông*), như: “Biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.”

(2) ... (*Tiếp tục các loại thần thông (2)-(5) như kinh kể trên*)

(6) “Này các Tỳ kheo, chính bởi vì Tỳ kheo Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, cho nên thầy ấy, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (*lậu tận minh*).”

[*Lặp lại 06 loại siêu trí, gồm 03 thông và 03 minh, như cuối kinh 51:11 dẫn đầu chương này.*] ²⁷⁹

(SN 51:31)

32 (12) Như Lai

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, bằng cách đã tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Như Lai trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Đó là bởi vì Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc) cho nên Như Lai đã trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy. Bốn đó là gì? ...

... (*Tiếp tục giống kinh 51:31 kể trên, chỉ khác là kinh trên nói về thầy Mục-kiền-liên, kinh này nói về Như Lai*) ...”

(SN 51:32)

NHÓM 4
NHÓM ‘SÔNG HẰNG’
LẬP LẠI & TÓM LƯỢC
(*Gaṅgā-Peyyāla-vagga*)

[Theo mẫu ‘Sự Tách-Ly ...’]

33 (1) — 44 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc) là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn cơ-sở thần thông’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục; ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) ... sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[*Các kinh còn lại của NHÓM này đều lập lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92—102 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Cơ-Sở Thần Thông’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 51:34—44)

Sáu đổ ra hướng đông,
Và sáu đổ ra đại dương.
Hai lần sáu là mười hai:
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

NHÓM 5
NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’
(*Appamāda-vagga*)

45 (1) — 54 (10) Như Lai ...

[*Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:139—148 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Cơ-Sở Thần Thông’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 51:45—54)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

NHÓM 6
NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’
(*Balakaraṇīya-vagga*)

55 (1) — 66 (12) Khó Nhọc ...

[*Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149—160 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Cơ-Sở Thần Thông’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 51:55—66)

Khó Nhọc, Hạt Giống, Và Ròng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, Và Hai Loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, Và Dòng Sông.

NHÓM 7
NHÓM ‘TÌM KIẾM’
(*Esanā-vagga*)

67 (1) — 76 (10) Sự Tìm Kiếm ...

[Tất cả các kinh **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:161—170** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Cơ-Sở Thần Thông’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 51:67—76)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cần cỗi, Những sự ó nhơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.

NHÓM 8

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’

(Ogha-vagga)

77 (1) – 85 (9) Những Dòng Lũ ...

[Các kinh **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:171–179** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘**Bốn Cơ-Sở Thần Thông**’ (thay vì là ‘**Bát Thánh Đạo**’ trong Chương 45).]

(SN 51:77–85)

86 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn ...

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc) nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp (liễu tri) năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn liễu (liễu ngộ) chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

— “Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (dục, ý muốn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* (tâm) ... (iv) ... sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.

“Bốn cơ-sở thần thông’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn liễu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 51:78)

Những Dòng-lũ, Những Sự Trói Buộc,
Những Sự Chấp Thủ, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

Chương 52

Liên Kết A-NẬU-LÂU-ĐÀ

(52 *Anuruddha-saṃyutta*)

(51 *Tương ưng A-nậu-lâu-đà*)

NHÓM 1

NHÓM ‘MỘT MÌNH’

(*Rahogata-vagga*)

1 (I) Một Mình (I)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, trong khi thầy A-nậu-lâu-đà đang ở một mình trong sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú), một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm thầy ấy như vậy:²⁸⁰

“Những ai đã bỏ lơ (bỏ lỡ, bỏ mặc, bỏ mất, không tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ) là (coi như) đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận (tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là (coi như) đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

Lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên, sau khi đã dùng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm của thầy A-nậu-lâu-đà, đã nhanh chóng như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, hiện ra trước mặt thầy A-nậu-lâu-đà và nói với thầy ấy:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này được đảm nhận bởi một Tỳ kheo tới mức độ nào?”

[1] (a) “Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát *bản chất sinh* [*khởi sinh*] trong THÂN ở *bên-trong*; người đó an trú quán sát *bản chất diệt* [*biến diệt*] trong thân ở *bên-trong*; người đó an trú quán sát *bản chất sinh và diệt* [*khởi sinh và biến diệt*] trong thân ở *bên-trong*—nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.²⁸¹

- (b) “Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát *bản chất sinh* trong thân ở *bên-ngoài*; người đó an trú quán sát *bản chất diệt* trong thân

ở bên-ngoài; người đó an trú quán sát *bản chất sinh và diệt* trong thân ở bên-ngoài—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

- (c) “Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát *bản chất sinh* trong thân ở bên-trong và thân ở bên-ngoài; người đó an trú quán sát *bản chất diệt* trong thân ở bên-trong và thân ở bên-ngoài; người đó an trú quán sát *bản chất sinh và diệt* trong thân ở bên-trong và thân bên-ngoài—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

▪ “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê (đáng ghê tởm, không hấp dẫn, khó ưa) trong những thứ không đáng-chê (đáng thích, dễ chịu, đáng ước)’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. (ii) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong đó. (iii) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ đáng-chê và những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó. (iv) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê và những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong đó. (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác)’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.”²⁸²

[2] “Người đó an trú quán sát *bản chất sinh ... bản chất diệt ... bản chất sinh và diệt* trong những NHỮNG CẢM-GIÁC ở bên-trong ... trong những cảm-giác ở bên-ngoài ... trong những cảm-giác ở bên-trong và những cảm-giác ở bên-ngoài—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

▪ “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó.. (ii) ... (iii) ... (iv) ... (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự

đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác)', thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.

[3] “Người đó an trú quán sát *bản chất sinh ... bản chất diệt ... bản chất sinh và diệt* trong TÂM ở *bên-trong ... trong tâm ở bên-ngoài ... trong tâm ở bên-trong và bên-ngoài*—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

▪ “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó.. (ii) ... (iii) ... (iv) ... (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác)', thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.

[4] “Người đó an trú quán *bản chất sinh ... bản chất diệt ... bản chất sinh và diệt* trong các PHÁP [*pháp*: những hiện-tượng thuộc tâm, những đối-tượng của tâm, những thứ thuộc tâm, những hiện-tượng tâm, tâm pháp, các pháp, các giáo pháp] ở *bên-trong ... trong các pháp ở bên-ngoài ... trong các pháp ở bên-trong và bên-ngoài*—nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

▪ “(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó an trú nhận-thức sự đáng-chê trong đó.. (ii) ... (iii) ... (iv) ... (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và sự không đáng-chê, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.

“Này đạo hữu, chính theo cách này là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ đã được đảm nhận bởi một Tỷ kheo.”

(SN 52:01)

2 (2) Một Mình (2)

Ở Sāvathī.

Lúc đó, trong khi Ngài A-nậu-lâu-đà đang ở một mình trong sự tách-ly (ẩn dật, thiên trú), một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm thầy ấy như vậy:

“Những ai đã bỏ lơ (bỏ lơ, bỏ mặc, bỏ mát, không tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là (coi như) đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận (tu tập) ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ là (coi như) đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

Lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên, sau khi đã dùng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm của thầy A-nậu-lâu-đà, đã nhanh chóng như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, hiện ra trước mặt thầy A-nậu-lâu-đà và nói với thầy ấy:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này được đảm nhận bởi một Tỳ kheo tới mức độ nào?”

[1] “Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát THÂN trong thân ở *bên-trong*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát thân trong thân ở *bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Người đó an trú quán sát thân trong thân ở *bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

[2] “Người đó an trú quán sát NHỮNG CẢM-GIÁC trong những cảm-giác ở *bên-trong* ... quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ở *bên-ngoài* ... quán sát những cảm-giác trong những-cảm giác ở *bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

[3] “Người đó an trú quán sát TÂM trong tâm ở *bên-trong* ... quán sát tâm trong tâm ở *bên-ngoài* ... quán sát tâm trong tâm ở *bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

[4] “Người đó an trú quán sát PHÁP trong pháp [*pháp*: những hiện-tượng thuộc tâm, những đối-tượng của tâm, những thứ thuộc tâm, những hiện-tượng tâm, tâm pháp, các pháp, các giáo pháp] ở *bên-trong* ... *quán sát pháp trong pháp ở bên-ngoài* ... *quán sát pháp trong pháp ở bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Này đạo hữu, chính theo cách này là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ đã được đảm nhận bởi một Tỷ kheo.”

(SN 52:02)

3 (3) Bên Bờ Sông Sutanu

Trong một lần Ngài A-nậu-lâu-đà đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) bên bờ sông Sutanu. Lúc đó có một số Tỷ kheo đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với thầy:

“Này đạo hữu, bằng cách tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Ngài A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ được sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp (đại liễu tri)?”

“Này các đạo hữu, bởi vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã chứng ngộ được sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, tôi an trú quán sát THÂN trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.

“Tôi an trú quán sát NHỮNG CẢM-GIÁC trong những-cảm giác ... TÂM trong tâm ... PHÁP trong pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm,

sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã chứng ngộ được sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp như vậy. Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã trực-tiếp biết (liễu tri) những trạng thái thấp kém là thấp kém; tôi đã trực-tiếp biết những trạng thái trung bình là trung bình; tôi đã trực-tiếp biết những trạng thái siêu phàm là siêu phàm.”²⁸³

(SN 52:03)

4 (4) Khu Rừng Gai Nhọn (1)

Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà và Ngài Xá-lợi-phất, và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Sāketa, trong Khu Rừng Gai Nhọn (Kantakii). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Mục-kiền-liên ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú), đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất mới nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo còn là bậc học nhân nên chứng nhập và an trú trong đó?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo là bậc học nhân thì nên chứng nhập và an trú trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Một Tỳ kheo còn là bậc học nhân thì nên chứng nhập và an trú trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này.”²⁸⁴

(SN 52:04)

5 (5) Khu Rừng Gai Nhọn (2)

Ở Sāketa.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Xá-lợi-phất mới nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo đã là bậc vô học nhân nên chứng nhập và an trú trong đó?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo là bậc vô-học nhân nên chứng nhập và an trú trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Một Tỳ kheo đã là bậc vô học nhân (cũng) nên chứng nhập và an trú trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này.”

(SN 52:05)

6 (6) Khu Rừng Gai Nhọn (3)

Ở Sāketa.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Xá-lợi-phất mới nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Bằng cách tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Ngài A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp (đại liễu tri)?”

“Này đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã chứng ngộ được sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, tôi an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã chứng ngộ được sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp như vậy. Thêm nữa, này đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã trực-tiếp biết hệ một ngàn thế giới.”²⁸⁵

(SN 52:06)

7 (7) Sự Tiêu Diệt Dục Vọng

Ở Sāvathī.

Ở đó Ngài A-nậu-lâu-đà đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy A-nậu-lâu-đà đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận). Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng.”

(SN 52:07)

8 (8) Chòi Cây Salala

Trong một lần Ngài A-nậu-lâu-đà đang sống ở Sāvathī (xá-vệ) trong căn chòi (làm bằng) cây *salala*. Ở đó thầy A-nậu-lâu-đà đã nói với các Tỳ kheo như vậy ...

“Này các đạo hữu, sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về hướng đông. Giờ giả sử có một đám người tới mang theo cuốc và giỏ đựng, trong đầu nghĩ: ‘Chúng ta sẽ làm (đào) cho sông Hằng này đổ về, nghiêng về, và

chảy về phía tây’. Nay các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, liệu đám người đó có thể làm cho sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây được không?”

“Không, thưa đạo hữu. Vì lý do gì? Vì sông Hằng (tự hồi nào giờ) đã đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, và không dễ gì làm cho nó đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây cho được. Đám người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và ưu phiền mà thôi.”

“Cũng giống như vậy, nay các đạo hữu, khi một Tỳ kheo đang tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’, nếu vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó nhận lấy của cải, họ nói rằng: ‘Này thiện nhân, sao phải để mấy cái áo cà sa đề nặng (làm vướng lụy) mình như vậy? Tại sao cứ đi lang thang với cái đầu trọc và bình bát ăn xin như vậy? Nay, hãy trở lại đời sống thấp tục, sau đó mặc sức mà hưởng thụ của cải và làm những việc công đức’. Nhưng sự thực thì, không thể nào người đó từ bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục. Vì lý do gì? Bởi vì từ lâu giờ tâm của người đó đã đổ về, nghiêng về, và ngã về sự (sống) tách-ly (ẩn dật, lánh trần). Vì vậy, không thể nào người đó từ bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục.²⁸⁶

“Và, nay các đạo hữu, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’? Ở đây, nay các đạo hữu, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Nay các đạo hữu, chính theo cách này là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

(SN 52:08)

9 (9) Tất Cả (hay *Khu Vườn của cô Ambapālī*)

Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà và Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), trong Khu Vườn (của cô) Ambapālī. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú) ... Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, các căn của thầy tĩnh lặng, da dẻ của thầy trong và sáng. Sự an trú nào Ngài A-nậu-lâu-đà dạo này thường an trú trong đó?”

“Này đạo hữu, dạo này tôi thường an trú với một cái tâm được khéo thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, tôi thường an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này Tỳ kheo, này đạo hữu, những ai đã là một A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, người đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng, cũng thường an trú với một cái tâm khéo được thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.”

“Đó là ích lợi [sự đạt được] cho chúng tôi, này đạo hữu! Đó thực sự là ích lợi cho chúng tôi [nó khéo đạt được bởi chúng tôi], rằng chúng tôi đã trực tiếp nghe được lời tuyên bố đõng dạc từ chính Ngài A-nậu-lâu-đà như vậy.”

(SN 52:09)

10 (10) Bệnh Yếu Gân Chết

Trong một lần Ngài A-nậu-lâu-đà đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Người Mù, thầy đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gân chết. Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà, và thưa với thầy ấy:

“Sự an trú nào Ngài A-nậu-lâu-đà thường an trú trong đó để cho những cảm-giác đau đớn đã khởi sinh không ở lâu và ám muội tâm của thầy?”

“Này các đạo hữu, chính vì tôi an trú với một cái tâm đã khéo được thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên những cảm-giác đau đớn đã khởi sinh không ở lâu và ám muội tâm tôi. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, tôi an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các đạo hữu, chính vì tôi an trú với một cái tâm đã khéo được thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên những cảm-giác đau đớn đã khởi sinh không ở lâu và ám muội tâm tôi.”

(SN 52:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘THỨ HAI’ (MỘT NGÀN)

(*Dutiya-vagga*)

11 (1) Một Ngàn Đại Kiếp

Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một số Tỷ kheo đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà và chào hỏi qua lại với thầy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và thưa với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Bằng cách tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Ngài A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp (đại liễu tri)?”

“Này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, một Tỷ kheo an trú quán sát *thân trong thân ... những cảm-giác trong những-cảm giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.

Này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ này cho nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của sự-biết trực tiếp như vậy. Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi nhớ lại được một ngàn đại kiếp.”

(SN 52:11)

12 (2) Thần thông

[*Giống kinh kể trên, cho đến:*]

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng

‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi đạt được và dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*biến hóa thông*), như: tôi biến một thân thành nhiều thân; tôi biến nhiều thân thành một thân ... Tôi vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.”

(SN 52:12)

13 (3) Tai Thiên Thánh

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên, với tai thiên-thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi nghe được cả hai loại âm thanh, ở cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần.”

(SN 52:13)

14 (4) Bao Trùm Tâm (của người khác)

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi hiểu được những tâm của các chúng sinh khác và những người khác (*tha tâm thông*), sau khi đã dùng tâm của mình bao trùm tâm của họ. Tôi hiểu một cái tâm có tham-dục là tâm có tham-dục ... một cái tâm chưa được giải-thoát là tâm chưa được giải-thoát.”

(SN 52:14)

15 (5) Điều Có Thể

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi hiểu được điều có thể là có thể và điều không thể là không thể.”²⁸⁷

(SN 52:15)

16 (6) Sự Nhận Lãnh Nghiệp

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi hiểu được nghiệp quả của quá khứ, tương lai, và hiện tại được nhận lãnh theo cách là tiềm-năng và theo cách là nguyên-nhân, đúng như nó thực là.”

(SN 52:16)

17 (7) Dẫn Tới Nơi Đâu

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi hiểu được con-đường (đạo) dẫn tới bất cứ nơi nào (cảnh giới nào), đúng như nó thực là.”

(SN 52:17)

18 (8) Những Yếu Tố Đa Dạng Khác Nhau

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi hiểu được thể giới với những yếu-tố đa dạng và khác nhau trong đó, đúng như nó thực là.”

(SN 52:18)

19 (9) Những Căn Cơ Khác Nhau

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi hiểu được sự đa dạng trong những căn cơ khác nhau của những chúng sinh, đúng như nó thực là.”

(SN 52:19)

20 (10) Những Mức Độ Của Các Căn

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi hiểu được những mức độ trưởng thành (chín chắn) trong các căn tâm linh của những chúng sinh khác và những người khác, đúng như nó thực là.”

(SN 52:20)

21 (11) Các Tầng Thiền Định ...

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi hiểu được sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra đối với các tầng thiền định (jhāna), những sự giải-thoát, những sự định-tâm, và những sự chứng-ngộ, đúng như chúng thực là.”

(SN 52:21)

22 (12) Túc Mạng [Minh]

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên tôi nhớ lại được những cõi sống của những kiếp trước (*túc mạng minh*), đó là, một lần sinh, hai lần sinh ... nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra.... Như vậy tôi nhớ lại nhiều cõi sống của những kiếp trước với những cách thức và chi tiết của chúng.”

(SN 52:22)

23 (13) Thiên Nhân [Minh]

... “Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên, với mắt thiên-thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (*thiên nhân minh*), tôi nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... và tôi hiểu cách những chúng sinh trả giá tùy

theo những nghiệp của mình.”

(SN 52:23)

24 (14) *Lậu Tận* [Minh]

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính vì tôi đã tu tập và tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ cho nên, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận*), ngay trong kiếp này tôi chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (*lậu tận minh*).”

(SN 52:24)

Chương 53

Liên Kết THIỀN ĐỊNH

(53 Jhāna-saṃyutta)

(53 Tương ứng Thiền Định)

NHÓM 1

NHÓM ‘SÔNG HẰNG’

LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Gaṅgā-Peyyāla-vagga*)

1 (1) — 12 (12) Sông Hằng—Đô Về Hướng Đông ...

Ở Sāvathī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có bốn tầng thiền định (jhāna) này. Bốn đó là gì?

(1) Ở đây, một Tỳ kheo: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’

(2) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’

(3) Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’

(4) ‘Với sự dẹp bỏ sự sừng-khổ (không còn lạc hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sừng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’

Đây là bốn tầng thiền định.²⁸⁸

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn tầng thiền định’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn tầng thiền định’ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn?

Ở đây, một Tỳ kheo: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ... tầng thiền định thứ hai ... tầng thiền định thứ ba ... tầng thiền định thứ tư ... *(như đoạn (1)-(4) ở trên)*

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng ‘bốn tầng thiền định’ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[Các kinh còn lại của NHÓM này đều lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:92–102 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Tầng Thiền Định’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 53:01–44)

Sáu đổ ra hướng đông,

Và sáu đổ ra đại dương.

Hai lần sáu là mười hai:

NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

NHÓM 2
NHÓM ‘CHUYÊN CHÚ’
(*Appamāda-vagga*)

13 (1) — 22 (10) Như Lai ...

[Tất cả các kinh **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:139—148** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Tầng Thiền Định’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 53:13—22)

Như Lai, Dầu Chân, Đỉnh Mái Nhà,
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,
Mặt Trăng và Mặt Trời,
Cùng với Vải là thứ mười.

NHÓM 3
NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’
(*Balakaraṇīya-vagga*)

23 (1) — 34 (12) Khó Nhọc ...

[*Tất cả các kinh NHÓM này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh 45:149—160 trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Tầng Thiên Định’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).*]

(SN 53:23—34)

Khó Nhọc, Hạt Giống, Và Ròng Naga,
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,
Trong Bầu Trời, Và Hai Loại Mây Mưa,
Con Thuyền, Nhà Khách, Và Dòng Sông.

NHÓM 4
NHÓM ‘TÌM KIẾM’
(*Esanā-vagga*)

35 (1) — 44 (10) Sự Tìm Kiếm ...

[Tất cả các kinh **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:161—170** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Tầng Thiền Định’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 53:35—44)

Sự tìm kiếm, Sự phân biệt, Những ô nhiễm,
Ba loại Sự hiện hữu, ba loại Sự khổ,
Sự cần cỗi, Những sự ó nơ, Những sự rắc rối,
Những cảm giác, Dục vọng, và Sự thèm-khát.

NHÓM 5

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG-LŨ’

(Ogha-vagga)

45 (1) – 53 (9) Những Dòng Lũ ...

[Các kinh **NHÓM** này lặp lại một cách song hành tương ứng với các kinh **45:171–179** trong Chương 45 ở trên, nhưng với ‘Bốn Tầng Thiền Định’ (thay vì là ‘Bát Thánh Đạo’ trong Chương 45).]

(SN 53:45–53)

54 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn ...

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử) này. Năm đó là gì? Tham-muốn (tái sinh trong) cõi sắc giới (sắc giới tham), tham-muốn cõi vô sắc giới (vô sắc giới tham), sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. ‘Bốn tầng thiền định’ nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp (liễu tri) năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

“Bốn đó là gì? Này các Tỳ kheo, ở đây, một Tỳ kheo: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ... tầng thiền định thứ hai ... tầng thiền định thứ ba ... tầng thiền định thứ tư.’ (như đoạn (1)-(4) kinh **53:01** ở đầu chương)

“‘Bốn tầng thiền định’ này nên được tu tập để dẫn tới sự-biết trực tiếp năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-bỏ chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 53:54)

Những Dòng-lũ, Những Sự Trói Buộc,

Những Sự Chấp Thủ, Những Gút Mắc,
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,
Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan, Năm Chương Ngại, Năm Uẩn,
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

Chương 54

Liên Kết THỞ-VÔ THỞ-RA

(54 *Ānāpāna-samyutta*)

(54 *Tương ứng Thở-Vô Thở-Ra*)

NHÓM 1

NHÓM ‘MỘT THỨ’

(*Ekadhamma-vagga*)

1 (I) Một Thứ

Ở Sāvattthī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có một thứ (một pháp, pháp tu, giáo pháp), khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Cái gì là một thứ đó? Đó là ‘sự chánh-niệm (vào) hơi-thở’. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tẻo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (chỉ làm một việc là) có chánh-niệm (vào hơi-thở) người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra.²⁸⁹

(1) “(i) Thở-vô dài, người đó biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc thở-ra dài, người đó biết: ‘Ta thở-ra dài.’ (ii) Thở-vô ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; hoặc thở-ra ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-ra ngắn.’ (iii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của thân (thân hành), ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của thân, ta sẽ thở-ra.’²⁹⁰

(2) “(i) Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ), ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ, ta sẽ thở-ra.’ (ii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc), ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hạnh-phúc, ta sẽ thở-ra.’ (iii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm

sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra.’²⁹¹

(3) “(i) Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở-ra.’ (ii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở-ra.’ (iii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung (định) cái tâm, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung cái tâm, ta sẽ thở-ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở-ra.’²⁹²

(4) “(i) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở-ra.’ (ii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở-ra.’ (iii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thở-ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-ra.’²⁹³

“Này các Tỳ kheo, chính ‘sự chánh-niệm hơi-thở’, khi được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.”

(SN 54:01)

2 (2) (Bảy) Chi Giác Ngộ

“Này các Tỳ kheo, ‘sự chánh-niệm hơi-thở’, khi được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?”

“Ồ đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (1) chi giác-ngộ là sự

chánh-niệm (niệm) có đi kèm bởi ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’, [sự tu tập đó] (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dần chín muối tới sự buông bỏ giải thoát ... (7) chỉ giác-ngộ là sự *buông-xả* (xả) có đi kèm bởi *sự chánh-niệm hơi-thở*, (i) dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dần chín muối tới sự buông bỏ giải thoát.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’ được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và lợi ích lớn lao.”

(SN 54:02)

3 (3) *Bản Kinh Ngắn Gọn*

“Này các Tỳ kheo, ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’, khi được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’ được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?”

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một góc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi treo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập *sự chánh-niệm* trước mặt, chỉ (làm một việc là) có *chánh-niệm* người đó *thở-vô*, có *chánh-niệm* người đó *thở-ra* ... [*tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 ở trên*] ...

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’ được tu tập và tu dưỡng để cho nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.”

(SN 54:03)

4 (4) *Những Thánh Quả (1)*

[*Y hệt kinh 54:03 kể trên, thêm đoạn sau:*]

“Này các Tỳ kheo, khi ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’ đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu vẫn còn tàn dư của sự

chấp-thủ (thủ) thì trạng thái Bất-lai.”

(SN 54:04)

5 (5) Những Thánh Quả (2)

[Y hệt kinh 54:03 ở trên, thêm những đoạn sau:]

“Này các Tỳ kheo, khi ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì có thể trông đợi một trong bảy kết quả và ích lợi. Cái gì là bảy kết quả và ích lợi?

(i) “Người tu sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) *ngay trong kiếp này*.

(ii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, thì người đó sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng *vào lúc chết*.

(iii) “Nếu người tu không chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này hoặc vào lúc chết, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn *trong khoảng-giữa* (giữa 02 kiếp).

(iv) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn *ngay khi đáp-xuống* (ngay sau tái sinh).

(v) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm*.

(vi) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm*.

(vii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó là người đang hướng thượng lưu, *hướng tới cõi trời cõi trời Akaniṭṭha* (tức lần lượt tái sinh từ thấp lên cao qua 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên); cõi thứ năm là *Akaniṭṭha* (Sắc cứu kính thiên), là cõi trời cao nhất và thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch đó dành cho những thánh Bất-lai).”

(SN 54:05)

6 (6) Ariṭṭha

Ở Sāvattṭhī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

- “Này các Tỳ kheo, các thầy có tu tập ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ hay không?”

Khi điều này được hỏi, Ngài Ariṭṭha đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con có tu tập ‘sự chánh-niệm hơi-thở’.”

- “Nhưng, này Ariṭṭha, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm hơi-thở?”

“Thưa Thế Tôn, con đã dẹp bỏ tham-dục [nhục dục, căn dục, cảm dục] đối với những dục-lạc [những khoái-lạc giác quan] quá khứ; con đã loại bỏ dục đối với những dục-lạc tương lai, và con đã hoàn toàn xua tan những nhận-thức (tưởng) của sự ác-ý (sân) đối với những thứ ở bên-trong và bên-ngoài. Chỉ có chánh-niệm, con thở-vô; có chánh-niệm, con thở-ra. Thưa Thế Tôn, chính theo cách này con đã tu tập ‘sự chánh-niệm hơi-thở’.”

- “Này Ariṭṭha, đó là ‘sự chánh-niệm hơi-thở’, ta không nói đó không phải là ‘sự chánh-niệm hơi-thở’. Nhưng, ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được hoàn thành một cách chi tiết ra sao, này Ariṭṭha, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”²⁹⁴

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ariṭṭha đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

- “Và, này Aritṭha, theo cách nào ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được hoàn thành một cách chi tiết? Ở đây, này Aritṭha, một Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi téo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra ... [*tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 kể trên*] ...

“Này Aritṭha, chính theo cách này ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ được hoàn thành một cách chi tiết.”

(SN 54:06)

7 (7) Ngài Đại Kappina

Ở Sāvattḥī.

Bấy giờ, lúc đó không xa chỗ Đức Thế Tôn có Ngài Đại Kappina (Mahākappina) đang ngồi xếp téo chân, giữ thân thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy ấy đang ngồi gàn đó, xếp téo chân, giữ thân thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Sau khi nhìn thấy thầy ấy như vậy, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo như vậy:

- “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy sự rung lắc hay lay động nào trong thân của Tỳ kheo này không?”

“Thưa Thế Tôn, mỗi khi chúng con nhìn thấy thầy ấy, dù thầy ấy đang ngồi giữa Tăng đoàn hay đang ngồi một mình, chúng con chưa bao giờ thấy sự run lắc hay lay động nào trong thân thầy ấy.”

- “Này các Tỳ kheo, vị Tỳ kheo đó nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể đạt được sự định-tâm đó nhờ sự tu tập và tu dưỡng (thiền định) nên trong đó không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm. Và sự định-tâm nào mà nhờ có sự tu tập và tu dưỡng nó nên trong đó không xảy ra sự run lắc hay lay động nào trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động nào

trong tâm?

- “Này các Tỳ kheo, ở đây, khi ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’²⁹⁵ đã được tu tập và tu dưỡng thì không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để cho không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm?

- “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tẻo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thờ-vô, có chánh-niệm người đó thờ-ra ... [*tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 ở trên*] ...

Và, này các Tỳ kheo, chính theo cách này là ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để cho không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm.”

(SN 54:07)

8 (8) Ví Dụ Ngọn Đèn

“Này các Tỳ kheo, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?

- “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tẻo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thờ-vô, có chánh-niệm người đó thờ-ra ... [*tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 ở trên*] ...

- “Này các Tỳ kheo, chính theo cách này ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-

niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.

“Này các Tỳ kheo, ta cũng làm như vậy, khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ta cũng thường an trú trong sự an trú này. Trong khi ta an trú trong sự an trú này, thân và mắt ta đều không bị mệt mỏi, và tâm ta, bằng sự không chấp-thủ (vô thủ), ta đã được giải thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc).

(1) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho thân và mắt ta đều không bị mệt mỏi, và mong cho tâm ta, bằng sự không chấp-thủ, sẽ được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.²⁹⁶

(2) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào ước: (i) ‘Mong cho ta an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này. Nếu một Tỳ kheo ước: (ii) ‘Mong cho ta an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này. Nếu một Tỳ kheo ước: (iii) ‘Mong cho ta an trú nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ đáng-chê và những thứ không đáng-chê’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này. Nếu một Tỳ kheo ước: (iv) ‘Mong cho ta an trú nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê và những thứ không đáng-chê’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này. Nếu một Tỳ kheo ước: (v) ‘Tránh cả hai sự đáng-chê và không đáng-chê, mong cho ta được an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tinh giác)’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.²⁹⁷

(3) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta có thể: (i) [‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly

đó’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.

(4) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta có thể: (ii) [‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm hết tứ), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.

(5) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta có thể: (iii) [‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), ta an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), ta trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.

(6) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta có thể: (iv) [‘Với sự dẹp bỏ sự sừng-khổ (không còn lạc hay khổ) và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ hết ưu), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sừng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.

(7) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta: (v) [‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, ta chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của không gian’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.

(8) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta: (vi) [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, ta chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức]’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.

(9) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta: (vii) [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, ta chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì]’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.

(10) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta: (viii) [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, ta chứng nhập và an trú trong phi tướng phi phi tướng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.

(11) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo ước: ‘Mong cho ta: (ix) [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tướng phi phi tướng xứ, ta chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tướng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác]’], thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này.

(12) “Này các Tỳ kheo, khi ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì: nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sừng, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không nắm giữ (dính theo) nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’. Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ (khổ thọ), người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’. Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính (vô ký thọ), người đó hiểu: ‘Không nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’.

298

(13) “Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sừng, người đó cảm

nhận nó tách-ly (cảm nhận nó là nó, không dính líu gì mình); nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận nó tách-ly; nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận nó tách-ly.

(14) “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu (kết thúc) cùng với thân, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng mạng-sống, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng-sống.’ Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng-sống, tất cả (mọi thứ) đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ nguội tắt ngay tại đây.’

- “Này các Tỳ kheo, giống như một ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim, và khi dầu cạn tim hết, nếu nó không được tiếp liệu thêm nữa, nó sẽ tắt ngấm do không còn nhiên liệu. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân ... đang kết liễu cùng với mạng-sống ... Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt của mạng-sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.’”

(SN 54:08)

9 (9) Ở *Vesālī*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn.²⁹⁹ Bây giờ, lúc đó đức Thế Tôn đang nói với các Tỳ kheo về sự ô-úế (sự không sạch, bất tịnh, sự đáng ghê tởm ... của thân) theo nhiều cách, đang nói lời đề cao sự tu tập thiền quán về sự ô-úế.³⁰⁰

Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, ta muốn đi ở tách-ly (ẩn dật, nhập thất) trong nửa tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang thức ăn khát thực cho ta.”³⁰¹

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và không ai đến gặp đức

Thế Tôn, ngoại trừ người đưa thức ăn khát thực cho đức Thế Tôn.

Rồi những Tỳ kheo đó, suy nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về sự ô-úế theo nhiều cách, đã nói lời đề cao về sự thiên quán về sự ô-úế”, rồi họ hết mình thiên quán về sự ô-úế về nhiều phương diện và nhiều yếu tố của nó. Rồi sau đó thấy chán chường, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm với thân này, nên họ đi kiếm người giết mình. Có ngày có tới mười Tỳ kheo đã dùng dao, hoặc ngày khác có hai mươi hay ba mươi Tỳ kheo đã dùng dao.³⁰²

Rồi, nửa tháng trôi qua, đức Thế Tôn đã ra khỏi chỗ tách-ly, và nói với Ngài Ānanda: “Này Ānanda, tại sao Tăng đoàn có vẻ giảm đi (số người) vậy?”³⁰³

“Thưa Thế Tôn, đó là do [Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về sự ô-úế theo nhiều cách, đã nói lời đề cao về sự thiên quán về sự ô-úế, và cho nên]³⁰⁴ các Tỳ kheo đó nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về sự ô-úế theo nhiều cách, đã nói lời đề cao về sự thiên quán về sự ô-úế”, rồi họ đã hết mình thiên quán về sự ô-úế về nhiều phương diện và nhiều yếu tố của nó. Rồi sau đó thấy chán chường, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm với thân này, nên họ đi kiếm người giết mình. Có ngày có tới mười Tỳ kheo đã dùng dao, hoặc ngày khác có hai mươi hay ba mươi Tỳ kheo đã dùng dao. Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn giảng giải một phương pháp khác để cho Tăng đoàn Tỳ kheo này có thể được thiết lập trong trí-kiết cuối cùng (tức chúng luân A-la-hán).”

“Được rồi, này Ānanda, hãy gọi tất cả các Tỳ kheo hiện đang sống nương nhờ xứ Vesālī này tập họp lại trong hội trường.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và thầy ấy đã gọi tất cả các Tỳ kheo hiện đang sống nương nhờ xứ Vesālī này tập họp lại trong hội trường. Rồi thầy đến gặp đức Thế Tôn và thưa: “Thưa Thế Tôn, Tăng đoàn các Tỳ kheo đã tập họp. Mong Thế Tôn tùy tiện đến đó.”

Rồi đức Thế Tôn đã đến hội trường, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ này, khi được tu tập và tu dưỡng, là bình-an và siêu-vời, là một sự lạc trú diệu lành, và nó phá tan và dập tắt những trạng thái bất thiện ngay tại chỗ ngay khi chúng khởi sinh.³⁰⁵

“Này các Tỳ kheo, ví dụ trong tháng cuối của mùa nóng, khi có đồng bụi đất vừa cuốn bay lên trời, một đám mây mưa lớn ập xuống dẹp tan chúng và dập tắt đồng bụi đất ngay tại chỗ.³⁰⁶ Cũng giống như vậy, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’, khi được tu tập và tu dưỡng, là bình-an và siêu-vời, là một sự lạc-trú diệu lành, và nó phá tan và dập tắt những trạng thái bất thiện ngay tại chỗ ngay khi chúng khởi sinh. Và theo cách nào để có được sự này?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi třeo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra ... [*tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 ở đầu chương*] ...

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để cho nó là bình-an và siêu-vời, là một sự lạc-trú diệu lành, và nó sẽ phá tan và dập tắt những trạng thái bất thiện ngay tại chỗ ngay khi chúng khởi sinh.”

(SN 54:09)

10 (10) Kimbila

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kimbilā trong khu Rừng Tre. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Kimbila như vậy:

“Này Kimbila, bây giờ, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để cho nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?”

Khi điều này được nói ra, thầy Kimbila chỉ im lặng. Lần thứ hai ...

Lần thứ ba đức Thế Tôn lặp lại câu hỏi, thầy Kimbila cũng chỉ im lặng.

Sau khi sự này xảy ra, Ngài Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn: “Giờ là lúc cho điều này, thưa Thế Tôn! Giờ là lúc cho điều này, thưa bậc Phúc Lành! Giờ xin đức Thế Tôn hãy nói về ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’. Sau khi nghe được giáo pháp từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Được rồi, này Ānanda, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này Ānanda, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để cho nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi třeo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra ... [*tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 ở đầu chương*] ...

[**(1). Quán sát Thân**]

“Này Ānanda,³⁰⁷ **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo—(i) khi thở-vô dài, biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc, khi thở-ra dài, biết: ‘Ta thở-ra dài’; (ii) khi thở-vô ngắn, biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; hoặc, khi thở-ra ngắn, biết: ‘Ta thở-ra ngắn’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân (thân hành), ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân’, ta sẽ thở-ra’—**thì trong thời đó** người đó an trú quán sát **thân [hơi-thở]** trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thềm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (uru) đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi đây là một loại thân, đó là ‘sự thở-vô và thở-ra’ (thân hơi-thở).³⁰⁸ Đó là lý do nói rằng, này Ānanda, **trong thời đó** vị Tỳ kheo đó an trú quán sát **thân [hơi-thở]** trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thềm-muốn

và sự buồn-phiền đối với thế giới.

[(2). Quán sát Những Cảm-Giác]

“Này Ānanda, **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ), ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ, ta sẽ thờ-ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự sừng (lạc), ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự sừng, ta sẽ thờ-ra’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thờ-ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thờ-ra’—**thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này an trú quán sát *những cảm-giác trong những cảm-giác*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi đây là một loại cảm-giác, đó là, sự chú-tâm sát sao (chú ý sát sao) tới ‘sự thờ-vô và thờ-ra’.³⁰⁹ Đó là lý do nói rằng, **trong thời đó** Tỳ kheo đó an trú quán sát **những cảm-giác** trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

[(3). Quán sát Tâm]

“Này Ānanda, **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thờ-ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thờ-ra’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung (định) cái tâm, ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung cái tâm, ta sẽ thờ-ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thờ-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thờ-ra’—**thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này an trú quán sát *tâm trong tâm*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta nói rằng

không có sự tu-tập ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ đối với những người thiếu chánh-niệm (thất niệm, xao lãng) và những người thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác). Vì vậy nên nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát **tâm** trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

[(4). Quán sát Pháp]

“Này Ānanda, **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thờ-ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thờ-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thờ-ra’; (iii) người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thờ-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thờ-ra’; (iv) người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thờ-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thờ-ra’—**thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này an trú quán sát **pháp** trong pháp [*những hiện-tượng, các pháp*], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ cái gì là ‘sự dẹp-bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền’ như vậy, người đó là người [cứ] nhìn một cách sát sao [vào tâm] với sự buông-xả.³¹⁰ Vì vậy nên nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát **pháp** trong pháp ... sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

- “Này Ānanda, ví dụ ở ngã tư đường có một đồng đất bùn. Một chiếc xe ngựa đến từ hướng đông, tây, nam, hay bắc, thì nó sẽ san bằng đồng đất bùn đó.³¹¹ Cũng giống như vậy, này Ānanda, khi một Tỳ kheo an trú quán sát **thân** trong thân ... **pháp** trong pháp, thì người đó sẽ san bằng (phá tan) những trạng thái bất thiện xấu ác.”

(SN 54:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘ĀNANDA’

(*Dutiya-vagga*)

11 (1) Ở *Īcchānaṅgala*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở *Īcchānaṅgala* trong Khu Rừng *Īcchānaṅgala*. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta muốn đi ở tách-ly (ẩn dật, nhập thất) trong ba tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang thức ăn khát thực cho ta.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và không ai đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ người mang thức ăn khát thực.

Rồi, khi ba tháng đã trôi qua, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ tách-ly, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ giáo phái khác có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, trong sự an trú nào sa-môn Cồ-đàm thường an trú trong thời gian an cư mùa mưa (kiết hạ)?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời những du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, trong thời gian an cư mùa mưa, đức Thế Tôn thường an trú trong ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’.’

“Ở đây, này các Tỳ kheo, có chánh-niệm ta thở-vô, có chánh-niệm ta thở-ra. Khi đang thở-vô dài, ta biết: ‘Ta thở-vô dài’; khi đang thở-ra dài, ta biết: ‘Ta thở-ra dài’; khi đang thở-vô ngắn, ta biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; khi đang thở-ra ngắn, biết: ‘Ta thở-ra ngắn’. Ta biết: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-vô’... Ta biết: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở-ra.’³¹²

“Này các Tỳ kheo, ai nói một cách đúng đắn mà nói về thứ gì như vậy: ‘Đó là một sự an trú thánh thiện (thánh trú), một sự an trú thiên thánh (phạm trú), sự an trú của Như Lai (Như Lai trú)’, thì người đó đang nói về ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’.

“Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào còn là học nhân, là người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, người sống tâm nguyện đạt được ‘sự an-toàn khỏi sự trói-buộc’: thì đối với họ ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Còn những Tỳ kheo đã là A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, những người đã giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: thì đối với họ ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này và dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác).³¹³

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn mà nói về thứ gì như vậy: ‘Đó là một sự an trú thánh thiện, một sự an trú thiên thánh, sự an trú của Như Lai’, thì người đó đang nói về ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’.”

(SN 54:11)

12 (2) Có Nghi Ngờ

Trong một lần có Ngài Lomasavaṅgīsa đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Lúc đó, ông Mahānāma (Đại Danh) thuộc họ tộc Thích-ca đã đến gặp thầy Lomasavaṅgīsa, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

(1) “Thưa thầy, có phải sự an trú của một học nhân cũng giống sự an trú của Như Lai, hay sự an trú của một học nhân là một thứ và sự an trú của Như lai là thứ khác?”

“Này đạo hữu Mahānāma, không phải sự an trú của một học nhân cũng giống sự an trú của Như Lai; thay vì vậy, sự an trú của một học nhân là một thứ và sự an trú của Như lai là thứ khác.

“Này đạo hữu Mahānāma, những Tỳ kheo nào còn là học nhân, là

người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, người sống tâm nguyện đạt được ‘sự an-toàn khỏi sự trói-buộc’, thì họ an trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng-ngại (triền cái, ngũ cái).³¹⁴ Năm đó là gì? Năm chướng-ngại đó là tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Những Tỳ kheo nào còn là học nhân ... thì an trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng-ngại.

“Nhưng, này đạo hữu Mahānāma, còn những Tỳ kheo là A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đạt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, những người đã giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: thì đối với họ năm chướng-ngại đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.³¹⁵ Năm đó là gì? Những chướng ngại là tham-dục, ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Những Tỳ kheo là A-la-hán ... thì đối với họ năm chướng-ngại đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

(2) “Này đạo hữu Mahānāma, cũng theo phương pháp sau đây, có thể hiểu được cách mà sự an trú của một học nhân là một thứ và sự an trú của Như Lai là thứ khác:

“Này đạo hữu Mahānāma, trong một lần giống vậy khi đức Thế Tôn đang sống ở Icchānaṅgala, trong Khu Rừng Icchānaṅgala. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta muốn đi ở tách-ly (ẩn dật, nhập thất) trong ba tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang thức ăn khát thực cho ta.

[Tiếp tục y hệt như kinh 54:11 kể trên, cho đến:]

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn mà nói về thứ gì như vậy: ‘Đó là một sự an trú thánh thiện (thánh trú), một sự an trú thiên thánh (phạm trú), sự an trú của Như Lai (Như Lai trú)’, thì người đó đang

nói về ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’.”

“Này đạo hữu Mahānāma, bằng phương pháp này, có thể hiểu được cách mà sự an trú của một học nhân là một thứ và sự an trú của Như Lai là thứ khác.”

(SN 54:12)

13 (3) *Ānanda* (1)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có một thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ? Và có bốn thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ?”

“Này Ānanda, có một thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ. Và có bốn thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là ... (*những thứ đó*) ...?”

“Này Ānanda, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ là một thứ (một pháp, một pháp tu) khi đã được tu tập và tu dưỡng, nó hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ). ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ khi đã được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thành ‘bảy chi giác-ngộ’ (thất giác chi). ‘Bảy chi giác-ngộ’ khi đã được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thành ‘Trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát’.

[I. Hoàn thành ‘Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm’]

(1) “Này Ānanda, **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo—(i) khi thở-vô dài, biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc, khi thở-ra dài, biết: ‘Ta thở-ra dài’; (ii) khi thở-vô ngắn, biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; hoặc, khi thở-ra ngắn, biết: ‘Ta thở-ra

ngắn’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở-ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân (thân hành), ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân’, ta sẽ thở-ra’—**thì trong thời đó** người đó an trú quán sát **thân [hoi-thở] trong thân**, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Vì lý do gì? Nay Ānanda, ta gọi đây là một loại thân, đó là ‘sự thở-vô và thở-ra’ (thân hoi-thở). Đó là lý do nói rằng, nay Ānanda, **trong thời đó** vị Tỳ kheo đó an trú quán sát **thân [hoi-thở] trong thân**, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (*giống phần [(1).] kinh SN 54:10 ở trên.*)

(2) “Nay Ānanda, **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ)’, ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ, ta sẽ thở-ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự sượng (lạc), ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự sượng, ta sẽ thở-ra’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở-ra’—**thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này an trú quán sát **những cảm-giác trong những cảm-giác**, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Vì lý do gì? Nay Ānanda, ta gọi đây là một loại cảm-giác, đó là, sự chú-tâm kỹ càng (chú ý sát sao) tới ‘sự thở-vô và thở-ra’. Đó là lý do nói rằng, **trong thời đó** Tỳ kheo đó an trú quán sát **những cảm-giác trong những cảm-giác**, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (*giống phần [(2).] kinh SN 54:10 ở trên.*)

(3) “Này Ānanda, **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thờ-ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thờ-ra’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung (định) cái tâm, ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung cái tâm, ta sẽ thờ-ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thờ-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thờ-ra’—**thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này an trú quán sát **tâm trong tâm**, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta nói rằng không có ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ nào đối với những người thiếu chánh-niệm (thất niệm, xao lãng) và những người thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác). Vì vậy nên nói rằng, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (*giống phần [(3).] kinh SN 54:10 ở trên.*)

(4) “Này Ānanda, **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo—(i) tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thờ-vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thờ-ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thờ-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thờ-ra’; (iii) người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thờ-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thờ-ra’; (iv) người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thờ-vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thờ-ra’—**thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này an trú quán sát **pháp trong pháp** [*pháp*: những hiện-tượng thuộc tâm, những đối-tượng của tâm, những thứ thuộc tâm, những hiện-tượng tâm, tâm pháp, các pháp, các giáo pháp], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ cái gì là ‘sự dẹp-bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền’ như vậy, người đó là người nhìn (quan sát) kỹ [vào tâm] với sự buông-xả. Vì vậy nên nói rằng,

này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này an trú quán sát *pháp trong pháp*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. (*giống phần [(4.) kinh SN 54:10 ở trên.*)

“Đó là, này Ānanda, khi ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, nó sẽ hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-niệm’.

[II. Hoàn thành ‘Bảy Chi Giác-Ngộ’]

“Và, này Ānanda, theo cách nào ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng, để cho chúng hoàn thành ‘bảy chi giác-ngộ’? ³¹⁶

(1) (i) “Này Ānanda, **bất cứ khi** nào một Tỳ kheo an trú quán sát **[1] Thân trong thân, thì trong thời đó** sự chánh-niệm không bị nhiễu [không mờ rói; liên tục, không gián đoạn, không phân tán] được thiết lập bên trong Tỳ kheo đó. Này Ānanda, khi nào sự chánh-niệm không bị nhiễu đã được thiết lập trong một Tỳ kheo, **thì trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm giác chi) được phát khởi bởi người đó; **trong thời đó** người đó tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm; **trong thời đó** chi giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

(ii) “Sau khi an trú có chánh-niệm như vậy, người đó phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó. Này Ānanda, khi nào một Tỳ kheo an trú có chánh-niệm như vậy phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó, **thì trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự phân-biệt những trạng-thái* (trạch-pháp giác chi) được phát khởi bên trong người đó; **trong thời đó** người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng-thái; **trong thời đó** chi giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng-thái sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

(iii) “Trong khi người đó phân biệt Giáo Pháp đó, xem xét nó, điều tra về nó, thì sự nỗ-lực tu của người đó được phát khởi mà không hề gia giảm. Này Ānanda, khi nào sự nỗ-lực tu của một Tỳ kheo được phát khởi mà không hề gia giảm khi người đó phân-biệt Giáo Pháp bằng trí-tuệ, xem

xét nó, điều tra về nó, **thì trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* (tinh-tấn giác chi) được phát khởi bởi người đó; **trong thời đó** người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu*; **trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

(iv) “Sau khi *sự nỗ-lực tu* của người đó được phát khởi, sẽ khởi sinh trong người đó niềm hoan-hỷ về mặt tâm linh (phi thể tục). Nay Ānanda, khi nào *sự hoan-hỷ về mặt tâm linh* khởi sinh bên trong một Tỳ kheo có *sự nỗ-lực tu* được phát khởi, **thì trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* (hỷ giác chi) được phát khởi bởi người đó; **trong thời đó** người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ*; **trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

(v) “Trong một người tu có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ thì thân trở nên tĩnh lặng và tâm trở nên tĩnh lặng. Nay Ānanda, khi nào thân được tĩnh lặng và tâm được tĩnh lặng bên trong một Tỳ kheo có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ như vậy, **thì trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* (khinh-an giác chi) được phát khởi bởi người đó; **trong thời đó** người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng*; **trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

(vi) “Trong một người tu có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc thì tâm trở nên đạt-định. Nay Ānanda, khi nào tâm được đạt-định trong một Tỳ kheo có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc, **thì trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự định-tâm* (định giác chi) được phát khởi bởi người đó; **trong thời đó** người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự định-tâm*; **trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự định-tâm* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu-tập.

(vii) “Người đó trở thành người ngòi [cứ] nhìn một cách sát sao vào cái tâm đạt-định như vậy với sự buông-xả. Nay Ānanda, khi nào một Tỳ kheo chỉ nhìn sát vào cái tâm đạt-định như vậy, **thì trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả giác chi) được phát khởi bởi người đó; **trong thời đó** người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự buông-xả*; **trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự buông-xả* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự

tu-tập.

(2) (i) “Này Ānanda, **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo an trú quán sát [2] *Những cảm-giác trong những cảm-giác ...*

(3) (i) “Này Ānanda, **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo an trú quán sát [3] *Tâm trong tâm ...*

(4) (i) “Này Ānanda, **bất cứ khi nào** một Tỳ kheo an trú quán sát [4] *Pháp trong pháp, thì trong thời đó* sự chánh-niệm không bị nhiễu được thiết lập bên trong Tỳ kheo đó. Này Ānanda, khi nào sự chánh-niệm không bị nhiễu đã được thiết lập trong một Tỳ kheo, **thì trong thời đó** chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm giác chi) được phát khởi bởi người đó; **trong thời đó** người đó tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm; **trong thời đó** chi giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong người đó nhờ sự tu tập.

[*Tiếp tục 06 chi giác-ngộ còn lại từ (ii)-(vii): tương tự phần niệm xứ (I) về Thân giờ áp dụng tương tự đối với (2) Những cảm-giác, (3) Tâm, và (4) Pháp*]

“Này Ānanda, đó là cách ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ được tu tập và tu dưỡng, để chúng hoàn thành ‘bảy chi giác-ngộ’.

[III. Hoàn thành ‘Trí-Biết Đích Thực & Sự Giải-Thoát’]

“Và này Ānanda, theo cách nào ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng, để chúng hoàn thành ‘trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát’?

“Ồ đây, này Ānanda, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm), [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chắm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập chi giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng-thái* (trạch pháp) ... chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) ... chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* (hỷ) ... chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* (khinh an) ... chi giác-ngộ là *sự chánh-định* (định) ... chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả), dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chắm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

“Này Ānanda, đó chính là khi ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng, thì chúng hoàn thành ‘trí-biết đích thực và sự giải-thoát’.”

(SN 54:13)

14 (4) Ānanda (2)

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda như vậy:

“Này Ānanda, có một thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ? Và có bốn thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

“Này Ānanda, có một thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ. Và có bốn thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ.

“Và, này Ānanda, cái gì là ... *(những thứ đó)* ...?”

“Này Ānanda, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ là một thứ (một pháp, một pháp tu) khi đã được tu tập và tu dưỡng, nó hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ). ‘Bốn nền tảng chánh-niệm’ khi đã được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thành ‘bảy chi giác-ngộ’ (thất giác chi). ‘Bảy chi giác-ngộ’ khi đã được tu tập và tu dưỡng, chúng hoàn thành ‘Trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát’.

“Và, này Ānanda, theo cách nào ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’ được tu tập và tu dưỡng để nó hoàn thành ‘bốn nền tảng chánh-niệm’?”

“Ồ đây, này Ānanda, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, hay đến một gốc cây hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi téo chân, giữ lưng

thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thờ-vô, có chánh-niệm người đó thờ-ra ... [*tiếp tục toàn bộ y hệt như bài kinh 54:13 kể trên, cho đến:*] ... chỉ giác-ngộ là sự buông-xả, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát..

“Này Ānanda, đó chính là khi ‘bảy chi giác-ngộ’ được tu tập và tu dưỡng, thì chúng hoàn thành ‘trí-biết đích thực và sự giải-thoát’.”

(SN 54:14)

15 (5) Các Tỳ Kheo (1)

[*Giống hệt kinh 54:13 ở trên, chỉ khác là “một số Tỳ kheo” thay vì thầy “Ānanda”.*]

(SN 54:15)

16 (6) Các Tỳ Kheo (2)

[*Giống hệt kinh 54:14 ở trên, chỉ khác là “một số Tỳ kheo” thay vì thầy “Ānanda”.*]

(SN 54:16)

17 (7) Những Gông Cùm

“Này các Tỳ kheo, ‘sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở’, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự dẹp-bỏ những gông-cùm (kiết sử).”

(SN 54:17)

18 (8) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn

“... sẽ dẫn tới sự bùng nổ những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên).”

(SN 54:18)

19 (9) Hành Trình

“... sẽ dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu *hành-trình* (đường đi, quá trình luân hồi sinh tử của một người).”

(SN 54:19)

20 (10) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm

“... sẽ dẫn tới sự tiêu diệt *những ô-nhiễm* (lậu hoặc).

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘*sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở*’ được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự dẹp-bỏ *những gông-cùm*, dẫn tới sự bùng-bỏ *những khuynh-hướng tiềm ẩn*, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu *hành-trình* (của luân hồi sinh tử), dẫn tới sự tiêu-diệt *những ô-nhiễm*?”

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tẻo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi-thở) người đó thờ-vô, có chánh-niệm người đó thờ-ra.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tẻo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ (làm một việc là) có chánh-niệm người đó thờ-vô, có chánh-niệm người đó thờ-ra ... [*tiếp tục các đoạn (1)-(4) như kinh 54:01 ở đầu chương*] ...

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là ‘*sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở*’ được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự dẹp-bỏ những gông-cùm, dẫn tới sự bùng-bỏ những khuynh-hướng tiềm ẩn, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu hành-trình, dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm.”

(SN 54:20)

Chương 55

Liên Kết NHẬP-LUÛ

(55 *Sotāpatti-saṃyutta*)

(55 *Tương ưng Dự Lưu*)

NHÓM 1

NHÓM ‘CÔNG TRE’

(*Veḷudvāra-vagga*)

1 (I) Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe

Ở Sāvattḥī. Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, *cho dù* đó là một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), đã thực thi quyền thống trị tối cao khắp bốn châu lục, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, trong số những thiên thần của cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi), và ở đó, được vây quanh bởi các tiên nữ trong khu Vườn Nandana (lạc viên, vườn khoái lạc), người đó thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ dục-lạc của cõi trời, *nhưng* vị vua đó vẫn chưa có-được bốn điều,³¹⁷ vẫn chưa thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh và cảnh giới hồn ma nạ quý, chưa thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ và cõi dưới.³¹⁸

“Này các Tỳ kheo, *cho dù* một người thánh đệ tử chỉ sống duy trì bản thân bằng mớ thức ăn khát thực và y phục làm bằng giẻ rách, *nhưng* người đó vẫn có-được bốn điều, vẫn thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh và cảnh giới hồn ma nạ quý, thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ và cõi dưới. Bốn đó là gì?

(1) Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [*‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’*]³¹⁹

(2) “Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy:

[‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’]

(3) “Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại (bậc) người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’]

(4) “Người đó có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng, (chúng) không bị sút mẻ, không bị lỗi, không dính nhiễm, không vết ố, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.’]³²⁰

“Người đó có-được bốn điều này. Và, này các Tỷ kheo, giữa hai thứ, quyền thống trị khắp bốn châu lục và sự có-được bốn điều này, thì quyền thống trị bốn châu lục không đáng bằng một phần mười sáu so với việc có-được bốn điều này.”³²¹

(SN 55:01)

2 (2) *Đã Nhập Cứ ...*

“Này các Tỷ kheo, một người thánh đệ tử có-được bốn điều thì người đó là một thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”³²² Bốn đó là gì?

(1) Ở đây, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]

(2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]

(3) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]

(4) “Người đó có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’] (như kinh 55:01 kể trên)

“Này các Tỷ kheo, một người thánh đệ tử có-được bốn điều này thì người đó là bậc Nhập-lưu, không còn bị trôi buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy, nói thêm như vậy:

“Ai có-được niềm-tin và giới-hạnh,
Sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp,
Vào lúc đạt tới niềm hạnh-phúc,
Đã nhập cứ vào đời sống tâm linh (phạm hạnh).”³²³

(SN 55:02)

3 (3) *Dīghāvu*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó có một đệ tử tại gia tên là Dīghāvu bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi người đệ tử tại gia Dīghāvu đó đã nói với cha mình là gia chủ Jotika, như vậy:

“Thưa cha, nhờ cha đến gặp đức Thế Tôn, kính lạy đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của đức Thế Tôn giùm con, và thưa rằng: ‘Thưa đức Thế Tôn, đệ tử tại gia Dīghāvu (là con trai) đang bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết; con trai con nhờ con đến kính lạy đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của đức Thế Tôn.’ Rồi cha thưa rằng: ‘Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến nơi ở của người đệ tử tại gia Dīghāvu, vì lòng bi-mẫn.’”

“Được rồi, con yêu”, gia chủ Jotika trả lời, và ông đi đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại lời của người con. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi đức Thế Tôn mặc y phục, mang bình bát và cà sa, đi đến nơi ở của đệ tử tại gia Dīghāvu. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với người đệ tử Dīghāvu:

“Này Dīghāvu, ta hy vọng anh đang chịu đựng tốt, ta hy vọng anh đang đỡ hơn. Ta hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của anh đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.”

“Như vậy, này Dīghāvu, anh nên tập luyện bản thân như vậy: (1) ‘Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. (2) Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) Tôi sẽ là người có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’] (như kinh 55:01 kể trên). Chính theo cách như vậy anh nên tập luyện bản thân.”

“Thưa Thế Tôn, đối với ‘bốn yếu-tố (của/dẫn tới) Nhập-lưu’ đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, những điều đó đều có đủ bên trong con, và con sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thưa đức Thế Tôn, con có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn, và con có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’]”

“Như vậy, này Dīghāvu, sau khi đã thiết-lập ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ đó, anh nên tu tập thêm sáu điều góp phần tạo nên ‘trí-biết đích thực’ (minh, chân trí). Ở đây, này Dīghāvu, hãy an trú (1) quán sát sự vô-thường trong tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), (2) nhận thức sự-khổ trong những thứ vô-thường, (3) nhận thức sự vô-ngã trong những thứ khổ, (4) nhận

thức sự đẹp-bỏ, (5) nhận thức sự phai-biến, (6) nhận thức sự chãm-dứt.³²⁴
Chính theo cách như vậy anh nên tập luyện bản thân.”

“Thưa đức Thế Tôn, đối với sáu điều góp phần tạo nên ‘trí-biết đích thực’ đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, sáu điều đó đều có đủ bên trong con, và con đã sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thưa đức Thế Tôn, con an trú (1) quán sát sự vô-thường trong tất cả mọi sự tạo-tác (các hành), (2) nhận thức sự-khổ trong những thứ vô-thường, (3) nhận thức sự vô-ngã trong những thứ khổ, (4) nhận thức sự đẹp-bỏ, (5) nhận thức sự phai-biến, (6) nhận thức sự chãm-dứt. Tuy nhiên, thưa đức Thế Tôn, con hy vọng sau khi con chết đi phụ thân con [gia chủ Jotika] sẽ không bị ưu sầu.”

“Đừng lo lắng về điều này, này con Dīghāvu yêu dấu. Lúc này con chỉ nên chú-tâm nghe kỹ những lời đức Thế Tôn đang nói với con” (người cha Jotika nói)

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã nói những lời chỉ dạy đó cho người đệ tử tại gia Dīghāvu, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đi về, người đệ tử tại gia Dīghāvu đã qua đời.

Sau đó, một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, vị đệ tử tại gia Dīghāvu đã chết. Vậy nơi-đến của vị ấy là gì? Đường tương lai của vị ấy là gì?”

“Này các Tỳ kheo, đệ tử tại gia Dīghāvu là người có trí. Người đó đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền ta về vấn đề Giáo Pháp. Này các Tỳ kheo, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đệ tử tại gia Dīghāvu đã trở thành người tái sinh một cách tự phát (vào một trong 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên); quả Bất Lai), và ở đó sẽ chứng đắc Niết-bàn, không còn quay lại từ cõi đó nữa.”

(SN 55:03)

4 (4) Xá-Lợi-Phất (1)

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, Ngài Ānanda ra khỏi chỗ tách-ly (ẩn trú) ... Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Ānanda đã nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, do có-được bao nhiêu điều gì mà có những người đã được đức Thế Tôn tuyên bố là bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của họ?”

“Này Ānanda, chính nhờ sự có-được bốn điều cho nên những người đó được đức Thế Tôn tuyên bố là bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của họ. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [**Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.**]. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) “Người đó có-được: [**những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.**]” (như kinh **55:01** ở trên)

“Này đạo hữu, chính nhờ sự có-được bốn điều này cho nên những người đó được đức Thế Tôn tuyên bố là bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của họ.”

(SN 55:04)

5 (5) Xá-Lợi-Phất (2)

Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với thầy ấy:

“Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Một yếu-tố (chi) để đạt tới Nhập-lưu, một yếu-tố để đạt tới Nhập-lưu’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái

gì là một yếu-tố để đạt tới Nhập-luu?”

“Thưa Thế Tôn, (i) giao lưu gặp gỡ bậc thượng nhân là một yếu-tố để đạt tới Nhập-luu. (ii) Nghe Giáo Pháp đích thực (chân pháp) là một yếu-tố để đạt tới Nhập-luu. (iii) Sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý, tác ý đúng pháp) là một yếu-tố để đạt tới Nhập-luu. (iv) Tu tập đúng theo Giáo Pháp là một yếu-tố để đạt tới Nhập-luu.” **325**

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! (i) Giao lưu gặp gỡ những thượng nhân là một yếu-tố để Nhập-luu. (ii) Nghe Giáo Pháp đích-thực (chân pháp) là một yếu-tố để Nhập-luu. (iii) Sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là một yếu-tố để Nhập-luu. (iv) Tu tập đúng theo Giáo Pháp là một yếu-tố để Nhập-luu.

“Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Dòng chảy, dòng chảy’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là dòng chảy?”

“Thưa Thế Tôn, con-đường Bát Thánh Đạo là dòng chảy (dòng thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Con-đường Bát Thánh Đạo này là dòng chảy; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

“Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Một bậc Nhập-luu, một bậc Nhập-luu’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là một bậc Nhập-luu (dự-luu, Tu-đà-hoàn, đã nhập vào dòng thánh đạo;)?”

“Thưa Thế Tôn, một người có-được con-đường Bát Thánh Đạo này thì được gọi là một bậc Nhập-luu: vị đó có danh xưng này cùng với tên họ.” (tức được gọi bậc trước tên, ví dụ như ‘Nhập-luu Ānanda’)

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Một người có-được con-đường Bát Thánh Đạo này là một bậc Nhập-luu: vị đó có danh xưng này cùng với tên họ.”

(SN 55:05)

6 (6) Các Quan Thị Vệ

Ở Sāvattthī.

Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ kheo đang may cà-sa cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng: “Sau ba tháng, khi cà-sa được làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.”

Bấy giờ, lúc đó có các quan thị vệ³²⁶ là Isidatta và Purāṇa đang tạm trú ở Sādhuka vì một số công chuyện. Họ nghe rằng: “Một số Tỳ kheo đang may cà sa cho đức Thế Tôn, và họ nghĩ rằng: ‘Sau ba tháng, khi cà-sa được làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.’”

Rồi hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa đã đặt một người đứng trước đường và dặn anh ta: “Này bạn hiền, khi nào anh thấy đức Thế Tôn đến, đó là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì anh báo ngay cho chúng tôi.” Sau khi đứng trước đường hai, ba ngày thì anh ta nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi tới từ xa. Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, anh ta đến gặp hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa để báo với họ: “Thưa các ngài, đức Thế Tôn đang đến, đó là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Vậy các ngài cứ tùy tiện đến gặp.”

Rồi hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đi theo sát phía sau đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đã bước ra khỏi đường, đến một gốc cây, và ngồi xuống một chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

(a) “Thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe đức Thế Tôn sẽ rời khỏi Sāvattthī (Xá-vệ) để du hành giữa dân chúng Kosala (Kiều-tát-la), thì trong thời đó khởi sinh trong chúng con sự buồn và ưu với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở xa chúng con.’ Rồi khi chúng con nghe đức Thế Tôn đã rời khỏi Sāvattthī đang du hành giữa dân chúng Kosala, thì trong thời đó khởi sinh trong chúng sự buồn và ưu với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở xa chúng con.’”

“Thêm nữa, thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe đức Thế Tôn sẽ rời khỏi dân chúng Kosala để du hành tới xứ người Malla ... Rồi khi

chúng con nghe đức Thế Tôn đã rời khỏi dân chúng Kosala đang du hành tới xứ người Malla ...

... lúc chúng con mới nghe đức Thế Tôn sẽ rời khỏi dân chúng Malla để du hành tới xứ người Vajji (Bạt-kỳ) ... Rồi khi chúng con nghe đức Thế Tôn đã rời khỏi dân chúng Malla đang du hành tới xứ người Vajji (Bạt-kỳ) ...

... lúc chúng con nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời khỏi dân chúng Vajji để du hành tới xứ người Kāsi ... Rồi chúng con nghe đức Thế Tôn đã rời khỏi dân chúng Vajji đang du hành tới xứ người Kāsi ...

... lúc chúng con nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời khỏi dân chúng Kāsi để du hành tới xứ người Ma-kiệt-đà (Magadha) ... Rồi chúng con nghe đức Thế Tôn đã rời dân chúng Kāsi đang du hành tới xứ người Ma-kiệt-đà, thì trong thời đó khởi sinh trong chúng sự buồn và ưu với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở xa chúng con.’

(b) “Nhưng, thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe đức Thế Tôn sẽ rời khỏi dân chúng Ma-kiệt-đà để du hành tới xứ người Kāsi, thì trong thời đó khởi sinh trong chúng con sự mừng và vui với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở gần chúng con hơn.’ Rồi khi chúng con nghe đức Thế Tôn đã rời khỏi dân chúng Magadha đang du hành ở xứ người Kāsi, thì trong thời đó khởi sinh trong chúng con sự mừng và vui với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở gần chúng con hơn.’

“Thêm nữa, thưa Thế Tôn, lúc chúng con mới nghe đức Thế Tôn sẽ rời khỏi dân chúng Kāsi để du hành tới xứ người Vajji ... Rồi chúng con nghe đức Thế Tôn đã rời khỏi dân chúng Kāsi đang du hành tới xứ người Vajji ...

... lúc chúng con mới nghe đức Thế Tôn sẽ rời khỏi dân chúng Vajji để du hành tới xứ người Malla ... Rồi chúng con nghe đức Thế Tôn đã rời khỏi dân chúng Vajji đang du hành tới xứ người Malla ...

... lúc chúng con mới nghe đức Thế Tôn sẽ rời khỏi dân chúng Malla để du hành tới xứ người Kosala ... Rồi chúng con nghe đức Thế Tôn đã

rời khỏi dân chúng Malla đang du hành tới xứ người Kosala ...

... lúc chúng con mới nghe đức Thế Tôn sẽ rời khỏi dân chúng Kosala để du hành tới Sāvattthī, thì trong thời đó khởi sinh trong chúng con sự mừng và vui với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở gần chúng con hơn.’ Rồi khi chúng con nghe đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc, thì trong thời đó khởi sinh trong chúng con sự mừng và vui với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở gần chúng con.’”

- “Như vậy đó, này các quan thị vệ, đời sống tại gia là sự giam cầm, là con đường đầy bụi bẩn. Đời sống xuất gia như trời đất rộng mở. Này các thị vệ, bấy nhiêu đó cũng đủ lý do để các anh biết chuyên-chú (tu tập).”

“Thưa Thế Tôn, chúng con còn bị dính một sự giam cầm khác thậm chí còn giam cầm hơn và coi như giam cầm nhiều hơn điều đó (đời sống tại gia) nữa.”

- “Nhưng, này các thị vệ, cái gì là sự giam cầm mà các anh đang dính vào, cái gì thậm chí còn giam cầm hơn và coi như giam cầm nhiều hơn điều đó (đời sống tại gia) nữa?”

“Ồ đây, thưa Thế Tôn, mỗi khi Vua Pasenadi của xứ Kosala muốn đi một chuyến tới vườn ngự viên của mình, thì trước hết chúng con phải chuẩn bị những con voi, rồi đặt những cung phi được sủng ái của nhà vua ngồi lên những ghế ngồi trên lưng voi, ngay trước mặt và sau lưng mình. Thưa Thế Tôn, rồi mùi hương của những cung phi đó thơm ngát như hộp nước hoa mới mở ra; những cung phi được sức mùi thơm ngát như vậy. Thêm nữa, thưa Thế Tôn, sự đụng chạm với thân thể của các cung phi đó thì êm ái giống như chạm vào bông vải hay bông kapok vậy; những cung phi hoàng gia đó được được nuôi dưỡng một cách chăm chút như vậy. Rồi, thưa Thế Tôn, trong thời gian đó thì chúng con phải thị vệ những con voi, thị vệ những quý phi, và còn phải lo phòng vệ bản thân mình, mặc dù chúng con không thể nào nhớ hết bao nhiêu lần đã làm khởi sinh những trạng thái bất thiện (tà dục, tà dâm) đối với những cung phi mỹ nữ đó.

Thưa Thế Tôn, đó chính là một sự giam cầm khác mà chúng con đang dính phải, nó thậm chí còn giam cầm hơn và coi như giam cầm nhiều hơn điều đó (đời sống tại gia) đó nữa.”

- “Bởi vậy, này các thị vệ, đời sống tại gia là sự giam cầm, là con đường đầy bụi bặm. Đời sống xuất gia thì như trời đất rộng mở. Bấy nhiêu cũng đủ lý do để các anh biết chuyên-chú (tu tập). Này các thị vệ, người thánh đệ tử có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các thị vệ, (1) Ở đây, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [**Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.**]. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...] (*như 03 điều kinh 55:01 ở đầu chương*) ... (4) Người đó [**‘sống ở nhà với một cái tâm không bị nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, mở rộng bàn tay, vui thích sự từ-bỏ, người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.**’].³²⁷ Một người thánh đệ tử có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Này các thị vệ, các anh có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn.... Thêm nữa, trong nhà có thứ gì thích hợp để cho đi thì các anh hãy bố thí chia sẻ những thứ đó [một cách không tiếc giữ] cho những người có giới-hạnh, tính nết tốt thiện. Này các thị vệ, các anh nghĩ sao, có được bao nhiêu người trong dân chúng Kosala có thể sánh bằng các anh về mặt sự rộng lòng bố-thí?”

“Thưa Thế Tôn, đó là ích lợi cho chúng con! Đó thực sự là ích lợi cho chúng con, rằng đức Thế Tôn đã biết rõ chúng con như vậy.”

(SN 55:06)

7 (7) Những Người Làng Cồng Tre

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó mới tới khu làng Cồng Tre (Trúc Môn) của những bà-la-môn người Kosala. Lúc đó những gia chủ bà-la-môn ở làng Cồng Tre đã nghe tin rằng: [“Này các ngài, nghe nói rằng sa-môn Cò-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca đã xuất gia khỏi một gia đình họ tộc Thích-Ca, đã du hành tới xứ Kosala cùng với một Tăng Đoàn lớn các Tỳ kheo, và mới tới làng Cồng Tre. Giờ tin đồn tốt lành về Thầy Cò-đàm đã lan truyền như vậy: ‘Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh tức), là bậc phúc-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn. - Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.”] Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đến gặp những vị A-la-hán đó.”

Rồi những gia chủ bà-la-môn của làng Cồng Tre đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, một số họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Một số chào hỏi, sau khi chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên. Một số khác tự xưng tên tuổi và họ tộc của mình với đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, những gia chủ bà-la-môn của làng Cồng Tre đã nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, chúng tôi có những ước nguyện, mong muốn, và hy vọng như vậy: ‘Chúng tôi cầu được sống trong nhà với nhiều con cháu!

Chúng tôi cầu được dùng gỗ đàn hương và lụa Kāsi! Chúng tôi cầu được mang vòng hoa, xúc nước hoa, và cao sáp! Chúng tôi cầu nhận được vàng bạc! Khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi cầu được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời!’ Khi chúng tôi có những ước nguyện, mong muốn, và hy vọng như vậy, mong Thầy Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp theo một cách để chúng tôi có thể được sống trong nhà với nhiều con cháu ... được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

- “Này các gia chủ, ta sẽ dạy cho các người Giáo Pháp có thể ứng dụng được cho mỗi người.³²⁸ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Dạ, Thầy Cồ-đàm”, những gia chủ bà-la-môn làng Công Tre đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các gia chủ, cái gì là Giáo Pháp ứng dụng được cho mỗi người?

(1) “Ở đây, này các gia chủ, một người thánh đệ tử biết suy xét như vậy: [‘Ta là người muốn được sống chứ không muốn chết; ta muốn hạnh-phúc và tránh khổ-đau. Vì ta là người muốn được sống . . . và tránh khổ-đau, cho nên nếu có ai lấy mạng ta thì ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta lấy mạng người (hay vật) khác—người (hay vật) đó cũng muốn được sống chứ không muốn chết, muốn hạnh-phúc và tránh khổ-đau—thì người (hay vật) đó cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người (hay vật) khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người (hay vật) khác?’. Sau khi suy xét như vậy, người thánh đệ tử *kiêng cũ sát-sinh*, khuyến khích người khác *kiêng cũ sát-sinh*, và đề cao (khen ngợi) việc *kiêng cũ sát-sinh*. Như vậy hành-vi *thân* (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.³²⁹

(2) “Lại nữa, này các gia chủ, một người thánh đệ tử biết suy xét như vậy: [‘Nếu có ai muốn lấy thứ ta không cho, đó là trộm cắp của ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta lấy thứ người khác không cho ta, tức là gian cắp của người khác, điều đó người khác đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu

vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?'] Sau khi suy xét như vậy, người thánh đệ tử *kiêng cử gian-cấp* (như lấy thứ không được cho, cướp, gian lận, ăn hối lộ, tống tiền, tham nhũng, làm giàu bất chính ...), khuyến khích người khác *kiêng cử gian-cấp*, và khen ngợi sự *kiêng cử gian-cấp*. Như vậy hành-vi *thân* [hành động] của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(3) “Lại nữa, này các gia chủ, một người thánh đệ tử biết suy xét như vậy: [‘Nếu có ai muốn ngoại tình với vợ ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta đi ngoại tình với vợ của người khác, điều đó người khác đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?'] Sau khi suy xét như vậy, người thánh đệ tử *kiêng cử tà-dâm* (ý nghĩ, hành vi, quan hệ tính dục bất chính), khuyến khích người khác *kiêng cử tà-dâm*, và khen ngợi sự *kiêng cử* việc *tà-dâm*. Như vậy hành-vi *thân* [hành động] của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(4) “Lại nữa, này các gia chủ, một người thánh đệ tử biết suy xét như vậy: [‘Nếu có ai nói dối nói sai để làm hại ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta nói dối nói sai để làm hại người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?'] Sau khi suy xét như vậy, người thánh đệ tử *kiêng cử nói-dối nói láo*, khuyến khích người khác *kiêng cử nói-dối nói láo*, và khen ngợi sự *kiêng cử nói-dối nói láo*. Như vậy hành-vi *miệng* [lời nói] của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(5) “Lại nữa, này các gia chủ, một người thánh đệ tử biết suy xét như vậy: [‘Nếu có ai chia rẽ ta với bạn bè thân hữu bằng lời-nói gây chia-rẽ, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ ta chia rẽ người khác và bạn bè thân hữu của họ bằng lời-nói gây chia rẽ, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu ...’] Như vậy hành-vi *miệng* [lời nói] của người đó được

thanh lọc theo ba cách.

(6) “Lại nữa, này các gia chủ, một người thánh đệ tử biết suy xét như vậy: [‘Nếu có ai nói với ta bằng những lời-nói gắt-gông nạt nộ, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ ta nói lời gắt-gông nạt nộ với người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu ...] Như vậy hành-vi *miệng* [lời nói] của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(7) “Lại nữa, này các gia chủ, một người thánh đệ tử biết suy xét như vậy: [‘Nếu có ai nói với ta những lời-nói tầm-phào tán dóc (vô ích, vô bổ, tào lao), điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta nói lời tầm-phào tán dóc với người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?'] Sau khi suy xét như vậy, người thánh đệ tử *kiêng cử lời-nói tầm-phào tán dóc*, khuyến khích người khác *kiêng cử lời-nói tầm-phào tán dóc*, và khen ngợi sự *kiêng cử lời-nói tầm-phào tán dóc*. Như vậy hành-vi *miệng* [lời nói] của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(9)-(12) “(1) Ở đây, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) “Người đó có-được: [những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’]” (như kinh 55:01 ở trên)

“Này các gia chủ, khi một người thánh đệ tử có-được bảy phẩm-chất thiện lành nói trên, cộng với bốn điều đáng có mới nói này, thì nếu muốn người đó có thể tuyên bố về mình như vậy: ‘Ta đã hết (không còn bị rớt vào; đã đoạn tuyệt với) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cảnh hôn ma nga quỷ, đã hết cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’”

Sau khi điều này được nói ra, những gia chủ bà-la-môn của làng Công Tre đã nói: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! ... Nay chúng con xin quy y nương tựa vào Thầy Cồ-đàm, vào Giáo Pháp, và vào Tăng Đoàn các Tỳ Kheo. Kể từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 55:07)

8 (8) Hội Trường Gạch (1)

Tôi nghe như vậy.³³⁰ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nātika trong Hội Trường Bằng Gạch. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo tên Sālha đã chết. Vậy nơi-đến của thầy ấy là gì, đường tương-lai (tái sinh) của thầy ấy là gì? Tỳ kheo ni tên Nandā đã chết. Nơi-đến của ni ấy là gì, đường tương-lai của ni ấy là gì? Đệ tử tại gia nam tên Sudatta đã chết. Nơi-đến của bác ấy là gì, đường tương-lai của bác ấy là gì? Đệ tử tại gia nữ tên Sujātā đã chết. Nơi-đến của cô ấy là gì, đường tương-lai của cô ấy là gì?”

“Này Ānanda, (a) Tỳ kheo Sālha đã chết, bằng sự tiêu diệt hết ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (b) Tỳ kheo ni Nandā đã chết, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phân kiết-sử), đã tái sinh tự phát vào một (trong năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, chỗ tái sinh của bậc thánh Bất-lai), và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại từ cõi đó nữa. (c) Đệ tử tại gia nam Sudatta đã chết, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên) và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã thành một bậc Nhất-lai, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, rồi sẽ làm nên sự diệt-khổ.³³¹ (d) Đệ tử tại gia nữ Sujātā đã chết, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), đã là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Không có gì đáng ngạc nhiên, này Ānanda, rằng làm con người rồi ai cũng phải chết. Nhưng cứ mỗi lần có ai chết thầy lại đến gặp ta hỏi như vậy, điều đó sẽ làm phiền Như Lai. Bởi vậy, này Ānanda, ta sẽ dạy cho thầy một Giáo Pháp được gọi là ‘tám gương của Giáo Pháp’, nếu được trang bị nó, thì một người thánh đệ, nếu muốn, có thể tự tuyên bố về mình như vậy: ‘Ta đã hết (không còn rớt vào) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cõi hồn ma ngạ quỷ, đã hết những cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc Nhập-luu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’

“Và, này Ānanda, cái gì là Giáo Pháp đó, là ‘tám gương của Giáo Pháp’, khi được trang bị nó thì một người thánh đệ tử, nếu muốn, có thể tuyên bố về mình như vậy? Ở đây, này Ānanda, (1) Ở đây, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) “Người đó có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’] (như kinh 55:01 ở đầu chương)

“Này Ānanda, đây là Giáo Pháp đó, là ‘tám gương của Giáo Pháp’, khi được trang bị nó thì một người thánh đệ, nếu muốn, có thể tự tuyên bố về mình như vậy: ‘Ta đã hết cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cõi hồn ma ngạ quỷ, đã hết những cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc Nhập-luu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’”

(SN 55:08)

9 (8) Hội Trường Gạch (2)

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo tên Asoka đã chết. Vậy nơi-đến của thầy ấy

là gì, đường tương-lai của thầy ấy là gì? Tỳ kheo ni tên Asokā đã chết. Nơi-đến của ni ấy là gì, đường tương-lai của ni ấy là gì? Đệ tử tại gia nam tên Asoka đã chết. Nơi-đến của bác ấy là gì, đường tương-lai của bác ấy là gì? Đệ tử tại gia nữ tên Asokā đã chết. Nơi-đến của cô ấy là gì, đường tương-lai của cô ấy là gì?”

“Này Ānanda, (a) Tỳ kheo Asoka đã chết, bằng sự tiêu diệt hết ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (b) ... [*những người kế tiếp lần lượt giống những người trong kinh kể trên; rồi tiếp tục cho đến đoạn cuối:*] ...

“Này Ānanda, đây là Giáo Pháp đó, là ‘tám gương của Giáo Pháp’, khi được trang bị nó thì một người thánh đệ, nếu muốn, có thể tự tuyên bố về mình như vậy: ‘Ta đã hết cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cõi hồn ma ngạ quỷ, đã hết những cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’”

(SN 55:09)

10 (10) Hội Trường Gạch (3)

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, đệ tử tại gia nam tên Kakkata đã chết ở Ñātika. Vậy nơi-đến của chú ấy là gì, đường tương-lai của chú ấy là gì? Đệ tử tại gia nam tên Kālīṅga ... Nikata ... Kaṭṭissaha ... Tuṭṭha ... Santuṭṭha ... Bhadda ... Subhadda đã chết ở Ñātika. Vậy nơi-đến của chú ấy là gì, đường tương-lai của chú ấy là gì?”

“Này Ānanda, (b) đệ tử tại gia nam Kakkata đã chết, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đã tái sinh tự phát vào một (trong năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, chỗ tái sinh của bậc thánh Bất-lai), và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại từ

cõi đó nữa. Các các đệ tử tại gia nam là Kāḷiṅga, Nikata, Kaṭṭissaha, Tuṭṭha, Santuṭṭha, Bhadda, và Subhadda cũng giống như vậy.

“Hơn năm mươi đệ tử tại gia nam đã chết ở Ñātika, với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đã tái sinh tự phát vào một (trong năm) cõi trời trong-sạch, và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại từ cõi đó nữa nữa

“(c) Hơn chín mươi đệ tử tại gia nam đã chết ở Ñātika, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên) và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã thành một bậc Nhất-lai, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, rồi sẽ làm nên sự diệt-khổ.

“(d) Năm trăm lẻ sáu đệ tử tại gia nam đã chết ở Ñātika, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), đã là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.³³²

“Không có gì đáng ngạc nhiên, này Ānanda, rằng làm con người rồi ai cũng phải chết. Nhưng cứ mỗi lần có ai chết thầy lại đến gặp ta hỏi như vậy, điều đó sẽ làm phiền Như Lai. Bởi vậy, này Ānanda, ta sẽ dạy cho thầy một Giáo Pháp được gọi là ‘tám gương của Giáo Pháp’ ...

“Và, này Ānanda, cái gì là Giáo Pháp đó, là ‘tám gương của Giáo Pháp’, khi được trang bị nó ...?

... [*Tiếp tục phần còn lại như kinh 55:08 ở trên*] ...

(SN 55:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘TỊNH XÁ HOÀNG GIA’ hay ‘MỘT NGÀN’ (*Rājakārāma-vagga*)

11 (1) Một Ngàn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong khu Tịnh Xá (thuộc) Hoàng Gia. Lúc đó có Ni Đoàn gồm có một ngàn Tỳ kheo ni đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, đứng sang một bên. Đức Thế Tôn đã nói với những Tỳ kheo ni đó:

“Này các Tỳ kheo ni, một người thánh đệ tử nếu có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo ni, (1) Ở đây, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [**Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.**]. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) “Người đó có-được: [**những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.**]” (như kinh **55:01** ở đầu chương)

“Này các Tỳ kheo ni, một người thánh đệ tử có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

(SN 55:11)

12 (2) Những Bà-La-Môn

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, những bà-la-môn tuyên bố một đường đi họ gọi là ‘hướng thượng’. Họ khuyến khích đệ tử như vậy: ‘Này, thiện nhân, hãy thức dậy sớm và mặt nhìn hướng đông bước đi. Đừng tránh hố sâu, vực

núi, hay gốc cây, chỗ gai góc, ao nước, hay hầm phân. Anh nên biết trước (trông đợi) cái chết khi rớt xuống bất cứ chỗ nào.³³³ Như vậy, này thiện nhân, khi thân tan rã, sau khi chết, anh sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’

“Này các Tỳ kheo, kiểu thực hành này của những bà-la-môn là đường đi ngu ngốc, đường đi ngu xuẩn; nó không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Nhưng, này các Tỳ kheo, ta tuyên bố đường đi hướng thượng theo Giới Luật của Thánh Nhân, đường đi dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường đi hướng thượng, dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ ... Niết-bàn. Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) Ở đây, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) “Người đó có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’] (như kinh 55:01 ở đầu chương)

“Này các Tỳ kheo, đây là đường đi hướng thượng, nó dẫn tới sự hoàn toàn sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.”

(SN 55:12)

13 (3) Ānanda

Trong một lần Ngài Ānanda và Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú), đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, bằng cách đẹp-bỏ bao nhiêu thứ và do có-được bao nhiêu thứ thì có những người được đức Thế Tôn tuyên bố như vậy: ‘Người này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’?”

“Này đạo hữu, đó là bằng cách đẹp-bỏ bốn điều và do có-được bốn điều nên họ được đức Thế Tôn tuyên bố như vậy. Bốn đó là gì?”

(1) “Này đạo hữu, người đó *không-có sự bất-tin* vào Đức Phật. Không giống những người phàm chưa được chỉ dạy, do có sự bất-tin vào Đức Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và người đó *có-được niềm-tin xác thực* vào Đức Phật. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Đức Phật như vậy: [**Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.**].

(2) “Này đạo hữu, người đó *không-có sự bất-tin* vào Giáo Pháp. Không giống những người phàm chưa được chỉ dạy, do có sự bất-tin vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và người đó *có-được niềm-tin xác thực* vào Giáo Pháp. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Giáo Pháp như vậy: [**Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.**]

(3) “Này đạo hữu, người đó *không-có sự bất-tin* vào Tăng Đoàn. Không giống những người phàm chưa được chỉ dạy, do có sự bất-tin vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và người đó *có-được niềm-tin xác thực* vào Tăng Đoàn. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào

Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Tăng Đoàn như vậy: [**Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).**’]

(4) “Này đạo hữu, người đó *không-có sự thiếu giới-hạnh*. Không giống những người phạm chưa được chỉ dạy, do có sự thiếu giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và người đó có-được giới-hạnh. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có-được giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đó là: [**những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng, không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.**’]

“Này đạo hữu, chính bằng cách dẹp-bỏ bốn điều như vậy và do có-được bốn điều như vậy, nên những người đó được đức Thế Tôn tuyên bố như vậy: ‘Người này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’”

(SN 55:13)

14 (4) Nơi Đến Xấu Dữ (1)

“Này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được bốn điều là đã vượt qua mọi sự sợ-hãi của một nơi-đến xấu dữ. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: (1) Ở đây, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [**Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.**’]. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) “Người đó có-được: [**những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.**’] (như kinh 55:01 ở đầu chương).

Một người thánh đệ tử có-được bốn điều này là đã vượt qua mọi sự sợ-hãi một nơi-đến xấu dữ.”

(SN 55:14)

15 (5) Nơi Đến Xấu Dữ (2)

“Này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được bốn điều là đã vượt qua mọi sự sợ-hãi của một nơi-đến xấu dữ, của cõi dưới. Bốn đó là gì? ...
[y kinh trên, chỉ thêm chữ “của cõi dưới”] ...

(SN 55:15)

16 (6) Bạn Bè và Đồng Sự ... (1)

“Này các Tỳ kheo, những người mà các thầy có lòng bi-mẫn đối với họ và họ nghĩ các thầy nên được lắng nghe—dù họ là những bạn bè hay những đồng sự, những người thân hay họ hàng của mình—những người này các thầy³³⁴ nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (1) một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [*Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.*]. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) “Người đó có-được: [*những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.*’] (*như kinh 55:01 ở đầu chương*)

“Này các Tỳ kheo, những người mà các thầy có lòng bi-mẫn đối với họ những người này các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ này.”

(SN 55:16)

17 (7) *Bạn Bè và Đồng Sự ... (2)*

[*Mở đầu như kinh kể trên, cho đến:*]

“Bốn đó là gì? (1) Các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [*‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’*]

“Này các Tỳ kheo, có thể có sự đối-khác trong bốn yếu tố tứ đại—trong yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố gió—nhưng không thể có sự đối-khác trong người thánh đệ tử (đã) có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật. Sự đối-khác kiểu như: người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cảnh hồn ma nạ quý—điều đó là không thể có.

(2) “Các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) ... vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) ... trong [*‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’*]

“Này các Tỳ kheo, có thể có sự đối-khác trong bốn yếu tố tứ đại ... nhưng không thể có sự đối-khác trong người thánh đệ tử (đã) có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... trong những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng. Sự đối-khác kiểu như: người thánh đệ tử có-được những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cảnh hồn ma nạ quý—điều đó là không thể có.

“Này các Tỳ kheo, những người mà các thầy có lòng bi-mẫn đối với họ ... những người này các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong ‘bốn yếu-tố Nhập-luu’ này.”

(SN 55:17)

18 (8) *Thăm Các Thiên Thần (1)*

Ở Sāvattihī.³³⁵

Lúc đó, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay, Ngài Đại Mục-kiền-liên đã biến mất khỏi Khu Vườn Jeta và hiện ra trước các thiên thần ở cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa, cõi trời 33). Lúc đó, một số thiên thần thuộc cõi trời Đao-lợi đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên, kính lễ thầy ấy, và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với các thiên thần:

(1) “Này các bạn, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [*Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.*’]. Bởi do có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.

(2) “Này các bạn, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) ... vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) ... có-được: [*những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.*’], cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

“Thưa thầy Mục-kiền-liên, đúng thực là tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... có-được [*những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.*’] Bởi do có-được những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.”

(SN 55:18)

19 (9) Thăm Các Thiên Thần (2)

[*Y kinh kể trên, ngoại trừ các câu “được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành” được đổi lại thành “đã được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành”]*

(SN 55:19)

20 (10) Thăm Các Thiên Thần (3)

Lúc đó, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay, Đức Thế Tôn đã biến mất khỏi Khu Vườn Jeta và hiện ra trước các thiên thần ở cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa, cõi trời 33). Lúc đó, một số thiên thần thuộc cõi trời Tāvātimsa đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đứng qua một bên. Đức Thế Tôn mới nói với các thiên thần:

(1) “Này các tiên, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. Bởi do có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật, cho nên có những chúng sinh ở đây là những bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

(2) “Này các tiên, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) ... vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) ... có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’]. Bởi do có-được những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng, cho nên có những chúng sinh ở đây là những bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

“Thưa đức Thế Tôn, đúng thực là tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... có-được [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’] Bởi do có-được những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng, cho nên có những chúng sinh ở đây là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

(SN 55:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘SARAKĀNI’

(*Sarakāni-vagga*)

21 (1) *Mahānāma* (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) họ (tộc) Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thành Kapilavatthu này giàu có và phát đạt, đông dân, đông đức, với đường phố chen chúc.³³⁶ Vào buổi cuối chiều, khi con đang đi vô thành Kapilavatthu sau khi đi thăm viếng đức Thế Tôn hoặc những Tỳ kheo đáng kính trọng, con gặp phải voi đi tán lạc, ngựa đi tán lạc, xe ngựa nhỏ đi tán lạc, xe ngựa lớn đi tán lạc, người đi tán lạc.³³⁷ Trong thời lúc đó, thưa Thế Tôn, sự chánh-niệm của con về đức Thế Tôn bị tán nhiễu, sự chánh-niệm của con về Giáo Pháp bị tán nhiễu, sự chánh-niệm của con về Tăng Đoàn bị tán nhiễu. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với con: ‘Nếu mình chết ngay lúc này, nơi-đến của mình là gì, đường tương-lai của mình là gì?’”

“Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự qua đời tồi tệ.³³⁸ Khi tâm của một người đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì ngay đây lũ quạ, kền kền, điều hâu, chó, chó rừng, hay những sinh vật khác ăn rĩa thân xác người đó, cái thân gồm thể sắc, được tạo thành bởi bốn yếu-tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ com và cháo, (mang bản chất) vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã. Nhưng tâm của người đó, vốn đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ—thì vẫn đi hướng thượng, đi đến sự khác-biệt.³³⁹

- “Này Mahānāma, ví dụ người ta nhấn chìm một hũ bơ hay một hũ dầu xuống một ao nước sâu, sau đó lấy đồ đập bể hũ ra. Những miếng bể và mảnh vỡ đều chìm xuống dưới, nhưng bơ hay dầu ắt sẽ nổi lên trên. Cũng giống như vậy, này Mahānāma, khi tâm của một người đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì nó sẽ đi hướng thượng, đi đến sự khác-biệt.

“Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự qua đời tồi tệ.”

(SN 55:21)

22 (2) Mahānāma (2)

[Giống kinh kể trên, cho đến:]

“Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự qua đời tồi tệ. Một người thánh đệ tử có-được bốn điều thì đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, này Mahānāma, (1) một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) “Người đó có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’] (như kinh 55:01 ở đầu chương)

“Này Mahānāma, ví dụ có một cây đang đổ về, nghiêng về, và hướng về phía đông. Nếu nó bị chặt ở gốc, nó sẽ ngã về hướng nào?”

“Thưa Thế Tôn, nó sẽ ngã theo hướng mà nó đang đổ về, nghiêng về, và hướng về phía đông.”

“Cũng giống như vậy, này Mahānāma, một người thánh đệ tử có-được bốn điều này thì đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

23 (3) *Godhā*

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đến gặp ông Godhā họ Thích-ca, và nói:

“Này Godhā, bao nhiêu thứ một người phải có-được để chú có thể nhìn nhận người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình?”

“Này bác Mahānāma, khi một người có-được ba điều thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Ba đó là gì? Ở đây, một người (1) có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật [...] (2) vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. Khi một người có-được ba điều này thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Này bác Mahānāma, còn đối với bác thì bao nhiêu thứ một người phải có-được để bác nhìn nhận người đó là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình?”

“Này chú Godhā, đối với tôi, khi một người có-được bốn điều thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này chú Godhā, một người thánh đệ tử (1) có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật [...] (2) vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) Và người đó có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng, không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.’] Khi một người có-được bốn điều này thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

“Khoan đã, bác Mahānāma! Đợi đã, bác Mahānāma! Chỉ đức Thế Tôn mới biết có phải người đó cần có-được những điều này hay không.”

“Vậy thì, này chú Godhā, chúng ta hãy đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, chúng ta sẽ thưa lại vấn đề này cho đức Thế Tôn.”

Rồi hai ông họ tộc Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Ông Mahānāma đã kể lại cuộc đối thoại của hai người [và nói thêm như vậy]:

“Thưa Thế Tôn, ở đây có ‘vấn đề liên quan đến Giáo Pháp’ có thể phát sinh. (a) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con sẽ đứng theo bên đó.³⁴⁰ Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có *niềm-tin* như vậy.

“Thưa Thế Tôn, ở đây có ‘vấn đề liên quan đến Giáo Pháp’ có thể phát sinh. (b) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, và Tăng Đoàn Tỳ kheo ni đứng một bên ... (c) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, và các đệ tử tại gia nam đứng một bên ... (d) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên, và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, và các đệ tử tại gia nữ đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con sẽ đứng theo bên đó. Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có *niềm-tin* như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, ở đây có ‘vấn đề liên quan đến Giáo Pháp’ có thể phát sinh. (b) Giả sử Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, và Tăng Đoàn Tỳ kheo ni đứng một bên ... (c) Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, và các đệ tử tại gia nam đứng một bên ... (d) Đức Thế Tôn đứng một bên, và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, các đệ tử tại gia nữ, và thế giới này có những thiên thần và Ma Vương, và Trời Brahmā, và thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con sẽ đứng theo bên đó. Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có *niềm-tin* như vậy.”

[Đức Thế Tôn mới nói:] “Này Godhā, khi Mahānāma họ Thích-ca đã nói như vậy,³⁴¹ chú có muốn nói gì về chú ấy nữa không?”

“Thưa Thế Tôn, khi Mahānāma họ Thích-ca đã nói ra lời như vậy,

con không muốn nói điều gì về bác ấy nữa, ngoài sự tốt lành và thuận lợi (cho bác ấy).”³⁴²

(SN 55:23)

24 (4) *Sarakāni (I)*

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Bấy giờ, lúc đó ông Sarakāni³⁴³ người họ Thích-ca đã chết, và đức Thế Tôn đã tuyên bố ông ta là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Lúc đó có nhóm người họ Thích-ca, sau khi gặp nhau và tụ họp, họ đã phản đối điều này, họ cầu nhau và phàn nàn về điều này, họ nói rằng: “Thật kỳ lạ! Thật đáng ngạc nhiên! Vậy giờ chắc đâu còn ai chưa là bậc Nhập-lưu sau khi đức Thế Tôn đã tuyên bố ông Sarakāni họ Thích-ca đã chết là ‘bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình’? Ông Sarakāni thì tu tập quá kém; ông ta còn uống rượu kia mà!”³⁴⁴

Rồi ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại vấn đề này với đức Thế Tôn. [Đức Thế Tôn nói:]

“Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao người đó rút xuống cõi dưới cho được? Bởi vì, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói về ai như vậy: ‘Người đó là một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng’, thì Sarakāni họ Thích-ca là một người mà người nói có thể nói điều đó. Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao vị ấy rút xuống cõi dưới cho được?

(1) “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [**Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.**’]. Và người đó cũng có niềm-tin xác thực như vậy vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có

trí-tuệ tốc hành, và người đó đã đạt tới sự giải-thoát. Bằng sự *đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm*, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp. Nay Mahānāma, người này đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hôn ma nạ quý, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc A-la-hán) ³⁴⁵

(2) “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, nhưng người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự *đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn* (hạ phần kiết-sử), người đó sẽ tái sinh tự phát vào một (trong 5) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, dành cho những thánh Bất-lai), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn ở đó, không còn quay lại từ cõi đó nữa. Nay Mahānāma, người này cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hôn ma nạ quý, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Bất-lai)

(3) “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự *đã phá sạch ba gông-cùm thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si*, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi chỉ còn quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, sẽ làm nên sự diệt-khổ. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hôn ma nạ quý, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhất-lai)

(4) “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự *đã phá sạch ba gông-cùm thấp hơn*, người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh hôn ma nạ quý, đã thoát khỏi cảnh

giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhập-lưu)

(5) “Ở đây, này Mahānāma, có người không có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, căn trí-tuệ. Và những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai được người đó chấp nhận sau khi đã suy xét tới một mức độ đủ bằng trí-tuệ. Này Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn trí) ³⁴⁶

(6) “Ở đây, này Mahānāma, có người không có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Và người này có đủ niềm-tin vào Như Lai, có đủ lòng kính-mộ đối với Như Lai. Này Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn tín)

- “Này Mahānāma, ngay cả nếu như những cây sa-la lớn này hiểu được điều gì được thuyết một cách hay khéo và điều gì được thuyết một cách tồi tệ, thì ta cũng tuyên bố những cây sa-la lớn này là những bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Vậy tại sao ông Sarakāni họ Thích-ca lại là không được? Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã đảm nhận sự tu-học vào lúc chết.” ³⁴⁷

(SN 55:24)

25 (5) *Sarakāni* (2)

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Bấy giờ, lúc đó ông Sarakāni họ Thích-ca đã chết, và đức Thế Tôn đã tuyên bố ông là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Lúc đó có nhóm người họ Thích-ca, sau khi gặp nhau và tụ họp, họ đã phản đối điều này, họ cầu nhau và phân nân về điều này, họ nói rằng: “Thật kỳ lạ! Thật đáng ngạc nhiên! Vậy giờ chắc đâu còn ai chưa là bậc Nhập-lưu sau khi đức Thế Tôn đã tuyên bố ông Sarakāni họ Thích-ca đã chết là ‘bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình’? Ông Sarakāni họ Thích-ca chưa hoàn thành việc tu tập kia mà!”³⁴⁸

Rồi ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại vấn đề này với đức Thế Tôn. [Đức Thế Tôn nói:]

“Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao người đó rút xuống cõi dưới cho được? ... Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao ông ấy rút xuống cõi dưới cho được?

(1) “Ở đây, này Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Đức Phật như vậy:³⁴⁹ [**Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.**]. Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, và người đó đã đạt tới sự giải-thoát. Bằng sự *đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm*, người đó ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp. Này Mahānāma, người này đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngã quý, đã thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là A-la-hán)

(2) “Ở đây, này Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Đức Phật như vậy: [**Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.**]. Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-

tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, nhưng người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự *đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn* (hạ phần kiết-sử), người đó (i) là người sẽ sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) *trong kiếp này*; hoặc (ii) là người chứng ngộ trí-biết cuối cùng *vào lúc chết*; hoặc (iii) là người chứng ngộ Niết-bàn *trong khoảng-giữa* (giữa 02 kiếp); hoặc (iv) là người chứng ngộ Niết-bàn *ngay khi đáp-xuống* (ngay sau tái sinh); hoặc (v) là người chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm*; hoặc (vi) là người chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm*; hoặc (vii) là người đang hướng thượng, *đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha* (Sắc cứu kính thiên).³⁵⁰ Đây Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hôn ma nga quý, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Bất-lai)

(3) “Ở đây, này Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Đức Phật như vậy: [*‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’*]. Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, hay trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự *đã tiêu diệt ba gông-cùm thấp hơn* và *đang giảm thiểu tham, sân, si*, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, sẽ làm nên sự diệt-khổ. Đây Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hôn ma nga quý, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhất-lai)

(4) “Ở đây, này Mahānāma, có người hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Đức Phật như vậy: [*‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’*]. Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, hay trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự *đã tiêu diệt ba gông-cùm thấp hơn*, người đó là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Đây Mahānāma, người này

cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhập-luu)

(5) “Ở đây, này Mahānāma, có người không hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và không có niềm-tin trọn vẹn vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. Và người đó cũng không có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Và người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin, căn nỗ-lực tu, căn chánh-niệm, căn định-tâm, căn trí-tuệ. - Và những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai được người đó chấp nhận sau khi đã suy xét tới một mức độ đủ bằng trí-tuệ. Này Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn trí)

(6) “Ở đây, này Mahānāma, có người không hết lòng kính-mộ đối với Đức Phật và không có niềm-tin trọn vẹn vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. Và người đó cũng không có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Và người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. - Và người đó có đủ niềm-tin vào Như Lai, có đủ lòng kính-mộ đối với Như Lai. Này Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, không đi xuống cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn tín)

- “Này Mahānāma, ví dụ có một miếng ruộng xấu, một miếng đất xấu, còn đầy gốc cây chưa được dọn sạch, và những hạt giống gieo xuống đó thì bị bẻ nát, bị phá hư, bị hư hại bởi gió và nắng, chúng được gieo trồng một cách không an toàn, và trời thì không hề mưa xuống đúng lúc. Như vậy những hạt giống đó có thể mọc lên, lớn lên, và tăng trưởng hay

không?

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, ở đây, nếu một Giáo Pháp được giảng giải một cách tồi tệ, được tuyên thuyết một cách tồi tệ, không mang tính giúp giải-thoát, không hộ dẫn tới sự bình-an, được tuyên thuyết bởi người *chua* giác-ngộ toàn thiện—thì đó giống như một miếng ruộng xấu, ta nói vậy. Và người đệ tử sống trong Giáo Pháp đó cứ tu tập theo nó như vậy, thực hành đúng theo nó như vậy, dẫn dắt bản thân mình đúng theo nó như vậy—thì người đó giống như hạt giống xấu, ta nói vậy.

- “Này Mahānāma, ví dụ có một miếng ruộng tốt, một miếng đất tốt, đã dọn sạch hết những gốc cây, và những hạt giống gieo xuống đó thì không bị bẻ nát, bị không phá hư, không bị hư hại bởi gió và nắng, chúng được gieo trồng một cách an toàn, và trời mưa xuống đúng lúc. Như vậy những hạt giống đó có thể mọc lên, lớn lên, và tăng trưởng hay không?

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, ở đây, nếu một Giáo Pháp được giảng giải một cách hay khéo, được tuyên thuyết một cách hay khéo, mang tính giúp giải-thoát, hộ dẫn tới sự bình-an, được tuyên thuyết bởi bậc *đã* giác-ngộ toàn thiện—thì đó giống như một miếng ruộng tốt, ta nói vậy. Và người đệ tử sống trong Giáo Pháp đó cứ tu tập theo nó như vậy, thực hành đúng theo nó như vậy, dẫn dắt bản thân mình đúng theo nó như vậy—thì người đó giống như hạt giống tốt, ta nói vậy.

Vậy tại sao Sarakāni họ Thích-ca lại là không được? Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca là người đã hoàn thành sự tu-học vào lúc chết.”

(SN 55:25)

26 (6) Cấp Cô Độc (I)

Ở Sāvattihī.

Bây giờ, lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc nói với một người như vậy:

“Này người thiện, hãy đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, nhân danh ta cúi đầu dưới chân thầy ấy để kính lễ, và thưa: ‘Thưa Thầy, gia chủ Cấp Cô Độc đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết; gia chủ xin cúi đầu dưới chân Thầy để kính lễ.’ Rồi hãy thưa tiếp rằng: ‘Thưa Thầy, sẽ tốt lành nếu Thầy Xá-lợi-phất đến gia cư để thăm gia chủ Cấp Cô Độc vì lòng bi-mẫn.’”

“Dạ được, thưa gia chủ”, người đó đáp lại, và ông ta đi đến gặp thầy Xá-lợi-phất, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn của gia chủ. Thầy Xá-lợi-phất đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà gia chủ Cấp Cô Độc, cùng đi có thầy Ānanda. Rồi các thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và thầy Xá-lợi-phất nói với gia chủ Cấp Cô Độc:

“Này gia chủ, tôi hy vọng bác đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng bác đang đỡ hơn. Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của bác đang lắng lặn, chứ không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của nó, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.”

(1) “Này gia chủ, bác *không-có sự bất-tin vào Đức Phật*. Không giống những người phạm chưa được chỉ dạy, do có sự bất-tin vào Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác *có-được niềm-tin xác thực* vào Đức Phật. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí

trong một cõi trời. Niềm-tin vào Phật như vậy: [**‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’**]. Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(2) “Này gia chủ, bác *không-có sự bất-tin vào Giáo Pháp*. Không giống những người phàm chưa được chỉ dạy, do có sự bất-tin vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Giáo Pháp như vậy: [**‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’**]. Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(3) “Này gia chủ, bác *không-có sự bất-tin vào Tăng Đoàn*. Không giống những người phàm chưa được chỉ dạy, do có sự bất-tin vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Niềm-tin vào Tăng Đoàn như vậy: [**‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’**]. Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(4) “Này gia chủ, bác *không-có sự thiếu giới-hạnh*. Không giống những người phàm chưa được chỉ dạy, do có sự thiếu giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một

nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Và bác có-được giới-hạnh. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có-được giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đó là: [**những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.**']. Khi bác quán xét bên trong mình những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

[Về Bát Chi Thánh Đạo]

(5) “Này gia chủ, {*tiếp tục chi 1*} bác không có tà-kiến. Không giống những người phạm chưa được chỉ dạy, do có những tà-kiến ... bị tái sinh ... trong địa ngục. Và bác có-được chánh-kiến. Khi bác quán xét bên trong mình sự chánh-kiến đó, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(6)-(14) “Này gia chủ, {*chi 2-10*} bác không-có tà-tư-duy ... tà-ngữ ... tà-nghiệp ... tà-mạng ... tà-tinh-tấn ... tà-niệm ... tà-định ... tà-tri ... tà-giải-thoát. Không giống những người phạm chưa được chỉ dạy, do có tà-tư-duy ... tà-giải-thoát ... bị tái sinh ... trong địa ngục. Và bác có-được chánh-tư-duy ... chánh-ngữ ... chánh-nghiệp ... chánh-mạng ... chánh-tinh-tấn ... chánh-niệm ... chánh-định ... chánh-tri ... chánh-giải-thoát.³⁵¹ Khi bác quán xét bên trong mình sự chánh-tư-duy ... sự chánh-giải-thoát đó, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

Rồi những sự đau đớn của ông Cấp Cô Độc đã lắng lặn ngay tại chỗ.

Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã tự tay rót thức ăn từ đĩa đựng của mình để mời thầy Xá-lợi-phất và thầy Ānanda. Sau khi thầy Xá-lợi-phất ăn xong cơm trưa và dẹp bình bát qua một bên, gia chủ Cấp Cô Độc chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất mới cảm ơn vị gia chủ bằng mấy thi kệ này:

“Khi người có niềm-tin vào Như Lai (Phật),
 (Niềm-tin) bắt lay chuyển và được khéo thiết lập,
 Và những giới-hạnh là tốt thiện

Được những bậc thánh nhân quý trọng và khen ngợi;

“Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn (Tăng)

Và cách-nhìn của người đó đã được chánh trực,

Họ nói người đó là không nghèo nàn

Rằng đời sống của người đó không được sống một cách vô ích.

“Bởi vậy một người thông minh,

Ghi nhớ giáo pháp của Đức Phật (Pháp)

Thì nên chú ý đến niềm-tin và giới-hạnh,

Đến sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất, sau khi đã cảm ơn gia chủ Cấp Cô Độc bảnhf mấy thi kệ này, thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.

Rồi thầy Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới hỏi thầy: “Này Ānanda, thầy đi đâu về giữa trưa như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, gia chủ Cấp Cô Độc đã được thầy Xá-lợi-phất khởi xướng (giáo giới) bằng những sự khởi xướng vậy đó và vậy đó.”

“Này Ānanda, Xá-lợi-phất là có trí, Xá-lợi-phất có trí-tuệ lớn lao (đại trí), bằng cách đó là thầy ấy có thể phân tách ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ thành mười kiểu {(6)-(14)} như vậy.”

(SN 55:26)

27 (7) Cấp Cô Độc (2)

[Mở đầu như kinh kể trên, nhưng lần này ông Cấp Cô Độc cho người đi thỉnh mời thầy Ānanda ... và đến đoạn:]

“Thưa thầy, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.”

(I) “Này gia chủ, đối với người phàm chưa được chỉ dạy, do có bốn

điều (thiếu) nên có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.³⁵² Bốn điều đó là gì?

(1) “Ở đây, này gia chủ, người phạm chưa được chỉ dạy có sự bất-tin vào Đức Phật, và khi người đó suy xét bên trong mình sự bất-tin đó vào Đức Phật thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(2) “Lại nữa, này gia chủ, người phạm chưa được chỉ dạy có sự bất-tin vào Giáo Pháp, và khi người đó suy xét bên trong mình sự bất-tin đó vào Giáo Pháp thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(3) “Lại nữa, này gia chủ, người phạm chưa được chỉ dạy có sự bất-tin vào Tăng Đoàn, và khi người đó suy xét bên trong mình sự bất-tin đó vào Tăng Đoàn thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(4) “Lại nữa, này gia chủ, người phạm chưa được chỉ dạy là thiếu giới-hạnh (thiếu đức hạnh, không thụ giới), và khi người đó suy xét bên trong mình sự thiếu giới-hạnh đó thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

“Đối với người phạm chưa được chỉ dạy, do có bốn điều này nên có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(II) “Này gia chủ, đối với người thánh đệ tử đã được chỉ dạy có-được bốn điều (đủ) nên không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới. Bốn điều đó là gì?

(1) “Ở đây, này gia chủ, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [**Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.**] Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Phật như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(2) “Lại nữa, này gia chủ, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [**Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.**].

Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(3) “Lại nữa, này gia chủ, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’]. Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(4) “Lại nữa, này gia chủ, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’]. Khi người đó quán xét bên trong mình những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng đó, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

“Đối với người thánh đệ tử đã được chỉ dạy, do có-được bốn điều này, nên không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.”

- “Thưa thầy Ānanda, con không sợ sệt. Tại sao con phải sợ? Thưa thầy, bởi vì con có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Và đối với những giới-luật tu hành dành cho người tại gia đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy bên trong con có giới nào nào bị vi phạm.”

“Đó là ích lợi [sự đạt được] cho chú, này gia chủ! Đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi bác], này gia chủ! Này gia chủ, như vậy là bác đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu.”

(SN 55:27)

28 (8) Sự Thù Oán Đáng Sợ (1) [hay Cấp Cô Độc (3)]

[*Kinh này giống hệt kinh 12:41 (Quyển 2).*]

(SN 55:28)

29 (9) *Sự Thù Oán Đáng Sợ (2)*

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ khi họ đang ngồi một bên:

[*Phần còn lại giống hệt kinh 12:42 (Quyển 2).*]

(SN 55:29)

30 (10) *Nadaka Người Licchavi*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Lúc đó có ông Nandaka, là quan thượng thư (bộ trưởng) của xứ dân Licchavi, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông ấy:

- “Này Nandaka, một người thánh đệ tử nếu có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này Nandaka, (1) một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: (1) Ở đây, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [*Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.*]. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) “Người đó có-được: [*những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.*]” (*như kinh 55:01 ở đầu chương*). Một người thánh đệ tử có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

- “Thêm nữa, này Nandaka, một người thánh đệ tử có-được bốn điều

này sẽ được phú cho mạng sống đại thọ, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho sắc-đẹp, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho hạnh-phúc, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho danh-tiếng, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho quyền-hành, dù ở trong cõi trời hay cõi người. Nay ta nói điều này, này Nandaka, không phải do nghe được từ tu sĩ hay bà-la-môn nào; mà ta nói ra điều chính tực ta đã biết, đã thấy, và đã hiểu.”

Sau khi điều này được nói ra, một người (hầu cận) đã nhắc ông Nandaka, quan thượng thư của dân chúng Licchavi, rằng: “Thưa ngài, đến giờ đi tắm gội.”

“Giờ quá đủ với sự tắm gội bên ngoài rồi, ta nói. Sự tắm gội bên trong này mới đúng đủ, đó chính là, niềm-tin vào đức Thế Tôn.”

(SN 55:30)

NHÓM 4

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨC’

(*Paṭhamapuññābhisanda-vagga*)

31 (1) Những Dòng Phước Đức (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc. Bốn đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. Đây là dòng chảy thứ nhất của phước-đức, là dòng chảy của điều thiện, một dưỡng chất của hạnh-phúc.

(2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’]. Đây là dòng chảy thứ hai của phước-đức ...

(3) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’]. Đây là dòng chảy thứ ba của phước-đức ...

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’]. Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức ...

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc.”

(SN 55:31)

32 (2) Những Dòng Phước Đức (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc. Bốn đó là gì?”

[*Tiếp tục y kinh kể trên, riêng dòng chảy thứ tư là như sau:*]

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử [*‘sống ở nhà với một cái tâm không bị nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.*’]. Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức ...

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc.”

(SN 55:32)

33 (3) Dòng Chảy Phước Đức (3)

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc. Bốn đó là gì?”

[*Tiếp tục y kinh kể trên, riêng dòng chảy thứ tư là như sau:*]

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử là có trí, người đó có-được: [*‘trí-tuệ được hướng tới (để nhìn thấy) ‘sự khởi-sinh và biến-diệt’ (lẽ sinh diệt), trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khô.*’]. Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức ...

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh-phúc.”

(SN 55:33)

34 (4) Những Vết Chân Thiên Thánh (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn vết-chân thiên thánh (lối đi, đường đi, dấu vết) của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.³⁵³ Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [**‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’**]. Đây là vết-chân thiên thánh thứ nhất của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.

(2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [**‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’**]. Đây là vết-chân thiên thánh thứ hai của những thiên thần ...

(3) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [**‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’**]. Đây là vết-chân thiên thánh thứ ba của những thiên thần ...

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được: [**‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’**]. Đây là vết-chân thiên thánh thứ tư của những thiên thần ...

“Đây là bốn vết-chân thiên thánh của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.”

(SN 55:34)

35 (5) Những Vết Chân Thiên Thánh (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn vết-chân thiên thánh (lối đi, đường đi, dấu vết) của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy. Bốn đó là gì?³⁵⁴

(1) “Ồ đây, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [**Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.**]. Người đó quán chiếu như vậy: ‘Giờ cái gì là dấu-chân thiên thánh của những thiên thần?’ - Rồi người đó hiểu như vậy: ‘Ta đã nghe rằng thời này những thiên thần coi *sự bất-bạo* (không ức hiếp, vô bạo lực, không hung dữ) là tối thượng, và ta không mạnh bạo đối với bất cứ ai, dù mạnh hay yếu. Chắc chắn ta sống có-được một trong những dấu-chân thiên thánh.’ Đây là dấu chân thiên thánh thứ nhất của các thiên thần ...

(2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) ... vào Tăng Đoàn như vậy: [...] ... - Rồi người đó hiểu như vậy: ... (*như kể trên*) ...

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được: [**những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.**]. Người đó quán chiếu như vậy: ‘Giờ cái gì là dấu-chân thiên thánh của những thiên thần?’ - Rồi người đó hiểu như vậy: ‘Ta đã nghe rằng thời này những thiên thần coi *sự bất-bạo* (không ức hiếp, vô bạo lực, không hung dữ) là tối thượng, và ta không mạnh bạo đối với bất cứ ai, dù mạnh hay yếu. Chắc chắn ta sống có-được một trong những dấu-chân thiên thánh.’ Đây là dấu chân thiên thánh thứ nhất của các thiên thần ...

“Đây là bốn vết-chân thiên thánh của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.”

(SN 55:35)

36 (6) Giống Nhau Với Những Thiên Thần

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử có-được bốn điều này, thì các thiên thần vui mừng và nói về sự giống nhau (trùng đồng) của người đó [với họ].³⁵⁵ Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. Đối với những thiên thần đã qua đời ở đây [ở cõi người] và được tái sinh ở đó [ở cõi trời] đang có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật, họ có ý nghĩ này: ‘Khi một người thánh đệ tử có-được cùng niềm-tin xác thực vào Đức Phật như chúng tôi đã từng có-được khi chúng tôi qua đời ở đó [cõi người] và được tái sinh ở đây [cõi trời], thì người đệ tử đó cũng sẽ đến³⁵⁶ có mặt (cộng sinh) trong số những thiên thần.’

(2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) ... vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’]. Đối với những thiên thần đã qua đời ở đây [ở cõi người] và được tái sinh ở đó [ở cõi trời] đang có-được cùng niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... có-được cùng những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng như chúng tôi đã từng có-được khi chúng tôi qua đời ở đó [cõi người] và được tái sinh ở đây [cõi trời], thì người đệ tử đó cũng sẽ đến có mặt (cộng sinh) trong số những thiên thần.’

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử có-được bốn điều này, thì các thiên thần vui mừng và nói về sự giống-nhau (tương đồng) của người đó [với họ].”

(SN 55:36)

37 (7) Mahānāma

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là một đệ tử tại gia?”

- “Này Mahānāma, khi một người đã quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì người đó là một đệ tử tại gia.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về giới-hạnh?”

- “Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia sống kiêng cử: không sát-sinh, không gian-cấp, không tà-dâm, không nói-dối nói láo, không uống rượu nhẹ, rượu nặng hay dùng những chất độc hại là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì người đệ tử đó đã thành tựu về mặt giới-hạnh.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về niềm-tin?”

- “Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử là người có niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về niềm-tin.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về sự rộng lòng bố-thí?”

- “Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử tại gia [‘sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.’] Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về sự rộng lòng bố-thí.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về trí-tuệ?”

- “Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử tại gia là có trí, người đó có-được: [‘trí-tuệ được hướng tới (để nhìn thấy) ‘sự khởi-sinh và biến-diệt’ (lẽ sinh diệt), trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ.’] Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về trí-tuệ.”

(SN 55:37)

38 (8) Mưa

“Này các Tỳ kheo, giống như, khi mưa đổ xuống những giọt mưa nặng trên một đỉnh núi, nước sẽ chảy xuống dốc nghiêng và chảy đầy các khe núi, rạch nước, và lạch nước; rồi chúng đổ đầy các ao nước; chúng đổ đầy các hồ nước; chúng đổ đầy các dòng suối; chúng đổ đầy các dòng sông; và chúng đổ đầy biển cả; cũng giống như vậy, đối với một người thánh đệ tử, những điều này—*niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng*, và *những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng*—sẽ luôn chảy tới trước, và sau khi đã vượt qua bên kia, chúng dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).”³⁵⁷

(SN 55:38)

39 (9) Kāligodhā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca, ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến tư gia của phu nhân Kāligodhā người họ Thích-ca, đến đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi phu nhân Kāligodhā họ Thích-ca đã ra gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với cô:

“Này Godhā, một nữ đệ tử thánh thiện nếu có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì?

“Ồ đây, này Godhā, (1) một nữ thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [*Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.*]. (2) Cô ta có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) ... niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) Cô ta [*sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kết, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.*]

“Này Godhā, một nữ thánh đệ tử có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trôi buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Thưa Thế Tôn, đối với ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, những điều đó đã có ở trong con, và con sống đúng theo những điều đó. Bởi vì, thưa Thế Tôn, con có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng. Thêm nữa, những gì trong nhà có thể cho đi thì con đều chia sẻ tất cả [một cách không tiếc giữ] cho những người có giới-hạnh, tính nết tốt thiện.

“Đó là ích lợi [sự đạt được] cho cô, này Godhā! Đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi cô], này Godhā! Như vậy là cô đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu.”

(SN 55:39)

40 (10) *Nandiya*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Lúc đó có ông Nandiya người họ Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, khi ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ hoàn toàn và tất thảy không-có bên trong một người thánh đệ tử, thì có phải người đó là người sống lơ-tâm phóng dật hay không?”

“Này Nandiya, ta nói rằng người mà bên trong mình hoàn toàn và tất thảy không-có ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ thì đó là ‘một người ngoài cuộc, người đứng trong thành phần phạm phụ tục chúng’.³⁵⁸ Nhưng còn, này Nandiya, theo cách nào một người thánh đệ tử là người sống một cách lơ-tâm phóng dật và theo cách nào là người sống một cách chuyên-chú, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Nandiya họ Thích-ca đáp lại. Đức Thế Tôn

nói điều này:

(I) “Và này Nandiya, theo cách nào một người thánh đệ tử là người sống một cách lơ-tâm phóng dật?”

(1) Ở đây, này Nandiya, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [**‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’**]. Rồi do *quá tự mãn* với niềm-tin xác thực đó vào Phật, người đó không cố-gắng thêm cho sự trú ở một-mình (độc trú) vào ban ngày hay sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách lơ-tâm như vậy, thì không có niềm-vui. Khi không có niềm-vui thì không có sự hoan-hỷ (hỷ). Khi không có sự hoan-hỷ, thì không có sự tĩnh-lặng (khinh an). Khi không có sự tĩnh-lặng, thì người đó sống trong sự khổ. Tâm của người khổ thì không đạt-định được. Khi tâm không đạt-định, thì các pháp (những hiện-tượng, giáo pháp) không thể hiện (đúng như chúng thực là). Bởi do các pháp không thể hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.³⁵⁹

(2) “Lại nữa, này Nandiya, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) ... niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) Người đó có-được: [**‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng, không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.’**]. Rồi do *quá tự mãn* với niềm-tin xác thực đó vào Phật, người đó không cố-gắng thêm cho sự trú ở một-mình (độc trú) vào ban ngày hay sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách lơ-tâm như vậy, thì không có niềm-vui. Khi không có niềm-vui thì không có sự hoan-hỷ (hỷ) ... Khi tâm không đạt-định, thì các pháp không thể hiện (đúng như chúng thực là). Bởi do các pháp không thể hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.

“Này Nandiya, chính theo cách như vậy là một người thánh đệ tử là người sống một cách lơ-tâm phóng dật.

(II) “Và này Nandiya, theo cách nào một người thánh đệ tử là người sống một cách chuyên-chú?”

(1) Ở đây, này Nandiya, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [**‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’**]. Nhưng *không tự mãn* với niềm-tin xác thực đó vào Phật, người đó càng thêm cố-gắng cho sự trú ở một-mình vào ban ngày và sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách chuyên-chú như vậy, thì niềm-vui được sinh ra. Khi có niềm-vui, thì có sự hoan-hỷ (hỷ). Khi tâm được nâng bổng bởi sự hoan-hỷ, thì thân được tĩnh-lặng (khinh an). Một người tĩnh-lặng trong thân, thì trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc). Tâm của một người hạnh-phúc thì dễ đạt-định. Khi tâm đạt-định, thì các pháp (những hiện-tượng, giáo pháp) sẽ thể hiện (đúng như chúng thực là). Do các pháp thể hiện được như vậy, nên người đó được gọi là ‘người sống một cách chuyên-chú.’

(2) “Lại nữa, này Nandiya, một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: như vậy: [...]. (3) ... niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) Người đó có-được: [**‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng, không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.’**]. Nhưng *không tự mãn* với niềm-tin xác thực đó vào Giáo Pháp ... niềm-tin xác thực đó vào Tăng Đoàn ... với những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng, người đó càng thêm cố-gắng cho sự trú ở một-mình vào ban ngày và sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách chuyên-chú như vậy, thì niềm-vui được sinh ra. Khi có niềm-vui, thì có sự hoan-hỷ (hỷ) ... Khi tâm đạt-định, thì các pháp sẽ thể hiện (đúng như chúng thực là). Do các pháp thể hiện được như vậy, nên người đó được gọi là ‘người sống một cách chuyên-chú.’

“Này Nandiya, chính theo cách như vậy là một người thánh đệ tử là người sống một cách chuyên-chú.”

(SN 55:40)

NHÓM 5

NHÓM ‘NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨC—CÓ THI KỆ’

(*Sagāṭhakapuññābhisanda-vagga*)

41 (1) Những Dòng Chảy Phước Đức (1)

[Phần mở đầu y hệt kinh 55:31 ở trên, rồi tiếp tục như sau:]

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử có-được bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó mà nói: ‘Dòng chảy phước đức, dòng chảy thiện lành của người đó là nhiều bao nhiêu vậy, hay nhiều bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước đức vĩ đại, vô lường, vô lượng.

“Này các Tỳ kheo, giống như không dễ gì đo lường nước trong đại dương mà nói: ‘Có rất nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’, hay ‘nhiều ngàn thùng nước’ hay ‘nhiều trăm ngàn thùng nước’ như vậy, hay như vậy; mà phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lượng. Cũng giống như vậy, khi một người thánh đệ tử có-được bốn dòng chảy phước-đức ... phải coi đó là một khối phước-đức lớn lao, vô lường, vô lượng.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Như nhiều dòng sông được dùng bởi bao quần chúng,
Đều chảy xuống dốc,
Cuối cùng ra tới biển,
Thành một khối nước khổng lồ, một biển nước vô biên,
Bể chứa đáng sợ, lại chứa đầy châu báu;

“Giống vậy, những dòng chảy ùa (phước đức) tới người có trí—
Là người biết bố thí thức ăn, thức uống, y phục,
[Chúng ùa tới] người bố thí chỗ nằm, chỗ ngồi, và chăn mền—³⁶⁰
Như những dòng sông mang nước ùa ra biển cả.”

(SN 55:41; giống một phần kinh AN 4:51)

42 (2) Những Dòng Chảy Phước Đức (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy này của phước-đức ... Bốn đó là gì?”

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2)... Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn ...

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử [‘sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.’]”

“Đó là bốn dòng chảy của phước-đức ...

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử có-được bốn dòng chảy phước-đức, là những dòng chảy thiện-lành, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó như vậy: ‘Dòng chảy của phước đức, dòng chảy của thiện lành của người đó rất nhiều bao nhiêu vậy, bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước đức vĩ đại, vô lường, vô lượng.

“Này các Tỳ kheo, giống như ở chỗ những dòng sông lớn gặp nhau và hội tụ (hợp lưu)—đó là, sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—không dễ gì đo lường nước ở đó như vậy: ‘Có nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’ ... nhưng phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lượng. Cũng giống như vậy, khi một người thánh đệ tử có-được bốn dòng chảy của phước-đức ... phải coi đó là một khối phước-đức lớn lao, vô lường, vô lượng.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

[Giống phần thi kệ của kinh kể trên]

(SN 55:42)

43 (3) Những Dòng Chảy Phước Đức (3)

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy này của phước-đức ... Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2)... Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn ...

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử [‘là có trí, người đó có-được trí-tuệ được hướng tới (để nhìn thấy) sự khởi-sinh và biến-diệt (lẽ sinh diệt), trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ.’] Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức ...

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức ...

“Này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử có-được bốn dòng chảy phước-đức, là những dòng chảy thiện-lành, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó như vậy: ‘Dòng chảy phước đức, dòng chảy thiện lành của người đó rất nhiều bao nhiêu vậy, bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước đức lớn lao, vô lường, vô lượng.

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Ai mong muốn phước-đức,
Muốn được thiết lập trong sự thiện lành,
Hãy tu tập con-đường đạt tới sự Bất tử;
Người đã đạt tới cốt-lõi của Giáo Pháp,
Vui thích sự tiêu-diệt (những ô-nhiễm),
Không run sợ khi nghĩ tới chuyện:
‘Thần Chết sẽ đến mình.’”³⁶¹

(SN 55:43)

44 (4) Giàu Có (1)

“Này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được bốn điều thì được cho là giàu có, có nhiều tài sản và của cải.³⁶² Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) ... Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn ... (4) Người đó có-được: [*những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.*’]

“Một người thánh đệ tử có-được bốn điều này thì được cho là giàu có, có nhiều tài sản và của cải.”

(SN 55:44)

45 (5) *Giàu Có (2)*

“Này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được bốn điều thì được cho là giàu có, có nhiều tài sản và của cải, có danh tiếng tốt. Bốn đó là gì?

[*Tiếp tục 04 điều như kinh kể trên*]

(SN 55:45)

46 (6) *Bản Kinh Ngẩn Gợn*

“Này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trôi buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người thánh đệ tử có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) ... Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn.... (4) Người đó có-được: [*những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.*’]

“Này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử có-được bốn điều này là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

(SN 55:46)

47 (7) Nandiya

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với ông Nandiya họ Thích-ca khi ông đang ngồi một bên:

[*Nội dung giống y kinh kể trên.*]

(SN 55:47)

48 (8) Bhaddiya

[*Giống kinh kể trên, được nói cho ông Bhaddiya họ Thích-ca.*]

(SN 55:48)

49 (9) Mahānāma

[*Giống kinh kể trên, được nói cho ông Mahānāma họ Thích-ca.*]

(SN 55:49)

50 (10) Những Yếu Tố

“Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này để dẫn tới Nhập-luu. Bốn đó là gì? (1) Giao lưu gặp gỡ những thượng nhân, (2) nghe Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là bốn yếu-tố để dẫn tới Nhập-luu.” ³⁶³

(SN 55:50)

NHÓM 6

NHÓM ‘NGƯỜI CÓ TRÍ’

(*Sappañña-vagga*)

51 (1) Có Thi Kệ

[Phần lời kinh bằng văn xuôi giống hệt như kinh 55:46 ở trên.]

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:³⁶⁴

“Khi người có niềm-tin vào Như Lai (Phật),
(Niềm-tin) bắt lay chuyển và được khéo thiết lập,
Và những giới-hạnh là tốt thiện
Được những bậc thánh nhân quý trọng và khen ngợi;

“Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn (Tăng)
Và cách-nhìn của người đó đã được chánh trực,
Họ nói người đó là không nghèo nàn
Rằng đời sống của người đó không được sống một cách vô ích.

“Bởi vậy một người thông minh,
Ghi nhớ giáo pháp của Đức Phật (Pháp)
Thì nên chú ý đến niềm-tin và giới-hạnh,
Đến sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.”

(SN 55:51)

52 (2) Người Trú Xong Kỳ An Cư Mùa Mưa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có một Tỳ kheo vừa mới trú xong kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở Sāvattthī đã đến Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) vì một số công việc. Những người họ tộc Thích-ca nghe tin rằng: “Nghe nói có một Tỳ kheo vừa mới xong kỳ an cư mùa mưa ở

Sāvattthī mới đến Kapilavatthu.”

Rồi những người họ Thích-ca ở Kapilavatthu đó đã đến gặp Tỳ kheo đó, và kính lễ thầy ấy, sau đó họ ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy, chúng con hy vọng đức Thế Tôn vẫn khỏe mạnh.”

“Này các đạo hữu, đức Thế Tôn vẫn khỏe mạnh.”

“Thưa thầy, chúng con hy vọng thầy Xá-lợi-phát và thầy Mục-kiền-liên vẫn khỏe mạnh.”

“Này các đạo hữu, thầy Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên vẫn khỏe mạnh.”

“Thưa thầy, chúng con hy vọng các Tỳ kheo trong Tăng Đoàn vẫn khỏe mạnh.”

“Này các đạo hữu, các Tỳ kheo trong Tăng Đoàn vẫn khỏe mạnh.”

“Thưa thầy, thầy có được nghe hay học điều gì khi có mặt đức Thế Tôn trong thời gian an cư mùa mưa hay không?”

(1) “Này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: ‘Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo, với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đã trở thành (người sẽ) tái sinh tự phát (trong một trong năm cõi tịnh cư thiên), sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại từ cõi đó (tức Bất-lai).’

(2) “Thêm nữa, này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: ‘Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm ... tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo, với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn ... không còn quay lại từ cõi đó nữa (tức Bất-lai). (iii) Một số nhiều hơn những Tỳ kheo, với sự đã phá sạch ba gông-cùm thấp

hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã trở thành bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian một lần nữa, sẽ làm nên sự diệt-khổ.’

(3) “Thêm nữa, này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: ‘Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt những ô-nhiễm ... tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo, với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn ... không còn quay lại từ cõi đó nữa (tức Bất-lai). (iii) Một số nhiều hơn những Tỳ kheo, với sự đã phá sạch ba gông-cùm thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã trở thành bậc Thánh Nhất-lai ... (iv) Một số nhiều hơn nữa các Tỳ kheo, với sự phá sạch ba gông-cùm thấp hơn, đã trở thành bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’”

(SN 55:52)

53 (3) *Dhammadinna*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana, (Isipatana có nghĩa là nơi những thiên thần hạ giới). Lúc đó có một đệ tử tại gia tên Dhammadinna, cùng với năm trăm đệ tử tại gia, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên.³⁶⁵ Sau khi ngồi xuống một bên, vị đệ tử tại gia Dhammadinna thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn hãy khởi xướng chúng con và chỉ dạy chúng con theo một cách để dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng con.”

“Như vậy, này Dhammadinna, các người nên tu tập bản thân như vậy: ‘Lúc này lúc khác chúng ta sẽ thường xuyên chứng nhập và an trú trong những bài thuyết giảng đã được Như Lai nói ra, chúng là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, xuất thế gian, liên hệ đến tính-không.’ Chính theo cách như vậy các người nên tu tập bản thân.”³⁶⁶

“Thưa Thế Tôn, sẽ không dễ dàng cho chúng con—khi đang sống ở trong nhà với con cháu, dùng gỗ đàn hương và lụa Kāsi, mang vòng hoa, xúc nước hoa, và cao sáp, nhận lãnh vàng bạc—mà thường xuyên chúng nhập và an trú trong những bài thuyết giảng đã được Như Lai nói ra, chúng là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, xuất thế gian, liên hệ đến tính-không. Chúng con mong Thế Tôn chỉ dạy thêm Giáo Pháp cho chúng con.”

“Như vậy, này Dhammadinna, các người nên tu tập bản thân như vậy: (1) ‘Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) ... Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn ... (4) Chúng ta sẽ có-được: [**những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.**’]. Các người nên tu tập bản thân theo cách như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, đối với ‘bốn yếu-tô Nhập-luu’ đã được chỉ dạy bởi Thế Tôn, những điều đó đã có bên trong chúng con, và chúng con sống đúng theo những điều đó. Thưa Thế Tôn, vì chúng con có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng. Chúng con có-được: [**những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.**’].”

“Đó là ích lợi [sự đạt được] cho các người, này Dhammadinna! Đó thực sự là ích lợi cho các người, này Dhammadinna! Như vậy là các vị đã tuyên bố thánh quả Nhập-luu.”

(SN 55:53)

54 (4) Bị Bệnh

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Nigrodha. Bấy giờ, lúc đó có một số Tỷ kheo đang may cà sa cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng:

“Sau ba tháng, khi cà sa đã được làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.”

Ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã nghe tin: “Nghe nói rằng, một số Tỷ kheo đang may cà sa cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng, sau ba tháng,

khi y phục đã may xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.”

Rồi ông Mahānāma họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe tin một số Tỳ kheo đang may cà sa Thế Tôn ... Giờ, con chưa nghe được và học được khi có mặt đức Thế Tôn về cách mà một đệ tử tại gia hiền trí khi bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết, nên được khởi xương bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác.”

(1) “Này Mahānāma, một đệ tử tại gia hiền trí³⁶⁷ khi bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết, nên được an ủi bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác với bốn điều an ủi như vậy: ‘Mong ngài³⁶⁸ được yên ủi. (1) Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]. (2) Quý ngài đã xác định niềm-tin vào Giáo Pháp như vậy: [...]. (3) Quý ngài đã xác định niềm-tin vào Tăng Đoàn như vậy: [...]. (4) Quý ngài có được có-được: [‘những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.’].

(2) “Sau khi một đệ tử tại gia hiền trí bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết được an ủi bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác với bốn điều an ủi như vậy, thì người đó nên được hỏi thêm: ‘Ngài có lo lắng về cha mẹ mình không?’ Nếu người đó trả lời: ‘Tôi có’, thì người đó nên được nói: ‘Nhưng, thưa ngài, ngài cũng phải chết. Dù ngài có lo lắng về cha mẹ của mình hay không, thì ngài cũng phải chết. Vì vậy, mong ngài dẹp bỏ sự âu lo về cha mẹ của mình.’

(3) “Nếu người đó nói: ‘Tôi đã dẹp bỏ sự âu lo về cha mẹ của tôi rồi’, thì người đó nên được hỏi: ‘Vậy ngài có lo lắng về vợ con hay không?’ Nếu người đó trả lời: ‘Tôi có’, thì người đó nên được nói: ‘Nhưng, thưa ngài, ngài cũng phải chết. Dù ngài có lo lắng về vợ con của mình hay không, thì ngài cũng phải chết. Vì vậy, mong ngài dẹp bỏ sự âu lo về vợ con của mình.’

(4) “Nếu người đó nói: ‘Tôi đã dẹp bỏ sự âu lo về vợ con của tôi rồi’, thì người đó nên được hỏi: ‘Vậy ngài có lo lắng về năm dây dục-lạc hay

không?’ Nếu người đó trả lời: ‘Tôi có’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những dục-lạc ở cõi trời còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những dục-lạc ở cõi người. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi những dục-lạc cõi người và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương.’

(5) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi những dục-lạc cõi người và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa, 33) còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những thiên thần cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi (cảnh) những thiên thần cõi trời Tứ Đại Thiên Vương và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần cõi trời Đao-lợi.’

(6) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những thiên thần cõi trời Dạ-ma thiên ... những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita) ... những thiên thần thích sáng tạo ở cõi trời Hóa Lạc Thiên (Nimmānarati) ... những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranimmitavasavattī) ... những thiên thần ở cõi trời Phạm Thiên (Brahmā) còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những thiên thần cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Brahmā.’³⁶⁹

(7) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Paranimmitavasavattī (Tha hóa tự tại thiên) và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Brahmā (Phạm thiên)’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, ngay cả cõi trời Brahmā cũng là vô thường, không ổn định mãi mãi, vẫn còn nằm trong danh-tính. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi cảnh trời Brahmā và hướng tâm tới sự chấm-dứt danh-tính luôn.’³⁷⁰

(8) “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi cõi trời Brahmā và tôi đã hướng tâm tôi tới sự chấm-dứt danh-tính’, thì, này Mahānāma, ta nói, như vậy không còn sự khác-biệt nào giữa một đệ tử tại gia đã được giải-thoát trong tâm như vậy và một Tỳ kheo đã được giải-thoát trong tâm cả trăm năm,³⁷¹ tức là, không có sự khác-biệt giữa sự giải-thoát của người này và của người khác.”³⁷²

(SN 55:54)

55 (5) Quả Nhập Lưu

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Bốn đó là gì? (1) Giao lưu gặp gỡ những thượng nhân, (2) nghe học Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.”

(SN 55:55)

56 (6) Nhất Lai

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Nhất-lai. Bốn đó là gì? ... *[tiếp tục như kinh 55:55 kể trên]*.”

(SN 55:56)

57 (7) Quả Bất Lai

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Bất-lai. Bốn đó là gì? ... *[tiếp tục như kinh kể trên]*.”

(SN 55:57)

58 (8) Quả A-La-Hán

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Bốn đó là gì? ... *[tiếp tục như kinh kể trên].*”

(SN 55:58)

59 (9) Sự Đạt Được Trí Tuệ

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự đạt được trí-tuệ. Bốn đó là gì? ... *[tiếp tục như kinh 55:55 ở trên].*”

(SN 55:59)

60 (10) Sự Tăng Trưởng Trí Tuệ

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tăng trưởng trí-tuệ. Bốn đó là gì? ... *[tiếp tục như kinh 55:55 ở trên].*”

(SN 55:60)

61 (11) Sự Mở Rộng Trí Tuệ

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự mở rộng trí-tuệ. Bốn đó là gì? ... *[tiếp tục như kinh 55:55 ở trên].*”

(SN 55:61)

NHÓM 7

NHÓM ‘ĐẠI TRÍ’

(*Mahapañña-vagga*)

62 (1) Sự Lớn Lao Của Trí-Tuệ

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự lớn-lao của trí-tuệ (đại trí). Bốn đó là gì? (1) Giao lưu gặp gỡ những thượng nhân, (2) nghe học Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự lớn lao của trí-tuệ.”

(SN 55:62)

63 (2) — 74 (13) Sự Lớn Mạnh Của Trí-Tuệ ...

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự lớn-mạnh của trí-tuệ ... sự rộng-lớn của trí-tuệ ... chiều-sâu của trí-tuệ ... trạng thái vô-song của trí-tuệ³⁷³ ... bề-rộng của trí-tuệ ... sự dôi-dào của trí-tuệ ... sự nhanh-nhạy của trí-tuệ ... sự nổi-trội của trí-tuệ ... sự hoan-hỷ của trí-tuệ ... sự tốc-hành của trí-tuệ ... sự sắc-bén của trí-tuệ ... tính thâm-nhập của trí-tuệ.³⁷⁴ Bốn đó là gì? (1) Giao lưu gặp gỡ những thượng nhân, (2) nghe học Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới tính thâm-nhập của trí-tuệ.”

(SN 55:63—74)

Chương 56

Liên Kết (BỐN) DIỆU ĐỀ

(56 *Sacca-samyutta*)

(56 *Tương ứng Đề*)

NHÓM 1

NHÓM ‘ĐỊNH TÂM’

(*Samādhi-vagga*)

1 (1) Sự Định Tâm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt định sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.”³⁷⁵

“Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Người đó hiểu: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’, đúng như chúng thực là. [Bốn diệu đế, Tứ diệu đế, Tứ thánh đế]

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt định sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’.³⁷⁶ Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:01)

2 (2) Sự Tách Ly (ân dật)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy tạo sự cố-gắng (tu tập) trong sự tách-ly (ân dật, thiên trú). Một Tỳ kheo là (người) tách-ly sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Người đó hiểu: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là sự

chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’, đúng như chúng thực là. [Bốn diệu đế]

“Này các Tỳ kheo, hãy tạo sự cố-gắng trong sự tách-ly. Một Tỳ kheo là tách-ly sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:02)

3 (3) Những Người Họ Tộc (1)

“Này các Tỳ kheo, những người họ tộc trong *quá-khứ* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả họ đều làm vậy là để chứng ngộ [làm nên sự đột phá tới] Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong *ương-lai* sẽ đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả đều làm vậy là để chứng ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong *hiện-tại* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả đều làm vậy là để chứng ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bôn đó là gì? (đó là) Diệu-đế [chân lý, sự thật thánh diệu, thánh đế] về khổ (khổ đế), Diệu-đế về nguồn-gốc khổ (tập đế), Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ (diệt đế), Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ (đạo đế). Những người họ tộc trong quá-khứ ... tương-lai ... hiện-tại đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả đều làm vậy là để chứng ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu [ngộ]: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây

là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:03)

4 (4) Những Người Họ Tộc (2)

“Này các Tỳ kheo, những người họ tộc trong *quá-khứ* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và đã chứng ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã chứng ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong *tương-lai* sẽ đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và sẽ chứng ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều sẽ chứng ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong *hiện-tại* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và đã chứng ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã chứng ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bốn đó là gì? (đó là) Diệu-đế về sự khổ, Diệu-đế về nguồn-gốc khổ, Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Những người họ tộc trong *quá-khứ* ... *tương-lai* ... *hiện-tại* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và đã chứng ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã chứng ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:04)

5 (5) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn trong *quá-khứ* đã toàn

giác [giác ngộ toàn thiện, chánh đẳng chánh giác] về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã toàn giác Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong *trương-lai* sẽ hoàn toàn giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều sẽ hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong *hiện-tại* đã toàn giác về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã toàn giác Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bón đó là gì? (đó là) Diệu-đế về sự khổ, Diệu-đế về nguồn-gốc khổ, Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Những tu sĩ và bà-la-môn trong quá-khứ ... tương-lai ... hiện-tại đã toàn giác với mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã toàn giác Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:05)

6 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn trong *quá-khứ* đã cho thấy mình đã toàn giác về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều cho thấy mình đã toàn giác về Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong *trương-lai* sẽ cho thấy mình đã toàn giác về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều cho thấy mình đã toàn giác về Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong *hiện-tại* cho thấy mình đã toàn giác về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều cho thấy mình đã toàn giác về Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bón đó là gì? (đó là) Diệu-đế về sự khổ, Diệu-đế về nguồn-gốc khổ, Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt

khô. Những tu sĩ và bà-la-môn trong quá-khứ ... tương-lai ... hiện-tại cho thấy mình đã toàn giác về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều cho thấy mình đã toàn giác về Bốn Điều Để đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô’.”

(SN 56:06)

7 (7) Những Ý Nghĩ

“Này các Tỳ kheo, đừng nghĩ những ý nghĩ xấu ác bất thiện; đó là: ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ làm-hại. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những ý nghĩ đó là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh (phạm hạnh), và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy nghĩ, các thầy nên nghĩ: ‘Đây là khô’. Các thầy nên nghĩ: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Các thầy nên nghĩ: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Các thầy nên nghĩ: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những ý nghĩ đó là ích lợi, là liên hệ đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô’.”

(SN 56:07)

8 (8) Sự Suy Xét

“Này các Tỳ kheo, đừng suy xét (quán chiếu, suy tư) một cách không thiện khéo (về những vấn đề):³⁷⁷ ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là vô hạn’ hay ‘thế giới là hữu hạn’; hoặc ‘Tâm hồn và thể xác là một’ hay ‘Tâm hồn là khác, thể xác là khác’; hoặc ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự suy xét này là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chãm-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy suy xét, các thầy nên suy xét: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là sự chãm-dứt khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chãm-dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự suy xét này là ích lợi, là liên hệ đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chãm-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chãm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chãm-dứt khổ’.”

(SN 56:08)

9 (9) Nói Chuyện Tranh Cãi

“Này các Tỳ kheo, đừng dính vào sự nói chuyện tranh cãi,³⁷⁸ sự nói chuyện kiểu như: [‘Bạn không hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này. Tôi thì hiểu rõ Giáo Pháp và Giới Luật này. Cái gì, bạn mà hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này sao! Bạn đang tu tập sai lạc, tôi đang tu tập đúng đắn. Điều nên được nói trước thì bạn lại nói sau; điều nên được nói sau thì

bạn lại nói trước. Tôi nhất quán trước sau, bạn không nhất quán. Điều bạn phải nghĩ rất lâu mới ra cũng bị lộn ngược (tức sai). Luận thuyết của bạn đã bị bác bỏ. Bạn thua rồi, đi mà cứu lấy luận thuyết của bạn, hoặc tự đi mà gỡ rối cho mình nếu mình có thể.’] Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những sự nói chuyện tranh cãi như vậy là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy nói chuyện, các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là sự chám-dứt khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chám-dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự nói chuyện như vậy là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chám-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chám-dứt khổ’.”

(SN 56:09)

10 (10) Nói Chuyện Vô Bổ

“Này các Tỳ kheo, đừng dính vào sự nói chuyện vô-bổ,³⁷⁹ đó là: [sự nói chuyện về vua chúa, về kẻ trộm, và về các quan thần; nói chuyện về binh lính, về nguy cơ, và chiến tranh; nói chuyện về thức ăn, thức uống, quần áo, và giường chiếu; nói chuyện về vòng hoa và nước hoa; nói chuyện về những quan hệ quen biết, về xe cộ, làng xã, quận thị, thành phố, và xứ sở; nói chuyện về phụ nữ và nói chuyện về những người hùng; nói chuyện ở ngoài đường, trong chợ và nói chuyện ở giếng làng, hàng quán; nói chuyện về những người đã chết, đã mất; nói chuyện tán dóc dong dài; nói chuyện suy đoán về thế giới và về biển cả; nói chuyện về sự trở thành

này, sự trở thành nọ.] Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những sự nói chuyện vô bổ như vậy là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy nói chuyện, các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự nói chuyện như vậy là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘CHUYỂN DỊCH BÁNH XE GIÁO PHÁP’

(*Dhamma-cakkappvattana-vagga*)

11 (1) *Chuyển Dịch Bánh Xe Giáo Pháp* [*Chuyển Pháp Luân*]

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Bārānāsī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với nhóm năm vị tu sĩ như vậy.³⁸⁰

“Này các Tỳ kheo, có hai cực đoan này những người xuất gia không nên sống theo. Hai đó là gì? (i) Sự sống theo đuổi sự-sống giác quan (các dục) trong những khoái-lạc giác quan (dục-lạc), cách đó là thấp hèn, phàm tục, là cách của những người phàm phu thế tục, nó không thánh thiện, không lợi lạc; và (ii) sự theo đuổi sự hành-xác bản thân, cách đó là đau đớn, không thánh thiện, không lợi lạc. Không ngã theo cực đoan nào như vậy, Như Lai đã giác ngộ con đường trung-đạo, nó giúp khởi sinh sự-thấy (tầm nhìn), nó giúp khởi sinh sự-biết (trí biết), và dẫn tới sự bình-an, tới trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường trung-đạo mà Như Lai đã giác ngộ? Đó chính là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Chi Thánh Đạo), đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Này các Tỳ kheo, đây chính là con đường trung-đạo mà Như Lai đã giác ngộ, nó giúp khởi sinh sự-thấy, nó giúp khởi sinh sự-biết, và dẫn tới sự bình-an, tới trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

(1) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là Diệu-đế về sự khổ (khổ đế): Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ;³⁸¹ gặp những thứ khó ưa là khổ; xa những thứ dễ chịu là khổ; không được thứ mình muốn là khổ; nói ngắn gọn: năm-uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn) là khổ.

(2) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là Diệu-đế về nguồn-gốc khổ (tập

đề). Chính dục-vọng [sự thèm khát; ái] này dẫn dắt tới sự tái hiện-hữu, đi kèm với sự khoái-thích và tham-dục, tìm kiếm sự khoái-thích chỗ này chỗ nọ; đó là dục-vọng muốn được khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục vọng muốn/vì không hiện-hữu (phi hữu ái).

(3) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ (diệt đế). Đó là sự hoàn toàn phai-biến và chấm-dứt của dục-vọng đó, là sự buông-bỏ và từ-bỏ nó, sự tự-do khỏi nó, sự không-còn phụ thuộc nó.

(4) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ (đạo đế). Đó là Bát Thánh Đạo, đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

(1) “*Đây là diệu-đế về sự khổ*’: như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh sự-thấy [tâm nhìn, mắt nhìn], sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực [minh], và ánh-sáng (nhãn, trí, tuệ, minh, quang) đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [*khổ*]

“*Diệu-đế về sự khổ nên được hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ)’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [*khổ nên hiểu*]

“*Diệu-đế về sự khổ đã được hoàn-toàn hiểu*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

(2) “*Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [*nguồn gốc khổ*]

“*Diệu-đế về nguồn-gốc khổ nên được trừ-bỏ*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [*nguồn gốc khổ nên hiểu*]

“*Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đã được trừ-bỏ*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với

những điều chưa từng được nghe trước đó.

(3) “*Đây là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ*”: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [*sự diệt khổ*]

“*Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ nên được chứng-ngộ*”: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [*sự diệt khổ nên chứng ngộ*]

“*Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đã được chứng-ngộ*”: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

(4) “*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ*”: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [*đạo*]

“*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ nên được tu-tập*”: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [*đạo nên tu tập*]

“*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ đã được tu-tập*”: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“Này các Tỳ kheo, chừng nào ‘sự-biết và sự-thấy của ta về Bốn Diệu Đế này đúng như chúng thực là’ vẫn *chưa* được thanh lọc thấu suốt theo ba giai đoạn và mười hai cách như vậy,³⁸² thì ta đã *không* tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ‘sự-biết và sự-thấy của ta về Bốn Diệu Đế này đúng như chúng thực là’ đã được thanh lọc thấu suốt theo ba giai đoạn và mười hai cách như vậy, ta tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng đó trong

thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát này là không thể lay chuyển. Đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu nữa.’”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Nhóm năm vị Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của Thế Tôn. Và trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, bên trong thầy Koṇḍañña (Kiều-trần-như) đã khởi sinh tầm-nhìn của Giáo Pháp (pháp nhãn) vô bụi và vô nhiễm rằng: “Cái gì có sinh thì có diệt.” (mọi thứ đều sinh và diệt; mọi thứ chi là sự sinh và diệt; lẽ sinh diệt)

Và khi bánh xe Giáo Pháp đã được chuyển dịch bởi đức Thế Tôn,³⁸³ những thiên thần ở trần gian (sống ở trái đất, như địa thần) cất tiếng nói to: “Ở Bārāṇasī, trong khu Vườn Nai ở Isipatana, bánh xe Giáo Pháp vô thượng đã được dịch chuyển bởi đức Thế Tôn, nó không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ sa-môn hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian.” Sau khi nghe tiếng nói của các thiên thần ở trần gian, các thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương đã hô lên: “Ở Bārāṇasī ... không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ sa-môn hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian.” Sau nghe tiếng nói của những thiên thần trên cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa, 33) ... những thiên thần ở cõi trời Dạ-ma (Yāma) ... những thiên thần ở cõi trời Đâu-suất (Tusita) ... những thiên thần ở cõi trời Hóa Lạc Thiên (Nimmānarati) ... những thiên thần cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranimmitavasavattī) ... những thiên thần thuộc cõi trời Brāhma (Phạm thiên giới) đã hô lên: “Ở Bārāṇasī ... không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ sa-môn hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian.”

Vậy đó, vào lúc đó, trong thời điểm đó, trong khoảng khắc đó, trong giây khắc đó, lời hô vang đã truyền xa tới tận cõi trời Brāhma, và khắp hệ mười ngàn thế giới đã rung động, rúng động, chuyển động mạnh, và đã

xuất hiện hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tâm-uy cõi trời của các thiên thần.

Rồi đức Thế Tôn đã nói câu đầy cảm hứng này: “Koṇḍañña đã thực sự hiểu! Koṇḍañña đã thực sự hiểu!” Theo cách này Ngài Koṇḍañña đã có được cái tên là “Añña Koṇḍañña—(nghĩa là) “Koṇḍañña Người Đã Hiểu” (ngộ nhân).”

(SN 56:11)

12 (2) Những Như Lai

(1) “*Đây là diệu-đế về sự khổ*’: như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy [tâm nhìn, mắt nhìn], sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực [minh], và ánh-sáng (nhãn, trí, tuệ, minh, quang) đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*Diệu-đế về sự khổ này nên được hiểu hoàn-toàn* (liễu ngộ)’: như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*Diệu-đế về sự khổ này đã được hiểu hoàn-hoàn*’: như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

(2) “*Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ*’ ...

“*Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này nên được trừ-bỏ*’ ...

“*Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này đã được trừ-bỏ*’, như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

(3) “*Đây là diệu-đế về sự chãm-dứt khổ*’ ...

“*Diệu-đế về sự chãm-dứt khổ này nên được chứng-ngộ*’ ...

“*Diệu-đế về sự chãm-dứt khổ này đã được chứng-ngộ*’, như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích

thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

(4) “*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ*’ ...

“*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ này nên được tu-tập*’ ...

“*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ này đã được tu-tập*’, như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

(SN 56:12)

13 (3) Các Uẩn

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *diệu-đế về sự khổ*? Nên nói đó là: năm uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn); đó gồm: uẩn sắc-thân bị chấp-thủ ... uẩn thức bị chấp-thủ. Đây được gọi là diệu-đế về sự khổ. [*khổ đế*]

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *diệu-đế về nguồn-gốc khổ*? Chính dục-vọng [sự thèm khát; ái] này dẫn dắt tới sự tái hiện-hữu, đi kèm với khoái-lạc và tham-dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ khác; đó là dục-vọng muốn được khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục vọng muốn/vì không hiện-hữu (phi hữu ái). Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ. [*tập đế*]

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *diệu-đế về sự chấm-dứt khổ*? Đó là sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt dục-vọng đó, sự buông-bỏ và từ-bỏ nó, sự tự-do khỏi nó, sự không-còn phụ thuộc vào nó. Đây được gọi là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ. [*diệt đế*]

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *diệu-đế về con-đường dẫn tới sự*

chấm-dứt khổ? Đó là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ. [*đạo đế*]

“Này các Tỳ kheo, đây là Bốn Diệu Đế.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:13)

14 (4) Những Giác Quan

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *diệu-đế về sự khổ*? Nên nói đó là: sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu nội xứ). Sáu đó là gì? Cơ-sở mắt, cơ-sở tai, cơ-sở mũi, cơ-sở lưỡi, cơ-sở thân, và cơ-sở tâm. Đây được gọi là diệu-đế về sự khổ.” (Khổ đế)

[*Tiếp tục (2)-(4) như kinh kể trên.*]

(SN 56:14)

15 (5) Nhớ (1)

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?” Khi câu này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nhớ Bốn Diệu Đế đã được Thế Tôn chỉ dạy.”

“Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?”

“Thưa Thế Tôn, con nhớ ‘sự khổ’ là diệu-đế thứ nhất đã được Thế

Tôn chỉ dạy. Con nhớ ‘nguồn-gốc khổ’ là diệu-đế thứ hai đã được Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ ‘sự chấm-dứt khổ’ là diệu-đế thứ ba đã được Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ ‘con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’ là diệu-đế thứ tư đã được Thế Tôn chỉ dạy. Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con nhớ Bốn Diệu Đế đã được Thế Tôn chỉ dạy.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy nhớ được Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy. Này Tỳ kheo, ‘sự khổ’ là diệu-đế thứ nhất đã được ta chỉ dạy. ‘Nguồn-gốc khổ’ là diệu-đế thứ hai đã được ta chỉ dạy. ‘Sự chấm-dứt khổ’ là diệu-đế thứ ba đã được ta chỉ dạy. ‘Con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’ là diệu-đế thứ tư đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. Này Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, hãy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:15)

16 (6) Nhớ (2)

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?”
Khi câu này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nhớ Bốn Diệu Đế đã được Thế Tôn chỉ dạy.”

“Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?”

“Thưa Thế Tôn, (1) con nhớ ‘sự khổ’ là diệu-đế thứ nhất đã được đức Thế Tôn chỉ dạy. Bởi vì, nếu như có tu sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào nói như vậy: ‘Đây không phải là diệu-đế thứ nhất về khổ đã được chỉ dạy bởi sa-môn Cồ-đàm. Sau khi từ chối diệu-đế thứ nhất về khổ đó, tôi sẽ chỉ ra diệu-đế thứ nhất khác về khổ.’—điều này là không thể có.

(2) “Con nhớ ‘nguồn-gốc khổ’ là diệu-đế thứ hai đã được đức Thế

Tôn chỉ dạy ... (3) ... ‘sự chấm-dứt khổ’ là diệu-đề thứ ba đã được Thế Tôn chỉ dạy ... (4) ‘con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’ là diệu-đề thứ tư đã được đức Thế Tôn chỉ dạy. Bởi vì, nếu như có tu sĩ hay bà-la-môn nào nói như vậy: ‘Đây không phải là diệu-đề thứ tư về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đã được chỉ dạy bởi sa-môn Cồ-đàm. Sau khi từ chối diệu-đề thứ tư đó về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ, tôi sẽ chỉ ra diệu-đề thứ tư khác về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.’—điều này là không thể có.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách này con nhớ Bốn Diệu Đề đã được đức Thế Tôn chỉ dạy.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy nhớ được Bốn Diệu Đề đã được ta chỉ dạy. Này Tỳ kheo, ‘sự khổ’ là diệu-đề thứ nhất đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. Bởi vì, nếu như có tu sĩ hay bà-la-môn nào nói như vậy: ... *[giống như đoạn trên]*—điều này là không thể có.

“Này Tỳ kheo, chính theo cách như vậy, hãy nhớ Bốn Diệu Đề đã được ta chỉ dạy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:16)

17 (7) Vô Minh

Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh và theo cách nào một người bị chìm trong vô-minh?”

“Này Tỳ kheo, sự không biết sự khổ, sự không biết nguồn-gốc khổ, sự không biết sự chấm-dứt khổ, sự không biết con-đường dẫn tới sự chấm-

dứt khổ: đây được gọi là sự vô-minh, và chính theo cách như vậy là một người bị chìm trong vô-minh.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:17)

18 (8) Trí Biết Đích Thực [Minh]

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘trí-biết đích thực, trí-biết đích thực’ (minh, chân trí). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đã đạt tới trí-biết đích thực?”

“Này Tỳ kheo, sự-biết về sự khổ, sự-biết về nguồn-gốc khổ, sự-biết về sự chấm-dứt khổ, sự-biết về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ: đây được gọi là trí-biết đích thực, và chính theo cách như vậy là một người đã đạt tới trí-biết đích thực.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:18)

19 (9) Hàm Ý ...

“‘Đây là diệu-đế về sự khổ’: điều đó đã được ta công bố. Trong công bố này, ‘Đây là diệu-đế về sự khổ’, có vô số sắc thái, vô số chi tiết, vô số hàm ý.³⁸⁴

“‘Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ’ ... ‘Đây là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ’ ... ‘Đây là diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’: điều đó đã được ta công bố. Trong công bố này, ‘Đây là diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’, có vô số sắc thái, vô số chi tiết, vô số hàm ý.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:18)

20 (10) Là Thực

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này là thực, không sai, không khác.³⁸⁵ Bốn đó là gì?

“‘Đây là sự khổ’: này Tỳ kheo, điều này là thực, không sai, không khác. ‘Đây là nguồn-gốc khổ’: đây là thực, không sai, không khác. ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’: đây là thực, không sai, không khác. ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’: đây là thực, không sai, không khác.

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này là thực, không sai, không khác.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘LÀNG KOṬI’

(*Koṭigāma-vagga*)

21 (1) Làng Koṭi (1) ³⁸⁶

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ người Vajji (Bạt-kỳ), ở làng Koṭi (Koṭigāma). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

(1) “Này các Tỳ kheo, chính do không hiểu và không thâm nhập Bốn Diệu Đế cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân-hồi sinh tử dài thăm thẳm này. Bốn đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, đó là, do không hiểu và không thâm nhập Diệu-đế về sự khổ (khổ đế) cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử dài thăm thẳm này. Do không hiểu và không thâm nhập Diệu-đế về nguồn-gốc khổ (tập đế) ... Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ (diệt đế) ... Diệu-đế con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ (đạo đế) cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử dài thăm thẳm này.

(2) “Này các Tỳ kheo, Diệu-đế về sự khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đó đã được hiểu và thâm nhập. Dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái) đã bị cắt bỏ; đường-dẫn tới sự (tái) hiện-hữu đã bị hủy diệt; giờ không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Do không nhìn thấy Bốn Diệu Đế
Đúng như chúng thực là,
Nên chúng ta đã lang thang suốt quá trình dài thăm thẳm,
Trong vô số kiếp tái sinh.

“Giờ những chân-lý này đã được nhìn thấy;
Đường dẫn tới sự hiện-hữu đã bị cắt đứt;
Nguồn gốc sự khổ đã bị cắt bỏ:
Giờ không còn sự tái hiện-hữu nữa.”

(SN 56:21)

22 (2) Làng Kojì (2)³⁸⁷

[*Mở đầu giống kinh kể trên.*]

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hoặc bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào là người hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy nói thêm như vậy:

“Ai không hiểu sự khổ,
Ai không hiểu nguồn-gốc khổ,
Hay ở đâu sự khổ hoàn toàn kết thúc,
Hay ở đâu nó chấm-dứt sạch sẽ (không còn tàn dư);
Ai không biết con-đường (đạo)

Dẫn tới sự hóa giải sự khổ:
Là họ không có sự giải-thoát của tâm,
Và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ;
Do không có khả năng kết thúc,
Nên cứ mãi đi trong sự sinh-già.

“Nhưng những ai hiểu được sự khổ,
Ai hiểu nguồn-gốc khổ,
Và ở đâu sự khổ hoàn toàn kết thúc,
Ở đâu nó chấm-dứt sạch sẽ;
Ai hiểu con-đường (đạo),
Dẫn tới sự hóa giải sự khổ:
Là họ có được sự giải-thoát của tâm,
Và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ;
Do có khả năng làm nên sự kết-thúc,
Nên không còn đi trong sự sinh-già.”

(SN 56:22)

23 (3) *Bậc Toàn Giác*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ ... Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Chính vì Như Lai đã toàn giác [giác ngộ toàn thiện] về Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là, nên Như Lai được gọi là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:23)

24 (4) A-La-Hán

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những A-la-hán, bậc Toàn Giác nào trong *quá-khứ* đã toàn giác về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã toàn giác về Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những A-la-hán, bậc Toàn Giác nào trong *tương-lai* sẽ toàn giác về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều toàn giác về Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những A-la-hán, bậc Toàn Giác nào trong *hiện-tại* đã toàn giác về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã toàn giác về Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Những A-la-hán, bậc Toàn Giác nào trong quá-khứ ... trong tương-lai ... trong hiện-tại đã toàn giác về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã toàn giác về Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:24)

25 (5) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, ta nói sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không thấy.³⁸⁸ Sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy đến cho người thấy cái gì, cho người biết cái gì? Sự tiêu diệt ô-nhiễm sẽ xảy đến cho người biết và thấy: ‘Đây là sự khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy đến cho người thấy như vậy, cho

người biết như vậy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:25)

26 (6) *Bạn Hữu ...*

“Này các Tỳ kheo, đối với những người mà các thầy có lòng bi-mẫn với họ và những người nghĩ các thầy nên được chú tâm (lắng nghe)—dù họ là bạn hữu hay đồng sự, người thân hay họ hàng—những người đó các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ để họ chứng ngộ được Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Những người các thầy có lòng bi-mẫn ... thì các thầy nên khởi xướng, ổn định, thiết lập họ để họ chứng ngộ được Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:26)

27 (7) *Là Thực*

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Này các Tỳ kheo, Bốn Diệu Đế này

là thực, không sai, không khác. Do vậy nên chúng được gọi là những chân-lý thánh thiện [thánh đế, chân lý của thánh nhân].³⁸⁹

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:27)

28 (8) Thế Giới

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, thì Như Lai là bậc thánh. Do vậy bốn điều đó được gọi là những chân-lý thánh thiện [thánh đế, những chân-lý của thánh nhân].

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:28)

29 (9) Nên Được Hoàn-Toàn Hiểu ...

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Đây là Bốn Diệu Đế.

“Này các Tỳ kheo, trong Bốn Diệu Đế này, có một Diệu-đế nên được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ); một diệu-đế nên được trừ-bỏ (đoạn tận); một diệu-đế nên được chứng-ngộ; một diệu-đế nên được tu-tập.

“Và, này các Tỳ kheo, diệu-đế về sự khổ nên được hoàn-toàn hiểu; diệu-đế về nguồn-gốc khổ nên được trừ-bỏ; diệu-đế về sự chấm-dứt khổ nên được chứng-ngộ; diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ nên được tu-tập.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:29)

30 (10) *Gavampati*

Trong một lần có một số Tỳ kheo trưởng lão đang sống giữa xứ dân Cetiya, ở Sahajāti. Bấy giờ, lúc đó sau khi các Tỳ kheo trưởng lão đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ đã tụ tập trong hội trường, cùng ngồi với nhau khi đó có cuộc đàm đạo này khởi sinh:

“Này đạo hữu, có phải ai nhìn thấy sự khổ là nhìn thấy luôn nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ?”

Sau khi điều này được hỏi, Ngài Gavampati đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe được và học được điều này (từ đức Thế Tôn): ‘Này các Tỳ kheo, (a) ai nhìn thấy sự khổ là nhìn thấy luôn nguồn-gốc khổ, nhìn thấy sự chấm-dứt khổ, nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. (b) Ai nhìn thấy nguồn-gốc khổ là nhìn thấy luôn sự chấm-dứt khổ, nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. (c) Ai nhìn thấy sự chấm-dứt khổ là nhìn thấy luôn sự khổ, nhìn thấy nguồn-gốc khổ, nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. (d) Ai nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ là nhìn thấy luôn sự khổ, nhìn thấy nguồn-gốc khổ, nhìn thấy sự chấm-dứt khổ.’”³⁹⁰

(SN 56:30)

NHÓM 4

NHÓM ‘RỪNG SIMSAPĀ’

(*Simsapā-vagga*)

31 (1) Rừng Simsapā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī, trong một khu rừng cây simsapā [sim-sa-ba]. Lúc đó đức Thế Tôn lấy lên một số lá cây simsapā trong tay và nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: nắm lá simsapā trong tay ta hay số lá cây trong rừng này?”

“Thưa Thế Tôn, nắm lá trong tay Thế Tôn là số ít ỏi, số lá cây trong rừng này mới là rất nhiều.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những điều ta đã trực-tiếp biết nhưng không nói cho các thầy là rất nhiều, những điều ta đã dạy cho các thầy chỉ là số ít. Và, này các Tỳ kheo, tại sao ta không dạy rất nhiều điều đó? Bởi vì chúng không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã không dạy chúng cho các thầy.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều ta đã dạy? Ta đã dạy: ‘Đây là sự khổ’; ta đã dạy: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; ta đã dạy: ‘Đây là sự chám-dứt khổ’; ta đã dạy: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chám-dứt khổ’. Và, này các Tỳ kheo, tại sao ta đã dạy những điều này? Bởi vì chúng là ích lợi, liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã dạy chúng cho các thầy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chám-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là

con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:31)

32 (2) Lá Cây Keo [*Acacia*]

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói rằng: ‘Chưa chứng ngộ [làm nên sự đột-phá tới] Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là; chưa chứng ngộ Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là; chưa chứng ngộ Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là; chưa chứng ngộ Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, tôi (vẫn) sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—thì điều đó là không thể.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có ai nói rằng: ‘Sau khi làm xong cái rổ bằng lá cây keo (acacia) hoặc lá thông hoặc lá cây myrobalan (đều là các loại lá kim, lá nhỏ, yếu),³⁹¹ tôi sẽ đựng được nước hay đựng được trái cọ dừa’³⁹²—thì điều đó là không thể. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Chưa chứng ngộ Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là ... tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—thì điều đó là không thể.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Sau khi đã chứng ngộ Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là, sau khi đã chứng ngộ Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là, sau khi đã chứng ngộ Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, sau khi đã chứng ngộ Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—thì điều đó là có thể.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có ai nói rằng: ‘Sau khi làm xong cái rổ bằng lá sen hoặc lá kino hoặc lá māluva (đều là các loại lá to, lá rộng, chắc, kín),³⁹³ tôi sẽ đựng được nước hay đựng được trái cọ dừa’—thì điều đó là có thể. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Sau khi đã chứng ngộ Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là ... tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—thì điều đó là có thể.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’.

Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:32)

33 (3) Khúc Cây

“Này các Tỳ kheo, giống như một khúc cây bị quăng lên, khi rớt xuống có lúc gốc rớt trước, có lúc đầu rớt trước (không thể nào đoán biết được);³⁹⁴ cũng giống như vậy, khi chúng sinh lang thang và trôi giạt trong vòng luân-hồi do còn bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, lúc thì họ (chết) từ thế giới này (sinh) đến thế giới khác, lúc từ thế giới khác đến thế giới này. Bởi vì sao? Bởi vì họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế. Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ ... Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:33)

34 (4) Quần Áo ...

“Này các Tỳ kheo, nếu quần áo hay đầu tóc một người bị cháy, lúc đó phải nên làm gì?”

“Thưa Thế Tôn, nếu quần áo hay đầu tóc ai bị cháy, để dập tắt ngay lửa đang cháy trên quần áo hay đầu tóc, thì người đó phải phát khởi mong-muốn phi thường (đặc biệt, tốc hành, hơn hẳn bình thường, hết mình), tạo sự nỗ-lực phi thường, phát động sự nhiệt-thành và nhiệt-tâm, không ngại ngốt, và thực hiện sự chú-tâm và sự biết-rõ.”³⁹⁵

“Này các Tỳ kheo, hoặc có thể người đó cứ ngồi nhìn chỗ áo quần hay đầu tóc đang cháy một cách buông-xả, không chú-tâm tới chúng (vô tư, không phản ứng hay làm gì). Nhưng chừng nào một người tu chưa chứng ngộ được Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là, thì để làm được sự chứng ngộ đó, người đó phải nên phát khởi mong-muốn phi thường ... phát khởi sự nhiệt-thành và nhiệt-tâm ... phát khởi nỗ-lực (tinh tấn) ... (tu tập) không ngại ngốt (miên mật) ... thực hành sự kiên-trì ... thực hành sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tinh giác).

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:34)

35 (5) Một Trăm Ngọn Giáo

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người có tuổi thọ một trăm năm, người có thể sống một trăm năm. Có người nói với anh ta: ‘Này người tốt, giả dụ như người ta đâm anh một trăm mũi giáo vào buổi sáng, một trăm mũi giáo vào buổi trưa, một trăm mũi giáo vào buổi chiều.³⁹⁶ Rồi, này người tốt, sau khi bị đâm liên tục mỗi ngày ba trăm mũi giáo như vậy, thì anh sẽ sống được một trăm năm; và rồi, sau một trăm năm qua đi, anh sẽ chứng ngộ Bốn Diệu Đế mà anh chưa từng chứng ngộ được trước giờ.’

“Điều này là đáng làm, này các Tỳ kheo, bởi vì một người họ tộc có chí hướng tới điều tốt-lành cho mình sẽ chấp nhận lời đề nghị này. Vì lý do gì? Bởi vì vòng luân-hồi sinh tử là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy); thời điểm đầu tiên (của nó) kể từ khi (một người) đã từng bị đâm chém bằng thương giáo, bằng gươm đao, bằng búa rìu là không thể nhận biết được (không đếm xuể được). Và cho dù ngay cả (có

bị đâm) như vậy, này các Tỳ kheo, ta cũng không nói sự chứng ngộ Bốn Diệu Đế là có theo sự khổ đau hay phiền-bực (khổ u). Thay vì vậy, sự chứng-ngộ Bốn Diệu Đế là có theo sự hoan-hỷ và hạnh-phúc (hỷ lạc).

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:35)

36 (6) Những Sinh Vật

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đi chặt hết cỏ, cây, cành, lá trong cõi Diêm-phù-nê (Jambudīpa) này và gom chúng lại thành một đống. Sau khi làm vậy, người đó lấy những thân cây lớn đâm những sinh vật lớn trong đại dương, lấy những cây vừa đâm những sinh vật vừa, và những cây que nhỏ đâm những sinh vật nhỏ. Này các Tỳ kheo, cho dù làm vậy đến khi hết sạch cỏ, cây, cành, lá trong cõi Diêm-phù-đề thì những sinh vật lớn trong đại dương vẫn không hết. Còn những sinh vật nhỏ bé (vi sinh) trong đại dương không thể bị đâm bởi những cỏ, cây, cành, lá thì còn nhiều vô số kể hơn đống (cỏ, cây, cành, lá) đó. Vì lý do gì? Bởi vì thân của chúng nhỏ xíu (làm sao đâm được).

“Này các Tỳ kheo, cảnh giới đày đọa cũng bao la muôn trùng (như vậy). Người mà thành tựu về chánh-kiến, không bị cảnh giới đày đọa bao la muôn trùng đó, là người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là

con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:36)

37 (7) Mặt Trời (1)

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một Tỳ kheo, đây là cái đi trước và tiền thân của sự chứng ngộ Bốn Diệu Đế đúng như nó thực là, đó là chánh-kiến. Như vậy có thể trông đợi một Tỳ kheo có chánh-kiến³⁹⁷ sẽ hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.’

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:37)

38 (8) Mặt Trời (2)

“Này các Tỳ kheo, chùng nào mặt trời và mặt trăng chưa khởi sinh trong thế giới, thì chùng đó không có ánh sáng lớn và hào quang lớn, chỉ có bóng tối ngự trị, chỉ một bầu tối đen; chùng đó không có ngày và đêm, không có tháng và nửa tháng, không có mùa và năm.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, khi mặt trời và mặt trăng khởi sinh trong thế giới, thì có ánh sáng lớn và hào quang lớn, rồi không còn bóng tối mù đen, không còn một bầu tối đen; rồi có ngày và đêm, có tháng và nửa tháng, có các mùa và năm.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chùng nào Như Lai chưa khởi sinh (xuất hiện) trong thế giới, là một A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì chùng đó không có (hiện thị) ánh sáng lớn và hào quang lớn, chỉ có bóng

tối ngự trị, chỉ một bầu tối đen; chừng đó không có sự giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tách, và làm rõ Bốn Diệu Đế.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, khi một Như Lai khởi sinh trong thế giới, là A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì có (hiện thị) ánh sáng lớn và hào quang lớn; rồi không còn bóng tối mù đen, không còn một bầu tối đen; rồi có sự giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tách, hay làm rõ Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:38)

39 (9) Cột Đá Của Trời Indra

(1) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ cứ ngẩng đầu nhìn mặt một tu sĩ hay bà-la-môn khác, nghĩ rằng: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực sự biết, thực sự thấy.’

- “Này các Tỳ kheo, giống như một nắm sợi bông vải hoặc bông gòn, nhẹ tênh, được thổi bay bởi gió, và đậu xuống đất bằng. Rồi gió từ đông thổi nó bay qua tây; gió từ tây thổi nó bay qua đông; gió từ bắc thổi nó bay qua nam; gió từ nam thổi nó bay qua bắc. Vì lý do gì? Vì sự nhẹ tênh của nó. **(vì rộng tách nên cuốn theo gió; ai nói sao nghe vậy)**

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ cứ ngẩng đầu nhìn mặt một tu sĩ

hay bà-la-môn khác, nghĩ rằng: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực sự biết, thực sự thấy.’ Vì lý do gì? Vì họ không nhìn thấy Bốn Diệu Đế. (cho nên mới nghe tin theo người khác)

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ không ngẩng đầu nhìn mặt một tu sĩ hay bà-la-môn khác, nghĩ rằng: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực sự biết, thực sự thấy.’

- “Này các Tỳ kheo, giống như có một trụ-sắt hay trụ-đá của trời Indra³⁹⁸ có móng sâu, được chôn chắc chắn, bất động, bất lay chuyển. Ngay cả có cuồng phong thổi mạnh—từ đông, tây, nam hay bắc—thì trụ đó vẫn không lay chuyển, không động đậy, hay không rung lắc. Vì lý do gì? Vì trụ-đá đó có móng sâu và được chôn chắc chắn. (biết chắc không bị dao động)

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’— thì họ không ngẩng đầu nhìn mặt tu sĩ hay bà-la-môn khác, nghĩ rằng: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực sự biết, thực sự thấy.’ Vì lý do gì? Vì họ đã nhìn thấy rõ ràng Bốn Diệu Đế. (cho nên không nghe tin theo người khác)

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:39)

40 (10) Kiểm Chuyện Tranh Cãi

“Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’, và rồi có một tu sĩ hay bà-la-môn nào đến—từ phía đông, phía tây, phía nam, hay phía bắc—tìm chuyện tranh cãi, tìm kiếm sự tranh luận, nghĩ rằng: ‘Ta sẽ bài bác luận thuyết của Tỳ kheo đó’, thì không thể nào người đó có thể làm cho Tỳ kheo đó lay chuyển, lay động, hay dao động.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một trụ-đá dài mười sáu khuỷu tay (cỡ tám thước): một nửa (cỡ bốn thước) được chôn móng dưới mặt đất và một nửa ở trên mặt đất. Ngay cả có cuồng phong thổi mạnh—từ đông, tây, nam hay bắc—thì trụ đó vẫn không lay chuyển, không động đậy, hay không rung lắc. Vì lý do gì? Vì trụ-đá đó có móng sâu và được chôn chắc chắn. ³⁹⁹

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’, và rồi có một tu sĩ hay bà-la-môn nào đến ... thì không thể nào người đó có thể làm cho Tỳ kheo đó lay chuyển, lay động, hay dao động. Vì lý do gì? Vì vị Tỳ kheo đó đã nhìn thấy rõ ràng Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:40)

NHÓM 5

NHÓM ‘VỰC NÚI’

(*Papāta-vagga*)

41 (1) *Suy Xét Về Thế Giới*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ngày xưa có một người ra khỏi thành Rājagaha và đi tới chỗ Hồ Sen Sumāgadhā, và suy nghĩ: ‘Ta sẽ suy xét (quán xét, quán chiếu) về thế giới’.⁴⁰⁰ Rồi anh ta ngồi xuống bên bờ Hồ Sen Sumāgadhā suy xét về thế giới. Rồi, này các Tỳ kheo, anh ta thấy một đội quân gồm bốn binh chủng chui vào trong một cọng sen bên bờ hồ. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đó nghĩ: ‘Chắc mình bị điên rồi! Chắc mình bị khùng rồi! Mình mới nhìn thấy điều không có thực trong thế gian’. Người đàn ông đó quay trở lại kinh thành và kể lại cho nhiều người nghe: ‘Chắc tôi bị điên rồi, thưa quý vị! Chắc tôi bị khùng rồi, thưa quý vị! Tôi đã nhìn thấy điều không có thực trong thế gian’.

“[Họ mới nói với anh ta:] ‘Nhưng, này anh bạn tốt, làm sao mà anh bị điên, làm sao anh bị khùng? Và anh đã thấy điều gì mà không có thực trong thế gian?’

“Như vậy, thưa quý vị, tôi ra khỏi thành Rājagaha và đi tới chỗ Hồ Sen Sumāgadhā ... [*tiếp tục như đoạn trên*] ... Tôi nhìn thấy một đội quân bốn gồm bốn binh chủng chui vào một cọng sen bên bờ hồ sen đó, và đó là tôi đã nhìn thấy điều không có thực trong thế gian’.

“‘Chắc anh bị điên rồi, này bạn tốt! Chắc anh bị khùng rồi! Và điều anh nhìn thấy là không có thực trong thế gian.’

“Tuy nhiên, này các Tỳ kheo, điều anh ta đã nhìn thấy lại thực sự là có thực, không phải không thực.⁴⁰¹ Ngày xưa trong một lần những thiên

thần và các quỷ thần dàn trận đánh nhau. Trong trận chiến đó, phe các thiên thần thắng và phe các quỷ thần thua. Khi bị thua, các quỷ thần đã khiếp sợ và chui vào kinh thành của quỷ thần xuyên qua cọng cây sen, trước sự ngỡ ngàng của các thiên thần.

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, đừng suy xét về thế giới, và đừng suy nghĩ: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là vô tận’ hay ‘thế giới là hữu tận’; hoặc ‘Tâm hồn và thể xác là một’ hay ‘Tâm hồn là khác, thể xác là khác’; hoặc ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự suy xét đó là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chãm-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy suy xét, các thầy nên suy xét: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là sự chãm-dứt khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chãm-dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những sự suy xét đó là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chãm-dứt, sự bình-an, sự-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chãm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chãm-dứt khổ’.”

(SN 56:41)

42 (2) Vực Núi

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở thành Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này

các Tỳ kheo, chúng ta cùng lên đỉnh núi Patibhanakuta (Đỉnh Linh Cảm) để an trú ban ngày.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Rồi đức Thế Tôn cùng một số Tỳ kheo lên Đỉnh Linh Cảm. Một Tỳ kheo nhìn thấy một vực núi bên Đỉnh Linh Cảm đã thưa với đức Thế Tôn: “Vực núi đó thật là dựng đứng, thưa Thế Tôn; vực núi đó là cực kỳ đáng sợ. Nhưng thưa Thế Tôn, còn có vực núi nào dựng đứng hơn và đáng sợ hơn không?”

“Có đó, này Tỳ kheo.”

“Nhưng thưa Thế Tôn, vực núi nào có thể dựng đứng hơn và đáng sợ hơn vực núi đó?”

(1) “Này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ cứ thích thú các hành [những sự tạo-tác] vốn dẫn tới sự sinh, các hành vốn dẫn tới sự già, các hành vốn dẫn tới sự chết; họ cứ thích thú các hành vốn dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Do thích thú các hành như vậy, họ tạo ra các hành vốn dẫn tới sự sinh, tạo ra các hành vốn dẫn tới sự già, tạo ra các hành vốn dẫn tới sự chết; tạo ra các hành vốn dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi đã tạo ra các hành như vậy, họ rớt xuống vực sâu của sự sinh, rớt xuống vực sâu của sự già, rớt xuống vực sâu của sự chết; rớt xuống vực sâu của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không thoát khỏi sự sinh, già, chết; không thoát khỏi khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, không thoát khỏi khỏi sự khổ, ta nói vậy.⁴⁰²

(2) “Nhưng, này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ không thích thú các hành [những sự tạo-tác] vốn dẫn tới sự sinh, các hành vốn dẫn tới sự già, các hành vốn dẫn tới sự chết; họ cứ thích thú các hành vốn dẫn tới

sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sâu, bi, khổ, ưu, não). Do không thích thú các hành như vậy, nên họ không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự sinh, không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự già, không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự chết; không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Vì không tạo ra các hành như vậy, nên họ không rớt xuống vực sâu của sự sinh, không rớt xuống vực sâu của sự già, không rớt xuống vực sâu của sự chết; không rớt xuống vực sâu của sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ thoát khỏi sự sinh, già, chết; thoát khỏi khỏi sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, thoát khỏi khỏi sự khổ, ta nói vậy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:42)

43 (3) Đại Hỏa Ngục

“Này các Tỳ kheo, có một địa ngục tên là Đại Hỏa Ngục. Ở đó, mọi hình-sắc người ta nhìn thấy bằng mắt đều là (khủng khiếp) không đáng ước, không bao giờ đáng ước; không đáng ưa, không bao giờ đáng ưa; không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu. Mọi âm-thanh người ta nghe ... Mọi mùi-hương người ta ngửi... Mọi mùi-vị người ta nếm ... Mọi đối-tượng chạm xúc người ta cảm nhận ... Mọi hiện-tượng thuộc tâm người ta nhận biết bằng tâm đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước; không đáng ưa, không bao giờ đáng ưa; không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu.”⁴⁰³

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đại hỏa ngục đó thực là khủng khiếp; đại hỏa ngục đó thực là rất khủng khiếp. Nhưng, thưa Thế Tôn, còn có đại hỏa ngục nào khác khủng khiếp hơn và đáng sợ hơn cái đó không?”

“Có đó, này Tỳ kheo.”

“Thưa Thế Tôn, đại hòa ngục nào khủng khiếp hơn và đáng sợ hơn cái đó?”

(1) “Này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ cứ thích thú các hành [những sự tạo-tác] vốn dẫn tới sự sinh, các hành vốn dẫn tới sự già, các hành vốn dẫn tới sự chết; họ cứ thích thú các hành vốn dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Do thích thú các hành như vậy, họ tạo ra các hành vốn dẫn tới sự sinh, tạo ra các hành vốn dẫn tới sự già, tạo ra các hành vốn dẫn tới sự chết; tạo ra các hành vốn dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi đã tạo ra các hành như vậy, họ bị đốt cháy bởi đại hòa của sự sinh ... bị đốt cháy bởi đại hòa của sự già ... đại hòa của sự chết ... đại hòa của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không thoát khỏi sự sinh, già, chết; không thoát khỏi khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, không thoát khỏi khỏi sự khổ, ta nói vậy.

(2) “Nhưng, này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ không thích thú các hành [những sự tạo-tác] vốn dẫn tới sự sinh, các hành vốn dẫn tới sự già, các hành vốn dẫn tới sự chết; họ cứ thích thú các hành vốn dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Do không thích thú các hành như vậy, nên họ không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự sinh, không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự già, không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự chết; không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Vì không tạo ra các hành như vậy, nên họ không bị đốt cháy bởi đại hòa của sự sinh ... không bị đốt cháy bởi đại hòa của sự già ... đại hòa của sự chết ... đại hòa của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ thoát khỏi sự

sinh, già, chết; thoát khỏi khỏi sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, thoát khỏi khỏi sự khổ, ta nói vậy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:43)

44 (4) Ngôi Nhà Mái Nhọn

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói: ‘Chưa chứng ngộ Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là, chưa chứng ngộ Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là, chưa chứng ngộ Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, chưa chứng ngộ Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, tôi (vẫn) sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—điều này là không thể được.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có ai nói: ‘Không cần xây tầng dưới của ngôi nhà mái nhọn, tôi sẽ xây tầng trên của nó’, điều này là không thể được. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu có ai nói: ‘Chưa chứng ngộ Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là ... tôi (vẫn) sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—điều này là không thể được.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Sau khi đã chứng ngộ Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là, sau khi đã chứng ngộ Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là, sau khi đã chứng ngộ Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, sau khi đã chứng ngộ Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—điều này là có thể được.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có ai nói: ‘Sau khi tôi đã xây xong tầng dưới của ngôi nhà mái nhọn, tôi sẽ xây tầng trên của nó’, điều này là có thể được. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu có ai nói: ‘Sau khi

đã chứng ngộ Diệu-đế về sự khổ đúng như nó thực là ... tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’—điều này là có thể được.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:44)

45 (5) Tóc ⁴⁰⁴

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô thành Vesālī để khát thực. Thầy Ānanda nhìn thấy một số thanh niên người Licchavi đang tập bắn cung trong trường luyện bắn, đang bắn từ xa tới đích là một lỗ khóa rất nhỏ, từ gốc tới đầu mũi tên (trước), ⁴⁰⁵ không sai trật chút nào. Khi thầy ấy nhìn thấy cảnh này, ý nghĩ này đã xảy đến với thầy ấy: “Những thanh niên Licchavi này thực sự được thuần luyện! Những thanh niên Licchavi này thực sự được thuần luyện, trong đó họ có thể bắn từ xa tới đích là một lỗ khóa rất nhỏ, từ gốc tới đầu mũi tên (trước), không trật chút nào.”

Rồi, sau khi thầy Ānanda đã đi khát thực trong thành Vesālī và đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn cơm trưa, thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn sự việc mình đã nhìn thấy.

[Đức Thế Tôn nói:] “Này Ānanda, thầy nghĩ sao, điều nào khó khăn hơn và thử thách hơn: việc bắn cung từ xa tới đích là một lỗ khóa rất nhỏ, từ gốc tới đầu mũi tên (trước), không trật chút nào hay việc lấy đầu mũi tên đâm chẻ một sợi tóc thành bảy sợi?”⁴⁰⁶

“Thưa Thế Tôn, lấy đầu mũi tên đâm (chẻ) một sợi tóc thành bảy sợi

thì khó khăn hơn và thử thách hơn nhiều.

“Nhưng, này Ānanda, người ta còn có thể đâm thủng được thứ thậm chí khó đâm thủng hơn nhiều, đó là những người đâm thủng được [thâm nhập, chứng ngộ được] ‘Đây là khổ’ đúng như nó thực là ... người đó đâm thủng được ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:45)

46 (6) Sự Mù Tối

“Này các Tỳ kheo, có những khoảng trống không thăm thẳm ở giữa những thế giới, u minh và tối mịt,⁴⁰⁷ nơi mà ngay cả ánh sáng của Mặt Trăng và Mặt Trời, thật hùng mạnh và uy lực, cũng không chiếu tới được.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, sự tối mịt (cõi u minh) đó quả thực lớn thăm thẳm; cùng tối mịt đó quả thực rất lớn thăm thẳm. Nhưng, thưa Thế Tôn, còn có vùng tối mịt nào khác lớn hơn và đáng sợ hơn không?”

“Có đó, này Tỳ kheo.”

“Thưa Thế Tôn, sự tối mịt nào còn lớn hơn và đáng sợ hơn ở đó?”

(1) “Này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ cứ thích thú các hành [những sự tạo-tác] vốn dẫn tới sự sinh, các hành vốn dẫn tới sự già, các hành vốn dẫn tới sự chết; họ cứ thích thú các hành vốn dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Do thích thú các hành như vậy, họ tạo ra các hành vốn dẫn tới sự

sinh, tạo ra các hành vốn dẫn tới sự già, tạo ra các hành vốn dẫn tới sự chết; tạo ra các hành vốn dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi đã tạo ra các hành như vậy, họ rớt trong sự tăm tối mù mịt của sự sinh ... rớt trong sự tăm tối mù mịt của sự già ... sự tăm tối mù mịt của sự chết ... sự tăm tối mù mịt của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không thoát khỏi sự sinh, già, chết; không thoát khỏi khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, không thoát khỏi khỏi sự khổ, ta nói vậy.

(2) “Nhưng, này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’—thì họ không thích thú các hành [những sự tạo-tác] vốn dẫn tới sự sinh, các hành vốn dẫn tới sự già, các hành vốn dẫn tới sự chết; họ cứ thích thú các hành vốn dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Do không thích thú các hành như vậy, nên họ không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự sinh, không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự già, không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự chết; không tạo ra các hành vốn dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Vì không tạo ra các hành như vậy, nên họ không rớt trong sự tăm tối mù mịt của sự sinh ... không rớt trong sự tăm tối mù mịt của sự già ... sự tăm tối mù mịt của sự chết ... sự tăm tối mù mịt của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ thoát khỏi sự sinh, già, chết; thoát khỏi khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, thoát khỏi khỏi sự khổ, ta nói vậy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:46)

47 (7) Khúc Gỗ Có Đục Lỗ (1) ⁴⁰⁸

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người quăng một khúc gỗ (thanh gỗ, cái ách) bị đục một cái lỗ xuống đại dương, và có con rùa mù một trăm năm mới nổi lên mặt nước một lần. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, có khả năng con rùa mù đó mỗi trăm năm nổi lên mặt nước một lần có thể (có lần) lọt đầu vào cái lỗ của khúc gỗ đó, hay không?”

“Thưa Thế Tôn, (rất hy hữu) nếu có thì chỉ có thể sau một thời gian rất rất dài mới xảy ra điều đó.”

“Vậy chứ, ta nói, con rùa vàng còn có ngày lọt đầu vào lỗ của khúc gỗ đó (mặc dù rất rất hy hữu), chứ kẻ ngu si một khi đã rớt xuống cõi-dưới thì thăm thẳm khó có thể [có được lại] trạng thái làm người. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, ở đó không có hành-vi được dẫn dắt bởi Giáo Pháp, không có hành-vi đúng đắn (thiện hành), không có hành-động thiện lành (thiện nghiệp), không có hành-động công đức (phước nghiệp). Ở đó chỉ toàn cảnh nhai nuốt lẫn nhau, kẻ mạnh nhai nuốt kẻ yếu. Vì sao (bị) vậy? Này các Tỳ kheo, bởi vì họ đã không nhìn thấy Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:47)

48 (8) Khúc Gỗ Bị Đục Lỗ (2)

“Này các Tỳ kheo, giả sử đại địa cầu này trở thành toàn nước, và một người quăng xuống đó một khúc gỗ bị đục một lỗ. Gió từ đông thổi giạt nó về tây; gió từ tây thổi giạt nó về đông; gió từ bắc thổi giạt nó về nam; gió từ nam thổi giạt nó về bắc. Có một con rùa mù một trăm năm mới nổi

lên mặt nước một lần. Nay các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, có khả năng con rùa mù đó mỗi trăm năm nổi lên mặt nước một lần có thể (có lần) lọt đầu vào cái lỗ của khúc gỗ đó, hay không?”

“Thưa Thế Tôn, chỉ là cơ may khi con rùa mù nổi lên mỗi trăm năm có thể lọt đầu vào cái lỗ của khúc gỗ đó.”

“Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, chỉ là cơ may⁴⁰⁹ một người đạt được trạng thái làm người; chỉ là cơ may khi có một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian; chỉ là cơ may khi có Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai soi sáng trong thế gian.

“Nay các Tỳ kheo, giờ các thầy đã được sinh ra làm người; rồi đã có một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian; rồi đã có Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai soi sáng trong thế gian.

“Bởi vậy, nay các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô’.”

(SN 56:48)

49 (9) *Núi Tu-Di (I)*

“Nay các Tỳ kheo, giả sử có người đặt lên núi Tu-di (Sineru), vua của các ngọn núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh. Nay các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh được đặt lên đó hay núi Tu-di, vua của các ngọn núi?”

“Thưa Thế Tôn, núi Tu-di, vua của các ngọn núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh chỉ là nhỏ nhặt. So với núi Tu-di, vua của các ngọn núi, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”⁴¹⁰

- “Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ

tử, một người đã thành tựu về chánh-kiến, là người đã chứng ngộ Bốn Diệu Đế, thì phần khổ đã bị tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhất. So với đồng khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn trong tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:49)

50 (10) Núi Tu-Di (2)

“Này các Tỳ kheo, giả sử núi Tu-di [núi Sineru], vua của các ngọn núi, bị tiêu diệt và loại bỏ chỉ còn bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: phần núi Tu-di đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh còn lại?”

“Thưa Thế Tôn, phần núi Tu-di, vua của các ngọn núi, bị tiêu diệt và loại bỏ, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh chỉ là nhỏ nhất. So với phần núi Tu-di, vua của các ngọn núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”⁴¹¹

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử, một người đã thành tựu về chánh-kiến, là người đã chứng ngộ Bốn Diệu Đế, thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhất. So với đồng khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’.

“Bởi vậy, này các Tỷ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô’.”

(SN 56:50)

NHÓM 6

NHÓM ‘SỰ ĐỘT-PHÁ’

(*Abhsamaya-vagga*)

51 (1) *Móng Tay*⁴¹²

Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Chút đất Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt (chút vạt, chẳng là gì). So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử, một người đã thành tựu về chánh-kiến, là người đã làm được sự đột-phá [= chứng ngộ Bốn Diệu Đế], thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhặt. So với đống khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:51)

52 (2) *Hồ Nước*

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một hồ nước dài năm mươi dặm Ấn (yojana, do-tuần), rộng năm mươi dặm Ấn, và sâu năm mươi dặm Ấn, có đầy nước, nước tràn bờ đến mức con quạ có thể uống nước từ (mép, bờ) hồ, và có một người dùng đầu lá cỏ kusa để lấy nước lên. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: nước dính theo đầu lá cỏ hay nước trong hồ nước đó?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong hồ nước nhiều hơn. Nước dính theo đầu lá cỏ chỉ là nhỏ nhặt. So với nước trong hồ nước, thì nước dính theo đầu lá cỏ là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... (*giống kinh 56:51 kể trên*) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn ...

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:52)

53 (3) Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1)

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—một người lấy ở đó hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: hai, ba giọt nước đó hay nước chỗ các sông hợp lưu?”

“Thưa Thế Tôn, nước ở chỗ các sông hợp lưu nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy lên chỉ là nhỏ nhặt. So với nước chỗ các sông hợp lưu, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... (*giống kinh 56:51 kể trên*) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn ...

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:53)

54 (4) Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2)

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—giả sử nước của các sông bị tiêu tán và hết sạch, chỉ còn sót lại hai hay ba giọt. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì nhiều hơn: nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch hay hai, ba giọt nước còn sót lại?”

“Thưa Thế Tôn, nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại chỉ là nhỏ nhặt. So với nước chỗ các sông hợp lưu, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... (*giống như kinh 56:51 ở trên*) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn ...

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:54)

55 (5) Trái Đất (1)

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đặt lên trên mặt đất này bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu này nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, thì bảy là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... *(giống như kinh 56:51 ở trên)* ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn ...

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:55)

56 (6) Trái Đất (2)

“Giả sử đại địa cầu bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ, thì bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ

tử ... (giống như kinh 56:51 ở trên) ... thì phần khô đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn ...

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô’.”

(SN 56:56)

57 (7) Đại Dương (1)

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người lấy lên hai hoặc ba giọt nước từ đại dương. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì là nhiều hơn: hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương hay nước trong đại dương?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương chỉ là nhỏ nhặt. So với nước trong đại dương, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... (giống như kinh 56:51 ở trên) ... thì phần khô đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn ...

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô’.”

(SN 56:57)

58 (8) Đại Dương (2)

“Này các Tỳ kheo, giả sử đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào

là nhiều hơn: nước trong đại dương hay hai, ba giọt nước còn sót lại đó?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại đó chỉ là nhỏ nhặt. So với nước trong đại dương, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... (*giống như kinh 56:51 ở trên*) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn ...

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:58)

59 (9) Núi (1)

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đặt lên dãy núi Himalaya (Hy-mã-lạp-son), vua của các dãy núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải hay dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi?”

“Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải chỉ là nhỏ nhặt. So với dãy núi Himalaya, vua của những ngọn núi, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử ... (*giống như kinh 56:51 ở trên*) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn ...

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là

con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khô’.”

(SN 56:59)

60 (10) Núi (2)

“Này các Tỳ kheo, giả sử dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hạt sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ, hay bảy hạt sỏi bằng cỡ hạt cải là nhiều hơn?”

“Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hạt sỏi bằng cỡ hạt cải còn sót lại chỉ là nhỏ nhất. So với phần núi Himalaya, vua của các ngọn núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ, thì bảy hạt sỏi bằng cỡ hạt cải còn sót lại là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người thánh đệ tử, một người đã thành tựu về chánh-kiến, là người đã làm được sự đột-phá [= chứng ngộ Bốn Diệu Đế], thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhất. So với đống khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ’.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:60)

NHÓM 7

NHÓM ‘GAO SÓNG’ THỨ NHẤT & LẶP LẠI’

(*Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga*)⁴¹³

61 (1) Cõi Khác

Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Chút đất Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh được tái sinh trong cõi người là số ít. Còn những chúng sinh tái sinh trong những cõi khác thì rất nhiều.⁴¹⁴ Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do những chúng sinh đó chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:61)

62 (2) Ở Những Vùng Xa Xôi

Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay ... So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính ...”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh được tái sinh trong những vùng [tỉnh lỵ, xứ, bang] ở miền-giữa (trung phần) là số ít. Còn những chúng sinh bị tái sinh trong những vùng xa xôi trong số dân ngoại bang còn man rợ (thiếu văn minh) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:62)

63 (3) Trí Tuệ

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh có được mắt nhìn thánh thiện (thánh nhãn) của trí-tuệ là số ít. Còn những chúng sinh chìm trong vô-minh và si-mê thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:63)

64 (4) Rượu Nặng Rượu Nhẹ

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:64)

65 (5) Sinh Trong Nước

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh được sinh trên đất cao là số ít. Còn những chúng sinh được sinh dưới nước thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:65)

66 (6) Kính Hiếu Mẹ

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kính hiếu mẹ mình là số ít. Còn những chúng sinh không kính hiếu mẹ mình thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:66)

67 (7) Kính Hiếu Cha

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kính hiếu cha mình là số ít. Còn những chúng sinh không kính hiếu cha mình thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:67)

68 (8) Tôn Kính Các Tu Sĩ

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh tôn kính các tu sĩ (sa-môn) là số ít. Còn những chúng sinh không tôn kính các tu sĩ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:68)

69 (9) Tôn Kính Những Bà-la-môn

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh tôn kính những bà-la-môn (chân chính) là số ít. Còn những chúng sinh không tôn kính những bà-la-môn thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do

họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:69)

70 (10) Kính Trọng Người Lớn Tuổi

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kính trọng những người lớn tuổi là số ít. Còn những chúng sinh không kính trọng những người lớn tuổi thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:70)

NHÓM 8

NHÓM ‘GAO SÓNG’ THỨ HAI & LẶP LẠI’

(*Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga*)

71 (1) Sát Sinh⁴¹⁵

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử sát-sinh là số ít. Còn những chúng sinh sát-sinh thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:71)

72 (2) Gian Cắp

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử sự gian-cắp (lấy thứ không được cho, trộm, cướp, chiếm, đoạt, gian lận, lừa gạt, tham nhũng) là số ít. Còn những chúng sinh gian-cắp thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:72)

73 (3) Tà Dâm

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử tà-dâm (quan hệ tính dục bất chính) là số ít. Còn những chúng sinh hành vi tà-dâm thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:73)

74 (4) Nói Dối

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết

kiêng cử sự nói-dối nói láo (nói sai sự thật, nói gạt, nói lừa) là số ít. Còn những chúng sinh nói-dối nói láo thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:74)

75 (5) Nói Lời Gây Chia Rẽ

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử sự nói lời gây chia-rẽ là số ít. Còn những chúng sinh nói lời gây chia-rẽ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:75)

76 (6) Nói Lời Gắt Gỏng

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ là số ít. Còn những chúng sinh nói lời gắt-gỏng nạt nộ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:76)

77 (7) Nói Lời Tâm Phào Vô Ích

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử việc nói lời tâm-phào tán đóc vô bổ là số ít. Còn những chúng sinh nói lời tâm-phào tán đóc vô bổ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:77)

78 (8) Hạt Giống⁴¹⁶

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ việc phá hoại hạt giống và phá hại cây cối là số ít. Còn những chúng sinh phá hoại hạt giống và phá hại cây cối thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:78)

79 (9) Không Đúng Thời

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ việc ăn uống không đúng thời (phi thời, không hợp lúc; Tỳ kheo không được ăn sau giờ ngộ) là số ít. Còn những chúng sinh ăn uống không đúng thời thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:79)

80 (10) Nước Hoa và Sơn Phấn

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cữ việc xúc nước hoa và sơn phấn trang điểm là số ít. Còn những chúng sinh xúc nước hoa và sơn phấn trang điểm thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:80)

NHÓM 9

NHÓM ‘GẠO SÓNG’ THỨ BA & LẶP LẠI’

(*Tatiyaāmakadhañña Peyyāla-vagga*)

81 (1) Múa Hát ...

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cũ việc múa, hát, đờn nhạc, và tuồng kịch (diễn và coi) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cũ việc múa, hát, đờn nhạc, và tuồng kịch thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:81)

82 (2) Giường Cao ...

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cũ việc nằm giường cao và sang, ngồi ghế cao và sang, là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cũ việc nằm giường cao và sang, ngồi ghế cao và sang, thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:82)

83 (3) Vàng Bạc

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cũ việc nhận lấy vàng bạc [tiền bạc] là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cũ việc nhận lấy vàng bạc thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:83)

84 (4) Gạo Sống ...

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cứ việc nhận lấy gạo sống (gạo, đậu, ngũ cốc... chưa nấu chín) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc nhận lấy gạo còn sống (đậu, ngũ cốc ... chưa nấu chín) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:84)

85 (5) Thịt Sống

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cứ việc nhận lấy thịt sống (chưa nấu chín) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc nhận lấy thịt sống thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:85)

86 (6) Con Gái

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cứ việc nhận lấy phụ nữ và con gái (để người phụ giúp, ở chung ...) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc nhận lấy phụ nữ và con gái thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:86)

87 (7) Nô Tỳ

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cứ việc nhận lấy nô tỳ nam hay nô tỳ nữ (người ở đợ, nô lệ) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc nhận lấy nô tỳ nam hay nô tỳ nữ

thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:87)

88 (8) Dê và Cừu

... “Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, những chúng sinh không cứ việc nhận lấy dê và cừu là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cứ việc nhận lấy dê và cừu thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:88)

89 (9) Gia Cầm và Heo

... “Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, những chúng sinh không cứ việc nhận lấy gia cầm và heo là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cứ việc nhận lấy gia cầm và heo thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:89)

90 (10) Voi ...

... “Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, những chúng sinh không cứ việc nhận lấy voi, gia súc, ngựa, và ngựa cái là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cứ việc nhận lấy voi, gia súc, ngựa, và ngựa cái thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:90)

NHÓM 10

NHÓM ‘GẠO SÔNG’ THỨ TU & LẶP LẠI’

(*Catutthaaāmakadhañña Peyyāla-vagga*)

91 (1) Ruộng Đất

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cữ việc nhận lấy ruộng đất là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy ruộng đất thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:91)

92 (2) Buôn Bán

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cữ việc buôn bán là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc buôn bán thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:92)

93 (3) Báo Tin Tức ...

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cữ việc chạy báo tin đưa tin và làm những việc vặt (người ta sai mướn) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc chạy báo tin đưa tin và làm những việc vặt (người ta sai mướn) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:93)

94 (4) Cân Đo Gian Lận ...

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cử việc gian lận bằng cân, đo, tiền bạc là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc gian lận bằng cân, đo, tiền bạc thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:94)

95 (5) Đút Lót Hôi Lộ...

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cử việc đút lót hôi lộ, lừa đảo, và gian trá là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc đút lót hôi lộ, lừa đảo, và gian trá thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:95)

96 (6) — 101 (11) Làm Tồn Hại ...

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cử việc làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành thì rất nhiều. Vì lý do gì? Vì họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế.”

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:96—101)

NHÓM 11

NHÓM ‘NĂM NƠI ĐẾN & LẬP LẠI’

(*Pañcagati Peyyāla-vagga*)

102 (1) Là Người Chết Đi thành người (1)

Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Chút đất Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết khi được tái sinh (trở lại) làm người là số ít. Còn những chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong địa-ngục thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

(SN 56:102)

103 (2) Là Người Chết Đi thành người (2)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết đi được tái sinh (trở lại) làm người là số ít. Còn những

chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong cõi súc-sinh thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:103)

104 (3) Là Người Chết Đi thành người (3)

... “Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết đi được tái sinh (trở lại) làm người là số ít. Còn những chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong cảnh nga-quỷ (quỷ đói, hồn ma) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:104)

105 (4) — 107 (6) Là Người Chết Đi thành thiên thần (4–6)

... “Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết đi được tái sinh làm thiên thần là số ít. Còn những chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cảnh nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:105–107)

108 (7) — 110 (9) Là Thiên Thần Chết Đi thành thiên thần (1–3)

... “Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, những chúng sinh là thiên-thần khi chết đi được tái sinh (trở lại) làm thiên thần là số ít. Còn những chúng sinh là thiên thần khi chết đi bị tái sinh trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cảnh nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:108–110)

111 (10) — 113 (12) Là Thiên Thần Chết Đi thành người (4–6)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là thiên-thần khi chết đi được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh là thiên thần khi chết đi bị tái sinh trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cảnh nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:111–113)

114 (13) — 116 (15) Từ Địa Ngục Chết Đi thành người (1–3)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ địa-ngục khi chết được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh từ địa-ngục khi chết bị tái sinh trở lại trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cảnh nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:114–116)

117 (16) — 119 (18) Từ Địa Ngục Chết Đi thành thiên thần (4–6)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ địa-ngục khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ địa-ngục khi chết bị tái sinh trở lại trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cảnh nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:117–119)

120 (19) — 122 (21) Từ Cõi Súc Sinh Chết Đi thành người (1–3)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi

súc-sinh khi chết được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi súc-sinh khi chết bị tái sinh trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cảnh nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:120—122)

123 (22) — 125 (24) Từ Cõi Súc Sinh Chết Đi thành thiên thần (4–6)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi súc-sinh khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi súc-sinh khi chết bị tái sinh trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cảnh nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:123—125)

126 (25) — 128 (27) Từ Cõi Nga Quỷ Chết Đi thành người (1–3)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cảnh nga-quỷ khi chết được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh từ cảnh nga-quỷ khi chết bị tái sinh lại trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cảnh nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:126—128)

129 (28) Từ Cõi Nga Quỷ Chết Đi thành thiên thần (4)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cảnh nga-quỷ khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cảnh nga-quỷ khi chết bị tái sinh trong cõi địa-ngục thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:129)

130 (29) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (5)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết bị tái sinh trong cõi súc-sinh thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế ...”

(SN 56:129)

131 (30) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (6)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết bị tái sinh trở lại trong cảnh ngạ-quỷ thì rất nhiều. Bởi vì sao? Này các Tỳ kheo, vì họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về sự khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Nên tạo sự cố-gắng để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.

(SN 56:131)

— HẾT QUYỂN 5 —
(QUYỂN LỚN)

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH:

Be: *phiên bản Miến Điện của SN*

Ee: *phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)*

Se: *phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN*

* **SN**= Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ứng Kinh Bộ)*

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).*

Spk-pt = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

SS = Sinhala-script: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala)*

CDB = Connected Discourses of Buddha: *bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề*

SC = trang SuttaCentral: *bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.*

► Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dựa theo bản dịch của TKBD, các chú giải **Spk** thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (**Be**). Chỗ nào ghi **Spk (Be)** và **Spk (Se)** chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)*

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-atthakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)*

Dhp-a = Dhammapada-atthakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tu** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vbh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society: *Hội Kinh Điển Pali*

Skt = Sanskrit: *tiếng Phạn*

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

¹ [Kinh này giống kinh **AN 10:105**, nhưng trong kinh **AN** có đưa thêm hai cặp chữ là (9) *sự-biết sai lạc* (*micchāñāṇa*, tà tri) và (10) *sự giải-thoát sai lạc* (*micchāvimutti*) vào phần “mặt tối/ vô-minh”, và (9) *sự-biết đúng đắn* (*sammāñāṇa*, chánh tri) và (10) *sự giải-thoát đúng đắn* (*sammāvimutti*) vào phần “mặt sáng/ minh”. Những câu mở đầu về *vô-minh* và *minh* (trí-biết đích thực, chân trí) cũng có trong kinh **It 34, 6–10**. Về các thuật ngữ này, coi thêm kinh **MN 117**, từ mục 34.

- (Vô-minh: sự ngu tối, ngu mờ, ngu dốt, không thấy, không biết; ngược lại là minh, chân trí, tức sự-biết đích thực, trí-biết đích thực).

- **Spk** chú giải: *vô-minh* là thứ dẫn đầu (*pubbaṅgama*) theo 02 cách: (i) là một *điều-kiện đồng khởi sinh* (*sahajāta*: điều-kiện (duyên) cho những hiện-tượng khởi sinh đồng thời) và (ii) là một *điều-kiện trợ giúp quyết định* (*upanissaya*: một điều-kiện tác nhân (nhân duyên) mạnh để cho các hiện-tượng khởi sinh ngay sau đó). Còn **Spk-pt** bổ sung: (i) Nó là một thứ dẫn đầu theo cách là một thứ đồng khởi sinh khi nó tạo ra những trạng thái liên quan khớp theo cách nó ‘*không-biết*’ về đối-tượng, vì vậy chúng cứ chấp những hiện tượng vô-thường là thường-hằng ... vân vân; (ii) nó là một thứ dẫn đầu theo cách vừa là thứ đồng khởi sinh vừa là sự trợ giúp quyết định khi một người bị chi phối bởi vô-minh cứ dính vào những hành-động thất đức (thiếu giới-hạnh).

- *Sự không biết xấu-hỗ về lương tâm* (*ahirika*) [không tầm] có tính chất thiếu sự biết xấu-hỗ (*alajjanā*), thiếu lương tâm khi làm điều xấu ác; còn *sự không biết sợ-hãi làm điều sai xấu* (*anottappa*) [không quý] có tính chất thiếu biết sợ-hãi (*abhāyanā*) đối với hành vi xấu ác.

- **Spk** giải nghĩa chữ *anudeva* [= *anvadeva* trong **Be**] là: *sah’ eva ekato’ va, na vinā tena uppajjati* (nó khởi sinh cùng với nó, đồng thời, không phải không có nó”.] (1)

² [**Spk**: *Sự-biết đích thực* ở đây là *vijjā* (*minh*); ở đây có nghĩa là sự-biết về

trách-nhiệm của một người đối với hành-động (nghiệp) của mình (kamma-sakatāñāṇa). Ở đây, cũng cách tương tự, nó là thứ dẫn đầu theo cả 02 cách vừa là thứ đồng khởi sinh và vừa là thứ trợ giúp quyết định. *Sự biết xấu-hổ lương tâm (hiri) [tâm] và sự biết sợ-hãi làm điều sai xấu (ottappa) [quý]* được coi là “*những người bảo vệ thế gian*” [trong kinh AN 2:09]. Để đọc thêm chi tiết về *hiri* và *ottappa*, mời coi luận giảng As 124–27, cũng được giảng giải một cách ngắn gọn hơn trong *Thanh Tịnh Đạo Vism* 464–65 (Ppn 14:142).] (2)

³ [Spk chú giải rằng: Trong thời-khắc của đạo thế tục, tất cả những (phẩm chất) này không được thấy có cùng với nhau, nhưng trong thời-khắc của đạo siêu thế thì tất cả chúng đều thấy có cùng với nhau. Thậm chí trong khi tu tập đạo thế tục, sẽ là sai lầm nếu thấy 08 phần đạo này xảy ra theo một thứ tự trực tiếp như vậy. (i) *Cách-nhìn đúng đắn (chánh-kiến)* là thứ dẫn dắt cho tất cả 07 phần đạo kia và là điều-kiện trực tiếp (trực duyên) tạo ra *ý-định đúng đắn* (chánh tư-duy). (ii) *Cách-nhìn đúng đắn* và *ý-định đúng đắn* kết hợp với nhau làm điều-kiện (duyên) cho 03 phần đạo tiếp theo khởi sinh, đó là: *lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn* (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), đây là 03 phần đạo tạo nên *Nhóm Giới-Hạnh (GIỚI)*. (iii) Tới phiên những phần đạo này có chức năng là nền tảng cho *sự nỗ-lực tu đúng đắn* (chánh tinh tấn) và *sự tâm-niệm đúng đắn* (chánh niệm), sự nỗ-lực tu là sự áp dụng năng-lượng để tu tập 04 *nền tảng chánh-niệm* (tứ niệm xứ). (iv) Quả của *sự nỗ-lực tu đúng đắn* và *sự tâm-niệm đúng đắn* (chánh tinh-tấn, chánh-niệm) là *sự định-tâm đúng đắn* (chánh định).] (3)

► (Trong bản dịch này, tên các chi phần của *Bát Thánh Đạo* được ghi thay phiên bằng tiếng Việt hoặc/và tiếng Hán Việt (vẫn còn quen dùng bởi nhiều Phật tử) tùy theo ngữ cảnh và mẫu lời kinh để đọc cho gọn; tức là các thuật ngữ như: “*cách-nhìn đúng đắn*” = *chánh-kiến*, “*lời-nói đúng đắn*” = *chánh-ngữ* ... *sự định-tâm đúng đắn* = *chánh-định* được ghi thay thế nhau).

⁴ [Toàn bộ kinh này đã được Đức Phật trích dẫn trong kinh SN 3:18 (Quyển 1) trong cuộc đàm đạo với Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc). Spk đã chú giải về lời kinh trong kinh đó và do vậy họ bỏ qua sự chú giải trong kinh này. Bên dưới tôi đã rút ra một số trích đoạn của các chú giải ở kinh đó của Spk. Trong phiên bản Be và Ee, tên của thị trấn này ghi là Sakkara.] (4)

► (Chữ “*đời sống tâm linh*” (*phạm hạnh = đời sống thánh thiêng*) đồng nghĩa = *đời sống tu hành, đời sống xuất gia, đời tu sĩ Phật giáo.*)

⁵ [Nguyên văn 03 cụm chữ này là: *kalyāṇamittatā kalyāṇasahāyatā kalyāṇasampavaṅkatā*. Cả 03 cụm chữ đều là đồng nghĩa nhau. ► (Ở đây về tiếng Việt, khi nói về những người trong cùng đạo Phật thì dịch riêng là “*đạo-hữu, đồng-môn, đồng-đạo*”; còn khi nói về cả những người bạn ngoài đạo, như 02 đoạn đầu của kinh **3:18** (Quyển 1), thì dịch chung là “*bạn-hữu, đồng-hành, đồng-sự*”).

- **Spk** chú giải rằng: Khi thầy Ānanda đang trú trong sự tách-ly (= đang ở nơi tách-ly, ẩn dật, ẩn trú, thiền trú một mình), thầy ấy nghĩ: “Sự tu-tập này của một tu sĩ (sa-môn) sẽ thành công đối với người nhờ vào một phần là (i) những đạo-hữu tốt và một phần là (ii) sự tự mình nỗ-lực, do vậy một nửa là dựa vào sự có đạo-hữu tốt và một nửa dựa vào sự tự mình nỗ-lực của người tu.” (Do nghĩ như vậy nên thầy đã đến gặp Phật để hỏi lại cho chắc.) (5)

⁶ [Tiền sĩ C.Rh.D đã dịch cụm chữ *kalyāṇamitto bhikkhu* là “*một Tỳ kheo là một đạo-hữu của sự chân chính*” [**KS** 1:113]; học giả Woodward dịch là: “*một tu sĩ có một người bạn thân mến*” [**KS** 5:02]; học giả Ireland dịch là: “*một Tỳ kheo là một người bạn của sự tốt thiện*” [**SN-Anth** 1:75]. Tất cả những cách dịch này đều dựa trên sự hiểu sai về hình thức ngữ pháp của lời kinh. Chữ *kalyāṇamitta* là một từ thực-chất độc lập, nó có nghĩa là “*một người bạn tốt*”, tức là *một người bạn tâm linh tốt, một đạo hữu tốt*, là người cho những lời khuyên bảo, khuyên dạy, hướng dẫn, và khích lệ. Tuy nhiên, khi được dùng như một từ ghép cho từ *bhikkhu*, thì chữ *kalyāṇamitta* trở thành loại chữ ghép bổ nghĩa thuộc tính (*bahubbhi*) và toàn bộ sự diễn đạt có nghĩa là “*một Tỳ kheo là người có một bạn tốt*”. Có thể trình bày lời kinh một cách chính quy như vậy: *yassa bhikkhuno kalyāṇamittam hoti* [không phải: *yo bhikkhu kalyāṇassa mittam hoti*], *so kalyāṇamitto bhikkhu ti vuccati* [theo sự biết về từ nguyên học của tôi].

- Về sự quan-trọng của “*sự có đạo-hữu tốt*”, mời coi thêm các kinh **45:49, 45:63, 45:77** bên dưới, và kinh **AN 6:67** [= kinh **Ud 34–37**].

- **Spk** diễn dịch như vậy: Với trẻ con, không thể nào nói rằng “*Rất nhiều có*

được từ mẹ, rất nhiều có được từ cha”; sự thật tương tự cũng đúng trong trường hợp người tu. Không thể nói rằng: “Rất nhiều chánh-kiến, chánh-tu-duy ... vân vân có được từ *sự có đạo-hữu tốt*, rất nhiều có được từ *sự tự mình nỗ-lực tu*.” Đức Thế Tôn đã nói với nghĩa thực tế rằng: “04 thánh đạo, 04 thánh quả ... vân vân đều bắt rễ từ *sự có đạo-hữu tốt*.” (?) (6)

⁷ [Công thức (mẫu) “*dựa trên/vào sự tách-ly*” (*vivekanissita*) đã được gắn vào các chi của *Bát Thánh Đạo* trong **Vibh 236**. Spk giải thích *sự tách-ly* (*viveka*) dưới ánh sáng của các luận giảng về 05 *sự tách-ly*, đó là: (i) *sự tách-ly trong hoàn cảnh riêng biệt* (*tadaṅga*, một cách tạm thời, lâm thời, do/trong khi đang tu tập thiền quán (minh sát)); (ii) *sự tách-ly bằng cách không-chế* (*vikkhambhana*, một cách tạm thời, lâm thời, bằng sự đang chứng đắc tầng thiền định); (iii) *sự tách-ly bằng sự thanh-tẩy* (*samuccheda*, một cách thường hằng, vĩnh viễn, bằng *thánh-đạo siêu thế*); (iv) *sự tách-ly bằng sự lẩn-lặng* (*paṭippassaddhi*, thường hằng, vĩnh viễn, trong *thánh-quả*); và (v) *sự tách-ly bằng cách thoát-khỏi* (*nissaraṇa*, thường hằng, vĩnh viễn, trong *Niết-bàn*). Về 02 đoạn chú thích tiếp theo sau đây, tôi dịch từ luận giảng Spk.

- “*Người đó tu tập chánh-kiến dựa trên sự tách-ly* (*vivekanissitam*): nghĩa là, (i) dựa trên sự tách-ly trong hoàn cảnh riêng biệt, (iii) dựa trên sự tách-ly bằng sự thanh-tẩy (xóa bỏ), (v) dựa trên sự tách-ly bằng sự thoát-khỏi (giải thoát, niết-bàn). Bởi vì (a) vào lúc minh-sát (thiền quán) người thiền này [người tận tâm tu tập con đường thánh đạo] tu tập chánh-kiến dựa trên sự tách-ly *trong hoàn cảnh riêng biệt* theo cách là như *chức-năng* và dựa trên sự tách-ly như *sự ngã-hướng* [vì người đó ngã hướng về Niết-bàn]; (b) vào lúc thánh đạo, người đó tu tập chánh-kiến dựa trên sự tách-ly bằng sự thanh-tẩy như *chức-năng* và dựa trên sự tách-ly bằng sự thoát-khỏi như *đối-tượng* [vì thánh đạo lấy Niết-bàn làm đối-tượng]. Sự giải thích theo cách tương tự đối với những thuật ngữ ‘*dựa vào sự chán-bỏ*’ (*virāganissita*) và ‘*dựa vào sự chấm-dứt*’ (*nirodhanissita*).

- “*Sự buông bỏ giải thoát* (*vossagga*) là có 02 phần: sự giải-thoát là = sự *buông-bỏ* (*pariccāga*) và sự *giải-thoát* là = sự *chứng-nhập* (*pakkhandana*). (i) ‘*Sự giải-thoát là sự buông-bỏ*’ là = sự *đẹp-bỏ* (*pahāna*) những ô-nhiễm (lậu hoặc): *trong hoàn cảnh riêng biệt* (*tadaṅgavasena*): trong lúc đang

thiền-quán (minh sát), bằng *sự thanh-tẩy* (*samucchedavasena*): trong lúc đang trong thánh đạo siêu thế. (ii) ‘*Sự giải-thoát là sự chứng-nhập*’ là = sự chứng nhập Niết-bàn: bằng cách ngã-hướng về đó (*tadninnabhāvena*): trong lúc đang *thiền-quán* (minh sát), và làm cho nó thành đối-tượng (*ārammaṇakaraṇena*): vào thời-khắc của thánh đạo. Cả 02 phương pháp đều phù hợp trong sự giảng giải này, chúng kết hợp *thế-tục* (sự minh sát) và *siêu-thế* (thánh đạo). Thánh đạo là (*dần, đang*) chín muồi tới sự *buông bỏ giải thoát* (*vossaggaparīṇāmi*) bởi vì nó đang chín chắn tới [*sự thoát-ly = sự buông bỏ giải thoát*] hoặc đã chín chắn [*trong sự thoát-ly = sự buông bỏ giải thoát*], có nghĩa là nó đang chín muồi tới [*sự thoát-ly = sự buông bỏ giải thoát*] hoặc đã chín muồi [*trong sự thoát-ly = sự buông bỏ giải thoát*]. Tỳ kheo đã tham gia vào sự tu tập (thánh) đạo là đang trưởng thành và ‘*đang làm chín muồi*’ (thánh) đạo tất cả vì mục-tiêu là *buông-bỏ* (từ bỏ, dẹp bỏ, trừ bỏ) những ô-nhiễm và *chứng nhập* vào Niết-bàn, và người đó tu tập nó cho nên nó ‘*đã chín muồi*’ như vậy.”

► (Ở đây người dịch Việt đã chọn cụm chữ “*sự buông bỏ giải thoát*” theo hàm nghĩa kỹ thuật của nó, thay vì “*sự thoát-ly*” vì sợ nhiều người đọc ngày nay hiểu nhầm chữ thoát-ly theo nghĩa “*trốn chạy*”, “*tránh xa*” theo nghĩa thông thường của nó trong tiếng Việt).

- [TKBĐ:] Khi tôi dịch chữ *vossagga* là “*sự thoát-ly*” = “*sự buông bỏ giải thoát*” thì nghĩa này nên được hiểu như ‘*hành-động buông bỏ giải thoát*’ hay ‘*trạng thái đã buông bỏ giải thoát*’ chứ không phải theo nghĩa là ‘*sự trải-nghiệm của sự buông bỏ giải thoát [hay sự thoát-ly]*’. Chữ *vossagga* và chữ *paṭinissagga* có liên hệ mật thiết với nhau, cả về mặt từ nguyên học và về mặt chữ nghĩa, nhưng khi chúng được dùng trong *Kinh Tạng* các *Nikāya* thì có một ‘*sự khác nhau rất vi tế*’ đã tách riêng 02 chữ theo 02 cách dùng: (i) Chữ *paṭinissagga*, ở đây được dịch là “*sự từ-bỏ*”, chủ yếu thuộc giai đoạn minh-sát (thiền quán) và do vậy nên được hiểu như *sự chủ động trừ-bỏ những ô-nhiễm thông qua sự minh-sát nhìn thấu bản chất vô-thường trong tất cả mọi thứ có điều-kiện (pháp hữu vi)*. (ii) Chữ *vossagga*, là cái sự trong đó thánh đạo chín muồi, có lẽ biểu thị cho *trạng thái cuối cùng* trong đó *tất cả sự ràng-buộc dính-mắc đều đã được buông bỏ thoát ly hoàn toàn sạch sẽ*, và do vậy nó đến gần hơn về nghĩa với *Niết-bàn* là mục-tiêu của (thánh đạo).

- *Paṭinissagga* xảy ra như một sự quán-sát riêng biệt, là bước thiền quán cuối cùng trong 16 bước tu tập “*sự chánh-niệm hơi-thở*” [coi lại (4 đoạn X “4-điều”) của kinh **54:01** ngay đầu *Chương 54* bên dưới]. Mặc dù **Spk** giải nghĩa *paṭinissagga* giống như cách nó giải nghĩa chữ *vossagga* [coi thêm chú thích số 293 của kinh **54:01**], nhưng chính trong các kinh thì 02 chữ đã được dùng với 02 sắc thái ý nghĩa khác nhau (một cách vi tế).] (7)

⁸ [**Spk** chú giải rằng: do thầy Ananda lúc đó (trong kinh kể trên) chưa chứng ngộ tới trí-biết đỉnh cao cho nên thầy chưa biết “toàn-bộ đời sống tâm linh là dựa vào *sự có đạo-hữu tốt*”, nhưng thầy Xá-lợi-phất là ‘thống soái’ về trí-biết cho nên thầy ấy mới nói ra như vậy, và đã được Đức Phật khen ngợi.] (8)

⁹ [Bà-la-môn Jāṇussoṇi là giáo sĩ và thầy tế của Vua Pasadeni (Ba-tur-nặc). Cảnh ông cỡi xe ngựa trắng đi ra khỏi thành Sāvattthī cũng được lặp lại trong kinh **MN 27** và **MN 99**. Theo **Spk**: ông thường mỗi 6 tháng lên cỗ xe ngựa trắng của mình đi dạo khắp kinh thành “cứ như để biểu dương với kinh thành về sự xuất sắc của vinh danh và sự giàu có của mình vậy”.] (9)

¹⁰ [Nguyên văn câu này là: “*Brahmaṃ vata bho yānaṃ, brahmayānarūpaṃ vata hoti.*” Ở đây, “*thiên thánh*” là dịch chữ *brahma* (thuộc cõi trời, phạm thiên) theo cái nghĩa là “*tốt nhất*” hay “*bậc nhất*” (*settha*).] (10)

¹¹ Đại từ liên hệ *yassa* khi có nó thì đoạn thi kệ bắt đầu sẽ chỉ được hoàn thành bởi đại từ chứng minh *etad* ở câu kệ cuối. Vì trở ngại chuyển ngữ khi dịch ... nên tôi buộc phải chia đoạn thành những câu ngắn hơn. Tôi dựa vào sự chú giải của **Spk** trong sự dịch nghĩa phần thi kệ này. Mời coi thêm ví dụ chiếc xe ngựa trong kinh **1:46** (Quyển 1).] (11)

¹² [*Jhānakkho*. **Spk** giải nghĩa: “Trục được làm bằng tầng thiền định (*jhāna*) theo cách bằng 05 yếu-tố của *jhāna* đi kèm với sự minh-sát”. 05 yếu-tố của tầng thiền định là gồm: *ý-nghĩ* (tâm), *sự soi-xét* (tứ), *sự hoan-hỷ* (hỷ), *sự hạnh-phúc* (lạc), và *sự nhất-điểm* của tâm (tâm nhất điểm). Mặc dù khi nào đã chín chắn đầy đủ chúng mới đưa tâm đến trạng thái tầng thiền định thứ nhất, nhưng những yếu-tố này cũng có mặt (mặc dù ít nổi bật) trong *sự định-tâm* đi kèm *sự thiền minh-sát*.) (12)

¹³ [Tôi đọc theo **Se** ghi là *vammasannāho*, khác với **Be** ghi là *camma-* và **Ee**

ghi là dhamma-.] (13)

14 [Spk: *Cỗ xe đạo (maggayāna, đạo thừa)* này được cho là “*xuất phát từ chính bên trong mình*” (*attani sambhūtaṃ*) bởi vì nó chỉ đắc được nhờ vào ‘*sự tự nỗ-lực tu*’ của người tu.] (14)

15 [Spk: “*Sự đẹp-bỏ tham, sân, si*” là một cách gọi để chỉ trạng thái không-còn điều-kiện (vô vi), là yếu-tố Niết-bàn bất tử. “*Sự tiêu-diệt ô-nhiễm*” là một cách gọi để chỉ thánh quả A-la-hán. “*Sự đẹp-bỏ tham, sân, si*” cũng là một cách gọi để chỉ thánh quả A-la-hán.] (15)

16 [Những định nghĩa về các phần của Bát Thánh Đạo cũng được ghi trong các *Đại kinh Niệm Xứ*, **DN 22**, mục 21, và kinh **MN 141** đã phân tích chi tiết 08 chi phần thánh đạo theo định nghĩa công thức của Kinh Tạng, và kinh **MN 117** thì giảng giải Bát Thánh Đạo từ một góc độ khác dưới tiêu đề là “*Sự Chánh-Định thánh thiện với những sự trợ-giúp và những điều-kiện thiết yếu của nó*”. Còn trong *Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka)* thì chúng được ghép giảng theo cách diễn dịch chính thức của “*Bài kinh Bhājanīya thuộc Kinh Tạng*” (*Suttanta-bhājanīya*) trong phần **Vibh 235–36** [nhưng, mời quý vị đọc thêm chú thích 17 kể dưới]. Nhưng trong “*Bản kinh Bhājanīya thuộc Vi Diệu Pháp Tạng*” (*Abhidhamma-bhājanīya*) thì các chi phần Bát Thánh Đạo được xem xét theo nghĩa hoàn toàn siêu-thế.] (16)

17 [Tất cả các phiên bản của bộ kinh **SN** này đều ghi ở đây là cụm chữ (i) *abrahmacariyā veramaṇi*, nhưng trong các bộ kinh khác thì nó được ghi là (ii) *kāmesu micchācārā veramaṇi* (*sự kiêng cử tà-dâm; sự kiêng cử tính dục bất chính*) [ví dụ như trong bộ kinh **DN**, **MN**, trong **Vibh 235,18–19**]. Cách ghi đầu (i) được thấy ghi trong phần giới-luật phải được tuân thủ bởi những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni (Giới luật xuất gia); cách ghi thứ hai (ii) được thấy ghi trong phần giới-luật được đảm nhận bởi những người tại gia (Giới luật tại gia). **Spk** không chú giải về chỗ này, mà nó chỉ gợi ý rằng: cách ghi trong bộ kinh **SN** là sai do lỗi ghi chép, có thể đã bị ghi sai sau thời của những luận giảng; nếu **Spk** không tin vậy thì chắc chắn nó đã giải thích sự biến thể biến đổi của lời kinh chỗ này. Do vậy tôi cũng dịch dựa theo giả định này rằng: cách ghi đúng là cách ghi thứ hai của các bộ kinh khác: *kāmesu micchācārā veramaṇi*.] (17)

18 [**Spk** giải thích: Vì sao Phật nói như vậy? Nghĩa là trong nửa tháng đó Phật không có ai để chỉ dạy. Và Phật nghĩ: “Ta sẽ trải qua nửa tháng này trong niềm chân-phúc của sự chứng quả. Như vậy ta có được sự an trú hạnh phúc (lạc trú) và để làm gương cho những thế hệ đời sau làm theo.” (nghĩa là Phật tuyên bố và đi trú ẩn dật để có sự an trú hạnh phúc để làm gương cho những người tu sau này bắt chước theo Phật tìm nơi ẩn dật để tu tập và có được sự an trú hạnh phúc như vậy).] (18)

19 [**Spk** chú giải như vậy: Chỗ này nhắc lại về 49 ngày thiền trú của Đức Phật xung quanh chỗ *Cây Bồ-Đề* sau khi giác-ngộ. Trong suốt thời gian đó, theo **Spk**, Phật đã quán chiếu về *năm-uẩn*, *các cơ-sở cảm nhận* (xứ), các yếu-tố (giới), *Bốn Diệu Đế* ... một cách *đầy đủ* (*nippadesa*); giờ trong kinh này Phật chỉ quán chiếu lại *một phần* (*padesena*) trong đó, tức phần *cảm-giác* (thọ). **Spk** cũng đưa ra ví dụ cách mà *những cảm-giác* khởi sinh do tác động (duy-ên) bởi chánh-kiến và tà-kiến.

- ► Kinh này cũng được đề cập tới trong **As 30-31** như một “bằng chứng” chứng minh rằng Đức Phật đã dạy *Vi Diệu Pháp Tạng*. **Vism 519 (Ppn 17:9)** cũng trích dẫn bài kinh này để phản biện lại quan-điểm cho rằng ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ (lý duyên khởi) chỉ là ‘sự khởi sinh đơn thuần’ mà thôi.] (19)

20 [**Spk**: ‘*Cảm-giác do tham-muốn* (*dục; chanda*) là *điều-kiện* (*duyên*)’ là cảm-giác dính với tám loại tâm dính tham [coi **CMA 1:4**]; ‘*cảm-giác do ý-nghĩ* (*tầm*) là *điều-kiện*’ là cảm-giác trong *tầng thiền định thứ nhất* (Nhất thiền); còn ‘*cảm-giác do nhận-thức* (*tuồng*) là *điều-kiện*’ là cảm-giác trong *06 tầng thiền định* tính từ tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) cho tới vô sở hữu xứ.] (20)

21 [Đoạn trong ngoặc [...] trong kinh này và kinh kế tiếp là không có trong phiên bản **Be**, và có thể nó đã được du nhập từ luận giảng **Spk** vào Tạng Kinh Tích-Lan cổ [Sinhala]. **Spk** giải thích: (a) cảm-giác khi cả ba yếu tố này *chưa* lắng lặn là loại cảm-giác liên kết với tám loại tâm dính (câu hữu) *tham*. (b) Cảm-giác khi chỉ có tham-muốn (*dục*) *đã* lặn là cảm-giác của tầng thiền định thứ nhất; (c) Cảm-giác khi tham-muốn (*dục*) và ý-nghĩ (*tầm*) *đã* lắng lặn, chỉ còn nhận-thức (*tuồng*) *chưa* lặn là cảm-giác của các tầng thiền định thứ hai và cao hơn. (d) Còn cảm-giác khi tất cả ba thứ đó *đã* lặn là cảm-giác

trong phi tướng phi phi tướng xứ [cảnh xứ không còn nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]. Còn “*điều chưa được chứng ngộ*” chính là mục tiêu thánh quả A-la-hán. Câu diễn đạt cuối cùng là bao gồm cả *cảm-giác siêu-thế* đi kèm với *04 thánh đạo*. Chữ “*sự nỗ-lực tu*” (tinh tấn) ở đây là dịch *āyāma*, nghĩa thực là đồng nghĩa = chữ *vāyāma* [cũng đã được ghi trong một số chỗ của SS]. **Spk** nói luôn đó là đồng nghĩa = “*virīya*” (*sự nỗ-lực tu, tinh tấn*).] (21)

22 [**Spk: Spk** nói: *Sự lảng-lặn của cách-nhìn sai lạc* (tà kiến lặn) là đồng nghĩa = *cách-nhìn đúng đắn* (chánh kiến hiện); do vậy cảm-giác được cho là bị tác động (duyên) bởi cách-nhìn đúng đắn cũng đồng nghĩa = cảm-giác bị tác động (duyên) bởi sự lảng-lặn của cách-nhìn sai lạc. Nhưng trong bài kinh này họ (những bậc tiền bối cổ xưa) không đưa vào loại *cảm-giác do quả* (*vipāka-vedanā*) vì họ cho rằng nó là quá xa xôi. Vì trong bất cứ thời nào một cảm-giác được nói là bị tác động (duyên) bởi sự lảng-lặn của một trạng thái thì nó đồng nghĩa là = nó bị tác động (duyên) bởi một phẩm-chất đối ngược với trạng thái đó. Cảm-giác do tác động (duyên) bởi *sự lảng lặn của tham-muốn* (vắng dục, dục lặn = *tách ly khỏi dục lạc*) là cảm-giác trong tầng thiền định thứ nhất; cảm-giác do tác động (duyên) bởi *sự lảng lặn của ý-nghĩ* (vắng tầm, hết tầm) là cảm-giác trong tầng thiền định thứ hai; cảm-giác do tác động bởi *sự lảng lặn của nhận-thức* (vắng tưởng, không có tưởng) là cảm-giác trong phi tướng phi phi tướng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].] (22)

23 [Câu này **Se** và **Ee** ghi là: *Bhaddako te āvuso Bhadda ummaggo*. **Be** thì ghi chữ sau là *ummaṅgo*. Chữ *bhaddako* hầu như chắc chắn liên quan tới một sự chơi chữ về tên của vị trưởng lão này (*Bhadda*). **Spk** (**Se**) chú giải nguyên văn là: *Ummaggo ti pañha-ummaggo; pañhavimamsanaṃ pañhagavesanan ti attho*; “chữ ‘*sự thông minh*’ ở đây là: sự thông minh của [sự đặt ra] câu hỏi như vậy; nghĩa là sự điều tra tìm hiểu một câu hỏi, sự tìm ra một câu hỏi như vậy.” [Chỗ này **Se** ghi đầu chữ *pañha-* là thích đáng hơn *paññā-* như **Be** ghi].] (23)

24 [Tôi dịch cụm chữ *ñāyaṃ dhammaṃ* dựa theo sự chú giải của **Spk** về thuật ngữ *ariyamaggadhammaṃ*. Bài kinh này là cơ sở cho một “*tình huống khó xử*” (tiến thoái lưỡng nan, đặng nào cũng tệ) được ghi trong chỗ kinh **Mil**

242–243, mời đọc lại kinh đó để thấy.] (24)

25 [Nguyên văn 02 phẩm-chất thêm vào là (9) *micchāññānī* và (10) *micchāvimutti*. **Spk** giải nghĩa chữ (9) = *micchāpaccavekkhaṇa* (sự quán-xét lại sai lạc), trong đó **Spk-pt** giải thích thêm là: “*Khi một người đã làm điều bất thiện, nhưng khi quán xét lại thì cứ nghĩ nó là thiện*”. **Spk** giải nghĩa chữ (10) “*sự giải-thoát sai lạc*” = *sự giải-thoát giả* (*ayāthāvavimutti*), *một sự giải-thoát không thật, nguy giả* (*aniyyānika-vimutti*).] (25)

26 [Để đọc hiểu chi tiết hơn về “*sự chánh-định thánh thiện*”: mời quý vị đọc lại toàn kinh **MN 117**.

- Định nghĩa *sự định-tâm đúng đắn thánh thiện* (thánh chánh-định) bên dưới là dựa trên cái quan-niệm về *tâm* như là một tập hợp lớn [bầu trời sao] của *những yếu-tố thuộc tâm* (tâm sở) mỗi yếu-tố thực hiện mỗi chức năng riêng của nó trong sự kết hợp với những yếu-tố khác. Về cách đối xử về Bát Thánh Đạo theo góc nhìn này: mời quý vị bào quan tâm thì đọc thêm phần *Giới Thiệu Phần V* (bởi TKBD) ở trang 1488–1490 (bản dịch tiếng Anh).] (26)

27 [**Spk** chú giải: Trong khi kinh trước được diễn đạt theo cách *những phẩm-chất sai lạc* (*dhammasena*) sai lạc, kinh này được diễn đạt theo cách *những người tu-tập theo cách sai lạc* (*puggalavasena*) đó.] (27)

28 [TKBD: Mặc dù kinh này trong tất cả 03 phiên bản chữ câu này đều có ghi chữ *aṭṭhaṅgiko* (*tám phần, tám chi, bát chi*), nhưng tôi gợi ý bỏ chữ này đi để cho lời kinh được thống nhất giống trong các kinh **SN 46:18, 47:33** và **51:02** của Quyển 5 này. Chỉ ghi là con-đường thánh thiện (thánh đạo).] (28)

29 [**Spk**: Nghĩa là: đi khỏi vòng luân-hồi sinh tử và đến được Niết-bàn. Học giả Woodward đã dịch sai cụm chữ này là ‘*dẫn tới trạng thái trong đó không còn bờ nào và bờ cao hơn nào nữa*’. 02 đoạn thi kệ đầu bên dưới cũng có trong tập kinh *Pháp Cú*, chính là thi kệ **Dhp 85-89**.] (29)

30 [Tới chỗ này phiên bản **Ee** ngừng đếm số các NHÓM kinh này và coi chúng chỉ là *những sự lặp-lại* (*peyyāla*) chứ không phải là các NHÓM kinh (*vagga*); **Se** cũng gọi chúng là những *peyyāla* nhưng có đếm số chúng; còn **Be** thì đếm số chúng và gọi chúng là những NHÓM (kinh) LẶP-LẠI

(*peyyālavagga*). Cách đánh số các NHÓM kinh của tôi là giống gần với cách của **Se**, nhưng cách đếm số các kinh của tôi thì giống với **Ee** là thẳng một mạch từ đầu đến cuối.] (30)

31 [‘*Hành trình*’: quá trình, đường đi, dòng trôi: chỉ quá trình luân-hồi sinh tử [*samsāra*]. **Spk**: Khi một người chứng Niết-bàn thì đã hoàn-toàn hiểu hành-trình của đường luân-hồi sinh tử mình đã trải qua.] (31)

32 [**Spk** diễn giải: *Sự có đạo-hữu* tốt giống như rạng đông; thánh đạo đi cùng sự minh-sát, đã khởi sinh bằng cách nhờ vào sự có đạo-hữu tốt, cũng giống như sự mọc-lên của mặt trời.] (32)

33 [**Spk** chú giải: “*Sự thành-tựu về giới-hạnh*” (*sīla-sampadā*) là: 04 Phần Thanh Lọc Giới-Hạnh [*Tứ Phần Thanh Tịnh Giới*]: gồm có: (1) Tuân giữ Giới Luật Tỳ kheo (*Pātimokkha*) [*Biệt Biệt Giải Thoát Thu Thúc Giới*]; (2) Kiểm-chế các căn cảm-nhận [*Lục Căn Thu Thúc Giới*], (3) Sử-dụng những đồ dùng vật dụng (4 thứ được cúng dường: y phục, thức ăn, chỗ ở, thuốc-thang) một cách đúng đắn phù hợp [*Quán Tưởng Tứ Vật Dụng Giới*]; và (4) Sự mưu-sinh đúng đắn [*Chánh Mạng Thu Thúc Giới*]. Mời quý vị đọc thêm *Thanh Tịnh Đạo* **Vism 15–16; (Ppn 1:42)**].

- “*Sự thành tựu về mong-muốn [dục]*” (*chanda-sampadā*) là chỉ sự mong-muốn thành tựu phần thiện-lành (không phải dạng tham-muốn như dục-vọng hay tham ái là một nghĩa khác của chữ *chanda* (dục, mong muốn, tham muốn)). “*Sự thành tựu về bản-thân*” (*attasampadā*) nghĩa là sự toàn-vẹn của cái tâm (*sampanna-cittatā*).

- Lần lượt các kinh trong đây này đã được nói riêng cho những người khác nhau, tùy theo căn cơ tính khí của mỗi họ.] (33)

34 [Trong **Ee** thì NHÓM kinh này không có số riêng của nó. **Be** thì đánh số nó là NHÓM “1” như thể nó bắt đầu lại từ đầu vậy, nhưng rồi lại đánh số riêng cho mỗi “phiên mẫu” của 04 “phiên mẫu”. **Se** thì giữ cách đánh số các NHÓM kinh một cách liên tục, bắt đầu từ số NHÓM “9”. Ở đây tôi làm theo **Se**, có vẻ hợp lý hơn. Mỗi “phiên mẫu” chỉ thực sự khác nhau bởi *một cụm chữ* dùng để mô tả những chi phần của Bát Thánh Đạo. Nguyên văn tiếng Pāli của 04 cụm chữ của 04 “phiên mẫu” lần lượt là: (i) *vivekanissitaṃ*

virāganissitaṃ nirodhanissitaṃ vossaggapariṇāmiṃ (dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát [tới sự thoát-ly]); (ii) *rāgavinayapariyosānaṃ dosavinayapariyosānaṃ mohavinayapariyo-sānaṃ* (có mục-tiêu cuối cùng của nó là sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si); (iii) *amatogadhaṃ amataparāyanaṃ amatapariyosānaṃ* (có sự Bất-tử là nền-tảng của nó, sự bất-tử là đích-đến của nó, sự bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó); và (iv) *nibbānaninnaṃ nibbānaṇaṃ nibbānapabbhāraṃ* (đổ về Niết-bàn, nghiêng về Niết-bàn, ngã về Niết-bàn).

► (Các tiêu đề ghi tắt tên 04 “phiên mẫu” này lần lượt là: [(i) THEO MẪU ‘SỰ TÁCH-LY ...’]; (ii) [THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM ...’]; [(iii) THEO MẪU ‘CÓ SỰ BẤT-TỬ LÀ NỀN TẢNG ...’]; và [(iv) THEO MẪU ‘ĐỔ VỀ NIẾT-BÀN ...’].)

- **Spk** giải thích rằng: 04 “phiên mẫu” khác nhau của cùng ‘một kinh’ đã được Đức Phật nói cho những loại người khác nhau, tùy theo những căn cơ tính khí của họ để họ giác ngộ được.] (34)

³⁵ [So sánh với chữ *nibbānogadha* (có Niết-bàn là nền-tảng của nó): mời đọc lại đoạn cuối cùng của kinh **23:01** (Quyển 3) và chú thích số 243 ở đó.] (35)

³⁶ [Ee gọi NHÓM kinh này là “*Chương V*” như thể tất cả các bài kinh từ **31** đến **138** đều thuộc ‘*Chương IV*’ vậy. **Be** cũng đếm số NHÓM này là “5”, theo sau là 04 phần cùng tựa là NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC. Vì trong phiên bản **Be** vẫn còn những NHÓM của *CHƯƠNG* (*Tương ưng, samyutta*) 45 này được đánh số từ 6–8, điều này có nghĩa là trong **Be** thì *CHƯƠNG* 45 này gồm 02 loạt NHÓM kinh được đánh số từ 5–8, mà không có cơ sở nào khác để phân biệt chúng. Trong phiên bản **Se** thì NHÓM kinh này được đánh số “13” và sự đánh số liên tục cho đến cuối là NHÓM “16”. Vì ở đây **Se** là có sự hợp lý hơn nên tôi làm theo nó.] (36)

³⁷ [**Spk** giải thích rằng: *sự/tính chuyên-chú* (chuyên tâm tu tập, chú tâm tu hành) được cho là *đứng đầu* trong tất cả mọi phẩm-chất thiện của một người tu bởi vì nhờ có sự chuyên-cần tu học thì người tu mới đạt được những phẩm-chất thiện lành khác.] (37)

³⁸ [Các ví dụ lần lượt trong dãy kinh từ **45:141–147** này cũng có ghi trong

kinh **SN 22:102** (Quyển 3).] (38)

³⁹ [**Spk** chú giải rằng: Khi những con rồng nāga cái mang thai, chúng nhận thấy nếu sinh con ngoài biển thì con non sẽ bị tấn công bởi những quý vương *supanna* (quỷ dạ xoa có cánh) hoặc bị cuốn mất bởi những dòng hải lưu lớn. Cho nên chúng hạ xuống các sông trên dãy núi Himalaya và sinh con ở đó. Rồi chúng huấn luyện con ở các ao hồ trên núi cho đến khi con cái thật thạo giỏi về bơi lội dưới nước.] (39)

⁴⁰ [Giống ví dụ trong **SN 36:12** (Quyển 4).] (40)

⁴¹ [Giống ví dụ cuối trong **SN 22:101** (Quyển 3), mời đọc lại chú thích 214 ở kinh đó.] (41)

⁴² [Giống ví dụ trong kinh **SN 36:14** (Quyển 4).] (42)

⁴³ [Ví dụ và cách dùng ví dụ ở đây giống tương tự trong kinh **SN 35:244** (Quyển 4), và kinh **SN 52:08** (Quyển 5 này).] (43)

⁴⁴ [Chữ gốc là *Brahmacariyesanā*: sự tìm-kiếm đời sống thánh thiêng (phạm hạnh), tạm dịch theo ý nghĩa là: sự tìm-kiếm đời sống tâm linh. **Spk** chú giải rằng: Ở đây là ám chỉ sự tìm-kiếm đời sống tâm linh bằng cách-nhìn sai lạc (tà kiến); (chẳng hạn đi tu chỉ để có được những mục tiêu khác với mục tiêu giác-ngộ và giải-thoát của đạo Phật). [**Spk-pt** bổ sung thêm: Bởi vì có cách-nhìn sai lạc là cơ sở mà những người triết lý chế ra đời sống tâm linh (chẳng hạn những người sống đời sống tâm linh theo những giáo phái khác thời Phật hoặc theo những đạo giáo huyền bí hoặc mê tín).] (44)

⁴⁵ [Về 03 loại sự khổ này, coi chú thích 274 ở kinh **38:14** (Quyển 4).] (45)

{▶(Nhân tiện: Những sự tạo-tác (*saṅkhārā*, hành) là chỉ: những hành vi cố ý, hành động cố ý, sự làm có chủ ý; sự tạo thành, sự tạo ra, sự tạo nên, sự gây ra, sự tác động có cố ý; sự tạo nghiệp; sự chủ động làm, sự cố ý làm (bằng thân và lời-nói); ý-nghĩ thực ra cũng là sự tạo-tác vì ý-nghĩ là có sự cố-ý của tâm (tâm tư) vì sự cố-ý (tư) về bản chất cũng là sự tạo-tác của tâm, là gốc của hành-vi tạo nghiệp, gốc của nghiệp (*kamma*). Riêng chữ tạo-tác trong tiếng Việt đã hàm nghĩa có ý, có cố ý, có tâm ý, có chủ ý, có ý nghĩ rồi, vì vậy

người dịch hiệu đính năm 2024 đã sửa lại trong tất cả bản dịch trước đây thành “*sự tạo-tác*” cho gọn).

► (Lý do: Trong tất cả bản dịch trước 2024 người dịch đã dịch chính xác theo TKBD là “*những sự tạo-tác cố ý*” (có cố ý, cố tư), như TKBD đã nói lý do ở cuối chú thích 7 kinh SN 22:12 (Quyển 2). Tuy nhiên, để đổi lấy sự ngắn gọn cho lời kinh chỉ ghi “*những sự tạo-tác*” trong lần hiệu đính lần này, chúng ta chỉ cần lưu ý không nhầm lẫn bộ 03-hành đã được nói trong kinh SN 41:06 (Quyển 4), chú thích 298 và kinh MN 44, mục 13-29; bộ 03-hành trong 02 kinh đó được nói liên quan tới trạng thái định “*diệt thọ tướng*” (sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác) và không liên quan gì *lý duyên-khởi* hay *vòng nhân-duyên*!

- Bộ 03-hành trong 02 kinh đó có thân hành và tâm hành là 02 hành có nghĩa thụ-động: là sự tạo-tác được tạo ra thông qua thân và tâm, và khẩu hành là sự tạo-tác tạo ra lời-nói, là loại hành có nghĩa chủ-động.) ND. }

⁴⁶ [Kinh này được tìm thấy trong phiên bản **Se** và **SS**. Phiên bản **Be** đánh số kinh này thành một kinh riêng, nhưng **Ee** thì không. Ở đây tôi làm theo **Ee** (tức đánh số nó là kinh 170 như kinh kể trên). Cả 02 kinh 170 (**I0**) và 170 (**II**) đều kết nối với phiên mẫu “*dựa trên sự tách-ly ...*” và giống nhau y hệt. Điều này có thể cho thấy 02 kinh này vốn thực ra chỉ là một kinh nhưng đã được lập lại theo 02 chữ khác nhau của cùng một nghĩa, vì chữ *tanhā* (đục-vọng) và *tasinā* (sự thềm-khát) trong tiếng Pāli là *đồng nghĩa* với nhau, đều tương đồng với chữ *trṣṇā* trong tiếng Phạn.] (46)

⁴⁷ [**Spk** chú giải: “*sự gút-mắc thuộc thân*” (*kāyagantha*) là một sự gút-mắc trong *danh-thân* (*nāmakāya*), là một loại ô-nhiễm nó gút thắt và đan kết chằng chịt (*ganthanaghaṭanakileśa*). **Spk-pt** bổ sung: Đó là một ô-nhiễm sinh ra sự đan-kết, sự trói-buộc, được gọi là ‘sự bó-buộc vào sự khổ’ thông qua sự đan-kết của *nhân* với *quả*, của *vòng nghiệp* với *vòng nghiệp-quả*.

- Trong đó, *sự gút-mắc* thứ tư là: *idaṃsaccābhinivesa kāyagantha*: có nghĩa gốc là “*sự gút-mắc thuộc thân là sự chấp-thủ [quan điểm] (rằng) ‘Chỉ điều này là sự thật’ (còn những điều khác là sai).*”] (47)

⁴⁸ [**Spk**: “*Khuynh-hướng tiềm ẩn (tạo ra) tham-dục*” (*kāmānusaya*; tham tùy

miên) chính là = *tham-dục*, nó được gọi là một *khuyh-hướng tiềm ẩn* (tùy miên) theo nghĩa nó đã tích được sức-mạnh (*thāma-gataṭṭhena*). **Spk-pt** bổ sung: (*Tham*) đã tích được sức-mạnh bằng cách đã được cấy sâu chắc chắn trong “*sự liên-tục của tâm*” của một chúng sinh.] (48)

⁴⁹ [Đây là 05 *gông-cùm thấp hơn* (nhẹ đô hơn; hạ phần kiết sử) trói buộc chúng sinh vào *cõi dục-giới* (*kāma-dhātu*), ví dụ cõi người, cõi súc sinh ... Ba (03) *gông-cùm* đầu tiên được phá bỏ bởi bậc Nhập-lưu và bậc Nhất-lai. Còn bậc Bất-lai thì đã phá bỏ tất cả 05 *gông-cùm* này.] (49)

⁵⁰ [*Năm gông-cùm cao hơn* (nặng đô hơn; thượng phần kiết sử) trói buộc chúng sinh vào *cõi sắc-giới* (*rūpa-dhātu*) và *cõi vô-sắc-giới* (*arūpa-dhātu*). Các cõi (cảnh giới) này lần lượt được chúng đắc theo *các tầng thiền định sắc-giới* (*jhāna*) và *các tầng chứng đắc vô-sắc-giới*. Chỉ bậc A-la-hán đã phá bỏ hết tất cả 05 *gông-cùm* này.] (50)

⁵¹ [Phần đầu này của đoạn này là giống hệt như đầu kinh **SN 45:151** ở trên [mời coi chú thích số 39 ở đó về lý do loài rồng sinh nở trên núi cao]; còn phần sau đoạn này thì tương ứng giống với kinh trước là ghi với “*con-đường Bát Thánh Đạo*” và kinh này ghi với là “*bảy chi giác-ngộ*” (*Thất Giác Chi*).] (51)

⁵² [*Chữ bojjaṅga* (*chi giác-ngộ; giác chi*) là chữ ghép của chữ *bodhi* (giác ngộ, bồ-đề) + *aṅga* (chi, chi phần, yếu tố). **Spk** đã đưa ra 02 định nghĩa về chữ này như vậy: “(i) Các chi giác-ngộ là các chi phần của sự giác-ngộ; hoặc là (ii) [các yếu-tố] của một chúng sinh được giác-ngộ (*bodhiyā bodhissa vā aṅgā ti bojjaṅgā*). Nghĩa là gì? Nghĩa là thông qua sự hội hữu những trạng thái có chứa *sự chánh-niệm* (niệm) ... *sự buông-xả* (xả), đã khởi sinh vào thời-khắc (sát-na) của các thánh đạo thế tục và siêu thế (*lokiyalokuttaramagakkhane*) ... để cho người thánh đệ tử được giác-ngộ; bởi vậy [sự hội hữu của các trạng thái đó] được gọi là sự giác-ngộ. ‘*Người đó được giác-ngộ*’ có nghĩa là người đó đã thức dậy khỏi giấc ngủ của sự liên-tục những ô-nhiễm (giác ngủ trong lậu hoặc); điều đó có nghĩa rằng người đó thâm nhập *Bốn Diệu Đế* hay chứng ngộ *Niết-bàn*. Các chi giác-ngộ là các chi phần của sự giác-ngộ gồm có trong sự hội hữu của các trạng thái đó. Thêm nữa, thánh đệ tử là người trở nên giác-ngộ thông qua sự hội hữu của những trạng thái mới

nói thì được gọi là ‘*một chúng sinh giác-ngộ*’ (*bodhī, bô-đề*). Các yếu-tố (chi phần) của một chúng sinh giác-ngộ là các chi phần giác-ngộ.”

- Trong *Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka)*, quyển phân tích các giác-chi “*Bojjhaṅga-vibhaṅga*” (**Vibh** 227–229) trước tiên đã giảng giải *các chi giác-ngộ* theo phương pháp của kinh theo 03 cách đã được trình bày lần lượt (i) trong kinh **46:03**, (ii) trong kinh **46:52**, phần [*ii. Bảy Trở Thành Mười Bốn*], và (iii) theo công thức đơn thuần *vivekanissita*. Rồi sau đó nó phân tích chúng theo phương pháp của *Vi Diệu Pháp*, coi chúng chỉ là các chi của thánh đạo siêu thế (**Vibh** 229–32). Vì lý do này cho nên các định nghĩa trong các luận giảng thuộc *Vi Diệu Pháp* [như **As** 217, **Vibh-a** 310] là song hành giống với đoạn chú giải được trích từ luận giảng **Spk** ở trên, chỉ bỏ đi phần “*thế tục*” (*lokiya*) khi nói về thánh đạo.

- Định nghĩa riêng của Đức Phật về chữ *bojjhaṅga*, như đã được ghi trong kinh **46:05** kể dưới, đã hàm nghĩa nguyên chất chữ này đã *không* được Đức Phật nói ra và *không* được coi là những chi phần *tạo thành* sự giác-ngộ [như những luận giảng đã nhận thức lầm như vậy], mà chúng là những chi phần *dẫn dắt* tới sự giác-ngộ. (Vì vậy nếu dịch đúng có thể dịch là “*các chi phần giúp dẫn đến sự giác-ngộ*” hay “*bảy chi trợ giúp giác-ngộ*”). Điều này đã được ủng hộ thêm bởi *sự trình bày theo trình tự khởi-sinh của các chi phần* như được nói trong kinh **46:03** kể dưới. Vì vậy khi so sánh những tầng cấp khác nhau của kinh điển Pāli tiền thân đã cho thấy cách dùng thuật ngữ này đã trải qua một số mức độ biến hóa, từ tổng quát và thực dụng cho đến cụ thể hơn và kỹ thuật hơn.] (52)

⁵³ [*Dưỡng-chất (āhāra)* ở đây có nghĩa là *điều-kiện (duyên, paccaya)*. Phần kinh bên dưới cũng được lặp lại trong kinh **46:51** bên dưới trong Chương này, ở đó **Spk** có chú giải chi tiết từng *dưỡng-chất* tạo ra mỗi *chi giác-ngộ*; coi chú thích số 85-91 trong kinh đó.] (53)

⁵⁴ [► (Chữ *tham-dục* (theo nghĩa là *nhục dục, dục giác quan, ham muốn giác quan*) là tam dịch cho hợp theo khuôn mẫu “*năm chướng-ngại*” thường được dịch. Chữ gốc là *kāmacchanda* = *dục, nhục dục* (sự hám dục, ham dục, ham muốn dục lạc); chữ này chỉ riêng nghĩa *nhục dục, ham muốn dục lạc* (khởi sinh do có các nhân duyên [*dưỡng-chất*] là những tướng đẹp, tướng nét gọi

dục, gọi nhục dục) hơn là những dạng *dục* và *tham* khác; vì chữ *kāmacchanda* (nhục dục) này cũng khác nghĩa với chữ là *rāga* (tham, tham dục, tham muốn, tham đắm). - HT. Thích Minh Châu dịch là *dục tham*.

(- Trong chú thích 93, **(I)**, ở kinh **46:51** (Quyển 5 này), **Spk-pt** cũng chú giải thêm rằng: “Ở đây dùng chữ *tham-dục* (hay *dục tham*) này theo phương pháp *Vi Diệu Pháp Tạng* là chữ đại diện dùng để chỉ luôn *tất cả các loại tham* khác [như: *tham muốn được hiện-hữu, tham muốn những dục-lạc*.”

(- Trong chú thích 113 ở kinh **46:55** thì **Spk** cũng chú giải thêm rằng: “[bởi vì chữ *tham-dục* ở đây (*kāmacchanda*, nhục dục, dục tham) được diễn dịch đủ rộng là bao hàm tất cả mọi sự *tham* đối với bất kỳ đối-tượng nào, chứ không chỉ riêng nhục dục, sự tham muốn dục lạc.]” (ND)

- [TKBĐ]: *Dấu-hiệu đẹp* (*subhanimitta*) như là, một đối tượng hấp dẫn về nhục-dục, đặc biệt thứ gọi tình gọi dục, gọi cảm, khiêu gọi. Chữ *nimitta* ở đây rất khó để chuyển dịch thành một chữ nào đó để có thể dùng trong mọi ngữ cảnh. Tôi [TKBĐ] đành phải quay lại dùng chữ “*dấu-hiệu*” (tượng) sau khi đã nhiều lần thử dịch là “*phương diện*”, “*đường nét*”, “*dáng mạo*”—đều thấy không thỏa đáng. Trong một số kinh khác thì chữ *nimitta* rõ ràng có nghĩa là *cơ-sở, nhân, duyên* [ví dụ trong kinh **SN 48:40** ... vân vân.]

- **Spk** giải nghĩa chữ “*sự chú-tâm không kỹ càng*” (*ayoniso manasikāra; phi như lý tác-ý*) là = *sự chú-tâm (tác ý) không đúng phương pháp, sự chú-tâm trật đường lệch lạc* (*anupāyamanasikā ra, uppathamanasikāra; Spk-pt* bổ sung: bởi vì đó không phải là phương pháp đúng đắn để đạt được ích lợi và an lạc.

- Những luận giảng khác thì khẳng khẳng chú giải đó là: sự chú-tâm theo hướng coi thứ vô-thường là thường-hằng, thứ khổ là sướng, thứ vô-ngã là bản-ngã, và thứ ô-úế bất tịnh là đẹp-đẽ thanh tịnh (coi ‘vô-thường, khổ, vô-ngã’ là ‘thường, lạc, ngã, tịnh’). Sự chú giải như vậy cũng đã được ghi trong **Vibh 373.**] (54)

⁵⁵ [*Dấu-hiệu xấu [đáng chê]* (*paṭighanimitta*). **Spk** giải nghĩa rằng: *Dấu-hiệu xấu [đáng-chê]* chính là sự ác-ý hay sân (*paṭigha*) hay là đối-tượng đáng chê khó ưa (*paṭighārammaṇa*).] (55)

56 [Những chữ (*sự*) mới được nói ra hầu như là như đồng-nghĩa với nhau, như đã được giảng giải trong **Vibh** 352. **Spk** đã trích từ đoạn giảng giải của **Vibh** 352 đó để chú giải các chữ này trong các chú thích kế tiếp. Những chữ này cũng được nói trong kinh **SN 1:16** (Quyển 1), thi kệ **30–31**.] (56)

57 [*Cetaso avūpasama: sự bất an ổn của tâm. Spk: Sự bất an ổn của tâm là hàm chỉ (chương-ngại) sự bất-an và hối-tiếc.*] (57)

58 [Những thứ là cơ-sở (*giúp, trợ, duyên*) cho chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (*satisambojjhaṅgaṭṭhāniyā dhammā*). **Spk** chú giải: Đó là những thứ trở thành những đối-tượng của sự chánh-niệm [**Spk-pt** bổ sung: tức là “bốn nền-tảng chánh-niệm”], 37 phần trợ giúp dẫn tới giác-ngộ (37 bờ-đề phần), và 09 trạng thái siêu thế.] (58)

59 (“*Với những trạng thái ứng với chúng*” là tạm dịch, vì cụm chữ hàm nghĩa cả những trạng thái *thuận ứng* (bản chất bản sao) hoặc trạng thái *ngịch ứng* (phẩm chất đối nghịch) hoặc theo nghĩa *không có trạng thái đối nghịch*. Khi đọc chú thích dưới đây quý vị sẽ nhận thấy các hàm nghĩa của cụm chữ này theo luận giảng **Spk**).

- [Nguyên văn cụm chữ cuối này: *kaṇhasukkasappaṭibhāga* (*những trạng thái thuộc bên tối và trạng thái thuộc bên sáng, và những trạng thái ứng với chúng*). **Spk** chú giải: Theo nghĩa: (1) Những trạng thái tối “*với những trạng thái tương ứng (bản chất sao y) của chúng*” là bởi vì chúng tạo ra những kết quả tối, và những trạng thái sáng bởi vì chúng đưa đến những kết quả sáng; ý nghĩa là “*có những kết quả tương tự*”. Hoặc theo nghĩa: (2) Những trạng thái tối “*với những trạng thái đối ứng (bản chất đối nghịch) của chúng*”: những trạng thái tối có trạng thái sáng là đối ứng với chúng, và những trạng thái sáng có những trạng thái tối là đối ứng của chúng. Hoặc theo nghĩa: (3) Những trạng thái tối “*với sự ngoại trừ*”: những trạng thái bất thiện thì ngoại trừ (không có) những trạng thái thiện và tạo ra những kết quả theo tính nó (là bất thiện), và tương tự ngược lại.

- Một ví dụ khác chi tiết hơn nói về sự đối trị giữa những trạng thái tốt và những trạng thái xấu được đọc thấy trong kinh **MN 8**, ở đó Đức Phật đã liệt kê 44 cặp đối nhau mang nghĩa thiện và bất thiện. Sự chú giải về *chi giác-ngộ*

này đã gợi ý rằng: trong khi “*sự phân-biệt những trạng thái*” (trạch pháp) về kỹ thuật có thể được nhận dạng là *trí-tuệ* (*paññā*), chức năng ban đầu của *paññā* như một *chi giác-ngộ* không phải là nhận thấy tam tướng (vô-thường, khổ, vô-ngã) ... vân vân mà chỉ đơn giản là phân biệt giữa những trạng thái tâm thiện và bất thiện vốn trở nên rõ ràng rõ rệt khi sự chánh-niệm càng thâm sâu.] (59)

⁶⁰ [Spk: *Yếu-tố* (*giới*) *phát-khởi* (*ārambhadhātu*) là đoạn nỗ-lực đầu, *yếu-tố phấn-đấu* (*nikkamadhātu*) là đoạn nỗ-lực giữa, *yếu-tố cố-gắng* (*parakkamadhātu*) là đoạn nỗ-lực hết cường độ.] (60)

⁶¹ [Spk chú giải: *Sự tĩnh-lặng của thân* (*kāyappassaddhi*) là sự làm lắng dịu sự phiền khổ trong 03 uẩn thuộc tâm [cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác (thọ, tưởng, hành)]; *sự tĩnh-lặng của tâm* (*cittappassaddhi*) là sự làm lắng dịu sự phiền khổ trong thức uẩn.

- Các luận giảng thường xuyên diễn dịch cặp đôi—[*thân-tâm*]—như được nói trong kinh này, dưới ánh sáng của *Vi Diệu Pháp Tạng* (*Abhidhamma*), trong đó chỉ ra sự tương phản giữa *tâm* (*citta*): yếu tố chủ chốt trong sự nhận-biết, và phần đi kèm với nó là phần “*thân*” của các *yếu-tố thuộc tâm* (*cetasika*, thuộc tâm sở). Tuy nhiên, có lẽ trong các đoạn đó giống đoạn này thì chữ “*thân*” đã được dùng theo nghĩa đen thông thường là *thân thể*, thân thể được coi là đóng góp một cách năng động cho mức độ định lượng của một trải nghiệm.] (61)

⁶² [Spk: *dấu-hiệu của sự vắng-lặng hay tướng định* (*samatha-nimitta*) vừa chính là sự vắng-lặng (= *sự định-tâm*) vừa là đối-tượng của nó. *Dấu-hiệu của sự không phân-tán* (*abyagga-nimitta*) ở đây cũng đồng nghĩa với *dấu-hiệu của sự vắng-lặng*.] (62)

⁶³ [Khi nói rằng *chi giác-ngộ là sự chánh-niệm* (*satisambojjhaṅga*; *niệm giác chi*) khởi sinh nhờ sự nhớ-lại (hồi nhớ, tưởng niệm) Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi những nhà sư đã tu-thành (đắc đạo), thì lời kinh đã chỉ ra mối liên hệ về mặt từ-nguyên học giữa chữ *sati* là “*sự nhớ*” và động từ “*nhớ lại*” hay “*hồi nhớ*” (*anussarati*). Mặc dù nghĩa “*nhớ*” thông thường đã bị che khuất bởi cái nghĩa lớn về mặt tu-tập của chữ *sati* đó là “*sự ý-thức rõ về hiện-tại*”, nhưng

nghĩa “nhớ” và “hồi nhớ” vẫn được lưu giữ và định nghĩa trong một số kinh khác [chẳng hạn: như khi định nghĩa về ‘*căn chánh-niệm*’ trong kinh **SN 48:09** ở bên dưới (Quyển 5 này).] (63)

64 [Ở đây tôi làm theo **Be**, chỉ ghi câu này đơn giản là *passaddhakāyassa sukhino cittaṃ samādhīyati* (như đã dịch). **Se** và **Ee** thì ghi là *passaddhakāyassa sukhaṃ hoti, sukhino cittaṃ samādhīyati* (đối với người có thân là tĩnh-lặng thì có sự hạnh-phúc, đối với người hạnh-phúc thì tâm trở nên đạt-định.” Tôi nghi ngờ rằng cách ghi này đã phát sinh từ sự nhầm lẫn (lai bài) với lời kinh như trong kinh **47:10** và kinh **AN 5:26** (ghi là: “Người được *tĩnh-lặng* (khinh an) trong thân, thì cảm thấy sự *hạnh-phúc* (lạc). Đối với người cảm thấy sự *hạnh-phúc*, thì tâm trở nên được *đạt-định*”), trong đó rõ ràng sự *hạnh-phúc* (*sukha*, lạc) là một *chặng riêng* theo trình tự tu-tập (tức là từ *tĩnh-lặng trong thân* mới có sự *hạnh-phúc*, rồi từ có sự *hạnh-phúc* mới có sự *đạt-định*).

- **Be** cũng được ủng hộ chỗ này bởi chính **Se** và **Ee** trong kinh **54:13** trong kinh **54:13** thì ghi câu này y hệt như **Be** ghi trong kinh này.] (64)

65 [05 loại thánh Bất-lai này [(**iii**)-(vii)] cũng được nói trong các kinh **SN 48:15, 48:24, 48:66; 51:26; 54:5; và 55:25** (Quyển 5 này).

[1] - Theo **Spk** chú giải: (**iii**) “Người sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa” (*antarāparinibbāyī*) là người (bậc Bất-lai) được tái sinh vào một trong 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên), và ở đó người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng giữa “từ sau tái-sinh cho đến giữa-kiếp sau” (tức = trong nửa-đầu kiếp ở cõi đó). Chữ “*antarā*” trong tiếng Pali có nghĩa: “trong khoảng-giữa, ở giữa một khoảng thời gian (cả nghĩa không gian), trong tiến trình, trong khoảng trung-gian”. Cũng theo **Spk** chú giải thêm rằng: như vậy loại đầu này được phân thành 03 hạng, tùy theo *lúc-nào* chứng ngộ Niết-bàn: có thể là (i) ngay sau lúc tái sinh vào cõi đó; (2) sau 100 hay 200 đại-kiếp ở cõi đó; hoặc (3) sau 400 đại-kiếp ở cõi đó. Còn (**iv**): “người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống” (*upahacca-parinibbāyī*) thì **Spk** chú giải có nghĩa là người chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng “từ giữa-kiếp sau cho đến hết-kiếp sau” (tức = trong nửa-sau kiếp sau ở cõi đó). (Đây chỉ là sự luận giải và diễn dịch của luận giảng **Spk**).

► (Ở đây, người dịch Việt dịch đúng theo nghĩa chữ của lời kinh là **(iii)** “người sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong khoảng-giữa” (*antarāparinibbāyī*) và **(iv)**: “người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp-xuống” (*upahacca-parinibbāyī*). Chữ “*upahacca*” thì: **(a)** theo thầy TKBD dịch là “ngay khi đáp-xuống”, và thầy chỉ ra rằng các luận giảng như **Spk** thì giải nghĩa đó là “người chứng ngộ Bát-niết-bàn ngay sau khi hết nửa-đầu của kiếp ở cõi trời đó, tức đầu nửa-sau kiếp sau”. Còn **(b)** theo tự điển *Wisdom Library* thì: ‘chữ “*upahacca*” có nghĩa: làm tổn hại, làm tổn thương (nghĩa gốc là đúng vậy); nhưng đã giải thích “*upahacca-parinibbāyī* là người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu của kiếp ở cõi trời đó”, thiết nghĩ đây là sự nhầm lẫn trong biên tập kinh điển (đúng ra chỉ đơn giản dịch là “ngay khi đáp-xuống, tức là lập tức ngay sau khi tái-sinh”). **(c)** Người dịch cũng thấy HT. Thích Minh Châu cũng dịch là “chứng được Tổn Hại Bát-niết-bàn” nhưng nghĩa ‘tổn hại’ này, {theo **(b)** và **(c)**}, thực sự không rõ ràng đối với người dịch.)

- **(v)** “Người chứng ngộ Bát-niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm” là dịch chữ “*asaṅkhāraparinibbāyī*” và **(vi)** “người chứng ngộ Bát-niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm” là dịch chữ “*sasaṅkhāraparinibbāyī*”. Như vậy là cho thấy có thêm 02 kiểu chứng ngộ Niết-bàn, trong đó 02 loại thánh Bất-lai đầu [**(iii)**, **(iv)**] chứng đắc mục-tiêu cuối cùng một cách dễ dàng, và các loại thánh Bất-lai còn lại [**(v)**, **(vi)**] thì chứng đắc một cách khó hơn và cần có thêm sự cố-gắng mạnh mẽ.

[2] (Phần chú giải thêm của thầy TKBD về các thuật ngữ như sau:)

- **(iii)** Nếu chúng ta hiểu chữ “*antarā-parinibbāyī*” theo ngữ nghĩa gốc của nó là “người chứng Bát niết-bàn trong khoảng-giữa”, như chúng ta nên làm, thì nó có nghĩa là “người chứng Bát-niết-bàn trong khoảng-giữa (trung-gian) giữa 02 kiếp sống”, có lẽ là ngay trong khi còn ở trong một thân vi-tế trong trạng thái trung-gian.

- **(iv)** Như vậy chữ “*upahacca-parinibbāyī*” có nghĩa gốc là “người chứng Bát niết-bàn ngay khi đáp-xuống (ngay khi chạm đất)” sẽ được hiểu là “chứng Bát niết-bàn ngay khi sang kiếp mới, tức là hầu như lập tức ngay sau khi tái-sinh.”

(v), (vi) Hai chữ tiếp theo này là chỉ 02 loại người chứng Bát niết-bàn trong tiến trình của kiếp sau, họ chỉ khác nhau ở số lượng *sự cố-gắng thêm* mà họ phải thực hiện để chứng đắc được mục-tiêu cuối cùng.

(vii) Còn loại cuối cùng là “*uddhamsota-akanitṭha-gāmi*”: nghĩa gốc là “*người hướng thượng lưu tới cõi trời Akanitṭha cao nhất*” (tạm dịch nghĩa là “*người sẽ cuối cùng chứng Bát niết-bàn ở cõi trời cao nhất Akanitṭha*”). Nghĩa là, người đó được tái sinh lần lượt từ thấp tới cao qua 05 cõi trời trong-sạch đó, sống hết tuổi thọ trong mỗi cõi trời đó, và cuối cùng sẽ chứng thánh quả A-la-hán khi ở trong cõi trời Akanitṭha—là cõi trời cao nhất, đại thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch đó (05 cõi Tịnh cư thiên, *sudhavaṣa*); (HV dịch cõi này là ‘*cõi sắc cứu kính thiên*’; bản dịch Việt ở đây giữ nguyên tên “*Akanitṭha*” và mở ngoặc giải thích là ‘*cõi trời cao nhất thọ nhất trong năm cõi Tịnh cư thiên dành cho các bậc thánh Bát-lai*’.)

- Thầy TKBD tiếp tục giải thích: Cách diễn dịch này mặc dù trái khác với *sự chú-giải trong các luận giảng Pāli*, nhưng có lẽ nó đã được xác nhận bởi kinh ***Purisagati Sutta*** (*Những Nơi-Đến Của Những Người Tu*), tức kinh **AN 7:55**, trong đó có ví dụ về đồng que củi đang cháy hàm ý chỉ rằng: 07 hạng thánh Bát-lai [07 là do riêng loại đầu “*chứng Bát-niết-bàn trong khoảng-giữa*” (*antarāparinibbāyī*) có chứa tới 03 hạng [(1), (2), và (3)] là khác biệt nhau, chúng tạo thành một dãy xếp hạng từ mức độ *tin-nhạy hơn* xuống mức độ *chậm-trễ hơn* của các căn tâm linh của họ.]

- Phần xác nhận thêm nữa là kinh **AN 4:131**, trong đó giải thích *antarāparinibbāyī* là người đã loại bỏ *gông-cùm tái-sinh* (*upapattisaṃyojana*) nhưng vẫn chưa loại bỏ được *gông-cùm hiện-hữu* (*bhavaṣaṃyojana*). Mặc dù những người theo trường phái *Trường Lão Bộ* (*những Theravādin*) đã phản bác cách diễn dịch chữ *antarāparinibbāyī* theo cách như vậy [như coi trong **Kv 366**], nhưng bằng chứng từ các bài kinh này đã xác thực mạnh mẽ cho cách diễn dịch này. Để đọc chi tiết hơn, mời đọc thêm quyển “*Cái Tâm Vô Ngã*” (*The Selfless Mind*) của học giả Herney, trang 98–108.

- Kinh **AN 4:169** thì rút ra thêm một cách phân biệt khác nữa giữa 02 chữ *asaṅkhāraparinibbāyī* và *asaṅkhāraparinibbāyī*, như vậy: (i) chữ đầu là người chứng A-la-hán thông qua *sự thiên-quán* về các chủ-đề thiên “*khắc*

khô”, ví dụ như: *nhận-thức về sự không-sạch ô-úế của thân*, hay *sự nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn*, hay *nhận-thức về sự bất-mãn đối với thế giới*, hay *nhận-thức về tính vô-thường trong mọi sự tạo-tác*, và *sự chánh-niệm về cái chết*. (ii) Còn chữ thứ hai là chỉ người chứng A-la-hán thông qua *sự thiền-định bốn tầng thiền sắc giới (jhana)*.] (65)

- (Nhân tiện, mời quý vị nên đọc thêm kinh **AN 7:55** và các chú thích số từ 1535-1539 trong kinh đó.)

⁶⁶ [**Spk** chú giải rằng: (tiếp tục bên dưới) Kinh này đang nói về *những chi giác-ngộ quả (phalabojjhaṅga)* của thầy Xá-lợi-phát. Bởi vì khi thầy ấy chứng nhập *sự chứng-quả* sau khi đã làm cho *chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm giác chi)* là *chìa-khóa*, thì 06 chi giác-ngộ kia cũng theo sau; và cũng tương tự đối với khi mỗi *chi giác-ngộ* kia là *chìa-khóa*. Như vậy trường lão Xá-lợi-phát đã nói bài kinh này để cho thấy *sự làm-chủ (thiền thạo)* của mình đối với *sự chứng-quả*. Ví dụ về tù quần áo kẻ dưới cũng được nói trong kinh **MN 32**, mục 9, cũng bởi thầy Xá-lợi-phát.] (66)

⁶⁷ [Nguyên văn cả cụm chữ này là: *Itivādappamokkhānisamsaṅ c’ eva ka-tham kathente upārambhānisamsaṅ ca*. Học giả Woodward đã dịch là “*thảo luận về lợi-ích của sự tự do khỏi sự tranh-chấp và lợi-ích của sự tranh-cãi*” [**KS 5:60**]. Sự chú giải của **Spk** về cụm chữ này cũng hoàn toàn không rõ đối với tôi, nhưng trong kinh **MN 22**, mục 10, Đức Phật đã dùng cụm chữ giống vậy để quở trách những Tỳ kheo là những người thông thuộc nắm vững Giáo Pháp: *upārambhānisamsā itivādappamokkhānisamsā*. Luận giảng **Ps II 106,35–107,4** giải thích: “*Họ nắm vững Giáo Pháp [với chủ ý để được] ích-lợi từ việc bắt lỗi này nọ đối với những luận thuyết của những đối phương và từ việc cứu vớt những luận thuyết của mình khi bị đối phương bắt lỗi.*” Những đoạn mẫu trong các bộ kinh *Nikāya* thường mô tả về những cuộc tranh-luận đã cung cấp sự chứng tỏ rõ ràng về nghĩa của cụm chữ này; ví dụ như trong kinh **22:03** (Quyển 3), đoạn (11) và kinh **56:09** (Quyển 5 này).] (67)

⁶⁸ [Nguyên văn cả câu này: *Vijjāvimuttiphalaṅnisamsa ... Tathāgato viharati*. Học giả Woodward đã dịch chữ *vijjāvimutti* là “*sự giải-thoát nhờ trí-biết*” vì cho rằng chữ ghép chính-phụ (*tappurisa*) (chữ ghép gồm 2 từ chính và phụ),

nhưng lời diễn đạt *vijjā ca vimutti ca* [trong kinh chỗ V 52,19 (?)] hàm nghĩa nó thực ra là một chữ ghép đồng-đẳng hay chính-chính (*dvanda*) (gồm 02 từ chính-chính). Coi thêm chỗ kinh [V 329,9–16 (?)], trong đó ‘*bāy chi giác-ngộ*’ được nói sẽ hoàn thiện 02 thứ, đó là: *vijjāvimutti* (trí-biết và sự giải-thoát) là 02 chữ đồng đẳng.] (68)

⁶⁹ [Cách ghi tốt nhất là cách ghi bằng những bỏ-đề của luận giảng **Spk (Se):** *na maṅku hoti apatitthinacitto adinamānaso abyāpannacetaso*. **Be** và **Ee** ghi sai thuật ngữ thứ hai là *appatitthitacitto* (một cái tâm không được thiết lập), là hoàn toàn trái nghĩa với chữ cần phải ghi. Chữ *Ap(p)atitthina* là quá khứ phân từ phủ định của chữ *patitthiyati* [Phạn: **prati-styai*]. **Spk** giải nghĩa nó là: *kilesavasena atthinacitto* (với một cái tâm không bị bó cứng bởi những ô-nhiễm) (tức nó là nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, dễ điều phục). Trong kinh **AN 3:25**, đoạn (1) và kinh và **AN 5:157**, đoạn (1) chúng ta thấy một dãy những thuật ngữ cũng mang rõ nghĩa này trong câu: *abhisajjati kuppatti vyāpajjati patitthiyati kopaṇ ca dosaṇ ca appaccayaṇ ca pātukaroti* (người đó mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng.)] (69)

⁷⁰ [Kinh **14** này, (và 02 kinh **15, 16** tiếp theo) được xếp vào trong sách “*Các Kinh Phòng Hộ*” tiếng Sinhha [*Maha Pirit Pota: Quyển Đại Kinh Phòng Hộ*] của Tích Lan. Các nhà sư thường đọc tụng những kinh này cho những người bệnh đau hoặc sắp chết.] (70)

⁷¹ [**Spk** chú giải: Khi trưởng lão Ca-diếp lắng nghe kỹ càng giáo lý về ‘*sự tu tập bảy chi giác-ngộ*’, nghe nói rằng, ý nghĩ này đã xảy đến với thầy ấy: “Từ khi tôi thâm nhập những sự-thật (diệu đế) vào ngày thứ bảy sau khi xuất gia, những chi giác-ngộ này đã trở nên thể hiện (đối với tôi).” [coi kinh **16:11** (Quyển 1)]. Khi nghĩ rằng “*Giáo lý của Vị Thầy là thực sự mang tính giải thoát!*” thì máu huyết của thầy trở nên trong, những khí chất của thân được thanh lọc, và bệnh đau đã rời khỏi thân thầy, giống như giọt nước tuột khỏi lá sen vậy.] (71)

⁷² [Trong kinh **DN 16**, mục 1.5, chúng được giới thiệu cho những Tỷ kheo là “*các chi (yếu tố) của sự không sa-sút*” (*aparihāniyā dhammā*).] (72)

73 [Nguyên văn: “*Nibbedhabhāgiyaṃ ... maggaṃ desessāmi.*” Lý do con-đường [đạo] được tả như vậy sẽ được nói trong lời kinh tiếp theo.] (73)

74 [Tôi đã dịch đoạn chữ này theo nghĩa rõ rệt của nó, nhưng thật khó mà nhìn ra cách nào chữ *bahukatam* trong câu trước, đã được dùng như một danh từ trừu tượng, lại có thể có cùng nghĩa như nó có, ở dạng phủ định, trong chữ *abahukato* ở đây, vốn là một tính từ được đặt ra để bỏ nghĩa cho chữ *aham*. **Spk** giải nghĩa chữ *abahukato* là = *akatabahumāno* (“tôi” đã không có sự kính trọng), nhưng **Spk** bỏ qua không chú giải về chữ *bahukatam* mới nói trên.] (74)

75 [Nguyên văn: *ukkujjāvakujaṃ samparivattento*. **Spk** chú giải: Ở đây *sự khởi-sinh* (sinh, thịnh) được gọi là *sự trôi-lên* (*ukkujja*) và *sự lặn-xuống* (diệt, suy) được gọi là *sự sụt-xuống* (*avakuja*). Như vậy là thầy ấy đang khám phá *năm-uẩn* bằng cách *thiền quán về sự trôi-lên và sụt-xuống* (*udayabbayavase-na*). Và sự chứng ngộ *Bốn Diệu Đế* trong khi quán sát *sự trôi-lên và sụt-xuống* đó của *năm-uẩn* cho thấy thầy ấy đã chứng đắc thánh đạo siêu thế.] (75)

76 [Nguyên văn câu này: *Dhammo ca me bhante abhisamito, maggo ca paṭiladdho*. Quá khứ phân từ có quy-tắc của chữ *abhisameti* là *abhisameta*. **Spk** nói rằng: thầy đó đã đạt tới *Giáo Pháp sự minh-sát* (*vipassanā-dhamma*) và đã đắc được *con-đường* (đạo) *minh-sát* (*vipassanāmagga*), nhưng lời kinh như vậy chắc chắn là chỉ *sự chứng-ngộ Giáo Pháp siêu thế* và *sự chứng-đắc đạo siêu thế*. Lời kinh không nói rõ *cấp bậc* chứng-ngộ của thầy ấy, nhưng chúng ta hiểu tối thiểu là *Nhập-lưu*, như đã được hàm nghĩa bởi cụm chữ quen thuộc “*làm-nên sự đột-phát vào Giáo Pháp*”. Lúc này thầy ấy vẫn còn đang tu tập thêm thánh đạo nên chưa thể thầy ấy một A-la-hán.] (76)

77 [Cụm chữ này chúng ta nên đọc là *kusalā kusalabhāgiyā*. Sự ghi sai chính tả trong **Ee** đã làm cho học giả Woodward hiểu nhầm theo và dịch sai chỗ này.

- (Về “*sự chuyên-cần*” bên dưới: chú thích 37 của kinh **45:139** ở trên có **Spk** giải thích: *sự/tính chuyên-cần* được cho là *đứng đầu* trong tất cả mọi phẩm-chất thiện của một người tu bởi vì nhờ có *sự chuyên-cần* tu học thì người tu

mới đạt được những phẩm-chất thiện lành khác).] (77)

78 [Đoạn trong ngoặc vuông [...] chỉ có trong phiên bản **Se**, mặc dù rõ ràng là nó cần phải có trong mọi phiên bản (cho đủ *05 chương-ngại*). Đáng tò mò là bài kinh này lại không đề cập gì tới “*bảy chi giác-ngộ*”. Sự không đề cập này cho thấy rằng: từ nguyên thủy bài kinh này và bài kinh tiếp theo chỉ là 02 phần tiếp nối của 01 bài kinh mà thôi. Coi thêm kinh **46:35** và 02 chú thích tiếp theo để thấy trường hợp tương tự, rằng trong một số trường hợp do sự truyền tụng hoặc ghi chép cho nên đã thành ra 02 kinh như vậy.] (78)

79 [Kinh này tôi làm theo phiên bản **Se** (tức gộp phần đánh số (1) và (2) thành một kinh này). Trong phiên bản **Be** và **Ee** thì đoạn (2) được tách ra thành một bài kinh riêng (theo kiểu giống như hai kinh **33** và **34** kể trên), nhưng chúng ta rõ ràng thấy được 02 kinh này chỉ là 02 phần tiếp nối của một bài kinh mà thôi.] (79)

80 [Kinh này cũng vậy, tôi cũng làm theo phiên bản **Se**: tức là tách phần kinh này ra thành một kinh riêng (số **38**) và **Se** đặt tên là “*Không Có Những Chương-Ngay*” (*Anīvaraṇa Sutta*). Trong **Be** và **Ee** thì phần tách này lại được gắn luôn vào kinh trước, mặc dù chúng ta rõ ràng thấy các chủ-đề của kinh trước và kinh sau là hoàn toàn khác nhau; (lại nữa, cũng là do 02 cách truyền tụng hay ghi chép khác nhau mà thành ra vậy).] (80)

81 [Nguyên văn tên 04 cây này: *assattha*, *banyan* [= *nigrodha*], *pilakkha* và *udumbara*. Cả bốn cây đều thuộc họ cây fig, tức họ “cây đa đề”; các cây này cũng được nói trong kinh **SN 35:231** (Quyển 4).] (81)

82 [*Ba sự phân-biệt (tisso vidhā)* là: ‘Ta ưu hơn’, sự phân biệt ‘Ta kém hơn’, sự phân biệt ‘Ta ngang bằng’. Coi thêm kinh **45:162** chương kể trên.] (82)

83 [Đây là một “vị vua lý tưởng” theo kinh văn Phật giáo; sự có được “*bảy báu*” cũng được ghi trong các kinh **DN 3**, mục 1.5; **DN 17**, mục 7-17; kinh **MN 91**, mục 5; **MN 92**, mục 10; và được nói một cách chi tiết hơn trong **MN 129**, mục 34-41.] (83)

84 [Toàn bộ mục **[i.]** và **[ii.]** là giống hệt trong kinh **46:02** (với những chú thích) ở đầu Chương 46 này. Nhưng trong phần mục **[ii.]**, **Spk**, trong khi luận

giải về bài kinh **46:51** này, đã có thêm một phần chú-giải “*mới toanh*” bổ sung thêm *những điều-kiện khác nữa* trợ giúp cho sự hoàn-thiện ‘*bảy chi giác-ngộ*’ - Tôi liệt kê ra những *tiêu-đề* (tên gọi) của *những điều-kiện bổ sung* đó trong những chú thích kế tiếp (từ 85-91). Còn toàn bộ *phần chú-giải bổ sung* này của **Spk** đã được nhà sư Soma Thera dịch và ghi trong quyển sách của thầy ấy là “*Con Đường Chánh Niệm*” (*The Way of Mindfulness*), trang 174–190.

- Những *tiêu-đề* (tên gọi) của *những điều-kiện bổ sung* này, kèm theo những chú giải ngắn gọn, cũng được ghi trong **Vism** 132–34 (**Ppn** 4:54–62).] (84)

85 [**Spk** bổ sung thêm: Ngoài điều này, có thêm 04 *điều-kiện khác* giúp (trợ, duyên) cho sự khởi-sinh của chi giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm giác chi), đó là: **(i)** sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác) trong tất cả mọi hành-vi; **(ii)** tránh giao lưu gặp gỡ những người thiếu chánh-niệm; **(iii)** giao lưu gặp gỡ những người có chánh-niệm; và **(iv)** sự quyết-tâm đúng đắn [ví dụ: với một cái tâm “*đổ về, nghiêng về, và ngã về*” *sự thiết-lập chánh-niệm*].] (85)

86 [**Spk** bổ sung: Ngoài điều này, có thêm 07 *điều-kiện khác* giúp cho sự khởi-sinh của chi giác-ngộ là *sự phân-biệt những trạng thái* (trạch-pháp giác chi), đó là: **(i)** sự vấn hỏi [về nghĩa của các *uẩn*, các *yếu-tố* (giới), *các cơ-sở cảm-nhận* (xứ) ... vân vân]; **(ii)** sự sạch-sẽ của cá nhân; **(iii)** sự cân bằng của các căn [coi thêm **Vism** 129–30; **Ppn** 4:45–49]; **(iv)** sự quán chiếu về lĩnh vực của sự-biết thâm sâu; **(v-vii)** tránh giao lưu gặp gỡ người vô trí, giao lưu người có trí, và sự quyết-tâm đúng đắn.] (86)

87 [**Spk** bổ sung: Có thêm 11 *điều-kiện khác* giúp cho sự khởi-sinh của chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* (tinh-tấn giác chi), đó là: **(i)** sự quán chiếu về sự đáng sợ-hãi của cảnh giới đầy đọa khổ đau; **(ii)** sự nhìn thấy những ích-lợi trong việc phát khởi sự nỗ-lực tu; **(iii)** sự quán chiếu rằng người tu đi theo con-đường (đạo) đã được bước đi bởi tất cả những vị Phật ... vân vân; **(iv)** sự quán chiếu về sự cần thiết để tôn vinh những thứ được cúng dường; **(v-viii)** sự quán chiếu về sự lớn lao của di-sản như của Vị Thầy (Phật), của dòng truyền thừa, và của những Tỳ kheo đồng đạo của mình; **(ix-xi)** tránh gặp gỡ những người lười biếng, giao lưu với người siêng năng nỗ lực, và sự quyết-tâm đúng đắn.] (87)

88 [Spk bổ sung: Có thêm 11 điều-kiện khác giúp cho sự khởi-sinh của chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* (hỷ giác chi), đó là: **(i-vii)** sự tưởng niệm về Phật, Pháp, Tăng, sự giới-hạnh, sự bố-thí, những thiên-thần, và sự bình-an; **(viii)** tránh giao lưu những người thô-thiển; **(ix)** giao lưu gặp gỡ những người được thanh-lọc; **(x)** sự quán chiếu về những bài kinh tạo cảm hứng; và **(xi)** sự quyết-tâm đúng đắn.] (88)

89 [Spk bổ sung: Có thêm 07 điều-kiện khác giúp cho sự khởi-sinh của chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* (khinh-an giác chi), đó là: **(i)** thức ăn đủ dinh dưỡng (không quá khắc khổ); **(ii)** khí hậu ôn hòa ít thay đổi; **(iii)** tư thế uy nghi đúng đắn; **(iv)** sự nỗ-lực tu ở mức trung đạo; **(v-vii)** tránh giao lưu những người bất an động vọng, giao lưu những người bình tĩnh, và sự quyết-tâm đúng đắn.] (89)

90 [Spk bổ sung: Có thêm 10 điều-kiện khác giúp cho sự khởi-sinh của chi giác-ngộ là *sự định-tâm* (định giác chi), đó là: **(i)** sự sạch sẽ cá nhân; **(ii)** sự cân bằng của các căn; **(iii)** kỹ năng về dấu-hiệu (trương) [như là: đối-tượng thiên]; **(iv-vi)** sự cố-gắng, sự kiểm-chế, và sự làm hoan-hỷ cái tâm ở những thời điểm đúng đắn; **(vii)** sự nhìn (chỉ nhìn, chỉ quan sát) với sự buông-xả ở thời điểm đúng đắn; **(viii-x)** tránh giao lưu gặp gỡ những người không định-tâm, giao lưu những người đạt-định, và sự quyết-tâm đúng đắn. [Các luận giảng về kinh *Satipaṭṭhāna Sutta* (Các Nền Tầng Chánh Niệm, Kinh Niệm Xứ) còn bổ sung thêm một điều-kiện thứ **(xi)** là: sự quán chiếu về những tầng thiên định sắc giới (*jhāna*) và những sự giải-thoát.] (90)

91 [Spk bổ sung: Có thêm 05 điều-kiện khác giúp cho sự khởi-sinh của chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả giác chi), đó là: **(i)** một thái độ lìa-xa (không tham gia, tránh dính líu) với những chúng-sinh; **(ii)** một thái độ lìa-xa đối với những sự tạo-tác [chẳng hạn như: những thứ vô tri vô giác]; **(iii-v)** tránh giao lưu những người ham sở hữu hay chấp giữ, giao lưu những người buông-xả, và sự quyết-tâm đúng đắn.

- ► Tất cả ‘*bảy chi giác-ngộ*’, sau khi đã khởi-sinh, sẽ đạt tới “*sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập*” (*bhāvanāya pāripūri*) thông qua thánh đạo A-la-hán.] (91)

92 [Tên của Mục **[iii.]** này là dịch chữ *Anāhāro nīvaraṇānaṃ* (cắt dưỡng-

chất/ làm suy-nhuộc năm chướng-ngại). Trong phần này, **Spk** cũng tiếp tục bổ sung thêm một phần chú-giải “*mới toanh*” về cách “*cắt dưỡng-chất*” hay “*làm suy nhuộc*” mỗi *chướng-ngại* và về các *chặng thánh-đạo* mà ở đó mỗi *chướng-ngại* sẽ bị phá sạch. - Lại nữa, lần này tôi cũng chỉ liệt kê ra những *tiêu-đề* (tên gọi) của *những điều-kiện bổ sung* đó trong các chú thích bên dưới (số 93-97). Còn toàn bộ *phần chú-giải bổ sung* này của **Spk** cũng đã được nhà sư Soma Thera dịch và ghi trong quyển sách của thầy ấy là “*Con Đường Chánh Niệm*” (*The Way of Mindfulness*), trang 155–167; mời đọc thêm chuyên luận “*Năm Chướng-Ngay Của Tâm*” (*The Five Mental Hindrances*) của nhà sư Nyanaponika. Quý vị coi tiếp trong mấy chú thích tiếp theo.] (92)

⁹³ [“*Dấu-hiệu của sự ô-úế*” (*asubhanimitta*), theo **Spk**, là một trong “*10 đối tượng ô-úế*”, chẳng hạn như: mỗi trong 10 giai đoạn tan rã thối rữa của tử thi; [coi thêm **Vism** 178–179; **Ppn** 6:1–11]. Tuy nhiên, trong cách dùng của bài kinh, sự “*nhận-thức về sự ô-úế*” (*asubhasaññā*) này được giải thích theo cách diễn đạt của sự “*Thiền-quán về 31 bộ phận của thân*” [như trong kinh *Girimānanda AN 10:60*, đoạn (3); và con số là **32** trong **Paṭis** và các luận giảng khác, sau khi họ đưa thêm bộ phận *não* vào danh sách.

- **Spk** bổ sung thêm: Có 06 *điều-kiện khác* giúp dẫn tới sự dẹp bỏ *chướng-ngại tham-dục*, đó là: **(i)** học hiểu đối tượng ô-úế; **(ii)** tận tụy thiền quán về sự ô-úế (của thân); **(iii)** phòng hộ các căn cảm-nhận; **(iv)** ăn uống tiết độ; **(v)** sự có đạo-hữu tốt; và **(vi)** sự nói năng phù hợp đúng mực. ► *Chướng ngại tham-dục*, nếu [tạm thời] được dẹp bỏ nhờ 06 cách này, thì sẽ được dẹp bỏ sạch sẽ trong *chặng thánh đạo A-la-hán*. **Spk-pt** chú giải thêm rằng: Ở đây dùng chữ *tham-dục* (hay *dục tham*) này theo phương pháp *Vi Diệu Pháp Tạng* là chữ đại diện dùng để chỉ luôn *tất cả các loại tham* khác [như: *tham muốn được hiện-hữu, tham muốn những dục-lạc*].] (93)

⁹⁴ [**Spk**: “*Sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ*” (*mettācetovimutti*) chính là *tầng thiền định sắc giới (jhāna)*. **Spk** bổ sung: Có 06 *điều-kiện khác* giúp dẫn tới sự dẹp bỏ *chướng-ngại sự ác-ý*: **(i)** học hiểu đối tượng tâm-từ; **(ii)** tận tụy thiền quán về tâm-từ; **(iii)** quán chiếu về trách nhiệm của mình đối với những hành-động của mình; **(iv)** sự thường xuyên xem xét cân nhắc; **(v)** sự có đạo-hữu tốt; và **(vi)** sự nói năng phù hợp đúng mực. ► *Chướng-ngại sự ác-ý* sẽ được dẹp bỏ sạch sẽ bởi *chặng thánh đạo Bất-lai*].] (94)

95 [03 yếu tố này là của chi phần *sự nỗ-lực tu (tinh tấn)*, coi lại chú thích số 60 ở mục **[iii.]**, đoạn (3), của kinh **SN 46:02** ở trên.

- **Spk** bổ sung thêm: Có 06 điều-kiện khác giúp dẫn tới sự dẹp bỏ chướng-ngại là *sự đỡ-dẫn và buồn-ngủ*, đó là: **(i)** tránh ăn quá nhiều (gây buồn ngủ và hôn trầm sau đó, và trong khi thiền vào buổi chiều và tối); **(ii)** thay đổi các tư thế thiền tập; **(iii)** chú tâm tới những ‘nhận-thức về ánh sáng’ [coi thêm kinh **SN 51:20**]; **(iv)** ở nơi thoáng sáng, rộng rãi; **(v)** sự có đạo-hữu tốt; và **(vi)** sự nói năng phù hợp đúng mực. ► Chướng ngại *sự đỡ-dẫn và buồn-ngủ* sẽ được trừ-bỏ sạch sẽ bởi *chặng thánh đạo A-la-hán.*] (95)

96 [**Spk** bổ sung thêm: Có 06 điều-kiện khác dẫn tới sự dẹp bỏ chướng-ngại là *sự bất-an và hối-tiết*, đó là: **(i)** sự học hiểu nhiều; **(ii)** sự điều tra phân biệt những trạng thái (trạch pháp); **(iii)** sự quen thuộc với Luật tạng; **(iv)** giao lưu với người chín chắn; **(v)** có sự có đạo-hữu tốt; và **(vi)** sự nói năng phù hợp đúng mực. ► Chướng ngại *sự hối-tiết* (hối quá) sẽ được trừ-bỏ sạch sẽ bởi *chặng thánh đạo Bất-lai*, nhưng *sự bất-an* (trạo cử) thì được dẹp-bỏ ở *chặng thánh đạo A-la-hán.*] (96)

97 [**Spk** bổ sung thêm: Có 06 điều-kiện khác dẫn tới sự dẹp bỏ chướng-ngại là *sự nghi-ngờ*, đó là: **(i)** sự học hiểu nhiều; **(ii)** sự điều tra phân biệt những trạng thái (trạch pháp); **(iii)** sự quen thuộc với Luật tạng; **(iv)** sự quyết-tâm (nhất tâm về điều đã tin); và **(vi)** sự nói năng phù hợp đúng mực. ► Chướng ngại *sự nghi-ngờ* sẽ được trừ-bỏ sạch sẽ bởi *chặng thánh đạo Nhập-lưu*; (bậc Nhập-lưu đã thành tựu niềm-tin xác thực và bất thối chuyển vào Tam Bảo).] (97)

98 [**Spk** nói rằng: các đạo sư các giáo phái khác không có những giáo-lý ‘nguyên bản’ nào của mình về ‘*năm chướng-ngại*’ và ‘*bảy chi giác-ngộ*’. Khi họ dạy cho các đệ tử của họ là họ lấy cấp (đạo ngôn, đạo văn) những giáo-lý của Phật về những chủ-đề đó. Tuy nhiên, học giả Gethin thì chỉ ra rằng bản thân bài kinh không nói gì xa như vậy như **Spk** đã nói, mà lời kinh chỉ nhấn mạnh *sự khác-nhau* giữa 02 *cách-thức chỉ dạy* mà thôi; [coi thêm quyển “*Buddhist Path to Awakening*” (*Đạo Phật Đi Đến Giác Ngộ*) của ông, trang 180].] (98)

⁹⁹ [Spk: (1) Tham-dục “*đối với bên-trong*” là đối với *năm-uẩn* của mình; “*đối với bên-ngoài*” là đối với *năm-uẩn* của người khác [và chắc chắn, cũng bao gồm những *đối-tượng vô tri vô giác*].

- Tương tự bên dưới: (2) sự ác-ý “*đối với bên-trong*” có thể hiểu là sự sân giận, bực tức, chê ghét *bản thân mình*; “*đối với bên-ngoài*” là sự sân giận, bực tức, chê ghét đối với *những chúng sinh khác* và đối với *những điều kiện hoàn cảnh bên ngoài*.

- (3) Sự phân biệt giữa *sự đờ-dẫn* (hôn trầm) và *sự buồn-ngủ* (thụy miên) đã được nói trong **Vism 469 (Ppn 14:167)**: *sự đờ-dẫn* (*thina*) có tính chất là “*thiếu nguồn lực điều khiển*”, là chức năng giải tỏa năng-lượng, và thể hiện bằng “*sự chìm ngấm của tâm*”. Còn *sự buồn-ngủ* (*middha*) có tính chất là sự chậm chạp uể oải, là chức năng gây ra sự mờ mịt ủ dột, và thể hiện bằng “*sự ngủ gục*”. Gộp 02 thứ lại là *sự đờ-dẫn và buồn ngủ* (hôn trầm thụy miên).

- (4) Sự *bất-an* (trạo cử, *uddhacca*) là sự kích động, sự không an định an tâm; còn *sự hối-tiếc* (hối quá, *kukkucca*) là sự tiếc nuối hay hối tiếc hay hối hận về ‘sự đã không-làm điều đúng ra cần phải làm’ (tiếc nuối, hối tiếc quá khứ) hay ‘sự cần sửa chữa những lỗi lầm đã có’ (hối hận, ân hận quá khứ). Gộp 02 thứ lại là *sự bất-an và hối-tiếc* (trạo cử hối quá).

- (5) Sự *ngghi-ngờ* “*về bên-trong*”, theo **Spk**, là ‘sự không chắc chắn về thân *năm-uẩn* của mình’ [chẳng hạn như: có thực nó là ‘vô thường, khổ, hay vô ngã’ hay không? ...]; sự *ngghi-ngờ* “*về bên-ngoài*” được hiểu là “*sự nghi-ngờ lớn*” (*mahāvīcīcchā*; đại nghi) về 08 *vấn-đề* [là: Phật, Pháp, Tăng, và sự tu-tập; quá khứ, hiện tại, và tương lai, và lý duyên-khởi (*sự khởi-sinh tùy thuộc*)]. (99)

¹⁰⁰ [Sự nhân thành “02” của mỗi *chi giác-ngộ* cũng được thấy nói trong **Vibh 228**, ở đó cũng được giảng giải theo “*khuôn-mẫu*” của kinh này.] (100)

¹⁰¹ [Sự *hoan-hỷ* (hỷ) trước là có trong tầng thiền định thứ nhất (có tầm, tứ, hỷ, lạc) và *sự hoan-hỷ* sau là có trong tầng thiền định thứ hai (có hỷ, lạc; hết tầm, hết tứ).] (101)

¹⁰² [Spk giải thích *sự tĩnh-lặng của thân* (*kāyappassaddhi*) là sự làm lắng lặn

sự phiền-khổ trong ba uẩn [cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác]; còn *sự tĩnh-lặng của tâm (cittappassaddhi)* là sự làm lắng lặn sự phiền-khổ trong uẩn thức. Nhưng mời quý vị đọc thêm chú thích 61 ở kinh **SN 46:02**, đoạn (5) để so sánh.] (102)

103 [Giống cách chú thích 101 kể trên: Trạng thái định trước là định và cận định *thuộc tầng thiền định thứ nhất* và trạng thái định sau là định *trong tầng thiền định thứ hai và cao hơn* (vì từ nhị thiền trở lên không còn tầm và tứ).] (103)

104 [Phần lời kinh dưới đây đã được trích ghi trong **Vism** 130–31, 133 (**Ppn** 4:51, 57). So sánh với kinh **AN 6:55** trong đó so sánh *sự cân-bằng của các căn* với sự cân đối của của một cây đòn tỳ-bà: để cho âm vực của đòn được đúng đắn thì những dây đòn phải không được quá căng hay quá lỏng.] (104)

105 [**Spk** chú giải rằng: *Sự chánh-niệm là đáng cần đáng có* trong mọi trường hợp. Giống như muối và một tể tướng đa năng. Giống như muối thì làm tăng hương vị của tất cả các món cà ri, và giống như một tể tướng đa năng hoàn thành tất cả những trách nhiệm của một triều chính: sự kiềm chế cái tâm đang khích-động và sự nỗ lực làm phần chấn cái tâm đang thụ-động đều có thể làm được bởi *sự chánh-niệm* và không thể làm được nếu không có *sự chánh-niệm* (do vậy mới nói là *sự chánh-niệm* đều có thể áp dụng và hữu ích trong mọi trường hợp). Coi thêm **Vism 130,15–20 (Ppn 4:49)**.] (105)

106 [Tên thị trấn có ghi trong **Vism 324,9–15 (Ppn 9:119)**, và trong đó cũng gọi luôn tên kinh là *Kinh Haliddavasana (Haliddavasana Sutta)*.] (106)

107 [Chỗ này **Spk** cũng chú giải lặp lại với ý tương tự như chú thích số 98 ở đoạn tương ứng trong kinh **46:52** ở kể trên, rằng: các đạo sư các giáo phái khác không có những giáo-lý ‘nguyên bản’ nào của mình về ‘*năm chương-ngại*’ và về sự tu tập ‘*bốn sự an-trú cõi trời*’ (*bốn phạm trú, tứ vô lượng tâm*), mà họ chỉ lấy cấp (đạo ngôn, đạo văn) những giáo-lý của Phật về những chủ-đề đó.] (107)

108 [Nguyên văn câu này là: *Kimṅatikā kimparamā kimphalā kimpariyosānā*.] (108)

109 [Sự kết hợp các chi giác-ngộ (thất giác chi) với bốn sự an-trú cõi trời (bốn phạm trú, tứ vô lượng tâm) như vậy là không bình thường. Cái đà tiến triển của 04 sự an trú cõi trời (04 phạm trú) là dẫn tới sự tái-sinh cõi trời chứ không dẫn tới Niết-bàn [coi lại các kinh **MN 83**, mục 17-19; **MN 99**, mục 24-27, và **AN 4:125** có nói rõ 04 sự an trú cõi trời (04 tâm vô lượng) dẫn tới sự tái-sinh cõi trời]. Tuy nhiên, khi 04 phạm-trú này được tích hợp vào cấu trúc con-đường (đạo) của Đức Phật, thì chúng có thể được dùng để tạo ra sự định-tâm [định] đủ mạnh để làm cơ-sở cho sự minh-sát [quán, tuệ], từ đó dẫn tới sự giác-ngộ. Chẳng hạn như coi trường hợp nổi bật trong kinh **MN 52**, mục 8,9,10,11.

- **Spk** chú giải: Tỳ kheo tu tập 03 tầng thiền định (jhāna) dựa trên tâm-từ, rồi lấy đó làm căn-bản để tu tập sự minh-sát [tuệ] và chứng quả A-la-hán. Các chi giác-ngộ được tu tập bởi sự minh-sát (thiền quán) và thánh đạo.] (109)

110 [Trong **AN 5:144**, từ (1)-(5), thì sự thiền tập những sự nhận-thức (quán tưởng) này được nói một cách đầy đủ chi tiết hơn, đề cập luôn những ích-lợi của mỗi sự thiền quán tưởng đó. Trong **DN 28**, giữa mục 18, thì gọi những sự thiền quán tưởng này là “*năng lực siêu thường thánh thiện*”, là một “*năng-lực tâm linh vô nhiễm, không còn thu- nạp (vô sanh y), và thánh thiện*” (*ayaṃ iddhi anāsavā anupadhikā ariyā*), và **Paṭis II 212–13** thì gọi nó là “*năng-lực tâm linh của bậc thánh*” (*ariyiddhi*); nó cũng được giảng giải thêm trong **Vism 381–82 (Ppn 12:36–38)**.

- Sau đây là những chú-giải tóm gọn từ **Spk**: (i) nhận-thức sự đáng-chê trong những thứ không đáng-chê (*appaṭikkūle paṭikkūlasaññi*): người đó bao trùm một đối-tượng không đáng-chê [ví dụ: một người đẹp, hấp dẫn] với ý-tưởng về sự ô-úế (không-sạch, không hấp dẫn) hoặc chú-tâm (tác ý) tới nó là vô-thường; (ii) nhận-thức sự không đáng-chê trong những thứ đáng-chê (*paṭikkūle appaṭikkūlasaññi*): người đó bao trùm một đối-tượng đáng-chê [ví dụ: một người hung dữ] với tâm-từ hoặc chú-tâm tới những yếu-tố (giới) của nó; (iii) và (iv) chỉ giải thích tương tự như (i) và (ii) nhưng mở rộng 02 kiểu nhận-thức đối với cả hai loại đối-tượng kết hợp lại; và (v) thì lời kinh đã tự giải thích rồi.] (110)

111 [**Spk** nói rằng: Giáo-lý này được đưa vào cho những người không khả

năng đạt tới thánh quả A-la-hán sau khi khám phá *những sự tạo-tác* (hành) dựa trên tầng thiền định (jhana) thông qua tâm-từ. **Spk** đã giải thích chữ *idhapaññassa* như thể nó là một chữ ghép bổ nghĩa (*bahubbihi*) có nghĩa là “một người thuộc trí-tuệ thế tục” (*lokiyapaññassa*); thuật ngữ này cũng có trong câu thi kệ Pháp Cú là **Dhp 375b** và kinh **AN 10:219** (nói về người tu không thâm nhập tới được một sự giải-thoát xa hơn nữa). Trong luận giảng bộ kinh **AN**, chỗ **Mp V 78,10–11**, đã giải nghĩa chữ này là “trí-tuệ đối với giáo-lý này (*imasmim sāsane paññā*), nghe có vẻ thuyết phục hơn sự giải nghĩa của **Spk**.

- Trong các luận giảng, *04 sự an trú cõi trời* (04 phạm trú) được coi là những sự tu-tập dẫn tới *tầng thiền định sắc giới* [coi **Vism 111,15–16**; **Ppn 3:107**]. Trong khi các bộ kinh *Nikāya* đã không làm rõ hay chỉ rõ *những sự kết-nối* giữa *những sự an-trú cõi trời* và *những tầng thiền định*; chỉ có trong vài kinh có mô tả *những sự an-trú cõi trời* và *những tầng thiền định*, và trong vài kinh khác thì mô tả *những sự an-trú cõi trời* có nghĩa là *sự tái-sinh trong cõi trời brahmā* (phạm thiên giới); mời coi thêm chú thích số 109 kể trên. Như vậy **Spk** đã rất vất vả trong việc chú giải về những quy định đánh đố khó hiểu ở đây về chữ “*hạn-mức trên nữa*” của mỗi chủ-đề thiền, đặc biệt là đối với những tầng chứng định vô-sắc; đoạn này cũng có ghi trong **Vism 324–25** (**Ppn 9:120–23**).

- Sau đây là chú-giải ngắn gọn của **Spk**: (i) một người tu an trú trong *tâm-từ* có thể dễ dàng áp dụng tâm mình tới/vào một *kasiṇa màu đẹp* và nhanh chóng chứng được *sự giải-thoát đẹp* [ví dụ là: tầng thiền định dựa trên một *kasiṇa màu*]; (ii) người tu an trú trong *tâm-bi* nhận biết sự nguy-hại trong *sắc* (giới) và do vậy tu tập *không vô biên xứ* [cảnh xứ vô biên của không gian], đó là *sự giải-thoát khỏi sắc giới*; (iii) người tu an trú trong *tâm-(tùy)-hỷ* hiểu rõ thức tùy-hỷ của những chúng sinh và do vậy dễ dàng chứng nhập *thức vô biên xứ* [cảnh xứ vô biên của thức]; và (iv) người tu an trú trong sự *buông-xả* thì thiện khéo trong việc chuyển hướng tâm mình khỏi sự khổ và sợ hãi, và do vậy dễ dàng chuyển hướng nó tới ‘sự không-có (trống vắng) một thực-thể cụ thể nào’ trong *vô sở hữu xứ* [cảnh xứ không-có-gì]. (111)

¹¹² [Nội dung kinh này, [đánh dấu trong {...}], là giống như kinh **AN 5:193**; chỉ khác là trong **AN** thì không có phần (III) nói về ‘*bảy chi giác-ngộ*’. Coi

thêm kinh Chuyện Tiền Thân **Ja 185** (II 99–101).] (112)

113 [Spk áp dụng 03 cách *sự thoát-khỏi* (*nissaraṇa*) đối với từng mỗi *chương-ngại*: [1] *bằng cách không-chế* (*vikkham-bhananis-saraṇa*) thông qua trạng thái các tầng thiền định (*jhāna*); [2] đặc biệt, *bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp* (*tadaṅganis-saraṇa*) thông qua sự thiền quán minh-sát; và [3] *bằng cách tẩy-sạch* (*samucchedanis-saraṇa*) thông qua/bởi các chặng thánh-đạo siêu-thể (tức từ thánh-đạo Nhập-lưu ... thánh đạo A-la-hán).

- Như vậy: **(1)** Chương ngại *tham-dục* được *không-chế* bởi trạng thái tầng thiền định thứ nhất dựa vào *quán xét bản chất không hấp-dẫn* (*asubha*) của thân; và *tham-dục* được *tẩy-sạch* bởi chặng thánh-đạo A-la-hán [bởi vì chữ *tham-dục* (*kāmacchanda*, nhục dục, dục tham) ở đây được diễn dịch đủ rộng là bao hàm tất cả mọi sự *tham* đối với bất kỳ đối-tượng nào, chứ không chỉ riêng nhục dục, sự tham muốn dục lạc.]. **(2)** Chương ngại *sự ác-y* được *không-chế* bởi tầng thiền định thứ-nhất dựa vào *quán xét tâm-từ*; và được *tẩy-sạch* bởi chặng thánh-đạo Bất Lai. **(3)** Chương ngại *sự đờ-dẫn* và *buồn-ngủ* được *không-chế* bởi *nhận-thức về ánh sáng* [ví dụ: sự nhận thức hay quán tưởng về một loại ánh sáng, một hào quang, như vàng tròn sáng của mặt trời hay của trăng rằm...]; và được *tẩy-sạch* bởi chặng thánh-đạo A-la-hán. **(4)** Chương ngại *sự bất-an* và *hối-tiếc* được *không-chế* bởi yếu tố tĩnh-lặng; riêng *sự hối-tiếc* (hối quá) được *tẩy-sạch* bởi chặng thánh đạo Bất-lai và *sự bất-an* (trạo cử) được loại bỏ hoàn toàn ở chặng thánh-đạo A-la-hán. **(5)** Chương ngại *sự nghi-ngờ* được *không-chế* bởi sự phân-biệt được và định-nghĩa được những hiện-tượng và những trạng-thái, tức là sau khi đã tìm hiểu và phân biệt được các trạng thái (*dhammavavatthāna*, trạch-pháp) thì sẽ hết nghi-ngờ [coi thêm **Vism 587–89**; **Ppn 18:3–8**]; và nó được *tẩy-sạch* bởi chặng thánh đạo Nhập-lưu.] (113)

- (Mời coi thêm chú thích số 1192 của luận giảng **Mp** trong kinh **AN 5:193**, ở đầu đoạn (I), (1).)

114 [Hoàng tử Abhaya là con trai của Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), nhưng không phải là thái tử kế ngôi.] (114)

115 [Về đạo sư Pūraṇa Kassapa và mấy giáo thuyết ngoại đạo: coi lại chú

thích 92 ở kinh **SN 22:60** (Quyển 3).] (115)

116 [Thực ra câu cuối này có nghĩa là hoàng tử chúng quả Nhập-lưu.] (116)

117 [Bộ xương (*aṭṭhika*) là một trong 10 đề-mục thiền quán về sự không-sạch ô-úế của thân (*asubhakammaṭṭhāna*) được giảng giải trong **Vism 178–79** (**Ppn 6:1–11**). Tương tự, *xác chết* (tử thi) ở các giai đoạn khác nhau cũng được nói ra trong các kinh bên dưới, từ kinh **46:58–46:61**, như: (**58**) *xác chết bị giòi đục* (*puluvaka*), (**59**) *xác chết chuyển màu xanh tím* (*vinīlaka*), (**60**) *xác chết bị thối rữa* (*vicchiddaka*), và (**61**) *xác chết bị sinh chảy* (*uddhumātaka*). Mỗi sự thiền-quán đều liên quan với *các chi giác-ngộ*, khi tâm *đạt-định* nó sẽ là *cơ-sở* cho sự tu tập *sự minh-sát* (thiền quán) và đạt tới thánh đạo siêu thế.] (117)

118 [Nguyên văn cụm chữ này: *sati vā upādisese*. **Spk** giải nghĩa là: *gahañasese upādānasese vijjamā namhi* ([*nếu có*] *một tàn dư của sự nắm-giữ, của sự chấp thủ* (thủ), *đang còn* (tồn tại, có mặt)]. Chữ *upādisesa* được thấy có 02 nghĩa kỹ thuật là: (1) khi đối ngược chữ *aññā* (*trí-biết cuối cùng*), nó có nghĩa là một tàn-dư của những ô-nhiễm (lậu hoặc), là tàn-dư tối thiểu còn sót lại mà một bậc Bất-lai phải loại sạch nó để chứng thánh quả A-la-hán; và (2) còn trong sự liên hệ tới Niết-bàn thì nó chỉ *năm-uẩn* (= một tàn-dư) vẫn còn tồn tại cho đến khi bậc A-la-hán hết mạng. Niết-bàn (i) như được trải nghiệm bởi A-la-hán trong thời gian còn sống thì được gọi là *saupā disesanibbānadhātu* (*yếu-tố Niết-bàn còn tàn-dư* (là = năm-uẩn), *hữu dư y Niết-bàn giới*); (ii) còn khi chúng ngộ lúc chết thì được gọi là *anupādisesanibbānadhātu* (*yếu-tố Niết-bàn không còn tàn-dư, vô dư y Niết-bàn giới*). Những luận giảng đã coi chữ *upādi* trong đoạn ở đây có nghĩa là *thứ* (mà người tu) *bị chấp thủ theo* hay “*thứ mình chấp-thủ*” (*upādīyati*).

- Mặc dù tôi đã dịch chữ *upādisesa* trong đoạn kinh này là “*tàn dư của sự chấp thủ*”, tôi dịch vậy chỉ vì sự muốn làm cho nó rõ-nghĩa, chứ không phải tôi tin chữ *upādi* thực sự là đại diện đồng nghĩa cho chữ *upādāna* (*sự chấp thủ, thủ*). Toàn bộ lời diễn đạt của thuật ngữ diễn đạt ở đây có thể chỉ là *một thành-ngữ* có nghĩa là “*một tàn-dư [không xác định]*”. Trong kinh **MN 105**, từ mục 19, chữ *saupādisesa* và chữ *anupādisesa* đã được dùng khi nói về chất độc còn sót lại trong một vết thương và nếu theo ngữ cảnh đó thì cái

nghĩa “*sự chấp thủ*” là chẳng liên quan gì ở đó cả. Có thể là, lời diễn đạt này đã từng là một thành-ngữ của ngành y mà Đức Phật chỉ đơn giản gán một nghĩa mới để dùng nó trong ngữ cảnh ở đây trong kinh này.] (118)

119 [Về những *đề-mục thiền* được đề cập dưới đây: **(67)** *Nhận-thức về sự không-sạch ô-uế (asubhasaññā) của thân* chính là “*sự thiền quán về 31 bộ phận của thân*” [hoặc **32** nếu thêm *não*], đã được giảng trong **AN 7:49**, phần (1), và được giảng lại trong *Thanh Tịnh Đạo Vism 239–66 (Ppn 8:42–144)*;

- **(68)** *Nhận-thức về cái chết (maraṇasaññā)*, thường được gọi là sự “*chánh-niệm về cái chết*”, thì được nói rõ trong các kinh **AN 6:19–20, AN 7:49**, phần (2), và nó cũng được lặp lại trong **Vism 229–39 (Ppn 8:1–41)**;

- Kinh **(69)** *Nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn (āhāre paṭikkūlasaññā)* nhiều khi cũng được đề cập trong các kinh khác, như trong kinh **AN 7:49**, phần (3), nhưng sự nhận-thức này chỉ được giảng một cách đầy đủ chi tiết trong **Vism 341–47 (Ppn 11:1–26)**;

- Kinh **(70)** *Nhận-thức về sự không (gì đáng) thích-thú trong toàn bộ thế gian (sabbaloke anabhiratasaññā)* được định nghĩa rõ hơn trong kinh **AN 7:49**, phần (4), sự nhận-thức này giống như “*sự buông-bỏ tất cả mọi sự chấp thủ*” ... đối với thế gian;

- Kinh **(74)** *Nhận-thức về sự dẹp-bỏ (pahānasaññā)* được định nghĩa trong **AN 10:60**, phần (5), như là “*sự thiền quán dẫn tới sự dẹp-bỏ những ý-nghĩ ô nhiễm*”;

- Và các kinh **(75–76)** *nhận-thức về sự chán-bỏ (virāgasaññā)* và *nhận-thức về sự chấm-dứt (nirodhasaññā)* được định nghĩa lần lượt trong **AN 10:60**, phần (6) và phần (7), như những “*sự thiền quán mang tính suy lý (tùy quán) về Niết-bàn*”; mặc dù trong những luận giảng khác thì sự thiền quán *virāgānupassanā* và *nirodhānupassanā* này được coi như “*sự thiền quán minh-sát bậc cao*” [như được nói trong **Paṭis II 67; Vism 629,3–5; Ppn 20:90.**] (119)

120 [Ee đã đánh số sai các kinh “**99–100**” nên đã làm lạc mất các số thứ tự. [Học giả Feer đã sửa lại lỗi sai này]. Những lỗi sai sau đây trong cách đánh

số của **Ee** cũng nên để ý: Nhóm “**100–110 (I–12)**” của **Ee**—tương ứng Nhóm “**111 (I)–120 (10)**” trong sách này—tức là nó đếm 12 kinh mặc dù chỉ có 11 kinh. [Đoạn thi kệ tóm lược trong **Be** có chữ *dục-vọng* và *sự thêm-khát* (*tanhā-tasināya*), nhưng hai chữ đó được nhập thành một, nên chỉ đếm có 10 kinh.] Nhóm “**154–164 (I–10)**” của **Ee**—tương ứng với Nhóm “**165 (I)–174 (10)**”—thì có số bài kinh đúng, nhưng lại đánh số giống như có tới 11 bài kinh.] (120)

121 [Ở đây tôi làm theo phương pháp của **Ee**, tức là kết thúc ở kinh **175**. Rõ ràng là, 03 lần lặp lại của toàn bộ những *NHÓM* kinh theo phiên-mẫu [*LOẠI BỎ THAM ...*] này nên được hiểu là áp dụng cho từng mỗi cách trong 03 cách mô tả về ‘*bảy chi giác-ngộ*’. Ở đây có thêm 02 phiên-mẫu nữa là—[*CÓ SỰ BÁT TỬ LÀ NỀN TẢNG ...*] và [*ĐỒ VỀ NIẾT-BÀN ...*]—chỉ được nói ra trong bài kinh cuối này của *Chương* mà thôi.] (121)

122 [Phần nội dung còn lại của kinh này được coi như một *bài tóm gọn* (*uddesa*) của kinh “*Các Nền Tảng Chánh Niệm*” (*Satipaṭṭhāna Sutta*, *Kinh Niệm Xứ*; **DN 22**; **MN 10**), và bỏ đi các phần *điệp-khúc* (*niddesa*, *lời lặp lại*). Toàn bộ luận giải về bài kinh này có ở **Sv III 741–61** và **Ps II 244–66**; còn luận giải trong **Spk** thì rút gọn nhiều.

- ► Các luận giảng đưa ra 02 từ-nguyên của chữ *satipaṭṭhāna*: **(i)** thứ nhất: *sati + upaṭṭhāna*, nghĩa là: “*sự thiết-lập sự chánh-niệm*”; **(ii)** thứ hai: *sati + paṭṭhāna*, nghĩa là: “*nền-tảng của sự chánh-niệm*”. Cách thứ nhất nhấn mạnh hành-vi thiết lập sự chánh-niệm; cách thứ hai thì chỉ *những đối-tượng* để áp dụng sự chánh-niệm (chú tâm vào đó). Mặc dù các luận giảng đều nghiêng về cách diễn dịch thứ hai là “*sati + paṭṭhāna*”, nhưng cách diễn dịch thứ nhất chắc chắn mang tính “*nguyên thủy*” hơn và điều này còn được tăng cường bởi chữ tương đương trong tiếng Phạn là “*smṛtyupasthāna*”. Coi thêm cái cách diễn đạt thường thấy trong các kinh là “*upaṭṭhitasati*” (*với sự chánh-niệm đã được thiết lập*) [như trong kinh **SN 54:13** (Quyển 5) ... vân vân] và “*parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā*” (*sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt*) [như trong kinh **SN 54:01** (Quyển 5) ... vân vân]. Trong **Paṭis** thì, bằng cách chú giải chữ “*sati*” là = “*upaṭṭhāna*”, cũng ưu tiên cách diễn dịch theo nghĩa từ-nguyên thứ nhất này. Về cách diễn dịch này, mời coi thêm một giải thích ngắn gọn trong **Vism 678–79 (Ppn 22:34)**.

- (Ở đây người dịch Việt dịch là “*các nền tảng chánh-niệm*” (từ niệm xứ) cho nhất quán với các kinh khác mà người dịch đã dịch vốn đã quen dùng chữ này).] (122)

123 [Cụm chữ “*Ekāyano ayaṃ maggo*” thường được dịch là “*Đây là con đường duy nhất*” [như nhà sư Soma và nhiều người ...] hoặc “*Đây là con đường độc nhất*” [như nhà sư Nyanaponika, HT Thích Minh Châu ...], ý chỉ rằng phương pháp chánh-niệm của Đức Phật là con đường độc tôn, độc nhất vô nhị.

- Tuy nhiên, luận giảng về kinh “*Satipaṭṭhāna Sutta*” này đã đưa ra tới 05 sự chú-giải về cụm chữ này, trong đó chỉ có 01 chú-giải có nghĩa là “*độc nhất, duy nhất*” mà thôi; [coi **Sv III 743–44**; **Ps I 229–30**, được dịch bởi nhà sư Soma trong quyển *Con Đường Chánh Niệm (The Way of Mindfulness)*, trang 36–39]. **Spk** chỉ đề cập một nghĩa đầu tiên với lời giải nghĩa là: *ekamaggo ayaṃ bhikkhave maggo, na dvedhāpathabhūto* (Này các Tỳ kheo, đây là một con đường duy nhất (độc đạo), không phải con đường rẽ nhánh). Trong toàn bộ Kinh tạng, chữ “*ekāyana magga*” chỉ xuất hiện thêm một lần nữa trong kinh **MN 10, mục 2**, trong đó nó rõ ràng có nghĩa là “*một con đường trực dẫn tới đích*”. Do vậy tôi hiểu cách dùng ẩn dụ ở đây của cụm chữ này là một cách để chỉ rằng “*satipaṭṭhāna*” là dẫn dắt thẳng tới “*sự thanh-lọc của chúng sinh*” ... vân vân; có lẽ phương cách *chánh-niệm* là tương phản với những loại thiền khác vốn không phải luôn luôn dẫn thẳng tới mục tiêu.

- Để thảo luận đầy đủ hơn, mời đọc thêm quyển *Đạo Phật Dẫn Tới Giác Ngộ (The Buddhist Path to Awakening)* của học giả Gethin, trang 59–66.

- Lưu ý: không nên nhầm lẫn chữ *ekāyano* này với chữ *ekayāna* (một cỗ xe, nhất thừa) vốn là luận thuyết trung tâm trong kinh *Saddharma Puṇḍarīka Sūtra* (kinh Pháp Hoa Huyền Nghĩa) của Phật giáo Đại Thừa.

- **Spk** giải nghĩa chữ “*phương-pháp*” (*ñāya*) ở đây chính là = *Bát Thánh Đạo*. Như vậy, bằng cách tu tập con-đường ‘*bốn nền tảng chánh-niệm*’ (*satipaṭṭhāna*) vốn là thể-tục trong giai đoạn tu sơ khởi, thì người tu sẽ cuối cùng đạt tới [thành tựu] thánh đạo siêu thế. Về chữ *ñāya*, mời đọc lại chú thích số 122 ở đoạn (III) kinh **12:41** (Quyển 2).] (123)

124 [Đề đọc bản dịch của đoạn chú-giải về câu công-thức căn bản này, mời coi quyển *Con Đường Chánh Niệm (The Way of Mindfulness)* của nhà sư Soma, trang 51–64. Trước kia đã có sự giải nghĩa các chữ trong **Vibh** 194–95. Học giả Gethin đã thảo luận về câu công thức căn bản này trong quyển *Đạo Phật Dẫn Tới Giác Ngộ (The Buddhist Path to Awakening)*, trang 47–53.

- Một số điểm chính là: cụm chữ lặp đi lặp lại “*quán sát thân trong thân*” (*kāye kāyānupassi*) có vai trò “quyết định cái *đối-tượng* [là thân] bằng cách cô lập nó” khỏi những thứ khác như *cảm-giác, tâm ...* và chỉ ra rằng người tu *chỉ* quán sát *thân*: không phải là ‘thường-hăng, sừng, bản ngã, hay sạch đẹp’ (thường lạc ngã tịnh). Cách quán sát tương tự đối với 03 nền-tầng còn lại. Chữ “*niệt thành*” (*ātāpi*) là hàm chỉ *sự nỗ-lực tu (tinh tấn)*; “*sự rõ-biết*” (tinh giác; *sampajāno*) là hàm chỉ về *trí-tuệ*. “*Sự thèm-khát (tham)* và *buồn-phiền (u)*” (*abhiijhā-domanassa*) là những mã từ đại diện cho 02 *chướng-ngại* (triền cái) thứ nhất là *tham-dục* [tham] và *sự ác-ý* [sân, u], và do vậy sự loại bỏ chúng có thể được hiểu là hàm chỉ sự thành công về *sự định-tâm* (theo nghĩa hết chướng-ngại thì tâm dễ đạt-định). Như vậy là, cùng với 04 *căn tâm linh (indriya)* đã được chỉ ra ở đây, và trong khi căn *niềm-tin* (tín căn) đã không được nói ra ở đây, rõ ràng những phẩm chất liệt kê ở trên là *điều-kiện tiên quyết* cần có để đảm nhận sự tu-tập này ngay từ bước đầu.

- Luận giảng **Spk** đã giải nghĩa chữ “*vineyya (nghĩa là): tadaṅgavinayena vā vikkhambhanavinayena vā vinayitvā*” (“*sau khi đã loại bỏ (nghĩa là): sau khi đã loại bỏ bằng (i) sự loại bỏ theo một cách riêng hoặc bằng (ii) sự loại bỏ thông qua sự không-chế nó*). Trong đó, (i) “*sự loại bỏ theo một cách riêng*” có nghĩa là sự loại bỏ tạm thời bằng *sự chú ý kiểm-chế* hay bằng *sự minh-sát*; còn “*sự loại bỏ thông qua sự không-chế*” là sự loại bỏ tạm thời bằng *sự chứng nhập tầng thiền định (jhāna)*. Lưu ý: cụm chữ này không nhất thiết phải được hiểu theo nghĩa rằng người tu *trước tiên* phải dẹp bỏ những chướng-ngại *rồi sau đó* mới bắt đầu tu tập được ‘*bốn nền tầng chánh-niệm*’. Không cần phải vậy, vì lẽ thường với chính sự hết lòng để tu tập của người tu cũng đủ để tạm ngưng “*sự thèm-khát và buồn-phiền*”.] (124)

125 [Lời chỉ thị này cũng có trong kinh **SN 36:07** (Quyển 4), đoạn 2. **Spk** chú giải rất dài về sự tu tập “*sự rõ-biết*” (tinh giác, thường biết, ý thức rõ). Coi thêm lời chú giải của nhà sư Soma trong quyển *Con Đường Chánh Niệm*

(*The Way of Mindfulness*), trang 83–132; và coi thêm quyển “*Bài Thuyết Giảng về Kết Quả của Đời Sống Tu Hành (Kinh Sa-môn Quả)*” của TKBD, trang 96–134.

- Nói tóm gọn: có 04 *sự rõ-biết*: (1) *sự rõ-biết về mục-đích (sāttthaka-sampajañña)*: biết rõ mục-đích chính đáng trong hành động của mình; (2) *sự rõ-biết về sự phù-hợp (sappāya-sampajañña)*: biết rõ phương-tiện phù hợp để đạt tới mục đích của mình; (3) *sự rõ-biết về trú xứ (gocara-sampajañña)*: duy trì sự ý-thức (để ý, biết) về đề-mục thiền của mình sau khi đã tham gia vào những hoạt động hay hành vi khác nhau; và (4) *sự rõ-biết = sự không ngu-mờ* hay *sự vô-si (asammoha-sampajañña)*: nhận thấy rõ những nghiệp (hành động) của mình là *những tiến-trình có điều-kiện* (do nhân duyên) chứ không có một cái ‘*Ta*’ (ngã) thực chất hằng hữu nào cả. Nhà sư Nyanaponika cũng giảng giải về *sự rõ-biết* một cách hiện đại rất hay trong quyển *Trái Tim của Thiền Phật Giáo (The Heart of Buddhist Meditation)*, trang 46–57.] (125)

126 [Spk nói: Do vị Tỳ kheo này trước kia đã từng hỏi Phật giảng giải về chủ đề thiền, sau đó không lui về sống tách-ly (ẩn dật) để thiền tập để có sự tu tiến của bản thân mà chỉ đi lang thang theo Tăng Đoàn và Phật. Do vậy Phật mới nói ra lời quở trách như vậy.] (126)

127 [Spk chú giải: *Cách-nhìn* (kiến) ở đây chính là quan-điểm về trách nhiệm của mình đối với những hành-động (nghiệp) của mình (*kammassakatādiṭṭhi*), chẳng hạn như: sự tin vào “*nghiệp và nghiệp quả*”, điều đó cũng bao hàm cả niềm-tin về sự tái-sinh.

- Lời của Phật ở đây có nghĩa là thiết lập *cách-nhìn đúng đắn* (chánh kiến) [đây là chi phần thứ nhất của Bát Thánh Đạo, cộng với 03 hành-vi đúng đắn [là chi phần thứ 3, 4, 5: *lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn* (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng)] là cơ-sở cho sự tu tập thành công *thiền chánh-niệm*.

- (Kinh này có nội dung chính giống như kinh 47:15 ở dưới.) (127)

128 [Spk không chú giải gì chỗ này, nhưng Sv III 765,15–18 và Ps I 249,24–27 đã chú giải liên quan tới ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’ như vậy: “Vào một lúc trong thân hô-hấp của mình và lúc khác trong thân hô-hấp của người khác,

người đó an trú trong sự quán sát thân. Bằng cách này là có sự đề cập đến *thời lúc* khi tâm của người thiền tái tục chuyển đi và chuyển lại [vào bên-trong hay ra bên-ngoài theo cách của đối-tượng] mà không để lạc khỏi chủ-đề thiền quen thuộc” [Coi thêm quyển *Con Đường Chánh Niệm* của nhà sư So-ma, trang 74]. Khi liên hệ tới *03 nền tảng chánh-niệm* còn lại, các luận giảng về cơ bản cũng đưa ra sự chú giải giống vậy, nhưng không đi vào giải thích về vấn đề là: làm cách nào một người tu không có những năng lực thần thông mà có thể quán sát *những cảm-giác và những trạng thái tâm* của người khác.] (128)

129 [Thật thú vị là, phần đầu của nền tảng thứ tư “*quán-niệm các pháp*” là dẫn giải về *năm chướng-ngại* (ngũ cái), chỉ ra cho thấy cách mà sự ứng dụng sự chánh-niệm có thể biến chuyển cả những ô-nhiễm (lậu hoặc, như tham, sân, si) thành nguyên liệu thô để phát triển sự tu-tập này.(?)] (129)

130 [Ví dụ con điều hâu và con chim cú cũng liên quan tới kinh chuyện tiền thân của Đức Phật là *Sakuṇagghi Jātaka* (**Ja 168**), trong đó vị Bồ-tát (tức Phật) là con chim cú và Đề-bà-đạt-đa (*Devadatta*) là con điều hâu. Tham khảo thêm, coi **KS 5:125, chú thích 1.**- Cho dù chữ *sakuṇagghi* là giống cái nhưng không nhất thiết có nghĩa con điều hâu là chim mái.] (130)

131 [**PED** không liệt kê chữ *apatthaddhā* (*không khoát lác*) nhưng **CPD** có chú giải nó là quá khứ phân từ của chữ *apa-stambh* (tiếng Phạn). Trong kinh Chuyện Tiền Thân, chỗ **Ja II 59,17,20**, thì ghi là *atthaddhā/ thaddhā*. **Be** và **Ee** ghi là: *sake bale asaṃvadamānā*; **Se**: *sake bale avacamānā*; **Spk** đã chú giải chữ này cứ như thể nó không phải là một dạng phủ định vậy, như sau: *saṃvadamānā ti sammā vadamānā, attano balassa sutṭhu vaññaṃ vadamānā* (*khoát lác: nói đầy đủ, nói kỹ để đề cao sức mạnh của mình*).] (131)

132 [So sánh kinh **SN 35:243** (Quyển 4) về lời kinh chỗ này: Ma Vương sẽ *đạt được sự tiếp cận, chụp được, bắt được*.] (132)

133 [**Be** ghi cụm chữ này là: *tasmim yeva kaṭṭhakataṅgāre avasajjetvā*; **Ee** cũng ghi theo y vậy [chỉ khác chữ cuối là *avasajjetvā*]; **Se** thì ghi là: *tasmim yeva makkaṭaṃ uddharitvā avissajjetvā*: đây rõ ràng là một sự chỉnh sửa từ ngữ lại để cho nghĩa của cụm chữ được rõ hơn. Cả **Spk** và **Spk-pt** đều không

giúp chú giải chỗ này. CPD gọi chữ *kaṭṭhakataṅgāre* là một “chữ ghi đầy đánh đổ không chắc nghĩa là gì” và đã cho rằng chữ này do bị ghi chép hư sai từ những chữ nào đó. Tuy nhiên, trong một tham luận có tên (tiếng Đức) “*Sanskrit-Wörterbuch der buddhistischen Texte aus den Turfan-Funden*”, Tỳ kheo Pāsādiko đã chỉ ra rằng học giả *Wörterbuch* có ghi cụm từ *kāṭṭha-kaṅgāmbara* là tương ứng với chữ *kaṭṭhakataṅgāra* của tiếng Pāli; trên cơ sở này thầy ấy đã gợi ý tu chỉnh lại lời kinh chỗ này là “*kaṭṭhakaliṅgare āvajj-
etvā*” mà thầy ấy dịch nghĩa là: “sau khi đã đơn giản cột [con khi] vào cây gậy [của ông ta]”. Thầy ấy cũng đã dịch bản Hán tạng của kinh này trong *Tương Ưng A-hàm (Samyuktāgama)* lời kinh chỗ này là: “Người thợ săn vừa đến thì lấy cây gậy, buộc [con khi] vào rồi đi, vác [đống đá] trên vai”, [trang 191–92]. Ở đây, tôi chấp nhận tu chỉnh chữ “*kataṅgāre*” thành “*kaliṅgare*”, cho dù tôi vẫn nghĩ rằng chữ sau không có nghĩa chỉ “cây gậy của người thợ săn” mà có nghĩa là cùng thứ đó (*tasmim yeva*), tức là cái tấm ván dính keo mà con khi đã bị dính bẫy vào đó bởi keo bẫy. Trong các kinh khác thì chữ “*kaliṅgara*” có nghĩa là khúc, khối, miếng, tấm gỗ súc [coi kinh SN 20:08 (Quyển 2), Dhṃ 41], tôi cũng không tìm thấy có trường hợp nào trong các kinh nó có nghĩa là ‘cây gậy’ hay ‘cây đòn’ cả. (Gỗ súc là tấm, miếng, khúc, khối gỗ đã được cưa đẽo ra từ thân cây; nếu nó rộng thì có thể gọi là tấm gỗ, tấm ván gỗ như trong kinh này). Và tôi cũng không hiểu ra được cách nào mà chữ “*āvajjjetvā*” lại có thể có nghĩa là “sau khi đã cột”. Và do vậy tôi chọn cách giữ nguyên động từ này trong lời kinh. Như vậy nghĩa của câu này là: người thợ săn cột chặt con khi vào tấm gỗ (bẫy) mà con khi đã bị dính vào đó và vác nó đi về đâu tùy ý ông ta.] (133)

134 [Chỗ này tôi đọc theo Se ghi là: *sakassa bhattu nimittam na uggaṇhāti*. Be và Ee ghi chữ *bhattassa*, nhưng chữ *bhattu* chữ thuộc cách của *bhatar*, là danh từ tương quan ở đây [không phải *bhatta*]. “Không tiếp thu dấu-hiệu về chủ của mình”: Tôi đã dịch y từng chữ theo nghĩa đen, cho dù phải trả giá là đọc thấy hơi kỳ cục, mục đích để giữ được sự tương ứng với tình trạng một Tỳ kheo đang thiền cũng “không nắm bắt được dấu-hiệu đó”.] (135)

135 [Spk giải nghĩa là: Người tu không biết được: “Chủ-đề thiền này của mình đã đạt tới sự đồng-nhất hay sự đối-dòng” hay chưa. Người đó không khả năng nắm bắt được dấu-hiệu của tâm mình. “Sự đồng-nhất” là tạm dịch chữ

anuloma và “sự đối-dòng” hay “chuyển-dòng” là chữ *gotrabhū*, đó là chỉ những thời-khắc cuối cùng *tâm thức dục-giới* trước khi người tu chứng đắc tầng thiền định (*jhāna*) hoặc đạo quả và thánh quả siêu-thế; có lẽ muốn chỉ bước sơ-cấp cho tới tầng thiền định.

- Cụm chữ *cittassa nimittaṃ gahessati* cũng có trong kinh **AN 6:68**, đoạn (2), được giải nghĩa bởi luận giảng **Mp** là: *cittassa nimittan ti samādhivipassanā cittassa nimittaṃ, samādhivipassanākāraṃ* (dấu-hiệu (= đối-tượng) của tâm: là dấu-hiệu của tâm của sự định-tâm hay sự minh-sát, là phương thức định-tâm hoặc minh-sát.”.] (135)

136 [Phần **[ii.]** này của bài kinh cũng được trích ghi trong **Vism 150–51 (Ppn 4:122)**. **Spk** nói các nền tảng chánh-niệm (*satipaṭṭhāna*) được coi là phần thiền tuệ (minh-sát) trong giai đoạn sơ thiền.] (136)

137 [Sự kiện này cũng được ghi lại trong kinh *Đại Kinh Bát-niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta, DN 16)*. **Spk** cho rằng sự kiện này đã xảy ra vào thời điểm 10 tháng trước khi Đức Phật qua đời.] (137)

138 [“*Ôn định (hay duy trì) sự tạo-tác sự-sống (hành sinh mạng)*” là tạm dịch chữ “*jīvitasāṅkhāraṃ adhiṭṭhāya*”. **Spk** giải nghĩa: *sự tạo-tác sự-sống* (i) thực ra chính bản thân nó là *sự-sống* [**Spk-pt**: bởi vì đó là sự làm sống, hồi sinh liên tục cái thân, không để nó ngưng và chết] và (ii) cũng chính là sự chứng nhập thánh quả, qua đó *sự-sống* được làm sống, được duy trì, được kéo dài. Lời kinh ở đây đang nói về nghĩa thứ hai này. Nghĩa ngắn gọn ở đây là “*Ta sẽ chứng thánh quả, nó có khả năng kéo dài sự sống*”. Phật chứng nhập sự chứng quả đó với quyết định “*Để cho sự đau đớn không khởi sinh trong 10 tháng nữa*”, và sự đau đớn, do bị khống chế bởi sự chứng nhập thánh quả, đã không khởi sinh trong 10 tháng tiếp theo.] (138)

139 [Chỗ này tôi làm theo **Se** và **Ee** không ghi những chữ thán xưng (*Thưa Thế Tôn*) đặt trước các câu như đã được ghi trong **Be** là: *diṭṭho me bhante bhagavato phāsu*; nhưng cách ghi này của **Be** lại giống trong kinh **DN 16**, mục 2.24. Điều khác, tôi nghĩ rằng **Be** đã chính xác trong việc giữ nguyên chữ *diṭṭhā*; trong **Se** và **Be** thì chữ này được ghi như một quá khứ phân từ và được trình bày như một từ trung-tính là *diṭṭham*, nhưng ở đây có lẽ nó có vai

trò một cách như thành-ngữ với nghĩa là “*may mắn*” hoặc “*huy hoàng, tuyệt vời*”. Coi thêm kinh **DN 26**, mục 21 có ghi: *ditṭhā bho satta jvasi (Thật tuyệt vời, thua Thế Tôn, rằng Thế Tôn còn sống)*. (bản dịch của Maurice Walshe cũng ghi vậy).

- Những dòng chữ kế tiếp cũng có ghi trong kinh **SN 22:84** (Quyển 3); coi thêm chú thích số 149 ở đó. Ở đây **Spk** lại diễn dịch câu “*dhammā pi nappatibhanti*” có nghĩa cụ thể là: “*Những giáo pháp ‘các nền tảng chánh-niệm’ (satipaṭṭhānadhammā) không còn rõ ràng đối với con*”. Nhưng theo tôi có thể nghĩa lời kinh này chỉ đơn giản là: “*Các thứ/sự (dhamma nói chung) không rõ ràng với con*”. (Nói kiểu dân dã thì sau khi nghe tin xấu thì ‘mọi thứ đều rối bời và choáng váng đối với người nghe’.] (139)

140 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *anantaram abāhiraṃ*. **Spk** giải nghĩa là: không phân biệt bên trong hay bên ngoài về mặt Giáo Pháp và về mặt con người. (i) Người có sự phân biệt bên trong hay bên ngoài đối với Giáo Pháp khi người đó nghĩ: “Ta chỉ dạy bấy nhiêu cho những người khác, còn bao nhiêu ta không dạy”. (ii) Người có sự phân biệt bên trong hay bên ngoài đối với con người khi người đó nghĩ: “Ta chỉ dạy cho người này, không chỉ dạy cho người khác”. Đức Phật không truyền dạy Giáo Pháp theo kiểu có phân biệt như vậy. Không có gì còn được giữ trong nắm tay của Người Thầy (*ācariyamuttṭhi*). (Tức là: Phật không phân biệt người bên trong hay bên ngoài Tăng Đoàn mà chỉ dạy cho tất cả chúng sinh; cũng không phân biệt những giáo pháp hay coi phần nào là giáo pháp bí truyền của tông phái, mà tất cả những giáo lý và giáo pháp đã được chỉ dạy và công khai).

- Các đạo sư các giáo phái khác thường giữ một số giáo pháp hay bí quyết bí truyền và họ chỉ đến khi họ nằm trên giường bệnh sắp chết họ mới truyền lại cho mấy đệ tử thân tín nhất của họ.

- Đề đọc về 02 ý tưởng công khai và bí truyền, mời coi các kinh **Mil 144–145.**] (140)

141 [Những cách chữ-ghép tối nghĩa này trong các phiên bản là khác nhau. **Be** ghi là: *vekhamissakena*; **Se** ghi: *veghamissakena* [cách ghi này cũng có trong Đại Kinh Bát Niết-bàn (**DN 16**, mục 2. 25) của phiên bản **Ee**]; **Ee** ghi:

vedhamissakena. Trong một chú giải, **Be** đã đề nghị ghi là *veṭhamissakena*, đây đích thực là cách ghi trong sự giải-nghĩa của **Spk** [thuộc **Be** và **Se**]. Một cách diễn đạt giống vậy cũng có trong câu kệ kinh **Th 143a** (trong phiên bản **Ee** của kinh này) ghi là *veghamissena*. Trong **EV I**, chú thích về thi kệ **143**, học giả Norman đã trình bày trường hợp chữ *veṭha* [= (Phạn) *veṭa* (*dây, dây băng, dây buộc, dây chằng*)]. Học giả Gombrich đã thảo luận vấn đề khó giải này trong bài viết “*Những Thân Già Tựa Như Những Cỗ Xe*” đã lập luận chữ này là *vedha* (*run rẩy, lọng cọng*), nhưng thật khó mà hình dung được cách nào mà thân nó ngồi một cách dễ chịu an ổn trong cái nghĩa (run rẩy, lọng cọng) của cụm chữ ghép với chữ *missakena*. Do vậy tôi đã làm theo **Spk** và Norman đọc chữ chỗ này là *veṭhamissakena*.

- **Spk** chú giải: *Bằng một sự kết hợp của những dây chằng*: (nghĩa là) bằng một sự kết hợp của những dây chằng giữ nhờ sự được tu sửa với những dây băng buộc dính cho gọng xe, những dây băng buộc dính cho bánh xe ... (*bāhābandhacakkabandhādīnā paṭisaṅkharāṇena veṭhamissakena*). Với câu “*cũng vậy dường như thân của Như Lai còn vận hành được (maññe yāpeti)*: Đức Phật chỉ rằng: “*Giống như một cỗ xe cũ, nó dường như nhờ một sự kết hợp của những dây chằng giữ, tức là, bằng sự được chằng giữ với thánh quả A-la-hán (arahattaphalaveṭhanena), cho nên thân của Như Lai mới trụ được bốn kiểu tư thế*” (đi, đứng, ngồi, nằm)

- ► Cần lưu ý rằng: Đoạn kinh này sẽ khó có nghĩa đúng nếu như những luận giảng mà đúng khi họ nói rằng thầy Ānanda đã sinh ra cùng ngày với Đức Phật; bởi vì nếu thầy ấy bằng tuổi Phật thì thầy ấy cũng đã già và cũng đã tự biết về những sự già yếu lọng cọng là gì, đâu cần Phật phải mất thời gian giải thích và nhấn mạnh về những điều đó cho thầy ấy hiểu! Mời coi lại chú thích số 296 trong kinh “*Áo Cà-Sa*”, **SN 16:11** (Quyển 2).] (141)

¹⁴² [*Trạng thái định vô dấu-hiệu của tâm, hay sự định-tâm vô dấu-hiệu của tâm* là chữ *animitta cetosamādhī*, nhưng sự định-tâm ở đây chắc hẳn là khác với loại định có cùng tên gọi được nói đến trong kinh **SN 40:09** (Quyển 4). **Spk** giải thích rằng *trạng thái định vô dấu-hiệu của tâm* trong kinh này là sự định-tâm minh-sát thâm sâu, đó là sự (định) chứng quả (*phalasaṃpatti*). Như vậy loại định này là giống hệt = *sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm (animitta cetovimutti)* đã được nói đến trong kinh **SN 41:07** (Quyển 4).]

(142)

143 [Lời giáo huấn “*lấy chính mình là hòn đảo*” (*attadīpa*) cũng có trong kinh **22:43** (Quyển 3). **Spk** chú giải chữ *dhamma* trong cụm chữ *dhammadīpa*, *dhammasaraña* chính là = 09 Giáo Pháp siêu thế [04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn].

- Chữ *tamatagge* là chữ đánh đố làm bối rối nhiều trong các văn chương học thuật về Đại Kinh Bát Niết-bàn (*Mahāparinibbāna Sutta*). **Spk** [cũng song hành với **Sv** II 548–49] đã coi chữ này chính là = *tama-agge*, với *-t-* được chèn vào như một sự kết hợp ngữ âm (*padasandhi*) cho dễ nghe. Có khả năng chữ *tamatagge* nên được hiểu là = *tamato agge*, giống trường hợp tương tự của chữ *ajjatagge* hoặc *daharatagge*, nhưng cho dù vậy vẫn còn lại vấn đề khó giải về nghĩa của nó; cái nghĩa “*từ sự tầm tối ...*” là khó mà đúng dẫn cho được ở ngữ cảnh đây. Luận giảng **Spk** rõ ràng đã bị bối rối về nghĩa của nó, nhưng cũng không hoàn toàn thừa nhận sự không chắc của mình về nghĩa, nó đã dao động giữa việc (i) coi *tama* là đuôi chữ (hậu tố) thể so sánh hơn nhất [được hoán đổi vị trí bằng phép chuyển đổi âm vị] hoặc (ii) nó có nghĩa “*sự tầm tối*”, cho nên **Spk** đã luận giải như vậy: “*Những người này là bậc cao nhất (agगतamā), do vậy là tamataggā. Như vậy là, ‘sau khi đã cắt toàn bộ luồng bóng tối [ghi là tamasotaṃ trong cả Be và Se, nhưng là tamayogaṃ (sự trói buộc của sự tầm tối) trong đoạn song hành trong Sv II 549,1], những Tỳ kheo này của ta sẽ là ở trên-cùng, ở nơi cao-nhất. Họ sẽ là trên-cùng trong số những Tỳ kheo. Trong số những người tha thiết với sự tu-tập, chỉ những người có tầm (phạm vi, tầm mức) của mình là ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (satipaṭṭhāna) sẽ ở bậc cao nhất.*” Như vậy là Đức Phật đã đưa giáo-lý [bốn nền tảng chánh-niệm] này tới đỉnh cao chung cuộc của nó là thánh quả A-la-hán.”

- **Spk-pt** thì giải nghĩa *tama-agge* theo cách là: “*Trong sự không-còn [trống vắng] sự trói buộc của bóng tối [chữ ghi là tamayoga!], [thì họ sẽ là] ở trên chỗ cao nhất của thế giới này có những thiên-thần của nó.*”

- Những câu chữ này đã không được bảo tồn trong những phần riêng rời của phiên bản tiếng Phạn Turfan, nhưng có trong phiên bản song hành bằng tiếng Tây Tạng và tiếng Hán vốn có lẽ đã dựa theo lời gốc tiếng Phạn, chỉ tới một

nghĩa là “*trên cùng, cao nhất thấy*”. Tôi đã làm theo cho phù hợp với nghĩa “*trên cùng, cao nhất thấy*” này, mặc dù tôi không thể giải thích được ý nghĩa chính xác của chữ gốc hay cách dùng của đặc ngữ của các phiên bản đó. Tôi cũng đã đồng tình với những luận giảng trong việc coi cụm chữ *ye keci sikkhākāmā* như một hàm sở cách hay thuộc cách.] (143)

144 [Nguyên văn chú giải của TKBD: Tôi đọc theo **Be** và **Se** là: *uḷāraṃ pubbenāparaṃ visesaṃ sañjānanti*. **Ee** thì ghi là: *sampajānanti*. **Spk** chú giải: “*lần lượt những giai đoạn khác-biệt cao hơn*” chính là *những giai đoạn trí-tuệ cao hơn*: có được từ sự hiểu thấu về “*04 yếu-tố lớn*” (tứ đại) cho đến sự chắc chắn [gán được] “*ba đặc-tính*” [vô-thường, khổ, vô-ngã] cho *tất cả mọi sự tạo-tác (hành)*”. (?)] (144)

145 [**Spk**: “*Con-sốt*” ở đây là chỉ *con-sốt của ô-nhiễm (kilesapariḷāha)* (như của tham hoặc sân). Một *con-sốt của ô-nhiễm* đã dựa vào thân là *cơ-sở (ārammaṇa)* để khởi sinh. Khi điều này xảy ra, người tu không nên để mình bị khích động bởi ô-nhiễm đó, thay vì vậy người tu “*nên hướng tâm tới những ‘dấu-hiệu tạo cảm hứng’ khác*” (*kismiñcīdeva pasādaniye nimitte cittaṃ paṇidahitabbam*), đó là, nên đặt cái tâm đang thiên vào một đối-tượng thiên khác giúp khởi tạo niềm-tin, ví dụ như đối-tượng là Đức Phật, vân vân.] (145)

146 [Nghĩa là: cái *mục-đích* của việc hướng tâm mình tới “*một dấu-hiệu tạo cảm hứng khác*” giờ đã đạt được; và giờ người tu rút lui tâm khỏi cái “*đối-tượng tạo cảm hứng*” đó, và hướng tâm trở lại “*đối-tượng thiên chính*” ban đầu của mình. (Ví dụ: khi đang thiên về *hơi-thở*, trong người thiên có sự-sốt trong thân hay sự trì-trệ (biếng nhác thụ động lờ mờ) của tâm hay tâm bị xao lãng bởi trần cảnh bên ngoài, thì người tu có thể áp dụng thủ thuật chuyển hướng tâm mình tới *sự tưởng niệm Đức Phật*. Sau một thời thiên trong người tu không còn phát sinh những sự nói trên nữa, tức là *mục-đích* của thủ thuật chuyển hướng đã đạt được, giờ người tu hướng tâm trở lại *đề-mục thiên chính* là *hơi-thở*.)] (146)

147 [**Spk** giải nghĩa điều này có nghĩa là người tu “*không có ý-nghĩ (tâm, vitakka) bị ô nhiễm, không có sự xem-xét (tứ, vicāra) bị ô nhiễm*”, nhưng sự “*không tâm không tứ*” ở đây có lẽ hàm chỉ người đó đã chứng tới tầng thiên

định thứ hai. Coi thêm **MN 125**, mục 23, 24, 25 (mô tả tóm lược về tiến trình thiền tập và chứng ngộ), trong đó ‘*bốn nền tảng chánh-niệm*’ (*satipaṭṭhāna*) phục vụ cho tầng thiền định thứ nhất, và Đức Phật cũng đã chỉ thị sự tu-tập ‘*bốn nền tảng chánh-niệm*’ (trong trạng thái) “*không tầm không tứ*”, tức là trạng thái của tầng thiền định thứ hai.] (147)

148 [Chữ gốc: “*paṇidhāya bhāvanā*”. **Spk** giải nghĩa = *ṭhapetvā bhāvanā* (sự tu-tập sau khi dẹp qua một bên). Sự tu-tập (thiền tập) bằng phương pháp này xảy ra bằng cách hướng tâm khỏi ‘*đối-tượng thiền chính*’ tới một ‘*đối-tượng thiền khác*’ (ví dụ một ‘*đối tượng thiền tạo cảm hứng*’ khác, như mới nói trên). **Spk** đã ví thủ thuật “*chuyển hướng*” này với một người vác một bó mía tới lò nấu đường, người đó nhiều lúc (bị mệt) dừng lại, bỏ bó mía nặng xuống, *chuyển qua* ngồi ăn một cây mía, và sau khi ăn xong khỏe lại (cái mục-đích nghỉ ngơi để hết bị mệt đã đạt được), người đó tiếp tục quay trở lại *việc chính* là vác bó mía và tiếp tục đi.] (148)

149 [**Spk** đưa ra nhiều chú giải khác nhau về cụm chữ (*pacchā pure asaṅkhitam*) (không bị thu hẹp sau và trước, không bị gò bó sau và trước). Đọc thêm kinh **51:20** ở *Chương 51* bên dưới và chú thích 272 ở đó.] (149)

150 [*Mahāpurisa*: vĩ nhân, đại nhân, đại phu. Coi thêm kinh **AN 8:30** về *tám ý-nghĩ của một vĩ nhân* (*aṭṭha mahāpurisavitakkā*).] (150)

151 [Lời bài kinh này cũng có trong *Đại Kinh Bát-niết-bàn* (*Mahāparinibbāna Sutta*, **DN 16**) nhưng chỉ khác là không có đoạn cuối; một phiên bản giống hơn của nó tạo nên kinh **DN 28**. Trong **DN 16** thì vị trí thời gian có vẻ đáng nghi vấn; mời coi chú thích 157 của kinh **SN 47:13** bên dưới.] (151)

152 [**Spk**: *Āsabhu vācā* (một lời thốt lên, một lời cất lên): giống như [sự cất tiếng] của một con đực đầu đàn (*usabha*), bất lay chuyển, không rung động. *Ekamso gah* (dõng dạc, dứt khoát = nhất định, rành rành) nghĩa là: không được nói ra theo kiểu hùa theo lời đồn, lời truyền ... mà theo cách như chính mình đã thâm nhập bằng sự-biết của mình, do vậy đó là “*dứt khoát, dõng dạc*”. Nghĩa của nó là: *điều này đã được tuyên bố như một kết luận chắc chắn* (*sanniṭṭhānakathā va*).] (152)

153 [**Spk** chú giải đó là: *evamdhammā as samādhipakkhā dhammā* (những

trạng thái thuộc sự định-tâm) và nói rằng chữ *evaṃvihārino* được thêm vào để bao gồm cả ‘sự chứng đắc sự chấm-dứt’ (chứng diệt định).] (153)

154 [Nguyên văn câu cuối này: *Api ca dhammanvayo vidito*. **Spk** luận giải rằng: *Sự-biết nhờ suy luận (anumānañāṇa)* đã khởi sinh đúng theo những hàm nghĩa của sự-biết (trí, trí biết) của thầy ấy về Giáo Pháp; thầy ấy đã hiểu (ngộ) *phương-pháp luận (nayaggāha)*. Ý thầy ấy nói rằng: “[*Chỉ nhờ*] đứng trên sự-biết [trí] của những ba-la-mật của một đệ tử, con biết được từ góc nhìn này, thừa đức Thế Tôn.”] (154)

155 [**Spk**: Ở đây ‘*bốn nền tảng chánh-niệm*’ là sự minh-sát (thiền quán, tuệ quán), ‘*bảy chi giác-ngộ*’ là con-đường (đạo), và *sự giải-thoát toàn thiện vô thượng* là quả A-la-hán. Hoặc nói cách khác, ‘*bảy chi giác-ngộ*’ là hộp chứa cả hai [tuệ quán và đạo]. (155)

156 [Câu kết này cũng là câu kết của kinh **DN 28**, sau phần ca ngợi về Đức Phật còn trang trọng hơn nữa trong kinh đó.] (156)

157 [Sự kiện được nói trong kinh này đã gây ra nghi-vấn về *mặt thời gian* và *địa điểm* trong cuộc đời của Đức Phật lịch sử. Trong *Đại Kinh Bát Niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta)*, việc thầy Xá-lợi-phất cất tiếng gầm sư tử đã xảy ra trong chuyến đi cuối cùng của Đức Phật từ Rājagaha (Vương Xá) đến Vesālī (Tỳ-xá-ly). Từ Vesālī Đức Phật đi đến Kusīnārā (và mất ở đó) cho nên không bao giờ quay lại Sāvattthī (Xá-vệ) nữa; Kusīnārā thì cách Sāvattthī khoảng 200km về phía tây. Nhưng bài kinh này thì cho thấy Phật đang ở tại Sāvattthī khi Phật nhận được tin báo về cái chết của thầy Xá-lợi-phất. Để bảo lưu trình tự thời gian theo đúng kinh điển đã chép lại, các luận giảng [**Spk**, và **Sv II 550**] đã cho rằng Phật đã có thêm một chuyến đi khác đến Sāvattthī sau kỳ an cư Mùa Mưa ở Làng Tre (*Beluvagāma*) [coi kinh **DN 16**, mục 2.21-22], đây là chuyến đi đã không được ghi chép lại trong *Đại Kinh Bát Niết-Bàn*! Thầy Xá-lợi-phất đã đi cùng với Phật trong chuyến đi tới Sāvattthī đó, sau đó thầy Xá-lợi-phất đã chia tay Phật và trở về cố hương là Làng Nālaka (*Nālaka-gāma*), ở đó thầy đã ngã bệnh và mất. Về cái chết của thầy Xá-lợi-phất, mời đọc thêm bài viết “*Xá-lợi-phất: Vị thống soái của Giáo Pháp*” được in trong quyển sách “*Những Vị Đại Đệ Tử Của Đức Phật*” của nhà sư Nyanaponika và Hecker, trang 47–59.] (157)

158 [**Spk** nhận diện Cunda này là người em ruột của thầy Xá-lợi-phất, và do các Tỷ kheo đã quen gọi thầy là “*sa-di Cunda*” từ trước khi thầy ấy thụ giới Tỷ kheo, nên sau này họ vẫn quen gọi như vậy cho dù lúc này thầy Cunda đã là bậc trưởng lão.] (158)

159 [**Spk** nói rằng: chữ *dhammā* (các thứ, các pháp) ở đây là chỉ những giáo pháp tinh gọn và thuộc vấn-đáp (*uddesaparipucchā dhammā*). (Trong kinh **47:09** và chú thích 139 ở trên thì **Spk** lại chú giải chữ này là chỉ những giáo pháp ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ mà lời kinh chỗ đó đang nói tới.)

- Coi lại thêm câu này cũng được nói trong các kinh **22:84**, chú thích 149 (Quyển 3). (Câu này đã được dịch giống nhau trong các kinh theo nghĩa chung là “*các thứ không còn rõ ràng đối với con/ đối với tôi*”).] (159)

160 [Đây là 05 “*uẩn của Giáo Pháp*” hay 05 *pháp uẩn* (*dhammakhandha*) chỉ có những A-la-hán mới có được đầy đủ chúng; coi thêm kinh **6:02** (Quyển 1). Tuy nhiên, lời kinh ở đây gán cho thầy Ānanda có cả 02 uẩn/đống/mớ cuối cùng [mớ *sự giải-thoát*, mớ *trí-biết* và *tâm-nhìn*] có lẽ làm khó hiểu, bởi vì lúc này thầy ấy vẫn chỉ còn là một học-nhân, chưa giải-thoát hoàn toàn.

- Tuy nhiên, những chỗ dị-thường này đôi lúc có xảy ra trong các kinh, chẳng hạn như trong kinh **55:26** bên dưới (Quyển 5 này) thì 02 chi phần (9) *chánh-trí* và (10) *chánh giải-thoát* chỉ có được bởi A-la-hán lại được mô tả cho gia chủ Cấp Cô Độc.] (160)

161 [**Be** và **Ee** đều có ghi chữ *otiñño* giữa *ovādako* và *viññāpako*. Trong **Se** và **SS** thì không có.] (161)

162 [Các luận giảng cho rằng thầy Mục-kiền-liên mất đúng 02 tuần sau khi thầy Xá-lợi-phất mất. Thầy Xá-lợi-phất mất vào ngày *trăng Rằm* của tháng *Kattika* [nhằm cỡ tháng 10-11], thầy Mục-kiền-liên mất vào ngày *mùng Một* sau đó. Về sự qua đời của thầy Mục-kiền-liên, mời đọc thêm bài viết “*Mục-kiền-liên: Vị Đệ Tử Đệ Nhất Thân thông*” được in trong quyển sách “*Những Vị Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của nhà sư Nyanaponika và Hecker, trang **100-105.**] (162)]

163 [Tôi dịch chỗ này dựa theo cách ghi của **Se** là: *asuññā me sā bhikkhave*

parisā hoti. **Be** chỉ khác là bỏ đi chữ *sā*, nhưng **Ee** thì đưa cả cụm chữ *pa-rinibbutesu Sāriputta-Moggallānesu* vào trong câu này và ghi là *suññā me bhikkhave parisā hoti* nên dịch là: “Giờ thì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã bát niết-bàn, này các Tỳ kheo, hội chúng này trở nên trống-không”. **Spk** không chú giải gì chỗ này.] (163)

164 [“*Bốn hội chúng*” là gồm: hội chúng các Tỳ kheo, các Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, và các đệ tử tại gia nữ.] (164)

165 [Kinh này giống kinh **SN 47:03** ở trên, chỉ khác tên Tỳ kheo. Mời đọc chú thích 127, 128 trong kinh đó. Cũng giống tương tự kinh **47:16** kể dưới.] (165)

166 [Sự mô tả này giống trong các kinh **SN 6:01, 6:02** (Quyển 1).] (166)

167 [Tên này có nghĩa là “cái chảo chiên”; chữ này thuộc giống nữ, mặc dù không biết người học nghề là nam hay nữ; nhưng tạm thời dịch là nữ.] (167)

168 [Từ cách diễn tả của **Spk**, dường như người thầy đã đặt đầu gốc của cây (đòn) tre lên *chỗ yết hầu cổ họng hay trên trán của ông (galavāṭake vā nalāṭe)*, và cô học trò bước lên hai vai của ông và leo lên tới đỉnh cây tre. Mặc dù trong kinh người thầy nói như thể cả hai họ cùng leo xuống khỏi cây tre, nhưng đây có lẽ chỉ là cách nói gọn về màn biểu diễn mà thôi. **Spk** diễn dịch rằng: Người thầy bảo vệ chính mình bằng cách giữ chắc cây tre, cùng chuyển động theo cử động của người học trò ở trên cây tre, và chỉ nhìn chăm không gián đoạn lên đầu cây tre. Người học trò bảo vệ chính mình khi cô ta giữ thân thẳng đứng, giữ cân bằng với gió, thiết lập sự chú-tâm (chánh niệm) và ngồi xuống bất động (trên đầu cây tre).] (168)

169 [**Spk** diễn dịch nghĩa chỗ này là: Vị Tỳ kheo đẹp bỏ những hành-vi phù phiếm vô ích và theo đuổi, tu tập và tu dưỡng chủ-đề thiền căn bản của mình ngày và đêm để chứng quả A-la-hán. Rồi, khi những người khác nhìn thấy thầy đó và đạt được niềm-tin vào thầy đó, họ sẽ trở nên được dẫn đến tái sinh trong cõi trời. Như vậy là có sự “người này phòng hộ những người khác bằng cách phòng hộ chính mình”.] (169)

170 [04 chữ ở đây là *khantiyā avihimsāya mettatāya anudayatā ya*. **Spk** coi 03 chữ sau lần lượt là *sự bi-mẫn* (bi), *sự từ-ái* (từ), và *sự tùy-hỷ* (hỷ), và đã giải

nghĩa câu châm ngôn này của Phật từ một góc nhìn thu hẹp riêng về tầng sĩ như vậy: “Tỳ kheo đó tu tập những tầng thiền định (*jhāna*) dựa trên sự an-trú cõi trời (phạm trú, *brahmavihāra*), rồi sau đó dùng tầng thiền định làm cơ-sở cho sự minh-sát và chứng quả A-la-hán. Như vậy là có sự ‘người này phòng hộ những người khác bằng cách phòng hộ chính mình’.”

- Tuy nhiên, câu châm ngôn của Phật có thể được nhìn theo góc nhìn rộng hơn và sâu sắc hơn; mời đọc lại bài giảng của nhà sư trưởng lão Nyanaponika có tên “*Sự Phòng Hộ Thông Qua Các Nền Tảng Chánh-niệm*”.] (170)

171 [Kinh này được thuật lại trong phần giới thiệu về kinh *Chuyện Tiền Thân Ja 96*, kinh đó kết thúc bằng một thi kệ ám chỉ lại bài kinh này:

*Samatittikaṃ anavasesakaṃ
telapattaṃ yathā parihareyya
evaṃ sacittam anurakkhe
patthayāno disaṃ agatapubbaṃ.*

Giống như một người mang một chén dầu
Đầy đến miệng chén mà không làm đổ một giọt nào,
Người tu nếm phòng hộ tâm của mình như vậy,
Nguyện đến được phương chưa đến được trước giờ [=Niết-bàn].] (171)

172 [Từ tiếng Pāli không thể xác định được nghĩa đám đông tụ tập (i) bởi vì họ nghe tin có “Hoa hậu của vùng đất” hay (ii) bởi vì họ tụ tập đông đúc và hô lên “Hoa hậu của vùng đất!”. Tôi chọn dịch theo nghĩa đầu. **Spk** diễn dịch rằng: hoa hậu (người đẹp nhất) tức là người không bị khuyết điểm gì trong 06 khuyết điểm thân thể [quá cao, quá lùn, quá ốm, quá mập, quá đen, quá trắng] và được phú cho 05 loại vẻ-đẹp [của da, thịt, gân, xương, và tuổi]. Câu điển đạt “*paramapāsāvinī nacce, paramapāsāvinī gite*” (Hoa hậu của vùng đất đang múa! Hoa hậu của vùng đất đang hát!) có lẽ chỉ có duy nhất trong kinh này, không có trong kinh nào khác. **PED** giải thích chữ *pāsāvin* (mang lại), nhưng **MW**, mục chữ *pra-sava* (2) > *pra-savin*, xuất phát từ chữ *pra-sūti* (1) và có nghĩa là “hấp dẫn, hay”. **Spk** chú giải: “Về múa và hát sự thể hiện của cô ta là bậc nhất, sự biểu diễn của cô ta là hay nhất; cô ta múa và hát một cách hay bậc nhất.”] (172)

173 [Kinh này theo mẫu kinh như **45:18**. “*Những giới-hạnh thiện lành*” (*kusalāni sīlāni*) được **Spk** nhận dạng là “*04 sự thanh lọc giới-hạnh*”. Coi lại chú thích số 33 ở kinh **45:50** ở trên.] (173)

174 [Cụm chữ cuối: *sahassaṃlokaṃ abhijānāmi*. **Spk** chú giải: Chữ này chỉ sự an trú thường xuyên của Ngài A-nậu-lâu-đà. Vì sau khi sáng thức dậy và rửa mặt, vị trưởng lão ngồi trong chỗ trú của mình và quán tưởng một ngàn đại-kiếp trong quá khứ và một ngàn đại-kiếp trong tương lai [không có chú giải bổ sung từ **Spk-pt**]. Đối với hệ một ngàn thế giới (thiên hà thế giới, hệ một ngàn thế giới) trong hiện tại, thầy ấy theo đường của nó bằng cách hướng tới nó. Như vậy, với mắt thiên thánh (thiên nhãn) thầy ấy trực-tiếp biết (liễu tri) hệ thế giới một ngàn thế giới.] (174)

175 [**Spk**: Tiếp theo dưới là *sự mở rộng Diệu Đé 4 (Đạo đé)* [trong kinh *Chuyển Pháp Luân*] tới mỗi nền tảng của ‘*Bốn nền tảng chánh-niệm*’; coi kinh *Chuyển Pháp Luân*: **56:11** (Quyển 5 này).] (175)

176 [Sự tu-tập này cũng được mô tả (i) trong kinh **MN 123**, mục 22, như *một phẩm-chất kỳ diệu của Đức Phật*]; kinh **AN 4:41**, đoạn 3, như *một sự tu tập sự định-tâm*, và cũng có như vậy trong kinh **DN 33**, mục 1.11, (5); (ii) trong kinh **AN 7:38**, như *một yếu-tố dẫn tới 04 loại trí-biết mang tính phân tích (paṭisambhidā, vô ngại giải trí)*; và (iii) trong kinh **AN 8:09**, như *một sự tu-tập sự chánh-niệm và sự rõ-biết*.

- **Paṭis I** 178–80 thì coi sự tu-tập này liên quan tới ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’. **Spk** giải thích rằng *những cảm-giác, những ý-nghĩ, và những nhận-thức* là những thứ xảy ra liên quan tới *các cơ-sở cảm nhận* (sáu nội xứ) và *những đối-tượng* (sáu ngoại xứ) được thấu hiểu trong khi tu tập sự minh-sát (thiền quán).] (176)

177 [Ngay chỗ này chữ *paṭṭhāna* được dùng ở dạng “*số ít*” và do vậy có lẽ nghĩa là “*sự thiết lập chánh-niệm*” (thay vì “*các nền tảng chánh niệm*”).] (177)

178 [Sự tu-tập này được gọi là *satipaṭṭhānabhāvanā* (*sự tu-tập sự thiết lập chánh-niệm*), được gọi như vậy có lẽ do nó đưa sự tu-tập về *thiền-quán* đến một trình độ thâm sâu hơn sự luyện tập căn bản. Trong sự luyện tập căn bản

thì trách nhiệm đặt ra cho người thiền là quán sát một *nền tảng chánh-niệm* (niệm xứ) nào đó được chọn theo đúng khuôn mẫu đã được quy định (như trong kinh *Các Nền Tảng Chánh Niệm*). Tuy nhiên, ở giai đoạn này thì một người đạt được minh-sát tuệ nhìn thấu sự sinh và diệt của đối-tượng, lúc này là chuẩn bị con đường (lối mở) để đạt tới những sự-biết minh-sát (tuệ tri) thâm sâu hơn sẽ khởi sinh.

- Cụm ngữ *samudayadhammānupassu kāyasmimviharati* thường được dịch là “người đó quán sát trong thân những yếu-tố khởi sinh [những pháp sinh] của nó” [như cũng được ghi trong kinh **MN 10**, đoạn (*minh sát*) mục 31], với giả định rằng cụm chữ ghép có chứa một chữ số nhiều là *samudayadhammā* (những yếu-tố khởi sinh). Tuy nhiên, nghĩa số nhiều không phải là bắt buộc, và nó càng nhất quán hơn với cách dùng đuôi chữ *-dhamma* trong những lời kinh ở các kinh khác có nghĩa là “phải bị” hoặc “có bản chất của”. Trong kinh **SN 22:126** (Quyển 3), 03 cụm chữ “*samudayadhamma, vayadhamma, và samudayavayadhamma* có vai trò như những chữ ghép thuộc tính (*bahubbhi*, có tính từ, để bỏ nghĩa) để bỏ nghĩa cho mỗi uẩn của năm-uẩn; và có lẽ trong đoạn kinh này những cụm chữ đó cũng có nghĩa như vậy, đó là những chữ số ít, có nghĩa như “phải bị [mang bản chất] sinh, phải bị diệt, phải bị sinh và diệt”.] (178)

179 [Nguyên văn câu này là: *Mā vo amataṃ panassa*. **Spk** không chú giải gì, nhưng tôi coi chữ *panassa* là dạng quá khứ bất định của *panassati*. Học giả Woodward rõ ràng đã hiểu nó là chữ *pan’assa* và dịch là “Nhưng đừng để sự Bất-tử đó đến với các thầy” [**KS** 5:161]. Nhưng *pana* ở đây về mặt cú pháp là không có nghĩa như vậy.] (179)

180 [(Vì nói về thứ sinh và diệt, cho nên) chữ *satīpaṭṭhāna* ở đây rõ ràng có nghĩa là “bốn đối-tượng chánh-niệm” (thay vì “Bốn sự thiết-lập chánh-niệm” hay “bốn nền tảng chánh niệm”).] (180)

181 [Trong câu này *tâm (citta)* là đồng nghĩa = *thức (viññāṇā)*; phần *danh-sắc (nāmarūpa, tâm-thân)* là điều-kiện (duyên) làm khởi sinh *tâm* và cũng là điều-kiện làm khởi sinh *thức*. Bởi *tâm* luôn luôn khởi sinh dựa trên sắc-thân vật chất [là phần *sắc (rūpa)*] và kết hợp với *sự tiếp-xúc* (xúc), *nhận-thức* (tuồng), *những sự tạo-tác* (hành), và *sự chú-tâm* (tác ý) [là những thành phần

tạo nên phần *tâm* = *danh* (*nāma*)].] (181)

182 [Nguyên văn câu này: *Manasikārasamudayā dhammānaṃ samudayo*”. **Spk** chú giải rằng: *Những hiện-tượng [những giáo pháp, các pháp]* chính là ‘*bảy chi giác-ngộ*’ (thất giác chi) khởi sinh thông qua *sự chú-tâm kỹ càng* (như lý tác ý, chú-tâm đúng pháp); *những hiện-tượng* là ‘*năm chướng-ngại*’ (ngũ cái) khởi sinh thông qua *sự chú-tâm không kỹ càng* (phi như lý tác ý, sự chú-tâm không đúng pháp). So sánh với kinh **AN 10:58**, đoạn sau, các câu trả lời (1), (2), (3) ghi là: “*Manasikāra-sambhavā sabbe dhammā, phas-sasamudayā sabbe dhammā*” (*Tất cả mọi hiện-tượng (các pháp) đều đi đến hiện hữu (có, có mặt) thông qua sự chú-tâm (do có tác-ý mà có); tất cả mọi hiện-tượng đều khởi sinh từ sự tiếp-xúc (do có tiếp-xúc mà sinh).*)] (182)

183 [Kinh này giống hết kinh **47:18** ở trên, chỉ khác ở chỗ Đức Phật đang là người kể lại nguyên câu chuyện của kinh đó.] (183)

184 [Phiên bản **Ee** ghi sai các số kinh chỗ này là “**73 (1)–82 (10)**” mặc dù vẫn có 12 bài kinh. Cũng vậy, trong **NHÓM “Tìm Kiếm”** (*Esana-vagga*) tiếp theo, **Ee** cũng ghi nhầm là “**83 (1)–93 (11)**” thay vì đúng là “**85 (1)–94 (10)**.” Rõ ràng **Ee** đếm các kinh “*dục-vọng*” và “*sự thêm-khát*” thành 02 kinh riêng biệt, trong khi ở *Chương* trước thì **Ee** lại gom 02 kinh thành một.] (184)

185 [Phần kê tóm tắt này có khác nhau giữa 02 phiên bản **Ee** và **Be**. Tôi chọn theo **Be**.] (185)

186 [Phiên bản **Be** đặt *câu ghi chú* [►] này trước *bài kê tóm tắt*, nhưng tôi làm theo **Ee**, đặt *câu tổng ghi chú* ở sau cùng như vậy, vì nó hợp lý hơn.] (186)

187 [Như tôi đã chỉ ra trong phần *Giới Thiệu về Chương 48* này (trang 1508–1509, bản dịch tiếng Anh của TKBD): trong khi các *Chương* khác của *Quyển 5* này đều nói về **một** nhóm chủ-đề *khép kín riêng* (ví dụ như chủ-đề “*BátThánh Đạo*” **Chương 45**, “*Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm*” **Chương 46** ...) thì **Chương 48** này lại trình bày **nhều** nhóm chủ-đề *khác nhau* nhưng lại gom chung dưới cái tên của liên-kết (trương ung) là “[*Năm*] *Căn*”, cho nên nhìn vào thấy **Chương** này có tính hỗn-hợp và không đồng-nhất về ý nghĩa các chủ-đề. Nhưng cho dù vậy, phần nói về “*Các Căn Tâm Linh*” vẫn là phần *cốt yếu* của **Chương 48** này.

- Toàn bộ danh sách **22** căn tâm linh được ghi trong **Vibh 122**, được luận giải ở **Vibh-a 125–28**; coi thêm trong *Thanh Tịnh Đạo Vism 491–93 (Ppn 16:1–12)*. Điều thú vị là: danh sách này thuộc phần bộ *Phân-Tích* của *Vi Diệu Pháp Tạng*; phần *Indriya-vibhaṅga (Phân Tích Các Căn)*, lại không có chứa phần *Phân Tích Các Kinh*, điều này cho thấy rằng cái ý tưởng lấy “[Năm] Căn” (*Indriya*) để làm hạng-mục “chung” là thuộc về ý tưởng của *Vi Diệu Pháp Tạng* chứ không thuộc về ý tưởng của *Kinh Tạng*.] (187)

188 [Trong “37 phân tu trợ giúp giác ngộ” (37 phần bò-đề) khác nhau, riêng năm căn thì được trình bày bằng các công thức “ba-sự” là “sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi” [như kinh này], công thức “năm-sự” là “nguồn gốc, và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi”, và công thức “bốn-sự” là khuôn-mẫu “Bốn Diệu Đế” ... [như các kinh kể dưới]. Giải thích cho điều này thì có lẽ là do năm căn tâm linh là nằm trong cái danh-sách lớn “22 Căn” vốn được coi như “Danh mục thực-tại thuộc những hiện-tượng”, và do vậy chúng phải được giảng giải theo cách những hạng-mục rộng hơn được dùng để phân tích những thành-phần của thực-tại; (đây cũng là một trong 03 mục-tiêu lớn của *Vi Diệu Pháp Tạng*). Học giả Gethin đã thảo luận vấn đề này một cách đầy đủ hơn trong quyển “Đạo Phật đi đến Giác-Ngộ” (*The Buddhist Path to Awakening*), trang 123–125.] (188)

189 [Sự khác nhau giữa bậc thánh Nhập-lưu và A-la-hán cũng được nói tương tự trong các kinh song-hành là **SN 22:109** và **110** (Quyển 3).

► Đề ý: Trong các kinh nói về bậc “Nhập-lưu”, Đức Phật đã dùng danh từ “một người thánh đệ tử” (*ariyasāvaka*), tức người đã chứng ngộ vào dòng thánh đạo nhưng chưa tiêu diệt hết mọi ô-nhiễm và gông-cùm trói buộc. Còn trong các kinh [như kinh này và chỗ khác] khi nói về bậc “A-la-hán” [và “người đã giải-thoát”, “người đã niết-bàn”] thì Phật luôn định nghĩa và gọi bằng danh từ “một Tỳ kheo” (*bhikkhu*)! (189)

190 [Nguyên văn chú giải của **Spk**: Họ không hiểu những điều đó theo cách của *Bốn Diệu Đế* [đế, tập, diệt, đạo]. *Căn niềm-tin* (tín căn) xuất phát từ sự hướng tâm (phát tâm, thể hiện) theo cách của *sự quyết-tâm (adhimokkha)*; *căn nỗ-lực tu* (tinh tấn căn) theo cách của *sự áp-dụng (paggaha)*; *căn chánh-niệm* (niệm căn) theo cách của *sự thiết-lập (upaṭṭhāna)*; *căn định-tâm* (định

căn) theo cách của *sự không xao-lãng* (*avikkhepa*); *căn trí-tuệ* (tuệ căn) theo cách của *sự nhìn-thấy* (*dassana*). Cũng giống như vậy, tất cả các căn đều xuất phát từ sự hướng tâm theo cách của *dục* (*chanda*) [**Spk-pt** bổ sung: là *dục* (*ham-muốn*) *thiện* để hành động, xảy ra theo phương thức của sự mong-muốn phát khởi các căn] và xuất phát từ sự hướng tâm theo cách của *sự chú-tâm* (tác ý; *manasikāra*) [**Spk-pt** bổ sung: chính là *sự chú-tâm kỹ càng* (như lý tác ý, tác ý đúng pháp, tác ý thiện khéo) tạo ra sự hướng tâm khi nó xảy ra một cách yếu ớt theo cách của các căn.] (190)

191 [Mời đọc dãy kinh **55:02, 55:03** ... vân vân. Một sự trình bày song hành tương tự như vậy về *năm năng-lực* (*pañca bala*, ngũ lực) cũng được nói trong kinh **AN 5:15.**] (191)

192 [Coi thêm kinh **48:10** kể dưới.] (192)

193 [Ở đây chữ *satindriya* được giải thích là = *sati* có nghĩa là *sự nhớ, ký ức* hơn là *sự ý thức có chánh-niệm*. Mời coi lại chú thích số 63 trong kinh **46:03** trong *Chương 46* ở trên.

- Chữ “*sự cần-trọng*” (như *sự nhận biết kỹ càng, như lý xét biết*) là tạm dịch nghĩa chữ “*nepakkha*”. **Spk** chú giải: Chữ *nepakkha* vốn là một chữ thuộc trí-tuệ. Nhưng tại sao trí-tuệ lại được đề cập khi giảng giải về *sự chánh-niệm* ở đây? Là để chỉ sức mạnh của sự chánh-niệm, vì ở đây đang muốn chỉ sự chánh-niệm mạnh mẽ, và nó chỉ được mạnh mẽ khi kết hợp với trí-tuệ, không mạnh mẽ khi tách lìa trí-tuệ. Lời kinh được nói như vậy để chỉ sự chánh-niệm hội kết với trí-tuệ.] (193)

194 [Câu này: *vossaggārammaṇaṃ karitvā* (sau khi đã lấy ‘*sự buông bỏ giải thoát*’ [*sự thoát ly*] làm đối-tượng). Không rõ (chủ-thể) chỗ này là “*người thánh đệ tử*” hay “*sự thiên định*” lấy ‘*sự buông bỏ giải thoát*’ làm đối-tượng, nhưng theo tôi thì hiểu đó là nghĩa sau. Còn **Spk** thì giải nghĩa câu này nghĩa là = *sau khi đã lấy Niết-bàn làm đối tượng*. ► (Nhân tiện: về chữ dịch là “*sự buông bỏ giải thoát*” (*vossagga*), mời quý vị nên coi lại chú thích số 7 ở kinh **46:02** (Quyển 5 này), và chú thích số 188 của kinh **AN 1:345**).

- Trong kinh **AN 1:345** có ghi câu: “... *những chúng sinh đạt được sự định-tâm, sự nhất-điểm của tâm, dựa trên sự buông bỏ giải thoát, là số ít; những*

chúng sinh không đạt được sự định-tâm, sự nhất-điểm của tâm, dựa trên sự buông bỏ giải thoát, thì rất nhiều.” Hiem thấy có kinh nào khác trong các bộ kinh *Nikāya* có ghi cụm chữ *vossaggārammaṇa samādhī* (sự định-tâm, sự nhất-điểm của tâm, dựa trên sự buông bỏ giải thoát) này, tuy nhiên cụm chữ này có ghi trong luận giảng **Paṭis**, và cụm chữ này và sự chú-giải về nó đã chiếu luồng ánh sáng làm sáng tỏ về cách mà các luận giảng truyền thống đã diễn dịch nó. **Paṭis II** 96–97 đã dùng thuật ngữ này để giải thích câu “[người tu] tu tập sự vắng-lặng [định] được dẫn trước bởi sự minh-sát [quán]” (*vipassanāpubbaṅgamam samatham bhāveti*) [kinh **AN 4:170**, đoạn (2)] như vậy: “Sự minh-sát có nghĩa của sự quán-sát (mọi thứ) là vô-thường, là khổ, là vô-ngã. Sự định-tâm là sự không xao-lãng, sự nhất-điểm của tâm có ‘sự buông bỏ giải thoát’ là đối-tượng của những hiện-tượng được tạo ra trong đó (*tattha jātānaṃ dhammānaṃ ca vossaggārammaṇatā cittassa ekaggatā avikkhepo samādhī*). Như vậy là, trước tiên có sự minh-sát (quán), sau đó có sự vắng-lặng (định).”

- Về điều này, **Paṭis-a III** 586–87 đã luận giải rằng: “Những hiện-tượng được tạo ra trong đó: là gồm những hiện-tượng của tâm (tâm pháp) và những yếu-tố của tâm (tâm giới) được tạo ra bởi sự minh-sát đó. Về câu: ‘sau khi có đối-tượng là ‘sự buông bỏ giải thoát’: nghĩa là ở đây ‘sự buông bỏ giải thoát’ là Niết-bàn, vì Niết-bàn được gọi là ‘sự buông bỏ giải thoát’ bởi vì nó là sự thoát khỏi lìa bỏ cảnh giới hữu-vi (có điều-kiện), là sự từ-bỏ nó. Sự minh-sát có nối kết liên hữu với ‘sự buông bỏ giải thoát’ có Niết-bàn là đối-tượng, Niết-bàn là chỗ-dựa, bởi chúng được thiết lập trên Niết-bàn là chỗ-dựa của chúng theo cái nghĩa là “ngã về Niết-bàn” theo cách của khuynh-hướng là “đỏ về, hướng về, ngã về Niết-bàn” ...

- Sự định-tâm là sự không xao-lãng được phân biệt thành cận-định và định (*upacārappanābhedo avikkhepo*), gồm có sự nhất-điểm của tâm được phát khởi bởi sự được thiết lập dựa trên Niết-bàn, có sự được thiết lập dựa trên Niết-bàn đó là nguyên-nhân bằng cách lấy ‘sự buông bỏ giải thoát’ là đối-tượng của những hiện-tượng được tạo ra trong đó. Như vậy ở đây là mô tả về sự định-tâm tham dự vào sự thâm-nhập (*nibbedhabhāgiyo samādhī*), được phát khởi kể sau sự minh-sát.”] (194)

195 [Spk chú giải cụm chữ “chú hướng tới hay nhắm tới sự khởi-sinh và biến-

qua [sinh và diệt] (udayatthagāmiyā) là: *udayañ ca atthañ ca gacchantiyā*, và giải nghĩa nó là: *udayabbayapariggahikāya* (nhận biết sự lên và xuống). Nghĩa này là đồng dạng với loại trí-tuệ để quan sát *sự khởi-sinh (samudaya)* và *sự biến-qua (atthagama)* của *năm uẩn*, như đã được mô tả trong những lời kinh mẫu trong các kinh SN 12:21 (Quyển 2), 22:05 (Quyển 3) ... vân vân.] (195)

196 [Spk chú giải: Trong kinh này các *căn niềm-tin, chánh-niệm*, và *trí-tuệ* là phần sơ khởi [*pubbabhāga*, theo nghĩa chúng là những thứ dẫn trước của thánh đạo siêu thế]; *căn nỗ-lực tu* là hỗn hợp [sơ khởi và siêu thế]; chỉ riêng *căn định-tâm* là siêu thế.] (196)

197 [Nguyên văn cụm chữ này: *sammappadhāne ārabba*. Spk giải nghĩa cụm chữ là: *sammappadhāne paṭicca, sammappadhāne bhāvento ti attho* (tùy thuộc vào bốn sự chuyên-cần tu (tứ chánh cần); nghĩa của nó là: ‘bằng sự tu tập bốn sự chuyên-cần tu’).] (197)

198 [Chú thích ở kinh 25:01 (Quyển 3) đã chỉ ra sự khác-biệt giữa *người căn tín (saddhānusārī)* và *người căn trí (dhammānusārī)*. Spk giải thích như vậy: (a) Con đường của người căn-trí (tu theo Giáo Pháp) thì sắc bén, trí-biết của người tu đó xảy ra dững mãnh hơn. Người đó chặt đứt những ô-nhiễm một cách dễ dàng, giống như chặt thân cây bằng con dao sắc bén. (b) Con đường của người căn-tín thì không sắc bén, sự-biết của người đó cũng không xảy ra một cách dững mãnh. Người đó chặt đứt những ô-nhiễm một cách vất vả hơn, giống như chặt thân cây bằng con dao cùn.] (198)

199 [Ee đã bỏ cách ghi đúng là *phalavemattatā*, thay vào đó là cách ghi sai là *balavemattatā*. Spk đã chú giải chữ này là = *phalanānattena*, theo nghĩa là một chữ công cụ.] (199)

200 [Spk: Người “*kích hoạt chúng một cách toàn vẹn*” (*paripūrakārī*) là người tu tập toàn vẹn thánh đạo A-la-hán thì sẽ “*thành công một cách toàn vẹn*” (*paripūram ārādheti*), tức chúng được thánh quả A-la-hán. Còn người “*kích hoạt chúng từng phần*” (*padesakārī*) là người tu tập 03 thánh đạo thấp hơn thì sẽ “*thành công từng phần*” (*padesam ārādheti*), tức chỉ chúng được những thánh quả thấp hơn A-la-hán. So sánh với kinh AN 3:86, AN 3:87.] (201)

201 [Về 05 hạng của bậc thánh Bất-lai ở đây [(ii)-(vi)], mời coi chú thích 65 kinh **46:03** ở trên, tương ứng với [(iii)-(vii)] trong kinh đó.]. (201)

202 [Spk: Trong kinh này thì các *căn* được nói là hoàn toàn thuộc siêu-thế. Mặc dù lời kinh ở đây giới hạn các căn tới mức tối thiểu là bậc Nhập-lưu, nhưng theo kinh điển Pāli, bắt đầu bằng *Vi Diệu Pháp* (Abhidhamma), vẫn coi các căn là những ‘khả-năng’ thiện lành cũng có được bởi những người phàm phu thế tục. Một số trường phái thời Phật giáo tiền thân thì nghiêm ngặt hơn về chỗ này. Coi thêm sự thảo luận về chỗ này trong quyển “*Đạo Phật Đi Đến Giác-Ngộ*” (*The Buddhist Path to Awakening*), trang 126–38, của học giả Gethin. – Nhân tiện, câu ‘*người ngoài cuộc, người đứng trong thành phần phàm phu tục chúng*’ cũng có ghi ở đoạn thứ hai ở kinh **55:40** (Quyển 5 này).] (202)

203 [Coi thêm kinh **35:154** (Quyển 4) và chú thích 152 của nó.]. (203)

204 [Tên kinh viết đúng là “*Punabbhava Sutta*” như trong **Be** và **Se**. [Sự đồng hóa năm-căn ở đây với các yếu-tố (giới), năm uẩn (uẩn), và sáu cơ-sở cảm-nhận (xứ) nên được hiểu theo cách chú giải trong chú thích số 188 của kinh **48:02** ở trên.].] (204)

205 [Căn nữ (*itthindriya*) và căn nam (*purisindriya*) rất hiếm được thấy nói trong các kinh bộ *Nikāya*, nhưng chúng có được nói một cách quan trọng trong kinh **AN 7:51**. Hai căn này nằm trong những loại thể sắc phái sinh (*upādā rūpa*) theo *Vi Diệu Pháp Tạng* (Abhidhamma); chúng được định nghĩa trong **Dhs 633–334** và **Vibh 122–123**, và được luận giải trong **As 321–323** và **Vism 447 (Ppn 14:58)**. **Spk** nói rằng *căn nữ* thì thực hiện việc kiểm soát bên nữ giới [tức, quyết định những tướng nét của nữ giới]; căn nam thì làm vậy bên nam giới. Còn căn sinh mạng (*jīvitindriya*, căn mạng sống) là một loại thể sắc phái sinh khác, chịu trách nhiệm duy trì những hiện-tượng đồng sinh thuộc sắc-thân. Chữ này được định nghĩa trong **Dhs 635** và **Vibh 123**, và được giảng luận trong **As 323** và **Vism 447 (Ppn 14:59)**.] (205)

206 [Kinh này cũng có trong tập kinh **It [It 53]** ở đó có thêm phần thi kệ để phần nào giúp giải thích ý nghĩa của nó. 03 căn này được định nghĩa chính thức trong **Vibh 124**, nhưng ngắn gọn hơn trong **Spk**. **Spk** chú giải rằng: Cái

căn “*Ta sẽ biết điều hiện-chưa-biết*” (*anaññātaññassāmitindriya*) là căn khởi sinh vào một thời-điểm trong chặng *thánh đạo* Nhập-lưu trong khi người tu đang thiền tập với *ý-nghĩ* (tâm) rằng “*Ta sẽ biết Giáo Pháp mà ta chưa biết trước giờ trong vòng luân-hồi vô thủy.*” Còn căn của *trí-biết cuối cùng* (*aññindriya*) là căn khởi sinh trong 06 chặng kể từ chặng *thánh quả* Nhập-lưu [cho tới chặng *thánh đạo* A-la-hán]; nó diễn ra theo cách của *sự biết thâm sâu hơn* về những điều đã được biết [ở chặng *thánh đạo* đầu tiên]. Còn căn của người được phú với *trí-biết cuối cùng* (*aññātāvindriya*) là căn khởi sinh đối với người mà *mọi sự đã được hoàn-toàn biết* (liễu tri) ở chặng *thánh quả* A-la-hán.] (206)

207 [Kinh này, lặp lại *năm căn*, dường như là không đúng chỗ (hơi lạc chủ-đề của) **NHÓM** kinh này.

- Về 05 hạng của *bậc Bất-lai*, mời coi lại chú thích 65 kinh **46:03** ở trên.

- **Spk** chú giải: **(viii)** Chữ *ekabījī* (*người gieo giống một-lần*) là chỉ một *bậc Nhập-lưu* sẽ chứng *thánh quả* A-la-hán ngay trong 01 *kiếp* sau (tức ngay trong 01 lần tái sinh, thay vì trong 07 *kiếp*); **(ix)** chữ *kolaṅkola* (*người họ tộc này thành họ tộc khác*) là người còn dính trong *luân-hồi* sinh tử trong 2-3 *kiếp* nữa, sau đó mới chấm dứt sự khổ, (nghĩa đen: còn bị tái sinh một *kiếp* trong gia đình họ tộc này, *kiếp* khác trong một gia đình họ tộc khác; tức chưa đạt đến *Bất-lai* hay A-la-hán); và **(x)** chữ *sattakhattuparama* (*người còn tái sinh tới đa 07 kiếp nữa*): là người chỉ còn bị tái sinh trong *tối đa 07 kiếp*, không có *kiếp* thứ 8. Cả 03 hạng người này cũng được định nghĩa trong **Pp 15–16**, và lặp lại trong **Pp-a 195–197**.] (207)

208 [**Spk**: *Căn mắt* chính là *mắt*, được coi là một căn theo nghĩa nó kiểm soát hoặc điều khiển những hiện tượng khởi sinh ở *cửa-mắt*, nên gọi là “*căn mắt*” (nhãn căn). Định nghĩa và cách giải thích tương tự đối với các căn còn lại là: tai, mũi, lưỡi, thân, tâm. (Nói cách khác, trong **22** căn thì 06 căn này là 06 căn (*để*) *cảm-nhận* ở các cửa tiếp xúc (06 cửa giác-quan).] (208)

209 [► Chỉ lưu ý lại: Đức Phật luôn dùng danh từ “*một Tỳ kheo*” (*bhikkhu*) để chỉ người chứng *thánh quả* A-la-hán, và dùng danh từ “*một đệ tử thánh thiện*” (thánh thanh văn, *ariyasāvaka*) để chỉ người chứng các *thánh đạo* và *thánh*

quả thấp hơn. Coi thêm lại các mẫu kinh song hành **SN 48:04, 48:05** ở trên, và **48:33** bên dưới.] (209)

210 [Sự phân biệt khác nhau giữa các căn này sẽ được giải thích trong nội dung kinh của kinh **48:36** bên dưới.]

- **Spk**: sự *sróng* (lạc) là một căn theo nghĩa nó kiểm soát hay điều khiển những trạng thái *sróng*: do vậy được gọi là “*căn sróng*”. Giải thích tương tự cho các căn kia ... Ở đây, các *căn sróng*, *căn khổ*, và *căn buồn* (lạc, khổ, ưu) thì chỉ *thuộc cảnh dục-giới*; *căn vui* (hỷ) thì thuộc cả *03 cảnh giới* nhưng không *thuộc cảnh vô-sắc giới*; *căn xả* (xả) thì thuộc cả *04 cảnh giới*.

- Việc phân định các căn này theo các cảnh giới là dựa theo cách của *Vi Diệu Pháp Tạng*, theo đó: *sróng* và *khổ* chỉ xảy ra trong *thức-thân*, là một *citta* (tâm, thức) *thuộc cảnh dục-giới*; *buồn* (ưu) chỉ xảy ra trong những *citta* có đi kèm bởi *sân*, nó cũng *thuộc cảnh dục-giới*; *vui* (hỷ) xảy ra trong những *citta thuộc cảnh dục-giới*, là *citta* thuộc *03 tầng thiên định thấp* (nhất, nhị, tam thiên), và trong một số *citta* siêu-thế; *buông-xả* (xả) thì xảy ra trong những *citta thuộc cảnh dục-giới*, là *citta* thuộc tầng thiên định thứ tư (tứ thiên), tất cả *citta* thuộc *cảnh vô-sắc giới*, và trong một số *citta* siêu thế. Coi thêm **CMA 3:2–4.**] (210)

211 [**Spk**: “*thuộc thân*” (*kāyikaṃ sātamaṃ*) nghĩa là dựa vào sự cảm-nhận của thân (*kāyappasāda vatthuka*); “*dễ chịu*” ở đây là đồng nghĩa với “*sróng, lạc*”, nghĩa gốc có nghĩa là “*ngọt ngào*” (*madhura*).] (211)

212 [Theo *Vi Diệu Pháp Tạng* (*Abhidhamma*) thì mọi cảm-giác thuộc thân, tức cảm giác khởi sinh qua sự cảm-nhận của thân (*kāyappasāda*), chỉ là *sróng* hoặc *khổ*; không có loại cảm-giác trung tính dựa trên sự cảm-nhận của thân. Vì vậy, **Spk** đã giải thích sự *buông-xả thuộc thân* là cảm-giác khởi sinh dựa trên *04 cơ-sở cảm-nhận* thuộc thân còn lại: như mắt, tai, mũi, lưỡi. Chữ *up-ekkhā*: sự *buông-xả*, có 02 biểu nghĩa chính. (i) *Về mặt cảm-giác*, nó chỉ *cảm-giác trung tính*, tức không khổ không *sróng* (*adukkhamasukhā vedanā*), không dễ chịu cũng không khó chịu. Còn *về mặt tính chất của tâm* (tâm tính), nó chỉ sự trung dung, không thiên vị, hay sự cân bằng của tâm [được gọi là *tatramajjhataṭṭā* trong *Vi Diệu Pháp Tạng*, quy nó thuộc nhóm *hành-uẩn*

(*saṅkhārakkhandha*).

- Theo nghĩa thứ hai (*ii*) này, *sự buông-xả* (xả) được hiểu (1) là ứng với *cánh trời thứ tư* trong ‘04 phạm trú hay 04 tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả’ [là = sự không thiên vị không thiên kiến đối với tất cả chúng sinh], (2) là *chi thứ bảy* trong ‘07 chi giác-ngộ’ [là = sự cân bằng của tâm, sự bình tâm], và (3) là *một phẩm-chất (yếu tố)* trong trạng thái tầng thiền định được ghi trong công-thức định nghĩa của tầng thiền định thứ ba và thứ tư [là = yếu tố xả].

- (Nói gọn cách khác, *xả* là có 03 dạng: (1) là *tâm xả* [thuộc từ, bi, hỷ, xả] là ứng với 04 *sự an trú cõi trời* (04 phạm trú); (2) là *chi xả* [thuộc 07 chi giác-ngộ]; và (2) là *yếu-tố xả* [thuộc tam thiền, tứ thiền].

- Sự giảng giải chi tiết hơn về những nghĩa của *xả* (*upekkhā*), mời coi **Vism 160–62 (Ppn 4:156–70).**] (212)

213 [So sánh chỗ này với lời kinh *tương tự* trong các kinh **12:62** (Quyển 2) và **36:10** (Quyển 4). Cả 02 kinh đó cũng có luôn ví dụ que mỗi lửa.] (213)

- (Nhân tiện: để ý trong 05 đoạn (1)-(5) bên dưới, ‘*cảm-giác*’ là đồng nghĩa với ‘*căn*’ giống như định nghĩa trong chú thích của kinh dẫn đầu **NHÓM** này, kinh **38:31**.)

214 [Tên Pali là *Uppatipātika* (*Thứ Tự Bất Thường*). **Spk** chú giải: Mặc dù được giảng giải thuận theo “vị” của Giáo Pháp [làm theo **Be** ghi là: *yathā-dhammarasena*; **Se** thì ghi: *yathādhammārammaṇavasena*], nhưng tên bài kinh lại đặt là “*Thứ Tự Bất Thường*” bởi do nó không được giảng giải giống như các kinh khác về *thứ tự phân tích các căn này* của chúng. **Spk-pt** giải thích cụ thể hơn: Sở dĩ tên kinh này được đặt như vậy là bởi vì nó được giảng giải theo *thứ tự của những yếu-tố được loại bỏ theo trong tiến trình thiền-định* {bắt đầu từ sự loại bỏ yếu tố *khổ* (khổ) trong Nhất thiền, rồi tới sự loại bỏ yếu tố *buồn* (ưu) trong Nhị thiền, rồi loại bỏ yếu tố *vui* (hỷ) trong Tam thiền, loại bỏ yếu tố *sướng* (lạc) trong Tứ thiền} chứ không theo *thứ tự thông thường* được ghi trong câu đầu của các kinh là từ *căn sướng, khổ, vui, buồn, và xả*.”] (214)

215 [04 chữ này: *sanimittam sanidānam asaṅkhāram sappaccayam*. Ở đây,

04 chữ như đồng nghĩa với nhau.] (215)

216 [Từ chỗ này trở đi bài kinh đã được trích dẫn rất nhiều trong **Vism** 165–66. Những chú-giải của **Spk** là tương ứng theo **Vism** 166 (**Ppn** 4:186–89). Trong những chú thích tiếp theo tôi chỉ chọn giải thích những điểm chính mà thôi.] (216)

217 [**Spk**: *Căn khổ* (khô) thực sự chấm dứt và được loại bỏ ở *thời-khắc cận định* của tầng thiền định thứ nhất; *căn buồn* (ưu) ... ở *thời-khắc cận định* của tầng thiền định thứ hai ... Tuy nhiên sự chấm-dứt thực sự của chúng là xảy ra bên trong (trạng thái) tầng thiền định, bởi vì *sự chấm-dứt triệt để* (*atisayanirodha*, *sự chấm-dứt được gia cố, được củng cố*) là xảy ra trong đó. *Sự chấm-dứt bình thường* xảy ra lúc cận định, *sự chấm dứt triệt để* (được gia cố, củng cố) xảy ra bên trong các tầng thiền định. Như vậy, chẳng hạn như, mặc dù *căn khổ* đã chấm dứt vào lúc tiếp cận vào Nhất thiền, nhưng nó (= cảm-giác khổ) có thể khởi sinh lại do bị tiếp xúc với ruồi muỗi hay chỗ ngồi thiền khó chịu; nhưng nó không thể khởi sinh lại một khi đã chứng nhập trong tầng thiền định. [Ở bên trong trạng thái tầng thiền định] khi toàn bộ thân đang ngập tràn trong *sự hoan-hỷ* (hỷ) và chìm ngập trong *sự sướng* (lạc) thì *căn khổ* chấm dứt triệt để, bởi nó đã bị đánh tan bởi sự đối nghịch của nó (là hỷ và lạc).] (217)

218 [Tôi đọc theo **Se** và **Ee** là “*tathatthāya cittaṃ upasamharati*”; còn **Be** ghi chữ đầu là “*tadatthāya*”. **Spk**: Với người chưa chứng đắc thì hướng tâm mình với mục đích *phát khởi nó* (tầng thiền định); với người đã chứng đắc thì hướng tâm mình với mục đích *chứng nhập đó*.] (218)

219 [Chỗ này dường như khó mà đồng nhất với công thức định nghĩa kinh điển về các tầng thiền định, trong đó đã ghi rõ: Trong tầng thiền định thứ nhất là đã không-còn mọi trạng thái bất thiện, ngay cả trạng thái buồn bực phiền ưu (*domanassa*). **Spk** giải thích: *căn buồn* được loại bỏ vào *thời-khắc cận định* tầng thiền định thứ hai, nhưng nó khởi sinh lại khi có sự mệt mỏi về thân hay sự căng thẳng của tâm đối với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ). Nhưng một khi đã ở bên trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái không còn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm hết tứ), thì căn buồn tuyệt đối không khởi sinh nữa.] (219)

220 [*Căn sướng (sukhindriya)* ở đây chính là = *cảm-giác sướng thuộc thân* (lạc thọ) chứ không phải là yếu tố *sự hạnh-phúc* (lạc) [cũng được gọi bằng chữ *sukha*] mà người thiền được tả là “*trải nghiệm bằng thân*” trong tầng thiền định thứ ba. Chữ *sukha* thứ hai thực ra là *sự hạnh-phúc thuộc tâm* (tâm lạc), đồng nghĩa = chữ *somanassa*. (Tức là căn sướng = cảm-giác sướng (lạc thọ) là khác với sự hạnh-phúc (lạc) được người thiền bằng thân trải nghiệm nó trong trạng thái tầng thiền định thứ ba).

- **Spk** chú giải: *Căn sướng* đã được loại bỏ rồi ở lúc cận định tầng thiền định thứ ba, nhưng nó vẫn có thể khởi sinh lại khi thân bị tiếp xúc bởi những hiện-tượng vật lý siêu phàm phát sinh từ sự hoan-hỷ (hỷ); nhưng một khi ở trong tầng thiền định thứ ba thì nó không còn khởi sinh nữa, bởi vì trong đó yếu tố hoan-hỷ [là duyên tạo ra sự sướng thuộc thân] đã chấm dứt triệt để.

- (Như vậy lời câu kinh cuối đoạn ở đây là chỉ *sự chấm-dứt sự sướng của thân* (thân lạc) chứ không phải *sự hạnh-phúc của tâm* (tâm lạc), bởi vì trong tầng thiền định thứ ba thì yếu tố lạc (của tâm) vẫn còn là yếu tố nổi trội.) (220)

221 [Chỗ này thì lời kinh là hoàn toàn tương thích với công thức định nghĩa kinh điển về các tầng thiền định. **Spk**: Mặc dù yếu tố hoan-hỷ (hỷ) đã bị loại bỏ thậm chí từ *lúc cận định* của tầng thiền định thứ tư, nhưng do nó vẫn còn ‘mới xong’, còn ‘hoi hướng’, nên nó vẫn có thể khởi sinh trở lại, *bởi do lúc đó còn thiếu yếu tố buông-xả* [để xả bỏ trạng thái hoan-hỷ đó] *cho nên sự loại bỏ đó vẫn chưa tuyệt đối*. Nhưng một khi ở trong tầng thiền định thứ tư thì nó tuyệt đối không còn khởi sinh lại.] (221)

222 [**Spk** dường như lưỡng lự, không muốn công nhận rằng thân của Đức Phật có thể cho thấy những dấu-hiệu thực của sự già và **Spk** chỉ liên tục lặp lại rằng: tất cả những biến-đổi đó là không dễ thấy được đối với những người khác mà chỉ dễ nhận thấy đối với thầy Ānanda, là người thường xuyên ở bên cạnh Phật. **Spk** nói thêm rằng: *bản thân các căn là không nhìn thấy được (vô hình)*, không thể được nhìn thấy (chúng) đã trải qua sự tàn hoại, nhưng thầy Ānanda chỉ suy luận ra điều đó dựa trên cơ sở của những đổi-thay có thể nhìn thấy được (như sắc diện, bề ngoài, cử chỉ, động tác, sự chậm và yếu ... của Đức Phật) sau khi thầy ấy đã để ý quan sát ở Phật.] (222)

223 [*Búp bê kiếng xinh đẹp (manoramaṃ bimbaṃ)* là chỉ cái thân thể.] (223)

224 [Lời 02 câu kệ cuối này giống tương tự 02 câu cuối trong thi kệ 442 ở kinh **3:25** (Quyển 1).] (224)

225 [Phần đối thoại này cũng có ghi trong kinh **MN 43**, mục 21. Mặc dù 05 căn thường được nhận dạng là 05 cơ-quan cảm-nhận của thân (05 giác-quan vật lý; tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân), nhưng 05 căn được nói ở đây trong kinh này có lẽ là tương ứng với 05 loại thức cảm-nhận, bởi vì các căn cảm-nhận của thân thì không thể được nói là chúng trải nghiệm (*paccanubhoti*) một khu-vực khách quan (*visaya*) hay một trú xứ (*gocara*). Chức năng của chúng chỉ là phương-tiện thông qua nó thức nhận biết những đối-tượng.] (225)

226 [Nguyên văn câu này: *Manopaṭisaraṇaṃ mano ca nesamaṃ gocaravisayaṃ paccanubhoti*. **Spk** chú giải: căn tâm (*mano*) ở đây là cửa-tâm *javana*, nó trải nghiệm đối tượng theo cách của tham, sân, si. Theo ý kiến riêng của tôi [TKBD], ở đây không cần thiết phải đưa vào góc nhìn về mặt đạo đức (tham, sân, si) làm gì cả. Tôi diễn dịch câu này một cách đơn giản là: thức-tâm tiếp cận dữ liệu được cung cấp bởi năm loại thức cảm-nhận kia, rồi nó đối chiếu, phân loại, và diễn dịch dựa theo kho dữ liệu của mình [kho dữ liệu gồm có đồng đồng những khái niệm và quan niệm đã chấp giữ từ dài lâu trước giờ].] (226)

227 [**Spk** diễn dịch: sự chánh-niệm là đạo, sự giải-thoát là quả.] (227)

228 [Coi lại đoạn này là giống đoạn cuối ở kinh **SN 23:01** (Quyển 3) và chú thích 243 của nó. Chữ *ajjhaparam* ghi trong **Ee** nên được sửa lại. **Be** ghi là *accayāsi*, **Se** ghi là *accasarā*; 02 chữ này đều chấp nhận được. (*Đã đi quá giới hạn của sự hỏi, đã không nắm được giới hạn của sự hỏi* là bởi vì *Niết-bàn* đã là cuối cùng của vấn đề được hỏi).] (228)

229 [Câu cuối này là một cách tuyên bố (định nghĩa) thông thường về một người đã chứng quả Bất-lai. Tuy nhiên, lạ thay, **Spk** lại chú giải rằng: Câu này được nói như vậy để chỉ rằng ông ta đứng ở vị trí một bậc “*Bất-lai Jhāna [tầng thiền định]*”, có nghĩa rằng, ông ta là bậc Nhập-lưu đã loại bỏ năm *gông-cùm thấp hơn* (hạ phần kiết-sử) nhờ chứng đắc tầng thiền định thứ nhất. Nếu ông ta chết mà không bị rớt ra khỏi trạng thái tầng thiền định (*jhāna*) thì

ông ta sẽ tái sinh trong cảnh giới cao hơn và từ ở đó sẽ chứng Niết-bàn luôn. Còn nếu (lúc chết) ông ta mất (khi không ở trong) trạng thái tầng thiền định, thì nơi-đến của ông ta là không xác định được. Tuy nhiên, do ông đã không mất trạng thái thiền định đó, cho nên nơi-đến của ông ta đã được định xong; cho nên Đức Phật mới nói câu tuyên bố này để chỉ rằng ông ta đã là một bậc “*Bát-lai Jhāna*”.] (229)

230 [Lời kinh như vậy làm như dường như rằng chẳng có gì khác nhau thực sự giữa *các căn* và *các năng-lực*, rằng *05 năng-lực* chỉ là *05 căn* chẳng qua được nhìn từ những góc độ khác nhau mà thôi. Mặc dù ai cũng thích nhìn thấy *các năng-lực (bala)* là giai đoạn được tu tập cao hơn *các căn*, nhưng thực ra trong Kinh Tạng và các luận giảng không hề nói như vậy. **Spk** nói rằng: một yếu tố để phân biệt là: (i) căn niềm-tin (tín căn) “là theo nghĩa nó thực thi sự kiểm soát về đặc tính quyết-tâm” (*adhimokkhalakkhaṇe indaṭṭhena saddhindriyam*), và (ii) năng-lực niềm-tin (tín lực) “là theo nghĩa nó bị lay chuyển (yếu) bởi do thiếu niềm-tin” (*assaddhiye akampanena saddhābalaṃ*). (Tạm hiểu: căn là theo góc nhìn chỉ ‘chức năng’, lực là theo góc nhìn chỉ về ‘cường độ mạnh yếu’). Một cách tương tự, 04 căn còn lại (căn nỗ-lực tu, chánh-niệm, chánh-định, trí-tuệ) là *thực thi sự kiểm soát lần lượt* đối với *sự áp-dụng, sự thiết-lập, sự không xao-lãng, và sự nhìn-thấy* (*paggaha, upaṭṭhāna, avikkhepa, dassana*); chúng là *những năng-lực* trong đó chúng không bị lay chuyển bởi sự lười-biếng (thiếu tinh tấn), sự không-nhớ (thất niệm), sự xao-lãng (thất định), và sự vô-minh (thất tuệ).] (230)

231 [Nguyên văn câu này: *Na khvāhaṃ ettha bhante bhagavato saddhāya gacchāmi*. Về câu thành ngữ này, mời đọc lại chú thích 321 trong kinh **41:08** (Quyển 4), trong đó gia chủ Citta cũng “đặt đề” bằng cụm chữ “*không có niềm-tin vào Phật*” để sau đó “giải đề” rằng “*vì do tự mình thấy biết điều đó nên không phải tin vì dựa theo lời của Phật*”.] (231)

232 [**Spk** chú giải: **Spk**: Trong kinh này, và 05 kinh tiếp theo, chỉ thảo luận các căn của quả (*phalindriyān’ eva*). **Spk-pt** bổ sung: Vì giáo lý đã được truyền theo con đường của quả tối thượng.] (232)

233 [Chữ này **Be** và **Ee** ghi là *jātijarāmarāṇaṃ khayān ti kho*; **Se** ghi là *jāti-jarāmarāṇaṃ khayantaṃ kho*. Câu này sẽ đọc rõ nghĩa hơn nếu chúng ta ghi

đúng là *jātijarāmarañassa khayantāni kho.*] (233)

234 [Lưu ý: **Spk** gọi *niêm-tin* (tín) này là loại “*niêm-tin sau khi quán xét lại*” (*paccavekkhaṇasaddhā*). Nhưng bởi vì lời kinh nói rằng: *người đệ tử đã “chọc thủng bằng trí-tuệ” những điều “chỉ nghe trước đó”,* cho nên vai trò chính xác của *niêm-tin* (tín) ở đây là không rõ ràng (vì rõ ràng người tu giác ngộ bằng trí-tuệ (tuệ) chứ không phải bằng niềm-tin (tín).] (234)

235 [Cụm chữ này trong **Be** và **Se** ghi là *bodhipakkhiyā dhammā*, mặc dù **Ee** thì ghi *bodha-* và **SS** ghi *bodhapakkhikā*. Trong các luận giảng thì cụm chữ *bodhipakkhiyā dhammā* này là một *danh ngữ bao trùm* (ô dù) để chỉ 07 bộ của những *chi phần tu-tập* (tạo thành 37 phần trợ giúp giác-ngộ) được dạy đi dạy lại bởi Đức Phật, nhưng trong những kinh này thì danh ngữ này được dùng với nghĩa linh hoạt hơn, theo nghĩa nói chung, ít bị bó hẹp theo nghĩa học thuật phải là một thuật ngữ trong Phật giáo. Coi thêm phần thảo luận về vấn đề này trong quyển *Đạo Phật Di Đền Giác Ngộ (Buddhist Path to Awakening)* của Gethin, trang 289–98.] (235)

236 [*Sự-biết thánh thiện (ariyañāṇa, thánh tri)* theo lời kinh rõ ràng là thay mặt cho *căn trí-tuệ* (để phân biệt với 04 căn kia). **Spk** nói rằng 04 căn kia là dạng *lưỡng căn* [tức vừa thế tục vừa siêu thế], trong khi *sự-biết thánh thiện* là siêu thế. [**Spk-pt** bổ sung: nó chỉ *sự-biết của thánh đạo*]; nhưng chúng ta cũng có thể coi nó là *lưỡng căn* luôn, nếu hiểu rằng nó cũng dựa trên 04 căn kia mà có.] (236)

237 [Nguyên văn: *Ito bahiddhā (bên ngoài, bên ngoài chỗ này)*. Nghĩa là ngoài Tăng Đoàn của Phật. Chữ này cũng được ghi ở các kinh **Dhp 254–255.**] (237)

238 [Nguyên văn cả câu này: *Yamgatikāni yamparamāni yamphalāni yampariyosānāni nah’ eva kho kāyena phusitvā viharati paññāya ca ativijja pasati*. Một cấu trúc câu giống vậy [*đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó*] cũng có trong kinh **46:54** (Quyển 5).

- Học giả Woodward đã dịch cả câu trên như thể từ phủ định là *na* được áp dụng cho cả 02 cụm chữ như vậy: “*Người đó an trú không phải trong sự trải nghiệm của chính mình, cũng không chọc thủng thấu suốt và thấu suốt bằng*

trí-tuệ và nhìn thấy chúng thực là” [KS 5:205]. Nhưng cách dịch này đã làm mất đi sự khác-biệt giữa *bậc học nhân* và *vô học nhân*: bậc học nhân nhìn-thấy Niết-bàn, mục-tiêu cuối cùng mà 05 căn đạt đỉnh chung-cuộc tới đó [coi thêm ý này trong kinh SN 48:57 (Quyển 5)] nhưng họ chưa thể chứng nhập trong sự trải-nhiệm tròn đầy viên mãn về nó; còn bậc A-la-hán thì vừa nhìn-thấy mục-tiêu vừa có thể trải nghiệm nó *ngay tại đây và bây giờ*. Chữ kết nối là *ca* nên được hiểu theo nghĩa *phi kết nối*, như chính Spk cũng xác thực bằng sự luận giải của nó như vậy: “Người đó không an trú sau khi đã tiếp xúc (trạng thái) đó, sau khi đã chứng đắc (trạng thái) đó, bằng danh-thân [*nāmakāya*, thân của tâm, tức thân của các yếu-tố thuộc tâm (tâm sở)]; nhưng [chữ *pana* là chữ giải nghĩa cho chữ *ca*] người đó hiểu bằng trí-tuệ quán chiếu lại, rằng ‘Bên trên có một căn—đó là quả A-la-hán.’ Trên cảnh giới A-la-hán người đó an trú sau khi đã chứng đắc (trạng thái) này, và người đó hiểu bằng trí-tuệ quán chiếu lại, rằng ‘Có một căn—đó là quả A-la-hán.’” (238)

239 [Nguyên gốc: *Yāni kānīci padāni bodhāya saṃvattanti*. Spk: ‘bước’ ở đây là *những bước tu theo Giáo Pháp (dhamma-padāni)* hay là *những phần Giáo Pháp (dhamma-kotṭhāsā)* dẫn tới sự giác-ngộ.] (239)

240 [Nguyên văn câu này: *Cittaṃ rakkhati āsavesu ca sāsavesu ca dhammesu*. Spk chú giải: Người đó làm điều này bằng cách ngăn ngừa sự khởi-sinh những ô-nhiễm đối với những hiện-tượng của 03 cõi giới.] (240)

241 [Nguyên văn câu này: *Tathāgate vā Tathāgatasāsane vā paramanipaccā-kāraṃ pavattamāno pavatteti*. Spk không chú giải gì, nhưng cụm chữ *paramanipaccākāra* (*sự tôn vinh cao nhất*) có ghi trong kinh 7:15 (Quyển 1), coi thêm chú thích 472 ở đó. Chúng ta thấy một chỗ khác cũng có cụm chữ này là kinh MN 89, mục 9 và 19, khi nói về Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) đã thể hiện sự kính mộ hết mực tới thượng đối với Đức Phật.

- Điều làm khó hiểu là lời kinh đang nói rằng một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm [tức A-la-hán] thì nên xem xét những lợi-ích (*atthavasam sampas-samāno*) khi người đó tôn vinh Như Lai, và lời kinh còn làm thêm khó hiểu khi ngay bên dưới nói thêm rằng *Tỳ kheo đó tu-tập (bhāveti) năm căn*, cứ như thể người đó vẫn còn công việc phải làm phải tu để chứng tới được mục-tiêu

cuối cùng (trong khi theo định nghĩa của Đức Phật thì một Tỷ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là một A-la-hán là đã làm xong những gì cần làm, không còn việc gì để làm nữa.)] (241)

242 [Coi kinh **SN 16:13** (Quyển 2): Ở đó 05 điều này được nói là giúp cho *sự không suy-tàn và sự không biến-mất của chân Pháp* (chánh Pháp).] (242)

243 [Tên cây tiếng Pāli là *pārichattaka*. Tôi dịch theo **PED** (nên tạm dịch như vậy), mặc dù học giả Liyanaratne giải thích cây *kimśuka* mới là *cây san hô* [Quần thể san hô ở Nam Á như được mô tả trong tự điển *Abhidhānappadīpikā*, §43]. Theo **PED** thì cây *pārichattaka* là cây có tên La-tinh là *Erythmia indica*, nhưng không thể biết những cây ở cõi trời được nói trong kinh này, và 02 kinh tiếp theo, có đúng loài giống cây như vậy không. Coi thêm **PED** để tham khảo thêm.] (243)

244 [Cây hoa loa kèn là = *cittapāṭali*; còn cây bông lựu của những chim thần *supanna* trong kinh tiếp theo là = *kūṭasimbali*.] (244)

245 [Những thuật ngữ trong công thức định nghĩa này được giải thích trong **Vibh 208–10**, được luận giải trong **Vibh-a 289–96**; coi thêm *Thanh Tịnh Đạo Vism 679 (Ppn 22:35)*. Nói ngắn gọn: (a) những trạng thái bất thiện là *tham, sân, si* và *những ô-nhiễm* (lậu hoặc) đi kèm với chúng; (b) “*mong-muốn*” (*chanda*, dục) là ước muốn, tâm nguyện thiện lành, là mong muốn đúng đắn và chánh thiện, thiện dục; (c) các chữ “*sự cố-gắng*”, “*sự nỗ-lực tu*”, và “*chuyên-cần tu*” trong ngữ cảnh định nghĩa này đều đồng nghĩa = *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn; *virīya*); (d) “*tâm*” ở đây là chữ *citta*: là chỉ cái tâm bị ô nhiễm của chúng ta (là cái tâm cần được tu tập). (e) *Những trạng thái thiện lành* là *vô tham, vô sân, vô si* và những trạng thái đi kèm với chúng. Phân tích của *Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)*, **Vibh 211–14**, thì coi *sự chuyên-cần tu đúng đắn* (chánh cần) chính là = *chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu* (tinh-tấn giác chi) trong ‘*bảy chi giác-ngộ*’ (thất giác chi) của thánh đạo *siêu thế*, ở đó nó sẽ cùng một lúc hoàn thành 04 chức năng (i)-(iv) của *sự chuyên-cần tu đúng đắn*.] (245)

246 [Công thức định nghĩa này sẽ được phân tích trong kinh **51:13** bên dưới. Các thuật ngữ được giải thích lặp lại trong **Vibh 216–20**, nhưng theo phương pháp của Kinh Tạng. Như thường lệ, phần phân tích trong *Vi Diệu Pháp*

Tạng (*Abhidhamma*), chỗ **Vibh 220–24**, cũng coi các *cơ-sở thần thông* (*iddhipāda*) là những chi phần của những chặng thánh đạo siêu thế. Những luận giải bổ sung cũng có trong *Thanh Tịnh Đạo Vism 385* (**Ppn 12:50–53**) và trong **Vibh-a 303–8**.

- **Spk** phân nghĩa chữ *cơ-sở thần thông* (*iddhīpāda*) thành 02 nghĩa: **(i)** là *cơ-sở để tu đạt* thần thông (*iddhiyā pādam*), và **(ii)** *cơ-sở đó chính là thần thông* (*iddhibhūtam pādam*). Chữ *iddhi*, có từ động từ *ijjhati*—có nghĩa là: *phát đạt, thành đạt, nở rộ*—nghĩa gốc là sự thành đạt thành công, nhưng vào thời Đức Phật nó thu nạp thêm nghĩa đặc biệt là “*sự thành-đạt về tâm linh*”, và thậm chí còn có nghĩa chuyên biệt luôn là “*năng-lực tâm linh*” (*thần thông*). Rồi nghĩa này lại có 02 loại là: **(a)** sự thành công trong việc thực hành những năng-lực thần thông siêu phàm (*iddhividha*) [như trong các kinh **SN 51:11, 51:14, 51:17**], và **(b)** sự thành công trong sự cố-gắng đạt tới cho được sự giải-thoát. Cả 02 nghĩa đều hội tụ trong thánh quả A-la-hán, đó vừa là **(I) trí-biết** (*abhiññā*, trí) thứ sáu trong 06 loại trí-biết cuối cùng [trong sự liên tục với những năng-lực siêu thường đó] và **(2) thánh-quả cuối cùng** của Bát Thánh Đạo. Một luận văn đầy đủ về các loại thần thông (*iddhi*) khác nhau có ghi trong kinh điển cũng được trình bày trong **Paṭis 205–14**.

- Phân tích trong kinh **SN 51:13** bên dưới đã làm rõ rằng: một *cơ-sở thần thông* (*iddhīpāda*) gồm có 03 thành phần chính: *sự định-tâm* (*samādhi*), *những sự tạo-tác* (04 loại hành; *padhānasankhārā*), và *yếu-tố đặc biệt* chịu trách nhiệm tạo ra sự định-tâm—đó là *sự mong-muốn* (dục, *chanda*), *sự nỗ-lực tu* (*viriya*), *tâm* (*citta*), và *sự điều-tra* (*vīmaṃsā*). *Sự định-tâm* và *sự chuyên-cần tu* (*ting cān*) đều có trong tất cả bốn *cơ-sở thần thông*, chúng là 02 yếu-tố được chỉ tên trong cả 04 *sự tu-tập cơ-sở thần thông* **(i)-(iv)** mới được nói trong kinh.] (246)

²⁴⁷ [Tương tự như chú thích 175 kinh **47:31** ở trên: (ở đây thì) tiếp theo bên dưới là *sự mở rộng Diệu Đế 4* (*Đạo đế*) [trong kinh *Chuyển Pháp Luân*] tới mỗi *cơ-sở* của ‘*Bốn cơ-sở thần thông*’; coi kinh *Chuyển Pháp Luân*: **56:11** (Quyển 5 này)].] (247)

²⁴⁸ (Đây là kinh song hành giống hệt phần (I) của kinh **AN 8:70**.)

- [Sự kiện của kinh này cũng được ghi trong kinh **DN 16** (*Đại Kinh Bát Niết-Bàn*). Phần chú giải của **Spk** ở đây cũng tương tự như phần chú giải của **Sv II 554–58**. Đoạn kinh chỗ này cũng có trong **Ud 62–64** và cũng được luận giải **Ud-a 322–30**.] (248)

249 [Nguyên gốc câu này: “*kappaṃ vā tiṭṭheyya kappāvesaṃ vā*”. **Spk** giải thích “*một đại-kiếp*” (*kappa*) ở đây là = *một kiếp-người* (*āyukappa*), tức một kiếp sống đại thọ, tức khoảng 100 năm. Còn chữ “*hết phần còn lại của đại kiếp này*” (*kappāvesaṃ*) được giải thích là ‘*dài hơn một chút*’ so với kiếp người 100 năm (tức cỡ tới 120 năm như chú thích trong kinh **SN 21:03** (Quyển 2) đã nói). **Spk** có đề cập quan điểm của ngài Mahāsīva Thera, người cho rằng Đức Phật có thể sống hết phần còn lại của *đại kiếp vũ trụ* (*bhadda-kappa*) này. **Mil 141** cũng diễn dịch *kappa* ở đây là = kiếp người (*āyukappa*), có lẽ cũng từ cùng nguồn các luận giảng khác.

► Tuy nhiên, đáng lưu ý rằng: Không có chỗ nào khác trong các bộ kinh *Nikāya* dùng chữ *kappa* với nghĩa là một ‘*kiếp người*’ như vậy, và dường như cũng không có lý do thỏa đáng nào để gán nghĩa khác cho nó ngoài cái nghĩa thông thường của nó là *kiếp vũ trụ* (đại kiếp). Cho dù đoạn kinh này là nguyên gốc hay được thêm thắt, và cho dù sự thiên-định thành công có mang đến những năng-lực siêu thường đến như vậy hay không, thì cũng đã có rất nhiều ý kiến khác nhau về ý nghĩa của chữ *kappa trong đoạn kinh này*.] (249)

250 [Nguyên gốc câu cuối: *Yathā taṃ Mārena pariyuṭṭhitacitto*. **Spk**: Ma Vương có thể ám muội tâm của bất cứ ai chưa dẹp bỏ hết “*12 sự điên-đảo* (*sai-lệch, lệch lạc, đảo lộn*) về nhận-biết” (*vipallāsa*), và thầy Ānanda lúc đó chưa dẹp bỏ được chúng [bởi lúc đó thầy mới là bậc Nhập-lưu, vẫn còn bị những sự đảo-lộn lệch lạc của tâm và nhận-thức, mặc dù về mặt cách-nhìn thì thầy ấy đã không còn tà-kiến]. Cũng **Spk** diễn dịch rằng: Lúc đó Ma Vương ám muội tâm thầy ấy bằng cách dựng ra một cảnh tượng đáng sợ, và trong khi đang lo nhìn cảnh đó, vị trưởng lão này đã không bắt kịp lời gọi-ý của Đức Phật.] (250)

251 [Điều thú vị và lạ lùng là: chúng ta chẳng tìm thấy chỗ nào trong *05 Bộ Kinh* có những lời tuyên bố hay đối thoại như các đoạn [...] này dưới đây

giữa Phật và Ma Vương! (Các đoạn đối thoại này chỉ được ghi duy nhất trong kinh này và các kinh song hành là kinh **AN 8:70** và kinh **DN 16**, mục 3.7–8 mà thôi).

- Và trong những chữ Ma Vương đã dùng để mô tả *các thánh đệ tử* thì cụm chữ “*pattayogakkhemā*” (*an toàn khỏi sự trói-buộc*) không thấy có ghi trong phiên bản **Be**, cũng không thấy được đề cập trong **Spk** [mặc dù tất cả các chữ kia đều có và đều được giải nghĩa], nhưng trong **Se** và **Ee** thì có ghi. Các bài kinh có những đoạn kinh song hành như **DN 16**, mục 3.7-8 và 3.34-35, thì không có cụm chữ này, nhưng trong kinh **DN 29**, mục 11 và 15 thì lại có ghi.] (251)

252 [Nguyên văn câu cuối này: *Sappāṭihāriyaṃ dhammaṃ desenti* (*chỉ dạy Giáo Pháp hiệu nghiệm*). **Spk** đã không chú giải gì về nguồn gốc xuất phát của chữ “*sappāṭihāriya*” nhưng **Spk** diễn dịch nghĩa là: “*Họ sẽ chỉ dạy Giáo Pháp, sau khi đã làm cho nó (mang tính) giải thoát (giải trừ)*”. **Spk-pt** bổ sung: “*Họ sẽ giảng giải Giáo Pháp với những lý-do (lý lẽ) và những ví-dụ để cho nó chuyển tải ý nghĩa muốn nói; họ sẽ chuyển tải Giáo Pháp là 09-phần siêu thế*” (tức 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn).

- (Cụm chữ *sappāṭihāriya* trong kinh **SN 51:10** này đã được TKBD dịch là: *hiệu nghiệm* (hữu hiệu, có hiệu quả như mong đợi); cho dù lời lẽ diễn dịch của **Spk** ở trên cho thấy **Spk** cũng ngầm hiểu chữ này có hàm nghĩa “*mang tính giải thoát*”. (Có lẽ do ngữ cảnh ở đây là Phật đang nói với Ma Vương?) - Ở đây người dịch Việt dịch đúng theo cách dịch của thầy là “*hiệu nghiệm*”).

-► (Lưu ý: trong kinh song hành là kinh **AN 8:70** thì TKBD đã dịch chữ “*sappāṭihāriyaṃ*” với nghĩa là: “*mang tính giải độc*” theo ý nghĩa là nó giải-độc hay đối-trị tham, sân, si ... Mời coi lại ngay câu này trong kinh **AN 8:70**, chỗ ngay trên chú thích số 1789, và câu (3) trong kinh **AN 3:125**, chú thích 586. Người dịch Việt bảo lưu cả 02 cách dịch chữ này của thầy trong 02 kinh **AN**.) (252)

253 [Nội dung cả câu này cũng có ghi y hệt ở cuối kinh **12:65** (Quyển 2), và dĩ nhiên cũng có ghi trong kinh song hành của nó là kinh **AN 8:70**. (Và trong 1 kinh nữa là **DN 16**, mục 3.7-3.8).] (253)

254 [Chữ gốc là *āyusaṅkhāraṃ ossaji: sự tạo-tác sự sống* (hành sinh mạng), sự duy trì nguồn sống. **Spk** đã chú giải chỗ này là: Đức Thế Tôn không từ bỏ *sự tạo-tác sự sống* (hành sinh mạng) như kiểu bỏ cục đất khỏi tay, mà Phật đã làm một sự quyết-định: “*Ta sẽ chứng nhập thánh quả trong vòng ba tháng, không trễ hơn đó.*” **Spk** không chú giải về chữ *āyusaṅkhāra*, nhưng có lẽ nó đồng nghĩa với chữ *jīvitindriya* (căn sinh mạng), và đồng nghĩa với chữ *jīvitasaṅkhāra* (hành sinh mạng) [như có ghi trong kinh **SN 47:09** (Quyển 5 này)] về vai trò chức năng của nó là *duy-trì sự liên-tục của sự sống*. Chữ *āyusaṅkhāra* [số nhiều] có ghi trong kinh **SN 20:06** (Quyển 2), và cũng có đoạn thảo luận về chữ này trong kinh **MN 43**, mục 23-25.] (254)

255 [Bài thi kệ này vốn **rất khó dịch**, nhất là 02 câu đầu. Các luận giảng **Spk**, **Sv II** 557–58, **Mp IV** 153–54, và **Ud-a** 329–30 cũng đều than như vậy. Các luận giảng đều đưa ra 02 kiểu diễn dịch thay phiên nhau: (i) coi chữ *tulaṃ* và *atulaṃ* là 02 chữ đối nghịch, và (ii) coi chữ *tulaṃ* là hiện tại phân từ ngắn [= *tulento*] và coi chữ *atulaṃ* và *sambhavaṃ* là 02 chữ đối nghịch. Tôi dịch sự chú-giải của **Spk** như sau:

- “(1) *Tulaṃ* là *tulitaṃ*, nghĩa là *được đo lường, hữu lượng*, nghĩa là *được giới hạn, được định mức (paricchinnam)*, bởi vì nó trực tiếp rõ ràng thấy được ngay cả đối với chó và chó rừng ...; đây là *nghiệp dục-giới*. Còn *atulaṃ* là thứ *không thể đo lường, vô lượng* [không thể so sánh được, không gì sánh được, không thể sánh bằng, không gì sánh được], bởi vì không có nghiệp thế tục nào giống như nó; đây là *nghiệp bao-la* [được khuếch đại, mở rộng; *ma-haggatakamma*], là nghiệp của những tầng thiên định sắc giới (*jhāna*) và những tầng chứng đắc vô sắc. Hay nói theo cách khác: *tulaṃ* lag nghiệp dục-giới và sắc-giới, còn *atulaṃ* là nghiệp vô-sắc giới. Hay *tulaṃ* là [nghiệp] với ít nghiệp quả, còn *atulaṃ* là nghiệp với nhiều nghiệp quả. ‘*Sự tiếp tục hiện-hữu*’ (*sambhavaṃ*) là nguyên nhân của *sự hiện-hữu tiếp tục*, có nghĩa là sự tích-lũy hay sự tích-đống [của nghiệp]. ‘*Sự tạo-tác sự hiện-hữu*’ (*bhavasāṅkhāraṃ*) là sự tạo-tác làm sinh ra] sự tái hiện-hữu ... Điều này có nghĩa là: Phật đã từ chối nghiệp thế tục bao gồm những ‘*thứ (điều, trạng thái) có thể so sánh*’ và ‘*thứ không thể sánh được*’ [thứ hữu lượng và thứ vô lượng], mà nó [nghiệp] được gọi là ‘*sự tiếp tục hiện-hữu*’ theo cái nghĩa nó sản sinh những nghiệp quả và là ‘*sự tạo-tác sự hiện-hữu*’ theo cái nghĩa nó

làm sản sinh *sự tái hiện-hữu* [trong tương lai]. ‘*Bậc mâu-ni*’ [bậc trí-giả] ở đây là bậc ‘*Mâu-ni Phật*’; ‘*sự hiện-hữu của mình [ngã]*’ (*attasambhavam*; tự ngã hữu) chính là những ô-nhiễm (lậu hoặc) được tạo ra bên-trong chính mình. Giống như một chiến binh ở đầu chiến trận, bậc ấy vui thích với bên-trong [nội tâm] và đạt-định, nên bậc ấy đã phá bỏ ‘*sự hiện-hữu của ngã*’ và ‘*những ô-nhiễm*’, như cởi bỏ một áo giáp.

- “(2) Hoặc theo cách diễn dịch thay thế thứ hai: *Tulam* là [hiện tại phân từ] *tulento* (so sánh) = *tirento* (soi xét kỹ). ‘*Thứ không thể so sánh hay không gì sánh được*’ chính là *Niết-bàn* và ‘*sự tiếp tục hiện-hữu*’ chính là *sự hiện-hữu*; ‘*sự tạo-tác sự hiện-hữu*’ chính là *nghiệp dẫn tới sự (tái) hiện-hữu*. ‘*Bậc mâu-ni đã từ bỏ*’: tức sau khi đã so sánh “*năm-uẩn là vô thường*” với “*Niết-bàn = sự chấm-dứt năm-uẩn là thường-hằng*”, và sau khi đã nhìn thấy *sự nguy-hại* trong *sự hiện-hữu* và *lợi-thế* trong *Niết-bàn*, bậc *Mâu-ni Phật* đã từ bỏ ‘*sự tạo-tác sự hiện-hữu*’ vốn là *nguyên nhân gốc rễ* của (tạo ra) *năm-uẩn*; từ bỏ bằng phương tiện là *thánh-đạo*, vốn có hiệu lực hiệu nghiệm là *sự tiêu hủy nghiệp*; như câu thường được nói thường được nói là: ‘*Điều đó dẫn tới sự tiêu hủy nghiệp*’.”

- Luận giảng **Spk** đã nói như vậy. Ngay từ đầu, theo tôi thì hầu như không thể nào chữ *tulam* và *atulam* về mặt ngữ pháp có chức năng theo những cách khác biệt nhau như vậy, và do vậy tôi đã ngã theo cách diễn dịch (1), ít nhất cũng về mặt nguyên lý nếu không phải đồng ý theo những chi tiết chú giải. Tuy nhiên, sau khi quán xét lại, giờ thì tôi tin rằng bài thi kệ này đã cố ý có *sự chơi chữ* đối với chữ *tulam* và *atulam* là những thể khác nhau về mặt ngữ pháp chứ không phải là một cặp đối nghịch đối nghĩa. Chữ *atulam* [hay những từ phái-sinh của nó] cũng được ghi trong các kinh khác: như trong kinh **Sn** 85b là “*atulyo*” để mô tả một ‘*Vị Thầy của con-đường*’ (đạo sư) [được ghi là *maggakkhāyi* trong **Be**], có lẽ là chỉ Phật; trong kinh **Sn** 683a, nó được dùng để bổ nghĩa mô tả cho *vị Bồ-tát*, *vị Phật sẽ-thành* (tức Phật trước giác-ngộ); trong **Thi** 201a là “*atuliyam*” để mô tả “*trạng thái bất lay chuyển*” (*akampitam dhammam*), được cho là *Niết-bàn*. Tuy nhiên, mặc dù tôi tin rằng sự chú-giải (2) của luận giảng **Spk** là đúng về mặt ngữ pháp, tôi vẫn bất đồng ý với sự diễn dịch nghĩa của nó.

- Theo sự-hiểu của tôi, chữ *sambhavam* ở đây không có nghĩa là ‘*sự tiếp tục*

sự hiện-hữu’ [*sự hiện-hữu được tiếp tục*] trong vòng luân-hồi [*samsāra*], mà *nguyên-nhân* của nó Phật đã kết thúc bằng sự chứng đắc giác-ngộ 45 năm trước (tức tính lùi từ hoàn cảnh kinh này là năm Phật bát niết-bàn). Ở đây, thay vì vậy chữ này có nghĩa là ‘sự tiếp-tục kiếp sống *hiện tại*’ của Phật cho đến hết *đại-kiếp* (*kappa*). Còn chữ “*bhavasāṅkhāra*” không phải theo ý nghĩa là ‘*sự tạo-tác sự hiện-hữu*’, tức không phải là ‘*nghiệp dẫn đến sự hiện-hữu mới*’, mà có nghĩa là “*sự tạo-tác sự sống*” (*āyusāṅkhāra*) mà Phật đã mới từ bỏ. Dựa trên sự diễn dịch này, ý nghĩa thoát lên từ bài thi kệ là hoàn hảo phù hợp với nghĩa của đoạn văn xuôi trước nó là: Sau khi đã so sánh cái triển vọng của *sự tiếp-tục* (*kiếp sống*) cho đến hết *đại-kiếp* với cái triển vọng của *sự chứng bát-niết-bàn*—là “*thứ không gì sánh được*”—Phật đã chọn triển vọng thứ hai; và Phật đã làm vậy bằng *sự từ-bỏ một cách có chánh-niệm* ‘*sự tạo-tác sự sống*’ của mình—đó chính là ‘*sự tạo-tác mạng sống*’ (= *jivitasāṅkhāra*, *sinh hành* hay *hành sinh mạng*) mà trước đó, trong thời gian bị đau bệnh nặng, Phật đã quyết tâm duy trì nó [như trong kinh **47:09** ở trên]. Như vậy, bằng cách từ bỏ *bhavasāṅkhāra* (*sự tạo-tác sự sống*) của mình mà lẽ ra Phật đã duy trì nó cho đến hết *đại-kiếp*, là Phật đã từ bỏ *sự kéo-dài kiếp sống* của mình.

- Về 02 câu kệ cuối, **Spk** diễn dịch rằng: “Phật đã *vui thích với bên-trong* (*nội tâm*) bằng tuệ quán (*sự minh-sát*), và đã *đạt-định* bằng *sự vắng-lặng* (*sự định-tâm*). Như vậy, từ giai đoạn sơ khởi trở đi, bằng *sức mạnh của sự vắng-lặng* (*sự định-tâm*; *định lực*) và *sự minh-sát* (*quán lực*) Phật đã phá hủy toàn bộ đồng ô-nhiễm (*lậu hoặc*) vốn đã bao kín toàn bộ ‘*sự hiện-hữu cá thể*’ của mình giống như phá bỏ một áo giáp cứ bao bó thân người và đó được gọi là ‘*sự tự mình hiện-hữu*’ (*attasambhavaṃ*, *tự ngã hữu*) bởi vì nó phát sinh từ bên-trong của chính mình. Khi không còn những ô-nhiễm (*lậu tận*), trong sự không-còn [trống vắng] sự tái-sinh, nghiệp được cho là đã được từ-bỏ; như vậy Phật đã từ bỏ nghiệp bằng cách từ bỏ những ô-nhiễm. Do không còn sự sợ-hãi đối với một bậc đã từ bỏ những ô-nhiễm (*lậu tận*), Phật đã từ bỏ ‘*sự tạo-tác sự sống*’ của mình một cách không sợ-hãi. Phật ‘*đã thốt ra lời cảm hứng*’ (thi kệ) để thể hiện sự tự-do của mình khỏi sự sợ-hãi.”

- Cũng có một chú-giải cổ xưa về bài thi kệ này, đó là chỗ luận giảng **Nett 61**. Luận giảng này đã coi chữ *tulaṃ* là *yếu-tố sự tạo-tác* (*hành giới*,

sankhāradhātu), là sự tổng-thể của mọi thứ có điều-kiện (những pháp hữu-vi), và chữ *atulaṃ* là yếu-tố Niết-bàn (*niết-bàn giới, nibbānadhātu*). Rõ ràng là ở đây chữ *tulaṃ* và *atulaṃ* đã được coi lần lượt là dạng phái-từ (phụ phẩm) của *tullaṃ* và *atullaṃ*.] (255)

- (Đây có lẽ là một trong những chú thích dài nhất trong các bộ kinh!).

256 [Sự phân tích chi tiết những điều được nói trong (i), (ii), (iii), (iv) sẽ được nói ra trong kinh **51:20** ở bên dưới.] (256)

257 [Nguyên gốc câu này: *Anekavihiṭṭaṃ iddhiḍḍhaṃ paccanubhoti*. Từ đoạn này cho thấy sự vận dụng những năng-lực siêu thường (thần thông) là kết quả của sự tu tập *04 cơ-sở thần thông* (tứ thần túc; *iddhipāda*). Sáu loại *trí-biết trực tiếp* cũng được nói trong các kinh **SN 12:70** và **16:9** (Quyển 2). Những phương thức thể tục của năng-lực siêu thường này cũng được phân tích chi tiết trong **Vism**, chương 12 và 13.] (257)

258 [**Spk** giải nghĩa chữ *mong-muốn* (dục, *chanda*) là “ý nguyện muốn làm, ý chí muốn làm” (*kattukamaṃyatāchanda*). Coi thêm **Vibh 216,27–29**.] (258)

259 [**Spk**: Chữ “những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu” (*padhāna-saṅkhārā*; tinh cần hành) là một cách để chỉ sự nỗ-lực tu (*ting tāt*) hoàn thành được *04 chức năng của sự chuyên-cần tu đứng đắn* (chánh cần) nói trên.] (259)

260 [**Vibh 218,29–31** chỉ định nghĩa *tâm* (*citta*) ở đây theo nhiều cách, nhưng không nói rõ lý do tại sao tâm trở thành một cơ-sở thần thông.] (260)

261 [**Vibh 219,23–25** định nghĩa chữ *vīmaṃsā* theo nghĩa thuộc phần trí-tuệ (*paññā*). **Spk** nói rằng: (i) trưởng lão *Ratṭhapāla* (kinh **MN 82**) tạo ra trạng thái siêu thế (*lokuttara dhamma*) bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở sự mong-muốn (dục); (ii) trưởng lão *Soṇa* (kinh **AN 6:55**; Luật Tạng **Vin I 179–185**) thì bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở sự nỗ-lực tu (*ting tāt*); (iii) trưởng lão *Sambhūta* (các kinh thi **Th 291–94**) thì bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở *tâm* (tâm); và (iv) trưởng lão *Mogharāja* (kinh **Sn 1116–19**) thì bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở sự điều-tra (trạch pháp). **Spk** có minh họa bằng trường hợp *04 vị quan triều có khát vọng được ban chức tước cấp cao*. (i) Một người đạt được chức vị bằng cách hầu chờ nhà vua suốt ngày đêm, tìm cách thỏa mãn

những ý muốn và ý thích của nhà vua, thì được ví như người tạo ra trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh ở *sự mong-muốn* (đục). (ii) Còn người thứ hai thì đạt được chức vụ bằng cách ra sức nghiên nát quân bạo loạn ở biên cương, thì được ví như người tạo ra trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh ở *sự nỗ-lực tu* (tinh tấn). (iii) Một người đạt được chức vị nhờ đưa ra cho nhà vua lời cố-vấn về cách trị vì đất nước, thì được ví như người tạo ra trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh ở *tâm* (tâm). (iv) Và người đạt được chức vị chỉ vì nhờ giai cấp *sự-sinh* (*jāti*) của mình, thì được ví như người tạo được trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh *sự điều-tra* (trạch pháp).

- Sự giải thích tương tự cũng có trong **Sv II 642–43**, chỉ có một chút biến đổi là trong **Vibh-a 305–6** đã đảo lộn các ví dụ minh họa có “*tâm*” và “*sự điều-tra*” với nhau, với *sự-sinh* đại diện cho *tâm* (tâm) và *sự cố-vấn* đại diện cho *sự điều-tra* (trạch pháp). Điều này có vẻ hữu lý, bởi vì *sự điều-tra* (*vimamsā*) và *sự cố-vấn* (*manta*) là cùng từ một gốc từ *man* (*nghĩ*), và *tâm* thường được xếp theo cấp (*jāti*) của nó là thiện, bất thiện, hoặc không xác định. Học giả Gethin có thảo luận về 02 phiên bản ví dụ này trong quyển *Đạo Phật Đi Đến Giác Ngộ* (*The Buddhist Path to Awakening*), trang 90–91.] (261)

262 [Cụm chữ này cũng được ghi trong các kinh **SN 9:13** (Quyển 1).] (262)

263 [**Spk** chú giải: Thầy Mục-kiền-liên chứng nhập trong thiền định về đề mục *kasīṇa*-nước, rồi thoát ra, và quyết định nền móng của lâu đài trở thành nước. Rồi thầy ấy đứng dậy và dùng ngón chân đẩy lâu đài cho nó rung lắc.] (263)

264 [**Be** đã đặt chữ *pe* ngay chỗ đây, hàm ý rằng 04 loại *trí-biết* (*abhiññā*) *thế tục* nên được đưa vào chỗ này. Điều này dường như cũng được xác thực bởi sự chú giải của **Spk** về kinh **51:31** và chú thích 279 bên dưới.] (264)

265 [Trong kinh **SN 48:42** cũng có một bà-la-môn tên này, nhưng không chắc đó là cùng một người hay hai.] (265)

266 [Tất cả 03 phiên bản đều ghi chỗ này là *santakaṃ hoti no asantakaṃ*. Tuy nhiên, đây chính xác là câu chữ chúng ta tìm thấy ở cuối bài kinh, khi bà-la-môn đã được thuyết phục bởi luận cứ của thầy Ānanda. **Spk** không giúp gì chỗ này, nhưng học giả Woodward đã nhận ra cách ghi cần có như đã được

thấy ghi trong **SS** là: *anantakaṃ hoti no santakaṃ* (Nó là không có chỗ kết cuộc [tức mãi mãi không tiến; sự chẳng đi tới đâu], không phải có chỗ kết cuộc). Chữ *santaka* là = *sa* + *antaka*.] (266)

267 [Nguyên chữ Pali vẫn là “*citta*” (tâm), nhưng nếu chỉ dịch là “*tâm*” hay “*có tâm*” ở đây thì không hợp lệ và hợp thức cho lắm. Cho nên [TKBĐ] đã dịch là “*quyết định tâm*” hợp lệ.] (267)

268 [Chỗ này so sánh kinh **AN 4:159**, đoạn thứ tư, trong đó thầy Ānanda đã chỉ ra cách mà dục-vọng (ái) được trừ bỏ dựa vào dục-vọng (ái); sự tự-ta (ngã mạn) được trừ bỏ dựa vào sự tự-ta (ngã mạn).] (268)

269 [Lại nữa, cũng chỗ này tất cả 03 phiên bản đều ghi là *santakaṃ hoti no asantakaṃ*. Và xin nói lại, cách ghi đúng và cần có nhất đã bị giấu trong phiên bản **SS**, là: *santakaṃ hoti no anantakaṃ* (như đã nói trong chú thích 266 mới nói trên của kinh này).] (269)

270 [**Spk** diễn dịch: Chính *tăng thiên định thứ tư* được dùng làm cơ-sở để đạt được những *abhiññā* (03 thông và 03 minh).] (270)

271 [Nguyên văn chữ này là *kosajjasahagata*. Tôi thường dịch chữ *kosajja* là sự lười-biếng, nhưng có vẻ hơi mạnh quá ở đây. Nghĩa lời kinh là chỉ sự dờ-đần nhẹ hay sự hơi yếu ớt về lực của sự mong-muốn (dục).] (271)

272 [Nguyên văn câu này: *Yathā pure tathā pacchā, yathā pacchā tathā pure*. **Spk**: Câu này nên được hiểu: (i) theo cách *chủ-đề thiên*; và (ii) theo cách của *giáo lý*. (i) Sự diễn dịch [*abhinivesa*, hay “*sự giới thiệu*”] về chủ-đề thiên là có “*trước*” và quả A-la-hán là có “*sau*”. Một Tỳ kheo, sau khi diễn dịch chủ-đề thiên gốc, không cho phép tâm mình bị rớt vào 04 tình trạng không mong muốn [như quá xà lợ, quá loi lỏi, vân vân] thì sẽ tiến tới chứng quả A-la-hán; người đó được gọi là người an trú “*trước vậy, sau cũng vậy*”; (ii) Theo cách của giáo lý: tức là có “*trước*” và nào là có “*sau*” [trong số những bộ phận cứng, trong *sự thiên quán về thân*]. Một Tỳ kheo tu tập sự thiên của mình từ đầu đến cuối không bị trượt vào 04 tình trạng không mong muốn thì được gọi là người an trú “*trước vậy, sau cũng vậy*”.

- Sự chú giải này của **Spk** nghe có vẻ gượng ép! Cụm chữ lời kinh chỉ đơn

giản đề cập sự duy trì ‘sự ổn định’ khi chú-tâm vào chủ-đề thiền (đề mục thiền, đối tượng thiền) về tất cả mọi mặt xuyên suốt buổi thiền, từ đầu đến cuối (trước sau đều ổn định chắc chắn như vậy). Mời coi thêm cách dùng cụm chữ này trong câu “*pacchāpure saññi caṅkamaṃ adhiṭṭheyyāsi*” [trong kinh AN 7:61, đoạn (7)] ở đó Phật đã chỉ dẫn cho thầy hầy Mục-kiền-liên, có lẽ theo nghĩa về không gian: “*thầy nên quyết định (chủ động, đảm nhận) sự đi-tới và đi-lại, nhận-thức thứ ở sau lưng và thứ ở trước mặt*”, (để đối trị sự ngủ gật).] (272)

273 [Spk diễn tả là: Một Tỳ kheo ngồi ở mái hiên chú-tâm (tác ý) tới sự nhận-thức về ánh sáng, có lúc nhắm mắt, có lúc mở mắt. Đến khi [ánh sáng] xuất hiện đối với người đó đều như nhau khi mắt mở hay mắt nhắm, thì *nhận-thức về ánh sáng* đã khởi sinh. Cho dù là ngày hay đêm, nếu người tu xua tan sự *đờ-đẫn* và *buồn-ngủ* (hôn trầm thụy miên) bằng ánh sáng và chú-tâm tới *đối-tượng thiền* của mình, thì sự nhận-thức đã khởi sinh đối với ánh sáng được cho là đã được *nắm-giữ* một cách khéo léo.] (273)

274 [“*Thân làm bằng tâm*” (*manomayakāya*) trong thân vi tế được tạo nên từ nhục thân bởi một người thiền đã thiện khéo và làm chủ được tầng thiền định thứ tư (tứ thiền). Nó được mô tả là “*gồm có thể sắc, được làm bằng tâm, hoàn thiện trong tất cả bộ phận, không thiếu các căn*” (*rūpiṃ manomayaṃ sabbaṅgapaccaṅgiṃ ahindriyaṃ*).” Coi thêm kinh DN 2, mục 85, 86; MN 77, mục 30; Paṭiṣ II 210–11; cũng được trích dẫn và giảng rộng trong Vism 406 (Ppn 12:139). Để đọc một thảo luận hiện đại về thuật ngữ này, mời đọc quyển *Danh Tính và Trải Nghiệm (Identity and Experience)* của học giả Hamilton, trang 155–164.

- Về chữ *upasaṅkamitā*, là một tuyệt đối từ bị hiểu sai, nó không thật sự là một danh từ tác nhân, mời đọc thêm tham luận “*Tiếng Pāli như ngôn ngữ nhân tạo*” của học giả Hinüber, trang 135–137.] (274)

275 [Đây chính là cái thân thể tự nhiên của con người, tức nhục thân.] (275)

276 [Câu này **Be** ghi là: *Yañ ca kho omāti bhante*; **Se**: *Opātiha bhante*; **Ee**: *Yamca kho opapāti ha bhante*. Động từ này chưa hề được thấy ở đâu khác! **Spk** (của **Be**) giải nghĩa là: *omāti ti pahoti sakkoti* và ghi chú: “Đây là một

chữ xảy ra duy nhất một lần trong toàn bộ *Lời của Phật* được bảo lưu trong Tam Tạng (*idaṃ teṭṭake buddhavacane asambhinnapadaṃ*). **Spk** (của **Se**) thì bỏ mất chữ “*omāti ti*” và mọi chữ tương ứng với nó, và làm nổi chữ *pa-hoti* như thể nó là bổ-đề vậy.] (276)

277 [Trong cả 02 trường hợp tôi đọc là *samodahati* như được ghi trong **Be**; trong **Se** và **Ee** thì dùng chữ *samādahati*. Còn trong cả 02 phiên bản **Be** và **Se** của luận giảng **Spk** thì đều dùng chữ *samodahati* và nó được củng cố bởi sự giải nghĩa sau đây: [(i) “*Như Lai (hay người thiên] định [đắm chìm, nhấn chìm] thân trong tâm: là, sau khi lấy thân, người thiên gắn nó vào tâm; người đó làm cho nó phụ thuộc vào tâm; người đó gửi nó dọc theo tiến trình của tâm. Tâm ở đây là một tâm bao-la (được khuếch đại, được mở rộng, cao vọt). Sự chuyển động dọc theo tiến trình của tâm là nổi trội [nhanh]. (ii) “*Như Lai (hay người thiên] định tâm trong thân: là, sau khi lấy tâm, người đó gắn vào thân; người đó làm cho nó phụ thuộc vào thân; người đó gửi nó dọc theo tiến trình của thân. Sự chuyển động của thân là chìm lặn [chậm]. (iii) “*Một nhận-thức đầy hạnh phúc, một nhận-thức nổi trội (sukhasañña ca lahusañña ca)*: đây là nhận-thức đi kèm với cái tâm của sự-biết trực tiếp (liễu tri); đó là một nhận-thức hạnh-phúc (lạc tướng) bởi nó đi kèm sự hạnh-phúc đầy bình-an [của tâm], và đó là một nhận-thức trội nổi bởi không còn bị ức chế bởi những ô-nhiễm (như tham, sân, si).”] Coi thêm giải thích chi tiết về loại *năng-lực siêu thường* này ở **Paṭis II 209**; nó cũng được trích dẫn và giảng rộng trong **Vism 401–5 (Ppn 12:119–36)**.] (277)**

278 [**Spk**: Trong kinh này và kinh kế tiếp, chữ *iddhi* (thần thông) được thảo luận theo nghĩa nó như *một cơ-sở cho sự chấm-dứt luân-hồi, sự giải-thoát*.] (278)

279 [**Spk** nói: Trong kinh này và kinh kế tiếp, chữ *iddhi* (thần thông) được thảo luận theo nghĩa là *06 loại trí-biết trực tiếp (abhiññā, siêu trí)*, tức gồm 03 thông và 03 minh.]] (279)

280 [Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đã xuất hiện trong các kinh là một người đề cao sự tu tập “*Bốn nền tảng chánh-niệm*” (tứ niệm xứ) như trong các kinh **SN 47:26–28** (Quyển 5 này); rồi trong *Chương 52* này về thầy ấy cũng nói về ‘*Bốn nền tảng chánh-niệm*’. Vì vậy cho nên *Chương 52* này có thể được coi

như phần *phụ-lục thêm* của *Chương 47—[Bốn] Nền Tảng Chánh Niệm*] vậy.] (280)

281 [Đoạn (a) này, và 02 đoạn (b) và (c), nếu hợp lại sẽ thành “*phần bổ-sung*” cho *mỗi sự thực-tập* trong kinh *Các Nền tảng Chánh-Niệm (Satipaṭṭhāna Sutta)*; trong kinh *Các Nền Tảng Chánh-Niệm* những phần này theo đúng thứ tự nhưng được giữ riêng biệt.

- Trong chú thích số 178 ở kinh **SN 47:40** ở trên, tôi đã giải thích lý do tôi đã dịch các chữ *samudayadhamma*, *vayadhamma*, và *samudayavayadhamma* là *bản chất khởi-sinh*, *bản chất biến-diệt*, và *bản chất khởi-sinh và biến-diệt*. Mời coi lại chú thích đó.] (281)

282 [Các đoạn ▪ **(i)-(v)** trong kinh này giống y các đoạn ▪ **(i)-(v)** trong kinh **46:54**; coi thêm lại chú thích số 110 ở đó.] (282)

283 [Về 03 mức độ này, **Spk** đã dẫn lời trong **Dhs 1025–27** trong đó định nghĩa: “*những trạng-thái (pháp) thấp-kém*” (*hīnā dhammā*; *nhược pháp*) chính là = 12 *loại thức bất thiện*; “*những trạng-thái trung-bình*” (*majjhimā dhammā*, *trung pháp*) là = *những trạng thái thiện lành thế tục*, bao gồm cả *những hệ quả*, *những chức năng (kiriya)* và *sắc-thân*; và “*những trạng-thái siêu-xuất (paṇītā dhammā*, *siêu pháp*) là = 04 *thánh đạo*, 04 *thánh quả*, và *Niết-bàn*. - Tuy nhiên, coi kinh **AN 3:76** thì 03 chữ này là tương ứng chỉ 03 *cõi hiện-hữu (tái sinh)*—*cõi dục-giới (nhược, thấp kém)*, *cõi sắc-giới (trung, ở giữa)*, và *cõi vô-sắc giới (ưu, cao hơn)*.

- (Nghĩa đơn giản của câu này là do thầy A-nậu-lâu-đà đã tu tập ‘*bốn nền tảng chánh-niệm*’ (và giác ngộ) nên thầy đã trải nghiệm và tự mình biết tất cả những trạng thái hiện-hữu từ thấp tới cao).] (283)

284 [Kinh này và kinh kế tiếp gần như tương ứng với kinh **47:26** và **47:27**.] (284)

285 [Về hệ một ngàn thế giới, coi lại kinh **47:28** và chú thích 174 ở đó.] (285)

286 [Đoạn mô tả này giống trong kinh **SN 35:244**, đoạn (7), (Quyển 4) và kinh **45:160** (Quyển 5 này); (chỉ khác là 02 kinh đó lần lượt nói về *những phần tu*

khác nhau và về *Bát Thánh Đạo*; còn kinh này thì nói về ‘*bốn nền tảng chánh-niệm*’.) (286)

287 [Từ kinh **15-24** ở đây là chỉ *10 loại trí-biết* (siêu trí, siêu năng) thường được gọi là *10 năng-lực của Như Lai* (*dasa tathāgatabala*); coi kinh **MN 12**, mục 9-20, chúng cũng được lặp lại trong **Vibh 335–44**. **Spk** nói rằng một thánh đệ tử chỉ có thể có được *phần nào* (*ekadesena*) trong *10 năng-lực* đó, riêng những vị Phật toàn-trí mới có được toàn bộ tất cả chúng.] (287)

288 [04 đoạn này là công-thức định nghĩa tiêu chuẩn về *04 tầng thiền định sắc-giới* (*jhāna*); chúng cũng được phân tích trong **Vibh 244–61** và trong **Vism**, chương 4.] (288)

289 [Tiếp theo, phần còn lại của bài kinh là *16 bước* (16 phương diện) tu tập ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’; *16 bước* này đã tạo thành *cốt-lõi* của bài kinh nổi tiếng là “*Kinh Chánh-Niệm Hơi-Thở*” (*Ānāpānasati Sutta*; **MN 118**). Và *16 bước* này cũng được giảng giải chi tiết trong *Thanh Tịnh Đạo Vism 267–91* (**Ppn 8:146–237**). Một quyển tuyển chọn *những kinh và luận về chủ-đề thiền* này đã được chọn và dịch bởi nhà sư Tỳ Kheo Ñāṇamoli có cùng tên là quyển “*Chánh-Niệm về Hơi-Thở*”, nó gồm có: (i) bản dịch của “*Kinh Chánh-Niệm Hơi-Thở*”, (ii) bản dịch của các đoạn giảng-giải trong *Thanh Tịnh Đạo (Vism)*, và (iii) bản dịch của một bài luận giải trong **Paṭis**, và (iv) bản dịch của những kinh được tuyển chọn khác.

- Như chúng ta sẽ thấy trong kinh **54:10** bên dưới: *16 bước* này đều nằm trong 04 đoạn “*04-điều*”; 04 đoạn đó tương quan với ‘*04 nền tảng chánh-niệm*’ (04 sự thiết lập chánh-niệm). Như vậy, ‘*sự chánh-niệm hơi-thở*’ bắt đầu từ phần “*quán sát thân*” (*kāyānupassanā*), và nó kết cuộc bằng sự thấu tỏ tất cả 04 sự quán-sát.

- Về cụm chữ “*sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt*” (*parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā*), **Vibh 252,14–16** giải thích bằng nghĩa cụ thể là: “*Sự chánh-niệm này được thiết lập, được khéo thiết lập ở đầu chóp mũi hay ở chính giữa môi trên.*”

- (Tuy nhiên, mỗi người có thể hiểu cụm chữ này và thực tập một cách khác nhau ít nhiều, chẳng hạn “*thiết lập hay có sự chánh-niệm trước mặt*” không

nhất thiết phải là ở chóp mũi hay giữa môi, có thể chỉ là “ở trước mặt”; hoặc truyền thông thiền tập “*sự chánh-niệm hơi-thở*” ở Miền Điện cũng dạy chú-tâm vào hơi-thở ở sự phồng lên và xẹp xuống của bụng. Một số thiền sư thì cho rằng có thể thiết lập sự chú-tâm (chánh niệm) ở cảm nhận hơi-thở vào ra ở vùng ngực trên ... vân vân).] (289)

290 (Người dịch Việt đặt thêm các số (i)-(iv) để người đọc nhìn thấy nhanh “04-điều” trong mỗi đoạn và các chú thích về mỗi điều đó).

- [**Vism 273–74 (Ppn 8:171–73)** giải thích bước thứ (iii) của nhóm này có nghĩa là “*làm rõ, làm thấy rõ chỗ đầu, chỗ giữa và chỗ cuối của toàn bộ thân hơi-thở-vô ... của toàn bộ thân hơi-thở-ra.*” Còn “*sự tạo-tác của thân*” (*kāya-saṅkhāra, thân hành*) ở bước thứ (iv) chính là cái ‘*sự thở-vô thở-ra*’; chúng sẽ dần dần lắng dịu hơn và vi tế hơn khi *sự chú-tâm vào hơi-thở* tiến triển thuần thực hơn. Coi thêm kinh **41:06** (Quyển 4), chỗ đoạn (2), thầy Kāmabhū đã trả lời cho gia chủ Citta với câu: *Assāsapassāsā kho gahapati kāyasāṅkhāro: Này gia chủ, ‘sự thở-vô và thở-ra’ chính là sự tạo-tác của thân.* (Như vậy lời kinh “*Làm lắng dịu sự tạo-tác của thân*” có nghĩa là “*Làm lắng dịu hơi-thở*”)] (290)

291 [Chú thích này, và hai chú thích kế tiếp, đều dựa theo sự giảng giải của **Vism 287–91 (Ppn 8:226–37)**].

- *Sự hoan-hỷ (pīti, hỷ)* được trải nghiệm khi người tu đã chứng nhập 02 tầng thiền định đầu tiên, và sau khi đã chứng nhập vào một trong hai tầng thiền định đó, người tu hiểu được bằng sự minh-sát rằng yếu tố *sự hoan-hỷ* (hỷ) liên quan các tầng thiền định rồi sẽ bị diệt tiêu và biến mất. Yếu tố *sự hạnh-phúc* (*sukha, lạc*) được trải nghiệm khi người tu đã chứng nhập trong 03 tầng thiền định đầu tiên, và khi, sau khi đã chứng nhập và thoát ra khỏi một trong 03 tầng thiền định đó, người tu hiểu được rằng yếu tố *sự hạnh-phúc* (lạc) liên quan các tầng thiền định cũng sẽ bị diệt tiêu và biến mất. Còn “*sự tạo-tác của tâm*” (*cittasaṅkhāra, tâm hành*) là gồm *cảm-giác* (thọ) và *nhận-thức* (tưởng) thì được trải nghiệm trong tất cả 04 tầng thiền định.] (291)

292 [“*Trải nghiệm cái tâm*” được hiểu là sự trải nghiệm 04 tầng thiền định. Tâm “*được làm hoan-hỷ*” bởi sự chứng đắc hai tầng thiền định có đi kèm bởi

sự hoan-hỷ (hỷ) hoặc bởi sự thâm-nhập bằng sự minh-sát rằng nó cũng sẽ bị diệt tiêu và biến mất. “*Tập trung cái tâm*” là chỉ *sự định-tâm* trong tầng thiền định hoặc chỉ *sự định-tâm nhất-thời* khởi sinh cùng với sự minh-sát (quán). “*Giải thoát cái tâm*” có nghĩa là giải thoát tâm (a) khỏi những chướng-ngại, và (b) khỏi những yếu-tố còn thô-tế của tầng thiền định bằng cách chứng đắc tuần tự những tầng thiền định cao hơn (vi tế hơn), và (c) khỏi những “*sự sai-lệch của sự nhận-biết*” bằng cách nhờ sự-biết của minh-sát (tuệ tri).] (292)

293 [“*Quán sát sự vô-thường*” (*aniccānupassī*) là sự quán năm-uẩn là vô thường bởi vì chúng luôn lên-xuống và biến-đổi, hoặc bởi vì chúng luôn sinh rồi diệt, *luôn bị giải thể* trong từng giây-khắc (sát-na). Đoạn “04-điều” này là hoàn toàn nói về *sự minh-sát* (thiền quán), không giống 03 đoạn (1), (2), (3) ở trước thì có thể được diễn dịch theo cả 02 cách là *sự vắng-lặng* (thiền định) và *sự minh-sát* (thiền quán). “*Quán sát sự phai-biến*” (*virāgānupassī*) và “*Quán sát sự chấm-dứt*” (*nirodhānupassī*) có thể được hiểu bằng cả 02 cách là: (i) *sự minh-sát* (thiền quán) nhìn thấy *sự hủy-diệt nhất-thời* và *sự chấm-dứt nhất-thời* (trong từng giây khắc) của *những hiện-tượng* (các pháp, những trạng thái), và (ii) là thánh đạo siêu-thế, nó chứng ngộ Niết-bàn = *sự phai-biến của tham-dục* [chữ *virāga*, lúc này nghĩa như *sự chán-bỏ*] và = *sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác* (hành diệt). “*Quán sát sự từ-bỏ*” (*paṭinissaggānupassī*) chính là *sự từ bỏ* (*pariccāga*) hay *sự trừ bỏ* (*pahāna*) những ô-nhiễm (lậu diệt) thông qua sự minh-sát và *chứng nhập vào* (*pakkhandana*) Niết-bàn thông qua sự chứng đắc thánh đạo. - Mời đọc lại ở cuối đoạn thứ ba của chú thích 7 ở kinh 45:01 (Quyển 5 này).] (293)

294 [Spk chú giải rằng: Chỗ này thầy Ariṭṭha đã giải thích [sự chứng đắc] thánh đạo Bất-lai của mình. [Spk-pt bổ sung: bởi vì thầy ấy đã nói một cách dứt khoát về sự loại bỏ năm gông-cùm đầu tiên], nhưng Đức Phật giải thích thêm sự tu tập minh-sát (thiền quán, quán tuệ) để đạt tới thánh đạo A-la-hán.] (294)

295 [Đề ý: Tới kinh này là bắt đầu có *sự chuyển tiếp* từ chủ-đề “*sự chánh-niệm hơi-thở*” (*ānāpānasati*) một cách ‘thần nhiên’ qua chủ-đề sâu hơn là “*sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở*” (*ānāpānasati-samādhi*). Và sự chuyển tiếp này sẽ tiếp tục suốt các kinh tiếp theo của Chương 54 này.] (295)

296 [Spk chú giải: Khi người tu làm việc [thiền] với các *chủ-đề* thiền khác (*đề-mục thiền, đối-tượng thiền* khác) thì thân sẽ bị mệt và mắt bị căng thẳng. Ví dụ: khi người tu thiền tập về đề-mục “*bốn yếu-tố tứ đại*”, thân sẽ bị mệt và sẽ tới giai đoạn bị áp lực mà người tu cảm thấy như mình bị quăng vào cối xay lúa vậy. Hoặc ví dụ khác: khi người tu thiền định với một *kasina* (một vật-thể được dùng làm đối-tượng thiền) thì mắt sẽ bị đau nhức và người bị mệt mỏi, và khi thoát ra khỏi thiền người tu cảm thấy như mình đang ngã nhào. Nhưng khi người tu thiền tập với đề-mục “*sự chánh-niệm hơi-thở*” thì thân không bị mệt và mắt không bị căng thẳng. (Đây cũng là một ưu điểm lớn của sự thiền “*chánh-niệm hơi-thở*”!).] (296)

297 [Coi thêm chú thích 110 ở kinh **46:54** ở trên, cuối đoạn (1), về *05 sự nhận-thức* từ (i)- (v). – Spk chú giải rằng: Đoạn kinh (2) này là nói về *năng-lực tâm-linh của bậc thánh (ariyiddhi; thánh thần thông)*, để chỉ cái **sự lợi-thế** (ích lợi, hiệu quả, hiệu dụng lớn lao) của việc tu tập “*sự chánh-niệm hơi-thở*”. Bởi nếu một Tỳ kheo mong ước đạt được *thần thông của thánh nhân*, hoặc *04 tầng thiền định sắc-giới (jhāna)*, hay *04 tầng chứng đắc vô-sắc giới*, hay chứng đắc trạng thái *diệt-định* (sự chấm-dứt; diệt thọ tướng), thì người đó nên *chú-tâm kỹ càng* (như lý tác ý) tới “*sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở*”. Giống như sau khi đã chiếm được một kinh thành, thì tất cả mọi thứ hàng hóa từ bốn phương được đưa vào bốn cổng thành và thậm chí cả vùng miền đó cũng đều *được thu tóm*—đây là lợi-thế của một kinh thành—cũng giống như vậy, tất cả những sự chứng-đắc đó [được liệt kê ra ngay bên dưới từ mục (3)-(11), và tiếp đến trí-tuệ giải-thoát mục (12)-(14)] cũng *được thành tựu* bởi một người thiền khi người đó tu tập hoàn thành đầy đủ “*sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở*”.] (297)

298 [Lời đoạn kinh mẫu từ (12)-(14) hết kinh cũng có ghi trong kinh **12:51** (Quyển 2), chỉ khác ví dụ; trong kinh **22:88** (Quyển 3) và kinh **54:08** (Quyển 4) với cùng ví dụ; và cũng có trong kinh **MIN 140**, mục 23-24 với cùng ví dụ.

-► (Lưu ý: Ở đoạn (12) lời kinh gốc ghi theo nghĩa thụ động: ‘*người đó hiểu: ‘Nó không được nắm giữ (dính theo)’; người đó hiểu: ‘Nó không được ưa thích*’, nhưng người dịch Việt đã dịch theo nghĩa chủ động cho dễ hiểu: ‘*người đó hiểu: ‘Không nắm giữ (dính theo) nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó*’).] (298)

299 [Có một kinh trùng lặp được ghi trong Luật Tạng **Vin III 68–70**, chỉ khác nhau ở chỗ bối cảnh đầu của bài kinh. Tôi tóm lược phiên bản của luận giảng bằng chú thích số 301 ở cuối đoạn thứ hai ngay dưới đây. Những vấn đề được đặt ra bởi câu chuyện bối cảnh bài kinh cũng được thảo luận trong bài tham luận “*Trường Hợp Những Tỳ Kheo Tự Sát*” của học giả Mills.] (299)

300 [Chỗ này có nghĩa Phật đang giảng về *sự thiền quán về 31 bộ phận của thân* [các luận giảng tăng thêm thành 32 bộ phận] và những giai đoạn thối rữa tan rã của tử thi.] (300)

301 [**Spk** chú giải: Tại sao Phật nói như vậy? Thuở xưa, tương truyền có 500 người kiếm sống bằng cùng một nghề săn bắn. Họ đã bị tái sinh trong địa ngục, nhưng sau địa ngục, nhờ có những nghiệp thiện, họ lại tái sinh thành người và đã xuất gia thành những Tỳ kheo dưới đức Thế Tôn. Tuy nhiên, một phần gốc nghiệp xấu ác trước kia đã có cơ-hội chín muồi trong thời gian 02-tuần đó, cho nên đã đưa đến sự chết của họ bằng sự tự-sát và nhờ người khác sát-hại mình. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy trước điều này và nhận thấy mình chẳng thể làm được gì (để ngăn cản hay giúp đỡ họ) về điều sắp xảy đến đó (vì đó là nghiệp quả họ phải nhận lãnh theo luật nhân quả). Trong số những Tỳ kheo đó, có một số vẫn còn là người phạm tục, một số là bậc Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai, và A-la-hán. Những A-la-hán thì không còn tái sinh; những bậc thánh khác thì có những sự tái sinh phúc lành, nhưng những người còn phạm thì không biết chắc sẽ bị tái sinh về đâu. Đức Phật đã thuyết giảng về “sự ô-úe” (của thân) để cho những người tu loại bỏ sự ràng buộc với thân này để họ có thể xua tan sự sợ-hãi về cái chết, và nhờ vậy họ có thể được tái sinh trong những cõi trời. Bởi vậy Phật nói về “sự ô-úe” là để giúp họ chứ không phải khiến họ đề cao cái chết. Nhận biết được mình không thể đảo ngược tiến trình sẽ xảy ra đó, nên Phật ‘mới lánh đi tới chỗ ẩn-dật’ để tránh có mặt chứng kiến cảnh tượng sẽ xảy ra (!).

- Luận giảng nói như vậy, nhưng cái ý tưởng về cái ‘sự tự-sát do nghiệp đã định trước’ nghe có vẻ khó mà dung hòa được với khái niệm tự-sát là một ‘hành-động cố-ý do mình làm’.

- {Và người dịch Việt cũng thấy lạ với ý luận giải hơi lạ này của **Spk** về thái độ của Đức Phật bi-mẫn. (a) Tại sao kinh điển đã không ngớt lời ca ngợi Đức

Phật là bậc tối thượng về những năng-lực (ví dụ như năng-lực của một vị Phật về khả năng thuyết pháp để “dẫn dắt”, để “chuyển hóa nhận-thức và hành-vi” của người khác...) đã không ở lại để lập tức tụ họp họ lại và dùng phương pháp thuyết giảng khác hoặc chỉ dạy một giáo pháp đối trị khác để chuyển đổi nhận-thức của họ hoặc để cho họ có thể *tự thân* thiền quán để có thể tránh được cảnh tượng đồng loạt khủng khiếp đó. Vì rõ ràng nếu đọc phần sau của bài kinh chúng ta thấy sau khi Đức Phật trở lại, các Tỳ kheo còn sống đã thỉnh cầu Phật thuyết giảng thêm một giáo pháp khác cho họ để họ có thể thiết lập tâm của họ trong trí-biết cuối cùng, và Đức Phật đã làm vậy, (và đó cũng là nội dung chính của bài kinh **54:09** này!). (b) Luận giảng **Spk** còn cho rằng trong số đó có nhiều bậc thánh, đặc biệt là những A-la-hán: Làm sao những bậc đại trí giác ngộ A-la-hán như vậy mà có thể ‘hiểu lầm’ ý của Đức Phật về “sự ô-úế” rồi tự mình dẫn tới sự tự-sát hoặc nhờ người khác sát mình như vậy. - Đây chỉ là thiên ý của người dịch Việt! *Bản dịch nháp* ban đầu người dịch Việt đã không muốn dịch phần chú giải này của **Spk**. Như đã người dịch đã nói trong phần giới thiệu ở đầu các *Quyển* kinh: *những chú giải chỉ là những sự diễn dịch của những luận giảng sau kinh, không phải lúc nào cũng đúng và hợp lý và hợp giáo pháp.* (c) Nếu coi tiếp chú thích 302 kê dưới (được ghi trong Luật Tạng) chúng ta sẽ thấy hợp lý hơn và nhẹ nhàng hơn: rằng trong số đó “*chỉ có những Tỳ kheo còn là phạm phu mới hiểu lầm ý Phật cho nên họ đã làm vậy*”.}] (301)

302 [Theo *Luật Tạng (Vinaya)* [và **Spk** cũng lặp lại] rằng những Tỳ kheo đó có người tự giết mình, có người giết giùm người khác hoặc nhờ một “Tỳ kheo giả mạo” tên là Migalaṇḍika giết họ. **Spk** nói thêm rằng: Còn các thánh Tỳ kheo thì không giết ai, không xúi ai giết, cũng không đồng tình với sự tự sát như vậy; chỉ có những Tỳ kheo còn là phạm phu mới hiểu lầm ý Phật cho nên họ đã làm vậy.] (302)

303 [Về câu hỏi của Phật, **Spk** đã diễn dịch nghĩa như vậy: “Này Ānanda, trước đây nhiều Tỳ kheo đã tụ tập đông đúc trong hội chúng và khu tịnh xá như (nóng) bốc cháy luôn. Còn bây giờ, mới sau nửa tháng, Tăng đoàn bị giảm đi, thưa, ít như vài lá cây leo queo. Cái gì là nguyên nhân? Các Tỳ kheo đã đi đâu hết rồi?” Sự diễn dịch này hơi chua chát và quá lố.] (303)

304 [Câu trong ngoặc vuông này không có trong phiên bản **Be.**] (304)

305 [Nghĩa lời kinh chỗ này được giảng luận chi li trong **Vism 267–68 (Ppn 8:146–50).**] (305)

306 [Ví dụ này cũng có trong kinh **SN 45:156** (Quyển 5 này).] (306)

307 [Từ mục **[(1).]–[(4).]** là giống hết nội dung từ mục 24–27 của bài kinh nổi tiếng—“*Kinh Chánh-Niệm Hơi-Thở*” (*Ānāpānasati Sutta*, **MN 118**)—giảng giải cách mà sự tu tập “*sự chánh-niệm hơi-thở*” sẽ hoàn thiện “*bốn nền tảng chánh-niệm*” [coi thêm kinh **SN 54:13** bên dưới]. Luận giảng về nội dung phần kinh này đã được nhà sư Ñāṇamoli dịch và in trong quyển sách có tên “*Chánh-Niệm Hơi-Thở*”, trang 49–52.] (307)

308 [**Spk** giải nghĩa là: “*Ta gọi nó là thân-gió hay thân-khí (vāyokāya) trong các thân thuộc bốn yếu tố tứ-đại.*” Hoặc đó là là “*một loại thân*” bởi vì nó nằm trong cơ-sở tiếp-xúc trong số những thành phần khác nhau của sắc-thân.” (“*thân*” là cơ-sở để tiếp-xúc).] (308)

309 [**Spk**: Thực ra *sự chú-tâm* ở đây thực sự không phải là *cảm-giác sướng* mà chỉ là cái ‘*tiêu đề*’ của giáo lý chỗ này. Trong đoạn “*04-điều*” này, trong chi đầu (i) thì *cảm-giác* đã được nói [nói xéo, ám chỉ] dưới tiêu-đề “*sự hoan-hỷ*”; trong chi (ii) thì nó được chỉ thẳng là “*sự hạnh-phúc*”. Trong chi (iii) và (iv), thì *cảm-giác* là nằm trong *sự tạo-tác của tâm* (tâm hành) (*saññā ca vedanā ca cittasaṅkhāro*). Mời coi lại kinh **SN 41:06** (Quyển 4), ở đoạn (3) có nói về *nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm.*] (309)

310 [**Spk** chú giải nguyên văn như vậy: Câu “*Sau khi nhìn thấy bằng trí-tuệ ...*”: ở đây “*sự thêm-muốn*” [**tham**] tức là = *chướng-ngại “tham-dục*” (nhục dục, dục tham); còn “*sự khó-chịu, sự ưu-phiền*” hay “*sự buồn-phiền*” [**uru**] chính là = *chướng-ngại “sự ác-y”* (gần như = *sân*).

- Đoạn “*04-điều*” này đã được nói ra theo cách của thiền quán (minh-sát). Đây là 02 *chướng-ngại* đầu tiên trong 05 *chướng-ngại* (ngũ cái), đây là *phần đầu* của việc thiền quán *những hiện-tượng thuộc tâm* [**các pháp**]. Như vậy, Phật nói điều này để chỉ ra phần bắt-đầu của phần *thiền-quán những hiện-tượng* [**quán pháp**].

- Chữ “*đẹp-bỏ*” ở đây là chỉ *sự-biết sẽ tác động làm nên sự đẹp-bỏ*; chẳng

hạn: một người đẹp bỏ cái ‘nhận-thức về sự thường-hằng’ bằng cách ‘quán xét về sự vô-thường’ (khi có sự-biết về sự vô-thường thì đẹp-bỏ nhận-thức (sai lầm) về sự thường-hằng).

- Cụm chữ “*sau khi nhìn thấy bằng trí-tuệ*” Phật đã chỉ ra sự tiếp nối của những minh-sát tuệ như vậy: “*Với một sự-biết minh-sát (tuệ tri) [người đó nhìn thấy] sự-biết về sự đẹp-bỏ gồm có những sự-biết về sự vô-thường, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, và sự từ-bỏ*”.

- *Người đó là người [cứ] nhìn một cách sát sao với sự buông-xả*: Người tu được cho là nhìn sát sao với sự buông-xả (xả) [vào cái tâm] đã đi qua con đường đạo [**Spk-pt** bổ sung: (i) bằng sự không cố thúc cũng không kiềm chế cái tâm trong sự thiền tập vốn đã đi một cách đúng đắn dọc theo trung-đạo], và (ii) bằng sự thể hiện là một sự hợp-nhất [vì không có gì phải làm thêm về phương diện đó khi cái tâm đã đạt tới sự nhất-điểm]

- Sự “*nhìn với sự buông-xả*” có thể áp dụng cho các trạng thái tâm đồng hiện [trong cái tâm thiền định] hoặc áp dụng cho đối-tượng. Ở đây trong kinh này là đang chỉ sự nhìn vào đối-tượng.] (310)

311 [**Spk** diễn dịch rằng: *06 cơ-sở cảm-nhận* (6 xứ) giống như những ngã tư đường; *những ô-nhiễm* khởi sinh ở *06 cơ-sở cảm-nhận* giống như đóng đất bùn ở đó. *Bốn nền tảng chánh-niệm* xảy ra đối với *04 đối-tượng* của nó thì giống 04 chiếc xe hay xe ngựa. Sự “*san bằng*” (phá bỏ, phá tan) *những trạng thái xấu ác bất thiện* giống như sự san bằng đóng đất bùn bởi chiếc xe hay xe ngựa.] (311)

312 [Khi Phật mô tả sự thực hành “*sự chánh-niệm hơi-thở*” của mình, thì chữ mẫu “*sato va*” (*chỉ có chánh niệm*) được thay đơn giản bằng chữ “*sato*” (*có chánh-niệm*), và bỏ luôn chữ “*sikkhati*” (*người đó tập luyện*). **Spk** giải thích rằng chữ “*va*” được bỏ đi là để chỉ cái “*sự bình-an đặc biệt*” trong sự thực hành của Phật, bởi vì “*sự thở-vô thở-ra*” là đã luôn luôn rõ-ràng đối với Phật; còn chữ “*sikkhati*” bị bỏ đi bởi vì Phật đâu còn cần phải tập luyện nữa.] (312)

313 [So sánh đoạn cuối này với đoạn cuối ở kinh **22:122** (Quyển 3).

- Mời coi thêm chú thích 332 trong kinh **17:30** (Quyển 2) trong đó TKBD có

ghi rằng: [**Spk** nhận định “*những sự an trú hạnh phúc*” (lạc trú) chỉ là (trạng thái) “*sự chứng quả*” thì nghĩa này quá hẹp. Chữ này thường có nghĩa là = (trạng thái) “*những tầng thiền định*” (*jhāna*).] (313)

314 [“*An trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng-ngại*” (*te ime pañca nivarane pahāya vīharanti*). Mọi học nhân (từ Nhập-lưu trở lên) đều đã hoàn toàn dẹp bỏ chướng ngại là *sự nghi-ngờ*; bậc Bất-lai thì tốt hơn, đã loại bỏ chướng-ngại là *sự ác-ý* (sân) và *sự hối-tiếc* (trạo cử). Còn đối với những chướng-ngại còn lại, những bậc học nhân chỉ mới *tạm thời* dẹp bỏ chúng những khi họ đang ở (lâm thời) trong trạng thái tầng thiền định (*jhana*) và thiền quán (minh sát) mà thôi. Về nghĩa “*tạm thời*” này và về *05 loại sự tách-ly* (ẩn dật): mời coi lại chú thích số 7 ở đoạn thứ ba của kinh **45:02** ở đầu Quyển 5 này. Tuyệt đối từ *pahāya* ở đây nên được hiểu theo ánh sáng của những sự phẩm định này.] (314)

315 [Nguyên văn: *Tesaṃ pañca nivarāṇā pahīnā ucchinnamūlā tālāvatthukatā anabhāvakatā āyatim anuppādadhammā*. Câu này nhấn mạnh sự dẹp-bỏ hoàn toàn và cuối cùng đối với năm chướng-ngại (ngũ cái diệt) của các A-la-hán. – (Mẫu câu diễn tả như vậy là rất quen thuộc và phổ biến trong Kinh tạng, thường được Đức Phật dùng để nhấn mạnh cái *sự đã trừ-bỏ* và *tận-diệt* đối với một hay những ô-nhiễm hay những pháp bất-thiện).] (315)

316 [Coi thêm kinh **SN 46:3** ở trên. Để nhớ và đối chiếu:

- Phần **[I.]** [*Sự Chánh-Niệm Hoi-Thở*] cũng được ghi tương tự giống nhau trong mục 24-27 của “*Kinh Chánh-Niệm Hoi-Thở*” (*Ānāpānasati Sutta*, **MN 118**) như đã nói trong chú thích 307 trong kinh **54:10** ở trên.

- Phần **[II.]** chỗ này [*Hoàn thành Bảy Chi Giác-Ngộ*] thì được ghi trong mục 29-40. Còn Phần **[III.]** bên dưới [*Hoàn thành Trí-Biết Đích Thực và Sự Giải-Thoát*] thì có ghi trong mục 41-43.] (316)

317 [“*Vị vua quay chuyển bánh xe*” (chuyển luân vương) là *một người vua lý tưởng* (mẫu mực, đáng có) theo truyền thuyết Phật giáo; mời đọc thêm các kinh **SN 22:96** (Quyển 3) và **46:42** (Quyển 5), và chi tiết về ‘chuyển luân vương’ trong các kinh **DN 26** và **MN 129**, từ mục 32 trở đi. “*Bốn châu lục*” ở đây là gồm *Jambudīpa* [*Diêm-phù-đề*; Nam thiên bộ châu), *Aparagoyāna*

(Tây ngưu hóa châu), *Uttarakuru* (Bắc cu-lu châu), và *Pubbavideha* (Đông thắng thần châu) tương ứng nằm ở phía nam, tây, bắc, và đông của *Núi Sineru* (Tu-di) vốn được coi là trục-tâm của thế giới. Coi thêm kinh **AN 3:80** về bức tranh vũ trụ theo kinh điển Phật giáo. - Còn “*bốn điều*” sẽ được nói ra ngay bên dưới.] (317)

318 [Thực ra thì những cảnh *địa ngục, súc sinh, và naga quý* cũng đều thuộc về “*cảnh giới đầy đọa, những nơi-đến xấu dữ, và cõi dưới*”.] (318)

319 [Đây là những công thức kính lễ và tưởng niệm về Đức Phật, và 02 đoạn kê dưới là kính lễ và tưởng niệm Giáo Pháp và Tăng Đoàn, cũng được giảng giải trong *Thanh Tịnh Đạo Vism* 198–221 (**Ppn** 7:2–100).

- Về chữ *niềm-tin xác thực (aveccappasāda)*, mời coi lại chú thích 120 ở kinh **SN 12:41** (Quyển 2). Luận giảng [**Spk**] giải thích đây là loại niềm-tin bất lay chuyển, có được nhờ chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.] (319)

320 [Những thuật ngữ này mô tả giới-hạnh của thánh nhân, cũng được giảng giải trong **Vism** 221–22 (**Ppn** 7:101–6). **Spk** giải thích rằng: những bậc thánh thì *không còn phạm vào (na kopenti) Năm Giới* ngay cả khi họ chuyển qua sự hiện-hữu mới (kiếp sau); do vậy *những giới-hạnh này là quý giá đối với họ* hay là *những giới-hạnh được họ quý trọng*.] (320)

321 [So sánh lời kinh này với *kinh Pháp Cú, Dhp 178*.] (321)

322 [Đây là mẫu câu định nghĩa quen thuộc về một bậc *Nhập-lưu* (Dự-lưu, Tu-đà-hoàn). “*Đã định xong vận mệnh*” là dịch chữ “*niyata*”, có nghĩa là bậc Nhập-lưu sẽ hiển nhiên (và bất thoái chuyển) đạt tới *sự giải-thoát cuối cùng trong tối đa 1-7 kiếp nữa* ở cõi người hay cõi trời. “*Sự giác-ngộ*” (*sambodhi*, chánh giác) ở đây có nghĩa = *trí-biết cuối cùng* của quả A-la-hán.] (322)

323 [Nguyên văn câu cuối này: *Brahmacariyogadham sukham*. Trong đó có chữ *ogadha*: về nghĩa của chữ này, mời coi lại chú thích 243 ở kinh **SN 23:01** (Quyển 3). **Spk** chú giải: Đây là *sự hạnh-phúc* (lạc) đi kèm với 03 thánh đạo cao hơn. *Sự tự-tin* được nói trong bài kệ có thể được diễn dịch là *sự tự-tin đồng hành* với thánh đạo (*maggappasāda*) hoặc là *sự-tự-tin* có được từ sự quán-chiếu lại của một người đã đạt tới thánh đạo (*āgatamaggassa pacca-*

vekkhaṇappasāda.)] (323)

324 [06 sự nhận-thức này cũng có ghi trong các kinh khác là **SN 46:71—76** và ► mời đọc lại chi tiết trong chú thích 119 ở **NHÓM 8** (ngay trước kinh **SN 46:67**) đó. Như một nhóm, 06 sự nhận-thức này góp phần cho trí-biết đích thực (minh, chân trí) (*cha vijjābhāgiyā dhammā*) cũng được đề cập trong kinh **AN 6:35** nhưng không giảng giải chi tiết. Lời kinh dùng đuôi chữ -*anupassi* cho sự thiền quán thứ nhất và đuôi chữ -*saññi* cho các sự thiền quán khác. Nghĩa của chúng là như nhau.] (324)

325 [Lưu ý: Đây là những yếu-tố [chi] căn bản ban đầu để đạt tới Nhập-lưu, chứ không phải 04 yếu-tố (04 chi phần) định nghĩa phẩm-hạnh của một bậc Nhập-lưu, cho dù trong tiếng Pāli nó cũng được ghi đồng một chữ là “*sotāpattiyaṅga*” (yếu-tố Nhập-lưu, chi dự lưu). (Do chữ Pāli là giống nhau, cho nên để tránh hiểu lầm người dịch đã tạm dịch là những “yếu-tố để đạt tới Nhập-lưu” (để phân biệt với 04 “yếu-tố Nhập-lưu” (= 04 phẩm-chất của bậc thánh Nhập-lưu) là có-được: niềm tin vào Phật, Pháp, Tăng, và Giới-hạnh được những bậc thánh quý trọng).] (325)

326 [Mặc dù trong kinh khác chữ *thapati* có nghĩa là “thợ mộc”, nhưng từ nội dung bài kinh này cho thấy công việc của hai người này là quan thị vệ của hoàng cung. Trong tiếng Phạn, chữ *sthāpatya* thường có nghĩa là những người canh gác các khuê phòng của các cung phi, mỹ nữ. Hai người này cũng được nhắc đến là hai người phụng sự cho Vua Pasenadi trong kinh **MN 89**, mục 18. Theo **Spk**, lúc này Isidatta đã là bậc thánh Nhất-lai, Purāṇa là bậc Nhập-lưu vẫn đang sống với vợ [tức không độc thân]. Trong kinh **AN 6:44** có nói, sau khi họ chết, Phật đã tuyên bố cả hai đều là bậc thánh Nhất-lai tái sinh vào cõi trời Tusita (Đâu-suất); lúc chết thì Purāṇa lại là độc thân, còn Isidatta thì đang có vợ.] (326)

327 [Thông thường, như các kinh kể trên, thì công thức “bốn-điều” dẫn tới Nhập-lưu là gồm 03 niềm-tin (vào Tam Bảo) cộng với phần giới-hạnh được những bậc thánh quý trọng. Nhưng ở đây, phần (4) giới-hạnh đã được thay bằng sự rộng lòng bố-thí. Nhưng sự thay đổi chỗ này đã được luận giải trong **Vism 223–24 (Ppn 7:107–14)**. - Chỗ này tôi ưu tiên đọc chữ ghi đúng là *yājajoga*, lý do như đã được giải thích trong chú thích 635 ở kinh **SN 11:11**

(Quyển 1).] (327)

328 [Cụm chữ “*có thể ứng dụng được cho mỗi người*” (*attūpanāyikaṃ dhammapariyāyam*). **Spk-pt** giải nghĩa là: *Đã liên quan tới mình, thì có thể ứng dụng cho người khác* (*attani netvā parasmim upanetabbam*), tức là: đặt người là mình, đặt mình là người. Bởi vì thường có câu: “*Cái gì khó chịu và khó ưa đối với mình thì khó chịu và khó ưa đối với người khác*” (tức: điều gì mình không thích đừng bắt người khác chịu vậy.)

- Tiếp theo là Phật nói về 07 đường đầu tiên trong “10 đường nghiệp thiện”, mỗi đường được tu tập theo 03 cách: (i) *bằng cách tự mình tuân thủ*, (ii) *bằng cách khuyến khích người khác tuân thủ*, và (iii) *nói lời đề cao những đường nghiệp thiện đó*.] (328)

329 [Trong **Ee** ghi là “*ti koṭīparisuddho*”, nên sửa lại là “*tikoṭīparisuddho*, tức không có khoảng trống giữa các chữ. “*Bằng ba cách*” nghĩa là về 03 phương-diện mới được nói trong chú thích kể trên: (i) *tự mình kiêng cử sát-sinh*, (ii) *khuyến khích chỉ dạy người khác kiêng cử sát-sinh*, và (iii) *nói lời đề cao khen ngợi sự kiêng cử sát-sinh*.] (329)

330 [Cùng với kinh **55:10** [chứ không phải **55:09**], lời bài kinh này cũng có trong *Đại Kinh Niết-bàn* (*Mahāparinibbāna Sutta*; **DN 16**, mục 2.5-2.9). Kinh **DN** thì ghi tên địa danh này là *Nādikā*, nhưng cả **Sv** và **Spk** đều chú giải theo kiểu ủng hộ tên nó là *Nātika*, như vậy: “*Có hai khu làng cùng tiếp giáp một cái hồ nước, được cư trú bởi những người con trai của hai anh em; do vậy một trong hai làng được gọi tên là Nātika, có nghĩa là ‘thuộc những người thân tộc’*.] (330)

331 [**Spk** chú giải: *đang giảm thiểu* (tham, sân, si) nên được hiểu theo 02 cách: (i) là (những ô-nhiễm đó) *đang khởi sinh không thường xuyên* và (ii) *đang giảm thiểu lực ám muội* (cái tâm). Bởi vì trong một bậc thánh Nhất-lai, tham, sân, si chỉ thỉnh thoảng mới khởi sinh, chứ không khởi sinh thường xuyên như chúng vẫn luôn khởi sinh trong những người phàm tục; và khi chúng khởi sinh thì chỉ khởi sinh một cách nhẹ mỏng như cánh ruồi, chứ không dày đặc nặng đô như chúng vẫn luôn khởi sinh trong những người phàm tục. “*Thế gian*” (*imaṃ lokam*) là chỉ cõi dục-giới.

-► Câu cuối nên được phân tích và hiểu như vậy: (i) Nếu một chúng sinh chứng quả Bất-lai khi đang là người thì được tái sinh trong số những thiên thần và sau đó sẽ chứng ngộ luôn A-la-hán ở đó; điều đó là tốt lành. Nhưng nếu không làm được vậy, thì sau khi quay lại làm người người đó nhất định sẽ chứng ngộ A-la-hán. (b) Ngược lại, nếu một chúng sinh chứng quả Bất-lai khi đang là thiên thần thì được tái sinh làm người và sau đó sẽ chứng ngộ luôn A-la-hán; điều đó là tốt lành. Nhưng nếu làm được vậy, thì sau khi tái sinh lại làm thiên thần thì thiên thần đó nhất định sẽ chứng ngộ A-la-hán ở đó.] (331)

332 [Con số có vẻ được như được phóng lên nhiều, nhưng **Spk** giải thích rằng, mặc dù ngôi làng [Nātika] không lớn lắm nhưng số lượng các đệ tử được nói là đúng nhiều. Trong một trận dịch bệnh, ở đó có tới 24.000 chúng sinh đã chết, trong đó có nhiều thánh đệ tử.] (332)

333 [Be ghi là: *maraṇaṃ āgameyyāsi*; Se và Ee ghi: *āgaccheyyāsi*. **Spk** chú giải câu này là: *maraṇaṃ iccheyyāsi, pattheyyāsi vā* (người nên ước muốn hoặc mong muốn cái chết).] (333)

334 [Chỗ này và trong tất cả các đoạn kinh song hành tương tự, tôi đọc chữ này là *te vo*, điều này là hợp với kinh **47:48** ở trên.] (334)

335 [So sánh với bối cảnh của kinh này với kinh **SN 40:10** (Quyển 4), phần **[II]**.] (335)

336 [Chữ gốc: *sambādhabyūhaṃ*. Sự chú giải của **Spk** cho thấy chữ *byūhā* là những đường lộ chính. Chúng được cho là “*chen chút, kẹt đường*” (*sambādha*) cho thấy những cảnh sống đông đúc của thành phố.] (336)

337 [Về chữ “*đáng kính trọng*” (*manobhāvanīya*), mời coi lại chú thích số 2 trong kinh **22:01** (Quyển 3).

- Về chữ “*đi tán lạc*” ở đây: trước hết là **Ee** ghi chữ *bhante na*, nó nên được đổi trong tất cả mọi chỗ thành *bhantena*, như một quá khứ phân từ công cụ của chữ *bhamati*. **Spk** giải nghĩa chữ này là: “*lang thang đây đó, đi qua lại một cách xóc nổi tứ tung*” (*ito c’ ito ca paribbhamantena uddhatacārīnā*).] (337)

338 [Lúc này ông Mahānāma ít nhất cũng đã là bậc Nhập-lưu, hay có thể đã là bậc Nhất-lai; do vậy vị ấy đã chắc chắn được tái sinh phúc lành, và do vậy không có lý do để sợ chết (hay lo sợ về nơi tái-sinh của mình).] (338)

339 [“*Đi hướng thượng, đi tới sự khác-biệt*” (*tam uddhaṅgāmi hoti visesagāmi*). Đoạn này chỉ ra *tâm (citta)* là “cái chính” (như chủ thể) của sự liên-tục cá thể *còn tiếp tục* sau cái chết của thân xác và *gặt hái những quả của nghiệp*. Trong trường hợp một thánh đệ tử thì nó “*đi đến sự khác-biệt*” theo cách của một sự tái-sinh cao hơn và bằng cách tiến hóa theo hướng tới Niết-bàn. - Ví dụ bên dưới về ‘hủ bơ hủ dầu’ cũng được nói trong kinh **42:06** (Quyển 4) nhưng trong kinh đó nó được dùng để nói ý nghĩa giáo lý khác.] (339)

340 [**Spk** diễn dịch câu này có nghĩa: ông Đại Danh đã nghĩ: “Tăng Đoàn các Tỷ kheo thì có thể nói điều mình không biết, vì họ còn thiếu sự toàn-trí (của một vị Phật), nhưng trong Vị Thầy thì không thiếu sự toàn-trí”. Còn chữ “*vấn đề liên quan đến Giáo Pháp*” (*kocideva dhammasamuppādo*) thì được **Spk** giải nghĩa là: *kiñcideva kāraṇam*. Trong kinh **SN 22:07** (Quyển 3) cũng có ghi chữ ghép *dhamma-samuppāda* này những ở đó mang nghĩa khác, được diễn dịch là “*một đồng/mớ những trạng thái tâm*”.] (340)

341 [Chỗ này chỉ phiên bản **Ee** đã ghi đúng chữ cần được ghi là *evaṃvādiṃ*. Cả **Be** và **Se** đều ghi chữ *evaṃvādi*. Về chỗ này mời đọc lại chú thích 205 ở cuối kinh **12:68** (Quyển 2).] (341)

342 [Mặc dù sự chấp đố của hai người vẫn chưa được Phật phân giải, nhưng câu trả lời đã nằm ngay chỗ lời tuyên bố của Mahānāma về *niềm-tin* của ông ấy. Bằng cách thể hiện mạnh mẽ cái *niềm-tin* (xác thực) của ông vào Đức Phật, Mahānāma đã hàm ý xác nhận tư-cách của mình đã là một thánh đệ-tử (ít nhất là Nhập-lưu), và do vậy quan điểm “*04-điều*” của ông ta chắc chắn là đúng (vì bậc thánh đã tự mình biết rõ điều đó, chứ không chỉ nghe Phật nói). **Spk-pt** nói thêm: khi một người thực sự có-được 01 trong 04 điều này thì người đó giải thích như mình cũng có-được 03 điều còn lại; (chẳng hạn khi đã có niềm-tin thật sự vào *Đức Phật* thì sẽ có luôn niềm-tin đó vào những điều Đức Phật đã tin và nói về *Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và những giới-hạnh*).] (342)

343 [Tôi ghi lại tên Sarakāni như trong **Se**. Phiên bản **Be** và **Ee** thì ghi tên là Saraṇāni.] (343)

344 [Nguyên văn câu này: *Sikkhādubbalyaṃ āpādi majjapānaṃ apāyi*. Đây là sự vi phạm giới thứ năm của *Năm Giới* (không uống rượu). Những người họ tộc Thích-ca này nghĩ rằng nếu ông Sarakāni đã vi phạm một giới thì ông đã thiếu mất yếu-tố thứ tư của ‘*bốn yếu-tố Nhập-lưu*’ rồi và do vậy ông ta đâu thể là một bậc thánh Nhập-lưu cho được.] (344)

345 [Đây là đoạn tả thực một A-la-hán, người đã thực thụ thoát khỏi tất cả sự tái-sinh; còn câu cuối “*thoát khỏi địa ngục ... cõi dưới*” chỉ được nói ra như một “sợi chỉ” để khâu kết các phần của bài kinh với nhau. Về chữ “*trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành*” mời coi lại chú thích số 184 kinh **2:29** (Quyển 1).] (345)

346 [Đây là người tu trì theo *Giáo Pháp* (*dhammānusārī*) hay người *căn-trí*; còn đoạn kế sau là nói về người tu trì theo *niềm-tin* (*saddhānusārī*) hay người *căn tín*. Sự mô tả về 02 loại người này là trùng khớp với các định nghĩa trong kinh **MN 70**, mục 20-21. Theo kinh **SN 25:01**, 02 loại người này đã đạt tới cảnh giới của những bậc thánh nhân nhưng vẫn chưa chứng đắc thánh quả Nhập-lưu; họ khuynh hướng tới sự chứng đắc thánh quả đó trước khi chết. Coi lại chú thích 268 ở kinh đó nói chi tiết về 02 loại người này.

- ► Nên lưu ý rằng: Trong lúc họ có *niềm-tin* [là một trong năm căn tâm linh] nhưng họ chưa có-được loại “*niềm-tin xác thực*” (*aveccappasāda*) vào Tam Bảo. Và, mặc dù lời kinh nói rằng họ “*không đi xuống địa ngục*” (*agantā nirayaṃ*) ... nhưng cũng không thể nói họ đã “*thoát khỏi địa ngục*” (*parimutto nirayā*) ... bởi vì sự giải-thoát thực sự khỏi những nơi-đến xấu dữ chỉ có được khi đã chứng đắc thánh quả.] (346)

347 [**Spk** giải thích rằng: Vào lúc chết Sarakāni đã là một người hoàn thành 03 phần tu-tập [giới, định, tuệ]. Điều này hàm nghĩa rằng, mặc dù trước kia ông ta có uống rượu, nhưng trước khi chết ông ấy đã tuyệt đối giữ nghiêm các giới-hạnh, và nhờ đó ông đã chứng thánh quả Nhập-lưu.] (347)

348 [Nguyên văn câu cuối: *Sikkhāya aparipūrakāri ahoṣi*. Lời chõ này có khác một chút so với kinh kể trên, nhưng về ý thì coi như giống nhau.] (348)

349 [Câu này giống câu trong kinh **SN 48:50**, ngay đoạn đầu. Ở đây, cụm chữ “*ekantagato abhīppasanno*” thực ra như đồng nghĩa với “*aveccappasādena samannāgato*”.] (349)

350 [Về cách diễn đạt và lặp lại 05 loại thánh Bất-lai, mời đọc lại sự chú giải chi tiết trong chú thích 65 ở kinh **SN 46:03**.] (350)

351 [Trong kinh **MN 117**, mục 34, có ghi rõ rằng bậc học nhân đang tu tập thì có 8 *chi thánh đạo*, còn bậc A-la-hán thì có thêm 02 thành 10 *chi thánh đạo*. Nhưng ở đây, lạ thay, 02 chi cuối cùng là *chánh tri* (*sammāñāṇa*) và *chánh giải-thoát* (*sammāvīmutti*) vốn được cho là chỉ có ở bậc A-la-hán, giờ lại được gán cho một bậc Nhập-lưu như gia chủ Cấp Cô Độc. Câu kệ cuối của bài thi kệ cuối kinh đã xác nhận lại rõ rằng đây không phải là lỗi biên tập hay sự phóng đại của những vị kết tập kinh điển ngày xưa. Một ví dụ khác về những sự bất-thường kiểu như vậy cũng có trong kinh **SN 47:13** [coi chú thích 160 ở đó] trong đó 02 chi (yếu tố) của bậc A-la-hán—đó là ‘*sự giải-thoát*’, và ‘*trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát*’—lại được gán cho một học nhân lúc đó là thầy Ānanda bấy giờ cũng là bậc Nhập-lưu.] (351)

352 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *samparāyikaṃ maraṇabhayaṃ*. **Spk** giải nghĩa cụm chữ đó là: *samparāyahetukaṃ maraṇabhayaṃ* (*sự sợ chết gây ra bởi [do nghĩ tới] kiếp sau*), (tức nghĩ tới kiếp sau là những cõi đầy đọa khủng khiếp nên thấy sợ hãi).] (352)

353 [**Spk**: Đó là những dấu-vết của những thiên thần (*devapadāni*) là dấu vết được bước đi bởi sự-biết của những thiên thần hoặc với sự-biết của một thiên thần. Trong kinh này 04 loại người được thiết lập trong các thánh quả thì được gọi là *những thiên thần* theo nghĩa là “trong sạch, thanh tịnh”.] (353)

354 [Học giả Woodward đã nhầm kinh này là giống hết kinh kể trên nên ông đã không dịch kinh này.] (354)

355 [Woodward coi chữ *sabhāgatam* là có thể phân thành *sabhā + gatam* (*gia nhập đoàn*), nhưng thực ra nó là thể đối cách số ít của danh từ trừu tượng *sa-bhāgatā* (*sự giống nhau, sự tương đồng*).] (355)

356 [**Be** và **Ee** ghi động từ này là *ehu ti*, có lẽ như họ coi là một thể mệnh lệnh,

trong khi **Se** thì ghi là *etiti*, khó giải thích được vì sao. Tôi gợi ý ghi chữ ở dạng tương lai số ít là *ehiti*.] (356)

357 [Ví dụ này cũng có trong kinh **12:23** (Quyển 2). **Spk** chú giải: “*Sau khi đã vượt qua bên kia*”: *bên kia* ở đây là Niết-bàn; ý nghĩa lời kinh là: ‘*sau khi đã đạt tới đó*’, thì chúng sẽ dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm; nhưng câu này không có nghĩa là trước tiên chúng đi tới Niết-bàn rồi sau đó mới dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm; mà nó có nghĩa là: *chúng dẫn tới đó khi chúng đi tới Niết-bàn.*”] (357)

358 [Lời câu này cũng được ghi ở cuối kinh **48:18** (Quyển 5 này).

- (Người dịch Việt nhận thấy như có sự mâu thuẫn rằng: Nếu một người đã được gọi “*người thánh đệ tử*” thì người đó chắc chắn ‘đã nhập vào dòng thánh đạo’, đã ‘ít nhất là một bậc Nhập-lưu’, do vậy chắc chắn đã có-được “*04 yếu-tố Nhập-lưu*” một cách bất thối chuyển. Vậy làm sao có vấn đề một người thánh đệ tử lại hoàn toàn và tất thảy không-có “*04 yếu-tố Nhập-lưu*” bên trong mình?).] (358)

359 [Lời kinh chỗ này giống ở kinh **35:97** (Quyển 4), và tiếp theo là đoạn nói về *người sống một cách chuyên-chú*. (Về ý ‘*các pháp không thể hiện*’: mời coi lại chú thích 83 ở cuối đoạn (1) của kinh **35:97** đó.)] (359)

360 [Ở đây tôi đọc theo **Se** và **Ee** là *seyyā-nissajja-ttharañassa*; khác với **Be** ghi là *seyyāni-paccattharañassa*.] (360)

361 [**Spk** chú giải: “*cốt-lõi của Giáo Pháp*” (*dhammasāra*) chính là thánh quả, và “*sự tiêu-diệt*” (*khaya*) là sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Tôi đề nghị câu cuối cùng ghi đúng là: *Na vedhati maccurāj’āgamissati ti*.] (361)

362 [Tôi đọc theo **Be** và **Se** là không đưa thêm chữ *mahāyaso* vô ở đây. Nếu đưa vô, như trong **Ee**, thì đâu có gì khác nhua giữa kinh này và kinh kế tiếp.] (362)

363 [Coi chú thích số 325 ở kinh **55:05** ở trên.]

364 [Phần thi kệ này giống trong kinh **55:26** ở trên và kinh **11:14** (Quyển 1). Cũng có trong kinh **AN 4:52**.] (364)

365 [**Spk**: Dhammadinna là một trong 07 người tại gia từng có đoàn tháp tùng gồm 500 người vào thời Đức Phật còn sống; những người khác cũng có như vậy là vị đệ tử tại gia Visākha, gia chủ Ugga, gia chủ Citta, Hatthaka Ālavaka, Tiểu Cấp Cô Độc và Đại Cấp Cô Độc.] (365)

366 [So sánh với những tính-từ này ở đầu kinh **SN 20:07** (Quyển 2).

- Thật là bất thường khi Đức Phật đã đưa ra chỉ thị như vậy (về *tính-không*) cho những người tại gia, nhưng **Spk** đã đưa ra chú giải kỳ lạ, như tôi sẽ dẫn ra dưới đây. Trong kinh này, nói với Dhammadinna, Phật đã luôn dùng chữ ở dạng số nhiều hàm nghĩa những lời nói của Phật là nói cho cả đoàn chứ không riêng ông ấy.

- Phần chú giải lạ lùng của **Spk** là như vậy: [*“Sâu sắc (gambhira), giống như kinh Salla (Salla Sutta; Sn III, 08); sâu sắc về ý nghĩa (gambhirattha), giống như kinh Cetanā Sutta [SN 12:38–40 (?)]; siêu thế (lokuttara), giống như kinh Asaokhataṣaṃyutta [SN 43 (?)]; liên hệ (liên kết, tương ứng) tính-không (suññatāpaṭisaṃyutta), nghĩa là giảng giải về tính-không của chúng sinh [như Kinh Khajjaniya, SN 22:79]. “Chính theo cách như vậy các người nên tu tập bản thân” có nghĩa là: ‘Các người nên tu tập bằng cách hoàn thành sự tu-tập của ví dụ mặt trăng [như kinh SN 16:03], sự tu-tập của sự chuyển-tiếp những xe ngựa [như kinh MN 24], sự tu-tập của phẩm chất sa-môn (money-yapaṭipadā, [như chỗ kinh Sn I, 12], sự tu-tập đại truyền thống thánh thiện (mahā-ariyaṃsa [như kinh AN 4:28]). [Những thuật ngữ này đều ngụ ý những bài kinh chỉ giáo sự tu-hành nghiêm ngặt]. - Như vậy là ở đây Phật đã giao cho những người tại gia một trách-nhiệm tu-tập khó mà gánh nổi. Vì sao vậy? Bởi vì, thường nghe rằng, họ đã thỉnh cầu Phật khởi xướng mà không đứng trên vị thế (hoàn cảnh) của mình (na attano bhūmiyaṃ thatvā), mà họ đã thỉnh cầu cứ như họ sẽ đảm nhận được bất kỳ trách-nhiệm tu-tập nào. Vì vậy nên Đức Phật đã giao cho họ một trách-nhiệm tu-tập khó mà gánh nổi. Nhưng sau khi họ thỉnh cầu đứng trên vị thế của mình [bằng những lời ‘khi chúng con được thiết lập trong năm giới ...’] thì Đức Phật đã đồng ý bằng cách khởi xướng lại: ‘Như vậy, này Dhammadinna ...’ (bảng 04 yếu-tố dẫn tới Nhập-lưu).”]*

- Thật khó mà nhìn ra sự phù hợp nào trong sự chú giải lạ kỳ và dài hơi này

của **Spk** với giáo lý mà Phật mới nói ra cho những người tại gia; trong khi Đức Phật được cho là luôn luôn chỉ dạy những giáo lý tùy theo thành phần người nghe và tùy theo căn cơ và trình độ giác ngộ của họ.

- **Spk** cũng có chú giải những thuật ngữ này trong chú thích 368 ở kinh **SN 20:07** (Quyển 2), trong đó nó lại luận giải các thuật ngữ này từ một số kinh khác nữa!] (366)

367 [“*Đệ tử tại gia hiện trí*” hay “*uru-bà-tắc trí hiện*” là dịch chữ “*sapañño upāsako*”. **Spk**: Chữ này ở đây là chỉ bậc Nhập-lưu.] (367)

368 [Về chữ “*ngài*” ở chỗ này: chữ “*Āyasmā*” vốn thường được dùng để xưng hô với các Tỷ kheo, nhưng thỉnh thoảng nó cũng được dùng cho các đệ tử tại gia (như trong trường hợp này). Trong những câu tiếp theo, tôi lại dùng cách xưng hô với người-thứ-hai hay gián tiếp người-thứ-ba, kiểu như: “*quý ngài*” hay “*vị ấy*”, “*ngài ấy*”, như trong câu “*Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Đức Phật ...*”.] (368)

369 [Trong kinh **MN 97**, mục 30-37, thầy Xá-lợi-phất cũng hướng dẫn một bà-la-môn sắp chết qua trình tự những bước quán chiếu giống như vậy, nhưng thầy Xá-lợi-phất thì dừng lại ở bước hướng ông ta tới (sự tái sinh vào) cõi trời Phạm Thiên (Brahmā). Do dừng lại ở bước này cho nên sau đó thầy Xá-lợi-phất đã bị Phật quở trách; (tức là, đúng hơn thầy ấy nên tiếp tục khởi xướng và hướng tâm của người sắp chết đó tới luôn *sự chấm-dứt danh-tính*, tức Niết-bàn. Coi thêm mấy chú thích kế tiếp kế bên dưới.) (369)

370 [Chữ “*sự chấm-dứt danh-tính*” (*sakkāyanirodha*) tức đồng nghĩa với *Niết-bàn*. Lời tư vấn này có mục đích chuyển hướng cái tâm của người sắp chết khỏi sự tái sinh vào cõi trời Phạm-thiên (Brahmā) và hướng nó tới sự chứng ngộ Niết-bàn (vô sinh) luôn.] (370)

371 [‘*Đã được giải thoát trong tâm*’, tôi đọc theo **Be** là *evaṃvīmuttacittassa*, khác với *evaṃvīmuttacittassa* trong **Se** [có lẽ sai do ghi chép] và khác với *evaṃvuttassa* trong **Ee**. Nhưng ‘*đã được giải-thoát trong tâm một trăm năm*’ thì tôi đọc theo **Se** là *vassasatavīmuttacittena*, khác với *āsavā vīmuttacittena* được ghi trong **Be** và **Ee**.] (371)

372 [Cụm chữ này tôi đọc theo phiên bản **Se** và **Ee** là *vīmuttiyā vīmuttin ti*, khác với *vīmuttiyā vīmuttan ti* ghi trong **Be**. Cụm chữ *vīmuttiyā vīmuttiṃ* cũng có ghi trong kinh **AN 5:31**, đoạn gần cuối kinh, Đức Phật đã nói với công chúa Sumanā rằng khi 02 người đã chứng đắc quả A-la-hán thì ‘không có sự khác-biệt giữa sự giải-thoát của người này và sự giải-thoát của người khác’. **Spk** chú giải là: Khi so sánh sự giải-thoát này với sự giải-thoát khác thì không có gì khác nhau để chỉ ra. Khi thánh đạo và thánh quả đã được thâm nhập thì không có sự khác-biệt nào giữa người tu là người tại gia hay người xuất gia.

- ► Như vậy lời tuyên thuyết này của Đức Phật có nghĩa rằng: *cũng có người tu tại gia trở thành bậc thánh A-la-hán!* Ngoài một số điển hình về người tại gia đã chứng thánh quả A-la-hán *ngay sau khi vừa mới xuất gia* [như Yasa, được ghi trong Luật Tạng **Vin I 17,1–3**], thì đây có lẽ là bài kinh **duy nhất** nói về một người tại gia chứng A-la-hán trong toàn bộ *Kinh Tạng*, và trong trường hợp này sự chứng quả A-la-hán xảy ra vào lúc *sắp-chết*. **Mil 264–66** thì đưa ra luận thuyết rằng: một người tại gia chỉ chứng đắc thánh quả A-la-hán trong một trong hai lúc: **(i)** ngay khi mới xuất gia trong ngày đó [trở thành Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni], hoặc **(ii)** khi chết là bát Niết-bàn luôn.] (372)

373 [*Trạng thái vô-song của trí-tuệ = trạng thái của trí-tuệ vô-song*. Tôi đọc theo **Se** ghi là *asāmanta-paññatāya*, khác với **Be** và **Ee** ghi là *appamatta-paññatāya*.] (373)

374 [Trong **Paṭis II 189–202** đã trích dẫn toàn bộ đoạn này và định nghĩa tất cả các chữ trong đó với sự trợ giúp của công cụ toàn khái niệm của hàn lâm kinh viện về *Trường Lão Bộ* (Theravāda) tiền thân.] (374)

375 [Mẫu kinh này giống kinh **SN 22:05** và mẫu kinh kế tiếp thì giống kinh **SN 22:06** (Quyển 3).] (375)

376 [Nguyên văn cả câu này: “*Tasmātiha bhikkhave idaṃ dukkhan ti yogo karaṇīyo.*” **Spk** chú giải: Vì một Tỳ kheo đạt-định thì hiểu được *Bốn Diệu Đế* đúng như chúng thực là, cho nên người tu *nên có sự cố-gắng* (thiền tập) để đạt-định để hiểu được *Bốn Diệu Đế* đó đúng như chúng thực là. Và vì cái vòng luân-hồi sinh tử sẽ càng gia tăng đối với những ai không thấu hiểu

những sự-thật (chân lý, diệu đế, thánh đế) này, và vòng luân-hồi sẽ ngừng gia tăng sau khi họ đã thấu hiểu (thâm nhập, giác ngộ) *những sự-thật* đó. Do vậy nên nói người tu *nên có sự cố-gắng* (thiền tập, đạt định) để hiểu chúng, với ý-nghĩ [tâm nguyện] rằng: “*Nguyện cho cái vòng luân-hồi không gia tăng đối với chúng ta.*” (376)

377 [Nguyên văn trong **Se** và **Ee** là: *Mā bhikkhave pāpakaṃ akusalaṃ cintam cinteyyātha. Be* thì ghi chữ *cittam* thay vì *cintam* .] (377)

378 [Nguyên văn câu này: *Mā bhikkhave viggāhikakathaṃ katheyātha*. Mẫu lời kinh diễn tả sự tranh cãi và bảo thủ của một người ở đây cũng giống như trong kinh **SN 22:03**, đoạn (11).] (378)

379 [‘*Sự nói chuyện vô-bổ*’ là tạm dịch nguyên chữ gốc *tiracchānakathā*, có nghĩa gốc là: sự nói chuyện của loài vật (ý nói: vô bổ, như mèo chó nói với nhau...)] (379)

380 [Đây là *bài kinh đầu tiên* của Đức Phật (*kinh Chuyển Pháp Luân*), có được lưu lại trong ghi chép về cuộc đời truyền đạo của Phật trong *Luật Tạng Vin I 10–12*. Bài kinh này được phân tích rõ hơn trong kinh **MN 141** và trong **Vibh 99–105**, và được luận giải trong *Thanh Tịnh Đạo Vism 498–510 (Ppn 16:32–83)* và trong **Vibh-a 93–122**. Bài kinh cũng được giảng giải một cách chi tiết, dựa theo phương pháp của các luận giảng kinh điển, trong chuyên luận mang tên “*Bài Thuyết Giảng Đầu Tiên Của Phật*” bởi nhà sư Rewata Dhamma.] (380)

381 [Ở đây tôi làm theo **Be** và **Se**. Riêng **Ee** thì có ghi thêm cụm chữ quen thuộc *sokaparidevadukkha domanass’ upāyāsā* (*sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng [sâu bi khổ ưu não] là khổ*); cụm chữ này thường được ghi trong những kinh khác khi định nghĩa chính thức về *sự khổ* (Diệu đế 1), nhưng trong bài kinh “*Chuyển Pháp Luân*” thì hầu hết các phiên bản đều không ghi thêm cụm chữ này.] (381)

382 [03 giai đoạn (*tiparivaṭṭa*) là: **(i)** sự-biết về mỗi Diệu-đế (*saccañāṇa*); **(ii)** sự-biết về trách-nhiệm phải được hoàn thành đối với mỗi Diệu-đế (*kiccañāṇa*); và **(iii)** sự-biết về sự đã hoàn-thành đối với mỗi Diệu-đế (*katañāṇa*). 12 phương diện (*dvādasākāra*) được đạt được bằng cách áp dụng

03 phần nói trên đối với Bốn Diệu Đế; $3 \times 4 = 12$.] (382)

383 [**Spk** chú giải chữ *bánh xe Giáo Pháp* (*dhammacakka*) theo cách diễn đạt của *trí-biết nhờ sự thâm-nhập* (*paṭivedhañña*, trí chứng ngộ) và *trí-biết về sự chỉ-dạy* (*desanāñña*, trí giáo hóa); coi thêm chú thích 57 ở đầu kinh **SN 12:21** (Quyển 2). Rằng, cho đến khi nào *Ngài Kiều-trần-như* (*Koṇḍañña*, ở cuối kinh) và 18 *koṭi* (1 *koṭi*=10 triệu) vị trời *brahmā* chưa được thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu thì đức Thế Tôn vẫn đang *thiết lập sự dịch-chuyển* (*pavatteti nāma*) bánh xe Giáo Pháp; nhưng ngay sau khi bánh xe Giáo Pháp đã được thiết lập trong sự dịch-chuyển (*pavattitaṃ nāma*) thì họ cũng được thiết lập trong thánh quả.] (383)

384 [Nguyên văn câu này: *Aparimāñña vaññā aparimāñña byañjanā aparimāñña saṅkāsanā*. **Spk** nói rằng cả 03 chữ đó đều đồng nghĩa, tất cả đều có nghĩa như chữ *akkharā*, nhưng tôi nghĩ sự biểu nghĩa của mỗi chữ có khác nhau chút ít (về mức độ, ngữ nghĩa).] (384)

385 [Nguyên văn câu này: *Tathāni avitathāni anaññathāni*. Coi thêm kinh **SN 12:20** (Quyển 2) và chú thích 54 ở đó. **Spk**: “Thực là theo nghĩa *không xa rời bản chất thực* của những hiện-tượng (mọi pháp); bởi vì *sự khổ* được nói ra đơn giản đúng là *sự khổ*. *Không sai* là *không sai giả*, bởi đó *không có sự sai lầm* hay *sai giả* so với bản chất thực của nó; bởi vì *sự khổ* không trở thành hay đồng nghĩa *sự không-khổ*. *Không khác*, bởi *không phải bản chất khác*, *không khác thực*”. Tôi thì hiểu chữ “*anaññatha*” theo nghĩa đơn giản và trực chỉ hơn, đó là: những *sự-thật* đó là “*không khác*” với cách của mọi sự *như chúng thực là* (tức chúng là *những thực-tại, những chân-lý*).] (385)

386 [Ở đây tôi dùng tên kinh như trong phiên bản **Be** và **Se**. Trong **Ee**, tên địa danh *Vijjā* nên được đổi thành *Vajji* [trong kinh kế tiếp cũng vậy]. Bài kinh này cũng nằm trong kinh dài “*Đại Kinh Bát Niết-bàn*” (*Mahāparinibbāna Sutta*, **DN 16**), đó là mục 2.2 (và mục 4.2 là đoạn mẫu song hành), và cũng có ghi trong *Luật tạng* trong **Vin I 230,25–231,10**.] (386)

387 [Toàn bộ bài kinh và phần thi kệ cũng có ở kinh **It 104–6**; riêng phần thi kệ thì cũng có ghi trong các kinh thi **Sn 724–27**.] (387)

388 [So sánh từng câu với đoạn mở đầu tương tự trong kinh **SN 12:23** (Quyển

2) và **SN 22:101** (Quyển 3). (Đề ý có sự khác nhau ở các câu.) (388)

389 [Spk: “Vì những điều đó là thực, không sai lầm, không khác (với thực), nên chúng được gọi là *những sự-thật* (chân-lý, đế) của những bậc thánh (*ariyānaṃsaccāni*); vì những bậc thánh không thâm nhập (không ngộ) những điều sai giả là những sự thật thánh thiện.” Sự giảng giải về chữ “*những chân-lý thánh thiện*” hay “*những thánh đế*” (*ariyasacca*) cũng có trong **Vism 495** (**Ppn 16:20–22**) trong đó có trích dẫn lời của kinh **SN 56:27** này và kinh **56:28** kế tiếp, và cả kinh **56:23** ở trên.] (389)

390 [Mẫu đoạn kinh (a)-(d) này chỉ có duy nhất trong bài kinh này, không tìm thấy trong kinh nào khác trong toàn *Kinh Tạng*. Nhưng nó có được lặp lại trong **Vism 690,10–13** (**Ppn 22:93**) để chứng minh rằng trí-biết của thánh đạo thực hiện 04 chức năng tại một thời-điểm (sát-na, chấp, thời khắc) duy nhất. Mời đọc thêm **Kv 220**.] (390)

391 [(► Chữ “*chứng ngộ*” (Diệu Đế) dùng trong Chương này là thay chữ gốc là “*làm nên sự đột-phá tới*” (Diệu Đế) cho dễ đọc trong tiếng Việt, vì 02 chữ là đồng nghĩa kỹ thuật với nhau).

- Tất cả các lá này đều thuộc loại lá nhỏ, lá kim, yếu, không chắc, không kín. Tôi làm theo **Be** ghi tên loại lá thứ hai là *saralapatta*, mà nhà sinh học Liyanaratne [trong quyển “*Những Loài Hoa Vùng Nam Á*”, trang 170] đã dịch là cây thông Ấn Độ lá dài.] (391)

392 [Tôi đọc chữ này theo **Se** là *tālapakkam*. Tất cả những lời kinh khác, gồm cả **SS**, đều ghi là *tālapattam* (một lá cọ dừa), một lá thì nghe có vẻ không hợp lý lắm. Chữ *tālapakkam* cũng có ghi trong kinh **It 84,20**.] (392)

393 [Mặc dù *palāsa* thường có nghĩa là lá cây, nhưng ở đây nó chỉ một loại cây cụ thể. Học giả Liyanaratne [trang 44] đã nhận dạng đây là một loài của cây *kimśuka*, nhưng dường như khác với cây *kimśuka* đã được nói đến trong kinh **SN 35:245** (Quyển 4) [đã được liệt kê bởi Liyanaratne ở trang 43]. Tên tiếng Anh của cây này là *palāsa* là cây *kino* hoặc cây *Dhak*. Còn *māluvā* là cây dây leo có lá to rộng, như đã được nói đến trong chú thích số 810 của Quyển 1; coi thêm chú thích số 568 trong Quyển 1.] (393)

394 [So sánh với kinh **SN 15:09** (Quyển 2), trong đó có nói thêm khả năng phần thân khúc cây cũng có khi rút xuống trước (chẳng hạn những khúc cây cong, vẹo).] (394)

395 [So sánh với cách diễn đạt “*phát khởi mong-muốn ... phát khởi sự nhiệt-thành ...*” được ghi trong dãy kinh **SN 12:85–92** (Quyển 2).] (395)

396 [So sánh lời kinh chỗ này với lời kinh trong kinh **SN 12:63** (Quyển 2), đoạn (4).] (396)

397 [Chỗ này đọc đúng theo **Se** và **Ee** là *sammādiṭṭhikass’ etaṃ*. **Be** thì ghi là *tass’ etaṃ*.] (397)

398 [Chữ gốc là *Indakhila*. **PED** định nghĩa đây là một trụ-cột hay cột-đá được thiết đặt ngay hay trước cổng kinh thành; chữ này cũng có nghĩa là một cột-đá hay phiến-đá lớn được chôn chân xuống đất ở trước cổng một ngôi nhà (để tôn uy ngôi nhà hay một khu nhà).] (398)

399 [Đoạn này cũng có trong kinh **AN 9:26**, đoạn cuối; và coi thêm các chú thích số 1895 và 1896 ở đó.

- (Để ý sự hơi khác nhau giữa 03 động từ “[*không lay chuyển, không động đậy, hay không rung lắc*]” trong ví dụ ở kinh **56:40** này và trong kinh **56:36** kể trên so với 04 động từ trong ví dụ ở kinh **AN 9:26** [*không làm nó lay, lắc, hay động đậy*] theo phiên bản **Ce** như chú thích số 1896 ở đó).] (399)

400 [*Quán chiếu hay suy xét về thế giới (lokacintaṃ cintessāmi)*. **Spk** nói, ví dụ như (thời đó người ta thường suy tư về vấn đề): “Ai đã tạo ra mặt trời và mặt trăng? Trái đất? Đại dương? Ai sinh ra chúng sinh? Núi non? Cây xoài, cây cọ, và cây dừa?.”] (400)

401 [**Spk** chú giải: Nghe nói rằng những quỷ thần a-tu-la (*asura*) đã dùng phép thuật Sambari [coi thêm kinh **SN 11:23** (Quyển 1) và chú thích 663 ở đó] và làm cho anh ta thấy rằng: họ đang cưỡi voi chiến và ngựa chiến chui vào khe nứt của cuống sen.

- Trong kinh **AN 4:77**, đoạn (4) có ghi câu: “*Sự suy đoán về thế giới là một vấn đề không thể nhìn nhận được (không thể nghĩ bàn), cho nên người*

thường không nên cố để nhìn nhận; ai cố để nhìn nhận nó thì chỉ gạt lấy sự điên khùng hay sự thất vọng mà thôi”, nhưng lạ thay, ở đây tuy lời kinh nói lại sự suy đoán về thế giới sẽ dẫn tới sự điên khùng, nhưng thực sự là người đàn ông này hóa ra không phải là điên khùng gì cả (vì điều anh nhìn thấy là thực, theo Đức Phật.) (401)

402 [Đoạn kinh này giống như một sự tóm-gọn về “lý duyên-khởi” [sự khởi-sinh tùy thuộc (*paṭicca-samuppāda*)]. Sự không hiểu Bốn Diệu Đế được gọi là vô-minh (*avijjā*; coi kinh **SN 56:17** ở trên). Câu “họ cứ thích thú” (*abhiramanti*) các hành vốn dẫn tới sự sinh ...” là ám chỉ dục-vọng (ái), bởi vì chính dục-vọng mới làm khởi sinh sự thích-thú hay khoái-thích (*rati*, *abhirati*) khi dục-vọng được đáp ứng thỏa thích. Còn câu “họ tạo ra các hành vốn dẫn tới sự sinh ...” (*jātiṣaṃvattanike saṅkhāre abhisāṅkharonti*) là rõ ràng chỉ thẳng các hành. Và sự rớt xuống hay ngã xuống “vực sâu của sự sinh, già, chết” là rõ ràng chỉ 02 mắc-xích cuối cùng của “vòng 12 nhân-duyên”. Vậy, ở đây chúng ta tìm thấy vô-minh và dục-vọng (ái), dính với các hành, gây ra sự sinh, già, chết mới [được trải nghiệm bởi thức cùng với danh-sắc]. (402)

403 [Đại hóa ngục: *Mahāpariḷāho nāma nirayo*. Sự mô tả như vậy về địa ngục này cũng có ghi trong kinh **SN 35:135** (Quyển 4).] (403)

404 [Trong phiên bản **Be** và **Se** tên kinh này là *Vāla* (Tóc) nhưng trong **Ee** tên nó là *Chiggaḷa 1* (Cái Lỗ 1) vì nó sẽ tiếp nối với kinh **56:47** và **56:48** với tên là “*Chiggaḷa 2*” và “*Chiggaḷa 3*”.] (404)

405 [Chữ “từ gốc tới đầu mũi tên trước” là tạm dịch chữ *poṅkhānupoṅkham*. **Spk** giải nghĩa là: Thầy Ananda nhìn thấy họ bắn một mũi tên, rồi bắn tiếp mũi khác—được gọi là bắn “sau gốc” (*anupoṅkham*) của mũi tên trước—như vậy là mũi tên sau xuyên tách từ gốc đến đầu của mũi tên trước; và những mũi tên tiếp theo tiếp tục như vậy. (Đây thuộc dạng tuyệt kỹ của các cung thủ!).] (405)

406 [Chữ này tôi dịch theo **Be** là *sattadhā*: thành bảy sợi nhỏ. **Spk** cũng đồng ý với nghĩa này. Còn **Se** và **Ee** thì ghi là *satadhā*: thành một trăm sợi nhỏ.] (406)

407 [Nguyên văn: *Lokantarikā aghā asaṃvutā andhakārakā andhakāratimsā*.

Sự mô tả về cõi *u-minh tối mịt* này cũng có trong các kinh **MN 123**, mục 7, và **AN 4:127**. **Spk** không bình luận gì về câu này, nhưng **Sv**, **Ps**, và **Mp** thì giải thích giống nhau như vậy: “Giữa ba cõi thế giới (*cakkavāla*) thì có một khoảng không-gian liên thế giới, giống như hình cái khoảng-trống nằm giữa 03 bánh xe tiếp giáp nhau. Đó là một ‘*địa ngục liên thế giới*’, hay ‘*địa ngục nằm giữa ba cõi thế giới*’, nó khoảng rộng 8.000 do-tuần (*yojana*; khoảng = 80.000 KM). Nó ‘*trống rỗng*’ (*agha*), tức luôn mở mọi phía (*niccavivaṭa*); và ‘*thăm thẳm*’ (*asaṃvutā*), tức lơ lửng, không có gì chống đỡ bên dưới, và *tối đen mịt mù* đến nỗi thức-mắt không thể khởi sinh. (Mời coi thêm chú thích số 1162 ở mục 7, kinh **MN 123**).] (407)

408 [**Ee** đặt tên kinh này là “*Chiggala 2*” (*Cái Lỗ 2*), nhưng **Se** chỉ ghi tên là “*Chiggala*” [và kinh kế tiếp mới là là “*Chiggala 2*”]; trong **Be**, 02 kinh này lần lượt có tên là “*Paṭhama-chiggalayuga*” (*Khúc Gõ Đục Lỗ Thứ Nhất*) và “*Dutiya-chiggalayuga*” (*Khúc Gõ Đục Lỗ Thứ Hai*). Ví dụ nổi tiếng về “*con rùa mù và khúc gỗ đục lỗ*” này cũng có ghi trong kinh **MN 129**, mục 24, nhưng cách diễn đạt gần giống hơn với kinh **56:48** kế tiếp.] (408)

409 [“*Chỉ là cơ may*”: *Adhiccam idaṃ*. Câu này nên được hiểu theo nghĩa *tu từ* hay *hùng biện* hơn là theo nghĩa về mặt học thuyết. Ở mức độ giáo pháp, (nói theo giáo pháp), thì tất cả 03 sự kiện đang được nói ra đều xảy ra thông qua những nguyên-nhân và điều-kiện (nhân và duyên), chứ không phải do cơ may, do tình cờ hay phi nhân duyên. (Câu này nghĩa bóng là “điều đó là rất hy hữu, cực kỳ hiếm thay”).] (409)

410 [So sánh đoạn này với đoạn đầu trong kinh **SN 13:11** (Quyển 2).] (410)

411 [So sánh đoạn này với đoạn đầu trong kinh **SN 13:10** (Quyển 2).] (411)

412 [(Tên của NHÓM 6 này: “*Sự đột-phá*” (*abhsamaya*). Trong các kinh trước của **Chương 56** này đã dùng chữ [*làm nên sự đột-phá*] mà người dịch đã thay bằng chữ đồng nghĩa về kỹ thuật là “*chứmg-ngộ*” cho gọn đọc trong tiếng Việt (đã giải thích ở đầu kinh 56:32 và chú thích 391 ở đó). Nhưng tên của NHÓM 6 này vẫn giữ nguyên chữ gốc là “*Sự Đột-Phá*” cho tương đồng với tên của một Chương [liên-kết, tương ứng] là **Chương 13** [*Liên-kết “Sự Đột-Phá*”] (Quyển 2).)

- [TKBĐ] Các kinh từ **SN 56:51—60** ở đây là các mẫu kinh “song hành” với các kinh **SN 13:01—10** (Quyển 2) cũng là NHÓM kinh cũng nói về “*sự đột-phá*” (sự chứng-ngộ). Chỉ khác nhau ở chỗ là: những chỗ nào trong dãy kinh **SN 13:01—10** đọc là: “*n’ eva satimaṃ kamaṃ upeti na sahasimaṃ kamaṃ upeti na satahasimaṃ kamaṃ upeti ... upanidhāya*” (nó không bằng được một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đại địa cầu), thì trong loạt kinh **56:51—60** ở đây sẽ đọc là: “*sankham pi na upeti upanidham pi na upeti kalabhāgam pi na upeti ... upanidhāya*” (đó là không đáng tính, không là gì để so, thậm chí không được một phần nào).] (412)

413 [Tựa đề **NHÓM 7, 8, 9, 10** này là theo **Be** và **Se**, cho dù chữ “*GAO SỐNG*” (*āmakadhañña: gạo, đậu ... chưa nấu chín*) chỉ được ghi ở một kinh (**56:84**) ở NHÓM 9 mà thôi.

- (Những chủ-đề của mỗi kinh trong các NHÓM đồng dạng này là *những giới kiêng cử*, một số là đối với những người xuất gia và người tại gia, một số đối với riêng người xuất gia, một số đối với riêng người tại gia).] (413)

414 [Lời kinh này cũng có trong kinh **AN 1:334**, nhưng không liên kết với *Bốn Diệu Đế*. Tương tự, chủ đề của kinh kế tiếp là **SN 56:62** cũng có trong kinh **AN 1:335**; chủ đề của kinh **SN 56:63** cũng có trong **AN 1:337**; và chủ đề của kinh **56:65** cũng có trong **AN 1:333**.] (414)

415 [(Mặc dù cũng đang nói về những chúng sinh, nhưng:) 07 kinh từ **56:71—56:77** thì lần lượt nói về 07 *đường nghiệp thiện (kusalakammamatha)* đầu tiên của 10 *đường nghiệp thiện*. Trong đó giới *sống độc-thân* đã thay cho giới *kiêng cử tà-dâm* [trong kinh **56:73**]. Đây cũng là 7 điều hướng dẫn về thiện hành được ghi trong các kinh nói về giới-luật của Tỳ kheo [chẳng hạn trong kinh **DN 2 (Sa-môn Quả)**, từ mục 43.] (415)

416 [(Mặc dù vẫn đang nói về chúng sinh, nhưng:) Các kinh từ **56:78—56:101** lần lượt nói đến *những điều-luật nhỏ* của Giới Luật Tỳ Kheo [những điều-luật này được nói rõ trong kinh **DN 1 (Lời Trời, Phạm Võng)**, từ mục 1.8-1.27 [và được lặp lại trong kinh **DN 2**, mục 42-62].] (416)

Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: (+84)—0898909451; 0909503993, hoặc liên hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính)

Hoặc anh Huỳnh Văn Thịnh, điện thoại: 0363316764 hoặc email: huynhvanthinh@gmail.com